

NHỮNG TRUYỆN DUYÊN KHỞI TRONG LUẬT NGŨ PHẦN

Lược thuật: Phước Thắng



Hiệu đính: HT Đồng Minh

Chú thích: Tâm Nhân

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 12-07-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN 01

NHỮNG MẪU CHUYỆN DUYÊN KHỞI CỦA GIỚI THỨ NHẤT

DUYÊN KHỞI CỦA TỘI ĂN TRỘM

DUYÊN KHỞI CỦA GIỚI SÁT

CHUYỆN ĐẠI VỌNG NGŨ

TRƯỞNG LÃO ƯU-ĐÀ-DI BỊ LỬA DỰC THIÊU ĐỐT

LÀM MAI

MAI MỐI

ĐỪNG VẮT KHÔ SỮA

PHẦN 02

THẤT NHÂN TÂM

HẬU QUẢ CỦA VIỆC VU KHÔNG

BIẾN CHỨNG

KHOÁI THAY ! KHOÁI THAY !

ĐIỀU-ĐẠT PHÁ HÒA HỢP TĂNG

MỘT BÈ GỖ HƯ

MỘT XA-NẶC TRỜI ĐẤT
ĐUÔI RA KHỎI ÁP
VẬT BẤT LY THÂN
Y PHI THỜI

PHẦN 03

CUỘC ĐỜI CỦA TỖ-KHEO LIÊN HOA SẮC
CHUYỆN GIẶT NHUỘM
KÍNH PHẬT, TRỌNG TẶNG...
TRANH THỦ
KẸ THAM NÀY KHÔNG ĐỦ TỒN TẠI
ĐỪNG LÀM KHỔ CƯ SĨ
ĐÔI NGHỀ
THÔI RỒI ẮN NHÂN!
THẦY TRÒ QUÁ BIẾT NHAU
PHỎNG TAY TRÊN
HÓA CỎ THÀNH VÀNG
GIẶT THẮNG TẮM
CHÍN LỜI NGUYỆN CỦA BÀ TỖ-XÁ-KHU
HỨA CUỘI
CŨNG TẠI TỖ-KHEO
TỜ TẮM ƠI! SAO KHỔ THẾ!
CỦA QUÝ, LÔNG DÊ ĐEN
TỰ ĐEO CÁI KHỔ
LẠI CHUYỆN LÔNG DÊ

PHẦN 04

MẮC LỪA LÀ PHẢI
KẸ ĂN, NGƯỜI CHỊU
ĐAU PHẢI TAY VỪA
LỜI ÁC ĐAU LÒNG NGƯỜI
ĐÂM BỊ THỐC, THỌC BỊ GẠO
KHÔNG NÓI PHÁP QUÁ NĂM, SÁU LỜI
CHƠI NHAU ĐÚNG PHÁP
CHÊ KHÔNG PHẢI CÁCH
NGỦ Ở NHÀ XÍ LÀ YÊN CHUYỆN
KHOE KHOANG
THÔI HỚT HỒNG TỌC MẠCH
PHIÊN CHI PHẢI HỌC LUẬT
CÁM CHẶT PHÁ THẢO MỘC
CỨ MÃI CHỌC TỨC
TỪ VÀ ĐỊA

Ý THỨC TRÁCH NHIỆM
THẬP THẤT QUẦN VỚI LỤC QUẦN
MỘT KIỂU XÚC NÃO CƯỖNG BỨC
THIỆU HÊ NIỆM
HẬU QUẢ CỦA THAM
GIÁO GIỚI NI KHÔNG ĐƯỢC TẶNG SAI
OAN CHO NI
TỶ-KHEO NI - MỘT VẤN ĐỀ
LẠY TRỜI ĐỪNG NHẬN
HẾT NGỖ NÓI
GIẶC TRẦN LỘT CON
ĐẠI LONG, TIÊU ĐỨC
TRƯỞNG GIẢ BẤT NGỜ
KHI SA-MÔN ĐẠI HỘI
NHẤT TỨC THỰC
BÀI HỌC TỪ KHÁT THỰC

PHẦN 05

THỌ THỰC - MỘT VẤN ĐỀ KHÔNG ĐƠN GIẢN ĐỐI VỚI TỶ-KHEO
TRAO - NHẬN THỨC ĂN
TỶ XÁ GIÁ! TỶ XÁ GIÁ!
CẮM TỨC THỰC
BÀI HỌC CỦA VIỆC ĐEM CHO
CHỒNG NỘI KHÙNG
KHÔNG VÀO NƠI QUÂN TRẬN
CAN GIÁN LÀ MỘT BÀI HỌC
CHUNG TỬ ÁC CÒN NGUYÊN VẸN
RUỘNG PHƯỚC CỦA MÌNH KIA!
TẠI MỘT KHÁCH XÁ
THUA CON ẸNH ƯƠNG
SƯỚNG DÀI DÀI!
CÓ GÌ PHẢI LÀM KHỔ NHAU!
TRỊCH THƯỢNG
HẬU CUNG, VÀO LÀM GÌ?!
KẾT HẸN VỚI GIẶC CÙNG ĐI ĐƯỜNG
KHÔNG HOÀN TOÀN NHƯ VẬY
BỊ RẢN CẢN
OAN SAI KHÔNG LUẬN THỜI NÀO
MỘT KHI CHIÊM TINH GIA PHÁN
PHẢI ĐẤU HIỆP PHỤ (?)
HOẠI SẮC Y MỚI

DUYÊN NỢ NHAU
KHÔNG CÔNG BẰNG
TÌNH THÍ LÀ MỘT CÁCH SỐNG CỦA NGƯỜI TU
LÀM KHỔ CHÚNG TĂNG
KHÔNG NÊN LA CÀ

PHẦN 06

PHÁP HỒI QUÁ
YẾT-MA HỌC GIA
CẦN PHẢI HỌC
TRÁI TÁO KHÔ
MỘT TRỌNG TỘI
HẮC-LY-XA
KIỆN TỤNG - MỘT BÀI HỌC
DỰ KHI
SAO LẮM CHUYỆN THẾ?!
TÔI HÔI LẮM
XIN TRÁNH XA RA!
NỮ KÊ TÁC QUÁI
THỂ THỨC NUÔI CHÚNG
PHẢI BIẾT CÁCH ĐỘ NGƯỜI
CÁI GIÁ ĐƯỢC PHỤC CHỨC
OAN GIA ĐÂU CÓ KHÁC GÌ!
LÀNH THAY! ĐẾN ĐÂY TỶ-KHEO!

PHẦN 07

ĐỐI TRỊ TẮT ĐÀN
HỘI ĐỦ CON SỐ MỘT NGÀN HAI TRĂM NĂM MƯỜI
ÂN ẤY NÊN TRẢ
BỐN ĐIỀU NƯƠNG TỰA
XIN MỘT LẦN CUỐI
NUÔI ĐỆ TỬ ĐÚNG PHÁP
PHẢI THÀNH TỰU MƯỜI PHÁP
PHẢI THƯA ĐỂ TẶNG BIẾT
KHÔNG ĐƯỢC ĐỘ NGƯỜI MANG TRỌNG BỆNH
KHÔNG ĐƯỢC ĐỘ QUÂN NHÂN TẠI CHỨC
XIN ĐƯỢC GIA TÀI CỦA CHA
BÌNH ĐẲNG KÊ CẢ THỨC ĂN
PHI NHƠN XUẤT GIA
CẦN GIẢI QUYẾT TẾ NHỊ
TÔN, TỶ
BỎ-TÁT THUYẾT GIỚI

BÊN LỀ BỐ-TÁT
XIN ĐỢI CHO TÔI MỘT CON BÓNG...
MÙA HẠ TRUYỀN THỐNG
TƯỞNG “Á PHÁP” LÀ HAY
ĐÂY LÀ LỜI THƯA
CÒN THIẾU MỘT
NHÂN DUYÊN HỘI ĐỦ BA Y
TỪ MỘT THỰC TẾ

PHẦN 08

ĐỨC PHẬT VỚI TỶ-KHEO BỆNH
NÊN CHO - NÊN CÚNG DƯỜNG
DÒNG HỌ THÍCH XIN Y
NƠI BIÊN ĐỊA ĐƯỢC
BÒ MẸ ĐÒI CON
NHỜ AI, CHƯ TẶNG ĐƯỢC MANG DÉP DA?
NÊN HAY KHÔNG NÊN.
TRƯỚC KHI ĂN PHẢI HỎI THỊT GÌ
ĐƯỢC DỪNG TAM TỊNH NHỤC
ĐƯỢC UỐNG SỮA TỪ NGÀY ẤY
BỐN THỨ TRANH CHẤP VÀ BẢY PHÁP DIỆT TRANH CHẤP
LẤY ÂN BÁO OÁN
THƯA THẾ TÔN, CHÚNG CON LÀ NGƯỜI NGU SI!

PHẦN 09

TÁC PHÁP HẠ Ý
PHÁ PHÁP TẶNG LUÂN
TỪ ĐÂY ĐƯỢC NHẬN PHÒNG XÁ
KỶ THỌ CẤP-CÔ-ĐỘC VIÊN
ĐỪNG TẠO MÂU THUẤN
NĂM THỨ THUỘC TỬ PHƯƠNG TẶNG
SỰ GIÁO HÓA HIẾM THẤY
MƯỜI MỘT ĐIỀM MỘNG
TIỀN KIẾP CỦA TÔN GIẢ XÁ-LỢI-PHÁT
VÀO NHÀ KHÔNG NHỚ LỖI RA
MỬA SẠCH
ĐẬU PHẢI Ở A-LAN-NHÃ LÀ YÊN THÂN
HỌ TỰ NHẬN MỐI KẾT TỘI
MỘT SÁNG KIẾN
CŨNG MAY
THẾ TÔN LÀM CHÚNG

PHẦN 10

DUYÊN KHỞI CỦA TÁM KINH PHÁP
NGŨ BÁCH KIẾT TẬP PHÁP TẠNG
THẤT BÁCH KIẾT TẬP PHÁP TẠNG
PHỤ TRƯỞNG
LỜI BẠT

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Trong Tạng Luật, phần Duyên khởi hay những mẫu chuyện xảy ra trong Tăng dần đến đức Phật chế giới, chiếm một số lượng trang khá lớn, có thể lên đến một nửa hay hơn. Cho nên, phần này được coi như cái nền của Luật Phật. Qua những câu chuyện ở đây, cho thấy tham, sân, si, ái dục và các kiết sử là trục chính được cụ thể theo diễn biến chủ đạo của tâm thức, hiện ra nơi con người bằng hành vi vừa tục, vừa thanh và bao giờ cũng sinh động trong đời sống của kẻ đầy tham vọng ích kỷ nào đó. Chấm dứt được các thứ hữu lậu này không hề đơn giản, bởi vì tính cách vi tế của nó. Tuy nhiên, khả năng con người để loại trừ được các phiền não này cũng không hề thiếu, bởi thế, hàng Thánh Tăng luôn luôn hiện hữu trong sự chế phục kia. Và chính những hình ảnh này hay là hình ảnh của điều thiện mới thắng nổi cái xấu ác, mới xây dựng, hướng dẫn cái xấu ác qui hồi. Chứ không phải cái xấu ác bạo ngược, lòng hành không nghe theo điều thiện để cải hóa. Nhưng không phải bao giờ cũng được thế, lịch sử loài người cho thấy cái xấu ác thường thắng thế và những giai đoạn như thế thì cái độc ác trở thành hình ảnh của khổ ải và đọa đày, kiếp khổ đau cho chính họ mà họ không hề ý thức được.

Những mẫu chuyện trong Luật Tạng cho thấy điều ấy. Có bộ Luật nói rõ Tiền kiếp của nhân vật trong truyện. Có bộ không đặt nặng vấn đề này như bộ Ngũ phần, song thỉnh thoảng vẫn đề cập đến, chẳng hạn như Đề Bà Đạt Đa, đức Phật đã nói Tiền kiếp của kẻ hại Phật, phá Tăng này trước các Tỳ-kheo như để chứng minh cho cái ác càng tích lũy thì càng dần thân vào khổ đau và cánh cửa đũa ngọc Vô Gian mở ra như là một báo trả cho mọi hành động độc ác đó.

Truyện xưa tích cũ, nhất là những truyện mà bối cảnh xảy ra giữa những con người loại bỏ điều ác để xây dựng điều thiện có sức thuyết phục người đọc cao. Nhưng ngoài sức hấp dẫn đó, có thể coi đây là

những bài học hữu ích cho các hàng Phật tử ở bất kỳ thời đại nào. Bởi thế, phần Duyên khởi này, ai cũng có thể đọc. Đọc để thấy người Phật tử cần phải làm gì cho đạo và cần phải làm gì cho chính mình và sự hộ đạo kia, trong đó có sự cúng dường cho Tăng phải như thế nào để có phước đức, có lợi lạc chứ không phải cúng dường kẻ bê tha để rồi làm thoái hóa đời sống tu hành. Hãy xét sâu lời chỉ mắng trong truyện của người xưa, họ là những Phật tử thuần thành đó và hơn ai hết, người xuất gia lắng nghe lời chỉ rủa này để biết rút ra cách xử thế, cách sống, cách ăn, ở, đúng pháp luật nhằm làm đời sống phạm hạnh có được tăng ích. Phải nghiêm chỉnh nhìn thấy hình ảnh “Lục quân” ở trong ta, không nên chạy theo cái phi pháp ấy để làm cho hình ảnh mình nhòe nhoẹt khổ đau thêm. Chắc chắn đâm lên thói xấu của Lục quân, dù dưới hình thức léo lện nào đi nữa thì đều có một kết cục bi thảm hơn Lục quân nhiều. Phải ý thức sâu sắc rằng: Hình ảnh Lục quân là hình ảnh của thị hiện, làm tác nhân phản ánh bao tội lỗi thâm căn cố đế, ẩn nấp sâu trong con người, để nhân đó đức Thế Tôn chế giới, nhằm ngăn chặn hành giả đời sau thoát ra khỏi áp lực tham, dâm..., nặng nề ấy mà tự đặt mình trong thanh tịnh, giải thoát. Cho nên, hình ảnh đó, là hình ảnh của trí tuệ, của biến hóa, của điều thiện và của lòng từ...

Hơn ai hết, bản thân người xuất gia biết rõ mình có nhận lại thân sau hay không? Biết rõ mình có nhận lấy điều tội tệ hay sự giải thoát không? Thì qua những bài học này cũng đủ để nhìn thấy cái kết cục của mình tốt hay xấu rồi.

Sau cùng, chúng tôi cũng xin nói rõ, dù truyện được biên tập lại song phần lớn vẫn giữ đúng ngôn ngữ và phong cách như trong nguyên bản chữ Hán mà chúng tôi đã trung thực trong việc dịch thuật và từ nội dung của truyện, chúng tôi rút ra đầu đề cho mỗi truyện, và mỗi truyện trích ra có chọn lọc từ nội dung từng phần theo cấu trúc của bộ Luật Ngũ phần. Những nhầm lẫn, nếu có, về mọi khâu là một phần thiếu sót được lắng lại từ một thực tế công phu của chữ nghĩa, khó mà kiểm soát cho tròn. Mong được tiếp thu từ tất cả Thiện trí thức xa, gần về những điều đã thưa.

Thích Đồng Minh

PHẦN 01

NHỮNG MẪU CHUYỆN DUYÊN KHỜ CỦA GIỚI THỨ NHẤT ¹

A. Giá trị của việc kết giới

Vua Ba-tư-nặc lấy tên người Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã phong ấp cho ông ta là “Áp Tỳ-lan-nhã” ². Ngoài ấp này không xa, có một khu rừng vắng, ở đây tàng cây đan phủ lên nhau làm thành một khu nhà xanh thoáng rộng. Đức Phật cùng với đại chúng 500 Tỳ-kheo từ nước Tu-lại-bà ³ đến ngụ ở đây. Lúc bấy giờ là đầu mùa Hạ. Từ lâu, Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã rất ngưỡng vọng bậc Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự, Thiên nhơn sư, Phật Thế Tôn này. Nay cơ hội Phật đến với ông ta đã trở thành hiện thực. Lập tức, Tỳ-lan-nhã cùng với quyến thuộc 500 người, tiền hô hậu ủng trực chỉ đến khu rừng này. Còn xa, ông đã trông thấy Phật, với ánh sáng đặc thù của Ngài làm cho rừng cây sáng rõ lên. Ông ta liền xuống xe đi, thẳng về phía đức Phật. Trước Phật, ông ta cung kính chào hỏi:

- Lành thay! Xin được bái kiến Phật.

Ông lui lại rồi ngồi sang một bên.

Thuyết pháp là điều lợi ích to lớn đối với bất cứ ai đến với Phật. Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã vô cùng hoan hỷ sau khi nghe Phật thuyết pháp. Để đáp lại, ông ta thưa:

- Nguyện xin Phật và Tăng nhận lời thỉnh của con đến ấp an cư 3 tháng để con được cúng dường.

Đức Phật bảo rằng:

- Chúng của tôi thì đông, mà lòng tin của ông có khác, cách nhìn của ông có khác, niềm vui ở cách tôn thờ của ông có khác, liệu có thích hợp được chăng?

Người Bà-la-môn bạch Phật:

- Con, tuy lòng tin có khác, cách nhìn và niềm vui có khác, song đối với chúng đông đảo của Thế Tôn thì không có vấn đề gì.

Ba lần Tỳ-lan-nhã thưa thỉnh như vậy, đức Phật mới nhận lời. Sau khi nhiều quanh bên phải Phật ba lần, ông ta cáo từ trở về ấp.

Lời thề của ma Ba-tuần ⁴ còn đó, cho nên việc Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã quay trở về với Phật, là một thất bại cho ma nên chúng quyết ngăn chặn thất bại này bằng cách làm mê hoặc Tỳ-lan-nhã quên hẳn lời mời thỉnh kia. Năm thứ vui hoan lạc ở đời được ma Ba-tuần hóa thân vào

trong đó đã làm sơ tâm của Tỳ-lan-nhã nhanh chóng thối hóa. Bao nhiêu việc ông cho sắm sửa đầy đủ cho ba tháng an cư của Phật và Tăng được đóng lại bằng lệnh ngật sau đây: “Nay ta cần vui hưởng ba tháng nơi hậu cung, việc bên ngoài dù hay, dở, tốt, xấu cũng không được báo cáo”.

Mùa an cư năm ấy, đức Phật và Tăng an cư trong rừng núi phía Bắc thành ấy vì quanh khu vực rộng lớn này không có một ngôi tịnh xá, giảng đường nào. Cái mà ma Ba-tuần nắm được là Thiên không thời, Địa không lợi, Nhân không hòa. Trời thì nắng như thiêu đốt, đất đai khô cằn, hoa màu chết sạch, người thì người của Bà-la-môn, kể cả Tỳ-lan-nhã đã bị nhận chìm trong thú vui hoan lạc. Cho nên ma Ba-tuần hoan hỷ trong ý đồ của mình. Không nơi đâu Tỳ-kheo khát thực được, cái đói của chúng Tăng càng lúc trở thành nguy kịch. Nhưng vào cao điểm ấy, các Tỳ-kheo gặp người chủ buôn ngựa, chủ đàn ngựa 500 con. Ông ta đưa ngựa về ấp Tỳ-lan-nhã để dưỡng sức, tránh cái nóng chết người cũng vào thời điểm Phật và đại chúng Tăng đến khu rừng kia. Ông ta có lòng tin Phật rất sâu đậm, trước sự trầm mặc của Tỳ-kheo khát thực, người chủ buôn ngựa thưa:

- Tôi có loại lúa cho ngựa ăn, nếu quý thầy có thể dùng được thì tôi bớt nửa phần, một thặng xin biểu quý vị, chắc có thể nuôi sống mà hành đạo.

Các Tỳ-kheo nói:

- Đức Phật chưa cho phép chúng tôi ăn phần lúa của ngựa. Được phép hay không được phép, chúng tôi phải bạch lên Phật.

Đức Phật cho tập hợp chúng Tỳ-kheo. Ngài đề cao và khen ngợi hạnh thiếu dục, tri túc. Trước Tỳ-kheo, Ngài ngỏ lời rằng:

“Từ nay về sau cho phép ăn phần lúa của ngựa”. Và lời này về sau trở thành lời của Luật để đời sau khéo vận dụng tùy hoàn cảnh.

Tôn giả A-nan nhận phần lúa của Phật rồi nhờ người làm bún cúng dường Thế tôn. Còn các chúng Tỳ-kheo khác thì tự giã, nấu lấy để ăn.

Trước hoàn cảnh này, từ nơi vắng lặng, Tôn giả Mục-kiền-liên tư duy điều này: “Hiện trong nước này việc khát thực khó được, ta nên cùng các vị có thần thông đến xứ Uất-đơn-việt⁵ lấy thức ăn bằng lúa gạo tự nhiên⁶”. Sau đó, Tôn giả bạch lên đức Phật ý nghĩ ấy, Đức Phật liền đặt lại vấn đề:

- Riêng thầy thì được rồi, còn đối với Tỳ-kheo phạm phu không có thần thông thì giải quyết sao đây?

- Con sẽ vận dụng thần lực của con tiếp giúp cho họ.
- Tôn giả Mục-kiền-liên thưa.

Đức Phật nói ngay:

- Đừng, đừng làm như vậy, thầy tuy có được thần lực nhưng đối với các phàm phu đời tương lai thì giải quyết sao đây?

Với lời dạy này, trong tư thế sâu lắng, đức Thế Tôn phủ nhận ý kiến của Tôn giả Mục-kiền-liên...

Riêng đối với Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng trong chỗ vắng lặng, bao vấn đề được đặt ra và cũng nhân dịp này, Tôn giả đến trước Phật tác lễ để hỏi những điều mà Tôn giả nghĩ suy:

- Bạch Thế Tôn, chư Phật đời quá khứ, vì sao có đức Phật phạm hạnh thì Phật pháp không lâu dài? Có đức Phật phạm hạnh thì Phật pháp lại bền vững?

Nắm ngay câu hỏi, đức Phật hết lời khen ngợi Xá-lợi-phất:

- Lành thay! Lành thay! Điều suy nghĩ của thầy rất sâu sắc, câu hỏi của thầy cũng thật hay. Nay Xá-lợi-phất! Đức Phật Duy-vệ⁷, đức Phật Thi-khí, đức Phật Tùy-diếp phạm hạnh nhưng Phật pháp không dài lâu, còn với đức Phật Câu-lâu-tôn, đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, đức Phật Ca-diếp phạm hạnh nhưng Phật pháp lại bền vững.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

- Kính bạch Thế tôn, vì sao lại xảy ra sự việc không đồng bộ như vậy?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất rằng:

- Vì ba đức Phật trước chỉ nói Chánh pháp rộng rãi cho đệ tử nghe, nhưng không kiết giới Ba-la-đề-mộc-xoa⁸, nên sau khi Phật và đệ tử vào Niết-bàn, các đệ tử bao gồm nhiều chủng tộc xuất gia mà Chánh pháp vẫn nhanh chóng chấm dứt. Điều này giống như nhiều loại hoa rải lên bàn, đem đặt nơi chỗ trống, gió từ bốn hướng thổi đến, hoa bay theo gió vung vãi đó đây. Lý do là vì hoa không có dây xâu buộc lại với nhau. Cũng vậy, Xá-lợi-phất! Ba đức Phật trước, Chánh pháp tuy thuyết rộng cho đệ tử nghe mà không kiết giới, không nói Ba-la-đề-mộc-xoa cho nên Chánh pháp không kéo dài lâu.

Nay Xá-lợi-phất! Còn đức Phật Câu-lâu-tôn, đức Phật Câu-na-hàm, đức Phật Ca-diếp, các Ngài nói Chánh pháp rộng rãi cho đệ tử nghe, giống như các loại hoa được sợi chỉ xâu kết lại, dù có để lên bàn, đặt nơi

chỗ trống, gió bốn hướng thổi đến cũng không làm cho hoa bay tứ tán. Được vậy, chính là nhờ sợi chỉ khâu buộc, kết giữ nó lại. Cũng như vậy, này Xá-lợi-phất, do ba đức Phật sau đã vì đệ tử nói pháp rộng và kiết giới Ba-la-đề-mộc-xoa nên phạm hạnh được bền vững.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Kính bạch Thế tôn, nếu vì lý do như Ngài dạy mà phạm hạnh không kéo lâu dài thì cúi xin đức Thế tôn hãy vì các đệ tử kiết giới, nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Nay phải chăng việc này là đúng lúc?

Đức Phật dạy:

- Thôi đi! Ta tự biết khi nào là đúng lúc. Này Xá-lợi-phất, trong chúng thanh tịnh của Ta, chưa có và cũng chưa hề có xảy ra vấn đề gì, kể thấp nhất cũng đắc quả Tu-đà-hoàn, đủ chứng minh sự trong sạch, thanh tịnh đối với chúng của Ta rồi vậy. Các đức Như Lai chưa bao giờ kiết giới cho hàng đệ tử khi mà các pháp hữu lậu chưa phát sinh. Trong chúng của Ta đây, chưa có ai ý mình là đa văn mà sinh các lậu hoặc. Chưa hề có ai mang tiếng vì lợi dưỡng, chưa hề có người nào có nhiều ham muốn, chưa hề có người hiện thân tức làm cho trời, người thấy cái sở đắc tri thức ấy. Vì vậy mà không phát sinh các lậu hoặc.

Lúc bấy giờ ba tháng an cư đã mãn, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

- Ông và tôi cùng đến chỗ Tỳ-lan-nhã.

A-nan y phục trang nghiêm theo hầu Phật. Đang vui hưởng 5 thứ dục lạc ở trên lầu cao, bỗng Tỳ-lan-nhã giạt mình, nhìn xuống thì thấy đức Phật và A-nan đã đứng trước cửa ngõ dinh thự. Điều gì ông ta quên băng, giờ thì sức nhớ lại hết, ông vội vã xuống lầu, ra tận cửa đón rước Phật vào nhà. Ông đích thân lau lại tòa ngồi rồi mời Phật an tọa. Liền đó Tỳ-lan-nhã đánh lễ Phật, năm vóc đặt xuống sát đất, ông tự hận trách mình rằng:

- Con là người ngu si, đã thỉnh Phật an cư mà không cúng dường. Không phải con không có tấm lòng tha thiết, cũng không phải thiếu phương tiện, mà chỉ vì con bị vong thân trong mê mờ, nên đánh mất luôn trí nhớ đáng tiếc kia. Con cúi mong đức Thế Tôn nhận cho con sự sám hối này.

Đức Phật dạy:

- Ông quả là ngu si, thỉnh Phật và Tăng mà không cúng dường. Ông sám hối là điều hợp lý. Nay tôi và chúng Tăng nhận sự sám hối này của ông.

Đức Phật bảo:

- Trong Thánh pháp của tôi, người biết sám hối thì pháp lành được tăng trưởng.

Người Bà-la-môn lại bạch Phật rằng:

- Nguyện xin Phật và Tăng lưu lại đây một tháng để con được cúng dường.

Đức Phật không nhận lời, lại có lời dạy:

- Ông là người Bà-la-môn, lòng tin của ông có khác, nhận thức của ông có khác, nhưng ông đã nói lên được tâm lòng như vậy, tức là tỉnh Phật rồi, chính đây là sự kiện lớn.

Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã ba lần thỉnh mời như vậy, nhưng Phật đều không nhận lời, Ngài nói:

- Tôi đã an cư nơi đây ba tháng, nay cần đi du hóa, không thể ở lại được.

Người Bà-la-môn lại tha thiết bạch Phật:

- Thôi thì cúi xin Thế Tôn nhận cho con bữa cúng dường tiễn đưa vào ngày mai.

Đức Phật im lặng trước lời mời này, nghĩa là Ngài nhận lời mời.

Buổi sáng hôm ấy, việc thiết lễ cúng dường Phật và Tăng chúng, Tỳ-lan-nhã cho sắp đặt hết sức trân trọng, từ tâm lòng mình cho đến mọi thứ vật phẩm. Đến giờ, ông cung thỉnh Phật và Tăng ngồi vào chỗ ngồi được thiết đặt cực kỳ tôn kính, nhất là tòa ngồi của Phật. Ông tác bạch cúng dường, sau đó ông đích thân hầu hạ Phật và Tăng dùng bữa cúng dường một cách chu đáo. Ngay sau việc thọ dụng cúng dường vừa dứt, người Bà-la-môn liền dâng cúng lên Phật bốn trương kiếp-bối⁹ và một đôi giày, còn chúng Tăng mỗi vị 2 trương kiếp-bối và một đôi giày. Việc cúng dường này xảy ra là lần đầu tiên nên chúng Tăng không biết xử lý như thế nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật, hỏi Ngài vấn đề thọ nhận này.

Nhân sự việc này, đức Phật lại hết lời khen ngợi hạnh thiếu dục, tri túc, đề cao giới, khen ngợi người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nhân sự cúng dường của Tỳ-lan-nhã, từ nay về sau cho phép nhận vật phẩm an cư.

Về phía người Bà-la-môn, lòng ông vô cùng mừng rỡ, phấn chấn. Ông Sa-lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi đối diện với đức Phật, ông lắng nghe đức Phật thuyết kệ sau bữa cúng dường này:

*Tất cả sự thờ cúng
Thờ lửa¹⁰ là hơn hết
Mọi học thuyết khác nhau
Tá-bà-đế(?) cao nhất.
Trong tất cả hạng người
Vua Chuyển luân hơn cả
Nước trong mọi dòng chảy
Nước biển cả nhiều hơn.
Mọi nguồn sáng chiếu rọi
Nguồn trời, trăng sáng nhất
Phước cả thế gian này
Ruộng phước Phật nhiều nhất.*

Tiếp theo kệ, Thế Tôn thuyết pháp. Ngài chỉ bày sự tu tập và sự lợi ích to lớn của nó. Người Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã vô cùng hoan hỷ.

---o0o---

B. Cạm bẫy thế tình

Rời ấp Tỳ-lan-nhã đi về nước Tăng-già-thi¹¹, đức Phật và Tăng du hóa khắp nước này, sau đó đến Tỳ-xá-ly¹². Đoàn dừng ngụ nơi giảng đường Trùng Các¹³, bên bờ sông Di Hâu¹⁴. Tại đây, bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng Quốc vương, Đại thần, Sa-môn, Bà-la-môn cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Ngài.

Ngày ấy, tại giảng đường Trùng Các, đức Phật thuyết pháp. Trong rừng người thính giả có các Trưởng giả ấp Ca-lan-đà, và người con của Trưởng giả Ca-lan-đà là Tu-đề-na¹⁵ đang chăm chú lắng nghe lời pháp của Phật. Càng nghe, Tu-đề-na như càng bị cuốn hút, niềm vui trong Tu-đề-na cứ lớn lên dần và Tu-đề-na có sự liên hệ rằng: “Hễ là người tại gia thì bị ân ái ràng buộc, không thể trọn đời tu phạm hạnh¹⁶ được. Xuất gia không bị dính mắc, đắm chìm, giống như hư không. Nay ta đâu có thể đặt lòng tin vào gia đình, phải xuất gia tu đạo mà thôi”.

Ngay sau khi hội chúng ra về, Tu-đề-na vội đến gặp Phật. Trước Phật, Tu-đề-na đánh lễ sát chân Ngài và đem ý nghĩ trên bạch lên Phật, rồi bày tỏ ý muốn xuất gia, Tu-đề-na thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Nay con đã nhận thức được lời dạy của Ngài nên muốn xuất gia, cúi xin Ngài nhận cho con được xuất gia thọ giới.

Đức Phật dạy:

- Tốt lắm! nhưng cha mẹ của con đã cho phép hay chưa?

- Dạ thưa, chưa được phép! -Tu-đề-na kính cẩn đáp.

Đức Phật dạy:

- Theo pháp của Phật, cha mẹ không cho phép thì không thể nhận vào đạo.

Tu-đề-na liền bạch Phật:

- Nay con xin trở về để xin phép cha mẹ.

Đức Phật dạy:

- Con nên thực hiện điều này.

Tu-đề-na nhiều quanh bên phải Phật ba vòng rồi trở về nhà. Trước cha mẹ, Tu-đề-na trình bày lý do như trên và xin cha mẹ xuất gia. Cha mẹ anh ta liền gạt ngay với lời lẽ thuyết phục rằng:

- Thôi đi Tu -đề-na! Con đừng nói điều đó. Trước đây cha mẹ không có con, phải cúng tế, cầu khẩn Thần kỳ mới sinh được con. Con là đứa con duy nhất của cha mẹ, tình thương của cha mẹ đối với con quá u sâu nặng, dù chết cũng không muốn xa nhau, huống chi phải sống xa biên biệt. Nhà mình nhiều của cải, vàng bạc, châu báu, con cứ tu phước theo ý con, với đời tận hưởng thú vui, con không phiền phải xuất gia để lòng thương của cha mẹ bị tan nát.

Dù vậy, Tu-đề-na vẫn không nghe. Ba lần anh ta xin, ba lần bị cha mẹ cương quyết từ chối. Vì thế, anh lập lời thề rằng: “Nếu không được xuất gia, dứt khoát không bao giờ ăn uống. Đối với nguyện này, thà ta chết còn hơn chạy theo cái sống”.

Nhìn đối diện ngày thứ sáu, anh nghe được lời khuyên dụ lần lượt của thân tộc, họ hàng, bè bạn như vậy: “Cha mẹ anh chỉ có một mình anh là con, tình thương đối với anh rất sâu nặng, chết còn không muốn xa lìa, huống chi sống phải xa cách nhau. Nhà anh quá giàu có, anh có thể gieo trồng phước đức. Đạo là do nơi tâm chứ đâu ở nơi hình thức áo quần, hà tất anh phải sống cực khổ, thương đau làm ngược lại ý của cha mẹ!”.

Thân thuộc, bè bạn ba lần khuyên dụ như vậy, song Tu-đề-na vẫn điềm nhiên im lặng không nghe, không trả lời.

Dù thất bại, song mọi người thân cũng tìm ra được giải pháp có lợi cho Tu-đề-na, mà về lâu về dài cũng có lợi cho cha mẹ anh ta. Trước cha mẹ Tu -đề-na, bà con cảm động nói:

- Theo nhận xét của chúng tôi, thì không thể thuyết phục làm lay chuyển được Tu-đề-na. Tốt hơn, ông bà nên cho phép Tu-đề-na xuất gia. Thời gian sẽ cho thấy điều này: “Người không vui sống với đạo ắt sẽ quay về”, ngày ấy không xa. Đã trên sáu ngày tuyệt thực rồi, mạng sống của Tu-đề-na mong manh lắm, cùng lắm vài hôm nữa là phải đem đi vất thôi, mặc cho chim quạ, cọp beo tranh nhau xơi tái. Đạo làm cha, làm mẹ sao nỡ nhẫn tâm trước thảm cảnh này sao? Hỡi ông bà!

Nghe thế, cha mẹ Tu-đề-na ngậm ngùi nuốt lệ, nghẹn ngào nói:

- Đành phải chấp nhận cho con tôi xuất gia tu phạm hạnh, song điều cần thiết là làm sao phải có thời gian con tôi trở về nhà, để chúng tôi được thăm nó.

Điều chấp nhận này không những làm cho thân tộc, bạn bè nhẹ nhõm vui mừng, mà còn làm cho Tu-đề-na mãn nguyện. Sau khi nghe tin vui từ bà con truyền đạt, Tu-đề-na quay trở về nhà. Một lần nữa trước cha mẹ, Tu-đề-na tha thiết xin:

- Nay con xin cha mẹ cho phép con đến với đức Phật, xuất gia tu đạo.

Cha mẹ anh ta nước mắt chảy ròng, nghẹn ngào nói:

- Cha mẹ đồng ý cho con xuất gia tu phạm hạnh, song quan trọng con đừng quên về nhà thăm cha mẹ.

Tu-đề-na bái từ cha mẹ, rồi đến chỗ đức Phật. Tu-đề-na đánh lễ sát chân Thế tôn và bạch:

- Kính bạch Thế tôn! Cha mẹ con đã cho phép rồi, cúi xin Ngài cho con xuất gia thọ giới.

Đức Phật dạy:

- Lại đây, lành thay Tỳ-kheo, tu các phạm hạnh. Vì điều thiện, Ta thuyết pháp để đoạn trừ các khổ ách.

Sau khi nghe Phật thuyết giáo, tóc, râu Tu-đề-na tự rụng, thân khoác áo Cà-sa, tay bung bình bát, trở thành Sa-môn, đắc giới Cụ túc.

Trở thành Tỳ-kheo, Tu-đề-na rất mực tinh tấn... Thời gian trôi qua chưa được bao lâu, nhân gặp lúc mất mùa, nạn đói xảy ra, các Tỳ-kheo khát thực không nhận được sự cúng dường. Trước hoàn cảnh này, trong chỗ thanh vắng, Tỳ-kheo Tu-đề-na nảy ra ý nghĩ: “Hiện nay mất mùa, khát thực khó lòng ai cho. Nơi quê nhà ta, thức ăn lại dư dật, ta nên đưa

các Tỳ-kheo về lại bồn ấp để được cúng dường tu phước, cũng là cơ hội để độ dòng họ ta”. Ý niệm tốt này, sau đó được Tu-đề-na thực hiện.

Tại quê nhà, Tỳ-kheo Tu-đề-na cùng các Tỳ-kheo khác trú ngụ trong rừng cây. Hay tin này, cha mẹ Tu-đề-na hối thúc người con dâu của mình rằng:

- Này con! Con hãy trang điểm lại sắc đẹp, đẹp hơn ngày nào. Sắc đẹp mà con ta, Tu-đề-na ngày trước đặc ý nhất, con hãy trang sức thật lộng lẫy.

Nghe theo lời cha mẹ chồng, con dâu làm đẹp tằm thân mình, sắc đẹp của cô dâu bỗng sáng lên rực rỡ. Cô ta cùng với cha mẹ đến khu rừng Tỳ-kheo đang trú ngụ. Sau lời thăm hỏi đón chào, Tu-đề-na phải nghe những lời này của cha mẹ:

- Tại sao con lại hủy thân mình nơi rừng sâu thế này? Con có thể bỏ đạo trở về nhà tu thiện được chứ?

Tu-đề-na ôn tồn thưa với cha mẹ:

- Con không thể bỏ đạo, trở về nhà sống đời sống thấp hèn như vậy!

Ý chí sắt son kiên định này đã đẩy lùi ba lần khẩn khoản thuyết phục của cha mẹ. Cha mẹ đành ngậm ngùi đưa con dâu ra về. Song, nghĩ đến cái gia nghiệp kếch xù không ai thừa kế, cha mẹ Tu-đề-na cương quyết giành giật lại Tu-đề-na bằng mọi mảnh khóc, trong đó yếu tố tham ái là phương án trí mạng được thực hiện một cách quyết liệt.

Tính theo nguyệt thủy¹⁷, con dâu của ông bà Trưởng giả Ca-lan-đa, biết được chu kỳ “không an toàn” của mình, cô ta liền đem “bí quyết” này thưa với cha mẹ, bà mẹ chồng vui vẻ nói: “Đó là thời kỳ con có thể thụ thai”.

Cũng với sắc đẹp ấy, cũng với ý đồ ấy, cha mẹ và con dâu dẫn nhau đến thăm Tỳ-kheo Tu-đề-na. Tu-đề-na lễ phép lắng nghe điệp khúc này của cha mẹ:

- Tại sao con lại hủy hoại tằm thân con nơi rừng cây này? Tại sao con phải chấp nhận gió sương, đói khát, lạnh lẽo, khốn khổ này? Nhà ta giàu có, thiên hạ đều biết khắp. Chỉ riêng Ta làngười đứng đầu về số chầu báu được tích lũy, hưởng chi là của cải của cha mẹ gộp lại thì vô số, chẳng ai có thể sánh kịp. Con hãy trở về nhà, tha hồ tu thiện. Hiện tại, với đời thụ hưởng lạc thú, về sau lại hưởng cả phúc đức.

Tu-đề-na ôn tồn thưa với cha mẹ rằng:

- Như chỗ con biết thì ngũ dục làm tổn hại đến đức, hoan lạc chỉ trong chớp nhoáng mà ưu khổ thì lại kéo dài mãi, con không vì thế mà bỏ tu phạm hạnh.

Điểm mạnh là thế, và cha mẹ Tu-đề-na hiểu rõ điểm mạnh này của con mình, song bao điều kinh nghiệm của cha mẹ cũng biết rõ chỗ yếu kia. Cha mẹ Tu-đề-na quyết liệt đánh vào chỗ yếu ấy với lời lẽ rất biện chứng:

- Con là con của ta, nay theo dòng họ Thích đó là đạo trái với ta, đâu còn lời để mà nói. Nghiệt một nỗi, Tổ tiên ta dứt đi người thừa kế, nghĩa tình này nặng lắm con ơi! Theo luật nước, không có người thừa kế thì toàn bộ tài sản thuộc về nhà quan. Cha mẹ đã chuẩn bị cả rồi, con đâu biết rằng tất cả kỳ vọng đều đặt nơi con, là người kế tục dòng họ. Con hãy nghĩ kỹ điều này! Cha mẹ đã nói hết lời rồi đó!

Trước lời khân khoản thống thiết của cha mẹ, tâm đạo Tu-đề-na dao động như tảng đá núi đổ nhào, nước mắt tuôn trào. Tu-đề-na coi đây như một điều lệ chấp nhận nên cùng với “bổn nhĩ”¹⁸ quay trở về với ngôi nhà cũ. Ngôi nhà của nghĩa tình chồng vợ. Nơi đây, Tu-đề-na quay trở lại với điểm gốc trầm luân, ba lần hành dâm.

Trong bối cảnh này, liền có Thần giáng hạ từ cõi trời Đâu Suất, vị trời Đại oai đức này mạng chung, đậu vào thai.

Lúc bấy giờ, Đũa thần báo với thần Hư Không rằng: “Con trai của Ca-lan-đà, ở trong chúng Tăng là người chưa từng sánh, lại làm cái việc chưa từng có”. Hư Không thần báo cho Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương báo cho Đạo Lợi Thiên và lần lượt báo cho nhau, lên đến trời Phạm Thiên...

Ngày tháng qua mau, vợ Tu-đề-na đủ tháng sanh con trai, thông minh tuần tú, đặt tên là Tục Chủng¹⁹. Lớn lên, Tục Chủng xuất gia tu hành chứng A-la-hán.

Về phía Tu-đề-na, một khi đã phạm phải điều ác rồi thì sống trong mặc cảm, suy nhược, hối trách, nghe rõ tiếng nói của chính mình: “Nay ta đánh mất đi điều lợi ích. Tại sao xuất gia trong Chánh pháp của đức Phật mà không tu phạm hạnh một cách trọn vẹn, để rồi phải tiều tụy, xanh xao, mất hết khí lực thể này?!”.

Thế rồi, qua việc tâm tình vấn hỏi của các Tỳ-kheo khác. Tu-đề-na thổ lộ sự thật rằng:

- Tôi đã cùng với “bổn nhĩ” làm hạnh bất tịnh.

Trước sự thật này, Tăng nghiêm khắc quả trách bằng lời lẽ:

- Việc thầy làm là bất thiện, chẳng phải hạnh thanh tịnh, chẳng phải pháp của Sa-môn, không tùy thuận chánh đạo.

Tăng đưa Tu-đề-Na-đến trước Phật và trình bày sự việc Tu-đề-na phạm phải. Cũng cần biết rõ lệ này: Pháp thông lệ của chư Phật là có trường hợp biết mà vẫn hỏi, có trường hợp biết mà không hỏi, hỏi khi có lợi ích, không lợi ích thì không hỏi. Thường pháp chư Phật là có 500 vị thần Kim Cang hộ vệ hai bên. Nếu đức Phật hỏi ba lần mà không như thật trả lời thì đầu bị đập vỡ làm 7 phần.

Trường hợp Tu-đề-na là biết rõ tội phạm mà vẫn hỏi. Phật hỏi Tăng trước, rồi hỏi Tu-đề-na, và một lần nữa thẩm quyền của Tăng xác định việc làm của Tu-đề-na là phi pháp, và chính đương sự công nhận tội phạm của mình. Bây giờ Phật mới quả trách Tu-đề-na:

- Ông là người ngu si, làm điều bất thiện, chẳng phải hạnh thanh tịnh, chẳng phải pháp của Sa-môn, không tùy thuận chánh đạo. Điều này không thể khiến cho người chưa tin, tin theo được và khiến cho người đã tin giảm sút lòng tin. Ông há không nghe Ta từng lập đi, lập lại sự quả trách về dục, dục tướng, cảm giác dục, lửa dục và khen ngợi sự đoạn dục, xa lìa nhớ nghĩ về dục, trừ cảm giác dục, diệt lửa dục hay sao? Ta thường nói: Dục như đồng xương đỏ, như hầm lửa lớn, như dao sắc bén, như tên nhọn, như rắn độc, như thuốc độc, như ảo hóa, như mộng寐, làm mê hoặc con người. Tại sao nay ông lại làm việc ác tà trời như vậy? Ông đâu không nghe chỗ pháp cốt yếu của Ta nói là làm cho người chưa ly dục được ly dục, người phóng dật khiến không phóng dật, có khả năng đoạn khát ái, xa lìa pháp hữu vi, vô học lìa dục hướng đến đạo vô vi, chỉ vẽ cho người con đường chính để cuối cùng đạt đến Niết-bàn hay sao? Ông đâu không sợ cái khổ của ba đường ác? Nếu ông không làm điều đại ác này thì trong Chánh pháp của Ta ắt sẽ được vô lượng điều thiện công đức. Ông là người đầu tiên mở cửa lậu hoặc, làm điều đại ác này. Ma Ba-tuần thường dò xét mọi lỗi lầm của các Tỳ-kheo, nay ông lại mở ra cho ma con đường tắt, xô ngã cờ pháp, xây dựng ngọn cờ đầu cho ma. Nay Tu-đề-na! Thà là đem phần thân xác này để vào lò lửa lớn kia, hay trong miệng con rắn độc, chớ không nên đem nó xúc phạm đến thân người nữ. Việc ác của ông đã phạm, vĩnh viễn trôi lăn trong đường sanh tử, hoàn toàn không thể nuôi lớn pháp lành.

Tiếp theo đó, đức Phật vì các Tỳ-kheo kiết giới điều về tội phạm này.

---o0o---

C. Ngụy biện

Lúc bấy giờ, đức Phật đang ở tại thành Xá- vệ, có một sự việc xảy ra như sau:

Tỳ-kheo A-lan-nhã ²⁰ thì thường sống nơi an nhàn thanh vắng. Ở một khu rừng nọ, có một bầy khỉ sống quây quần bên Tỳ-kheo. Một con khỉ cái làm cho Tỳ-kheo mong tâm. Tỳ-kheo nghĩ đến nó và để dụ dỗ, vị này dùng thức ăn để tiếp cận nó. Ông đã cùng với con khỉ cái hành dâm.

Lê thường, có chúng Tỳ-kheo đi tuần xét tọa cụ, đến chỗ ở của Tỳ-kheo này. Hôm đó Tỳ-kheo này vào thành khát thực. Con khỉ cái kia liền đến với các Tỳ-kheo tuần tra, biểu hiện tướng dâm dục. Các Tỳ-kheo tuần tra có chung một nhận định: “Xét hiện tượng của con khỉ cái này, ắt có vấn đề”. Thế rồi hiện trạng vấn đề ấy đã xảy ra trước sự dò xét kín đáo của các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo ở chốn này sau khi khát thực về, con khỉ cái lân la đến với Tỳ-kheo... thế là người hành dâm với thú.

Sau đó, các Tỳ-kheo tuần tra bảo thẳng với Tỳ-kheo này:

- Thầy không nghe đức Phật kiết giới: Tỳ-kheo hành dâm là phạm trọng tội phải vất đi hay sao?

Thầy ta liền đáp:

- Phật cấm hành dâm với người nữ, chứ đâu có cấm đối với súc sanh.

Các Tỳ-kheo vặn lại:

- Người nữ với súc sanh cái, có khác gì đâu đối với cảm giác dục.

Các Tỳ-kheo lại quở trách Tỳ-kheo này như lời Phật quở trách ở trên, rồi đưa Tỳ-kheo ấy đến trước Phật, trình bày rõ ràng sự việc phạm pháp đã xảy ra.

Phật cho tập hợp Tỳ-kheo và sau khi hỏi rõ vấn đề, Ngài quở trách Tỳ-kheo A-lan-nhã này (lời quở trách như trên). Ngài đã vì Tỳ-kheo kiết giới bổ sung.

---o0o---

D. Bán đồ nhi phé

Lúc bấy giờ đức Phật trú tại thành Xá-vệ²¹. Nhiều chúng Tỳ-kheo cũng ở quanh đây. Trong đó có số đông Tỳ-kheo không vui thích với đời sống phạm hạnh. Họ nói với nhau rằng:

“Xuất gia trong pháp của Phật là khổ sở. Chúng ta nên cùng nhau làm theo phép tắc của Bạch y, làm theo phép tắc của ngoại đạo, làm việc làm của cư sĩ, làm việc làm của ngoại đạo, đúng lúc hay không đúng lúc cũng vào xóm làng, làm việc sát sanh, trộm cắp, dâm dục, uống rượu, ăn thịt, ngày đêm xem hát, ca xướng, tự do vui thích”.

Và thực sự số Tỳ-kheo này đã hành động như vậy, không hề biết xấu hổ là gì! Nhìn thấy các con sâu Tỳ-kheo này, các Tỳ-kheo trì giới, thiếu dục, tri túc, bằng mọi cách nghiêm khắc quở trách và đưa họ đến trước Phật trình bày mọi sự việc đã xảy ra.

Trước toàn thể Tỳ-kheo Tăng, tội của các Tỳ-kheo kia được xác định lại rõ ràng. Đức Phật quở trách họ là kẻ ngu si và quy định rõ tội làm theo phép tắc của ngoại đạo nặng hơn tội làm theo phép tắc của cư sĩ, tức là tội Thâu-lan-giá và tội Đột-kiết -la²².

---o0o---

E. Lại một con sâu khác

Sự việc này xảy ra lúc đức Phật đang trú ngụ tại thành Vương-xá²³. Khi ấy, có Tỳ-kheo tên là Tôn-đà-la-Nan-đà ở ấp Bạt-kỳ. Tu sĩ họ Tôn có mối liên hệ rộng, được nhiều bạn bè, kẻ quen biết cúng dường nhiều lợi dưỡng. Ấy thế, Tỳ-kheo này vẫn không thích tu phạm hạnh, làm theo nghi pháp ngoại đạo, hành xử theo nghi pháp Bạch y, làm việc sát sanh, trộm cắp, dâm dục, không từ việc ác nào là không làm. Với những Phật tử có lòng tin Phật pháp cạn cợt thì chê bai rằng: “Tại sao Sa-môn Thích tử lại làm các điều ác như vậy?!”. Họ đi nói xấu, hủy báng khắp nơi rằng: “Tu sĩ họ Tôn cũng thọ 5 thứ dục lạc như cư sĩ. Ông ta không có hạnh Sa-môn, không có hạnh Bà-la-môn, không thọ pháp Sa-môn, không thọ pháp Bà-la-môn. Những Tỳ-kheo này, nơi nào họ không đến thì nơi đó có được điều thiện, điều lợi lạc”.

Tiếng xấu về Tỳ-kheo này bị đồn đại khắp nơi.

Trước sự đồn đại này, Tôn-đà-la-Nan-đà trở lại trong chúng, tác bạch lời này: “Cho tôi xuất gia thọ giới”.

Các Tỳ-kheo bảo rằng: “Cần phải bạch lên đức Thế tôn”.

Các Tỳ-kheo bạch lên Phật sự việc này. Trước toàn thể Tăng, Phật dạy:

- Tôn-đà-la chẳng phải là Tỳ-kheo, nếu đã thọ giới thì trước chúng Tăng bạch Tứ Yết-ma đuổi đi, tức là pháp Diệt tận.

Những sự việc trên đây được đúc kết thành giới điều quan trọng về dâm dục thuộc bộ Ngũ phần luật.

---o0o---

DUYÊN KHỜ CỦA TỘI ĂN TRỘM

Chuyện này xảy ra lúc đức Phật đang ở thành Vương-xá. Khi ấy có Tỳ-kheo tên là Đạt-ni-ca, xuất thân từ con nhà làm đồ gốm truyền thống. Ông ta nắm vững bí quyết nhồi đất sét và nung gốm rất tuyệt. Tỳ-kheo Đạt-ni-ca làm cái am bằng vật liệu thô sơ: cây, lá, tranh, tre để tu, tại núi Ất-la²⁴. Khốn nỗi, mỗi lần đi khát thực về, lại phải tu sửa am vì bị kẻ hái củi phá am lấy củi đem đi. Không phải một mà đến ba lần như vậy. Tỳ-kheo Đạt-ni-ca hết kiên nhẫn, giận lắm. Cùng thì phải biến, và cái biến ấy nằm trong ý nghĩ này của Đạt-ni-ca: “Cái nghề tinh nhồi đất sét là nghề của ta, tại sao ta không làm cái am bằng gạch nung để ở, tránh khỏi cái họa phá nhà lấy củi này!”.

Từ ý nghĩ dẫn đến hành động, Đạt-ni-ca thực hiện ngay ngôi nhà mà bản vẽ nằm trong ý nghĩ: Toàn bằng đất sét từ vách, cột, đòn tay, rui, mè, mái lợp, cửa sổ, cửa cái... đến hệ thống cửa lớn, cửa nhỏ... đặt để rất khoa học. Ngôi nhà sơ chế đã khô cứng, ổn định, Đạt-ni-ca khéo đặt củi để nung. Màu đỏ tươi càng hiện ra khi lửa nung lụi tàn. Ngôi nhà càng đẹp đáo để khi bàn tay nghệ thuật của Đạt-ni-ca đã trở hết tài hoàn chỉnh. Cái đẹp làm ngẩn ngơ thiên hạ. Gió luôn đi qua nhà tạo thành âm thanh như tiếng tiêu, tiếng sáo vi vu. Phải chăng đây là ngôi nhà lý tưởng của một Đạt-ni-ca dẫn đi từ một cái am tranh bị phá?!

Đức Phật ở trên núi Kỳ-xà-quật, nhìn thấy cái am màu đỏ được vẽ vờ đẹp để ở xa kia. Hình như Ngài đã biết hết diễn tiến của nó song Ngài vẫn gọi A-nan để hỏi:

- Cái nhà đỏ kia là của ai vậy?
- Thưa Thế Tôn, Đạt-ni-ca tự lực làm cái am bằng đất nung ấy.

Đức Phật bảo A-nan:

- Đạt-ni-ca làm điều phi pháp! Tại sao người xuất gia lại làm ác nghiệp, tổn thương đến mạng sống sinh vật, làm mất đi lòng từ? Trước

đây, Ta bằng nhiều hình thức khác nhau, nói về pháp từ mẫn, tại sao Tỳ-kheo lại đánh mất đi lòng từ của mình?

Sau đó, bằng sự khéo léo, đức Phật quả trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông đến phá bỏ cái nhà ấy đi.

Thừa lệnh, các Tỳ-kheo đến am của Đạt-ni-ca, làm việc triệt hạ. Từ trong am bước ra, Đạt-ni-ca hỏi các Tỳ-kheo:

- Tôi không xúc phạm quý vị, tại sao quý vị rủ nhau đến phá nhà tôi?

Các Tỳ-kheo trả lời:

- Chẳng phải chúng tôi tự ý làm mà chúng tôi làm theo lời dạy của Phật.

Đạt-ni-ca nói:

- Đức Pháp vương ra lệnh phá thì tôi đâu dám nói gì!

Các Tỳ-kheo liền phá bỏ toàn bộ rồi đưa Đạt-ni-ca đến trước Phật và trình bày đầy đủ diễn tiến sự việc lên Ngài.

Trước toàn thể Tăng được triệu tập, sự việc Đạt-ni-ca được bên bị, bên cáo xác định lại rõ ràng. Đức Phật quả trách Đạt-ni-ca và qui định rõ trước Tỳ-kheo lời dạy này:

- Từ nay, Tỳ-kheo nào làm nhà bằng đất nung, phạm Thâu-lan-giá, tự mình thi thố công xảo phạm Đột-kiết-la.

Không dừng lại ở đây, Đạt-ni-ca có suy nghĩ: “Trước đây Ta làm am tranh thì bị tiêu phu phá để lấy củi, còn làm bằng đất nung thì trái với thể thống người xuất gia của đáng Pháp vương. Nay ta có thể tìm gỗ làm một cái nhà lớn, sao cho được bền chắc, khỏi phải cái nạn khổ não, rầy rà”.

Đạt-ni-ca nghĩ ngay đến người bạn học cũ hiện trông nom cây gỗ trong thành Vương-xá. Đạt-ni-ca nhìn thấy cái thuận lợi cho bản vẽ của mình. Ông ta đến ngay chỗ làm việc của người bạn với lời đề nghị:

- Tôi cần gỗ, bạn có thể giúp cho tôi chứ?

Người bạn kiểm lâm ²⁵ trả lời:

- Tôi chỉ có bổn phận giữ, chứ không có quyền cho.

Đạt-ni-ca hỏi:

- Vậy ai thì có quyền?

- Nhà vua mới có quyền. - Người bạn đáp.
- Vua đã cho tôi rồi. - Đạt-ni-ca nói.
- Nếu vua đã cho thì tùy ý cứ lấy. - Người bạn kiểm lâm nói.

Bấy giờ, đại thần Vũ-xá đi thanh tra các nơi trong thành, bắt gặp Tỳ-kheo chặt cây chiến lược phòng vệ thành mang đi. Đại thần liền đến hỏi người giữ gỗ:

- Tại sao cho Tỳ-kheo kia đốn những cây gỗ lớn dùng để bảo vệ thành như vậy?

Người giữ cây gỗ trả lời:

- Chẳng phải tôi cho.
- Như vậy ai cho? - Đại thần hỏi.
- Vua cho. - Người kiểm lâm đáp lời.

Thần Vũ-xá không ngần ngại đến gặp nhà vua, tâu ngay:

- Vì lý do gì Đại vương lại cho Tỳ-kheo Đạt-ni-ca những cây gỗ lớn để bảo vệ thành?

- Ai bảo tâu cho? - Vua gằn hỏi.
- Người giữ gìn cây gỗ trong thành nói thế. - Thần Vũ-xá thưa.

Nhà vua liền ra lệnh cho quan hầu cận bắt giữ người kiểm lâm kia. Trên đường áp giải đến vua, cũng vừa lúc Đạt-ni-ca vào thành khát thực. Nhìn thấy người bạn cũ, Đạt-ni-ca liền đến hỏi:

- Bạn phạm tội gì mà bị bắt trời như thế?

Người bạn kiểm lâm nói:

- Do Đại đức mà tôi phải phạm tội như thế này. Xin Đại đức cứu tôi thoát khỏi chết.

Đạt-ni-ca nói:

- Bạn đến trước, tôi sẽ đến sau.

Trước điện vua, sau khi vua hỏi về cái tội cả quyền kia thì người kiểm lâm tâu:

- Tâu Đại vương, con đâu dám lạm quyền cho như vậy. Đạt-ni-ca xác định với con là được phép của vua nên con nói: “Vua cho thì cứ đốn”.

Được lệnh gọi thì Đạt-ni-ca đã có mặt ngoài cửa. Nhà vua bảo đưa Đạt-ni-ca vào.

Vua hỏi Đạt-ni-ca:

- Trẫm cho Tỳ-kheo gõ vào lúc nào?

Đạt-ni-ca nói:

- Nhà vua đâu không còn nhớ, khi mới lên ngôi vua, nhà vua có nói: “Tất cả cỏ cây cũng như nước thuộc quốc nội, bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn” kia mà!

Nhà vua thở ra nói:

- Trẫm nói bố thí đối với những vật không có chủ, quái thay Tỳ-kheo lại lạm dụng điều này để lấy vật của người không cho. Nhà vua nói: Ta là vị vua Quán Đảnh²⁶, đâu nên cầm tù hay giết hại Sa-môn²⁷. Thầy nên sớm về gặp đức Phật, Ngài là vị Pháp vương, sẽ dùng pháp trị thầy.

Vua xử lý như thế, khiến mọi người đều kinh ngạc bảo rằng:

- Đạt-ni-ca phạm tội đáng chết, tại sao chỉ quở trách rồi cho đi. Tội như vậy mà được tha thì ai không làm việc ăn trộm!.

Thế rồi, tiếng cơ hiềm của người đời lại vang lên: “Sa-môn Thích tử được nhà vua cung cấp lại ăn trộm gỗ của vua, như thế chúng ta đâu còn có điều gì để mà lo sợ. Sa-môn Thích tử thường ca ngợi người không ăn trộm, dạy người bố thí, tại sao chính họ lại làm cái việc của kẻ giặc? Những kẻ này không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn”.

Tiếng xấu ngày một đồn khắp. Trong nước, các Trưởng giả, Cư sĩ, Bà-la-môn.v.v... không có lòng tin yêu Phật pháp, cứ trông thấy Sa-môn liền tìm mọi cách mắng nhiếc. Sự việc này đến tai các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo hỏi nhau: “Ai đã trộm gỗ của vua để bị tiếng xấu như thế?!” Đạt-ni-ca liền công nhận: “Chính tôi làm việc ấy”. Biết rõ như thế, các Tỳ-kheo quở trách:

- Thầy làm như thế là phi pháp, không hợp đạo. Đức Thế Tôn bằng nhiều hình thức chê trách việc lấy của không cho, khen ngợi người không lấy trộm. Tại sao nay thầy lại làm việc của kẻ giặc?.

Quở trách xong, các Tỳ-kheo đưa Đạt-ni-ca đến chỗ Phật, trình bày đầy đủ sự việc đã xảy ra. Đức Phật nhân đó cho tập hợp các Tỳ-kheo. Trước toàn thể Tăng, Đạt-ni-ca thừa nhận việc làm sai trái của mình. Đức Phật nghiêm khắc quở trách như trường hợp Tu-đề-na.

Ngày ấy, đứng hầu Phật là vị đại thần nước Ma-kiệt-đà ²⁸ đã xuất gia hành đạo. Đức Phật hỏi vị cự đại thần này rằng:

- Vua A-xà-thế ²⁹ qui định người ăn trộm bao nhiêu thì xử tội tử hình?

Tỳ-kheo cự đại thần thưa:

- Từ năm tiền ³⁰ trở lên là bị xử tội tử hình. Căn cứ vào luật lệ nước, đức Phật, trước Tỳ-kheo, răn chế như vậy:

- Nếu Tỳ-kheo ăn trộm năm tiền trở lên thì phạm tội cực trọng ³¹ không thể sống chung.

---o0o---

DUYÊN KHỞI CỦA GIỚI SÁT

A. Hiểu nhầm lời Phật dạy

Lúc bấy giờ đức Phật ở trong Tịnh xá nơi thành Tỳ-xá-ly. Ngài dạy các Tỳ-kheo tu tập pháp quán thân bất tịnh ³². Các Tỳ-kheo tinh tấn tu tập từ thô đến tế và càng đi sâu vào pháp quán thì càng nhìn thấy cái ghê tởm, gớm ghiếc của thân, nó giống hệt hình ảnh như vậy: “Một thiếu niên tuấn tú ăn vận rất mực đẹp đẽ, thơm phức hương hoa. Bỗng dưng có xác chết trẻ sơ sinh quán vào cổ cậu ta. Máu, mủ, dòi...nhầy nhụa, nhun nhút, chảy, bò khắp người của cậu. Kinh tởm, hãi hùng, khổ sở hết chỗ nói, cậu ta mong sao sớm thoát khỏi tấm thân khốn nạn này”. Các Tỳ-kheo với pháp quán ấy muốn thoát bỏ tấm thân gớm ghiếc của mình như ý nghĩ của thiếu niên kia.

Trong số những Tỳ-kheo ấy, hoặc có vị tự sát, hoặc lần lượt từng mạng giết chết nhau, hoặc thắt cổ, hoặc uống thuốc độc... Có một Tỳ-kheo quá chán ngấy thân, tìm lấy cái chết như vậy: Thầy đến chỗ người Chiên-đà-la tên là Di-lân ³³, cậy nhờ rằng: “Hãy vì tôi, ông đoạn mạng này đi, y bát đây tôi cho ông”.

Sẵn máu giết, lại tham y bát, người Chiên-đà-la sẵn dao, lập tức chặt đứt mạng sống Tỳ-kheo ấy.

Bên bờ sông Bà-câu-mạt ³⁴, trong khi rửa cái dao đẫm máu kia, người Chiên-đà-la bỗng lòng đầy hối hận, trong ông khởi lên ý nghĩ này: “Nay Ta làm điều bất thiện, tại sao chỉ vì chút lợi nhỏ mà sát hại vị Sa-môn trì giới, tội này trời không dung, đất không tha cho ta”.

Liền sau ý nghĩ này, có Thiên ma cõi Tự Tại biết rõ tâm niệm thiện ấy, nhanh như chớp, từ dưới nước vọt lên, đứng trên mặt nước, sừng sững trước mặt Di-lân, với lời khen ngợi rằng:

- Lành thay! Ông đã được điều lợi lớn vì đã đoạn mạng vị Sa-môn trì giới kia. Ông độ người chưa được độ, phước ấy vô lượng. Thiên thần ghi nhận điều đó, nên ta đến báo tin cho ông biết.

Tâm thiện biến mất, Di-lân nghe theo lời ma, trở thành tà kiến, ác độc, lòng lại vui mừng nói: “Nay ta lại độ người chưa độ”.

Người Chiên-đà-la ấy, giờ rất tinh tế, biết rõ từng tướng trạng của các Tỳ-kheo, thân nào đã nhàm chán, thân nào chưa nhàm chán. Nếu là Tỳ-kheo phạm phu, chưa ly dục, khi đưa dao đến, thân họ sợ sệt, đó là người chưa nhàm chán, ta giết người này được phước quá ít. Nay ta nên tìm những vị đã đắc đạo quả là người không có sợ cái chết là gì. Với ý nghĩ như thế, tay cầm trường đao, người Di-lân đi từ phòng này sang phòng kia, từ chỗ kinh hành này sang chỗ kinh hành khác, rao vang rằng: “Ai muốn diệt độ, tôi sẽ độ cho”. Nghe thế, các Tỳ-kheo nhàm chán, ê chề thân xác đều sẵn sàng tìm đến Di-lân để nhờ đoạn mạng. Có ngày ông ta giết từ 10, 20 cho đến 60 vị. Với lý do như vậy, Tăng số càng giảm, nhất là các Đại đức Thanh-văn đều tuân tự vắng bóng.

Bấy giờ, đức Thế tôn từ Tam muội đứng lên, đến ngồi bên chỗ đất trống và ngồi vây quanh Thế tôn là Đại chúng. Đức Phật quan sát Tăng chúng, rồi hỏi Tôn giả A-nan:

- Hôm nay, Tăng chúng sao lại giảm số như vậy?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Thưa Thế tôn, có một đạo, đức Thế tôn nói về lợi ích của pháp tu quán thân bất tịnh. Qua tu tập, các Tỳ-kheo chán ngán, ghét bỏ thân khổ đau này nên đã lần lượt tìm lấy cái chết dưới mọi hình thức khác nhau. Thậm chí chỉ trong một ngày mà người Di-lân đành đoạn sát hại đến 60 vị phạm hạnh. Vì vậy, hôm nay Tăng số giảm nhiều như thế. Lành thay, đức Thế tôn! Cúi xin Ngài chỉ cho con đường thiện pháp khác, khiến cho các Tỳ-kheo trụ vững trong an lạc

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Nay, ông thông báo cho các Tỳ-kheo y chỉ nơi Tỳ-xá-ly này về hội họp tại nhà giảng đường.

Ngày ấy, Tỳ-kheo về hội đầy đủ. Tôn giả A-nan thỉnh Phật đến giảng đường. Ngài uy nghi ngồi vào pháp tòa. Ngài hỏi các Tỳ-kheo về sự việc đã xảy ra và được toàn thể Tăng xác nhận sự thật đau lòng ấy.

Đức Phật, với sự nghiêm khắc, Ngài dạy:

- Các ông là người ngu si, làm việc phi pháp, các ông há không nghe Ta nói: để hộ niệm chúng sanh thì phải có lòng từ và sự kiên nhẫn, tại sao các ông không ghi nhớ điều này?

Và sau khi nghiêm khắc quở trách, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nếu ai tự sát, phạm tội Thâu-lan-giá”. Ngài lại dạy:

- Từ nay về sau nên tu An-ban niệm³⁵, quán Lạc tịnh, quán Lạc hỷ. Quán như vậy là trừ được các điều ác nên có sanh ra.

Như vậy, từ nay, Tỳ-kheo tự tay giết hại kẻ khác là phạm tội cực trọng, bị loại ra khỏi hàng ngũ của Tăng.

---o0o---

B. Biến chứng

Những sự việc sau đây cũng được qui kết tội cực trọng như trên:

Lúc bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo mắc trọng bệnh. Các Tỳ-kheo đến thăm hỏi:

- Bệnh tình của Đại đức có bớt không? Có đau đớn lắm không?

Tỳ-kheo bệnh nói:

- Bệnh chắc khó lành, đau đớn không chịu nổi!

Tỳ-kheo bệnh lại van xin các pháp hữu: “Đưa cho tôi con dao hay sợi dây, cho tôi thuốc độc, cho tôi thức ăn nào làm bệnh nặng thêm, đưa hộ tôi đến mé sông sâu...”

Trước tình cảnh tuyệt vọng đó, yêu cầu của con bệnh được các Tỳ-kheo đáp ứng. Tỳ-kheo bệnh đã tự đoạn mạng mình bằng một trong các phương tiện trên. Chứng kiến cảnh chết này, các Tỳ-kheo giúp phương tiện lòng đầy hối hận, đem việc này thổ lộ với Tôn giả A-nan để qua trung gian nhờ Phật chỉ dạy. Đức Phật đã nghiêm khắc quở trách việc làm này của Tỳ-kheo và cấm ngặt hành động tự sát này. Tỳ-kheo phạm, bị loại ra khỏi Tăng.

Lại một trường hợp khác, cũng Tỳ-kheo mắc bệnh cực nặng, nhờ các Tỳ-kheo đến thăm giúp cho các phương tiện để tự kết liễu như trên, nhưng các pháp hữu đến thăm nói:

- Phật đã cấm làm sao chúng tôi có thể giúp thầy như thầy yêu cầu. Nhưng chúng tôi có người bạn làm nghề thợ săn, thầy có cần nhờ họ không?

Tỳ-kheo bệnh, nghe thế liền hỏi thúc:

- Các thầy hãy mau mau gọi họ đến.

Các Tỳ-kheo đi ngay, đến nhờ thợ săn, ngõ lời:

- Nay bạn! Có Tỳ-kheo bệnh quá nặng, không muốn sống nữa! Bạn quen việc đoạn mạng, bạn giúp cho việc này, đoạn mạng Tỳ-kheo ấy bạn được phước lớn!

Người thợ săn liền bảo:

- Nếu sát sanh được phước lớn thì chắc người mổ thịt ở lò sát sanh kia phước lớn lắm, phải không?

Nghe thế các thầy tự nhủ: “Minh có lòng từ bi, nay lại bảo gọi người giết. Minh tự giết, và bảo người khác giết đâu có khác nhau chỗ nào?!” Đã trót như thế, các thầy cảm thấy hối hận vô cùng. Tỳ-kheo đem việc này thổ lộ với Tôn giả A-nan...

Đức Phật đã bổ sung sự nghiêm cấm này và nếu phạm, Tỳ-kheo bị loại ra khỏi chúng Tăng.

Một trường hợp nữa, cũng lại có Tỳ-kheo bệnh quá nặng. Các Tỳ-kheo khác đến thăm, thấy tình cảnh thương tâm như vậy nhưng chẳng biết làm gì hơn để giúp kết liễu sự sống kia. Nhưng cái điều thật tình này được nói ra như một lời đề nghị:

- Giới hạnh của thầy thật toàn vẹn nên nhận lấy được cái phước của cõi thiên. Nếu chính thầy tự kết liễu mạng sống, chắc thầy được sanh lên cõi trời, chuyện gì thầy phải nhận lấy cái khổ đau triền miên thế này?!

Tỳ-kheo bệnh nói:

- Sự việc sẽ là như vậy, song dù có bị khổ đày nhưng không thể làm việc tự sát. Vì sao? Vì nếu tự sát thì không những phạm tội Thâu-lan-giá mà còn không thể rộng tu phạm hạnh. Vì Tỳ-kheo bệnh này còn xoay lại quả trách các Tỳ-kheo đến thăm rằng: “Tự tay mình giết người, và dạy bảo người tự giết, đâu có khác chỗ nào? Đã là Tỳ-kheo, các thầy lại làm theo ác nghiệp này ư?!

Sự việc này đến tai các Trưởng lão. Bằng mọi hình thức, các vị Trưởng lão nghiêm khắc quở trách các Tỳ-kheo kia. Sau đó, các Trưởng lão đưa các Tỳ-kheo đến trước đức Phật, trình bày lên Ngài đầy đủ sự việc đã xảy ra.

Đức Phật cho tập hợp các Tỳ-kheo. Trước Tăng, đức Phật hỏi các Tỳ-kheo kia:

- Các thầy, thật sự có nói ra như vậy không?

Các Tỳ-kheo kia thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, có đúng như vậy.

Đức Phật nghiêm khắc quở trách:

- Các thầy rất ngu si. Tự tay giết người, hướng dẫn cho người tự kết liễu mạng sống, có gì khác đâu? Sao lại không ý thức được điều này?!

Thế là Giới điều sát, lại được bỏ sung để được rõ hơn.

Lại một trường hợp khác xảy ra, đó là đem lời ca ngợi, tán dương để người tự giết chết mạng sống của mình. Chuyện như vậy:

Các pháp hữu đến thăm Tỳ-kheo bệnh nặng. Chứng kiến cái khổ sở, ngặt nghèo của chúng bệnh với nỗi buồn đau, các Tỳ-kheo đến thăm nói với Tỳ-kheo bệnh lời khuyên như vậy:

- Với chỗ đứng phạm hạnh của thầy, thầy chết chắc nhận được quả an vui ở cõi trời. Tại sao thầy không tự kết liễu mình đi, để sanh thiên, mà lại cam chịu căn bệnh hành hạ triền miên như thế này?

Tỳ-kheo bệnh nghe thế, gắng sức nói rằng:

- Dù cho có được như vậy, tôi cũng không thể tự sát. Tại sao? Bởi vì đức Phật cấm tự sát, nếu tự sát phạm Thâu-lan-giá. Và lại, khi được lành bệnh, tôi còn có cơ hội tu phạm hạnh.

Cùng lúc ấy, ở một nước nọ, giặc giã tràn lan. Các gia đình Cư sĩ bị nạn cốt nhục phân ly, khổ não không sao kể xiết hết. Trước tình cảnh này, các Tỳ-kheo nói với các Cư sĩ rằng:

Các người đã tu phước, chắc chắn sẽ sanh thiên, tại sao không tự kết liễu cho xong, lại cam sống trong nỗi khổ cốt nhục chia lìa, đầy sầu não như vậy?!

Các Cư sĩ nghe thế, có ý bất bình, lên tiếng:

- Chúng tôi tuy chịu nổi khổ ưu não, phân ly, đứt ruột, song không thể tự sát. Tại sao vậy? Vì ở đời có nếm trải khổ đau mới biết tu đạo nghiệp.

Họ lại gay gắt quở trách rằng:

- Đạo của Sa-môn là đạo vì chúng sanh mà từ bi, nhân nhục. Tại sao lại khen ngợi sự chết, thôi thúc người tự sát? Tự sát, khen ngợi, hay động viên sự chết có hơn kém gì đâu mà các thầy lại xúi dục?

Các Trưởng lão nghe việc này, sau đó, đưa sự việc lên đức Phật. Ngài nghiêm khắc quở trách, luôn đi đôi với điều răn cấm.

Giới điều sát đến đây được hoàn chỉnh như đã ghi ở trong Luật. Càng phân tích lời lẽ, càng thấy lời răn cấm chứa đầy lợi ích, nếu người tu đạo biết vận dụng triệt để.

---o0o---

CHUYỆN ĐẠI VỌNG NGŨ

A. Tự dối lòng mình

Trên đường du hóa, đức Phật dừng lại ở thành Tỳ-xá-ly. Lúc bấy giờ gặp lúc mất mùa, nạn đói kém xảy ra. Việc khát thực của Tỳ-kheo khó khăn vô cùng, nếu không muốn nói là chẳng nhận được gì. Trước thời buổi như vậy, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy tùy theo chỗ quen biết, nên đến đó an cư, đừng tập trung ở đây để chịu sự đói khát.

Được cho phép như thế, các Tỳ-kheo chia nhau đến những địa điểm thích hợp. Một số đến nước Ma-kiệt, một số khác về các xóm làng ven sông Bà-câu-mạt. Cạnh bờ sông này, các Tỳ-kheo họp lại, bàn bạc như vậy:

- Nay gặp lúc khát thực khó được, trong xóm làng này có những người thành tín, chúng ta nên khen ngợi nhau, như nói: “Vị kia đắc sơ thiên, tôi cũng đắc sơ thiên. Vị kia đắc nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, bốn vô lượng xứ, bốn vô sắc định, tôi cũng đắc chứng như vậy. Vị kia chứng bốn niệm xứ cho đến tám chánh phần, ba giải thoát môn, tôi cũng được như vậy. Vị kia được tám giải thoát, chín cấp bậc định, mười nhất thiết nhập, mười trực đạo, tôi cũng được như vậy. Vị kia Chứng Kiến tín, Kiến pháp, bốn quả Sa-môn, Tam minh, Lục thông, tôi cũng chứng được như

vậy”. Chúng ta cứ khen nhau như vậy, Cư sĩ nghe ắt sanh lòng cảm phục nhiều hơn. Họ sẽ vui mừng nói lên cảm nghĩ rằng: “Chúng ta được nhiều thiện lợi mới có những vị đức Thánh đạo như vậy an cư nơi ấp chúng ta”. Từ đó họ sẽ mua sắm các thứ ngon bổ cúng dường, Sa-môn chúng ta không thiếu thốn, chúng ta sẽ sống trong an lạc.

Giải pháp được hình thành như thế, các Tỳ-kheo đi thẳng vào thành, chia nhau đến các nhà giàu có, ca tụng nhau những điều như trên. Các thầy còn nói với họ rằng:

- Quý vị được nhiều điều lợi lắm, ruộng phước của Thánh chúng đã đến với xóm làng của quý vị rồi đó.

Các Cư sĩ nghe thế, lòng rộn rã niềm vui, hân hoan với sự việc chưa từng gặp này. Họ đồng loạt giảm chi dụng trong gia đình, bỏ qua việc cúng kỵ, không bố thí cho ai, chỉ dồn hăng tâm, hăng sản vào việc cúng dường an cư.

Mùa an cư ở đây qua nhanh. Theo thường pháp của chư Phật thì trong hai kỳ đại hội vào cuối tháng mùa Xuân và mùa Hạ, tất cả Tỳ-kheo khắp mọi nơi đều phải về thăm hỏi nhau. Các Tỳ-kheo nước Ma-kiệt-đà an cư xong, thân thể ốm yếu, gầy guộc, về trước, họ vào thăm Phật, đánh lễ sát chân Phật rồi đứng lui qua một bên. Cũng theo thường pháp, đức Phật hỏi thăm, an ủy Tỳ-kheo từ nước Ma-kiệt: “Các thầy an cư có hoà hiệp? Khất thực có dễ được? Trên đường đi có vất vả lắm không?”

Các Tỳ-kheo thưa:

- Chúng con an cư hoà hợp, trên đường đi không mấy vất vả, chỉ có việc khất thực là khó khăn.

Sau đó, đức Phật vì họ nói từng vấn đề về diệu pháp, chỉ bày sự lợi ích của hoan hỷ. Các Tỳ-kheo theo đó có được chỗ đứng của mình trong an lạc.

Ngược lại, các Tỳ-kheo an cư bên sông Bà-câu-mạt thân thể mập khoẻ, sung túc, đến trước Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật rồi đứng lui qua một bên. Theo thường pháp, đức Phật thăm hỏi, an ủy các Tỳ-kheo những vấn đề đã đề cập. Các Tỳ-kheo bạch:

- Chúng con an cư hoà hiệp, khất thực rất dễ dàng, trên đường đi không mấy mệt nhọc.

Đức Phật liền hỏi:

- Hiện nay nơi đâu cũng mất mùa, khất thực khó được, tại sao các thầy nói khất thực dễ là sao?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Dễ là vì chúng con ca ngợi nhau về chỗ chứng đắc của mình. Nhờ ruộng phước đó mà Cư sĩ cúng dường đầy đủ.

Đức Phật liền hỏi:

- Những điều các thầy ca ngợi với nhau là sự thật hay là hư dối?

Các Tỳ-kheo bạch:

- Thật có, hư vọng cũng có.

Đức Phật quả trách nặng nề sự hư dối này, Ngài nói:

- Các thầy làm điều phi pháp, không hợp đạo lý. Người xuất gia không nên làm như vậy. Thà nuốt viên đá nung đỏ, hay uống nước đồng sôi, còn hơn dùng lời hư dối mà ăn của tín thí! Các thầy há không nghe Ta chê trách tội vọng ngữ, và bằng nhiều hình thức khen ngợi cái đức không nói lời dối trá đó sao?! Tại sao, nay các thầy lại vì lợi dưỡng mà dối trá nói chứng được pháp hơn người.

Đức Phật lại quả trách các Tỳ-kheo:

- Ở đời có 5 hạng người được liệt vào loại giặc lớn: Một là hạng người dẫn đầu từ một trăm đến ngàn người đi phá thành ấp, xóm làng, hại người lấy của. Hai là có ác Tỳ-kheo dẫn các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian nói pháp tà mạng. Ba là có ác Tỳ-kheo, đối với các pháp do Phật thuyết lại tự xưng là do họ nói ra. Bốn là có ác Tỳ-kheo không tu phạm hạnh, lại tự nói ra là tu phạm hạnh. Năm là có ác Tỳ-kheo vì lợi dưỡng, không có pháp hơn người lại tự xưng là sở đắc pháp ấy.

Hạng giặc thứ năm này được liệt vào hạng giặc lớn nhất, tốt cùng nhất của thế gian, của Thiên, Nhơn, Ma, Phạm³⁶, Sa-môn, Bà-la-môn. Tại sao các thầy chỉ vì một chút lợi dưỡng mà cam tâm làm kẻ đại tặc này?!

Trước Tăng, sau khi quả trách rồi, Phật chế giới cấm như đã ghi trong Tạng Luật.

Sau đây là các trường hợp xảy ra liên hệ, dẫn đến bỏ sung giới điều trên.

---o0o---

B. Hiểu nhầm

Lúc bấy giờ, đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Nơi đây có một số đông Tỳ-kheo hạn chế việc nghe, học, không hỏi ai, không có pháp hơn người, nhưng lại tự cho rằng mình biết, mình thấy, mình chứng. Một thời gian sau, có dịp nghe các Tỳ-kheo giảng luận về trạng thái đắc đạo, chưa đắc đạo, các Tỳ-kheo ít hiểu biết kia mới nhận ra cái đắc đạo sai trái của mình. Lòng các thầy đầy xấu hổ, lại có suy nghĩ: “Trước đây, chúng ta chưa đắc đạo mà mạo nhận là đắc đạo, lẽ ra ta phạm tội Ba-la-di, bị loại ra khỏi Tăng chúng”. Lòng hối hận này cứ dần vạt các thầy.

Lại có trường hợp rơi đúng trường hợp trên, nhưng về sau các Tỳ-kheo thiếu học...này lại có cơ hội học rộng kinh điển. Bởi thế, các thầy cảm thấy hổ thẹn, hối tiếc cho việc mạo nhận đắc đạo của mình, lại có suy nghĩ: “Như chỗ hiểu biết của ta đối với Phật pháp hiện nay thì rõ trước kia ta chưa đắc đạo, mà dung dung tự cho là đắc đạo là Tăng thượng mạn³⁷. Lẽ ra ta phạm tội nặng (Ba-la-di) bị đuổi ra khỏi Tăng chúng”. Lòng các thầy này cứ trần trở với tội lỗi của mình.

Lại xảy ra một trường hợp tương tự, trùng lặp như trên. Về sau vị kia tu phạm hạnh, sở đắc được đạo quả. Thầy ngược nhìn lại, lòng thầy len lén bao điều xấu hổ, và rời từ sự xấu hổ ấy, lại cất lên lời tự thú rằng: “Trước đây ta chưa đắc đạo, lại dung dung cho là đắc đạo, là Tăng thượng mạn”. Lẽ ra ta phạm tội Ba-la-di, cái tội bị đuổi ra khỏi Tăng chúng. Tội lỗi này trở thành nỗi ám ảnh trong tâm hồn của vị tu sĩ này.

Các trường hợp trên, qua trung gian Tôn giả A-nan, sau cùng được trình lên đức Phật. Trước toàn thể Tăng, từng trường hợp, đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Thật sự thầy có mạo nhận như vậy không?

Tỳ-kheo thưa:

- Sự thật là đúng như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Có năm hạng người làm cho pháp hơn người³⁸ hiện rõ là: 1.Người ngu si, 2.Người loạn tâm, 3.Người chạy theo xấu ác, 4.Người Tăng thượng mạn, 5.Người thật có pháp hơn người.

Nếu ngu si, loạn tâm, chạy theo xấu ác, Tăng thượng mạn và thật có pháp hơn người, mà nói ta chứng được pháp ấy thì phạm Ba-la-di là điều không thể xảy ra.

Đức Phật chế giới cấm này, nguyên văn ghi rõ trong Tạng.

---o0o---

TRƯỜNG LÃO ƯU-ĐÀ-DI BỊ LỬA DỤC THIÊU ĐỐT ³⁹

Lúc bấy giờ đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ. Chuyện xảy ra như vậy:

Trường lão Ưu-đà-di là một trong 6 Tỳ-kheo thuộc nhóm “Lục quần” ⁴⁰. Hiện thân như là ngọn lửa dục. Lửa dục như luôn hừng hực trong người Trường lão Ưu-đà-di. Ngọn lửa ấy hành hạ khiến thân thể Ưu-đà-di tiêu tụy, khí lực tiêu hao, ông phải dùng tay cho ra cái bất tịnh ấy mới làm hạ được ngọn lửa dục, mới cảm thấy an ổn thoải mái.

Về sau, Ưu-đà-di thấy một Tỳ-kheo gầy yếu xanh xao. Ưu-đà-di hỏi:

- Tại sao thầy mất sức nhiều như vậy?

Tỳ-kheo kia trả lời:

- Tôi bị lửa dục thiêu đốt cho nên như thế!

Ưu-đà-di nói:

- Trước đây tôi cũng vậy nên phải dùng tay cho ra bất tịnh mới an ổn nổi. Nếu thầy áp dụng phương pháp thủ dâm như tôi thì cũng sẽ như vậy.

Tỳ-kheo kia bèn dạy cho Ưu-đà-di một bài học:

- Thầy làm điều phi Phật pháp, không phải hạnh thanh tịnh, phá pháp Sa-môn, không hợp chánh đạo. Đức Thế tôn bằng nhiều cách quở trách về dục, nhớ nghĩ về dục, cảm giác dục, lửa dục và khen ngợi người cắt đứt nhớ nghĩ về dục, cắt đứt cảm giác dục, dập tắt lửa dục. Ngài nói dục như xương đỏ, như thuốc độc. Tại sao nay thầy lại dùng tay cho ra bất tịnh để rồi nhận lấy sự cúng dường của tín thí, thậm chí thầy còn dạy người làm việc đó?!

Ưu-đà-di bị khiển trách và bị đưa đến trước Phật, lại bị Phật quở trách trước Tăng chúng.

Không dừng ở đây, vì lửa dục của Ưu-đà-di chưa dập tắt nổi. Ưu-đà-di nhìn thấy kẽ hở của điều cấm: Cấm thủ dâm, chứ có cấm tìm cảm giác rờ rẫm nơi người nữ đâu?! Được thế, cũng là cách để hạ ngọn lửa dục. Ông ta dần thân vào việc này.

Ngày ấy, Ưu-đà-di sửa sang, quét dọn, trang hoàng phòng ở của mình, ra vẻ rất văn hóa. Ông rất đặc ý, lấy một cái ghế nhỏ ngồi dưới tàng cây ngoài cửa phòng, như để đón khách tham quan.

Phong cảnh khu tịnh xá, thường cũng là nơi để mọi người đến để tìm lấy cái phúc lợi tinh thần. Lúc ấy, có các người nữ đến viếng cảnh, được Ưu-đà-di chào đón và họ ngỏ lời với Ưu-đà-di muốn đi xem các phòng xá. Họ được Ưu-đà-di sẵn đón đưa đi tham quan.

Sau khi các người nữ vào tham quan phòng Ưu-đà-di, thì cửa ra, vào đóng lại, cửa sổ mở ra. Ưu-đà-di lẫn lộn trong đám người nữ này. Bấy giờ lửa dục trong ông càng bốc lên hùng hực, đốt cháy luôn cả lý trí của ông. Bằng kiểu cách rờ rẫm, và không người nữ nào ở đây là không bị ông rờ mó hoặc nắm, hoặc ôm, hoặc bóp, hoặc xoa, hoặc bông lên, hoặc để xuống, hoặc cỡi lên, hoặc cỡi đi... mặc cho các người nữ ấy có mắc cỡ hay không mắc cỡ. Đối với người không mắc cỡ thì như đồng lõa, thích thú nói:

- Sao không làm cái việc chính kia, làm chi những việc phụ như vậy?

Ưu-đà-di liền bảo:

- Cái việc chính ấy bị cấm ngặt, tôi không được phép.

Còn đối với người mắc cỡ, không ưa thói xằng bậy như vậy thì giận dữ ra mặt, dạy cho Ưu-đà-di bài học nặng nề:

- Xưa nay gọi chỗ này là nơi an ổn, nay ngược lại thành chỗ đáng ghê sợ, lửa bốc cháy trong nước chưa đủ để so sánh điều quái gỡ này. Kẻ Cư sĩ ở trong nhà còn xấu hổ khi làm việc này, tại sao Tỳ-kheo lại làm điều ác như thế?!

Như thế, vẫn chưa hả dạ, ra khỏi Tịnh xá họ đi ngay đến từng người rêu rao, hủy báng. Những người không có lòng tin, không ưa thích gì Phật pháp, được dịp họ tha hồ xuyên tạc, mạ lỵ: “Chúng Ta là Cư sĩ rờ rẫm đàn bà, Sa-môn Thích tử cũng làm như vậy, thế thì cái đầu này cạo tóc đi, ta với họ có khác gì nào? Họ không hạnh Sa-môn, họ phá pháp Sa-môn”. Tiếng xấu đồn xa là vậy.

Lại cũng bữa ấy, có vợ chồng Bà-la-môn đến viếng cảnh, lần lượt họ đến phòng Ưu-đà-di, nói:

- Vợ chồng chúng tôi muốn vào xem phòng xá.

Ưu-đà-di bảo:

- Không được cùng một lúc hai người vào, có thể vợ trước, chồng sau.

Người chồng để người vợ vào phòng trước. Ưu-đà-di cũng lại giờ trò rờ rẫm như trước. Kéo dài lâu lắm, người phụ nữ mới ra khỏi phòng. Người chồng liền hỏi vợ:

- Chứ làm chuyện gì mà lâu thế? Không muốn đi xem các phòng khác hay sao?!

Bà vợ nói:

- Thôi! Thôi! đừng nói đến nữa! Chỉ vào một phòng mà gần muốn chết mới ra được đây. Xem các phòng khác lại phải chịu nổi cái cảnh như thế sao?!

Người chồng hỏi lý do. Người vợ nói rõ sự thật. Ngay khi ấy, người Bà-la-môn mạ nhục rằng:

- Các ác nghiệp này, tại sao Sa-môn Thích tử phải làm như thế?!

Sau đó ông ta vào thành Xá-vệ, nơi ngã tư đường, nơi chợ búa xóm làng, tận hang cùng ngõ hẻm, ông là cái loa hét cỡ rằng: “Sa-môn Thích tử rờ rẫm vợ tôi”.

Chính đây cũng là dịp để cho những người không tin yêu Phật pháp tha hồ mạ ly, mắng nhiếc: “Sa-môn Thích tử làm hạnh xấu xa như thế, tại sao lại tự xưng là phạm hạnh, là tịnh là tu?”.

Ưu-đà-di đã nhận bao nhiêu quả trách của chúng Tăng và của Phật, Ngài đã kết giới bổ sung.

Như vậy, cố ý cho ra bất tịnh, rờ rẫm thân người nữ là điều đức Phật cấm nhưng Trưởng lão Ưu-đà-di biết lợi dụng ngay điều chưa cấm. Điều ấy như vậy:

Cũng tại căn phòng của mình, được phép người nữ vào tham quan như đã nói ở trên, vào phòng rồi đóng cửa ra vào. Ông ta lân la làm quen rồi sỗ sàng hỏi người nữ: “Tay, chân của cô, bắp chân, cổ tay của cô, eo, lưng, bụng, vú, đầu, mặt, móng tay, tóc, đường tiểu tiện của cô em giống như cái gì?”

Lại nói: “Này cô em, tay chân cho đến đường đại, tiểu tiện của cô em, chỗ nào cũng xấu xí, mà lại cũng đẹp lắm phải không?”

Lại hỏi: “Khi chồng cô gần gũi cô, âu yếm cô ra sao? Nếu chiều theo ý muốn của tôi thì tôi sẽ cho cô trân bảo, cô em cần gì cho tôi biết. Tất cả thiên thần đều chứng giám cho lòng tôi.

Các người nữ tham quan hôm ấy, nghe thế, người thì cười, kẻ thì bực dọc khinh bỉ, có những phản ứng như đã xảy ra ở hai lần trước.

Không quanh co, trước các Trưởng lão rồi trước Đức Phật, Ưu-đà-di thành thật nhận lấy lời nói thô tục, bất thiện của mình. Đức Phật nhân đó chế cấm bổ sung điều giới.

Tuy nhiên, một Ưu-đà-di luôn luôn bị lừa dục thiêu đốt, nhưng cũng là một con người lanh lợi, hoạt bát, luôn biết lợi dụng vấn đề. Ưu-đà-di suy nghĩ vấn đề như vậy: “Cố ý... rò rỉ, nói lời tục tĩu, đức Phật cấm. Còn liệu hướng đến người nữ tự khen ngợi, hiến dâng thân xác, tìm cái vui khát dục như thế, chắc là không phạm đâu?!”

Ngày nọ, cũng ở trong phòng của Ưu-đà-di có người nữ tham quan. Ưu-đà-di không ngần ngại nói với người nữ lời này:

- Này cô em! Trong việc cúng dường, cô em cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn đến cả các vị thiên định, chúng bốn đạo quả không bằng đem sự dâm dục hiến cúng cho người trì giới.

Các người nữ nghe thế, có người cười, có kẻ nhăn mặt, khinh bỉ... Họ cũng đã hết lời hủy báng như trước đây.

Tại Kỳ-hoàn⁴¹, Xá-vệ, trước toàn thể Tăng, Ưu-đà-di nhận tội. Đức Phật quả trách nặng nề và Ngài kết giới chế cấm hành động này.

---o0o---

LÀM MAI

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ. Ca-lưu thuộc nhóm Lục quần Tỳ-kheo. Trước khi xuất gia ông là Trưởng giả của thành này. Bẩm chất Ca-lưu rất thông minh, có khả năng giải quyết mọi rắc rối cho thiên hạ. Người trong thành, hễ ai có việc gia đạo, kể cả việc hôn nhân là đều tìm đến Ca-lưu để hỏi ý kiến hay nhờ vả giải quyết việc này, việc nọ. Nếu việc có kết quả tốt thì thân chủ nói: “Nhờ Ca-lưu nên họ mới được thế này, nên làm thế nào để Ca-lưu cũng vui với chúng ta”. Còn nếu kết quả xấu thì họ nói: “Do Ca-lưu nên ta mới ra nông nỗi này, làm sao phải cho Ca-lưu chịu chung nỗi khổ như ta”. Như vậy, tiếng khen, tiếng chê, điều tốt, việc xấu... đồn vang khắp cả nước. Được một thời gian, sau đó với lòng tin Phật pháp, ông xuất gia học đạo. Bấy giờ, thân chủ của Ca-lưu càng lúc càng đông, đông hơn lúc xưa nhiều, thậm chí Vua Ba-tư-nặc

cũng đích thân đến Ca-lu hỏi việc nước. Cho nên, điều vui mừng, sự phần nộ đến với Ca-lu cũng được nhân lên gấp bội.

Thế rồi, có một quả phụ rất tự hào về người con gái của mình là hoa khôi thiên hạ. Rất nhiều người đến cầu hôn, song bà đều không nhận lời. Bà ta nói:

- Nếu người nào muốn cưới con gái bà thì phải ở rể luôn, bà mới gả.

Khi ấy, có người Bà-la-môn giàu có, tiền của không sao kể xiết, đến nói với bà quả phụ rằng:

- Cho con trai tôi cưới con gái bà thì sự sống chúng nó ắt có nhiều hạnh phúc.

Bà quả phụ vẫn một mực từ chối như trước đây.

Bị từ chối, người Bà-la-môn bèn dò la trong quần chúng và biết được trong số người thường lui tới nhà bà ta thì Ca-lu là người số một.

Người Bà-la-môn liền mời Ca-lu đến nhà để cúng dường và sự cúng dường này là thường xuyên. Khi đã trở thành chỗ thân thiết, hiểu nhau, người Bà-la-môn đem sự việc trình bày:

- Thưa Đại đức, tôi muốn cưới con gái của bà quả phụ ấy cho con trai tôi, nhờ Đại đức nói giúp lời để bà ta chấp nhận việc cầu hôn này.

Ngày ấy, Ca-lu y bát trang nghiêm đến nhà bà quả phụ. Bà quả phụ liền ra đón tiếp, bái chào.

Ca-lu, sau đó đi ngay vào việc, nói:

- Ông Bà-la-môn ấy cầu hôn, bà có thể gả con gái cho con trai ông ấy. Gia đình ông ta rất giàu có, chắc chắn con gái bà có nhiều hạnh phúc.

Bà quả phụ nhất quyết không nghe. Ca-lu lại nói:

- Nếu bà không gả, con gái bà khi bị lỡ thì, nó sẽ không nghe theo lời bà nữa đâu. Tại sao lại để mất đứa con gái lại mất luôn cả người rể tốt!

Khi nghe lời thuyết phục hữu lý này, bà ta nghe theo Ca-lu, chấp thuận việc gả cưới.

Cuộc hôn nhân giữa con cái hai nhà: Bà-la-môn và bà quả phụ, sau đó thành tựu tốt đẹp. Nhưng sự thật hạnh phúc không xảy ra. Sau khi về nhà chồng, người con gái hoa khôi ấy không chịu nổi sự cực khổ, cô ta viết một lá thư gửi về mẹ, nhờ mẹ can thiệp, nói với phía nhà chồng cầu

xin chút thông thả. Người mẹ nghĩ đến ông mai Ca-luru, nhờ ông đánh lời hộ cho việc này.

Ngày hôm sau, Ca-luru đến nhà người quả phụ. Sau khi nghe bao điều cực khổ về cảnh làm dâu của người con gái kia, từ cửa miệng người mẹ, Ca-luru còn nghe bà ta quy kết:

- Do Đại đức mà có cuộc hôn nhân này, Đại đức vì tôi đến can thiệp nói giúp lời để con tôi bớt khổ.

Ca-luru trả lời:

- Con của bà vô phúc nên mới gặp cảnh khổ này, nếu nó có phúc thì cơ sự đâu đến nỗi như vậy. Pháp Sa-môn, không cho phép tôi can dự việc thế sự, xin bà cảm phiền!

Bà quả phụ liền mắng:

- Trước kia việc gì của người ta cũng xen vào, nay lại nói không biết, người ác như thế này thì cuối cùng cũng chẳng ra chi!

Bà ta đủ cách tru tréo, ngôn từ hết sức cay nghiệt mắng nhiếc Ca-luru. Những người hàng xóm nghe đều đến khuyên can, họ bảo rằng:

- Con bà bạc phước nên phải chịu lắm cái khổ như vậy, chứ can chi đến Sa-môn này mà mắng nhiếc ông ta thậm tệ như vậy?

Bấy giờ, những người thiếu lòng tin đối với Phật pháp thì buông lời mỉa mai rằng:

- Bà tin Sa-môn nên con bà chịu khổ, đáng đời! Nếu ai còn tin lời họ thì cứ nhìn cái gương đó mà tin!

Có người lại cay độc mắng:

- Chúng Ta là cư sĩ, sự thường làm mai mối, Sa-môn Thích tử lại cũng như vậy, thử hỏi, họ với ta có khác gì đâu, có khác chẳng là cái đầu trọc với chiếc áo hoại màu chẳng giống ai mà thôi!

Tiếng xầu ấy đồn vang khắp gần xa, các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được, bèn hết lời quở trách Ca-luru, rồi trình sự việc lên đức Phật. Trước Tăng, đức Phật cho xác định lại vấn đề. Ca-luru thành khẩn nhận tội. Sau khi Phật quở trách Ca-luru là kẻ ngu si, Ngài kiết giới cấm Tỳ-kheo làm mai dong.

MAI MỐI

Bấy giờ các tay hào phú trong thành Xá-vệ muốn mua vui trò dục lạc, họ nhờ những thợ lớn tuổi làm con “Chim xanh”. Các thợ này xỏ lá, chơi khâm, đem việc này nhờ Lục quần Tỳ-kheo. Các thợ nói với các Tỳ-kheo này rằng: “Quý thầy có thể làm giúp cho chúng tôi việc ấy, cần chi tôi lo liệu đầy đủ cho quý thầy. Một ngày, một đêm hay chỉ một lần giao hợp giá là bao nhiêu? Các tay hào phú đâu kể số gì tiền. Quý thầy giúp được là trúng mảnh đó!”

Con chim xanh đậu đúng ngay trên cửa miệng Tỳ-kheo Lục quần. Thầy ta đến với những người nữ, bán tiếng mỗi lái việc tư thông kia với những lời đề nghị béo bở, mà không chút ngượng ngùng, e ngại.

Chẳng những không được gì mà còn mang tiếng dữ dội về hành động không đạo lý này. Thiên hạ đồn đãi rằng: “Sa-môn Thích tử tịnh tu phạm hạnh, tại sao, nay lại đi làm cái ác nghiệp này. Chỗ nhục nhã là cấu kết, hợp tác với bọn tà dâm mà không phải cư sĩ. Các Sa-môn này chẳng còn chút xấu hổ nào cả, thật đời bại làm sao!”

Việc này đến tai các Trưởng lão. Các Trưởng lão nghiêm khắc quở trách Lục Quần, rồi trình sự việc lên đức Phật.

Trước toàn thể Tăng, Lục Quần thú nhận tội lỗi của mình. Đức Phật cảm làm việc tư thông, bỏ sung cho điều giới làm mai mối.

---o0o---

ĐỪNG VẮT KHÔ SỪA

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ. Ở vùng cận thành có ấp A-trà-bệ⁴². Tạm trú ở ấp này, các Tỳ-kheo tự động đi xin các nguyên vật liệu để làm phòng xá. Họ đến các nhà Cư sĩ để xin: xin xe cộ hoặc trị giá bằng xe cộ, xin nhơn công hoặc trị giá bằng nhơn công, gỗ cây, tre trúc... thứ gì dùng được cho xây dựng là xin, tranh thủ xin cho được. Cư sĩ chán ngấy việc xin này của các thầy, họ đâm ra tránh né. Hễ nhìn thấy Tỳ-kheo là họ tránh xa.

Đi vào ngõ cụt, các Tỳ-kheo xoay xở hết ra vật liệu, phải tự lực chặt cây, phát cỏ, đào đất.v.v... Có một Tỳ-kheo tự mình chặt cây của một vị thần. Con của vị thần cây này đang vui chơi ở đây bị Tỳ-kheo chặt phạm đứt mất một ngón tay. Thần cây đau khổ vô cùng, ác ý nổi dậy, muốn

đánh chết Tỳ-kheo, song thần kịp nghĩ lại: “Tỳ-kheo này có oai đức lớn, nếu ta phóng tay đánh chết thì chắc phải nhận bao khổ não miên trường nơi địa ngục”. Vị thần lại sức nhớ ra: “Hiện giờ đức Thế Tôn đang ở trong thành, ta nên đến trình bày việc này, đức Phật dạy sao, ta trân trọng làm theo thế ấy”.

Vị thần liền bay đến Kỳ-hoàn trình bày lên Phật việc đã xảy ra thật cận kề. Đức Phật liền tán thán vị thần cây:

- Hay thay! Hay thay! Ông có được niệm thiện như thế! Quả thật Tỳ-kheo ấy có oai đức, nếu đánh, ắt phải nhận lấy khổ báo.

Sau đó, đức Phật lại hướng dẫn vị Thọ thần này, Phật dạy:

- Nơi vùng ấy có một cây rất lớn, chưa thuộc về ai. Ông có thể đưa quyền thuộc đến đó để nương tựa.

Vị Thọ thần cáo từ và thực hiện đúng như lời chỉ giáo của Phật.

Với sự việc như thế, trên đường du hành, đức Phật thư thả đi về ấp A-trà-bệ.

Sáng sớm hôm ấy, Trưởng lão Đại Ca-diếp với y, bát trang nghiêm vào thành khất thực. Thực tế ở đây, Cư sĩ thấy hình bóng Tỳ-kheo thì lánh mặt là rành rành, nhưng Đại Ca-diếp vẫn hỏi người đi đường về lý do của vấn đề. Họ bảo rằng:

- Các Tỳ-kheo ở ấp ấy, xin vật liệu để làm phòng xá, không biết thế nào là đủ. Xin riết, Cư sĩ đâm ra khổ tâm và tốt nhất là họ tránh đi. Họ tránh Ngài là thế.

Đại Ca-diếp sau khi thọ thực trở về lại chỗ đức Phật, trình bày sự việc lên Ngài. Nhân việc này, đức Phật cho tập hợp toàn thể Tỳ-kheo ở đây và trước Tăng, sự thật của sự việc được xác định lại rõ ràng. Các Tỳ-kheo ấp A-trà-bệ thú nhận lỗi xin xỏ thái quá kia. Đức Phật quở trách, Ngài dạy:

- Các thầy nên tu hạnh ít ham muốn, biết vừa đủ, không nên cầu xin nhiều, cầu xin không biết chán ngán là sao?!

Và để làm rõ việc xin xỏ khiến ai cũng ghét, Ngài dẫn chứng câu chuyện cũ, Ngài nói:

Vào đời quá khứ, có một Tiên nhơn ở trong hang đá, bên bờ sông Hằng. Bấy giờ, hằng ngày từ dưới nước xuất hiện lên, Long vương đến nhiều quanh vị Tiên nhơn bảy vòng, rồi đưa đầu lên xuống để bày tỏ sự cung kính. Sau đó, vị Tiên nhơn du hành trong nhân gian. Ở lại trông

nom cái hang là người đệ tử của Tiên nhơn. Hằng ngày, con rồng vẫn đến hang để bày tỏ sự cung kính như trước. Cứ mỗi lần rồng đến hang, người đệ tử càng phát khiếp. Nỗi lo sợ hãi hùng này khiến người đệ tử suy nhược tinh thần đến nghiêm trọng. Lúc ấy, Ta đang hành Bồ Tát đạo, du hóa ven sông Hằng, chứng kiến sự việc này và người học trò của Tiên nhơn cũng đã thổ lộ với Ta nỗi kinh khiếp ấy. Ta lại hỏi:

- Nay ông không muốn thấy con rồng này đến đây nữa phải không?

Người đệ tử trả lời:

- Đúng như vậy, thưa Bồ Tát.

Ta hỏi:

- Ông thấy dưới cổ con rồng có vật báu gì không?

Người đệ tử đáp:

- Có hạt châu Ma-ni.

Ta bảo người đệ tử:

- Khi con rồng đến, ông chấp tay hướng về nó, nói lên ý muốn như vậy: “Nay tôi cần hạt châu Ma-ni dưới cổ của ngươi, xin ngươi cho ta”.

Người đệ tử ghi nhận lời chỉ bảo này. Sau đó, con rồng đến hang. Người đệ tử kính cẩn ngỏ lời xin hạt Ma-ni của rồng. Con rồng nghe lời cầu xin này thì sững cả thân, đứng lạng thình. Người đệ tử Tiên nhơn lại vì Long vương nói lên lời kệ này:

Long vương, nay cần ngươi

Cho hạt châu dưới cổ.

Lòng nào được không vui!

Cớ sao lạng cả người?

Con rồng liền đáp kệ rằng:

Tất cả chỗ ta cần

Đều được từ ngọc châu

Nay ông cầu xin nó

Vĩnh viễn ta cáo từ

Như tiếng lửa vỡ bùng

Khiến lòng người khiếp sợ

Nay ta nghe ông cầu

Hoảng hốt lo đau đầu.

Bấy giờ dẫn tích xưa, Thế Tôn lại nói kệ:

Người xin không ai ưa

*Xin mãi bị oán ghét
Long vương nghe cầu xin
Một đi không trở lại.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Long vương vì thọ nghiệp báo tự nhiên mà không còn hoan hỷ khi nghe lời cầu xin. Nay các Cư sĩ làm ăn vất vả, khốn khổ mới có được của tiền. Tại sao các ông không biết được điều đó, lại cứ lần lữa cầu xin?

Đức Phật lại dẫn một câu chuyện khác, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia, một thời Ta ở tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo, sau khi an cư, về chỗ Ta, nhân đó Ta hỏi:

- Thầy an cư ở đâu? An cư có được an ổn không? Khất thực có dễ được không? Đi đường có vất vả lắm không?

Tỳ-kheo kia trả lời:

- Con an cư trong khu rừng cạnh sườn núi Tuyết, an cư được an ổn, khất thực dễ được, trên đường đi không mấy vất vả. Tuy vậy cũng không tránh khỏi một ít chướng ngại, đó là nạn chim, ban đêm chúng phát tiếng kêu ồn ào lắm, làm xáo trộn việc chuyên niệm trong khi con tọa thiền tư duy.

Ta hỏi Tỳ-kheo ấy:

- Nay thầy còn muốn vui sống với khu rừng đó nữa không?

- Bạch Thế tôn con rất thích. -Tỳ-kheo ấy thưa.

Ta nói:

- Thầy về lại nơi đó, đợi lúc sẩm tối, muôn chim bay về, thầy chấp tay hướng đến đàn chim, nói: “Nay ta cần những cánh lông của các người, các người có thể cho ta. Giữa đêm, sau đêm, thầy cũng nói lời cầu xin ấy”.

Tỳ-kheo ấy, sau đó làm y theo lời Ta bảo. Đàn chim ấy suốt đêm bàn bạc: “Nay Tỳ-kheo này xin ta đôi cánh lông, chúng ta có nên cho hay không?”. Cả đàn đều bảo: “Không thể cho được. Thế là cả đàn bay đi mất, không còn trở lại nữa”.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Loài chim còn không muốn nghe đến lời cầu xin, huống chi là con người.

Đức Phật lại dẫn chuyện tiếp theo, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Thuở quá khứ, có Quốc vương tên là Ca-di, ưa làm việc bố thí, cung cấp cho người nghèo khổ. Khi ấy, có Phạm chí⁴³ được nhà vua rất mến trọng, nhưng chưa bao giờ Phạm chí đến cửa vua xin thứ gì. Thế rồi, giữa Vua và Phạm chí có cuộc đối thoại bằng lời kệ với nhau:

Vua kệ hỏi:

*Phương xa, người đều đến
Khắp nơi đến ta xin
Nay sao ông gần ta
Không xin, có ý gì?*

Phạm chí đáp kệ:

*Người xin không ai thích
Không cho còn oán giận
Không xin, im lặng vậy
Đâu sợ mất thân tình*

Nhà vua lại nói kệ:

*Người trí nào ghét xin
Lắng vọng nghe tiếng cầu
Huông ông, tình thân ái
Bao dung luôn sẵn lòng
Cam nghèo thẹn cầu xin
Chỗ đáng nhận, không nhận
Mắt người rộng lòng phước
Lại tự khổ lấy thân
An bản thẹn thùng xin
Nhận đi chỗ đáng nhận
Vun xới thiện cho người
Cho tự thân an lạc
Đức hạnh xin được tròn
Cũng chẳng lỗi miệng, thân
San sẻ giữa có, không
Có sao lại chối từ!*

Phạm chí lại đáp kệ:

*Người hiền không nói xin
Nói xin chẳng phải hiền
Im lặng không cầu xin
Đại nhân ấy người hiền.*

Nhà vua nghe kể về Hiền nhân, tâm vua rất hoan hỷ, liền cho lấy một con trâu chừa và một ngàn con trâu khác biếu cho Hiền nhân Phạm chí.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Mọi quan hệ giữa nhà vua với Phạm chí tuy rất thân tình, song còn khó xảy ra việc xin xỏ nhờ vả, hưởng chi các Cư sĩ đối với các thầy đầu có mặt mà gì cho cam, mà cầu xin nhiều như thế?!

Đức Phật lại dẫn chuyện để được rõ hơn bài học về xin xỏ, Ngài nói:

- Xưa kia có một người thuộc hàng vọng tộc, danh giá, tên là La-tra-ba-la⁴⁴ được cha mẹ rất mực yêu quý, chiều chuộng. Nhưng từ khi La-tra-ba-la xuất gia, không hề xin cha mẹ bất cứ thứ gì. Ngạc nhiên, cha mẹ bằng lời kể hỏi con:

*- Xa xôi người tìm đến
Khắp nơi đến xin ta
Con là con yêu quý
Không xin có ý gì?*

La-tra-ba-la đáp kệ:

*Người xin, không ai ưa
Đã không cho còn ghét
Con đã xuất gia rồi
Không nên lại cầu xin.*

- Nay các Tỳ-kheo, La-tra-ba-la được cha mẹ yêu quý còn viện có xuất gia, không trở về xin một vật gì, hưởng chi các Cư sĩ đối với các thầy đầu có gần gũi, mặt mà gì mà lại xin họ nhiều đến thế ư?

Đức Phật nghiêm khắc quở trách lỗi lầm xin xỏ kia, rồi kiết giới cấm về vấn đề này.

--- o0o ---

PHẦN 02

THẤT NHÂN TÂM

Bây giờ đức Phật và Tăng chúng của Ngài đang lưu trú tại nước Câu-xá-di⁴⁵

Tỳ-kheo Xiển-đà cũng là một tay cự phách của nhóm sáu Tỳ-kheo. Thầy ta thường lui tới các gia chủ của mình để nói pháp, đồng thời cũng lo

liệu, xử lý việc nhà quan cũng như chữa trị, thuốc thang cho người bệnh bốn đạo. Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ không ai là không thân tình, trọng thị. Họ coi Xiển-đà như ông Thánh sống. Bốn đạo thuộc các giai cấp trên thường đến Tăng xá để thăm viếng Xiển-đà. Ngày ấy đang kinh hành, các bốn đạo quý ấy đến tận nơi kinh hành, đánh lễ sát chân Xiển-đà. Nhân đó, Xiển-đà thuyết pháp cho họ nghe, họ rất vui mừng, vì phúc lợi của việc nghe pháp đối với họ thật lớn lao. Khi mọi người thân lui về, Xiển-đà cũng trở về phòng của mình thì phòng này đã có Thượng tọa đến trung dụng rồi. Cứ như vậy phòng nào cũng có Tỳ-kheo ở cả, thậm chí phòng nhỏ nhất cũng có sở hữu chủ. Xiển-đà hiểu rõ vấn đề mất chỗ ở. Thầy đành phải lên đường du hành nhân gian.

Sau đó không lâu, các bốn đạo thuộc giai cấp trên ấy đến thăm, mới hay thầy mình đã lên đường. Hỏi thăm các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống, nhưng nào ai có biết thầy Xiển-đà ở chân trời góc bể nào mà trả lời. Các bốn đạo quý kia đành ra về với nỗi lo... Họ tìm khắp nơi nhưng bật vô âm tín...

Ra đi rồi lại quay về, Xiển-đà mặc y, bưng bát đến các gia chủ cũ của mình. Trông thấy thầy mình đến, họ mừng hết lớn, họ vồn vã đón tiếp. Có người thưa:

- Bạch Trưởng lão, gần đây chúng con có đến Tăng phòng tìm thăm Ngài mà không gặp, vậy Ngài từ đâu đến đây?

Xiển-đà trả lời:

- Tôi là hàng Hạ tọa nhỏ nhất, tất cả phòng, các Thượng tọa đều ở hết, cho nên tôi phải du hành. Rất tiếc các vị đến thăm mà không gặp nhau.

Các gia chủ thưa:

- Có thể tìm nơi nào đó, chúng con sẽ cất phòng xá cho Trưởng lão ở, không những chúng con được phước mà Trưởng lão lại có chỗ ở an ổn để tu hành, việc thăm viếng của chúng con cũng không bị trở ngại.

Xiển-đà trả lời:

- Tôi không thể đứng ra tự làm, vì sẽ xao nhãng việc hành đạo. Hơn nữa, khi tuổi càng lớn thì theo thứ lớp, tự nó sẽ có được chỗ ở, đó là lẽ tự nhiên.

Các gia chủ thưa:

- Chúng con may mắn có vật liệu vừa lại có thiện tâm. Tài vật thì vô thường, còn thiện tâm khó lòng giữ được lâu, vậy xin Trưởng lão tranh thủ tìm chỗ, chúng con nhanh chóng cất phòng xá cúng dường Ngài.

Xiển-đà thấy họ quá ân cần, khó lòng từ chối, bèn đi khắp vùng tìm đất cất thất. Nhận thấy địa điểm Thọ thần⁴⁶ là nơi rất tốt cho việc tạo dựng phòng xá. Quyết chọn nơi đây, nên Xiển-đà liền cho triệt hạ cây cổ thụ này. Người trong nước coi cây cổ thụ này như một vị thần. Họ thờ phụng, cúng bái, cầu khẩn thần đại thọ này rất mê say. Họ đều nhận được sự cảm ứng tốt lành của thần, cho nên lòng kính cẩn của họ đối với thần đại thọ này cao vợi vợi. Cổ đại thọ này bị Xiển-đà triệt hạ không tiếc thương, đó là một cú sốc lớn của toàn dân, họ hốt hoảng, vô cùng kinh ngạc, tưởng chừng như tai họa sắp giáng xuống đầu họ. Sẵn lòng tin Phật pháp không có, họ đồng loạt mắng nhiếc không tiếc lời:

- Sa-môn Thích tử thật vô đạo hết chỗ nói, chỉ biết lợi cho mình mà làm thương hại đến trời, người, quỷ thần.

Đối với những người có lòng tin Phật pháp thì nói:

- Cây này có Thần ở, mọi người đều kính sợ, ngày đêm hằng khẩn nguyện không dám ngạo mạn, xúc phạm, nay các Tỳ-kheo lại chặt cây không chút ngại ngùng. Nghĩ rằng, nơi đây rời ra mọi sắc tâm đều trong sáng như thường. Có thể nói rằng vị thần cây này đã vô cùng kính trọng Tỳ-kheo.

Lời khen, tiếng chê đồn vang khắp nước. Các Trưởng lão nghe được và sự việc được làm rõ trước Tăng. Đức Phật lại nghiêm khắc quở trách Xiển-đà. Ngài kiết giới cấm vấn đề này.

---o0o---

HẬU QUẢ CỦA VIỆC VU KHÔNG

Bấy giờ đức Phật lưu trú tại thành Vương-xá, là kinh đô nước Ma-kiệt-đà, thuộc Trung Ấn. Đối với Phật pháp, vua Bình-sa rất thâm tín. Hằng ngày, cứ lần lượt vua thỉnh 500 vị Tăng vào trong cung để thọ trai. Thần dân cũng theo gương ấy cúng dường như vậy. Hội ấy, các Tỳ-kheo chỉ nghĩ đến việc hành đạo, không quan tâm mấy đến việc quản lý Tăng, cho nên việc sắp xếp theo trên dưới, đi thọ trai nơi này hay nơi khác không đặt

thành vấn đề. Đối với Lục quần Tỳ-kheo, đây là cơ hội tốt, sáu vị này luôn luôn có mặt ở chỗ tốt. Ngày ấy, Lục quần được mọi người đặt câu hỏi như vậy:

- Chúng con thỉnh Tăng theo thứ tự thọ trai, tại sao các Trưởng lão thường đến đây mà không thấy các vị khác,?

Đây là câu hỏi chệch khéo Lục quần không biết tự trọng, song đối với Lục quần, biết điều hay không biết điều chẳng là gì!

Mặc dù còn nhỏ, tuổi đang 14, tuy mới xuất gia hành đạo, Đà-bà Lục Sỹ Tử⁴⁷, nhìn thấy cái cảnh mất trật tự trong Tăng chúng như thế, nên trong chốn thanh vắng đã có suy tư: “ Vua Bình-sa cũng như thần dân, hằng ngày mời 500 thầy theo thứ tự thọ trai, song trong Tăng không có người chuyên trách phân phối việc thọ trai, nên đưa đến tình trạng Lục quần cứ lựa chỗ tốt mà đến, điều này làm mất sự ngưỡng vọng chung và lệch đi ý nghĩ của người tín thí. Nếu đến tuổi 20, ta thọ giới Cụ túc, đắc A-la-hán⁴⁸, có được thần thông, sẽ vì chúng Tăng làm người chỉ định Tăng đi phò hội, và phân phối tư cụ cho Tăng”.

Ý nghĩ sâu kín đầy trách nhiệm này của Đà-bà, ngày một hiện thực: Năm 16 tuổi, Đà-bà thành tựu quả A-la-hán, sở đắc lục thần thông. Năm 20 tuổi thọ Cụ túc giới. Như thế, bao điều nguyện trước kia nay đã hội đủ điều kiện, Đà-bà đi ngay đến thành Vương-xá. Trước các Tỳ-kheo, Đà-bà nói lên lời nguyện từ trước của mình. Vì lời nguyện này, các Tỳ-kheo bạch lên Phật. Đức Phật cho tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Đà-bà:

- Thật sự ông muốn vì Tăng làm người sai Tăng đi tham dự hội và phân phối ngọa cụ⁴⁹ cho Tăng phải không?

Đà-bà thưa:

- Bạch Thế Tôn thật sự lòng con là như vậy.

Đức Phật bằng mọi hình thức khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc, khen ngợi giới, khen ngợi người gìn giữ giới, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nay cho phép Đà-bà vì Tăng làm người chỉ định Tăng đi tham dự hội, và phân phối ngọa cụ... Tăng nên sai một Tỳ-kheo bạch nhị Yết-ma để sai.

Trước toàn thể Tăng, lời dạy của đức Phật được thực hiện như sau, một vị Tăng thưa:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Đà-bà này muốn vì Tăng làm người sai Tăng đi tham dự hội và phân phối ngoạ cụ. Nếu việc làm này đối với Tăng là thích hợp, Tăng chấp thuận thì lời thưa này là lời đề nghị trước Tăng”.

Tăng tác pháp Yết-ma: “Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Đà-bà này muốn vì Tăng làm người sai Tăng đi tham dự hội và phân phối tư cụ cho Tăng. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói lên”.

Vị Yết-ma chung quyết: “Tăng đã chấp thuận Tỳ-kheo Đà-bà làm người sai Tăng đi tham dự hội và phân phối tư cụ cho Tăng rồi. Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc Yết-ma thành tựu phải thi hành đúng như vậy”.

Từ đó Đà-bà đủ tư cách pháp lý sai Tăng, điều phối công việc của Tăng chúng, đối với đời sống tu hành hằng ngày.

Để nhanh chóng ổn định tổ chức, cũng như đạt được hiệu quả cao, Đà-bà tiến hành việc phân phát ngoạ cụ thành Chúng, theo hạnh tu của Tăng: Chúng thiếu dục tri túc - Chúng Lạc tịnh - Chúng tụng Tu-đa-la (Kinh) - Chúng Trì luật - Chúng Pháp sư - Chúng Tán tụng - Chúng A-lan-nhã - Chúng khát thực - Chúng ngồi thiền v.v...

Nhờ có khiếu tổ chức mà việc quản lý, điều hành của Đà-bà trở thành nền nếp, kỷ cương, đặt Tăng đúng chỗ, đúng người và cũng chính nhờ thế mà tất cả Tỳ-kheo, dù tu theo hạnh tu nào, cũng được an ổn.

Đối với các Tỳ-kheo phương xa có việc đến trú xứ của Đà-bà, dù trời đã tối cũng vội đến người quản lý này để xin chỗ tạm trú nghỉ ngơi. Đà-bà liền nhập Hỏa quang tam muội, tay trái phóng ra ánh sáng, tay phải chỉ chỗ trải ngoạ cụ một cách trung thực, hợp tình, hợp lý.

Chính sự điều hành màu nhiệm này mà Đà-bà được đồn vang và mọi người hết sức ngưỡng mộ con người quản lý đầy đức độ ấy. Vì hiếu kỳ, mọi người đến trú xứ thăm hỏi đức Thế tôn càng đông hơn, luôn thể họ được diện kiến Đà-bà, cũng như để được trông thấy thần lực của người. Có lúc, cứ vào xẩm tối, người phương xa về xin tạm trú rất đông, và qua việc sắp xếp nơi ăn chốn ở, họ chứng kiến sự thật về đức độ và cách hành xử của Đà-bà.

Với thần lực này, việc sai Tăng đi dự hội của Đà-bà bỗng chốc trở thành dễ dàng. Tăng đã tuân thủ sự điều phối đúng người, đúng việc, đúng nơi, đúng chôn này một cách triệt để.

Thế nhưng, với việc làm cắt cử Tăng đi dự hội, Đà-bà đã bị vu không. Sự việc xảy ra như vậy:

Hồi ấy, trong thành Vương-xá có một Trưởng giả tên là Thiện Phạm. Qua nhận thức được các pháp mà ông đắc quả. Hằng ngày ông đích thân mời hai Tỳ-kheo về nhà cúng dường bữa ăn thượng vị. Hai Tỳ-kheo Từ và Địa⁵⁰ là hai anh em, tự thân họ là kẻ thiếu phước nên rơi vào cấp bậc thấp. Họ thường nhận sự phân phối tương xứng. Tuy nhiên, ngày ấy bỗng Từ, Địa được Tăng sai đến nhà Trưởng giả Thiện Phạm thọ trai.

Thiện Phạm biết được sự cắt cử này của Tăng, ông không mấy vừa lòng, thầm nghĩ như vậy: “Hai vị này là người ác, không có hạnh thanh tịnh, tại sao lại được nhận thức ăn thượng vị của ta cúng dường?!”. Với ý nghĩ này, Trưởng giả liền lui về trước và tìm gặp vợ, căn dặn rằng: “Hôm nay bà chỉ nên làm thức ăn đơn giản, đạm bạc để mời họ mà thôi”.

Kẻ ăn người ở được lệnh trái tòa phu cụ tiếp đón anh em Từ, Địa. Từ lúc huynh đệ Từ, Địa đến, cho đến lúc trì bát, gia đình Thiện Phạm ngồi yên nơi tòa ngồi của mình, mặc cho nô tỳ lo việc dâng cúng thức ăn thô, kém phẩm chất do người vợ Trưởng giả chế biến.

Từ, Địa thấy vậy hỏi:

- Nay chị em! Nhà này thường cúng dường bữa ăn rất ngon, tại sao nay lại cúng thức ăn thô dở đến thế?!

Nô tỳ thưa:

- Tôi là kẻ thấp hèn, làm sao biết rõ lý do này!

Ăn xong ra về. Trên đường đi, trong lòng Từ, Địa đầy hậm hực, định bụng dạy cho Đà-bà Lục Sĩ Tử một bài học.

Về đến trú xứ, Từ và Địa đến ngay các Thượng tọa buộc tội Đà-bà, bảo rằng:

- Đà-bà Lục Sĩ Tử, làm việc theo cảm tính: Yêu, ghét, giận, thù, si mê, sợ hãi. Sợ ai thì cho đồ tốt, ai không sợ thì cho đồ xấu.

Các Tỳ-kheo nói:

- Hai thầy chớ nên nói những lời như thế. Tỳ-kheo Đà-bà nào có tùy tiện vì yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi. Tại sao vậy? - Bởi lẽ, Tỳ-kheo Đà-bà đã đắc A-la-hán, đầy đủ sáu thần thông, mà làm việc theo cảm tính kia là điều không cơ sở.

Từ, Đĩa nói:

- Chính vì đắc thần thông nên biết được nhà nào có thức ăn ngon, nhà nào có thức ăn dở. Chỗ nào ngon thì dành cho người khác, chỗ nào dở thì sai chúng tôi đến. Cho nên tôi kết luận: Đà-bà làm việc theo yêu ghét, giận thù, si mê, sợ hãi. Măng như thế vẫn chưa thỏa, sau đó Từ, Đĩa đến chỗ nào, việc hàng đầu là rêu rao nói xấu Đà-bà. Đến thành Vương-xá, Từ và Đĩa tìm gặp người em gái là ni cô Di-đa-la. Trông thấy hai anh đến, ni cô ra nghênh đón, đánh lễ hỏi chào, nhưng anh em Từ, Đĩa lặng thinh không nói một lời. Trước sự biến đổi này, Di-đa-la thưa:

- Em không nhớ, em có phạm điều chi, tại sao hai anh có thái độ thế này?!

Từ, Đĩa trả lời:

- Tại em không giúp hai anh, nên khiến cho Đà-bà làm khổ hai anh như vậy!

Di-đa-la hỏi:

- Hai anh muốn em trợ giúp hai anh bằng cách nào?

Từ, Đĩa bảo:

- Em hãy giúp hai anh bằng cách đến chỗ đức Phật thưa rằng: “Kính bạch đức Thế Tôn, con từ chỗ không có lo sợ, hốt hoảng, xoay lại bị sự khủng bố, sợ hãi. Nay con không còn chỗ nào để tìm được sự an ổn. Đà-bà vốn được cho là người phạm hạnh, thì giờ đây, đến xúc phạm làm hoen ố con, phạm Ba-la-di”.

Di-đa-la nói:

- Đà-bà thanh tịnh, nếu em hủy báng người thì ắt Tăng sẽ tác pháp Tự ngôn⁵¹, đuổi em. Em đã xuất gia, cần phải có chỗ để nương tựa!

Từ, Đĩa nói:

- Hai anh sẽ làm chứng cho em, để Đà-bà bị đuổi, làm gì có chuyện em bị tác pháp Tự ngôn để đuổi em.

Di-đa-la nói:

- Nếu Tăng đuổi Đà-bà thì Tăng có thêm được cái gì nữa đâu?

Hai anh em Từ và Đĩa nói:

- Điều cần thiết là làm cho Thế Tôn ruồng bỏ Đà-bà. Há lẽ Đà-bà bị đuổi đi, làm cho em khổ sở hay sao? Hai anh cần tự do, cần có hình ảnh tốt đẹp để được sống an lành với trú xứ.

Với lời lẽ như thế, ni cô Di-đa-la im lặng, không dám trái mạng và để làm vừa lòng hai ông anh của mình, Di-đa-la đến trước đức Phật tố cáo Đà-bà với lời lẽ như trên.

Khi ấy, Đà-bà và La-hầu-la đang đứng hầu hai bên đức Phật, đức Phật hỏi Đà-bà:

- Ông có nghe Di-đa-la nói điều gì không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe, nhưng việc đó Thế Tôn đã tự biết rõ rồi.
-Đà-bà đáp lời.

Ba lần đức Phật hỏi như vậy, và ba lần Đà-bà cũng trả lời đúng như vậy.

Trước sự việc như thế, La-hầu-la bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, phiền gì phải ba lần hỏi Đà-bà, chỉ cần tấn xuất cô ni là xong.

Đức Phật lại hỏi:

- Nếu Di-đa-la sử dụng thủ thuật này để phỉ báng La-hầu-la thì La-hầu-la phải xử trí ra sao đây?

La-hầu-la thưa:

- Con sẽ nói việc này, Phật tự biết cho con.

Đức Phật dạy:

- Ông có thể làm như thế song đối với Đà-bà lại cũng nói như vậy được sao?

Đức Phật xoay sang Đà-bà dạy:

- Ông nên đứng lên tự làm sáng tỏ vấn đề, nay không phải là lúc ông im lặng. Ông cần vận dụng ký ức của mình, có thì nói có, không thì nói không, không được tránh né mà nói “Phật tự biết điều này”.

Đà-baø liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục rồi quỳ gối, chấp tay thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, từ khi con sinh ra đến nay, kể cả trong mộng con cũng chưa hề nghĩ tưởng về việc này. Tại sao, nay với sự việc như thế, lại có được trong trí nhớ của con?

Đức Phật khen Đà-bà:

- Lành thay! Hay thay! Ông đã quả quyết tự biện minh được vấn đề. Người muốn tự biện minh phải nói lên được như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nên trao cho Đà-bà Úc niệm Tỳ-ni⁵², không nên nêu tội, phải bạch tứ Yết-ma trao cho Di-đa-la pháp Tự ngôn, đuổi ra khỏi Tăng chúng. Thi hành lời dạy này, trước Tăng, một Tỳ-kheo đồng đọc lên Yết-ma sau đây để lấy biểu quyết tấn xuất cô ni: “Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ni Di-đa-la đã tự nói lời vu khống: Đà-bà làm ô nhiễm cô ta. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo ni này pháp Tự ngôn diệt tấn. Nếu bây giờ, việc này là thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận thì lời thưa này là lời đề nghị trước Tăng”.

Pháp Yết-ma: “Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ni Di-đà-la tự nói lời vu khống: Đà-bà làm ô nhiễm cô ta. Nay Tăng trao cho Di-đà-la pháp Tự ngôn diệt tận. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, nếu không đồng ý thì xin cho ý kiến (Lời này được đọc lại lần thứ hai, lần thứ ba).

Tăng chung quyết: “Tăng đã đồng ý trao cho Tỳ-kheo ni Di-đà-la pháp Tự ngôn diệt tận rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Vậy Yết-ma thành, việc thi hành phải nghiêm túc thực hiện”.

Tỳ-kheo ni Di-đà-la sau khi bị diệt tận, lang thang lê bước giữa nhân gian đa sự này. Còn về phía hai người anh Từ và Địa thì vẫn ngoan cố đổ trách sự việc ấy xảy ra là do Đà-bà Lục Sĩ Tử phá hoại phạm hạnh em gái của hai ông ta. Trước giọng điệu phỉ báng này, các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật nhân đó cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy phải phối kiểm lại, hỏi Từ và Địa: “Các ông nói Đà-bà phá hoại phạm hạnh của em gái các ông là thật hay là hư cấu, đặt điều?”

Các Tỳ-kheo làm theo lời chỉ giáo, hỏi thẳng Từ và Địa vấn đề. Từ, Địa trả lời:

- Điều tôi nói là sự thật.

Tăng lại hỏi:

- Ông thấy khi nào? Thấy chỗ nào? Thấy trong trường hợp nào?

Từ, Địa trả lời:

- Tôi thấy chỗ đó, tôi thấy khi đó, tôi thấy như vậy?

Tăng liền hỏi Đà-bà:

- Khi ấy thấy ở chỗ nào?

Đà-bà liền đáp:

- Lúc ấy tôi ở chỗ kia.

Tăng lại dồn dập hỏi Từ, Địa:

- Địa điểm không tương ứng, thời gian không tương ứng. Tại sao ông nói là chỗ đó, lúc đó, thấy như vậy?

Tăng lại đem lời thức tỉnh Từ, Đĩa:

- Nếu đối trước một Tỳ-kheo có lòng tin kiên cố mà nói láo, thì tội nặng như giết hại vô số chúng sanh. Còn nếu đối trước một vị mà chánh pháp của vị này rất kiên cố, đem lời nói láo với vị này, thì tội nặng gấp trăm lần hơn đối với vị có lòng tin kiên cố. Như vậy, đối với trước Tăng mà cứ lần lữa nói dối, thì tội này của ông nặng gấp trăm lần vị A-la-hán bị giết. Tăng lại vặn hỏi Từ, Đĩa:

- Nay Tăng quy tụ về hội họp, không tùy thuộc yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi, thì điều này ông bảo là sự thật hay là hư dối?

Từ, Đĩa nói:

- Đà-bà làm theo yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi nên tôi phải nói Đà-bà như vậy.

Các Tỳ-kheo bằng lời lẽ nghiêm khắc quở trách, rồi cùng đưa Từ, Đĩa đến chỗ đức Phật, trình bày lên Ngài sự việc đã làm rõ.

Trước toàn thể Tăng, Từ Đĩa thú nhận tội lỗi của mình. Đức Phật lại quở trách:

- Hai ông là kẻ ngu si! Tại sao lại dùng sự việc không căn cứ thuộc Ba-la-di để hủy báng Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh? Các ông há không nghe về ba hạng người đọa vào địa ngục sao? Đó là:

- Một là người phạm giới, không có pháp Sa-môn mà tự nhận là mình có, không tu phạm hạnh mà tự nói mình tu. Với hạng người này là loại giặc trong Phật pháp.

- Hai là hạng người hành động như vậy, thấy như vậy, lại bảo rằng dâm dục không phải là điều xấu, rồi làm việc phóng dật.

- Ba là hạng người dùng vô căn cứ Ba-la-di hủy báng vị Tỳ-kheo thanh tịnh, phạm hạnh.

Ba hạng này người chắc chắn đọa vào địa ngục. Tại sao, nay ông lại làm việc ác này?!

Sau khi quở trách và vì 10 điều lợi⁵³ cho Tăng chúng, đức Phật kiết giới nghiêm cấm việc này.

---o0o---

BIẾN CHỨNG

Chuyện này xảy ra lúc đức Phật lưu trú tại thành Vương-xá.

Tỳ-kheo Đà-bà là bậc thần thông có oai đức lớn nên nhiều người đến thăm viếng, nghe pháp là chuyện bình thường. Trong số người này, có Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà. Ngày ấy trong cùng một trú xứ, cô ni ngồi nghe pháp. Đồi ba phen Từ, Đĩa nhìn thấy chuyện này và rồi lòng sẵn ôm hận, Từ, Đĩa tìm cách xuyên tạc phỉ báng⁵⁴...

Bữa nọ, từ trên núi Kỳ-xà-quật¹⁷ đi xuống, nhìn thấy hình ảnh hai con khỉ đang làm trò khỉ, Từ, Địa đắc ý, gán ghép ngay cho Đà-bà là con khỉ đực và Thâu-la-nan-đà là con khỉ cái. Hình ảnh này đã ghim chặt vào lòng hai ông, biến nó trở thành sự thật, họ nói với các Tỳ-kheo Trưởng lão rằng: “Trước đây chúng tôi vận dụng pháp thiếu cơ sở để hủy báng Đà-bà, nay thì không như thế, chính chúng tôi nhìn thấy Đà-bà cùng với cô ni Thâu-la-nan-đà làm hạnh bất tịnh”.

Các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch lên đức Phật. Đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng để kiểm vấn. Trước Tăng, Từ, Đĩa thẳng thắn nhìn nhận như vậy: “Thật sự chúng tôi không thấy Đà-bà làm chuyện bất tịnh nhưng lại Thấy Thâu-la-nan-đà thường lui tới chỗ Đà-bà, vì muốn phỉ báng cho hả giận nên mượn hình ảnh hai con khỉ giao hợp mà chúng tôi thấy trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống và liên hệ gán ghép cho con khỉ đực là Đà-bà, con khỉ cái là Thâu-la-nan-đà rồi biến gà ra cuốc mà qui kết rằng: Chính chúng tôi thấy hai người làm hạnh bất tịnh, mà thôi”.

Từ hội đồng Tăng cho đến đức Phật, Từ và Địa bị sự quở trách nặng nề. Sau cùng, đức Phật đã răn cấm như vậy:

“Tỳ-kheo nào, tự thân không như pháp mà vì giận dữ, ác ý, mượn một sự kiện tách biệt, dùng lấy một khía cạnh nhỏ hay một khía cạnh tương tự của vấn đề rồi qui kết Ba la di để phỉ báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di,

nhằm phá hoại phạm hạnh của vị kia. Thời gian sau, Tỳ-kheo này, hoặc có người chất vấn, hoặc không có người chất vấn, tự thú rằng: Việc này vì tôi giận hờn nên mượn lấy một sự kiện méo mó để liên hệ qui kết, nhằm phi báng kẻ khác thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa”.

---o0o---

KHOÁI THAY ! KHOÁI THAY !

Có một thời gian đức Phật ở trong rừng A-nâu, thuộc ấp Di-na⁵⁵. Ở đây, các quý tộc thuộc giòng họ Thích, nhiều người đến với đức Phật xuất gia học đạo. Không bỏ lỡ cơ hội, Thích Ma-nam⁵⁶, nói với A-na-luật⁵⁷:

- Nay các quý tộc đều xuất gia tu phạm hạnh, tại sao riêng anh em chúng ta không thực hiện việc này? Nếu ta xuất gia thì em coi ngó việc nhà, còn nếu em xuất gia thì ta ở nhà lo liệu.

A-na-luật nói:

- Anh cứ đi xuất gia, em sẽ lo liệu việc nhà.

Thích Ma-nam nói:

- Trước đây việc nhà có anh lo, em chỉ thụ hưởng sung sướng, đâu có biết gian lao cực khổ là gì. Tuy nhiên, xuất gia hành đạo, điều cực khổ đâu phải là kém. Nay em ở nhà thì anh phải chỉ vẽ em phương pháp quản lý gia nghiệp. Hãy nghe anh nói cách quán xuyên công việc: Ban ngày phải thích ứng với công việc ra sao? Ban đêm phải đặt kế hoạch thế nào cho khốp? Phương pháp làm ruộng, mua bán, điều hành kẻ ăn người ở, tất yếu phải khôn khéo dùng lời tác động, theo dõi.

A-na-luật nghe thế nói rằng:

- Nếu quản lý gia nghiệp mà phải như vậy mới đạt kết quả, thì một ngày em cũng không thể quản lý nổi! Thôi thì anh ở nhà, em đi xuất gia vậy.

Thích Ma-nam nói:

- Pháp của chư Phật Thế Tôn, cha mẹ không cho phép thì không được tu đạo, nay em muốn xuất gia thì phải đến xin phép mẹ, tự em nói lên ý nguyện này.

Nghe theo lời anh, trước mẹ, A-na-luật giải bày lời xin:

- Thưa mẹ, con mộ Phật pháp nên muốn xuất gia học đạo.

Bà mẹ trả lời:

- Mẹ chỉ có hai anh em con, tình mẹ yêu thương hai con quá sâu đậm, làm sao mẹ, con có thể sống xa lìa nhau được! Nhà mình rất giàu có, thích hợp với việc tu công đức con cứ thực hiện việc này, con xuất gia là làm đau lòng mẹ!

Tưởng thuyết phục được con mình, không ngờ A-na-luật vẫn sắt đá với việc xuất gia. Lần thứ ba, A-na-luật xin phép, bà mẹ đặt vấn đề với con như một điều tiên quyết, bà mẹ bảo như vậy:

- Nếu Vua Bạt-đề⁵⁸ xuất gia thì mẹ cũng đồng ý để con xuất gia.

Đã từ lâu Vua Bạt-đề cùng A-na-luật, Nan-đề, Điều-đạt, Bà-bà, Kim-bê-lô.v.v... rất nặng tình thương mến nhau, nên có việc gì thì cũng đều chung thể không làm trái ý nhau.

Với ý của mẹ như thế, A-na-luật đến ngay Vua Bạt-đề, ngõ lời như vậy:

- Nay tôi có chút ý nguyện, mà ý nguyện này lại gắn liền với lời thề của vua. Chúng ta đã long trọng thề rằng: *Không làm trái ý nhau, nếu làm trái ý nhau đều bị vỡ thành bầy mảnh*. Vì thế, nay lời nguyện của vua ắt phải gắn liền với lời thề ấy.

A-na-luật liền đem ý kiến của mẹ mình trình bày lên Vua Bạt-đề.

Nhà vua nghe rồi, bảo rằng:

- Ý nguyện này của khanh, ta chưa có thể thực hiện ngay được. Tại sao vậy? Vì ta nguyện làm vua, cái quả này ta mới bắt đầu. Thân tộc ta giàu sang, chẳng có gì để lo lắng cả, làm sao có thể bỏ ngay nếp sống này để xuất gia học đạo?!

A-na-luật nói:

- Nếu vua xuất gia thì nguyện tôi mới toại, tham đắm sự phồn vinh thì tôi phải trầm luân lâu dài. Xin vua suy nghĩ kỹ, đừng để trái với lời thề trước kia!

Vua Bạt-đề nói:

- Tôi sẽ làm theo ý nguyện của bạn nhưng để cho tôi sau 7 năm, tôi sẽ cùng bạn xuất gia học đạo.

A-na-luật nói:

- Sau 7 năm chắc gì đức Phật còn tại thế?! Hơn nữa, mạng sống của tôi khó có thể bảo đảm được đến ngày ấy. Tại sao nay Vua lại nêu ra kỳ hẹn này?

Vua Bạt-đề nói:

- Bảy năm, nếu có lâu thì 6 năm không được sao?

A-na-luật cũng trả lời như trên. Vua lại hẹn 5 năm rồi 4, 3, 2 năm, đến còn một năm, rồi lại hẹn từ bảy tháng đến còn một tháng, từ 7 ngày đến còn một ngày... đều không được A-na-luật chấp nhận.

Nhà vua nói:

- Chúng ta là bậc vương giả, đâu có thể đột ngột ra đi như vậy. Chúng ta cần phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện, xa giá hết sức nghiêm chỉnh, mượn con đường du hành để thực hiện chí nguyện xuất gia. Bây giờ bạn có thể nói rõ ý định này với A-nan-đà.v.v.v...

A-na-luật liền thông tin cho 5 người bạn còn lại. Năm người này rất hân hoan, tâm đầu ý hợp.

Ngay trong đêm ấy, đội quân tinh nhuệ nhanh chóng hoàn tất nghiêm chỉnh một chuyến đi. Một thế gian cực kỳ lộng lẫy, oai nghiêm vào lúc trời vừa sáng. Vua, tôi ra khỏi thành, con đường du hành của nhà vua đang bước sang một ngã rẽ khác, một sự giải thoát đột biến đến kỳ lạ...

Cuối cuộc du hành thường lãm, Ưu-ba-ly - người thợ cạo tóc - được mật báo... Bảy hoàng thân quốc thích kín đáo rời khỏi đoàn tùy tùng, rồi mất hút trong rừng sâu, họ ẩn mình trong sự tịch vắng. Những trang phục quý giá

trên mình họ, bây giờ là cái giá để cho người thợ cạo Ưu-ba-ly cạo tóc cho họ. Họ cải đổi y phục rồi nhanh chóng lên đường xuất gia...

Bảy người đi chưa bao lâu, Ưu-ba-ly giật mình nghĩ ngợi: “Các hào tộc họ Thích cường bạo, nếu biết ta cạo đầu cho bảy người này, chắc họ sẽ giết ta. Hơn nữa, các quý tộc này còn bỏ nhà xuất gia, nay ta tại sao không bỏ đồ nghề hớt tóc và các y phục quý giá này để xuất gia?”

Không do dự, Ưu-ba-ly tự cạo đầu, rồi đem các y phục quý báu kia treo lên gốc cây, với ý nghĩ: ai cần thì lấy sử dụng. Ưu-ba-ly đi thật nhanh như muốn chạy, và không bao lâu đuổi kịp 7 người, Ưu-ba-ly nói:

- Nay tôi cũng muốn theo quý vị xuất gia.

Bây giờ, 8 con người bình đẳng nhau trong sự giải thoát. Họ tiến nhanh về khu rừng A-nậu, nơi đây đức Phật đang chờ đón họ.

Trước Thế Tôn, tám người đầu mặt đánh lễ sát chân Ngài, họ thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, nay chúng con muốn xuất gia tịnh tu phạm hạnh. Riêng đối với Ưu-ba-ly là người nô bộc của chúng con, xin Ngài độ cho ông ta thọ Cụ túc giới trước, sau đó mới độ chúng con. Điều này cần phải như thế để cho chúng con và các Thích chủng phá tâm kiêu mạn đối với Ưu-ba-ly.

Đức Phật liền độ Ưu-ba-ly, sau đó mới độ 7 người.

Ngay sau lúc độ này, đức Phật có suy nghĩ:: “Ca-duy-la-vê⁵⁹ cách đây không xa, các người dòng họ Thích biết được có thể gây trở ngại. Đức Phật cùng đưa 8 người đến thành Bạt-đề-la⁶⁰. Nơi đây, dưới tàng cây Vông Lâm, đức Phật đã vì họ nói diệu pháp, bao gồm những vấn đề: Nhãn vô thường, Sắc vô thường, Nhãn thức, Nhãn xúc, Nhãn xúc nhân duyên sanh thọ vô thường. Cho đến Ý vô thường, Pháp vô thường, Ý thức, Ý xúc, Ý xúc nhân duyên sanh thọ vô thường. Các người là Thánh đệ tử nên phải thực hiện quán sát như vậy, sanh tâm yếm ly, sở đắc trí tuệ giải thoát, chỗ phải làm đã làm xong, phạm hạnh đã lập, không thọ thân sau...

Sau khi nghe pháp, có 6 người đoạn hết lậu hoặc, đắc A-la-hán. A-nan vì hầu Phật nên các lậu hoặc không đoạn hết. Điều-đạt, người duy nhất không thu hoạch được điều gì.

Tỳ-kheo Bạt-đề sau khi đắc quả A-la-hán, tâm vua trong sạch không còn sự lo sợ nào. Hoặc tọa thiền hay kinh hành, dưới tàng cây hay nơi hoang vắng, tự thân liền được sự vui sướng, thanh thản, vua đã thốt lên lời:

- Khoái thay! Khoái thay!

Âm thanh này, một Tỳ-kheo khác nghe được, lại có tác ý, nghĩ rằng: “Chắc Tỳ-kheo Bạt-đề nhớ đến niềm vui thế tục mà không vui với phạm hạnh nữa!”. Ngay sau đó, vị ấy đến bạch Phật:

- Con đã hướng đến Bạt-đề và nghe vị này nói: “Khoái thay! Khoái thay!”. Chắc ông ta nhớ lại niềm vui khi còn làm vua, không thích sống phạm hạnh nữa!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy gọi Tỳ-kheo Bạt-đề đến. Trước Phật, Tỳ-kheo Bạt-đề đầu, mặt kính lễ sát chân Ngài rồi đứng qua một bên.

Đức Phật hỏi Bạt-đề:

- Sự thật ông có nói “Khoái thay” hay không?

- Bạch đức Thế Tôn, thật sự con có thốt lên “Khoái thay”. - Bạt-đề thưa.

- Ông nói “Khoái thay” với ý nghĩa như thế nào? - Đức Phật hỏi.

- Thưa Thế Tôn, lúc trước sống trong cung vua là sống trong bảy lớp thành vây bọc, bảy hàng voi, bảy hàng ngựa, bảy hàng xe, bảy hàng bộ binh, bốn binh chủng bao quanh. Ấy vậy, khi nghe một âm thanh khác lạ thì lòng kính sợ, lông tóc dựng ngược lên. Nay ở dưới tàng cây, nơi đất trống mà thản nhiên không một chút lo sợ, cho nên con đã phải nói lớn “Khoái thay” là vậy!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Bạt-đề đã đắc A-la-hán mà không vui với nếp sống phạm hạnh là điều không có cơ sở. Từ Bạt-đề, một thực tại của vấn đề lúc bấy giờ mà nhân đó đức Phật nói kệ:

Khoái thay! A-la-hán

Không còn ân ái buộc
Phá được dục, nhuế, si
Xóa đi lưới kiết sử
Niết bàn đây nơi đến
Nào còn tâm uế trước
Nào nhiễm đấm thế gian
Giải thoát mọi nhiễm ô
Năm uẩn tường tận rõ
Bảy rùng pháp hành du
Chỗ đi con rồng lớn
Ché phục mọi khủng nguy
Thành tựu mười Chủng đức
Vua đức Tam muội thiên
Mọi hủ lậu đã sạch
Là đệ nhất thế gian
Bất động không sợ hãi
Không nhận lại thân sau
Tịch diệt đều dứt sạch
Khổ, lạc báo hằng không
Vững vàng trí vô học
Thân này, thân sau cùng
Phạm hạnh kiên cố lập
Đâu điều không thể tin
Khắp cả thế gian này
Còn đâu các dục lạc
Vang lừng sư tử rống
Nào ai hơn đức Phật.

---o0o---

ĐIỀU-ĐẠT PHÁ HÒA HỢP TĂNG

Nhận lời mời của Long vương, đức Thế Tôn cùng các Đại đức Thanh-văn đến A-nậu-đạt ⁶¹. Điều-đạt chưa sở đắc thần thông nên không thể đi cùng. Điều này đã làm cho Điều-đạt xấu hổ vô cùng, do vậy, nảy sinh ý nghĩ: “Nay ta cần phải tìm học pháp tu thần thông”. Trước hết, Điều-đạt đến bạch Phật:

- Cúi xin Phật hãy vì con dạy cho pháp tu thần thông.

Đức Phật hướng dẫn. Điều-đạt thọ giáo và trong thời gian an cư, Điều-đạt đắc thần thông.

Sau khi đắc thần thông, Điều-đạt nghĩ ngay đến việc khuếch trương thanh thế. Vấn đề giáo hóa được đặt ra, và ai là người cần giáo hóa trước? Điều-đạt nghĩ ngay đến Thái tử Chúng Lạc ⁶², con vua Bình-sa. Đối tượng đã được xác định, lập tức Điều-Đạt-mất dạng khỏi Võng Lâm...

Trên giường của Thái tử, Điều-đạt hiện thành một đũa trẻ nít nằm ngửa, mút ngón tay. Thái tử thấy thế vô cùng hoảng sợ, hỏi:

- Mi là trời hay là quỷ thần?

Đũa trẻ trả lời:

- Tôi là Điều-đạt, đừng nên sợ chi cả!

- Nếu là Điều-đạt thì nên hiện nguyên hình trở lại. - Thái tử bảo thế.

Đũa bé liền biến thành Điều-đạt, đầy đủ oai nghi như cũ. Thái tử hoan hỷ trước sự biến hóa của thầy mình. Tâm niệm kính phục càng lên cao, hằng ngày Thái tử đích thân đến thăm hỏi, theo liền sau là 500 chiếc xe. Điều-đạt lại hóa 500 đũa trẻ nằm ngửa, mút ngón tay trên mỗi chiếc xe. Thái tử lại dùng 500 chiếc xe chở từng loại thức ăn sang trọng, ngon lành đến cúng dường...

Bấy giờ, người các nước không ai là không đồn ầm lên rằng: “Điều-đạt có đại thần lực nên mới biến hóa được như vậy. Vì thế khiến Thái tử Chúng

Lạc ngày nào cũng đến thăm hỏi, cúng dường quá nhiều các loại thức ăn ngon bổ cho Điều-đạt”.

Về phía Điều-đạt đã không tự lượng sức mình, nên cứ làm theo ý muốn chiêu dụ, bảo bọc, nuôi dưỡng đồ chúng. Thanh thế lên như điều gặp gió.

Vào thời gian ấy, đức Phật rời Võng Lâm đi vào nhân gian hành du hóa độ. Ngài đến nước Câu-xá-di, trú ngụ trong vườn Cù-su-la ⁶³. Riêng Mục-liên đi theo Phật đã an trú ở một nơi hoang vắng tịch tịch.

Tại nước này, trước đây có Kiều-trần-như Tử, tên là Kha-huru ⁶⁴, tịnh tu phạm hạnh, đắc quả A-na-hàm, sau sanh lên cõi trời Phạm Thiên ⁶⁵. Nửa đêm vắng lặng, vị này từ cõi trời xuống, phóng ra ánh sáng rực rỡ, đến chỗ Mục-liên, đầu mặt kính lễ sát chân rồi có lời thưa báo với Mục-liên như sau:

- Nay Điều-đạt giáo hóa Thái tử Chúng Lạc, hiện các thần thông biến hóa. Tuy vậy, trong thâm tâm Điều-đạt có điều lo sợ nên quyết định thu nhận, nuôi dạy đồ chúng với ý đồ phá hòa hiệp Tăng.

Vừa dứt lời thưa, Kha-huru nhanh như chớp biến mất.

Trời vừa sáng, Mục-liên y phục chỉnh tề, đến thẳng chỗ đức Phật, trình bày lên Ngài căn kẽ hành động của Điều-Đạt-mà Kha-huru đã thưa báo.

Đức Phật hỏi Mục-liên:

- Ý ông thế nào? Có nên xem xét lời của Kha-huru thưa báo hay không?

- Ý con là nên như vậy. - Mục-liên thưa.

- Không nên nói lời ấy, tại sao vậy? Vì khắp thế gian này, Ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm nào có thể thống lãnh đồ chúng của Phật.

Đức Phật lại bảo Mục-liên:

- Ở đời có 5 hạng thầy, hiện nay đều có đủ, đó là:

1. Giới không thanh tịnh, tự nói thanh tịnh. Các đệ tử của họ đều biết rõ sự thật này nhưng che giấu tội lỗi của thầy để mong cầu lợi dưỡng.

2. Tà mạng, siểm khúc, tự nói mình chánh trực. Các đệ tử cũng che giấu điều đó.

3. Nói điều bất thiện, lại tự cho là lời nói thiện, nên các đệ tử vui mừng cho là thiện.

4. Hiểu biết không thanh tịnh, tự nói là thanh tịnh, cho nên các đệ tử hết lời ca tụng rằng sự hiểu biết ấy là trong sạch.

5. Nói lời không phải pháp luật, lại nói là pháp luật, nên các đệ tử cũng hùa theo nói là đúng pháp, vì thế đã không thể thuyết phục được kẻ trí chấp nhận tin theo.

Này Mục-liên! Giới của Như Lai thanh tịnh, không siểm khúc, đâu nói lời bất thiện, chỗ thấy, chỗ hiểu biết thanh tịnh, điều nói ra như pháp, kẻ trí chấp nhận tin theo, không cần đệ tử hùa theo che giấu và khen ngợi.

Cũng trong thời gian ấy, nguồn thông tin khác đến từ thành Vương-xá, đó là các Tỳ-kheo sau an cư về thăm Thế Tôn. Các thầy bạch lên Phật sự việc Điều-đạt giống như Kha-hưu đã thưa báo với Mục-kiền-liên. Đức Phật dạy:

- Này Tỳ-kheo! Đùong ham muốn theo kiểu Điều-đạt làm các biến hóa đó..., đến cả lợi lộc cúng dường. Sự cung kính cúng dường ấy nếu có, nó càng làm tăng gánh nặng tôi tằm, thống khổ mà thôi! Cũng như con chó dữ, dùng gậy đánh nó thì chỉ càng làm cho nó hung dữ hơn lên. Điều-đạt cũng như vậy, nhận được nhiều phẩm vật cúng dường thì phiền não càng nhanh chóng gia tăng. Đức Phật vì muốn làm rõ ý nghĩa này nên lập lại vấn đề bằng lời kệ cô đọng như sau:

*Người ngu, ác họ tăng
Ác sanh từ lợi dưỡng
Người si đoạn pháp lành
Như đầu lia khỏi thân
Không tu hạnh thanh tịnh
Lại muốn chiêu dụ Tăng
Muốn ngồi trên mọi người
Vọng cầu mọi quy kính
Có người cầu lợi dưỡng
Có người cầu Niết bàn
Lợi dưỡng hại pháp lành*

Tịch diệt trừ xan tham.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Cây chuối, cây trúc, cây lau do kết trái mà chết. Con Cự Hư⁶⁶ mang thai cũng bỏ mạng. Nay Điều-đạt tham cầu lợi dưỡng cũng lại như vậy.

Đức Phật lại đức kết nhân mạnh vấn đề này bằng lời kệ:

Do buông, cây chuối chết

Do trái trúc, lau diệt

Cự Hư chết vì thai

Kẻ sĩ mất vì tham.

Tiếp tục du hóa, đức Phật rời nước Câu-xá-di du hành trên quảng đường dài về thành Vương-xá. Nơi đây, Ngài trú ngụ trong núi Kỳ-xà-quật. Ngài được các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thân, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ, cung kính, tôn trọng, tán thán và cúng dường thức ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men... Giữa bao lợi dưỡng này, Ngài như hoa sen không hề đắm trước. Lúc bấy giờ, giữa một rừng người đủ mọi giai cấp vây quanh lắng nghe Phật thuyết pháp. Chộp lấy cơ hội, Điều-đạt từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, để trống vai bên phải, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật, rồi quỳ gối, chấp tay bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn, cúi xin Ngài hãy sống trong sự an lạc, mà hôm nay cho phép con được lãnh đạo, xử lý việc chúng Tăng.

Đức Phật nói với Điều-đạt:

- Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên còn chưa thể thống lãnh đồ chúng của Ta, huống chi ông là kẻ ngu si, chẳng khác nào loại đờm dãi.

Bị quả trách như vậy, Điều-đạt lòng đầy phẫn hận, lại nghĩ suy: “Tại sao đức Thế Tôn đối trước đại chúng lại nhục mạ ta thậm tệ như thế!” Khởi ác tâm nhằm vào đức Phật nên Điều-đạt bắt đầu tổn giảm thần túc. Điều-đạt lại nghĩ rằng: “Đức Phật khen ngợi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mà nhục mạ ta”. Lần nữa, Điều-đạt sanh ác tâm đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên thần túc của Điều-đạt lại bị tổn giảm lần thứ hai. Điều-đạt trở về nơi cư ngụ của mình. Điều-đạt lại thuyết pháp, vây quanh nghe, có quốc vương và đông đảo quần chúng. Có một Tỳ-kheo tham dự buổi thuyết pháp này, đến bạch lên Phật những điều mắt thấy tai nghe. Đức Phật bảo:

- Này Tỳ-kheo! Điều-đạt không những đời này có được đại chúng, mà đời quá khứ đã từng có được số đông Tỳ-kheo vây quanh. Đời quá khứ xa xăm ấy, có một Ma-nạp⁶⁷ ở trong hang núi, tụng sách Sát-lợi⁶⁸. Một con cáo rừng ở cạnh đó, chuyên chú nghe tụng sách này nên trong tâm có được điều tỏ ngộ. Qua sự tỏ ngộ cáo rừng nói lên: “Như chỗ ta hiểu lời văn trong sách này thì đủ để làm vua trong các loài thú”. Với ý niệm ấy, cáo rừng liền lên đường. Trên đường du hành, gặp một con cáo rừng khác gầy yếu, nó muốn giết đi. Con cáo kia nói:

- Tại sao muốn giết tôi?!

- Ta là vua loài thú, người không thần phục ta thì bị giết ngay. - Cáo rừng kia nói thế.

- Xin ông đừng giết tôi, tôi xin làm kẻ tùy tùng ông. - Con cáo gầy yếu van xin.

Thế là hai con cáo lại tiếp tục lên đường. Lại gặp một con cáo khác và sự việc xảy ra giống như con cáo yếu đuối trước đây. Cả ba lại lên đường. Cứ như thế, suốt con đường vua cáo rừng đi qua, nó hàng phục được tất cả loài cáo. Sau đó, sử dụng bầy cáo của mình để hàng phục loài voi. Lại dùng loài voi hàng phục tất cả họ hàng nhà cọp. Lại dùng loài cọp hàng phục tất cả sư tử. Con cáo kia lâm thời làm vua trong các loài thú. Đã được ngôi vua rồi lại nảy sanh ý nghĩ: “Nay ta đã là vua trong loài thú thì không nên lấy loài thú làm vợ”. Nó nghĩ ngay đến con gái vua thành Ca-di⁶⁹. Nó phải hàng phục vua để được công chúa.

Ngồi trên lưng con voi chúa trắng, cáo ra lệnh xuất binh, các binh chủng thú đồng loạt vây hãm thành Ca-di đến ngàn vòng.

Nhà vua đứng trước sự uy hiếp kinh hoàng này liền sai sứ đến hỏi:

- Các người là loài thú, tại sao lại hành động như vậy?

Cáo rừng vua liền trả lời:

- Ta là vua các loài thú, nên cần cưới con gái nhà vua. Nếu ông thuận ý ta thì mọi sự tốt đẹp, bằng không ta sẽ tiêu diệt nước ông.

Sứ thần về báo cáo với vua sự việc nguy kịch nạn như thế. Nhà vua liền triệu tập quần thần để nghị bàn, cùng tìm ra một giải pháp. Ý kiến gả

công chúa cho vua cáo chiếm đại đa số. Với lý giải hèn kém như vậy: “Bởi lẽ, quốc gia chỉ dựa vào sức mạnh của voi, ngựa. Ta có đủ voi, ngựa mạnh, nhưng sức mạnh này sẽ bị đè bẹp bởi sức mạnh sư tử của đối phương. Voi, ngựa chỉ cần nghe rống khí của sư tử là run rẩy, bò mọp. Do vậy, cuộc chiến không thắng được, đất nước sẽ bị loài thú tiêu diệt. Sao lại tiếc một công chúa, không chịu gả để cho nước nhà bị tiêu vong?!”

Đứng trước lập luận này, độc nhất có một vị thần phản đối. Vị thần thông minh, mưu lược này tâu với vua rằng:

- Xưa nay, thần chưa hề nghe thấy có một con gái của nhà vua nào đem gả cho loài thú thấp hèn cả. Thần tuy yếu đuối, nhưng thần xin quyết giết cho kỳ được con cáo chủ soái kia, như thế là phá tan được hàng hàng, lớp lớp thú đang vây hãm thành Ca-di.

Nhà vua hỏi:

- Mưu kế ra sao, khanh đề xuất cho trẫm rõ?

- Nhà vua sai sứ hẹn chúng ngày đánh nhau, và trước khi giao chiến yêu cầu vua thú chấp nhận một điều, là ra lệnh sư tử đánh trước rồi mới rống sau. Chúng nó tưởng ta sợ nên nhất định ra lệnh cho sư tử rống trước đánh sau. Và đến ngày ấy nhà vua sắc lệnh cho quân ta nhét kín lỗ tai lại. - Vị đại thần ấy kiến nghị như vậy.

Nhà vua chấp nhận ý này, và cho thi hành ngay mưu kế thông minh của vị đại thần kia.

Đến ngày hẹn đánh nhau, quân hai bên giàn trận. Vua cáo ngồi trên bạch tượng thật oai phong, lẫm liệt. Đến giờ, vua cáo ranh mãnh ban lệnh: “Lệnh cho toàn bộ sư tử rống lên trước rồi mới giao chiến”. Tiếng rống sư tử rống lên như sét đánh giữa trời. Nghe tiếng rống ấy, con cáo rùng “vĩ đại” kia tim vỡ làm 7 mảnh, ngã nhào từ lưng voi xuống đất, chết không kịp ngáp. Và cũng tiếng rống của “binh lính” sư tử làm cho các loài thú khác khiếp cả hồn vía, nhanh chóng tán loạn, bôn tẩu.

Nhân việc này, đức Phật nói kệ:

*Cáo đồng lắm kiêu mạn
Muốn tìm cầu vây cánh
Kéo đến thành Ca-di*

*Tự xưng là vua thú.
Người kiêu mạn cũng vậy
Muốn thống lãnh đồ chúng
Nên tại Ma-kiệt-đà
Tự xưng là Pháp chủ.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Vua Ca-di thuở ấy, nay chính là Ta. Vị đại thần thông mẫn ấy, nay chính là Xá-lợi-phất. Vua cáo rùng kia là Điều-đạt hiện nay.

Này các Tỳ-kheo! Xưa kia Điều-đạt dối trá để được thuộc hạ, vây cánh, thì nay cũng chẳng khác nào.

Này Xá-lợi-phất! Ông nên đến trong chúng của Điều-đạt công bố lời này: “Ai chấp nhận 5 pháp của Điều-đạt thì người ấy sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng”.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Xưa kia, con đã từng khen ngợi Điều-đạt, làm sao nay con lại chê bai được?

Đức Phật lại hỏi:

-Trước kia ông khen ngợi là đúng sự thật hay không?

- Thưa Ngài là đúng sự thật. - Xá-lợi-phất đáp.

- Nay, Điều-đạt là người đáng chê, ông chê cũng là đúng sự thật. - Phật dạy Xá-lợi-phất.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay, nên bạch nhị Yết-ma, sai Xá-lợi-phất đến trong chúng của Điều-đạt tuyên bố lời chê trách này.

Tăng thi hành lời Phật dạy và Xá-lợi-phất thi hành đúng Yết-ma Tăng sai. Giữa chúng của Điều-đạt, Xá-lợi-phất đồng dạy tuyên bố:

- Nếu vị nào chấp nhận 5 pháp của Điều-đạt thì sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng.

Nghe Yết-ma này, hội chúng của Điều-đạt phản ứng ngay, họ nói lớn:

- Sa-môn Thích tử lại ganh ghét với nhau, thấy Điều-đạt nhận được nhiều phẩm vật cúng dường nên ganh ghét nói như vậy mà thôi!

Tuy nhiên, vua Bình-sa cũng ở trong hội chúng này, lại tuyên lệnh rằng: Đừng nên nói lời ấy. Tại sao vậy? Bởi lẽ chúng đệ tử Phật thanh tịnh, không hề có sự ganh ghét như thế.

Để cắt ngang việc này, Điều-đạt hỏi trong chúng rằng:

- Ai muốn thấy hoa Mạn-đà-la ⁷⁰ trên cõi trời?

Cả chúng hội đồng thanh:

- Muốn thấy!.

Trước hội chúng, Điều-đạt biến mất dạng... Bên hồ A-nậu-đạt trên trời, trong ý niệm ham thích bẻ lấy hoa Mạn-đà-la, Điều-đạt liền mất sạch thân tức.

Trở về lại vị trí cũ, không một cành hoa, lại mất luôn thân tức, Điều-đạt sanh ác tâm muốn hại đức Phật, và ý đồ này được dàn trải trên một diện rộng.

Điều-đạt đặt vấn đề với Thái tử Chúng Lạc:

- Nay phụ vương của Điện hạ là vua Bình-sa cai trị bằng chánh pháp, theo chỗ tôi hiểu thì triều đại của vua cha khó suy tàn. Mạng người vô thường, khó bảo đảm được hơi thở sau. Tại sao cái vương vị này lại kéo dài thời gian để Điện hạ phải chờ đợi lâu như vậy? Điện hạ thể mưu đồ sớm chiếm lấy ngôi vua mà nắm lấy bốn biển. Phần tôi, tôi sẽ hại Phật, thay thế ngôi Pháp vương. Trong nước Ma-kiệt-đà này, sẽ có vua mới, Phật mới, chúng ta đủ cơ hội để cùng nhau hoằng hóa đạo, đời. Há đây không là điều tốt sao?

Thái tử trả lời:

- Công ơn cha mẹ lớn hơn trời đất. Công ơn nuôi dưỡng trời bể ấy tôi muốn báo đền nhưng chưa đền đáp được, tại sao nay thầy lại chỉ lối cho tôi làm điều nghịch ác như vậy?!

Điều-đạt nghe thế mà lòng vẫn không biết xấu hổ, lại cứ dùng lời điều ngoa, xảo quyết để khuyên dụ Thái tử, nhận chìm Thái tử trong sự mê muội tối tăm, lần lữa làm cho Thái tử mù quáng, xiêu lòng, mất tự chủ để trở thành con cờ điều động của Điều-đạt.

Ngày nọ, Thái tử bí mật mang gương đi vào cửa vương cung. Vì ôm lòng ác độc, phản nghịch nên bất giác bị giềng xé hoảng sợ, lão đảo té nhào trước vương cung rồi tự gượng đứng lên. Quan giữ cửa thấy vậy sinh nghi, nhanh trí suy đoán rằng: “Thái tử thường vào đây với oai nghi đỉnh đạc, tại sao hôm nay lại có hiện tượng như thế, chắc có lý do gì?” Quan giữ cửa vội vàng đến hỏi thì Thái tử trả lời không chút do dự:

- Tôi muốn giết vua cha nên mới như thế này!

- Ai xúc giục Thái tử làm phản? - Quan giữ cửa hỏi.

- Điều-đạt. - Thái tử đáp.

Các quan giữ cửa liền họp lại bàn định:

- Nên giải quyết sao đây?

- Nên giết sạch Sa-môn và Thái tử Chúng Lạc. - Quan thứ nhất nêu ý kiến.

- Trước đây đức Phật sai Xá-lợi-phất tuyên bố sự ác nghịch của Điều-đạt, tại sao lại muốn giết hết Sa-môn? Chính tội này chỉ có Điều-đạt và Thái tử chịu trách nhiệm. - Đó là ý kiến của vị quan thứ hai.

- Chúng ta không nên vội phán quyết tội này, cần phải tâu lên nhà vua. Nhà vua có sắc chỉ, ta sẽ thừa lệnh thi hành. - Vị quan thứ ba đề nghị như thế.

Chung quyết lại, các quan thống nhất tấu trình việc này lên nhà vua.

Nghe tấu trình, nhà vua không chút biến đổi, lại hỏi:

- Chư thân! Đối với việc này, ý kiến của các ông giải quyết sao đây?

Các quan liền trình bày đầy đủ ý kiến đã thảo luận. Nhà vua liền đuổi quan có ý kiến thứ nhất, cất chức vị quan thứ hai và trao thêm quyền hạn cho

vị quan đề xuất ý kiến thứ ba. Nhà vua lại cho triệu tập quần thần để lấy ý kiến về việc này. Các quan đều có nhận định chung rằng: “Vị quan đề xuất ý kiến thứ hai là hợp lý mà nhà vua còn giáng cấp bậc, xem thế thì rõ thánh tâm của Vua. Vua không nhẫn tâm nhìn thấy sự sát hại. Với hình phạt chính đã không áp dụng thì phải dùng hạ kế”.

Các quan nói:

- Người thừa kế ngôi vua không ai ngoài Thái tử. Nay Thái tử muốn tiếp nhận sớm ngôi vua ấy nên mới làm phản nghịch. Nên trao ngay ngôi vị vua cho Thái tử thì hy vọng ác tâm kia sẽ chấm dứt. Ý kiến này hợp với lòng Vua, vua liền thoái vị, truyền ngôi cho Thái tử, với vương hiệu A-xà-thế.

Buổi đầu ở ngôi vua, A-xà-thế thụ hưởng 5 thứ đục lạt nên tâm sát nghịch vua cha tạm thời quên đi, nhưng sau một thời gian ngắn, tâm ấy lại bị tác động khởi lên, cho dù không có việc gì xảy ra, A-xà-thế vẫn hãm hại phụ vương nơi lao ngục.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế có một con voi rất hung hãn, Điều-đạt bí mật đến gặp người nài voi ấy với lời đề nghị đầy áp lực:

- Ngày mai Cù Đàm sẽ đi qua con đường này. Ông vì tôi phục rượu cho con voi thật say, rồi thả nó ra nơi đoạn đường ấy. Phạt với tâm nhiều kiêu ngạo ắt sẽ không tránh nó, do đó, voi say dầy đạp chết. Tôi sẽ hậu tạ ông nếu có kết quả.

Sáng hôm sau đến giờ khất thực, đức Phật đắp y, trì bát cùng 500 đệ tử vào thành. Từ xa đã trông thấy Phật, người nài voi liền thả con voi đã say mèm ra đường. Nhìn thấy hiện tượng bất thường này, những người có lòng tin, yêu mến Phật pháp, sợ Phật bị voi hại, liền hối hả đến trước bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn nên đi con đường khác.

Năm trăm đệ tử và A-nan cũng đều bạch Phật như vậy.

Song sau ba lần thưa thỉnh của đệ tử, Phật đều trả lời:

- Không can chi! Ròng còn không hại ta, huống nữa là voi.

Các đệ tử thấy Phật vẫn bình tĩnh, nhưng họ hoảng sợ và do phản xạ tự nhiên, họ đều rời Phật đi sang đường khác, chỉ một mình tôn giả A-nan đi theo hầu sát Phật mà thôi.

Lúc ấy, người hiếu kỳ càng lúc càng đông dần, từng nhóm đông kháo nhau:

- Nay hai con rồng thử sức, xem con nào hơn.

Nhóm ngoại đạo thì nhận định:

- Voi, rồng sức đều mạnh, nhưng phần thắng chắc là voi thôi.

Hàng Phật tử thì nói:

- Người rồng, đạo cao đức trọng, chắc hàng phục được voi. Hãy đợi đây!.

Lời qua tiếng lại sông chẳng ích gì, họ lại cá nhau bằng tiền và chờ kết quả ăn thua. Họ chờ đợi đến nghệt thở...

Hai sức mạnh như đang tiếp cận nhau. Từ xa đã nhìn thấy Phật, con voi say đập tai, cất cao vòi như tạo ra một sức gió mạnh, xông thẳng về phía đức Phật. Tôn giả A-nan hoảng hốt, khiếp sợ, bất giác chui ngay vào nách Phật. Đức Phật lại bảo khẽ với A-nan:

- Này A-nan ! Vừa rồi chính ông đã nghe ba lần Ta nói: “Không hề chi”. Tại sao không tin mà còn hoảng sợ đến thế?!

Đức Phật thấy con voi tiến tới, Ngài liền nhập Từ tâm Tam muội và nói kệ:

*Ngươi đừng hại Đại Long
Đại Long ra đời khó.
Nếu ai hại Đại Long
Đời sau đọa ác đạo.*

Nghe bài kệ rồi, con voi dừng lại, cúi xuống đưa vòi ra trải lên đất, ôm chân đức Thế tôn. Động tác này được lập lại 3 lần như biểu lộ sự kính cẩn cao độ. Nó chiêm ngưỡng Phật từ trên xuống dưới, rồi đi quanh bên phải

Phật ba vòng, sau đó, voi đi lùi lại rồi ra đi. Được biết, từ đó về sau con voi trở nên hiền lành. Thật là một điều kỳ lạ!

Mọi người đồng thanh khen ngợi:

- Sa-môn Thích tử không dùng đao, gậy... mà hàng phục được con voi hung tợn này. Kỳ diệu thay! Người dân trong nước không còn bị sự khủng bố của voi. Kỳ diệu thay!

Các ngoại đạo không ai không lấy làm xấu hổ. Còn đối với hàng đệ tử Phật thì hơn hởi vui mừng, sung sướng, hãnh diện... Kiểm thu số tiền thắng cược lên đến bảy mươi vạn...

Sau khi hàng phục được voi, đức Phật lại nói kệ:

*Voi say đây sân nhuế
Tiến về đấng Đạo sư
Trăm họ đều thấy rõ
Hơn thua tiền cược nhau
Voi to tựa Thái Sơn
Sáu mươi voi nào bằng
Vang dội rúng lòng người
Rống lên địch quân phá
Đại lực của Đạo sư
Thương chúng sanh, xuất thế
Muốn độ con voi dữ
Trước nó Ta đứng yên
Voi lay mọi người thấy
Đạo, đời đều vui mừng
Khen Ta hàng voi dữ
Phật là sư tử vương.*

Chúng kiến sự thất bại của mình, ác tâm của Điều-đạt lại lòng lộn. Ông ta suy nghĩ: “Nay hại Phật bằng cách thức này không thắng được, thì nên tìm một hung thủ khát máu, không biết Phật là ai, thuê nó thật nhiều tiền là có thể hạ thủ được”. Lập tức, Điều-đạt đi khắp nơi tìm kiếm cho ra con người “lý tưởng” này. Điều-đạt dò la và gặp một người đàn ông “đúng tướng”, có thân hình vạm vỡ, dữ dằn. Điều-đạt đề nghị:

- Ông vì tôi giết Phật, bao nhiêu tôi cũng hậu tạ.

Người kia ham của, chấp nhận ngay.

Bấy giờ, đức Phật đang kinh hành nơi đất trống, Ngài nhìn thấy hung thủ đang tiến dần về phía mình. Ngài vận dụng Từ tâm Tam muội phủ xuống khắp người này rồi đưa tay vẫy gọi. Như bị thôi miên, hung thủ buông dao trong trạng thái không ý thức. Như đi theo sự chỉ dẫn, hung thủ tiến gần đến Phật rồi sụp lạy sát chân Ngài. Hung thủ ngẩng lên nhìn Phật rồi tha thiết thưa rằng:

- Hiện con là người si cuồng, muốn hại đức Thế Tôn. Con tự biết tội nặng, cúi xin Ngài gia ân cho con xin sám hối.

Đức Phật dạy:

- Ông thật là người ngu si nên mới ham tiền mà hại đức Như Lai. Trong giáo pháp Ta, nếu người biết có tội mà sám hối thì sẽ tăng trưởng căn lành.

Đức Thế tôn lại nói pháp đề độ ông ta. Ngài phân tích việc bố thí, vấn đề trì giới, vấn đề sanh Thiên, vấn đề nhiễm ô của kẻ tại gia và vấn đề an vui của người xuất thế. Tâm hồn hung thủ như trút hết gánh nặng, vui mừng hiện rõ lên. Đức Thế Tôn biết rõ điều đó nên lại vì ông ta, Ngài nói về các pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nghe các pháp này, ông ta liền tỏ ngộ, xa lìa cấu trần, sở đắc con mắt pháp trong sạch. Thấy pháp, đắc quả rồi, ông ta xin quy y Tam bảo, thọ trì 5 giới.

Đức Phật bảo ông ta trở về bằng con đường khác, vì Điều-đạt đã thuê hai người đón đường cũ để giết người này, vì muốn bịt kín tiếng xấu ác.

Đâu phải dừng lại ở thất bại này, Điều-đạt còn thuê 4 người rồi 32 người và lần nào cũng thất bại.

Tất cả người Điều-đạt thuê để hại Phật, đều đến trước Phật sám hối và được Phật độ. Họ cũng chứng quả Tu-đà-hoàn như người đầu tiên đến hại Phật.

Nếp sống chư Phật là cứ mỗi sáng lúc mặt trời mọc, rời phòng ra ngoài trời. Sáng hôm ấy, đức Phật bước ra khỏi phòng và thấy ngay các Tỳ-kheo cầm dao, gậy đứng hai bên. Ngài liền hỏi:

- Vì lý do gì các thầy cầm đao, gậy đứng ở đây?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Chúng con nghe Điều-đạt thuê người hại Phật, không an tâm, nên tổ chức canh giữ khắp nơi trong trú xứ, kể cả nơi đây.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Như Lai mà bị hoạnh tử là điều không thể xảy ra. Năm hạng thầy ở đời mới cần sự hộ vệ, chứ Như Lai thì không, các thầy cứ an tâm đâu về đó, tự bảo hộ lấy tâm mình.

Gián tiếp không giết được Phật thì phải trực tiếp, Điều-đạt tìm được một người đi với mình rồi cùng leo lên núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy, đức Phật đang kinh hành trên một tảng đá ở phía dưới núi. Điều-đạt nhìn thấy, vội vã sai người kia xô đá tảng xuống hại Phật nhưng người này vừa vận dụng tâm xô thì tay chân của y bủn rủn, không cử động được. Tâm ác của y nhanh chóng đổi thay, ý niệm lại nghĩ về Phật, về đức độ bao dung to lớn của Ngài. Với tâm niệm ấy, tay chân ông ta bình phục như cũ. Điều-đạt thấy vậy quát:

- Tại sao ngươi vô dụng đến thế! Cút ngay cho khuất-mắt ta!

Nhanh chóng, Điều-đạt liền tự tay đẩy một tảng đá lớn xuống chỗ Phật. Đá lăn ào ào thì ngay lúc ấy Thần núi tên là Kim-bính-lô⁷¹ xuất hiện, đỡ hòn đá ném ra ngoài xa nhưng có một mảnh vỡ nhỏ văng trúng ngón chân Phật, làm ngón chân Ngài chảy máu. Đức Thế Tôn chứng kiến hành động như thế, Ngài liền nói với Điều-đạt:

- Nay ông phạm phải việc Vô gián. Nếu ai với ác tâm làm cho thân Phật bị chảy máu thì chắc chắn đọa vào Vô gián A-tỳ địa ngục...

Điều-đạt lại tự nghĩ như vậy: “Ta đã không thể hại được Phật, nhưng phá hòa hợp Tăng liệu không được sao? Ta thực hiện được việc này thì dù Phật có đại thần lực, uy danh của ta lại càng chấn động khắp nơi”. Đức Phật biết ý đồ đó, liền chặn ngay Điều-đạt:

- Ông chớ nên phá hòa hợp Tăng. Nếu Tăng bị phá và ai có thể làm hòa hợp lại thì người đó sẽ được sanh lên cõi trời. Họ nhận lấy một kiếp vui. Còn người nào phá hòa hợp Tăng thì người đó phải đọa vào địa ngục một kiếp khổ.

Điều-đạt nghe Phật can răn như vậy, tâm ác của ông chùng xuống và ý đồ phá Tăng tạm gác lại, nhưng sau một thời gian tâm ác ấy lại nổi dậy. Đức Phật lại khuyên can Điều-đạt như trước bằng lời kệ:

*Chúng Tăng hòa hợp vui
Hòa hợp thường an ổn
Ai phá hòa hợp Tăng
Một kiếp địa ngục khổ
Chúng tăng hòa hợp vui
Hòa hợp thường an ổn
Hàn găng tăng bị phá
Thọ vui một kiếp trời.
Nếu chia rẽ riêng biệt
Thường nói lời bất thiện
Để phá hòa hợp Tăng
Một kiếp địa ngục khổ.
Không chia rẽ riêng biệt
Thường hay nói lời lành
Để hàn gắn Tăng phá
Thọ vui một kiếp trời*

Điều-đạt nghe rồi, tạm thời bỏ tâm phá Tăng nhưng thời gian sau tâm ấy lại sống dậy mạnh hơn trước. Các Tỳ-kheo nghe Điều-đạt rắp tâm phá hòa hiệp Tăng, liền đến bạch Phật. Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng khiển trách Điều-đạt và lời khiển trách này được Tăng chuyển đến Điều-đạt. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nên sai một Tỳ-kheo thân tình với Điều-đạt đến khuyên can lời như vậy: “Thầy đừng phá hòa hợp Tăng, đừng làm việc phá Tăng, nên cùng Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp nên được hoan hỷ không tranh cãi, một lòng, cùng học hỏi như nước với sữa hòa hợp. Cùng nhau phát huy lời thầy dạy về hạnh an lạc”. Nếu Điều-đạt thuận lòng thì tốt, bằng không thì sai một số đông đến khuyên can. Nếu Điều-đạt không nghe theo thì Tăng nên đến can gián.

Tăng thực hiện lời dạy này đến lần thứ ba nhưng Điều-đạt vẫn ngoan cố phá Tăng như nhằm trả đũa lại Phật.

Do bởi sự ngoan cố này mà điều giới về việc phá hòa hợp Tăng được Phật tuyên bố trước Tăng nhằm loại trừ, về lâu về dài, sự phá hòa hiệp Tăng.

---o0o---

MỘT BÈ GỖ HU'

Điều-đạt phá hòa hiệp tăng không phải không có bè cánh yểm trợ. Có một số Tỳ-kheo tại thành Vương-xá đã nói ra lời tán trợ Điều-đạt như vậy: “Những gì Điều-đạt nói là Điều-đạt biết, chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng nói sai luật. Chúng tôi chấp nhận và vui mừng”.

Các Trưởng lão Tỳ-kheo nghe luận điệu như vậy đã có lời quở trách, can gián đôi ba phen nhóm Tỳ-kheo này song các thầy vẫn ngoan cố. Việc này được các Tỳ-kheo trình lên Phật, lúc Ngài đang lưu trú tại thành Vương-xá.

Trước Tăng đức Phật kiết giới như sau:

- Tỳ-kheo nào yểm trợ việc phá hòa hiệp Tăng, hoặc một, hoặc hai, hoặc số đông, nói với các Tỳ-kheo rằng: Tỳ-kheo này nói ra vấn đề gì là biết rõ vấn đề đó chứ chẳng phải không biết mà nói. Nói đúng pháp chứ không nói phi pháp, nói đúng luật chứ không nói sai luật. Những gì Tỳ-kheo này đề cập chúng tôi chấp nhận và vui mừng. Trước luận điệu này, Tăng phải khuyên bảo Tỳ-kheo ấy: “Thầy đừng nói những lời như thế. Vì sao vậy? Bởi vì Tỳ-kheo chủ trương phá Tăng kia xuyên tạc chẳng nói đúng vấn đề. Nói không đúng pháp, không đúng luật. Các thầy chớ nên vui thích yểm trợ Tỳ-kheo kia phá hòa hiệp Tăng, nên vui vẻ yểm trợ làm cho Tăng hòa hợp. Tăng hòa hợp là có niềm vui có sự hoan hỷ, không xảy ra tranh cãi. Một lòng cùng nhau học tập như nước hòa với sữa, cùng nhau mở rộng hạnh an lạc mà Đạo sư đã truyền dạy.” Can gián lời như vậy mà đương sự ngoan cố không sửa đổi thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ yểm trợ thì tốt, không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa⁷².

---o0o---

MỘT XA-NẶC TRỜI ĐẤT

Chuyện này xảy ra lúc đức Phật lưu trú tại nước Câu-xá-di.

Tỳ-kheo Xiển-đà⁷³ là một cự phách trong nhóm “Lục quần”. Có những đặc điểm như vậy:

- Vào nhà Cư sĩ mặc tình nằm ngồi không đúng pháp, thiếu tế nhị.
- Ăn riêng chúng, ăn phi thời
- Không cần thưa với thiện Tỳ-kheo khi vào xóm làng.

Các Tỳ-kheo thấy tế hạnh của Xiển-đà như vậy nên có lời chỉ trích:

- Thầy phạm phép tắc như vậy là có tội. Thầy phải nhìn thấy sự sai phạm của mình mà sửa đổi sám hối, đừng đánh mất sự thanh tịnh đối với việc tu phạm hạnh. Không lẽ thấy sống mãi với sự tối tăm, tội lỗi này mà chịu sự khổ não sao? Sao đành làm cho các thí chủ mất hết công đức?

Xiển-đà trả lời:

- Đại đức! Các thầy không nên dạy tôi, tôi dạy các thầy mới phải. Tại sao vậy? Tại vì Pháp Vương Thánh Sư (Thế Tôn) là chủ của tôi, phép tắc tôi rút ra từ đó, không dính dự gì đến các Đại đức. Giống như có trận gió lớn thổi qua, các thứ rác rưởi dơ bẩn tập trung lại một chỗ. Tất cả các Đại đức bao gồm nhiều dòng họ, nhiều gia đình, nhiều quốc gia xuất gia thì cũng tập trung lại nhiều thứ như vậy. Tại sao các thầy lại muốn răn dạy tôi?! Nay các Đại đức! Đừng nói với tôi điều gì, hoặc tốt, hoặc xấu, tôi cũng không nói điều gì hoặc tốt, hoặc xấu với Đại đức.

Các thầy Tỳ-kheo lại nói với Xiển-đà:

- Thầy đừng tự cao! Lẽ nào thầy không dùng lời để cộng tác với chúng tôi. Thầy nên nói với các Tỳ-kheo những chuyện tốt, xấu. Các Tỳ-kheo cũng nên nói chuyện với thầy những điều tốt xấu. Sự trao đổi, chỉ giáo cho nhau rộng rãi như vậy sẽ làm chuyển đổi, loại ra các dạng tội lỗi, như thế mới có thể làm nên chúng Tăng của đức Như Lai.

Các Tỳ-kheo can gián, phân giải như vậy, song Xiển-đà vẫn ngoan cố không bỏ thói xấu ấy, nên các Tỳ-kheo cùng đưa Xiển-đà đến chỗ đức Phật, trình bày rõ sự việc lên Ngài.

Trước Tăng, để làm rõ vấn đề, Phật hỏi lại sự việc đã xảy ra, và được Xiển-đà xác nhận:

- Thừa Thế Tôn, sự thật con có hành động như vậy.

Đức Phật lại quở trách Xiển-đà:

- Ông là người ngu si, tại sao ông nói không thể dùng lời hợp tác xây dựng nhau? Các thầy Tỳ-kheo thấy ông phạm tội, nên không muốn cùng ông Bồ tát, Tỳ tứ, Yết-ma làm công việc của Tăng. Vì thế, dù lòng thương quở trách, can gián ông, tại sao ông không nghiêm chỉnh chấp nhận?!

Sau khi quở trách, đức Phật kiết giới nhằm chặn đứng tội lỗi, đem lại lợi ích cho chúng Tăng bất luận là thời gian nào.

---o0o---

ĐUỔI RA KHỎI ẤP

Lúc bấy giờ, nơi ấp Kiết-la⁷⁴, là một ấp ven thành Xá-vệ, có hai Tỳ-kheo, một người tên là An-bệ, người thứ hai tên là Phân-na-bà⁷⁵, làm nhiều việc xấu, không đúng tư cách của người xuất gia, như: đến nhà ai thì làm cho người ta mang tiếng xấu, hành động không đúng oai nghi, tự kết tràng hoa đeo lên mình, hay chỉ cho người kết tràng hoa để họ đeo lên người, cùng với người nữ ngồi một giường, ăn một mâm, ăn thịt, uống rượu, ca múa, đờn hát. Lại giả làm âm thanh các loài chim, giả làm chim đá nhau. Khi thì bài bạc, khi thì đi ngã nghiêng như người say, khi thì cười hi hí, khi thì ném bắt, chỉ tay nheo mắt, làm các trò hề để treo ghẹo người nữ... Thân, khẩu, ý của họ hiện hành những việc xấu như thế và như thế là phá giới, phá kiến, phá oai nghi chánh mạng...

Lúc đó, có 500 Tỳ-kheo oai nghi hoàn hảo từ nước Ca-di đến ấp này. Đến giờ trì bát, họ chia nhau vào thôn khát thực. Thấy các nhà sư, các Cư sĩ cay đắng thốt lên:

- Các Tỳ-kheo này từ đâu đến? Sao lại cúi đầu làm thỉnh giống như hiểu tử, không biết mở miệng giao tiếp với mọi người. Ở ấp chúng ta đã sẵn có hai người hiền Tỳ-kheo đủ tài, lắm nghề, khéo làm đẹp lòng người, đâu có phiền gì để hạ người này ở lại ấp của ta. Dứt khoát không cho họ thức ăn, để họ mang bát không mà về.

Vào thời điểm ấy, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cũng trên đường từ Ca-di đến ấp này. Hay tin này, bọn An-bệ lo lắng suy nghĩ: “Hai vị này đến đây ắt

phải nghe việc làm ác nổi tiếng của chúng ta mà cắt đứt sự cúng dường của chúng ta. Thế là bọn họ đến nói với các cư sĩ:

- Không bao lâu nữa sẽ có hai Tỳ-kheo đến áp mình. Một vị tên là Mục-liên, rất có tài huyền thuật, biến hóa, hiển hiện đủ mọi hình thức. Còn vị kia tên là Xá-lợi-phất, rất giỏi chú pháp, xảo ngôn, khéo mê hoặc thiên hạ. Các Phật tử nên cẩn thận đừng bị mê hoặc! Chúng tôi sẽ ở lại đây. Nếu yêu cầu chánh đáng này không đạt được thì chúng tôi ra đi.

Các Cư sĩ nói:

- Các Trưởng lão cứ an tâm, chúng con sẽ không bao giờ bị họ mê hoặc.

Ngày đến áp, hai vị Mục-liên và Xá-lợi-phất được các Cư sĩ già, trẻ, lớn, nhỏ đều ra nghinh đón, chào hỏi, cung kính đánh lễ rồi họ ngồi sang một bên.

Nhân lúc ấy, Mục-liên hiện thân thông, biến hóa, chia thân ra làm trăm ngàn rồi hiệp lại làm một, đi xuyên qua vách tường, đi trên nước như đi trên đất, ngồi nằm trên hư không như chim bay liệng, thân đến Phạm Thiên, tay sờ mặt trời, mặt trăng, phần trên thân tuôn ra lửa, phần dưới thân tuôn ra nước, phần trên thân tuôn ra nước, phần dưới thân tuôn ra lửa, hoặc hiện nửa thân, hoặc hiện toàn thân, vọt ra nơi phương Đông, lặn nơi phương Tây, vọt ra nơi phương Tây, lặn nơi phương Đông, vọt ra nơi phương Nam, lặn nơi phương Bắc, vọt ra nơi phương Bắc, lặn nơi phương Nam, vọt ra nơi chính giữa, lặn mát vào một bên, vọt ra nơi một bên, lặn mát vào chính giữa... Hiện thân biến hóa rồi, Mục-liên trở lại ngồi chỗ cũ.

Lúc bấy giờ, các Cư sĩ đều trầm trồ với nhau rằng: “Mục-liên huyền thuật quá tài tình, sự thật này là sự thật của mắt thấy tai nghe”.

Đến phiên Xá-lợi-phất nói diệu pháp, thì suốt bài pháp Tôn giả thuyết giảng không chỗ nào là không hiểu, nói lên ý nghĩa thiện, pháp vị thiện và đầy đủ hình ảnh trong sáng phạm hạnh. Sau khi thuyết pháp, Tôn giả ngồi trong tư thế thiền định. Các Cư sĩ tấm tắc khen ngợi: “Xá-lợi-phất quả có tài nói pháp”.

Tuy nhiên, sự thật dù là vậy, mọi người vẫn không tin nhận, không trân trọng cúng dường. May thay, trong áp này có hai vị Ưu-bà-tắc tên là Phú-xà và Ưu-lâu-già, đôi với Phật pháp có lòng tin thuần thực, mến mộ. Họ nhận

thức được pháp vi diệu và đắc sơ quả, tâm họ rất hoan hỷ trong việc bố thí, cúng dường. Nghe tin Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đến ấp, cả hai cùng đến nghinh đón. Họ đánh lễ sát chân hai Tôn giả. Hai vị đã vì họ nói diệu pháp, nghe pháp họ rất vui mừng vì điều lợi ích họ được hướng dẫn. Sau khi nghe pháp, hai Cư sĩ thưa với Ngài Xá-lợi-phất:

- Trong ấp này có hai Tỳ-kheo, qua nhiều sự việc mà cả hai hành động không còn gì là tư cách của một vị Tăng.

Họ dẫn chứng những sự việc như đã xảy ra. Tiếp đó họ thưa:

- Thưa nhị vị Tôn giả, gần đây có 500 Tỳ-kheo rất mực oai nghi vào trong thôn khát thực, do ảnh hưởng xấu kia mà 500 vị đành phải ôm bát về không. Cúi xin nhị vị Tôn giả đem việc này bạch lên Phật.

Hai Ngài ghi nhận rồi tiếp tục nói diệu pháp. Hai Cư sĩ rất vui mừng vì nhận thêm được lợi ích thiện.

Trở về thành Xá-vệ, hai vị Tôn giả bạch lên Phật vấn đề đã xảy ra ở ấp Kiết-la.

Do sự việc này, đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo A-nan :

- Ông đến ấp Kiết-la trao cho hai Tỳ-kheo ấy pháp Yết-ma khu xuất ⁷⁶.

A-nan bạch Phật:

- Hai Tỳ-kheo ác kiến kia chẳng phải Sa-môn, lại tự nhận là Sa-môn, thường làm điều bất tịnh, tâm họ đã bại hoại đến thế, nếu một mình con đến, chắc chắn với tâm ác tột cùng ấy, hai ông tha hồ sỉ nhục, quậy phá, náo loạn con!

Đức Phật nói với A-nan:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Nhận xét của ông là sự thật. Nay ông có thể cùng một số Tỳ-kheo nhiều ít tùy ý ông, đến ấp Kiết-la, trước tập hợp chúng, sau đó mới cử tội nhóm An-bệ, bạch tứ Yết-ma, đuổi họ ra khỏi ấp.

Vâng theo lời dạy, Tôn giả A-nan cùng đi với 500 Tỳ-kheo đến ấp Kiết-la. Đến nơi, các Cư sĩ ra đón chào, kính lễ. Họ tác lễ sát chân Tỳ-kheo rồi cùng ngồi lui qua một bên...

Tôn giả A-nan thực hiện đúng lời Phật dạy, bạch tứ Yết-ma đuổi hai Tỳ-kheo kia ra khỏi ấp, song họ lại gay gắt phản ứng không chấp nhận Yết-ma đuổi. Họ đáp trả bằng cách chỉ trích thẳng Tôn giả A-nan rằng:

- A-nan đã tùy tiện, hành xử theo cảm tính thương ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi, cho nên không đi. Vì sao vậy? Vì có Tỳ-kheo đồng tội như thế mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. A-nan thiên vị ác ý.

Các Tỳ-kheo nghiêm khắc nói:

- Hai ông không nên có lời thiếu lễ độ đối với A-nan như vậy. A-nan làm việc theo lời của Phật và Tăng. Các thầy hãy xét lại tự thân, có phải các thầy đã hành xử theo lẽ thói xấu ác, các thầy đã làm cho nhà người ta mang tiếng xấu. Hành vi xấu ác mọi người đều nghe thấy, biết rõ, hành vi làm nhor nhóp nhà người, ai cũng đều hay biết, chán ngấy. Các thầy nên ra khỏi nơi đây không được ở lại.

Các Tỳ-kheo đem lời phân giải, chỉ trích như vậy, song nhóm An-bê vẫn ngoan cố không chấp nhận Yết-ma khu xuất, không ra đi.

Đức Phật khi nhận được lời bạch của Tăng về kết quả này, đều dạy bảo Tăng dùng mọi cách can gián, phân giải hoặc nhờ bạn bè thân thiết, qua nhiều Tỳ-kheo hay tập thể Tăng. Việc này đã không kết quả nên Phật đã chế giới. Về sau phạm như thế là tội Tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

VẬT BẤT LY THÂN ⁷⁷

Lúc bấy giờ đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ. Có nhóm Tỳ-kheo ⁷⁸ người, an cư xong muốn đi du hành, lại có ý nghĩ: “Chúng ta sẽ trở về lại đây, đem theo một y là đủ, không phải đem theo nhiều phiền lắm!”.

Nghĩ sao làm vậy, các Tỳ-kheo lấy khăn gói y còn lại đem để trên giá, rồi nhờ các Tỳ-kheo trú xứ trông hộ và lên đường.

Kẻ ra đi, người lại đến. Lục quân Tỳ-kheo trở về, bảo các Tỳ-kheo trú xứ rằng:

- Cung cấp phòng cho chúng tôi.

- Có, phòng của 17 Tỳ-kheo vừa đi, các vị vào nghỉ ở đó. - Tỳ-kheo trú xứ hướng dẫn.

Vào phòng, thấy ngay một gói y trên giá, Lục quân hỏi:

- Tại sao các thầy cất chứa các y dư này?

- Đây là y của nhóm 17 Tỳ-kheo, các thầy ấy đi du hành sau an cư, không thể mang theo được nên lưu lại, gửi cho tôi đó. - Tỳ-kheo trú xứ bảo thế.

Được có, nhóm 6 Tỳ-kheo tha hồ la rầy, quở trách rồi đem vấn đề lên thưa với Phật.

Nhân việc này, sau đó, Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng.

Nhóm Tỳ-kheo 17 người xác nhận đúng sự việc như vậy. Đức Phật liền quở trách:

- Các ông ngu si, không nghe ta dạy: Vật bất ly thân của Tỳ-kheo là 3 y và bình bát, giống như con chim bay được là nhờ hai cánh của nó đó sao?

Quở trách rồi đức Phật kiết giới, nhưng sau đó được bỏ sung bởi việc xảy ra có liên hệ.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo muốn đi về ấp Sa-kiệt-đà, nhưng y phần tảo lại khá nặng khó mang theo, muốn xả nhưng không biết nên như thế nào, bạch các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đưa đương sự lên trình Phật để xin sự chỉ giáo. Phật dạy: “Phải xin Tăng Yết-ma không mất y”. Và Ngài đã hướng dẫn cụ thể pháp làm Yết-ma này đối với đương sự cũng như đối với Tăng.

---o0o---

Y PHI THỜI

Lúc bấy giờ, ngoài 3 y đã đủ và y Ca-thi-na đã xả, các Tỳ-kheo lại được y phi thời. Tự thấy việc này là sai trái, xấu hổ, bởi đức Phật chưa cho phép nhận y phi thời. Việc này được các Trưởng lão bạch lên Phật. Đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng... Sau khi sự việc được các Tỳ-kheo đương sự xác nhận sự thật, đức Phật bằng nhiều hình thức khen ngợi hạnh thiếu dục tri

túc, khen giới, khen người trì giới, tiếp đó Ngài chỉ giáo các Tỳ-kheo: “Từ nay cho phép nhận y phi thời”.

Sau đó Tỳ-kheo Lục quần lợi dụng sự cho phép này lại mặc tình nhận y phi thời. Nhận thì nhiều mà đắp mặc thì ít, không cho ai, cũng không làm pháp tịnh thí⁷⁹. Các Tỳ-kheo thấy vậy hỏi:

- Các thầy không nghe đức Thế Tôn chế giới không được chứa để y dư thừa hay sao?

Lục quần liền đáp lời:

- Tuy đức Phật chế cấm cất y dư nhưng Ngài cho phép nhận y phi thời.

- Có phải lúc nào các thầy cũng cất giữ y phi thời, lại không mặc đúng phép tắc, không cho người, không tịnh thí như thế hay sao? Các Tỳ-kheo hỏi.

Lục quần đáp:

- Thừa các vị đúng như vậy!

Ngoài việc quở trách, các Trưởng lão đưa sự việc lên đức Phật. Trước các Tỳ-kheo, đức Phật quở trách nghiêm khắc Lục quần:

- Các ông là kẻ ngu si. Không nên ham hố cầu xin quá nhiều như thế. Đối với pháp của ngoại đạo, người nhận, nhận mấy cũng không chán, kể cho lại so lường tính toán. Trong chánh pháp của Ta thì lấy điều ít ham muốn, biết vừa đủ làm đầu, người cho tuy tích cực rộng rãi, nhưng kẻ nhận chỉ nhận ít mà thôi.

Quở trách rồi, đức Phật lại kiết giới ngăn cấm.

Sau đó, có một trú xứ nọ, các Tỳ-kheo nhận được nhiều y, ngoài việc nhận giữ, cho người, tịnh thí, còn dư ra một đoạn vải. Không Tỳ-kheo nào nhận lấy đoạn vải này, bởi vì đức Phật không cho phép nhận vải không đủ để may y. Tỳ-kheo cho vải lại nói:

- Cứ nhận đi, cần đủ vải thì sẽ có ngay.

Khi ấy có Trương lão Già-tỳ nhận được miếng vải vừa hẹp vừa ngắn, hằng ngày cứ kéo ra hy vọng miếng vải dài rộng hơn trước. Theo thường lệ cứ 5 ngày, đức Phật đi xem xét các phòng, thấy Già-tỳ kéo vải, Ngài hỏi:

- Thầy làm gì vậy?

- Bạch Thế Tôn, con nhận được miếng vải này nhưng không thợ tri được.

- Vậy thầy có hy vọng nhận được chỗ nào nữa không?

- Thưa có.

- Thời gian lâu mau nữa sẽ nhận được?

- Thưa trong vòng một tháng.

Nhân việc này, đức Phật khen ngợi hạnh thiếu dục tri túc, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay cho phép cất giữ vải phi thời, nếu không đủ, chờ cho đủ trong vòng một tháng.

Việc này lại xảy ra trường hợp không cất giữ mà lại mang vải đi du hành quá một tháng, cho nên sau đó giới điều này được Phật chế bỏ sung cụ thể.

--- o0o ---

PHẦN 03

CUỘC ĐỜI CỦA TỖ-KHEO LIÊN HOA SẮC

Đức Phật đang lưu trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ trong ấp Ưu-thiện-na có một Cư sĩ ở tuổi thiếu niên, trên đường du lịch vui chơi gặp một người con gái tên là Liên Hoa Sắc, sắc đẹp mơn mớn như hoa đào, dáng vẻ cực kỳ xinh đẹp. Họp tình họp tánh, yêu nhau thắm thiết, trở thành vợ chồng xứng đôi vừa lứa nhất thiên hạ. Sau thời gian ngắn, người vợ mang thai. Gần ngày sanh, cô ta về lại nhà cha mẹ mình. Ở đây, cô sanh một bé gái.

Vì người vợ nằm nơi nên người chồng không thể gần gũi được. Anh ta lại vụng trộm tư thông với mẹ vợ của mình... Liên Hoa Sắc biết được, muốn

vất bỏ tất cả, cắt đứt đạo vợ chồng, nhưng lại sợ liên lụy đến cha mẹ; hơn nữa, vì thương con nên phải ôm sầu, nuốt hận, chịu tủi nhục để nuôi con, nhằm che mờ cái điều khôn nạn kia...

Về lại nhà chồng, cúi đầu nuôi con được một thời gian 8 năm rồi bỏ nhà ra đi để lại đứa con lên 8. Đến được thành Ba-la-nại⁸⁰ trong sự đói khát lẫn người, Liên Hoa Sắc ngồi nghỉ bên mé nước. Trong lúc ấy, có ông Trưởng giả nọ du ngoạn qua đây, trông thấy Liên Hoa, ông ta say đắm, đem lòng sủng ái và ngỏ lời hỏi thăm:

- Cô ở đâu, dòng họ cha mẹ cô thế nào? Hiện nay cô có bị ai ràng buộc không? Hay còn độc thân?

Liên Hoa Sắc đáp:

- Tôi là đứa con gái thuộc dòng họ... nay tôi không thuộc sở hữu của ai.

Ông Trưởng giả lại hỏi:

- Nếu không thuộc sở hữu của ai thì có thể vì tôi làm chánh thất được không?

Liên Hoa Sắc nói:

- Người con gái lấy chồng, tại sao không được?!

Ông Trưởng giả liền đưa cô ta lên xe trở về nhà, rồi tấn phong làm vợ cả. Liên Hoa Sắc sắp đặt chu toàn mọi việc trong nhà. Từ lớn đến nhỏ hòa thuận, sung túc, vợ chồng tương kính, nặng nghĩa lẫn nhau. Sau 8 năm, bấy giờ ông Trưởng giả nói với vợ rằng:

- Tôi có đầu tư vốn tại ấp Ưu-thiện-na, theo sổ sách, kiểm tra số nợ lãi 8 năm qua, thống kê cho đến nay lãi sanh từ vốn ấy lên đến con số cả ức. Hôm nay tôi muốn đến đó thu lãi về, chúng ta tạm thời xa nhau, chắc em đồng ý chứ?

Người vợ nói:

- Phong tục tại ấp đó người nữ thích phóng dật, anh đến đó coi chừng bị mất tiết tháo của người trượng phu. Cửa cải như phân, như đất, sao lại bận lòng tính toán làm chi?!

Người chồng trả lời:

- Tôi tuy biết rõ nhược điểm của mình, nhưng không đến nỗi bị cảm dỗ, mê loạn.

Người vợ lại nói:

- Nếu anh quyết định cần phải đi thì nên suy nghĩ kỹ và cho em nghe một lời thề.

Người chồng nói:

- Tốt lắm, anh thề rằng: “Nếu anh có mong tâm yêu thương nhân nhít, thì khi trở về, anh sẽ chết với tà tâm đó ngay tại cửa ngõ”.

Với lời thề như thế, người chồng đến áp Ưu-thiện-na. Vì phải thu lãi nhiều nơi, nên thời gian kéo dài đến cả năm. Xa nhà càng lâu ngày, nhớ nhà càng gấp bội, cái thiếu tình lại sanh nợ, kia, nên muốn tìm của lạ, nhất là tiền bạc dư giả mua tiên cũng được. Trưởng giả nảy ra ý nghĩ: “Ta nên giải quyết thế nào để không đi ngược lời thề với vợ, mà vẫn thỏa tình hiện nay?”. Trưởng giả lại tính: “Nếu ta tà tâm thì trái lời thề với vợ, thôi thì tạo một nhà riêng là êm chuyện, khỏi kẹt vào lời thề”.

Thế rồi, ông ta lân la dò tìm cái của riêng ấy. Gặp một người con gái dung nhan tao nhã, dịu dàng, nét người đoan chánh toát ra một sức hấp dẫn lạ kỳ. Ông ta đem lòng yêu thương cô bé này một cách say đắm. Ông thẳng tiến tìm đến nhà cầu hôn.

Cha người con gái thấy ông Trưởng giả tiền tài loang loáng, lại rất hào phóng. Vớ được người giàu sụ như thế, người cha hoan hỷ nhận lời cầu hôn của Trưởng giả. Cô gái bây giờ trở thành người vợ trẻ của kẻ trọc phú. Thu nợ xong, ông Trưởng giả cùng với người vợ trẻ quay về cố quốc. Ông đưa người vợ đến an nhàn ở trong một tổ ấm riêng biệt. Êm ấm đâu đấy, ông mới về nhà cũ. Coi như chẳng có việc gì xảy ra. Từ đó, sáng đi, chiều về, khác hẳn với ngày trước. Liên Hoa Sắc cảm nhận được sự bất thường, âm thầm, cô ta theo dõi rồi hỏi người tùy tùng của chồng. Người ấy bảo rằng: “Ngoài ấy có một thiếu phụ nên mới đi - về như vậy”.

Chiều hôm đó, người chồng về, Liên Hoa Sắc hỏi thẳng vấn đề:

- Anh đã có người hầu sao lại giấu em, không cho em thấy?!

Ông Trương giả thú nhận:

- Sợ em biết sự thật lại hận anh, nên phải giấu ngoài ấy.

Người vợ nói:

- Em không ghen ghét hiềm hận đâu! Thần minh chứng giám cho em điều này, anh nên gọi cô ấy về để cùng em lo liệu việc nhà.

Nghe lời vợ, Trương giả đưa cô em về nhà...

Thời gian sau, nhân lúc gọi đầu, để ý kỹ tướng mạo, Liên Hoa Sắc mới nghi là con gái mình, bà ta khéo léo hỏi rõ lý lịch, và thiếu phụ trả lời cặn kẽ về cha mẹ, dòng tộc, làng xã của mình. Thế là vỡ lẽ! Liên Hoa Sắc kinh hoàng nói:

- Xưa kia mẹ và con đồng một chồng! Nay con với mẹ cùng một chàng rể! Sanh tử mê loạn đến nỗi này ư?! Nếu không đoạn ái dục, xuất gia học đạo thì sự điên đảo, mê hoặc này làm sao chấm dứt được?!

Liên Hoa Sắc liền vất bỏ tất cả ra đi và lần lữa đến cửa Kỳ-hoàn⁸¹ trong sự đói khát, mệt lã. Bà ta ngồi tựa vào gốc cây.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn giữa một rừng người vây quanh. Liên Hoa Sắc thấy hàng hàng, lớp lớp người vào ra tấp nập, nghĩ bụng: “Tiết hội chắc có thức ăn”, bèn đi lần vào tịnh xá. Thì ra Thế Tôn đang thuyết pháp trước số đông người đang lắng nghe. Liên Hoa Sắc lắng nghe pháp, lãnh hội được vấn đề, và sự đói khát ngay lúc ấy cũng xua tan đâu mất. Bấy giờ, Thế Tôn quan sát khắp hội chúng xem ai có thể độ được. Ngài thấy rõ chỉ có Liên Hoa Sắc là người sẽ đắc đạo quả, nên liền nói pháp bốn chân đế: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Từ nơi chỗ ngồi Liên Hoa Sắc rũ bỏ được mọi trần cấu, sở đắc con mắt pháp thanh tịnh. Khi đắc quả rồi, Liên Hoa Sắc một lòng chấp tay đứng hướng về đức Phật.

Đức Phật nói pháp xong, hội chúng ra về. Liên Hoa Sắc đến trước đức Phật, kính lễ sát chân Ngài, quỳ gối, chấp tay bạch Phật:

- Con xin nguyện được xuất gia trong Chánh pháp của đức Phật.

Đức Phật chấp nhận rồi bảo Tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề⁸²:

- Nay Tỳ-kheo ni, nên độ người nữ này tu tập hành đạo.

Ma-ha Ba-xà-ba-đề vâng lời dạy, liền độ cho xuất gia thọ giới. Liên Hoa Sắc siêng năng tinh tấn hành đạo, nhanh chóng thành bậc La-hán.

Sau khi thành La-hán, nhờ thú vui trong các cảnh thiên giải thoát, nên dung nhan, tướng mạo Liên Hoa Sắc càng sáng rõ bội phần hơn trước.

Ngày ấy, vào giờ trì bát, Liên Hoa Sắc vào thành khát thực. Một người Bà-la-môn trông thấy, ông ta đắm say ngay sắc đẹp của Liên Hoa, liền có ý nghĩ: “Đây là Tỳ-kheo ni, ta không thể chiếm đoạt ngay được mà phải khôn khéo tìm cách tiếp cận, rồi dần vào thế có thể hành sự được...”

Khất thực xong, Liên Hoa sắc trở về vườn An-đà⁸³, rồi vào trú phòng của mình. Người Bà-la-môn kia theo sau theo dõi, nắm vững chỗ ở và nếp sống của Liên Hoa. Hôm sau, khi đến giờ khất thực, lợi dụng lúc vắng vẻ không người, ông ta đột nhập phòng Liên Hoa qua ngõ sau, rồi chui xuống gầm giường nằm yên đợi chờ. Suốt ngày ấy, các Tỳ-kheo ni tập trung nghe pháp và nghe xong thời pháp thì trời đã tối. Về đến phòng, vì mỗi một nên Liên Hoa Sắc đặt mình xuống là thiếp đi. Ngay lúc ấy, Bà-la-môn dưới gầm giường bò ra làm chuyện bất tịnh. Tỳ-kheo ni Liên Hoa liền thức dậy, rồi vụt bay lên hư không. Còn đối với người Bà-la-môn thì ngay trên giường ông đã bị đọa thẳng vào địa ngục. Liên Hoa Sắc nhân đó bay đến chỗ đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân Ngài, rồi bạch lên Phật vấn đề vừa xảy ra.

Đức Phật hỏi:

- Vào lúc ấy tâm cô thế nào?

Liên Hoa Sắc thưa:

- Lúc ấy như lưới sắt nung đỏ rực, áp vào thân con.

Đức Phật dạy:

- Như thế là vô tội.

Liên Hoa Sắc lại bạch Phật:

- Ngủ một mình có phạm tội hay không?

Đức Phật dạy:

- Người đắc đạo thì không phạm.

Vào thời gian ấy, có bọn giặc tập trung tại một địa điểm rồi thảo luận: “Vật dụng mà chúng ta đoạt được nên trao đổi như thế này... để có thức ăn ngon và gái đẹp”. Đa số bọn chúng đều đồng ý rằng: “Vườn An-đà kia là trú xứ của Tỳ-kheo ni, chắc chắn có sắc đẹp và cũng sẽ có nhiều thức ăn ngon cung cấp cho ta, ta đến đó phân chia trao đổi vật dụng, đương nhiên chúng ta sẽ được như ý muốn”. Trong lúc ấy, tên cầm đầu bọn giặc lại có lòng kính tin Phật pháp, nghe nói như vậy, lấy làm lo lắng, trong ý tưởng ông ta: “Bọn chúng chắc sẽ đến gây nhiễu loạn các Tỳ-kheo ni. Ta nên âm thầm cho người đến báo trước”. Tên cầm đầu bọn giặc liền thực hiện việc mật báo. Tỳ-kheo ni nhận được với lời cảnh báo: “Tối nay sẽ có bọn người ác đến đây khủng bố, ắt sẽ sanh nhiễu loạn, Chư ni nên đi tránh để có được sự an toàn”.

Trong thành Xá-vệ có một nơi dành riêng cho Tỳ-kheo Tăng trạm trú, ngôi nhà này do một đại thần phát tâm xây dựng cúng dường. Ngày hôm ấy không có Tăng trạm trú ở đây, nhân đó, các Tỳ-kheo ni, sau khi được mật báo đã vội vã về đây lúc xế chiều và tạm trú ngụ tại ngôi nhà này.

Tối hôm ấy, bọn giặc đến vườn An-đà, chúng chẳng tìm thấy một ai cả. Trước sự thất vọng của bọn giặc, người chủ tướng lại vui mừng, tâm niệm rằng: “Các Tỳ-kheo ni đã thoát được cảnh sĩ nhục, không gì vui bằng, ta nên làm việc cúng dường”. Chủ tướng lấy một xấp vải rất tốt, gói đầy đủ đồ ăn, thức uống thuộc loại cao sang mỹ vị rồi treo lên nhánh cây với tâm niệm rằng: “Nếu Tỳ-kheo ni nào đắc đạo Thần thông thì đến lấy gói thức ăn này”.

Tâm niệm này liền được cảm ứng, Tỳ-kheo ni Liên Hoa Sắc nhanh như cánh tay co duỗi của lực sĩ, từ thành Xá-vệ đến vườn An-đà, lấy gói thức ăn trên nhánh cây.

Sáng hôm sau, đến giờ ăn, thay vì ăn, Liên Hoa Sắc thiết dọn rồi mời hai Trưởng lão Ưu-bà-tư-na và Bạt-nan-đà đến cúng dường. Hai vị nhận sự cúng dường này, và sau khi thọ thực xong, Liên Hoa Sắc ngồi trên chiếc ghế nhỏ đối diện, thỉnh cầu nhị vị Trưởng lão thuyết pháp. Trưởng lão Ưu-bà-tư-na nói diệu pháp xong liền đứng dậy ra về, còn Bạt-nan-đà nán lại, hỏi Liên Hoa Sắc:

- Sư cô được thức ăn hảo hạng này từ đâu?

Liên Hoa Sắc trình bày lại sự việc từ đầu đến cuối như đã xảy ra.

Bạt-nan-đà nói:

- Có thể cho tôi xem tấm vải ấy được không?

Yêu cầu này được thỏa mãn và Bạt-nan-đà nhìn thấy xấp vải giá trị kia thì lòng tham nổi dậy, muốn trưng dụng nên nài nỉ xin cho được.

Liên Hoa Sắc nói:

- Điều này không thể được, tại sao vậy? Bởi người nữ phước mỏng nên cần phải sắm giữ 5 y⁸⁴.

Bạt-nan-đà nói:

- Như người đem voi, ngựa bố thí mà lại không cho dây cương, sư cô cũng như vậy: Tại sao cúng dường thức ăn mỹ vị cao sang thì được, mà lại tiếc chi một tấm vải không cho là sao?

Bạt-nan-đà bằng tài ăn nói của mình đã tìm cách thuyết phục cho kỳ được. Trong thế chẳngặng đặng đùng, Liên Hoa Sắc đành trao cho Bạt-nan-đà tấm vải giá trị này.

Được tấm vải này rồi, Bạt-nan-đà trở về lại trú xứ. Các Tỳ-kheo thấy tấm vải đẹp nói:

- Thầy là người phước đức nên mới được tấm vải tốt này.

Bạt-nan-đà nói:

- Tôi đâu có phước đức gì, năn nỉ muốn gây cả lưỡi, Tỳ-kheo ni mới cho tôi đó!

Các Tỳ-kheo nghe thế liền quở trách:

- Tại sao thầy lại cưỡng bức bằng lời nói để thu đoạt vải y của Tỳ-kheo ni?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn không muốn 4 chúng tới lui ồn ào, nên bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta muốn vào tịnh thất ba tháng, đừng để ai đến chỗ Ta đang trú, chỉ trừ Tỳ-kheo đem cơm. Các thầy nên lập ra quy định này.

Vâng lời Phật dạy, các Tỳ-kheo lập ra định chế ghi rõ:

“Từ nay không ai được đến chỗ Phật ở, chỉ trừ Tỳ-kheo đem cơm. Nếu người nào vi phạm, phạm Ba-dật-đề ⁸⁵”.

Qui chế này, Trưởng lão Ưu-bà-tur-na không hay biết, sau khi đến thành Xá-vệ, hỏi một Tỳ-kheo để biết đức Phật ở phòng nào. Theo chỉ dẫn của Tỳ-kheo này, Ưu-bà-tur-na-đến trước cửa phòng Phật, đưa tay gõ cửa. Đức Phật mở cửa. Ưu-bà-tur-na kính lễ sát chân Phật rồi ngồi lui ra một bên. Đức Phật hỏi Ưu-bà-tur-na:

- Chúng của thầy thanh tịnh, rất mực oai nghi, thầy giáo hóa cách nào mà được như vậy?

Tỳ-kheo ấy thưa:

- Nếu có người nào đến con cầu xin xuất gia thì con dạy họ 12 hạnh Đầu-đà. Con bảo họ: “Phải trọn đời làm Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, khát thực, nhất tọa thực, tuần tự khát thực, ở nơi gò mả, mặc y phẩn tảo, ba y, phu tọa tùy thân, ngồi dưới gốc cây, ngồi chỗ đất trống. Kính bạch đức Thế Tôn! Nếu người nào nói trọn đời có thể phụng hành pháp này thì mới được vào chúng của con, con làm thầy họ.

Đức Phật khen:

- Hay lắm! Hay lắm! Như vậy, có thể gọi thầy là hạng người khéo giáo dục đồ chúng.

Đức Phật lại hỏi:

- Thầy có biết trong Chúng tăng ở đây có đề ra qui chế gì hay không?

Trưởng lão Ưu-bà-tur-na thưa:

- Con không hề hay biết việc này. Vì con từng nghe Phật dạy: “Những gì Phật chưa chế, không được tự ý lập ra; những gì Phật đã quy định, nên trân trọng làm theo”.

Đức Phật nói lại quy chế trên cho thầy này nghe. Trưởng lão Ưu-bà-tu-na thưa:

- Con không tùy theo quy chế của Tăng mà sám hối tội Ba-dật-đề được.

Đức Phật dạy:

- Hay lắm! Thầy nhận xét như thế là đúng!

Trong lúc đó, Tỳ-kheo sống lâu năm ở đây đứng trước phòng, chờ Ưu-bà-tu-na đi ra rồi bảo:

- Thầy phạm quy chế của Tăng, nên tác pháp sám Ba-dật-đề.

Trưởng lão Ưu-bà-tu-na hỏi:

- Tôi phạm Ba-dật-đề nào vậy?

Các Tỳ-kheo trình bày đầy đủ nội dung quy chế trên. Trưởng lão Ưu-bà-tu-na trả lời:

- Tôi không thể thực hiện theo quy chế của Tăng để sám hối được! Tại sao thế? Bởi chính tôi nghe Phật dạy: “Nếu Phật không chế cấm thì Tăng không được phép chế cấm. Nếu Phật đã chế rồi Tăng không được trái phạm”.

Lúc ấy, đức Phật bước ra nói với các Tỳ-kheo:

- Từ nay nếu có Tỳ-kheo A-lan-nhã nào như Ưu-bà-tu-na thì cho phép đến chỗ Ta.

Các Tỳ-kheo ghi nhận lời dạy, lại có ý nghĩ: “Chúng ta nên trân trọng tu theo hạnh Đầu-đà này để đến được chỗ đức Thế Tôn”. Thế là các Tỳ-kheo đua nhau tu hạnh Đầu-đà...

Bấy giờ, các Cư sĩ xây dựng các phòng xá để cúng dường, nhưng chẳng có Tỳ-kheo nào nhận sự cúng dường này. Vấn đề này được các Tỳ-kheo Trưởng lão bạch lên Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

- Từ nay cho phép 4 chúng tự do đến thăm Ta.

Tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề nghe Phật cho phép như vậy, liền cùng 500 Tỳ-kheo ni lên đường về thăm đức Phật. Trên đường đi, gặp Trưởng lão Ưu-bà-tư-na. Trong chúng của Ưu-bà-tư-na có một Tỳ-kheo mặc y thô rách, thấy vậy Ba-xà-ba-đề hỏi:

- Tại sao Trưởng lão mặc chiếc y rách nát như vậy?

Vị ấy trả lời:

- Chẳng còn chiếc nào khác nữa!

Tỳ-kheo ni chỉ vào chiếc y mình đang mặc, nói:

- Thầy có thể mặc chiếc y của con không?

- Có thể được.

Ba-xà-ba-đề lại hỏi:

- Trưởng lão có thể cho con chiếc y mà ngài đang mặc không?

- Có thể. - Trưởng lão đáp.

Hai bên trao đổi y cho nhau.

Khi đến trước đức Phật, Tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui ra một bên. Đức Phật hỏi Cù-Đàm đi:

- Tại sao cô mặc chiếc y rách bươm như thế?

Cù-đàm di trình bày sự việc như trên. Đức Phật nói pháp cho Cù-đàm di nghe, rồi bảo về trở lại trú xứ.

Sau đó, đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng và trước Tăng, Tỳ-kheo đương sự xác nhận việc trao đổi y kia là sự thật. Đức Phật quở trách vị này là thiếu sáng suốt, nhiều ham muốn. Nhân đó, sự việc của Bạt-nan-đà được bạch lên Phật và Bạt-nan-đà cũng thú nhận sự thật này. Phật quở trách và chế cấm như vậy:

- Tỳ-kheo nào nhận lấy y từ Tỳ-kheo ni, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề ⁸⁶

Tuy nhiên về sau, Phật cho phép nhận y của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni bà con mà không phạm điều chế cấm trên.

---o0o---

CHUYỆN GIẶT NHUỘM

Khi đức Phật ở tại thành Xá-vệ, bấy giờ lúc trời vừa sáng, Tỳ-kheo Bạt-nan-đà mặc y, bung bát đến chỗ cư trú của Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà... Cách ngòi bắt cần của ni cô này để lộ ra chỗ kín. Bạt-nan-đà nhìn thấy, dục thịnh quá đỗi, đến nỗi xuất bất tịnh. Tỳ-kheo ni biết, khẽ bảo:

- Trưởng lão, thay y cho tôi giặt.

Bạt-nan-đà trao y thay cho cô ni. Nhìn thấy thứ bất tịnh này, cô ta lại có tác ý không nghiêm, lấy thứ bất tịnh đặt vào chỗ kín của mình...

Lại có Tỳ-kheo khác đưa y cho Tỳ-kheo ni giặt, nhuộm, đập. Việc này làm ảnh hưởng lớn đến việc tu tập, vì thời gian đọc tụng, tọa thiền, hành đạo của chư ni bị phí lãng vào việc giặt giũ kia. Người thế gian thấy thế, lại lăm lờ chê trách, mỉa mai: “Các Tỳ-kheo ni lấy việc giặt, nhuộm, đập y làm sự nghiệp; người tu hành với kẻ tại gia nào có khác gì đâu?!”

Vào dịp ấy, Tỳ-kheo ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng với 500 Tỳ-kheo ni đến chỗ của đức Phật ở trong thành Xá-vệ. Sau khi đầu, mặt đánh lễ sát chân Ngài, chư ni ngòi lui sang một bên. Đức Phật hỏi Cù Đàm di:

- Tại sao tay chân của các Tỳ-kheo ni lại dính đầy sắc màu nhuộm như thế?!

Chư ni nhân đó bạch lên Phật vấn đề Tỳ-kheo sai giặt, nhuộm y, làm lãng phí việc tu học.

Đức Phật vì họ nói diệu pháp xong, bảo họ trở về lại trú xứ.

Sau đó, đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng... Trước Phật và Tăng, Tỳ-kheo đương sự thú nhận việc sai ni giặt, nhuộm y là sự thật, và sự thật về Bạt-nan-đà, nhân đó, cũng được làm sáng tỏ. Đức Phật đã nghiêm khắc quở trách Tỳ-kheo vi phạm là kẻ ngu si, tiếp theo Ngài kết giới cấm Tỳ-kheo ni giặt, nhuộm y cho Tỳ-kheo. Về sau có Tỳ-kheo già, yếu bệnh tật nhờ Tỳ-kheo ni bà con trong thân tộc giặt, nhuộm. Việc này cũng được trình lên Phật và vì là thân tộc nên đây là trường hợp ngoại lệ, đức Phật cho phép.

---o0o---

KÍNH PHẬT, TRỌNG TẶNG...

Trong thành Xá-vệ, có một Trưởng giả rất thích mặc các loại áo sang trọng. Ông ta có lòng tin kính Phật pháp một cách thuần thành, mỗi khi đức Phật lưu trú ở thành này thì ông thường đến nghe pháp. Hôm ấy, ông Trưởng giả mặc trong, ngoài hai sắc áo tốt, cùng với các vị khách và tùy tùng ra ngoài thành, đến viếng thăm đức Thế Tôn và các Tỷ-kheo. Đức Phật vì họ nói pháp, họ lấy làm hoan hỷ vì được nghe Phật chỉ dạy những điều lợi ích. Họ đánh lễ Phật rồi ra về.

Ra khỏi trú xứ của Phật, họ gặp ngay Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà lại vì họ thuyết pháp và trước khi ra về họ ngỏ lời mời:

- Ngày mai, mời Trưởng lão đến nhà con thọ một bữa cơm đạm bạc.

Bạt-nan-đà nói:

- Tôi không thiếu ăn, mà lại khổ vì thiếu mặc. Trưởng giả có thể cho bớt tôi chiếc áo hiện ông đang mặc không?

Ông Trưởng giả nói:

- Sẽ cúng cho Ngài, nhưng bây giờ thì không thể được, về nhà tôi sẽ tính liệu sau.

Bạt-nan-đà bảo:

- Tôi nghe Trưởng giả rất vui làm việc bố thí, tại sao riêng đối với tôi lại thiếu tích cực như thế?

Bạt-nan-đà lại tác động:

- Tôi nói pháp khiến ông có thể xa lìa sanh, lão, bệnh, tử, ưu sầu khổ não để làm công việc cứu độ mà xả bỏ tất cả, bản thân không mưu cầu điều gì. Ấy thế, nay ông lại keo kiệt chiếc áo này mà không chịu bố thí!

Nghe phải, ông Trưởng giả liền cởi áo cho Bạt-nan-đà...

Tưởng chẳng ai để ý đến mình, không ngờ lúc trở về đến cửa thành, người giữ cửa hỏi Trưởng giả:

- Lúc ra đi, ông mặc hai lớp áo rất đẹp, sao về lại bay đi đâu mất một áo? Phải chăng, vì người đẹp mà “thương nhau cởi áo cho nhau”?

Ông Trương giả nói:

- Tôi không cho người đẹp nào cả, cũng không bị ai cướp giật, mà lại bị Sa-môn Thích tử cưỡng bức xin cho kỳ được, tôi đành cởi cho!

Người canh cửa nói:

- Ông đừng nói như vậy! Tôi nghe Sa-môn Thích tử ít ham muốn, biết vừa đủ, dưng cúng còn không nhận, huống chi lại cưỡng đoạt thì còn mặt mũi nào?

Ông Trương giả kể lại sự cưỡng bức xin áo kia cho người giữ cửa nghe. Đối với người có lòng đố kỵ Phật pháp, nghe thế liền lớn tiếng miệt thị: “Đây chính là loại cướp đoạt, những ai gàn gù họ cũng sẽ bị trấn lột như thế. Đích thị bọn Sa-môn Thích tử, miệng thường khen việc bố thí, chê việc không cho mà lấy, nay cưỡng đoạt lấy y vật của người, thì họ đâu có khác gì bọn cướp?”.

Ông Trương giả về đến nhà cũng phân trần với người nhà lý do cho chiếc áo kia.

Sự việc này lọt đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo. Các vị quở trách Bạt-nan-đà, rồi đưa Bạt-nan-đà đến chỗ Phật, bạch lên Ngài sự việc trên.

Đức Phật cho tập hợp Tăng, trước Tăng và Phật, Bạt-nan-đà thú nhận sự thật đã xảy ra, đức Phật nghiêm khắc quở trách Bạt-nan-đà và Ngài chế giới cấm việc làm này.

Giới này được bổ sung bởi các việc xảy ra sau đây:

Lúc bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo mặc y xấu tệ, rách rưới, các người bà con thấy vậy hỏi:

- Tại sao thầy lại mặc loại y vứt đi như thế này? Hãy đến con cúng cho y khác.

Các Tỳ-kheo bảo:

- Đức Phật không cho chúng tôi đến nam, nữ Phật tử xin y. Nếu đem cúng cho Tăng, rồi tôi nhận y từ Tăng thì được.

Các người bà con nói:

- Con chỉ muốn cúng cho thầy, chứ không muốn cúng cho Tăng, vì sợ vị khác nhận được.

Các Tỳ-kheo nói:

- Nếu đức Phật cho phép chúng tôi đến nam, nữ Phật tử bà con xin y thì đâu đến nỗi chúng tôi phải mặc y rách rưới như thế này!

Các người bà con thưa:

- Trong chỗ bà con với nhau thì biết lúc nào nên nhận, không nên nhận, xin thầy bạch lên đức Phật việc này.

Đức Phật khi biết được việc này, Ngài kiết giới bổ sung, xem việc đến bà con thân tộc xin y là một ngoại lệ, Tỳ-kheo được phép.

Lại một chuyện các cố khác:

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đi theo đoàn khách buôn để về Kỳ-hoàn song lại lạc đường, Tỳ-kheo bị bọn cướp đoạt sạch sẽ y, bát, đành mình trần, thân trụi đến thành Xá-vệ. Người đi đường cứ ngỡ Tỳ-kheo cải đạo, theo đạo lửa hình, vặn hỏi mới biết sự thể nghiệt ngã như thế.

Khi đến Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo ở đây sợ sứ giả cũng vặn hỏi rồi trắc nghiệm hư thật:

- Nếu các ông là Tỳ-kheo thì thọ giới, Bồ tát, Tụ tứ phải như thế nào?

Sư lửa hình trả lời:

- Thọ giới như vậy... Bồ tát như vậy... Tụ tứ như vậy...

Dù biết không phải sư giả, song các Tỳ-kheo ở Kỳ-hoàn vẫn không cho y để mặc.

Không cho thì cứ để vậy, các Tỳ-kheo gặp nạn, bình thân đến chỗ Phật. Đức Phật quả trách:

- Tại sao các ông lỏa hình đến thăm Như Lai?! Đến nỗi nào các ông không thể lấy lá cây hay cỏ để tạm che thân được hay sao?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay lỏa hình đến thăm Như Lai là phạm tội Đột-kiết-la⁸⁷.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Ngài không cho phép chúng con đến nam, nữ Phật tử chẳng phải bà con xin y. Trong khi đó, bà con của chúng con ở cách đây rất xa thì làm sao có y để mặc trong trường hợp bị nạn cướp này?

Đức Phật lại hỏi:

- Các thầy đã đến nơi ở của Tỳ-kheo cưu trú chưa?

- Thưa Ngài đã đến rồi, đã bị chát vắn, trắc nghiệm đủ điều, song dù biết rõ chúng con bị nạn, Tỳ-kheo cưu trú vẫn không cho y để mặc.

Đức Phật nghiêm khắc quở trách Tỳ-kheo cưu trú và khen ngợi các Tỳ-kheo bị nạn. Ngài kiết giới bồ sung, tức là gặp phải nạn bị cướp y, bị mất, bị cháy, bị nước cuốn trôi, bị rách thì Tỳ-kheo có thể đến nam, nữ Phật tử xin y để mặc.

---o0o---

TRANH THỦ

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Vào dịp nọ, có nhiều chúng Tỳ-kheo từ ấp Ba-lợi về thăm Phật. Trên đường đi, họ gặp bọn cướp, bị cướp hết y mang theo, các thầy bảo nhau:

Có 5 trường hợp được Phật cho phép đến Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải bà con để xin y. Dù vậy chúng ta cũng chẳng biết ai để đến xin bây giờ!

Lục quần Tỳ-kheo nghe được sự việc này, chớp ngay cơ hội, liền đến các Tỳ-kheo mất y đề nghị đi xin hộ y cho, nếu còn dư thì lấy.

Các Tỳ-kheo mất y rất hoan hỷ, tán dương:

- Hay lắm! Tốt lắm! Thầy giúp cho.

Được sự đồng ý như vậy, Tỳ-kheo Lục quần đi khắp trong thành, đến Cư sĩ hay vợ Cư sĩ trình bày: “ Có các Tỳ-kheo từ ấp Ba-lợi về hầu thăm đức Thế Tôn, không may bị bọn cướp, cướp mất y. Quý vị có thể giảm bớt chỗ may mặc, cùng nhau đem y⁸⁸ đến cúng dường quý thầy”.

Nghe thế, các nam nữ Phật tử đóng góp y, kẻ ít người nhiều, được một số y khá lớn đem đến cúng. Các Tỳ-kheo mất y, sau khi được đầy đủ y, bảo các Tỳ-kheo Lục quần:

- Chúng tôi đủ rồi, không phiền các thầy phải xin nữa.

Lục quần Tỳ-kheo nói:

- Các thầy có lý do chánh đáng để xin y, còn chúng tôi thì đâu được phép. Chúng tôi dựa vào nhân duyên của quý thầy mới có lý do để xin. Xin được tiếp tục.

Các Tỳ-kheo mất y nói:

- Điều đó tùy ý các Trưởng lão, miễn sao đúng pháp là được.

Như thế là Lục quần Tỳ-kheo lại đi đến các nơi để xin nữa, thu được rất nhiều y.

Nhìn thấy các thầy cứ đi xin mãi, các Cư sĩ sinh nghi, họp lại, có ý kiến: “Số Tỳ-kheo mất y không có bao nhiêu vị, trong thành hầu hết Phật tử đều đem cúng y, như vậy còn thiếu chỗ nào nữa mà các thầy ấy cứ đến xin tiếp? Phải chăng mấy ông này lợi dụng xin, tích chứa y cho nhiều để mua bán, đổi chác. Không tu phạm hạnh?”

Nghe được việc làm này, các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng nhiều cách quở trách rồi đưa Tỳ-kheo Lục quần đến chỗ Phật, bạch lên Phật sự việc đã xảy ra.

Trước Tăng, đức Phật hỏi Lục quần Tỳ-kheo:

- Thật sự các ông có làm như vậy không?

- Bạch đức Thế Tôn, thật sự đúng như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách Lục quần Tỳ-kheo rồi chế giới, giới hạn việc xin y.

---o0o---

KẸ THAM NÀY KHÔNG ĐỦ TỒN TẠI

Mối liên hệ giữa Bạt-nan-đà và Cư sĩ xem ra rất khẩn khít. Ngoài việc nói pháp ra, Bạt-nan-đà còn lo liệu cho Cư sĩ lúc ốm đau hay khi hữu sự.

Bữa nọ, có một Tỳ-kheo sáng sớm đắp y, bung bát vào thành khát thực. Khi đến gia đình thường ngày được Bạt-nan-đà lui tới, nghe chuyện vợ chồng nhà này bàn định, họ bảo nhau: “Bạt-nan-đà là ân nhân của ta, nên sử dụng một số tiền may y như thế cúng cho Ngài”.

Tỳ-kheo này, sau khi trở về khen Bạt-nan-đà:

- Thầy có nhiều phước đức!

Bạt-nan-đà hỏi:

- Phước đức gì mà có? Thử nói cho tôi biết nào?

Tỳ-kheo kia tình thật, đem điều tình cờ nghe được như trên kể lại cho Bạt-nan-đà biết rồi bảo:

- Nay thầy đến đó, chắc chắn sẽ nhận được y mà không gì trở ngại.

Sáng sớm hôm sau, đến giờ khát thực Bạt-nan-đà mặc y, bung bát đến nhà Cư sĩ thân tín kia. Thấy thầy đến, Cư sĩ vội vàng ra đón chào. Bạt-nan-đà liền hỏi:

- Có phải Phật tử định sử dụng số tiền như thế để may y như thế phải không?

- Bạch thầy đúng như vậy. - Cư sĩ thưa.

- Phật tử dư biết là tôi không mặc y xấu chứ? Nếu may tốt thì tôi sẽ mặc. Phật tử hãy nhớ cho, lúc ốm đau hay có việc chi tôi đều lo liệu giải quyết tốt cho Phật tử. Nếu y không tốt thì tôi cho đệ tử hay đem cất mà thôi. Như vậy, vật này vạt đi. Việc cho của Phật tử chẳng có tác dụng phước đức gì!

Bất bình trước lời nói này của thầy, Cư sĩ kia nói với người xung quanh rằng:

- Bạt-nan-đà quá tham lam, ai cung cấp cho nôi, làm sao thỏa mãn theo ý ông ta. So với chỗ phát tâm tôi đã dành cúng gấp 5, 6 lần rồi, ấy vậy mà vẫn không đáp ứng lòng tham của ông ta. Trước đây tôi có lòng tốt như vậy, còn bây giờ thì tiêu tan cả rồi! Thôi, tôi không cúng nữa!

Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được sự việc này đã hết lời quở trách Bạt-nan-đà rồi đưa sự việc lên trình đức Phật.

Trước Phật và Tăng, Bạt-nan-đà thú nhận sự thật do mình đã gây ra, làm mang tiếng xấu kia. Đức Phật quở trách rồi kiết giới cấm vấn đề này.

Tánh nào tật nấy, Bạt-nan-đà thường lui tới các nhà Cư sĩ để gia ân. Ân đã kết thì nghĩa phải đền, có hai gia đình Cư sĩ nợ, vợ chồng cùng nhau bàn định: “Chúng ta mỗi gia đình cùng nên vì thấy Bạt-nan-đà sử dụng chùng số tiền như thế để may y như thế cúng cho ngài Bạt-nan-đà”.

Việc bàn tính này, tình cờ Tỳ-kheo khát thực nghe được, về thông tin cho Bạt-nan-đà biết. Bạt-nan-đà liền đến nhà hỏi 2 cặp vợ chồng kia:

- Tôi nghe quý Phật tử, mỗi vị đều vì tôi, sử dụng số tiền tương đương như vậy để may y như vậy cúng cho tôi phải không?

- Thưa thầy quả thật như vậy. - Họ thưa.

Bạt-nan-đà bèn khuyên họ:

- Quý vị có thể chung tiền lại để may một cái y cho thật tốt. Nếu thật tốt, tôi sẽ mặc bên mình để luôn nhớ đến quý vị, bằng như không tốt, tôi xếp bỏ vào một chỗ, chẳng biết đến. Vật như thế là vất đi, chẳng còn tác dụng phước đức gì cả!

Khi ấy, Cư sĩ và vợ Cư sĩ của hai gia đình ùng ùng nổi giận, mắng mỏ rằng:

- Ông này tham lam quá! Làm sao có thể cung cấp nôi, có thể làm thỏa mãn nôi?! Tuy yêu cầu chung lại may thành một y, song so với chỗ phát tâm

của chúng ta đã gặp 5, 6 lần rồi. Ấy thế, vẫn không thỏa lòng kẻ tham. Kẻ ác này không đủ để tồn tại. Từ nay chấm dứt không để đến đây nữa!

Sự thật tai tiếng này được các Tỳ-kheo Trưởng lão bạch lên Phật. Phật nặng lời quở trách Bạt-nan-đà, rồi kiết giới cấm Tỳ-kheo hành động như vậy.

---o0o---

ĐỪNG LÀM KHỔ CƯ SĨ

Lúc bấy giờ đức Phật lưu trú tại thành Vương-xá, nơi đây có một vị đại thần rất trọng Bạt-nan-đà. Ngày ấy, vị Đại thần này sai người hầu việc mang một số tiền may y đến cúng cho Bạt-nan-đà. Người hầu cận đem lời vị Đại thần thưa với Bạt-nan-đà rằng:

- Bạch Ngài, vị Đại thần tên đó... có lời thăm hỏi sức khỏe Ngài, và xin cúng Ngài một số tiền may y. Xin Đại đức nhận cho số tiền này.

Bạt-nan-đà nói:

- Tôi không được phép nhận số tiền may y này, nếu được tịnh y (*y hạp pháp*) thì có thể nhận để mặc.

Sứ giả hỏi:

- Đại đức, ngài có người chấp sự⁸⁹ chứ?

- Vâng, người chấp sự của tôi hiện ở nơi kia...- Bạt-nan-đà chỉ chỗ.

Đến người chấp sự, cận thần sứ giả kia thưa:

- Đại thần..., cho tôi đem số tiền may y này đến cúng ngài Bạt-nan-đà, ông là người chấp sự của Đại đức Bạt-nan-đà, xin nhận giữ hộ số tiền này. Khi nào Đại đức đến lấy thì trao cho Đại đức.

Người chấp sự nhận tiền, sau đó người hầu cận kia quay lại chỗ Bạt-nan-đà thưa:

- Người chấp sự của Ngài đã nhận tiền rồi, khi nào Đại đức cần y thì đến đó lấy. Con xin về.

Sau một thời gian, Đại thần lại sai người đến hỏi Bạt-nan-đà:

- Gần đây tôi có sai người đem tiền may y đến gửi nơi người chấp sự của ngài. Đại đức đã sử dụng để may y mặc chưa?

Bạt-nan-đà nói:

- Tôi chưa lấy y ở người chấp sự để sử dụng.

Sau khi người hầu cận về cho biết như thế, Đại thần có suy nghĩ: “Ta thực hiện đúng cách cúng y, sao đã lâu rồi chưa thấy nhận để mặc, chắc y của ta không đáng giá nên Bạt-nan-đà không buồn nhận mặc!”

Đại thần sai người hầu cận quay trở lại, nói với Bạt-nan-đà:

- Đại thần cúng y lâu rồi, sao không thấy Ngài mặc? Nếu không cần thì xin trả lại cho Đại thần.

Bạt-nan-đà đáp lời:

- Xin lỗi vậy! Tôi rất cần y.

Sau đó, Bạt-nan-đà vội đến chỗ người chấp sự không đúng lúc, yêu cầu:

- Nay tôi cần y, có thể cho tôi nhận.

Người chấp sự thưa:

- Xin ngài chờ cho, ngay lúc này tôi phải tham dự buổi họp cùng với mọi người, không thể đến trễ, đến họp trễ sẽ bị phạt 500 tiền vàng⁹⁰ theo quy định.

Bạt-nan-đà nói:

- Đối với việc đạo pháp, ông thường vui vẻ hết lòng sốt sắng, tại sao nay lại coi trọng việc thế tục?

Nghe lời này, lòng tự trọng như bị tổn thương, người chấp sự liền có suy nghĩ: “Dù có bị phạt vẫn phải giao y cho xong rồi mới đến họp”.

Người chấp sự tất bật xử lý nhanh chóng cho có y để giao, song cũng mất quá nhiều thời gian. Giao xong, đến họp, bị mọi người chất vấn ngay:

- Tại sao đến họp trễ thế?!

Tình thật, người chấp sự nói:

- Bạt-nan-đà đến đòi nhận y, tôi phải lo liệu giao cho xong, nên đến họp trễ như thế này.

Mọi người đều nói:

- Coi trọng một Tỳ-kheo, mà xem nhẹ quy chế của nhiều người. Theo điều ước, không thể tha thứ, phải nộp phạt vậy.

Đương sự nộp phạt rồi, nổi giận nói:

- Sa-môn Thích tử tự nhận có đạo lý, làm lợi ích cho mọi người, nay ngược lại, Sa-môn đã làm cho ta bị phạt.

Người không có lòng tin kính Phật pháp lại đồng tình nói:

- Ông kính tin Sa-môn để đến nỗi bị phạt nặng như vậy, nếu lại cứ gân gỏi nữa sẽ bị phạt nặng hơn nữa.

Người thành Xá-vệ hầu như nghe biết việc không mấy tốt đẹp này. Các Tỳ-kheo Trưởng lão lại càng nắm vững vấn đề hơn, và đã nghiêm khắc quở trách Bạt-nan-đà. Sau đó vấn đề được nêu lên giữa Phật và Tăng chúng. Bạt-nan-đà đã xác nhận sự thật. Đức Phật lại quở trách và Ngài kết giới hướng dẫn cách thức đến người chấp sự nhận y một cách cụ thể, tránh việc không hay đã xảy ra.

---o0o---

ĐÔI NGHỀ

Hồi ấy, chúng Tăng trong thành Xá-vệ nhận được nhiều tơ sợi của Phật tử đem đến cúng. Các Tỳ-kheo được phân chia tơ để tùy nghi sử dụng. Các vị thuê dệt để may y Tăng-già-lê⁹¹, Ưu-đa-la-tăng⁹², hay y An-đà-hội⁹³, cũng như làm dây lưng, dây ngòai thiền, cho đến dây cột cửa mà vẫn không hết tơ. Lục quần Tỳ-kheo sau khi thuê thợ dệt may một y vẫn còn dôi ra một số tơ, chỗ dư này lại lỡ cỡ, dệt thêm một chiếc chiếu thì không đủ. Lục quần

lại đi xin thêm tơ. Trưởng giả, Cư sĩ hoan hỷ cho. Thấy việc xin dễ dàng mà có lợi tốt như thế nên “Nhất dạ sanh bách kế”, Tỳ-kheo Lục quần liền có ý nghĩ chuyển đổi nghề, rằng: “Từ nay, ta chỉ nên làm theo nghề này”.

Lục quần ra sức đi xin thật nhiều tơ, rồi thuê thợ dệt khắp nơi dệt cho hết số tơ quá nhiều kia. Thợ dệt khắp thành bận hợp đồng với Lục quần, nên từ chối không nhận dệt cho khách hàng. Có một Cư sĩ cần vải, đến khắp xưởng dệt đều không nơi nào nhận dệt, vì kẹt phải hợp đồng với Tỳ-kheo Lục quần. Úc quá, nói cho hả dạ, người Cư sĩ kia chửi đồng:

- Sa-môn Thích tử, tự xưng là ít ham muốn, biết lúc vừa đủ, nay lại đi khắp, thuê tất cả thợ dệt, ham hố, bao nhiêu cũng không vừa. Lòng tham lợi của họ đâu có khác gì với kẻ ở chợ?! Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn!

Việc này, sau đó, Phật chế giới cấm hành động phi pháp ấy trước Tăng chúng.

---o0o---

THÔI RÒI ÂN NHÂN!

Như đã biết, Bạt-nan-đà có tài xử lý việc của người. Trong thành Xá-vệ, có một người khách buôn, Bạt-nan-đà thường lui tới nhà ông ta để nói pháp và chữa bệnh. Đối với ân này, người khách buôn nói với vợ:

- Bạt-nan-đà là ân nhân của ta, có thể dùng số tơ này thuê dệt thành y, sau khi về, ta sẽ đem cúng cho thầy.

Người chồng lên đường buôn bán, người vợ đem tơ sợi đến xưởng dệt thuê dệt thành y. Bà ta nói với người thợ dệt:

- Ông tính cho đủ tơ, đừng để dư, đừng để thiếu.

Thông tin này không biết đến từ đâu, Bạt-nan-đà đến ngay nhà Phật tử khách buôn. Người vợ ra đón chào thăm hỏi và thưa:

- Chồng con bảo con thuê thợ dệt y để cúng cho Đại đức, thợ dệt đang dệt, thưa thầy.

Bạt-nan-đà hỏi:

- Thuê dệt ở xưởng nào?

Người vợ khách buôn thưa:

- Con thuê thợ tên đó..., ở đó...

Bạt-nan-đà đến ngay xưởng dệt này nói với người thợ:

- Ông có biết không? Y này họ thuê dệt để cúng cho tôi. Ông dệt cho tốt, cho dài, cho rộng. Riêng phần tôi, ít nhiều sẽ trả ơn ông.

Người thợ dệt nói:

- Bà ấy bảo tôi tính toán vừa đủ, đâu vào đó rồi, nay làm sao có thể làm theo đề nghị của thầy được!

Bạt-nan-đà bảo:

- Cứ dệt cho thật đẹp như tôi yêu cầu, nếu chỉ sợi không đủ, ông đến nói với bà ta cho tôi xin thêm sợi. Đảm bảo bà ấy sẽ đưa cho thôi.

Người thợ dệt nghe theo, dệt hết chỉ, đến xin thêm.

Bà vợ khách buôn nói:

- Trước đây đã tính toán đầy đủ rồi, nay tại sao lại đến lấy thêm sợi?

Người thợ dệt trình bày lại lời dặn của Bạt-nan-đà. Nghe thế, người vợ bèn đưa thêm chỉ.

Khi người khách buôn trở về, hỏi vợ chuyện dệt y cúng cho thầy Bạt-nan-đà. Người vợ liền lấy y cho chồng xem. Thấy chiếc y quá tốt về hình thức cũng như chất lượng, người chồng hỏi:

- Với số tơ dự trữ ít, sao dệt được y dày và tốt như thế này?

Bà vợ nói:

- Bạt-nan-đà bảo thợ đến lấy thêm sợi, cho nên mới được như thế.

Người khách buôn nghe vậy, bực tức nặng lời:

- Bạt-nan-đà, túi tham không đầy, không ai cung cấp, thỏa mãn nỗi cho ông ta đâu! Vói y như thế này là gấp đôi số tơ ta dự định ban đầu. Tuy trước kia là ân nhân, nhưng bây giờ thì xin tuyệt giao là vừa, thôi đừng cúng y này cho Bạt-nan-đà nữa.

Tiếng xầu này cứ lan rộng, đến tai các Tỳ-kheo Trưởng lão rồi đến Phật đang lưu trú tại thành Xá-vệ. Đức Phật đã chế giới cấm hành động phi pháp này của Tỳ-kheo coi như ngăn chặn lòng tham của người xuất gia ở trong thế gian này.

---o0o---

THẦY TRÒ QUÁ BIẾT NHAU

Bạt-nan-đà và Đạt-ma là hai thầy trò. Một hôm Thầy bảo trò:

- Nay ta muốn cùng ông đi du hành đến nước Câu-tát-la⁹⁴, ông có muốn cùng đi không?

Đạt-ma thưa:

- Nước đó lạnh, thiếu y, con không thể đi được!

Bạt-nan-đà bảo:

- Nếu ông có thể cùng đi, thì tôi sẽ cho ông y.

Như không tin, Đạt-ma thưa:

- Thầy cho y con trước rồi con mới đi.

Bạt-nan-đà lấy y đưa cho đệ tử. Được y của thầy cho rồi, đệ tử lại đổi ý không đi cùng thầy.

Bạt-nan-đà trách:

- Ông bảo có cho y mới đi, nay nhận được y rồi sao không chịu đi? Nếu không đi thì trả lại y cho tôi.

Đạt-ma phủ nhận điều kiện, thưa:

- Thầy đã cho rồi, tại sao đòi lại y, là thế nào?

Bạt-nan-đà lập luận:

- Chẳng phải tôi cho ông, nhưng vì tôi muốn cùng ông du hành nên mới cho. Nay ông không đi thì không có lý do gì mà không trả lại y cho tôi.

Thế là Bạt-nan-đà cưỡng bức lấy lại y. Đạt-ma vừa khóc vừa lớn tiếng. Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, hỏi:

- Tại sao thầy khóc?

Đạt-ma thưa:

- Thầy con cưỡng đoạt y của con.

Các Tỳ-kheo trách Bạt-nan-đà rằng:

- Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà lại tước đoạt y của kẻ khác?

Bạt-nan-đà trình bày sự việc, rồi kết luận:

- Ông ta nhận được y rồi, lại không cùng đi, nên tôi lấy lại, chứ không hề cưỡng đoạt.

- Các Tỳ-kheo nghe thế, lại khiển trách Đạt-ma:

- Tại sao ông dối trá với thầy ông, đòi cho y để đi, được y rồi lại không đi?!

Qua sự việc này, trước Tăng, hai đương sự đã bị chê trách. Đức Phật lại kiết giới và nội dung của giới này là đã đem cho y, dù dưới hình thức nào đi nữa cũng không được phép đòi lại. Đức Phật chế giới này tại thành Xá-vệ.

Nhìn thấy kẽ hở của điều luật, Tỳ-kheo Lục quần “chơi ngăng” như vậy: Đem y cho các Tỳ-kheo rồi bảo Sa-di hay người giữ vườn đoạt lấy lại. Các Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo Lục quần:

- Thầy há không nghe Phật kiết giới cấm làm việc này hay sao?

Lục quần nói:

- Có nghe chứ! Nhưng nay tôi bảo Sa-di hay người giữ vườn đoạt lại, nên không trái với lời Phật cấm.

Các Tỳ-kheo hỏi Lục quần:

- Tự mình đoạt lại, hay chỉ bảo người, xúi giục người khác đoạt lại có khác gì đâu?!

Qua sự việc này, giới điều được Phật nói bổ sung cụ thể hơn.

Tuy nhiên có sự việc xảy ra không dừng ở thế, chẳng hạn như có trường hợp các Tỳ-kheo gợi ý cho Tỳ-kheo tại trú xứ rồi đi bật, lâu lắm mới trở về. Sự phạm giới cấm đã nêu trên, nên không dám đòi lấy lại.

Lại có các Tỳ-kheo trên lộ trình du hành, đem gợi ý cho Tỳ-kheo ở một trú xứ nào đó. Sau một hành trình dài trở về, sự phạm điều cấm đã nêu, nên cũng không dám đòi nhận lại y, hoặc đã đòi lại rồi lòng lại ray rứt phân vân: không biết làm như thế có phạm tội xả đọa⁹⁵?

Những vấn đề trên, các Tỳ-kheo bạch lên Phật, được đức Phật khen ngợi hạnh thiếu dục tri túc và làm sáng tỏ vấn đề trên ở trong điều luật bổ sung.

---o0o---

PHÔNG TAY TRÊN

Lúc bấy giờ có một số đông Cư sĩ trong thành Vương-xá muốn thỉnh Phật và Tăng chúng để cúng dường, nhân đó được nghe pháp. Tại một địa điểm thuận lợi, họ chia nhau công việc, người bửa củi, kẻ xách nước, người quét dọn rưới nước làm sạch sẽ không bụi, kẻ trải toạ cụ, người rải hoa, trải phụ cụ ở tòa ngồi, nhất là lực lượng trai soạn rất đông đảo...

Buổi sáng sớm hôm đó, Bạt-nan-đà đắp y, bung bát đến trước ngôi nhà mà mọi người đang chuẩn bị mọi việc để cung thỉnh Phật và Tăng. Tùy theo công việc của mỗi người mà Bạt-nan-đà khéo lời tán dương, cổ vũ. Bạt-nan-đà tán thán:

- Việc làm của quý vị hôm nay rất tốt, là điều thiện, là niềm vui, quý vị thật xứng đáng là người Phật tử.

Mọi người đáp lại như để khoe khoang:

- Chúng con thật lấy làm vui mừng với việc làm cúng dường này. Ngoài việc cúng dường đồ ăn, thức uống, thứ nào cũng đặc sắc thơm ngon, chúng con còn cúng dường y vật cho chúng Tăng nữa.

Bạt-nan-đà nghe thế lại bảo:

- Các vị làm việc dư thừa, y vật chúng Tăng được nhiều người cúng dường quá thừa thải rồi! Các vị cúng tiếp nữa thì hoá ra chất thành đồng trong kho, có ai ngó ngang đến đâu, có quý cũng trở thành vô dụng, không còn tác dụng phước đức nữa! Ừ nhỉ! Sao quý vị lại không cho tôi?! Nếu cho tôi, tôi thường đắp mặc bên mình, nhìn thấy y là liền nhớ nghĩ đến quý vị, để rồi sự ốm đau, việc quan yếu lại được cùng nhau lo liệu giải quyết.

Mọi người nghe, thấy hữu lý quá nên họp lại lấy ý kiến, có người nói:

- Nếu Tăng không cần thì nên cho vị này để sự cúng dường của chúng ta có tác dụng phước đức.

Có người lại phản đối:

- Với bản nguyện của chúng ta là cúng cho chúng Tăng, tại sao nay lại tập trung cúng cho một người?!

Bàn qua tính lại, số đông cúng cho một người chiếm đa số. Toàn bộ y vật được trao cúng cho Bạt-nan-đà.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà vác cả một bao nặng y vật, trở về trú xứ Tỳ-kheo, các thầy khen:

- Thầy là người có phước đức! Xin hỏi, mới ra đi có một lát mà sao đây thắng lợi như thế?

Bạt-nan-đà trả lời rất thực như vậy:

- Khéo miệng mới được, chứ chẳng phải do phước đức nào cả.

Bạt-nan-đà liền kể lại chuyện phông tay trên của mình rồi cười một cách đắc chí...

Sáng ngày ấy, sau khi thiết dọn trai bàn đầy đủ đâu vào đấy. Các Cư sĩ trong ban tổ chức cho người đến thỉnh Phật. Đức Thế Tôn mặc y, trì bát đi

giữa Tỳ-kheo Tăng về địa điểm thiết lễ cúng dường kia... Ngài và Tăng, uy nghiêm ngồi vào tòa. Tiếp theo là nghi thức tác bạch cúng dường và trong khi thọ thực, các Cư sĩ đích thân hầu hạ thật chu đáo. Thọ thực rồi, chư Tăng nhận nước rửa tay và nước uống. Đáng ra có vật cúng dường thì cũng được dâng cúng luôn, song phần này bị hụt hẫng... Chư Tăng, qua một số Phật tử trách hờn, nghe được lời than vãn như vậy: “Bữa cơm cúng dường hôm nay, đâu phải chúng ta không chuẩn bị đầy đủ, tại các người ấy không xét kỹ y vật định cúng cho Tăng, lại nhẹ dạ đem cúng riêng cho một người nên mới xảy ra tình huống đáng hổ thẹn và thiếu phước đức này”.

Việc này, sau đó được kiểm vấn lại, Bạt-nan-đà thú nhận tội giữa Tăng và nhận sự quở trách của đức Phật... Ngài kết giới cấm Tỳ-kheo tìm cách xoay xở vật cúng cho Tăng về cho riêng mình. Giới này đức Phật nói tại thành Vương-xá.

---o0o---

HÓA CỎ THÀNH VÀNG

Bấy giờ, đức Thế Tôn lưu trú tại thành Vương-xá. Đệ tử của Ngài là Tất-lăng-già-bà-ta hiện sống tại núi Lãng-câu-la. Ngày ấy, Tất-lăng-già-bà-ta làm công việc vệ sinh phòng ốc bằng cách bay lên cao, rồi dội nước xuống để rửa sạch. Vào lúc ấy, vua Bình-sa dạo đến núi này. Trông thấy vua đến, lập tức trở về lại mặt đất, đến trước vua, Tất-lăng-già-bà-ta ngỏ lời chào:

- Lành thay đại vương mới đến! Xin mời đại vương tạm ngồi vào nơi này.

Ngồi xuống chỗ ngồi rồi, vua hỏi:

- Ngài phải tự làm lụng như vậy sao? Không có người giúp việc à?!

- Chẳng có ai cả. - Tất-lăng-già-bà-ta đáp.

Thấy hoàn cảnh “neo đơn” như thế, nhà vua liền ra lệnh cho một vị cận thần:

- Nên cung cấp người giúp việc cho Tỳ-kheo này.

Tất-lăng-già-bà-ta nghe thế, can rằng:

- Đức Phật không cho phép chúng tôi nuôi người giúp việc.

Nhà Vua bảo:

- Nên bạch đức Phật việc này.

Sau khi về lại cung, nhà vua đến bạch Phật. Sau đó, nhân việc này, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Ngài khen hạnh thiếu dục tri túc, khen giới, khen người gìn giữ giới, rồi Ngài bảo các Tỳ-kheo: “Từ nay Ta cho phép các Tỳ-kheo nuôi người giữ vườn (giúp việc)”.

Được đức Thế Tôn cho phép, vua Bình-sa ra lệnh cho vị đại thần điều người đến giúp Tỳ-kheo Tất-lăng-già-bà-ta, nhưng vì không ưa gì Phật pháp, vị đại thần không cấp người theo lệnh vua. Bởi thế, Tất-lăng-già-bà-ta, trước sau gì cũng chỉ có Tất-lăng-già-bà-ta. Bẵng đi một thời gian, Tất-lăng-già-bà-ta đắp y, trì bát vào thành khát thực. Như không hẹn mà gặp, nhà vua và quần thần từ lâu cao vọng nhìn thấy Tất-lăng-già-bà-ta... nhà vua liền sực nhớ, tự hỏi: “Không rõ trước đây ta hứa cung cấp người giúp việc cho Tỳ-kheo Tất-lăng-già-bà-ta, việc này đã thực hiện chưa?”. Nhà Vua liền hỏi vị đại thần lúc trước đã nhận lệnh.

Vị đại thần tâu:

- Chưa cấp, thưa đại vương.

Nhà Vua lại hỏi:

- Lệnh của ta đến nay được bao nhiêu ngày rồi?

Vị thần ấy tâu:

- Đã 500 ngày, thưa đại vương.

Nhà Vua bảo vị đại thần:

- Tùy theo số ngày này mà cung cấp người giúp việc cho Tỳ-kheo Tất-lăng-già-bà-ta.

Vị đại thần này rờ gáy, liền ra lệnh lấy người giúp việc từ 500 nhà, mỗi nhà một người, đến trú xứ Tất-lăng-già-bà-ta để lau quét phòng ốc, nhà cửa, trông nom vườn tược trú xứ và những công việc khác...

Bấy giờ, trong thôn nọ đến ngày tiết hội, nam nữ trang sức thật xinh đẹp, thi đua phô bày quần áo đẹp, vòng vàng rất nhiều... đến với lễ hội. Song không hoàn toàn phải thế, có một hình ảnh ngược lại, đó là một người con gái vì nhà quá nghèo nên tủi thân vừa đi vừa khóc. Hôm ấy, vào xóm khát thực thấy cô gái khóc, Tất-lãng-già-bà-ta hỏi bà mẹ cô gái:

- Con gái bà vì sao lại khóc bù lu, bù loa như thế?

- Hôm nay, mọi người ăn mặc đẹp đẽ để dạo chơi. Nhà tôi nghèo khổ, không lấy gì chung diện như người ta, nên con gái tôi tủi thân khóc!

Nghe thế, nhân cạnh ấy, có con bò đang gặm cỏ, Tất-lãng-già-bà-ta bảo với bà mẹ con gái rằng:

- Bà đến lấy ít cọng cỏ nơi con bò đang ăn kia đem đến đây.

Tất-lãng-già-bà-ta nhận cỏ từ tay bà ta rồi kết lại và nhanh chóng biến hóa nó thành hai tràng hoa bằng vàng, đưa cho bà mẹ, nói:

- Trong thiên hạ có hai loại vàng tốt hơn hết, là vàng Diêm-phù-đàn⁹⁶ và loại vàng do Thần tức biến hóa. Bà cầm lấy hai tràng hoa này đưa cho con gái bà mang vào đi dự hội.

Đeo hai tràng hoa bằng vàng, người con gái ấy vui mừng, hãnh diện, thong dong đi dạo chơi. Mọi người trông thấy đều trầm trồ khen ngợi, rồi lòng ham muốn và đố kỵ cứ xen lẫn nhau.

Một khi điều kỳ lạ này diễn ra trước mắt thì người ta không bao giờ chịu để yên, nhất là lòng ganh ghét biến họ trở thành người cộng tác đắc lực với triều đình và có người đến tâu lên Vua Bình-sa rằng:

- Thôn đó, gia đình đó, phát hiện được một kho báu vật. Đứa con gái của họ mang tràng hoa bằng loại vàng cực kỳ quý hiếm, trong thiên hạ không thể sánh kịp, hậu cung của đại vương cũng chưa hề có được loại vàng như thế.

Được sự tâu báo này, nhà Vua ra lệnh điều người đàn bà ấy đến cửa vua. Vua trực tiếp hỏi bà ta:

- Người được kho tàng báu vật ấy ở chỗ nào? Có thể chỉ chỗ ấy cho ta?

- Tàu đại vương, thật sự tôi chẳng được kho tàng nào cả!. - Bà ta thưa.

Nhà vua lại hỏi:

- Vật trang sức mà con gái người mang đó là từ đâu có?

- Thưa đại vương, do Tất-lãng-già-bà-ta kết cỏ biến hóa thành, rồi đem cho con gái tôi mang. - Bà ta đáp.

Nghe nói thế, nhà vua hết sức kinh ngạc, lại giận dữ trước sự vô lý này, quát:

- Tại sao cỏ lại biến hóa thành tràng hoa bằng vàng?

Nhà vua cho rằng bà ta xúc phạm, ra lệnh quân bắt trói, hạ ngục.

Một thời gian sau, Tất-lãng-già-bà-ta lại đến thôn ấy. Vừa gặp Tỳ-kheo, người con gái bật khóc nức nở... và than oán:

- Do Đại đức cho hai tràng hoa bằng vàng mà mẹ của con bị tra khảo, ngồi tù!

- Thôi đừng khóc nữa, ta rõ rồi. Mẹ của con rồi sẽ được thả ra mà!. - Tất-lãng-già-bà-ta nói thế.

Tất Lãng liền đến thẳng quan giữ ngục. Quan giữ ngục cung kính chào hỏi:

- Đại đức có việc gì, phải hạ cố đến đây?

- Người giúp việc của ta bị nhốt nơi ngục tù này, nên ta mới đến đây. Nay ông có thể thả bà ấy ra được không?. - Tất-lãng-già-bà-ta hỏi.

- Người này được kho tàng quý báu mà không khai báo, không chỉ cho vua, nếu chỉ cho vua thì bà ta được thả ra liền. - Quan cai ngục đáp lời.

Tất-lãng-già-bà-ta nói:

- Ta kết cỏ làm thành, chứ chẳng phải là của kho tàng đâu!

- Kết cỏ mà làm thành vàng là điều không thể xảy ra. - Quan cai ngục nói.

Tất-lãng-già-bà-ta liền biến chỗ ngồi của quan cai ngục thành cái giường bằng vàng và hỏi:

- Nay ông có nhìn thấy mình ngồi trên cái giường gì không?

Rõ ràng là ngồi trên giường vàng và chính cái sang trọng này làm người cai ngục thất kinh hồn vía, liền xuống giường, cúi đầu thưa:

- Lay ngài giải tha cho con được nhờ! Nếu nhà Vua mà biết con ngồi trên giường vàng thì chắc chắn bị trọng tội!

Tất-lãng-già-bà-ta ra điều kiện:

- Thả người giúp việc của ta ra, rồi ta mới giải phép cho ngươi.

Quan giữ ngục thưa:

- Việc này không phải thuộc thẩm quyền của con!

- Vậy thì quyền của ai? - Tất-lãng-già-bà-ta hỏi.

- Dạ thưa, quyền của vua. - Quan giữ ngục đáp.

Tất-lãng-già-bà-ta liền giải phép xóa mất giường vàng, rồi bay đến chỗ nhà vua, đứng trên hư không.

Khi ấy, nhà vua từ trên lầu cao nhìn thấy, liền đánh lễ thưa:

- Đại đức có việc gì cần mà đến đây?

Tất-lãng-già-bà-ta nói:

- Người giúp việc của tôi bị ngồi tù nên tôi đến đây, xin nhà vua thả họ ra cho!

Nhà Vua nói:

- Người kia được kho tàng bảo vật, nếu chỉ cho tôi thì tôi mới thả họ ra.

Tất-lãng-già-bà-ta nói:

- Tôi kết cỏ làm thành, chứ chẳng phải của báu trong kho tàng đâu!

Nhà Vua nói:

- Việc này không thể xảy ra, không phải sự thật.

Lập tức, Tát-lăng-già-bà-ta lấy cây gậy gõ vào trụ cột lầu, thì cả toà cao lầu biến thành lầu vàng, rồi hỏi rằng:

- Cao lầu của vua được xây cất bằng vật liệu gì đây?

Chứng kiến việc này, nhà vua rất hoan hỷ, ra lệnh thả ngay người đàn bà kia.

Tát-lăng-già-bà-ta cứ như vậy biến hiện bốn thân tức từ nơi này sang nơi khác khắp trong thiên hạ.

Một khi toàn dân đều nghe biết sự biến hóa màu nhiệm này, thì lòng kính tin Phật pháp đối với họ lớn lắm. Họ mang vật thực đến cúng dường Tăng không thiếu thứ gì. Điều này gây ra sự khủng hoảng thừa. Đồ ăn, thức uống, các vật dụng cá nhân thừa thãi vất bỏ lung tung, dẫn đến mất vệ sinh chung... Các Cư sĩ chỉ trích sự thừa thãi:

- Đây là những thứ Sa-môn Thích tử chứa cất. Tự nói là tiết chế sự ăn uống, mà bo bo cất giữ như thế này thì tha hồ ăn nuốt. Những người này vì cầu giải thoát, xa lìa, sanh, lão, bệnh, tử mà nay lại cầu thức ăn mỹ vị, cao sang như thế này ư? Họ chẳng có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn..v.v...

Chính vấn đề này dẫn đến Phật kiết giới cấm cất giữ thức ăn một cách nghiêm ngặt đến nỗi các dạng thuốc uống để chữa bệnh, để xoa bóp, cũng quy định rõ thời gian được dùng, để quá không xả là phạm tội.

---o0o---

GIẶC THÁNG TÁM

Bây giờ là tháng tám, tháng của bọn giặc té trời. Họ thường rình rập bắt người giết để tế. Cho nên tháng này trở thành nỗi khiếp sợ của nhân dân và các Tỳ-kheo. Không ai là không đề phòng, cẩn thận việc đi lại, làm ăn.

Đã gần đến ngày tế, nhưng chưa bắt được ai, bọn giặc cùng họp lại bàn bạc như vậy: “Ồ A-lan-nhã có Tỳ-kheo, bắt họ không khó”. Thế là bọn giặc

tiến đến một A-lan-nhã nọ. Nghe được thông tin này, các Tỳ-kheo, ai nấy đều tìm cách lẫn tránh. Kế hoạch bị thất bại, họ lại bàn với nhau: “Ta sẽ đến nơi khác, ngày tể sắp đến rồi, không được trễ nãi, biếng nhác”.

Trong bọn có một người tu xuất, khi ấy nói với đồng bọn rằng:

- Tôi được biết đức Phật dạy không cho phép Tỳ-kheo rời y một đêm, chúng ta phải phục sẵn quanh đây, chắc mờ sáng họ phải quay về thôi.

Cả bọn nói:

- Nếu họ không về thì sẽ giết người. Nếu người không bị ân hận, hối tiếc, thì bọn tao ở lại đây mai phục.

Người ấy trả lời:

- Tốt lắm, tôi xin thế mạng.

Được cam kết như vậy, bọn giặc bố trí, rình rập...

Đôi với Tỳ-kheo, lời Phật dạy luôn tuân thủ. Cho nên để khỏi phạm tội rời y ngủ thì phải về A-lan-nhã trước lúc mặt trời ló dạng, nên gà vừa gáy sáng, các Tỳ-kheo rời nơi ẩn náu quay về trú xứ và rơi vào ổ phục kích của bọn giặc. Bọn giặc liền bảo:

- Các ông tưởng bọn tôi đã đi rồi phải không?

Các Tỳ-kheo trả lời:

- Chúng tôi biết các ông còn ở lại, nhưng đức Phật không cho phép chúng tôi lìa y ngủ, cho nên rơi đúng vào ý đồ của các ông.

Bọn giặc liền bắt giết ngay, cần máu, lây máu, cần thịt lấy thịt, bọn giặc có đủ máu thịt để tể trời.

Các Tỳ-kheo tránh được cuộc tàn sát này đã có suy nghĩ: “Nếu đức Thế Tôn cho phép chúng ta, khi chưa hết các ngày của tháng tám được gởi một loại y nào nơi nhà Cư sĩ trong phạm vi cương giới, thì đâu có gặp phải tai nạn khủng khiếp này”.

Như vậy, giới điều rời y ngũ không phạm, được Phật chế định và sau đó được bổ sung để trở thành hoàn chỉnh. Giới điều này được Phật chế định tại thành Xá-vệ.

---o0o---

CHÍN LỜI NGUYỆN CỦA BÀ TỖ-XÁ-KHU

Bà Tô-xá-khu Lộc Tử Mẫu⁹⁷ là một cận sự nữ rất mực sùng mộ đức Thế Tôn. Ngày ấy, bà cho thiết lễ trai phạn để thỉnh Phật và Tăng đang lưu trú trong thành Xá-vệ để cúng dường.

Hôm ấy như sắp giao mùa, giông tố nổi lên rồi trút mưa xối xả, như có cánh tay lực sĩ nào đó liên tục trút nước ầm ầm từ trên trời xuống. Khắp nơi trong thành, nước lênh láng tưởng chừng như một bát nước đầy tràn, nhưng nước lại rút ngay vào lòng đất như những giọt dầu thấm vào đồng cát nóng. Trong tịnh xá Kỳ-hoàn, đức Phật bảo các Tô-kheo:

- Xem trận mưa trong Kỳ-hoàn hôm nay thì rõ được sức mưa cả Diêm-phù-đề cũng vậy. Các ông có thể tranh thủ đi tắm đi. Đây là trận mưa cuối mùa, ở đâu cũng thế cả.

Các Tô-kheo mình trần trùng trục ủa ra tắm mưa. Trong lúc ấy, vì trai phạn đã thiết lễ xong, bà Tô-xá-khu sai nô tỳ đến Kỳ-hoàn mời. Đến nơi, nô tỳ thấy một số đông người đang loã hình tắm mưa, lòng ái ngại, nghĩ rằng: “Đây là ngoại đạo chứ không phải Tô-kheo!”. Cô ta thôi không vào mời, mà quay trở về báo lại cảnh mắt thấy nơi Kỳ-hoàn. Tô-xá-khu có ý nghĩ: “Chắc là Tô-kheo tắm giữa đất trống, đũa tở ngu không biết cho đó là ngoại đạo”. Bà lại bảo rằng:

- Mi đến cửa Kỳ-hoàn thưa lớn như thế này: “Thưa Đại đức Tăng, thức ăn đã sửa soạn xong, mời quý ngài đến thọ trai”.

Lúc nô tỳ quay trở lại Kỳ-hoàn thì các Tô-kheo đã tắm xong, các vị về lại phòng mình. Chẳng thấy có ai, muốn thưa lớn nhưng lại e ngại, nghĩ bụng: “Vừa rồi, trong sân đây cả ngoại đạo, bây giờ chẳng thấy người nào. Thôi, khỏi mời về trình lại là ổn”.

Nghe nô tỳ báo như vậy, Tô-xá-khu nghĩ: “Chắc tắm xong, các Tô-kheo vào phòng nghỉ ngơi”.

Bà lại sai nô tỳ:

- Mi đến một lần nữa, có thể vào trong cửa, đứng giữa sân thưa lớn lời bà đã dặn.

Đứa nô tỳ làm y như lời chủ dạy và đức Phật nghe rõ. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-xá-khu mời thọ trai. Các ông nên mặc y, mang bát đến phó trai.

Các Tỳ-kheo vâng lời, tập hợp nơi giảng đường. Nô tỳ đến trước giảng đường bạch Phật:

- Trai bàn đã thiết cúng xong, xin cung thỉnh quý ngài đến dự.

Đức Phật bảo người tớ gái:

- Người có thể về trước, chư Tăng sẽ đến sau.

Bấy giờ, đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo, trong thoáng chốc đã biến mất khỏi giảng đường, rồi xuất hiện tại nhà bà Tỳ-xá-khu, đâu đó ngồi vào tòa ngồi một cách thứ lớp mà y phục không ướt. Tỳ-xá-khu chứng kiến hình ảnh này, lòng bà đầy cảm phục, thầm nghĩ: “Ta được nhiều thiện lợi nên được cúng dường đầy đủ cho bậc Thánh sư và các đệ tử của Thánh sư. Các Ngài đến trong mưa lớn mà không hề ướt y phục”. Bà rất lấy làm vui mừng và toại nguyện. Bà đích thân mời Phật và Tăng dùng cơm và hầu ăn một cách trân trọng, đúng phép. Ăn xong, bà dâng nước rồi kính cẩn chấp tay đứng qua một bên, bạch Phật:

- Cúi xin đức Thế Tôn cho con được phép nói lên lời ước nguyện.

Đức Phật bảo Tỳ-xá-khu:

- Phật đã vĩnh viễn rời bỏ mọi ước nguyện của thế gian.

Tỳ-xá-khu lại thưa:

- Cúi xin Ngài cho con phát những lời nguyện thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

- Rất lành thay!

Tỳ-xá-khur bạch Phật, bà trình bày lý do chư Tăng tắm lỏa hình như ngoại đạo, mà nô tỳ đã chứng kiến sáng nay, bà thưa:

- Tại sao các Tỳ-kheo phải lỏa hình tắm trước Hòa thượng, A-xà-lê?! Cho nên, cúi xin đức Thế tôn cho phép các Tỳ-kheo sử dụng y tắm mưa⁹⁸. Con nguyện trọn đời cung cấp y tắm mưa cho các Tỳ-kheo trong thành Xá-vệ này.

Bà lại thưa:

- Gần đây, con có chút việc đến nơi sông A-di-la⁹⁹, thấy các Tỳ-kheo ni lỏa hình tắm rửa trong dòng sông. Khi ấy, có người thấy hình ảnh này đều chê cười rằng: “Người nữ mặc áo che thân còn coi không được, huống là người nữ xuất gia mà lại lỏa thể”. Cúi xin Phật cũng cho Tỳ-kheo ni sử dụng y tắm. Con nguyện trọn đời cung cấp y tắm cho các Tỳ-kheo ni trong thành Xá-vệ này.

Bà lại thưa:

- Thế tôn dạy có ba loại bệnh: Một loại uống thuốc hay không uống thuốc cũng chết. Loại thứ hai uống thuốc hay không uống thuốc đều thoát khỏi bệnh. Loại thứ ba, uống thuốc thì sống, không uống thuốc thì chết. Cúi xin Phật cho phép các Tỳ-kheo được uống các thứ thuốc. Con cũng xin nguyện trọn đời cung cấp thuốc cho các Tỳ-kheo trong thành Xá-vệ này.

Bà lại thưa:

- Đức Phật dạy có ba loại bệnh: Một, tùy theo bệnh được ăn thức ăn, hay không được ăn thức ăn, tùy theo bệnh đều chết. Loại thứ hai, tùy theo bệnh được ăn thức ăn, hay không được ăn thức ăn, tùy theo bệnh đều sống. Loại thứ ba, tùy theo bệnh được ăn thức ăn thì lành, không được ăn thức ăn, tùy theo bệnh chết. Cúi xin Phật cho phép các Tỳ-kheo được ăn thức ăn tùy theo bệnh. Con nguyện xin trọn đời cung cấp thức ăn tùy theo bệnh cho các Tỳ-kheo tại thành Xá-vệ này.

Bà lại thưa:

- Người nuôi bệnh, nếu phải đi khát thực thì không chu toàn việc chăm sóc người bệnh. Cúi xin Ngài cho phép các Tỳ-kheo nuôi bệnh được ăn thức ăn để nuôi bệnh. Con cũng nguyện trọn đời cung cấp thức ăn cho các vị nuôi người bệnh trong thành Xá-vệ này.

Bà lại thưa:

- Khách Tỳ-kheo từ các nơi xa xôi đến đây quá mệt mỏi, hơn nữa không biết chỗ nào để khát thực. Cúi xin Ngài cho phép các Tỳ-kheo nhận thức ăn từ nơi con, để Tỳ-kheo khách dùng trong thời gian nghỉ ngơi vì mệt mỏi và chưa biết chỗ khát thực. Con nguyện trọn đời cung cấp cho quý Tỳ-kheo khách trong thành Xá-vệ này.

Bà lại thưa:

- Nếu có Tỳ-kheo nào đi xa mà phải vào thôn khát thực nên không theo kịp bạn đồng hành, hoặc gặp phải bọn giặc thàng tám, hay bị lạc đường. Con cúi xin Phật cho phép các Tỳ-kheo đi xa nhận thức ăn đi xa của con. Con nguyện trọn đời cúng dường lương thực đi đường xa cho các Tỳ-kheo trong thành Xá-vệ này.

Bà lại thưa:

- Con nghe đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo ở nước A-na-tần-đâu ăn cháo. Cúi xin Ngài cho phép các Tỳ-kheo được dùng cháo nơi con cúng dường. Con cũng xin nguyện trọn đời cúng dường cháo cho các Tỳ-kheo trong thành Xá-vệ này.

Bà lại bạch Phật:

- Nguyện đức Thế Tôn, trọn đời nhận y phục, ẩm thực, thuốc thang của con.

Đức Phật hỏi bà Tỳ-xá-khur:

- Với hiểu biết ý nghĩa lợi lạc như thế nào mà bà phát chín lời nguyện như trên?

Tỳ-xá-khur thưa:

- Với đất nước này, luôn luôn có các Tỳ-kheo ở khắp nơi về vấn an, thăm hỏi đức Thế Tôn, hoặc có trường hợp Tỳ-kheo nào đó ở địa phương nào đó qua đời mà đặc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, con sẽ tìm hiểu, hỏi xem Tỳ-kheo ấy đã từng về thành Xá-vệ này không? Nếu được trả lời rằng vị ấy đã từng đến đây, thì trong con sẽ có suy nghĩ như vậy: “Vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn đã từng nhận nơi con, ít nhất là một món

cúng dường”. Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ để con vui mừng với căn lành con đã gieo được đơm hoa kết trái.

Với thiện tâm như vậy, đức Thế Tôn nói với bà Tỳ-xá-khur rằng:

- Cho phép con thực hiện 8 lời nguyện, còn một lời nguyện sau cùng là không thể chấp nhận được.

Liên khi ấy, bà Tỳ-xá-khur lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước đức Phật, đức Phật vì bà nói bài kệ tùy hỷ:

Lòng vui dâng âm thực

Cúng dường Phật, Thánh Tăng

Phước lập xan tham diệt

Thọ báo lại an vui

Sanh cõi trời trường thọ

Sanh cõi trần lìa nhiễm

Pháp cúng dường, quả lớn

Ở đâu cũng mãi vui.

Tiếp theo, đức Thế tôn lại nói về các diệu pháp. Tỳ-xá-khur rất đổi vui mừng vì các điều thiện đầy lợi lạc được tiếp thu một cách trọn vẹn.

Nội dung 8 lời nguyện này, sau đó về lại Kỳ-hoàn, đức Phật đã chế thành giới điều, quy định một cách chặt chẽ.

---o0o---

HỨA CUỘI

Thành Xá-vệ có một thôn nhà buôn. Lục quần Tỳ-kheo một bữa nọ đến thôn này. Khách buôn thưa:

- Xin Trưởng lão an cư ở nơi đây, sau chuyến buôn, chúng tôi sẽ về cúng dường phẩm vật an cư.

Lục quần Tỳ-kheo nói:

- Muốn chúng tôi ở lại đây an cư thì phải cúng cho chúng tôi, trong thời gian an cư chúng tôi may y, an cư xong chúng tôi mặc y này đến thăm viếng đức Thế tôn.

Khách buôn cùng nhau bàn tính:

- Chúng ta nên cúng trước vật phẩm an cư để các Tỳ-kheo ở lại, như vậy là gia đình chúng ta lớn, nhỏ đều được nghe pháp, thọ 8 phần giới, giữ gìn trong sạch thân, khẩu, ý.

Khi nhận được phẩm vật an cư rồi, và sau khi các nhà buôn lên đường thì Lục quần Tỳ-kheo cũng ra đi nơi khác. Một thời gian sau, các nhà buôn thu được lợi nhuận trở về, nghĩ về các Tỳ-kheo, nên hăm hở nói với người trong nhà rằng:

- Tuy trước đây, ta đã cúng phẩm vật an cư cho các Tỳ-kheo rồi, nay ta buôn có lãi, an ổn trở về, nên phải cúng dường thêm, các người cứ an tâm nghe pháp.

Người nhà trả lời:

- Các Tỳ-kheo họ ra đi ngay sau khi nhận phẩm vật.

Các nhà buôn bất mãn không nói ra, song để sự cúng dường được mãn nguyện, họ đi ngay đến một trú xứ Tỳ-kheo gần đó mời các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo ấy nói:

- Các vị nên cúng dường cho các Tỳ-kheo đã thỉnh trước đây, chúng tôi không được phép nhận phẩm vật cúng dường của các vị ấy.

Nghe thế, sẵn lòng bất mãn, các nhà buôn nổi giận mắng:

- Bỏ ý cúng dường là giữ Lục quần ở lại thôn an cư để họ hàng chúng tôi nhờ, chứ ngờ đâu họ lại ăn cuội, hứa cuội như thế! Họ cùng với kẻ trộm đâu có khác gì?!

Các Trưởng lão nghe được bằng mọi cách quở trách rồi bạch lên Phật. Đức Phật dùng nhiều nhân duyên quở trách, sau đó bảo các Tỳ-kheo: “ Từ

nay không được phép nhận phẩm vật trong khi an cư, nếu nhận phạm Đột-kiết-la”.

Bấy giờ, nơi biên giới có giặc, Vua Ba-tư-nặc sai Át-su-đạt-đa và Phú-lan-na cầm quân ra biên ải dẹp giặc. Hai vị cùng nhau bàn bạc: “Nay chúng ta lên đường hành quân sống chết không thể lờng được, chúng ta nên đem phẩm vật cúng dường Tỳ-kheo”.

Hai vị liền thực hiện việc này.

Trước các Tỳ-kheo hai vị thưa:

- Nay chúng tôi đi dẹp giặc, sợ không về được, xin được cúng dường vật phẩm này, mong quý thầy nhận cho.

Trước sự cúng dường đột xuất này, các Tỳ-kheo rất phân vân vì sự việc trước đây đã dẫn đến Phật cấm: “Trong lúc an cư không được nhận phẩm vật an cư”. Chẳng biết giải quyết sao, các Tỳ-kheo trình việc này lên Phật.

Xét việc cúng này còn cách ngày Tự tứ là 10 ngày, nên Ngài cho phép các Tỳ-kheo, tiền an cư hay hậu an cư¹⁰⁰ được thọ y cấp thí¹⁰¹.

---o0o---

CŨNG TẠI TỖ-KHEO

Biết là không phải lúc, nhưng Bạt-nan-đà vẫn đến một nhà buôn để xin bát. Bạt-nan-đà ngỏ lời:

- Nay tôi cần bình bát, xin được cúng cho bát này.

Nhà buôn nói:

- Đại đức! Xin đợi cho một thời gian ngắn. Hiện các nhà buôn có phiên họp, nếu ai không đến họp đúng giờ phải bị phạt 500 tiền vàng.

Bạt-nan-đà nói:

- Tôi được nghe người rất tinh tấn trong việc cung cấp phương tiện hành đạo, tại sao nay bỏ việc làm công đức này, lại ưu tiên coi trọng việc đời!?

- Nghe lời như vậy, người nhà buôn như được đánh thức, nghĩ ngợi: “Thôi, dù có bị phạt, việc quan trọng này ta cũng phải thực hiện trước”.

Người nhà buôn liền đi mua bát cúng cho Bạt-nan-đà rồi mới đến họp. Việc đi mua bát về cúng đã chiếm mất thì giờ, nên đến họp trễ theo điều ước. Các nhà buôn bảo:

- Đến họp trễ giờ, phải nộp phạt thôi!

Người nhà buôn phân trần:

- Tôi không phải vì việc riêng mà vi phạm quy chế chung! Có một Sa-môn đến tôi xin bình bát, không thể không cho, tôi phải tìm mua bát cúng, nên đến họp trễ, xin mọi người thông cảm cho!

Người không ưa gì Sa-môn, không ưa gì Phật pháp liền phát biểu:

- Vì một Sa-môn mà ông phạm qui chế chung của chúng ta, phải phạt thật nặng là thích đáng.

Họ buộc nhà buôn kia phải thi hành nộp phạt, không chút thông cảm.

Bị phạt quá nặng, người nhà buôn bực tức, đổi ân thành oán, nói lớn:

- Sa-môn Thích tử chẳng biết điều chút nào, bảo chờ cho cũng không chịu, để đến nỗi tôi phải bị phạt nặng như thế này!

Nghe thế, hạng người không có cảm tình với đạo, liền hòa theo mắng:

- Bọn Sa-môn Thích tử này mở miệng ra xem như biết điều lắm, nào là thiếu đức, tri túc, mà nay đợi lúc người ta kẹt việc, lại cưỡng chế xin cho được cái này, cái nọ, họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Do tánh tham đi xin như vậy, Bạt-nan-đà nhận được nhiều bát, mỗi cái dùng 5, 6 ngày là thải ra, xếp xó. Bát cũ để trong phòng, chỗ nào cũng ngổn ngang. Các Trưởng giả thấy vậy, hỏi “Bát của ai lại chất đống ở đây?”.

Có ai đó trả lời: “Còn của ai nữa, của Bạt-nan-đà đấy”.

Các Trưởng giả phê phán:

- Sa-môn Thích tử thường nói thiếu dục, tri túc mà nay chẳng biết chán ngán là gì! Thu góp chất chứa như người buôn bát. Họ chẳng có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Lời chỉ trích này đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo... Trước Tăng, Phật quở trách Bạt-nan-đà và kiết giới cấm Tỳ-kheo giữ hơn một bát qua một đêm.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo độc cư, nhận được hai cái bát. Sợ phạm lời Phật dạy, đem một bát cho Tỳ-kheo khác. Sau khi cho, chiếc bát giữ lại bị bể, do đó, không có bát để du hành.

Việc này, sau đó được bạch lên Phật. Và do Tỳ-kheo đương sự cho biết: 10 ngày sau khi cho bát, bát mới bể. Do vậy điều giới được bổ sung, Phật cho phép giữ thêm một bát trong vòng 10 ngày. Quá thời gian đó phải xả.

Giới này Phật chế tại thành Xá-vệ.

---o0o---

TƠ TẦM ƠI! SAO KHỔ THẾ!

Bấy giờ, đức Phật đang lưu trú tại ấp A-trà-bệ¹⁰², lúc ấy, các Tỳ-kheo làm ngoạ cụ bằng kiền-xa-da (tơ tầm). Có Tỳ-kheo đích thân làm nhiều công đoạn... Tự mình gánh kén, cũng khiến người khác gánh kén, đích thân nấu kén cũng sai bảo người khác nấu... Các Cư sĩ thấy thế, nói:

- Chúng ta ươm kén, kéo tơ, Tỳ-kheo cũng ươm kén, kéo tơ. Sa-môn Thích tử với chúng ta có khác chi đâu nào?! Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Lại có một Tỳ-kheo tự mình quay tơ, rồi nhờ Tỳ-kheo khác may ngoạ cụ. Vì thiếu tơ nên Tỳ-kheo đến nhà người sản xuất tơ, nói:

- Tôi đang may cái ngoạ cụ mà thiếu tơ, ít nhiều có thể cho tôi xin được chứ?

Người ấy nói:

- Tôi chưa ươm thành tơ.

Tỳ-kheo lại nói:

- Có thể vì tôi mà ươm cho vậy!

Người ấy nghe thế liền nấu kén trước mặt Tỳ-kheo. Tiếng nhộng khua động trong kén, làm kén trôi lên mặt nước đang nóng dần. Tỳ-kheo thấy thế, bảo người kia nhận nó xuống nước sôi. Người ươm tỏ vẻ bực mình, liền mắng:

- Thầy thường nói không sát sanh, mà nay lại bảo người sát sanh, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn...

Đức Phật cấm Tỳ-kheo không sử dụng tơ tằm để may ngọa cụ là vậy.

---o0o---

CỬA QUÝ, LÔNG DÊ ĐEN

Bạt-kỳ là một xứ thuộc thành Câu-xá-di. Xứ này nổi tiếng là nơi ăn chơi của các nhà hào tộc. Các Bạt-kỳ tử dùng lông dê đen tuyền làm đồ phục sức, hay làm dụng cụ nằm, ngồi. Họ coi đây là đặc điểm tài tử, giàu sang phú quý của họ, là sức hấp dẫn mọi thú vui của riêng họ.

Khôn nổi! Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ cũng bắt chước làm như vậy. Ngày nọ, bắt chợt các Cư sĩ vào phòng Tỳ-kheo thăm thú, thấy y áo lông dê đen treo lủng lẳng, liền tưởng các hào tộc Bạt-kỳ tập trung lại để vui chơi. Nhân có người đi qua, các Cư sĩ hỏi:

- Đây là phục sức của quý nhơn nào?

Người ấy trả lời:

- Không phải đồ dùng của quý nhơn mà là kiêu học đòi của Tỳ-kheo Bạt-kỳ đó thôi!

Nghe thế, các Cư sĩ cơ hiềm, chê trách rằng:

- Các Tỳ-kheo mà lại ăn mặc như nhà vua, như đại thần, như hào tộc khi họ cần chung diện lên xe, xuống ngựa sao? Tôi nghe Tỳ-kheo mặc y cắt rọc, cạo đầu vô vi, mà nay lại lo chăm chú theo kiêu sang trọng này ư?! Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn...

Do đó, đức Phật cấm làm ngoạ cụ bằng lông dê đen tuyền¹⁰³, song các Tỳ-kheo Bạt-kỳ chơi ngẫng, làm ngoạ cụ bằng thứ lông dê pha trộn gồm đen, trắng và loại lông dê xấu, trong đó lông đen nhiều hơn. Nhân việc này đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay cho phép các Tỳ-kheo làm ngoạ cụ với hai phần lông dê toàn đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu hạ¹⁰⁴ (xám). Nếu làm quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

---o0o---

TỰ ĐEO CÁI KHỔ

Chưa hết, Tỳ-kheo Bạt-kỳ có suy nghĩ như vậy: “Đức Phật đã cho phép chúng ta dùng hai phần lông dê đen, phần thứ ba lông màu trắng, phần thứ tư màu xám để làm ngoạ cụ, như vậy là có thể vận dụng sự cho phép này”. Thế là Tỳ-kheo Bạt-kỳ tìm xin được nhiều ba loại lông dê ấy, rồi đích thân làm ngoạ cụ, hay nhờ vả người khác làm. Bởi thế, trong trú xứ không chỗ nào là không có việc làm này. Các Cư sĩ đến thăm chơi, thấy ngổn ngang các thứ nguyên vật liệu, lại một phen chê trách gay gắt, không kém phần độc ác.

Việc này dẫn đến Phật chế giới quy định thời gian Tỳ-kheo sử dụng một ngoạ cụ mới là sáu năm. Tuy nhiên, nếu cần có sự thay đổi nào đó thì phải đến giữa Tăng trình bày lý do để xin.

---o0o---

LẠI CHUYỆN LÔNG DÊ

Lông dê hình như có chỗ đặc dụng lúc bấy giờ, cho nên các Tỳ-kheo tìm được nhiều lông dê đành phải tự gánh hay vác về trú xứ, dù đường có xa mấy. Người đi đường thấy thế, bủ môi cơ hiềm:

- Chúng ta vì gia đình, vì miếng cơm manh áo nên phải còng lưng gánh lông dê, các Tỳ-kheo cũng làm như vậy, hóa ra hạng người mặc y hoại sắc cắt rọc, cạo đầu, khát thực với ta đâu có khác gì? Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Có một Tỳ-kheo ở trên núi, ham lông dê nên thường gánh lông dê đi đường. Hôm đó, gánh nặng quá, mệt lã người, khi về đến trước sân Tăng phường thì liền xỉu té xuống đất.

Các Tỳ-kheo thấy thế, tưởng là ma quỷ nhập vào, liền lấy nước tiểu xối lên mặt.

Tỳ-kheo kia hỏi:

- Tại sao các Trưởng lão lại dội nước tiểu lên mặt tôi?

Trưởng lão đáp:

- Tôi sợ ma quỷ nhập vào thầy nên mới xối nước ấy chứ!

Vị Tỳ-kheo lại phân bua:

- Đâu phải ma quỷ nhập, tại tôi gánh rất nhiều lông dê, nặng quá đâm ra mệt là ngất xỉu thôi!

Các Trưởng lão nói:

- Đức Phật chế: “Tỳ-kheo chỉ thọ trì 3 y và bình bát giống như đôi cánh chim, nhờ thế mới bay được”. Thầy không biết hay sao, mà lại gánh chi những thứ này?!

Vào một dịp khác, vì Tỳ-kheo, Cư sĩ làm một cái phòng với tâm niệm: “Tỳ-kheo nào đến ở phòng này thì ta cúng dường và cung cấp y”.

Sau đó, có một Tỳ-kheo đến ở, Cư sĩ bèn cúng lông dê. Tỳ-kheo không nhận, Cư sĩ nói:

- Con để dòn lông dê với bổn ý là cúng cho Tỳ-kheo, chứ không vì nhu cầu bản thân.

Tỳ-kheo nói:

- Đức Phật cấm không cho gánh lông dê đi đường thì nhận để làm chi?!

Việc này dẫn đến Phật cho phép mang vắc lông dê, nhưng đi với khoảng cách không quá 3 do-tuần¹⁰⁵.

PHẦN 04

MẮC LỪA LÀ PHẢI

Thời Phật, người thành Xá-vệ coi việc đổi chác mọi thứ như một hình thức kinh doanh. Có lẽ trong Tăng, Bạt-nan-đà cũng rất rành việc này. Bao giờ lợi lộc cũng thuộc về Bạt-nan-đà trong việc đổi chác đó.

Ngày ấy, có một ngoại đạo nhận được một xấp vải đem đến nhà người bạn nói:

- May thành y cho tôi.

Người bạn ngoại đạo nói thế này:

- Nhà tôi nhiều việc, không thể may được. Sa-môn Thích tử nhàn công rồi việc, lại nhận được nhiều y bố thí, có thể đến đó nhờ may, hay có thể trao đổi y cho họ, song ông phải cẩn thận, Sa-môn rất dẻo mồm, nổi tiếng là một nhà buôn, không khéo là bị mắc lừa ấy.

Theo lời hướng dẫn, ngoại đạo mang đến nơi Tăng đang cư ngụ, dò hỏi:

- Ai có thể nhận may y cho tôi không?

Các Tỳ-kheo nói không thể may được. Đương sự lại hỏi ngay Bạt-nan-đà:

- Tôi nghe Đại đức có nhiều y đã may xong, có thể đổi cho tôi một chiếc được không?

Bạt-nan-đà vốn không ưa gì ngoại đạo, nói:

- Các ngoại đạo của ông, tâm không dứt khoát, thay đổi xoành xoạch, đổi được rồi lại nói tốt, xấu lời thôi. Nếu sau khi thỏa thuận đổi rồi, không được ì xèo thì tôi đổi cho.

Ngoại đạo nói:

- Người ta thì có thể đổi ý, còn tôi thì khác, chẳng phải nói tới, nói lui làm gì cho phiền!

Như đặc ý vì ngoại đạo rơi đúng vào bẫy của Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà lấy ngay chiếc y cũ được làm mới bằng cách nhuộm lại trong nước nhót kiếp-bôi¹⁰⁶, rồi nghề nén thật láng sát mặt, trông như y mới may. Ngoại đạo nhìn thấy ưng ý, chịu đổi vải lấy y. Dem về trong chúng ngoại đạo, liền được đồng bạn hỏi:

- Đã may thành y chưa? Sao nhanh thế ông bạn?

Dương sự trả lời:

- Đã đổi được y rồi.

- Đâu, đưa chúng tôi xem với?. - Đồng bạn hỏi.

Dương sự liền đưa mọi người xem. Những người ngoại đạo xem qua đều lên giọng trách:

- Ôi cha! Dem tấm vải quý giá mà đổi lấy cái y xấu tệ thế này, khờ sao là khờ! So ra chênh lệch 5, 6 lần giá trị, đừng để bị thiệt, đổi lấy vải thôi. Chúng tôi sẽ cùng nhau bỏ công may cho bạn.

Thế là người ngoại đạo kia liền mang y trả lại, nói với Bạt-nan-đà:

- Ông là con nhà Thích tử, tại sao lừa dối tôi, đem cái thứ y xấu tệ thế này đánh tráo cho người ta? Đổi lại cho tôi ngay! Nếu không, tôi rao truyền tiếng xấu của ông đó.

Bạt-nan-đà cười, nói:

- Tôi biết tâm ngoại đạo không dứt khoát! Hay nói tới, nói lui, tôi đã không muốn đổi kia mà! Vì ông đã một lời dứt khoát, cho nên tôi mới theo ý ông mà đổi. Tại sao bây giờ lại nuốt lời như vậy?! Ông về đi, tôi không đổi lại đâu!

Ngoại đạo liền la lớn, rêu rao báng bổ Bạt-nan-đà. Các Cư sĩ nghe, hỏi:

- Tại sao thế?

Ngoại đạo đem sự thế đã xảy ra phân bua cùng mọi người để chứng tỏ sự mặt sát của mình là đúng.

Nghe chuyện, các Cư sĩ đều cơ hiềm, chỉ trích thẳng thừng rằng:

- Người đời mua bán qua sáu bảy ngày còn đổi được. Tại sao Sa-môn mới trong chốc lát lại không cho người ta đổi lại là sao? Hình thức ăn mặc có khác với người đời, song mua bán thì quá hơn người! Thật khôn nổi!

Tiếng xấu ấy lan ra khắp nơi... Lại một lần nữa, Bạt-nan-đà nhận tội và đức Phật chế giới cấm các Tỳ-kheo không được kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức.

Giới điều này được Phật nói ra tại thành Xá-vệ.

---o0o---

KẺ ĂN, NGƯỜI CHỊU

Thời Phật, tại thành Vương-xá lưu thông các loại tiền bằng vàng, bằng bạc, bằng tạp vật. Bấy giờ Nan-đà, Bạt-nan-đà đem các loại tiền mua bán các vật dụng để thu lấy các loại tiền vàng, bạc này...Thành Vương-xá lúc ấy cũng là nơi bọn cướp dung thân. Họ thường hay lân la, dò tìm, rình rập các nhà giàu. Việc làm của Nan-đà, Bạt-nan-đà không qua được mắt họ. Bọn cướp đi đến kết luận: “Quan sát kỹ nơi ấp lý này thì không ai giàu hơn Sa-môn Thích tử. Nhưng ở đây cướp được họ không dễ gì! Chi bằng đến nơi A-lan-nhã cướp của cải Thích tử, chắc dễ thôi!”

Bọn cướp đến A-lan-nhã vào hôm sau. Họ rình rập rồi khủng bố, bắt các Tỳ-kheo nơi đây tra khảo để mong lấy được vàng bạc và các loại tiền.

Các Tỳ-kheo nói:

- Chúng tôi đã xa lìa vàng bạc và tiền, không thu giữ cất chứa các thứ bất tịnh ấy.

Bọn cướp nói:

- Các ông nói láo. Chính tôi thấy Tỳ-kheo dùng nó để mua bán. Họ tra khảo Tỳ-kheo một trận nên thân rồi lấy hết y, bát bỏ đi.

Sau đó, các Tỳ-kheo A-lan-nhã chuyển lời quở trách Nan-đà và Bạt-nan-đà như vậy:

- Tại sao hai thầy cất chứa bảo vật làm chi, để đến nỗi gây tai họa cho chúng tôi!

Sự việc này dẫn đến Phật chế cấm: “Tỳ-kheo không được dùng vàng bạc và các loại tiền để trao đổi mua bán”. Sau đó, có vấn đề xảy ra gián tiếp là nhờ người khác, kể cả móng tâm cất giữ tiền, vàng cũng được Phật chế cấm bỏ sung.

---o0o---

ĐẦU PHẢI TAY VỪA ¹⁰⁷

Tỳ-kheo Sa-lan là một Pháp sư tầm cỡ, thông minh, biện tài. Người trong bốn chúng, kẻ ngoại đạo không ai có thể sánh nổi. Khẩu nghiệp của thầy rất linh hoạt, có thể biến điều trái thành điều phải và ngược lại, biết thì nói chẳng biết và ngược lại, nhất là để hơn người. Thầy không ngại xảo ngôn để thắng, dù vấn đề có thật hay không thật. Các Tỳ-kheo không ai là không thán phục và trong chỗ đạo tình, các thầy hỏi:

- Thầy cùng người biện luận lấy cái sai làm cái đúng, như vậy trong thâm tâm thầy có cho đó là đúng hay sai?

Pháp sư Sa-lan nói:

- Thật ra tôi biết điều đó là bậy, nhưng vì sĩ diện, sợ rơi vào chỗ thua nên phải khéo nói dối thôi.

Trước sự thật như thế, như để khuyên bảo, các Trưởng lão nhắc lại lời Phật dạy:

- Đức Phật thường khen ngợi người không nói dối, chỉ bảo người không nói dối. Nay thầy lại nói dối vì muốn hơn người là điều không nên, là điều sai trái, không thể chấp nhận.

Sự việc này sau đó được đưa ra trước Tăng, đức Phật quở trách Sa-lan và Ngài kiết giới cấm không được cố ý nói dối. Đức Phật nói giới này tại thành Xá-vệ.

---o0o---

LỜI ÁC ĐAU LÒNG NGƯỜI

Lúc bấy giờ, đức Phật đang lưu trú tại thành Xá-vệ. Các Tỳ-kheo sống dưới sự chỉ dẫn trực tiếp của Hòa thượng ¹⁰⁸, A-xà-lê ¹⁰⁹ hay bậc tương đồng với Hòa thượng, A-xà-lê, nên siêng năng học hỏi, tiếp thu không biết mệt

mỏi, sớm khuya tu tập. Nhìn thấy sự tiến bộ này, Lục quần Tỳ-kheo sốt ruột, nhận định vấn đề: “Nay các Tỳ-kheo sống trong ý thức tiến bộ này, chắc chắn không bao lâu họ sẽ hơn ta. Từ đó, họ thấy rõ tội lỗi của ta, tỳ vết của ta không sao che lấp trước sở học của họ. Chúng ta phải cùng nhau làm cản trở việc này để họ phế bỏ việc học tập kia”. Thế là Lục quần trực tiếp quậy phá. Lục quần chia nhau xúc não các Tỳ-kheo rằng: “Thầy là hạng hà tiện, thuộc giai cấp tiểu nham, hạng thợ thuyền. Các thầy từng làm những việc đại gian ác, không nhân từ, không có hạnh lành”. Các yếu điểm như bị đánh trúng, các Tỳ-kheo kia đâm ra thoái chí, ưu não, sống trong mặc cảm, phế bỏ việc học hành. Nhìn thấy việc làm của mình có kết quả, Lục quần dương dương tự đắc với mọi người rằng: “Chính chúng tôi đã phá hoại được việc đọc tụng, tọa thiền, hành đạo của họ”.

Trước sự việc này, các Trưởng lão hết sức nghiêm khắc phê phán Lục quần. Sau đó các vị trình lên đức Phật. Trước Phật và Tăng, Lục quần thú nhận việc làm của mình. Đức Phật quở trách họ và nhân đó, Ngài kể một câu chuyện để giáo hóa Tăng:

Xưa kia có một thành, tên gọi là Đắc-xoa-thi-ca¹¹⁰. Bấy giờ, trong thành ấy có một người Bà-la-môn nuôi một con bò đực, sức khỏe của nó thật tốt, đi rất nhanh. Lại có một Cư sĩ cũng nuôi một con bò, thể trạng của nó giống như bò kia. Hai nhà đem bò đấu sức nhau. Họ thỏa thuận, con nào thua phải chung 50 tiền vàng. Người Bà-la-môn được 50 tiền vàng vì bò họ thắng. Để rửa nhục, người Cư sĩ tìm mua con bò khác, dáng vóc sức khỏe hơn hẳn bò trước. Lại đem đấu với bò của Bà-la-môn, tiền cược bây giờ đặt gấp bội. Trước khi thỏa thuận, Bà-la-môn hỏi con bò của mình rằng:

- Mi có thể địch nổi với con bò của Cư sĩ kia có sức gấp bội mi không?
- Có thể. Con bò trả lời.

Khi bò của hai nhà vào cuộc đấu, Bà-la-môn ngu, sợ bò mình thua liền đem lời động viên phản tâm lý rằng:

- Sừng của mi cong cong sao khổ sở thế?! Cổ của mi sao mà yếu đuối! Thắng sao nổi, vút đi thôi! Giờ thì đáng kéo mất cả oai phong rồi!

Con bò nghe lời chủ phê phán như thế, sức lực liền suy sụp, dẫn đến thua con bò của cư sĩ. Ngậm đắng trao 100 tiền vàng cho Cư sĩ rồi, gã gằn hỏi bò:

- Bảo có thể, giờ thì thua, vì sao vậy?

Con bò đáp:

- Thật sự tôi đủ khả năng thắng, nhưng cái kiêu động viên nhục mạ của ông làm tôi mất hết khí thế, nên nhanh chóng kiệt sức, kéo hết nổi. Bây giờ thì có thể thách đấu lại, tiền cược gấp đôi vừa rồi. Khi tôi dốc toàn sức kéo trăm xe ngược lên triền núi cao thì ông khéo lời khuyến võ tôi, như khen cặp sừng tôi cong vút phi thường, dáng kéo của tôi ngoạn mục, thể hình tôi lẫm liệt oai phong, dư sức kéo trăm xe vượt dốc núi như chơi, và điều này sẽ làm cho ông thắng cuộc. Và quả thật, người Bà-la-môn sau cùng đã thắng cuộc, bởi khéo dùng lời động viên đầy khích lệ kia. Nhân việc này, đức Phật liền nói kệ:

*Lời thiện vừa lòng nhau
Lời ác đau lòng người
Súc sanh nghe lời khéo
Vui kéo nặng lên đôi
Vô địch sức này thắng
Thắng cuộc rạng lòng vui
Huống chi đối với người
Khen chê quyết thành bại*

Này các Tỳ-kheo! Loài súc sanh kia nghe lời hủy báng còn mất sức kéo, huống là đối với người. Nay Ta chế giới: nghiêm cấm sự báng bỗ nhau.

---o0o---

ĐÂM BỊ THỐC, THỌC BỊ GẠO

Lúc bấy giờ, đức Phật vẫn còn lưu trú nơi thành Xá-vệ. Cũng với tâm địa ích kỷ, Lục quần cứ lo sợ số đông Tỳ-kheo siêng năng tu học kia, ngày gần đây sẽ hơn mình về nhiều mặt, cho nên tìm cách gây trở ngại. Lục quần tìm cách đâm thọc, ly gián. Họ đến Tỳ-kheo này nhỏ to rằng:

- Thầy với tôi là chỗ quen biết thân tình, cho nên tôi cảm thấy xấu hổ khi Tỳ-kheo kia bảo thầy là hạng hạ tiện, con nhà thợ thuyền, thấp hèn nhỏ mọn, từng làm việc gian ác, không nhân từ, không có bản chất tốt. Đánh giá thầy như vậy, chẳng khác nào họ đánh giá tôi...

Sau đó, Lục quần đến kết thân với Tỳ-kheo ấy cũng kích động những lời như vậy. Hai bên nghe như thế, đâm ra hoang mang, giao động, xao nhãng ngay việc học hành, tu tập. Các Tỳ-kheo này bắt đầu giận nhau, không buồn đếm xỉa ngó mặt nhau... Nhìn thấy cảnh lạnh lùng đột biến này, Tỳ-kheo này hỏi Tỳ-kheo kia:

- Tại sao thầy xa lánh, không thích nói chuyện với tôi?

Tỳ-kheo kia trả lời rằng:

- Có người cho biết, thầy bảo tôi là người xấu đủ điều.

Vị này gần hỏi lại:

- Ai nói vậy?

- Lục quần bảo thế. - Tỳ-kheo kia đáp lời. Vị kia liền bảo:

- Lục quần Tỳ-kheo cũng nói rằng các thầy nói tôi xấu chẳng ra chi!

Các Trưởng lão nắm được sự việc này, liền khiển trách Lục quần Tỳ-kheo. Sau đó, vấn đề được bạch lên Phật. Trước Phật và Tăng, Lục quần thú nhận sự thật ly gián của mình. Đức Phật quả trách:

- Các ông là người ngu si, tại sao cùng sống trong một giáo pháp mà lại đâm thọc để gây chia rẽ, ly gián nhau?

Nhân đó, để giáo hóa kẻ ngu, Ngài dẫn chuyện xưa, Ngài nói:

- Thuở đời quá khứ có một sư tử tên là Thiện Nha và một con cọp tên là Thiện Trảo, cùng nhau kết bạn thân tình... Có một con chồn rừng thường đi theo đôi bạn kia để ăn đồ thừa, nhưng chẳng bao giờ sư tử và cọp nói chuyện với nó. Một thời gian sau, chồn có nhận xét: “Hai con thú này rất ái trọng nhau, ta phải tìm cách gây rối để thừa hưởng thức ăn dư của hai bên được nhiều hơn”. Chồn thực hiện kế hoạch bằng cách lân la đến cọp, nói kệ rằng:

*Thiện Trảo, ông hùng mạnh
Sắc tướng lại oai phong
Thiện Nha nói ông xấu
Tôi nghe chẳng vui lòng.*

Sau đó, chồn cũng đến bên sư tử nhỏ to vằn kẹ:

*Thiện Nha, ông hùng dũng
Sắc tướng lại oai phong
Thiện Trảo nói ông xấu
Tôi nghe không vui lòng.*

Hai con thú sau khi nghe lời chồn, đâm ra lạnh lùng với nhau, nhưng Thiện Nha thông minh hơn, nhìn thấy vấn đề, nên có suy nghĩ: “Thiện Trảo không chắc đã nói như vậy. Biết đâu chồn rùng muốn gây đấu loạn nội tình để thủ lợi?”. Thiện Nha thử khai thác tìm hiểu. Ngày ấy, Thiện Nha bắt được con trâu ghé, mang đến cho Thiện Trảo. Thiện Trảo im lặng không nhận ăn. Hiểu được vấn đề, Thiện Nha nói trắng âm mưu ly gián của chồn để Thiện Trảo hiểu được sự thâm độc kia, nhằm bảo tồn tình thân ái, bằng lời kẹ như sau:

*Mồi ngon tôi đem biếu
Cớ sao bạn không dùng?!
Tình thân không hề lỗi
Sao xoay mặt buồn ngo?!
Lời chồn, kẻ vô tín
Cốt ly gián tình ta
Tin theo, ôm tình hận
Rời ra thành oán cừ
Việc này chẳng ai khác
Chính chồn rùng gièm pha
Kẻ hèn mọn rói ta
Nay phải tìm giết vậy.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Súc sanh còn coi việc gây rối, ly gián là tội ác, huống chi con người, sao lại làm việc này?! Từ nay, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới cấm không được nói lời gây rối, đâm thọc.

---o0o---

KHÔNG NÓI PHÁP QUÁ NĂM, SÁU LỜI

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu trú nơi thành Xá-vệ. Trong thành có rất nhiều nhà cư sĩ, nhưng Tỳ-kheo Bạt-nan-đà lại thường hay lui tới chỉ một

nhà Cư sĩ nọ để nói pháp, lo liệu việc quan, cứu chữa ốm đau, bệnh tật, khổ não...Tuy nhiên, gia đình này gặp buổi suy tàn, nên một thời gian sau dẫn đến kiệt quệ, ly tán. Trong nhà chỉ còn lại một mẹ chồng và một nàng dâu. Vì tình thân hậu, nên Bạt-nan-đà nói pháp cho mẹ chồng nghe, nhưng khi con dâu đến thì Bạt-nan-đà lại dừng. Và mỗi khi nói pháp cho con dâu nghe, mẹ chồng đến, Tỳ-kheo cũng thôi không nói nữa. Điều này dẫn đến nghi kỵ nhau, mẹ chồng nghĩ con dâu có tình ý, thông đồng bất tịnh với Bạt-nan-đà, và ngược lại cũng thế. Mẹ chồng, nàng dâu trở nên gay gắt, rêu rao nói xấu sự nghi ngờ ấy khắp nơi. Những người không có lòng tin kính Phật pháp, cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử làm hạnh phi pháp, còn hơn cả hạng người dâm đăng ở thế gian. Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn”.

Khi sự việc này được các Trưởng lão trình lên đức Phật, Bạt-nan-đà bị khiển trách và đức Phật chế cấm trường hợp nói pháp này.

Sau đó, giới này được bổ sung bởi nhân duyên sau: Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo oai đức vào thành khát thực, đến nhà một gia đình nọ. Người nữ chủ nhân trải tòa mời Tỳ-kheo ngồi. Bà thiết cúng một bữa cơm đầy đủ. Sau bữa cơm, bà ta lấy chiếc ghế gỗ nhỏ ngồi trước Tỳ-kheo, thưa:

- Xin Đại đức vì con nói pháp.

Sau khi quan sát, Tỳ-kheo biết người nữ này không còn bao lâu nữa sẽ trúng gió chết, và đọa vào địa ngục. Nếu được nghe pháp thì bà ta có thể từ chỗ ngồi xa trần lìa cấu. Biết thế, nhưng nghiệt nỗi, Phật đã chế cấm: “Trước đối tượng là người nữ, không được thuyết pháp”, cho nên Tỳ-kheo đành nói lời an ủi, từ chối rồi ra về... Đúng như điều Tỳ-kheo suy nghĩ, nữ gia chủ ấy không lâu sau đó trúng phong chết. Trước các Tỳ-kheo, rồi tiếp đến là Phật, vị Tỳ-kheo oai đức kia trình bày cảnh thương tâm ấy đã không được cứu độ. Đức Phật hỏi:

- Nếu vị phụ nữ đó thuyết pháp, thì ông cần nói bao nhiêu lời để họ hiểu được vấn đề?

- Chừng năm, sáu lời¹¹¹ là họ hiểu được. Bạch Thế tôn!

Do nhân duyên này, đức Phật chế giới bổ sung, tức cho phép nói pháp năm, sáu lời. Tuy nhiên, vấn đề vẫn chưa rõ ràng, chẳng hạn như nói đủ năm, sáu lời mà người nữ chưa hiểu thì sao? Hay trong số đông nữ có người nam, thì có cho phép Tỳ-kheo thuyết quá năm, sáu lời không? Giới điều được Phật nói bổ sung, sau cùng cho thấy sự chặt chẽ của nó: “Tỳ-

kheo nào vì người nữ nói pháp quá năm, sáu lời, trừ có người nam biết phân biệt được lời nói thiện ác, phạm Ba-dật-đề ¹¹²”.

Cũng từ trong phân duyên khởi của giới này, đức Phật cho phép: “Từ nay cho phép người nữ thọ Tam qui, Ngũ giới, Tám phần giới, vì họ thuyết Mười điều thiện, Mười điều bất thiện”.

---o0o---

CHƠI NHAU ĐÚNG PHÁP

Lúc bấy giờ, đức Phật đang lưu ngụ tại thành Xá-vệ. Một đạo, Lục quần Tỳ-kheo có được thể thượng phong, còn các thiện Tỳ-kheo thiếu đi thể mạnh này. Do vậy, Lục quần Tỳ-kheo thường cản ngăn năm loại Yết-ma: Yết-ma ha trách ¹¹³, Yết-ma khu xuất ¹¹⁴, Yết-ma y chỉ ¹¹⁵, Yết-ma cử tội ¹¹⁶, Yết-ma hạ ý ¹¹⁷. Tỳ-kheo nào bị năm Yết-ma này, Tăng muốn giải cũng bị Lục quần ngăn chận không cho. Sau đó, Lục quần Tỳ-kheo mất thể mạnh, các thiện Tỳ-kheo lại có thể thượng phong. Chúng Tăng có việc, cần Yết-ma, nhân lúc Lục quần Tỳ-kheo đang may y, các Tỳ-kheo nói:

- Phải gọi Lục quần Tỳ-kheo đến để cùng Tăng làm Tăng sự. Nếu các vị bận may y, không đến được thì Chúc thọ ¹¹⁸. Điều này cho phép chúng ta được như pháp mà giải quyết việc.

Khi Tăng tập, có người đến mời, Lục quần Tỳ-kheo bận việc may vá nên sai một người đến trước Đại chúng chúc thọ. Hội đủ sự hợp pháp, Tăng cần thực hiện 5 thứ Yết-ma, thì liền cùng nhau tác bạch 5 thứ Yết-ma. Tăng cần giải 5 thứ Yết-ma, thì liền tác bạch giải 5 thứ Yết-ma...Yết-ma xong, vị Tỳ-kheo chúc thọ kia về lại chỗ Lục quần Tỳ-kheo. Lục quần hỏi vị ấy:

- Tăng làm việc gì?

- Tăng làm việc Yết-ma, Yết-ma điều chúng ta không muốn Yết-ma, ngược lại điều chúng ta muốn Yết-ma thì Tăng không làm Yết-ma. Nói khác hơn, Tăng cùng nhau Yết-ma giải quyết những việc Tăng, theo sự đề xuất của Tăng.

Thua trí, tìm cách gỡ gạc, Lục quần đến các Tỳ-kheo bị Yết-ma phân bua:

- Các thầy đừng lo buồn, chúng tôi sẽ trợ lực cho các thầy. Vừa rồi, vì chúng tôi không biết các thầy rơi vào trường hợp bị Yết-ma, nên mới

chúc thọ. Nếu biết thế, chúng tôi bỏ ngay việc mà đến, thì làm gì hội đủ duyên để Yết-ma thành tựu?!

Lục quần lại đến chỗ Tỳ-kheo được giải Yết-ma, nói:

- Tôi không chấp nhận cho thầy giải Yết-ma, không nhận sự sám hối của thầy.

Làm khơi dậy việc Tăng đã giải quyết nhằm gây mâu thuẫn, đấu tranh của Lục quần Tỳ-kheo đã bị các Trưởng lão và đức Phật khiển trách một cách nghiêm khắc, và Ngài chế giới cấm hành động thiếu xây dựng này.

---o0o---

CHÊ KHÔNG PHẢI CÁCH

Từ thành Xá-vệ, đức Phật cùng với 500 Tỳ-kheo đến ấp A-trà-tỳ (A-trà-bệ). Bấy giờ, nơi ấp có một Cư sĩ nọ suy nghĩ: “Đức Phật lâu lắm mới đến đây, chưa được gặp thì Ngài lại sắp đi. Ta nên đến gần gửi các Tỳ-kheo để học tụng kinh kệ, thưa hỏi những điều chưa hiểu, ngõ hầu, sau khi Thế tôn đi, ta có chỗ nương tựa”. Cư sĩ liền đến nơi ngụ của Tỳ-kheo, thưa:

- Đại đức dạy cho con đọc tụng kinh kệ.

- Đức Phật chưa cho phép chúng tôi hướng dẫn người Cư sĩ tụng kinh. Các Tỳ-kheo nói.

Việc này, sau đó các Tỳ-kheo bạch lên Phật và Ngài cho phép.

Sau khi biết cách đọc tụng, các Cư sĩ hòa âm thật rập ràng. Nhưng các Tỳ-kheo từ nhiều nước ngồi lại cùng nhau đọc tụng, vì thổ ngữ không đồng, nên âm thanh chõi nhau, không ăn rập, các Cư sĩ có phần tự phụ, chê trách rằng:

- Tại sao các Tỳ-kheo lúc nào cũng gần gũi, chung đụng nhau mà không phân biệt được giọng nào là giọng nam, giọng nào là giọng nữ, giọng nào là của kẻ huỳnh môn ¹¹⁹, của người hai căn ¹²⁰... kẻ cả ngữ pháp tối thiểu cũng chẳng biết!

Các Tỳ-kheo nghe lời phê phán này rất lấy làm xấu hổ. Vấn đề được bạch lên Phật và trước Tăng, sự thật được xác nhận. Đức Phật liền cho chuyển lời quở trách của Ngài đến các Cư sĩ như sau: “Các người là người ngu si, tại sao lại hiềm trách, chê bai âm ngữ của Tỳ-kheo thuộc

hiều nước khác nhau, tụng kinh không ăn rập?!”. Đức Phật lại dạy các Tỳ-kheo: “Từ nay không được chỉ dạy người chưa thọ Cụ túc cách đọc tụng”.

Không lâu sau đó, có Cư sĩ đến xin học cách tụng kinh, các Tỳ-kheo nói:

- Các người đã mĩa mai chê trách âm thanh đọc tụng của chúng tôi, đâu có cần đến học, nay các người đến cầu xin, chỉ uống công mà thôi!

- Thưa Đại đức! Con không hủy báng Phật pháp, cũng không cầu phước điền nào khác, lẽ nào vì cái lỗi của người kia mà không dạy cho con cách đọc tụng! - Cư sĩ thưa.

Lại một việc khác: Có các Sa-di mong muốn đọc tụng kinh, nên xin được hướng dẫn. Các Tỳ-kheo nói:

- Chờ thọ Cụ túc rồi mới dạy cho các ông.

- Chúng con xuất gia rồi, cần phải biết cách đọc tụng kinh kệ! Tại sao phải đợi thọ Cụ túc xong mới dạy việc đọc tụng? - Các Sa-di thưa.

Sau đó, sự việc này được bạch lên Phật. Trước các Tỳ-kheo, đức Phật dạy:

- Nay cho phép dạy người chưa thọ giới Cụ túc đọc tụng kinh, nhưng không được đồng tụng.

(Thầy đọc hết một câu, trò mới đọc lặp lại).

---o0o---

NGỦ Ở NHÀ XÍ LÀ YÊN CHUYỆN

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu trú tại ấp A-trà-tỳ. Các Cư sĩ nghe Phật sắp đi nên đến thăm, tạm nghỉ ở các phòng Tỳ-kheo. Nơi đây, các Cư sĩ cùng các Tỳ-kheo ngồi thiền, hoặc cùng kinh hành, đầu đêm cuối đêm không ngủ. Có một Tỳ-kheo không chuyên cần hệ niệm, nên ngủ say như chết, đập tuột chiếc y ra khỏi người, để lộ “cương hình”. Cư sĩ thấy, lấy y phủ lại. Đến ba lần như vậy, Cư sĩ bèn nổi giận, chê trách:

- Những người này thường nói dục tâm là điều đáng chê trách, nay để lộ “cương hình” mãi, phải chăng họ không vui sống với đạo, sao không chịu hoàn tục cho rồi?!

Tỳ-kheo kia nghe lời này, cảm thấy vừa xấu, vừa nhục. Các Tỳ-kheo Trưởng lão cũng thấy tầm quý vô cùng. Sau đó, các vị đem vấn đề

và cả đương sự lên trình đức Phật. Trước Tăng, Tỳ-kheo đương sự thú nhận sự việc ấy là sự thật. Ngài quở trách Tỳ-kheo rồi nói:

- Ta thường khen ngợi người ngủ không có tâm tán loạn, thì không có năm điều xấu xảy ra. Nay ông ngủ, tại sao không nhiếp niệm? Tỳ-kheo, ở chỗ kinh hành, ngồi thiền, đứng, ngồi, nằm... chẳng có oai nghi thì người nào trông thấy hẳn không vui, không sanh lòng tin, hoặc đã có lòng tin thì lòng tin bị suy thoái. Như vậy, chẳng phải là gương mẫu làm ánh sáng cho đời?

Đức Phật lại dạy các Tỳ-kheo:

- Từ nay các thầy không cùng với người chưa thọ đại giới ngủ ở một chỗ.

Do bởi lý do này, sau đó các Cư sĩ đến chỗ Tỳ-kheo để cùng ngồi thiền, bị các Tỳ-kheo mời ra, không cho vào phòng. Các Cư sĩ thưa:

- Chúng con không muốn thấy Đại đức xua đuổi như thế! Chúng con không tìm cầu phước điền nào khác, mà chỉ mong nương nhờ Đại đức, không lẽ chỉ một người có lỗi lại đuổi bao nhiêu người tốt còn lại?!

Do sự từ chối này, ngày ấy có một số Cư sĩ khỏe mạnh, tự đột nhập vào phòng Tỳ-kheo. Không ngăn cản được, các Tỳ-kheo bèn ra ngoài trời ngủ, bị muỗi mòng, gió, mưa, bụi đất làm khổ não.

Bấy giờ, đức Phật từ áp A-trà-tỳ đến nước Câu-xá-di, Ngài ngụ lại ở vườn Cù-sư-la¹²¹. Riêng La-hầu-la, một mình đến một căn phòng nơi Bakỳ-la, dọn dẹp, tưới nước, lau quét sạch sẽ, trải tọa cụ, lấy nước để dùng, đầu đó tươm tất, La-hầu-la đóng cửa lại rồi đến chỗ Phật. Căn phòng này, sau đó được Tỳ-kheo quản lý giao lại cho một vị khác. Tỳ-kheo này nhận ở. La-hầu-la đầu đêm nghe pháp xong, trở về lại căn phòng đã bỏ công dọn dẹp trước đó. Nghe tiếng động, Tỳ-kheo ấy hỏi:

- Ai đó?

La-hầu-la trả lời:

- Tôi là La-hầu-la.

- Ông đến đây có việc gì?

- Phòng này là của tôi.

- Tỳ-kheo quản lý đã giao cho tôi rồi. - Tỳ-kheo kia bảo thế.

- Phòng này trước đây tôi đã thu dọn làm vệ sinh, trải sẵn tọa cụ... Tôi chỉ tạm đến chỗ Phật nghe pháp, trước mắt nó là sở hữu của tôi, xin trả lại cho tôi!. - La-hầu-la nói.

- Tuy ông đã dọn dẹp đầu vào đó, song tôi là Thượng tọa nên phòng này tôi được ở. - Vị Tỳ-kheo ấy nói.

- Thưa, tôi có thể cùng ở tạm được không?. - La-hầu-la hỏi.

- Không được. - Vị ấy trả lời.

La-hầu-la xin ngồi, đứng trong phòng, hay ở tạm ngoài hành lang đều không chấp nhận. Trong thế cùng này, La-hầu-la nảy ra ý nghĩ: “Ta đến phòng nào khác, rồi cũng như vậy, chỉ còn cách là đến ngủ nơi nhà vệ sinh là yên chuyện”. Nhưng chuyện không yên với sự chọn lựa đơn giản này của La-hầu-la. Trong nhà vệ sinh có một con rắn mun đang sống trong ngõ ngách ở đây... Do thiên nhãn của Phật, Ngài thấy được hành động của La-hầu-la, liền có suy nghĩ: “Nếu Ta không đến thì chỉ trong chốc lát, La-hầu-la sẽ bị rắn cắn chết”. Đức Phật liền đến nhà vệ sinh, khảy móng tay, tăng hắng. La-hầu-la cũng khảy móng tay, tăng hắng.

- Ai đó?. - Đức Phật hỏi.

- Thưa, con là La-hầu-la.

- Tại sao con ở nơi đây?. - Ngài hỏi.

La-hầu-la liền kể lại sự việc đã xảy ra để trả lời câu hỏi của Phật. Biết rõ sự việc như vậy, đức Thế tôn dẫn La-hầu-la về phòng của Ngài... Sáng ngày, Ngài cho tập Tăng và xác minh rõ sự việc. Thượng tọa kia thú nhận:

- Thưa Thế tôn, sự thật đúng như vậy.

Đức Phật nghiêm khắc quở trách:

- Ông là người ngu si, làm sao con cáo rùng có thể xua đuổi nổi con sư tử. Sau khi khiển trách, đức Phật kết hợp với chuyện Cư sĩ vào phòng, Tỳ-kheo ra ngoài trời ngủ, Ngài kiết giới không cho phép Tỳ-kheo cùng với người chưa thọ đại giới ngủ quá hai đêm¹²² trong phòng Tỳ-kheo.

---o0o---

KHOE KHOANG

Mùa An cư năm ấy, toàn thành Tỳ-xá-ly gặp phải nạn hạn hán mất mùa, đói kém xảy ra. Các Tỳ-kheo, tùy theo chỗ quen biết, phân tán mỏng để có thực phẩm tối thiểu dùng vào việc tu tập, an cư. Riêng các Tỳ-kheo an cư ven sông Bà-câu-mạt¹²³ thì rất đầy đủ, sung túc nhờ thủ thuật khen nhau mình chứng quả này, quả nọ...trước những người Phật tử ở đây. Nhưng sự thật này, sau mùa an cư lại phơi bày bởi sự thú nhận của

chính các Tỳ-kheo ấy trước Phật và Tăng. Đức Phật hết sức nghiêm khắc quở trách sự hư dối này, và dù có chứng quả đi nữa cũng không nói ra sở đắc ấy trước người chưa thọ đại giới. Đức Phật chế giới cấm này tại thành Tỳ-xá-ly.

---o0o---

THÓI HỚT HỒNG TỌC MẠCH

Lúc bấy giờ, có các Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa ¹²⁴, hoặc vì cố ý xuất bất tịnh, hoặc rờ rẫm người nữ, hoặc trước người nữ nói lời thô tục, hoặc tự khen mình để chiếm cảm tình người nữ, mong họ hiến dâng thân xác. Trong số các Tỳ-kheo phạm tội, có người đến Tăng xin Biệt trú ¹²⁵, Tăng cho Biệt trú, hoặc thi hành Ma-na-đỏa ¹²⁶ hoặc hành Bỏ nhật ¹²⁷, hoặc có người xuất tội ¹²⁸. Trong chúng, Lục quần Tỳ-kheo chiêm bism các vị này, khiến các vị này càng thêm tội nhục, xấu hổ...

Nhưng chưa hết, Lục quần không buông tha. Ngày ấy, có người Đản-việt mời Tăng thọ trai. Người gia chủ này lại rất trọng một vị Tỳ-kheo phạm tội cố ý xuất bất tịnh, đã bị Tăng cho Biệt trú, nên trải riêng cho vị này một tọa cụ tốt. Lục quần đến sớm hơn, lại ngồi ngay lên tọa cụ ấy. Gia chủ liền thưa:

- Xin đừng ngồi lên tọa cụ này vì chỗ này tôi chỉ dành riêng cho một vị Tỳ-kheo quen thân của tôi rồi.

Lục quần Tỳ-kheo liền bảo:

- Tỳ-kheo kia không nên ngồi vào chỗ ngồi này.

- Nên hay không nên tôi tự biết được điều đó. - Cư sĩ thưa.

- Vị kia, trước đây thì nên ngồi chỗ này, còn bây giờ thì lại phải ngồi vào chỗ thấp nhất. - Lục quần Tỳ-kheo nói.

- Vì lý do gì vậy? - Cư sĩ lại hỏi.

- Tỳ-kheo ấy có tội. - Lục quần nói.

- Phạm tội gì? - Cư sĩ lại hỏi.

-Tội cố ý xuất bất tịnh. - Lục quần đáp.

Cư sĩ thất vọng cơ hiềm, mỉa mai:

- Các Sa-môn này thường ba hoa rằng: Trừ bỏ tư tưởng dục,chấm dứt lửa dục, cắt đứt cảm giác dục, nay lại như thế này thì còn gì để nói. Họ làm ô uế đạo, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Lời cơ hiềm này không mấy chốc đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo, và các Ngài đã quở trách thói xấu này của Lục quần. Sau đó, sự việc được bạch lên Phật. Lại một lần nữa, trước Tăng, đức Phật nghiêm khắc khiển trách Lục quần và Ngài chế giới. Giới này sau đó được hai lần bổ sung mới hoàn chỉnh như sau: “Tỳ-kheo nào biết Tỳ-kheo khác phạm tội Thô ác (Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa) mà nói cho người chưa thọ giới Cụ túc biết thì phạm Ba-dật-đề”.

---o0o---

PHIÊN CHI PHẢI HỌC LUẬT

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ. Trước Tăng, Ngài rất khéo léo khen ngợi Tỳ-ni, khen ngợi người tụng Tỳ-ni, khen ngợi người cẩn trọng gìn giữ Tỳ-ni. Ngài khen ngợi Ưu-ba-ly trì luật nên có được 5 công đức:

- 1- Tự mình kiên cố hộ trì giới phẩm.
- 2- Có khả năng giải tỏa nghi ngờ của người biết tà mạt.
- 3- Tự mình có chỗ đứng tốt trong chánh pháp.
- 4- Khi cần nói giữa Tăng thì rất bản lĩnh.
- 5- Hàng phục được oán địch.

Qua sự khen ngợi này, các Tỳ-kheo lại có ý nghĩ: “Đức Phật đã vì chúng ta mà dạy như vậy, tại sao chúng ta không siêng năng đọc tụng, học hỏi Tỳ-ni?”. Bởi thế, đêm ngày các Tỳ-kheo dốc sức tụng tập rất chuyên cần.

Thấy thế, Lục quần Tỳ-kheo sanh lòng đố kỵ, tự nghĩ: “Nay các Tỳ-kheo siêng năng học hỏi, đọc tụng Tỳ-ni, chắc chắn họ hiểu rõ các tội tướng, thấy cái lỗi của chúng ta, cuối cùng làm tổn hại ta. Nay ta hợp tác, tìm cách chê bai Tỳ-ni, chỉ trích người học Tỳ-ni, khiến họ mất hết cảm hứng, xao nhãng việc học tập, nghiên cứu này”. Lục quần bèn đến các Tỳ-kheo hỏi:

- Thầy đọc tụng thứ gì đó?
- Đọc tụng Tỳ-ni. - Các thầy trả lời.

Lục quần phê phán:

- Phiền gì phải học tập, đọc tụng các giới linh tinh ấy? Sao không đọc tụng 5 âm, 6 nhập v.v... và các nghĩa của kinh? Đọc tụng Tỳ-ni thì bất quá cũng chỉ bốn việc, mười ba sự, hai pháp bất định, chẳng cần phải biết nhiều làm gì! Biết nhiều càng mang phải cái tội nghi ngờ kẻ khác mà thôi!

Như đánh đúng chỗ yếu, các Tỳ-kheo đồng ý: “Biết nhiều, nghi nhiều, chúng tôi cũng thấy như vậy!”

Chất xúc tác này liền có hiệu lực, các Tỳ-kheo ấy chệnh mảng, thôi không tụng tập nữa. Lục quần Tỳ-kheo tự mãn, bảo nhau:

- Chúng ta đã thắng lợi, sự an lạc sẽ đến với chúng ta, kết quả thật thỏa mãn...

Hành động này của Lục quần Tỳ-kheo được đưa ra trước Tăng phê phán, xử lý. Sau đó, đức Phật chế giới cấm chỉ việc làm tiêu cực này.

---o0o---

CẤM CHẶT PHÁ THẢO MỘC

Từ nước Câu-tát-la, đức Phật cùng 500 Tỳ-kheo đi về ấp A-trà-tỳ. Hay tin Phật sắp đến, các Tỳ-kheo có suy nghĩ: “Trong ấp này, các Cư sĩ không có lòng tin kính Phật pháp, lại không có giảng đường. Phật và Đại chúng về đây sẽ ở nơi đâu?”. Các vị liền họp lại để có quyết định chung, ấy là cùng chung sức tìm kiếm các vật liệu, kể cả đốn cây, cắt cỏ để xây dựng một ngôi nhà lớn. Việc làm này vấp phải sự chỉ trích của Cư sĩ rằng:

- Chúng ta là Cư sĩ, đốn phát cây cỏ còn không nỡ lòng, huống hồ người xuất gia, lẽ nào làm như vậy? Bọn người này thường nói từ tâm, kham nhẫn, hộ niệm chúng sanh, nay lại chặt phát cây cỏ, làm cái việc tổn thương, vô đạo. Họ đánh mất hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Sau khi đến ấp, đức Phật vào nhà giảng đường mới cất, rồi ngồi vào tòa. Ngài hỏi các Tỳ-kheo:

- Nhà này ai đứng ra xây dựng?
- Chúng con tự xây dựng. - Các Tỳ-kheo thưa.
- Ai chặt phát cây cỏ? - Đức Phật lại hỏi.
- Chúng con tự chặt. - Các Tỳ-kheo thưa.

Đức Phật liền nghiêm khắc quở trách:

- Các ông là người ngu si! Các ông không nên làm việc này, sanh mạng trong cây cỏ thiết tưởng cũng giống như sanh mạng con người. Các ông làm việc này chẳng khác nào gieo cái ác vào lòng người.

Đức Phật nghiêm cấm Tỳ-kheo làm việc này. Ngài nói giới bổ sung như vậy: “Tỳ-kheo nào, tự mình sát hại sự sống cây cỏ, hoặc sai bảo người đốn chặt, phạm Ba-dật-đề”.

Việc lại xảy ra, vào dịp nọ, các Tỳ-kheo có ý định làm phòng xá mới. Ý định này như hội đủ, vì có Cư sĩ đến xem xét chỗ xây cất, nói với Tỳ-kheo:

- Lành thay! Đại đức, vật liệu làm phòng xá này con xin cúng hết. Các vị nên sớm hoàn thành việc xây cất để chúng con được phước cúng vật dụng.

Các Tỳ-kheo nói:

- Đức Phật không cho phép chúng tôi đích thân, hoặc nhờ người chặt cây cỏ, thì làm sao hoàn thành sớm nổi?!

Bởi thế, Tỳ-kheo rất thiếu thốn nhà ở, còn trong vườn, ngoài sân cỏ tốt lút đầu... Không những thế, tắm rửa răng lấy từ cây cỏ cũng bị ảnh hưởng, không có dùng. Khi vấn đề bạch lên đức Phật, Ngài liền cho tập Tăng rồi bảo:

- Có 4 loại mầm sống: Mầm sống do gốc, mầm sống do nhánh, mầm sống do lóng, mầm sống do hạt. Phạm các loại cây cỏ đều do bốn loại mầm sống này mà sinh trưởng. Nếu Tỳ-kheo cần dùng loại cây cỏ nào thì nói với Tịnh nơn như vậy: “Người biết việc này cho”. Nếu Tịnh nơn không hiểu ý nghĩa, nên lập lại: “Người xem cho việc này”. Nếu cũng không hiểu thì lập lại: “Tôi cần việc này”. Nếu không hiểu nữa thì nói: “Cho tôi việc này”. Từ nay giới này được nói như sau: “Tỳ-kheo nào tự mình chặt phá “quí thôn”¹²⁹ hoặc sai khiến người, nói: “Chặt cái này” thì phạm Ba-dật-đề”.

---o0o---

CỨ MÃI CHỌC TỨC

Lục quần Tỳ-kheo, gần như lúc nào cũng phạm tội, phá vỡ oai nghi, muốn sao thì làm vậy. Khi lên giường, khi xuống giường không đúng pháp. Lúc nào ăn cũng được, ăn biệt chúng. Vào xóm làng không đúng

lúc, lại cũng không thừa báo với thiện Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy vậy khuyên bảo:

- Các thầy chớ nên liên tiếp phạm những tội như vậy. Nên thấy tội của mình để đến các Thầy xin sám hối, đừng nên phụ lòng tín thí để rồi nhiều kiếp phải gánh lấy cái khổ.

- Tôi phạm tội à?! Tội gì?. - Lục quần Tỳ-kheo hỏi.

Các thầy liền vạch các tội như vậy, như vậy... cho Lục quần Tỳ-kheo thấy. Lục quần Tỳ-kheo không phủ nhận, mà cũng không công nhận, lại nói lảng sang chuyện khác. Các Tỳ-kheo lại bảo:

- Tại sao thầy không trả lời thẳng vấn đề là phạm hay không phạm, mà lại tránh né nói sang chuyện khác, không đúng trọng tâm điều chúng tôi muốn hỏi?!

- Tôi biết các thầy không hỏi việc đó, mà tôi tự nói ra, có sao đâu!. - Lục quần Tỳ-kheo nói.

Các Tỳ-kheo bằng nhiều hình thức khác nhau quở trách Lục quần Tỳ-kheo, rồi đưa các đương sự lên gặp Phật, trình bày đầy đủ sự việc đã xảy ra. Trước Phật và Tăng, Lục quần Tỳ-kheo cúi đầu chịu tội. Vì 10 điều lợi ích, đức Phật chế giới cấm hành động không tùy thuận này.

Tánh nào tạt ấy, Lục quần Tỳ-kheo lại tái phạm các tội như trước. Các Tỳ-kheo bảo sám hối, Lục quần Tỳ-kheo không thêm ư hữ, lặng thinh. Các Tỳ-kheo nói:

- Đức Phật chế giới phải tùy thuận trả lời, trao đổi với nhau. Tại sao các thầy lại cố tình im lặng?

Lục quần Tỳ-kheo nói:

- Đức Phật cấm như thế nhưng nay tôi không nói thì có tội gì?

- Nói loanh quanh với không hé miệng có khác gì nào? - Các Tỳ-kheo nói.

Sự việc lại đưa ra giữa Tăng. Sau khi quở trách, đức Phật chế giới đầy đủ như sau: “Tỳ-kheo nào cố ý không trả lời đúng câu hỏi, phạm Ba-dật-đề”. Giới này đức Phật nói tại thành Xá-vệ.

---o0o---

TỪ VÀ ĐỊA

Lúc bấy giờ, đức Phật đang lưu trú tại thành Vương-xá. Tỳ-kheo Từ, Địa lại chỉ trích Tỳ-kheo Đà-bà quản lý công việc tùy theo cảm tính: thích, giận, si, sợ. Rõ ràng, trong chúng Tăng đều cho lời này là lời vu khống của Từ và Địa. Sự thật khi đưa ra trước đức Phật, Từ và Địa đã thú tội:

- Thật sự chúng con có nói lời vu cáo ấy.

Như vậy, trước mặt bị cáo vu khống, thì sau lưng mình vu cáo. Rồi Từ và Địa ở chỗ không có ai, tự mình vu cáo rằng:

- Tỳ-kheo Đà-bà, tùy tiện điều hành việc Chúng theo sở thích, giận hờn, si mê và sợ hãi.

Lẽ đương nhiên Tỳ-kheo Từ và Địa bị các Trưởng lão - sau đó là đức Phật - quở trách nặng nề. Giới này lại nói như vậy: “Tỳ-kheo nào vu cáo người được Tăng sai, phạm Ba-dật-đề”.

---o0o---

Ý THỨC TRÁCH NHIỆM

Bấy giờ đức Phật lưu trú tại Tỳ-xá-ly. Nơi đây, có một trú xứ nằm ở chỗ ẩm thấp. Khi nhận phòng ở, Tỳ-kheo đem ngọa cụ ra ngoài chỗ đất trống phơi cho bớt ẩm. Đến giờ, Tỳ-kheo đắp y bung bát vào thành khất thực. Không lâu sau khi ra đi, trời đổ ập mưa, nước ngập thoát nhanh, ngọa cụ phơi bị trôi mất. Sau mưa, Tỳ-kheo trở về đi tìm ngọa cụ thì cũng tìm thấy các vật dụng khác như giường, mền, ghế, câu nhiếp¹³⁰... trôi tấp đó đây. Để xảy ra sự việc này là do Tỳ-kheo thiếu đề phòng, không cẩn trọng thu xếp trước khi ra đi, nên các Trưởng lão Tỳ-kheo quở trách Tỳ-kheo kia rằng:

- Thầy làm điều phi pháp! Khó khăn lắm Tăng mới có được ngọa cụ. Đem ra phơi, tại sao không đem vô? Đến giờ đi cũng không thu dọn, đến nỗi nước mưa cuốn trôi đi cả! Vật dụng, tư cụ mất thì phòng lại trống không!

Các Trưởng lão đem sự việc này bạch lên Phật. Để có trách nhiệm gìn giữ vật dụng của Tăng, đức Phật chế giới: “Tỳ-kheo đích thân đem phơi ngọa cụ của Tăng mà không thu cất trước khi đi, phạm Ba-dật-đề”.

Nhìn thấy kẽ hở của điều cấm, Lục quần Tỳ-kheo sai bảo Sa-di hay người giữ vườn đem phơi ngọa cụ nơi đất trống, rồi bỏ mặc cho mưa, gió, chim, chuột cắn phá... làm hư hoại. Khi bị quở trách, Lục quần Tỳ-kheo trả lời rằng:

- Tôi sai người khác trải phơi thì không trái lời Phật dạy.
- Đích thân, và sai người khác trải thì khác nhau chỗ nào? - Các Tỳ-kheo vặn hỏi lại.

Các Tỳ-kheo đem sự việc bạch Phật, đức Phật dạy: “Tỳ-kheo nơi đất trống, tự mình trải ngoại cụ của Tăng, hoặc sai người trải, hoặc người khác trải, mình ngồi nằm lên đó, khi đi không tự thu dọn, không bảo người dọn, không dặn người dọn, phạm Ba-dật-đề”. Ngoài ra, còn nhiều cách xử lý vấn đề này, được đức Phật chỉ bày cặn kẽ, nhằm giáo hóa Tăng chúng giữ tròn mọi oai nghi của mình, trước những ân nặng mà người xuất gia bao giờ cũng phải ghi nhớ.

---o0o---

THẬP THẤT QUẦN VỚI LỤC QUẦN

Lúc bảy giờ, đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ. Thập thất quần Tỳ-kheo¹³¹ trở về trú xứ và nhận được phòng ốc để ở. Sau đó, Lục quần Tỳ-kheo đến, liền hỏi Tỳ-kheo cụ trú:

- Theo thứ bậc, chúng tôi ở phòng nào?
- Các thầy thích ở phòng nào?
- Chúng tôi muốn ở phòng của Thập thất quần đang ở.

Tỳ-kheo cụ trú phân theo ý muốn Lục quần. Lục quần Tỳ-kheo đến phòng ấy nói:

- Các thầy đi ra! Chúng tôi được phân ở phòng này.

Thập thất quần Tỳ-kheo liền đề nghị:

- Phòng này khá lớn, quý thầy có thể ở cùng với chúng tôi.

Lời đề nghị này khiến Lục quần phân vân, suy nghĩ: “Nhóm Tỳ-kheo này có tầm quý, siêng học giới pháp, đầu đêm cuối đêm không ngủ, không nằm, chắc họ thấy rõ lỗi của ta”. Không thể chấp nhận, nên Lục quần Tỳ-kheo bảo:

- Chúng tôi không thích ở chung, các thầy nên chuyển sang phòng khác.

Thập thất quần Tỳ-kheo thưa:

- Nếu không thích ở chung, thì quý Thượng tọa ở nhà trước, chúng con ở phòng sau.

- Cũng không được. - Lục quần Tỳ-kheo nói.

Thập thất quần xin ở ngoài chái, ngoài sân, nơi chỗ trống, nhưng cũng không được chấp thuận. Nhưng dù có chấp nhận hay không chấp nhận, Thập thất quần Tỳ-kheo cũng không đi. Lục quần Tỳ-kheo dùng sức mạnh cưỡng bức, lôi họ ra khỏi phòng. Thập thất quần kêu la, các Tỳ-kheo ùa ra hỏi:

- Việc gì mà phải ầm ĩ đến thế?!

- Lục quần Tỳ-kheo cưỡng bức kéo chúng con ra khỏi phòng! - Thập thất quần thưa.

Việc này trước hết bị các Tỳ-kheo Trưởng lão chê trách... Sau đó, trước Tăng, đức Phật bằng nhiều lời lẽ khiển trách Lục quần Tỳ-kheo, và Ngài đã chế giới nghiêm cấm hành động lôi kéo này. Về sau, xảy ra vài việc có liên hệ, nên giới điều được Phật bổ sung hoàn chỉnh.

---o0o---

MỘT KIỂU XÚC NÃO CƯỖNG BỨC

Lưu trú tại nước Câu-tát-la, đức Phật và đầy đủ số Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị. Với số đông như vậy, nhưng việc phân phối ngoại cụ vẫn đầy đủ, hoặc ở trong phòng, hoặc dưới tàng cây, các Tỳ-kheo đều có chỗ trú ngụ. Lục quần Tỳ-kheo đến giờ đắp y bung bát vào thôn khát thực. Sau khi thọ thực, Lục quần đến các trục đường ngã tư la cà với các Cư sĩ ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn để bàn tán chuyện vua, chuyện đánh giặc, việc lợi hại, không việc nào của thế tục lại không bàn. Các hạng người trên, đều cơ hiềm chỉ trích:

- Chúng Ta là người thế tục, vì gia đình, vợ con, miếng cơm manh áo, vì kế sanh nhai ở đời nên bàn tán chuyện này, chuyện nọ. Còn Sa-môn Thích tử cũng la cà bàn luận việc đời, thì họ đâu có khác gì với ta? Nếu có khác chẳng là cái đầu tròn áo vuông...

Cứ mãi mê hý luận như thế, đến chiều tối Lục quần Tỳ-kheo mới về đến trú xứ. Lục quần lại tiếp tục chuyện trò với Sa-di, với người giữ vườn... cho đến khi gần đi ngủ. Bấy giờ, Lục quần đến một phòng nọ, hỏi các Tỳ-kheo trong phòng:

- Các ông bao nhiêu tuổi?

- Tôi... tuổi. - Tỳ-kheo kia thưa.

- Như vậy là nhỏ tuổi, ông nên nhường phòng, đi ra. Thượng tọa là ở chỗ này. - Lục quần nói.

Các Tỳ-kheo vặn hỏi:

- Trưởng lão đến khuya như thế, chắc là có mục đích phải không?

- Tôi đi theo sau Phật, đến muộn. - Lục quần nói.

Các Tỳ-kheo đáp lại:

- Tôi cũng đi theo Phật nên đến muộn. Nếu bây giờ, tôi đến xin phòng khác thì làm phiền Tỳ-kheo ở đây, cũng như trước mắt Trưởng lão đang xúc não tôi.

Không trả lời, Tỳ-kheo Lục quần lấy ngọ cụ trái chèn vào giữa chỗ các Tỳ-kheo đang nằm, rồi nằm ngay lên đó. Đầu đêm, cuối đêm cao tiếng tụng kinh, vẫn nạn nhau, nửa đêm ngủ ngáy rì rầm, gây trở ngại cho các Tỳ-kheo ngồi thiền, hành đạo... Hành động này bị các Trưởng lão hết lời khiển trách Lục quần:

- Các thầy cố ý gây não các Tỳ-kheo mà chẳng đau thương cho Phật pháp sao?!

Vấn đề sau đó bạch lên Phật, Ngài lại quở trách và kiết giới cấm hành động này. Và giới này, sau đó được bổ sung vì có sự việc xảy ra liên hệ.

---o0o---

THIỆU HỆ NIỆM ¹³²

Trong thành Xá-vệ, ở một trú xứ nọ có một nhà gác nhiều tầng, Tỳ-kheo được chia nhau ở trên dưới. Có một tầng gác đặt cái giường chân nhọn ¹³³, nên giường lỏng lẻo, dễ gãy hay sút chân, trên giường trải phụ cụ. Tỳ-kheo ở đây, vì luôn hệ niệm khi nằm ngồi, nên chẳng có gì xảy ra.

Dịp nọ, có một Tỳ-kheo khách là bậc Thượng tọa đến, nên vị kia nhường chỗ. Tỳ-kheo này thân thể ô ề, lại thiếu cẩn thận, ngồi thích xuống giường, quả nhiên giường bị gãy, chân sút ra, rơi xuống tầng dưới, trúng ngay đầu một Tỳ-kheo ở đây. Vị này đau quá, kêu lớn lên, vị Tỳ-kheo khách vội xuống xin lỗi. Tỳ-kheo bị thương liền quở trách:

- Trước đây, vị Tỳ-kheo ấy ở, tôi không hề nghe một tiếng động khi nằm ngồi, còn bây giờ thầy mới đến lại gây ra cơ sự này! Thế Tôn dạy Tỳ-kheo luôn hệ niệm, thầy quên mất điều đó rồi sao?

Tỳ-kheo khách này, sau đó lại nhận sự quở trách của các Trưởng lão rồi của Thế tôn. Ngài chế giới nhằm làm cho oai nghi của Tỳ-kheo ngày một tốt đẹp hơn. Ngài nói giới này tại thành Xá-vệ.

---o0o---

HẬU QUẢ CỦA THAM

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu ngụ tại nước Câu-xá-di. Như đã biết, Tỳ-kheo Xiển-đà có tài lo việc cho người, nên trở thành ân nhân nhiều người. Sự muốn gì thì liền được thân chủ cúng dường, hỗ trợ. Vào thời gian ấy, Xiển-đà muốn cất một nhà ở. Sau khi chọn được địa điểm tốt, vật liệu được kẻ chịu ân giúp ngay, Xiển-đà trực tiếp chỉ đạo việc xây cất. Cất xong, ngôi nhà chẳng giống ai, không tuân thủ theo nguyên tắc xây dựng, móng thì quá yếu không chịu lực, trong lúc tường vách vì ham hố xây đắp nên dày dục, cộng với bên trên mái lợp không biết bao nhiêu lớp, cho nên lực rất lớn so với móng. Ngôi nhà không mấy chốc đổ sập toàn bộ, gây thiệt hại lớn cho người. Ruộng lúa của Bà-la-môn sát cạnh bị hư hại nặng nề. Ông ta nổi giận quát tháo, xỉ vả:

- Bọn Sa-môn này muốn sống trọn đời, trọn kiếp, muốn truyền tử, lưu tôn hay sao mà xây cất kiêu ấy, lợp một, hai lớp cũng đủ sống trọn đời rồi, chuyện gì phải tham lam lợp nhiều lớp như vậy, móng nào chịu cho nổi, sụp đổ là đáng kiếp!

Họ lại cay nghiệt nói:

- Bọn này tiêu phí của cải của kẻ khác, chứ đâu phải của cha mẹ họ, nên họ tha hồ làm ác theo ý muốn của họ. Họ chẳng tiếc thương mồ hôi, nước mắt của kẻ khác. Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn...

Đức Phật quở trách và kiết giới, quy định rõ việc xây cất này.

Cũng tại nước Câu-xá-di, cũng lại Tỳ-kheo Xiển-đà, ông ta lại xây dựng phòng ốc lớn, sử dụng nước có trùng trợn hồ, tưới lên cỏ, cũng sai bảo người tưới trợn. Cạnh ấy, Ưu-đà-di dùng nước có trùng để ăn uống, giặt giũ, tắm rửa. Các Cư sĩ thấy việc làm này không mấy bằng lòng. Bữa nọ, Tỳ-kheo đem nước mời Cư sĩ uống, Cư sĩ nói:

- Nước này có trùng.

- Chỉ uống nước, chứ đâu uống trùng. -Tỳ-kheo trả lời.

- Đại đức! Uống nước là đã uống trùng! -Các Cư sĩ nói.

Tỳ-kheo không thềm trả lời. Các Cư sĩ cơ hiềm, chê trách rằng:

- Các Sa-môn này thường nói từ mẫn hộ niệm chúng sanh, nay lại sử dụng nước có trùng để tưới trộn hồ, ăn uống, tắm rửa, không chút lòng thương xót. Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Lời chỉ trích này đến tai các Trưởng lão, các vị quả trách rồi bạch lên Phật. Trước Tăng, sự việc được xác nhận đúng sự thật. Ngài kiết giới ngăn chặn việc này.

---o0o---

GIÁO GIỚI NI KHÔNG ĐƯỢC TĂNG SAI

Lúc bảy giờ, đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ. Có sự việc xảy ra như vậy: Các Tỳ-kheo không nhận làm người giáo hóa Tỳ-kheo ni, không vì họ nói pháp, do đó ni không có chỗ đắc chứng, lại mắng họ rằng:

- Do các người nên giáo pháp của Phật giảm bớt 500 năm, khiến mọi người không kính Sa-môn, khinh tiện Tỳ-kheo, không cúng dường...

Khi ấy, Tỳ-kheo ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng 500 Tỳ-kheo ni đến chỗ đức Phật. Trước Thế Tôn, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật rồi đứng lui ra một bên. Đức Phật hỏi Cù Đàm di:

- Các Tỳ-kheo Thượng tọa có hay thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni, để được sở đắc không?

- Bạch Thế Tôn, không có. Do không có Tỳ-kheo giáo giới, không được nghe pháp nên Tỳ-kheo ni không sở đắc được điều gì! - Cù-đàm di thưa.

Bà cũng nhắc lại lời mắng mỏ của các Tỳ-kheo.

Đức Phật vì các Tỳ-kheo ni nói pháp, chỉ bày sự lợi ích và điều hoan hỷ, rồi khiến họ trở về trú xứ. Nhân việc này, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, và sau khi xác định rõ sự việc, Ngài dạy:

- Không nên mắng như vậy. Nếu vi phạm, phạm tội Đột-kiết-la. Từ nay các Tỳ-kheo nên giáo giới Tỳ-kheo ni, nên vì họ thuyết pháp.

Lời dạy này được các Tỳ-kheo thực hiện nghiêm túc, các Tỳ-kheo ni có được chỗ sở đắc. Một thời gian sau, Lục quân Tỳ-kheo lại cũng đến trú xứ Tỳ-kheo ni, bảo:

- Các cô tập hợp lại, tôi sẽ giáo giới, nói pháp để tiếp thu học hỏi.

Các Tỳ-kheo ni được tập trung lại. Trước Tỳ-kheo ni, Lục quần Tỳ-kheo thuyết những lời xấu, thô tục, dâm dục... Trong số Tỳ-kheo ni, những vị đắc các Thiên giải thoát, Chánh thọ Tam-muội¹³⁴, thì đều không chấp nhận những lời lẽ như thế. Còn đối với Lục quần Tỳ-kheo ni thì khen ngợi như vậy:

- Các Tỳ-kheo này khéo nói lời giáo giới, chẳng ai bằng!

Trước sự thể như thế, Tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề lại cùng 500 Tỳ-kheo ni đến chỗ Phật. Đức Phật hỏi Cù Đàm di:

- Các Tỳ-kheo có giáo giới, nói pháp cho Tỳ-kheo ni không?

Cù-đàm di thưa:

- Thoạt đầu, Tỳ-kheo thực hiện tốt lời dạy của Ngài, Tỳ-kheo ni có nhiều tiến bộ, được nhiều lợi ích. Sau đó, Lục quần Tỳ-kheo lại đến bảo ni tập hợp lại để giáo giới, nhưng nói những điều thô ác, dâm dục. Đã vậy, Lục quần Tỳ-kheo ni lại khen, cho là hay không ai bằng.

Đức Phật vì các Tỳ-kheo ni thuyết pháp, rồi khiến họ trở về trú xứ. Nhân việc này, đức Phật cho tập Tăng. Trước Tăng, Lục quần Tỳ-kheo thú nhận sự thật. Đức Phật quả trách rồi dạy:

- Tăng không sai thì không được đến giáo giới ni.

Lợi dụng kẽ hở Tăng sai, Lục quần Tỳ-kheo quậy tiếp... Vì thế, dẫn đến Phật quy định cụ thể: Tỳ-kheo được Tăng sai phải thành tựu 10 pháp, ấy là:

1-Thành tựu giới, thành tựu oai nghi, thường sợ những lỗi nhỏ.

2-Đa văn, thường lắng nghe, hiểu rõ thấu đáo vấn đề, nhận thức được lời Phật dạy: sơ, trung, hậu đều thiện. Đầy đủ hình tướng thanh bạch, phạm hạnh.

3-Có khả năng tụng tốt 2 bộ giới luật và lý giải thấu đáo.

4-Có khả năng thuyết giảng, trình bày nghĩa lý phân minh.

5-Từ con nhà vọng tộc xuất gia, các căn đều có nét đặc thù.

6-Ở trong Phật pháp, hoàn toàn không uế trược.

7-Cử chỉ nhã nhặn, thân đoan nghiêm, đỉnh đạc, mặc pháp phục thanh khiết, tề chỉnh.

8-Chúng Tỳ-kheo ni kính trọng.

9-Có khả năng tùy thuận để nói pháp, chỉ bày sự lợi ích và điều vui mừng.

10- Có đủ, hay hơn 20 tuổi hạ.

Lại nữa, Tăng không sai Tỳ-kheo có 5 khiếm khuyết sau:

1-Tụng kinh hay giới mà có chỗ quên sót.

2-Các căn không đầy đủ,

3-Nhiều tham dục.

4-Biểu hiện tướng ác.

5-Bày vẽ Tỳ-kheo ni gần gũi với kẻ xấu.

Rõ ràng, từ đây, Lục quần Tỳ-kheo không còn đủ điều kiện để Tăng sai giáo giới.

---o0o---

OAN CHO NI

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu ngụ tại thành Xá-vệ. Theo lời dạy của Phật, Tỳ-kheo được phân bố thứ tự đến giáo giới Tỳ-kheo ni. Xong lượt của mình, Tỳ-kheo kia nói với Tỳ-kheo ni rằng:

- Sáng mai tới phiên Ban-đà¹³⁵ giáo giới, các cô đến đó thọ lãnh giáo pháp.

Sau khi về lại trú xứ, vị này nói với Ban-đà :

- Sáng mai đến lượt thầy giáo giới Tỳ-kheo ni

Sáng ngày ấy, đến giờ, Trưởng lão Ban-đà mặc y, bung bát vào thành khất thực. Sau khi ăn, trở về chỗ trú, Ban-đà quét dọn trong ngoài, lấy nước sạch, đặt sẵn khăn lau tay, lau chân, bày tòa ngồi nơi đất trống, tự lấy giường dây¹³⁶ để bên cạnh ngồi thiền.

Sau đó, các Tỳ-kheo ni đến trú xứ Ban-đà, đầu mặt kính lễ sát chân Trưởng lão. Lễ xong, các ni đến chỗ ngồi. Bấy giờ, Trưởng lão Ban-đà hỏi các Tỳ-kheo ni:

- Các cô từng nghe Tám kinh pháp chưa?

- Chúng con đã nghe rồi. - Các cô thưa.

Trưởng lão bảo:

- Các cô nghe lại. Hãy nghe đây:

1- Chúng Tỳ-kheo ni, mỗi nửa tháng nên đến chúng Tỳ-kheo thỉnh vị giáo giới.

2- Chúng Tỳ-kheo ni phải nương theo Tỳ-kheo Tăng để an cư.

3- Chúng Tỳ-kheo ni, khi Tụ tứ nên bạch nhị Yết-ma sai Tỳ-kheo ni đến chúng Tỳ-kheo thỉnh tội thấy, nghe, nghi.

4- Thức-xoa-ma-na hai năm học sáu pháp rồi, nên đối trước hai bộ chúng cầu thọ giới Cụ túc.

5- Tỳ-kheo ni không được mắng Tỳ-kheo, không được nói với Bạch y tội phạm giới, phạm oai nghi, tà kiến, tà mạng của Tỳ-kheo.

6- Tỳ-kheo ni không được cử tội Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quở trách Tỳ-kheo ni.

7- Tỳ-kheo ni phạm thô tội, nên đến hai bộ Tăng cầu nửa tháng hành Ma-na-đỏa, hành A-phù-ha-na¹³⁷, và đến trước 20 vị Tỳ-kheo và 20 vị Tỳ-kheo ni xuất tội.

8- Tỳ-kheo ni tuy thọ giới Cụ túc trước một trăm năm, song nên lễ bái Tỳ-kheo mới thọ giới.

Nói Tám kinh pháp xong, Ban-đà nói kệ:

Muốn tâm được tốt đừng phóng dật

Cần học pháp lành của Thánh nhân

Nhất tâm ấy là người trí tuệ

Họa ưu sầu đâu nữa phải lo

Nói kệ xong, Ban-đà nhắm mắt ngồi thẳng. Khi ấy, các Tỳ-kheo ni trộm lời với nhau: “Tỳ-kheo này chỉ biết có mỗi một bài kệ, làm sao có thể giáo giới chúng ta?!”. Ban-đà nghe thế liền suy nghĩ: “Các Tỳ-kheo ni này khinh dễ ta”. Ban-đà liền vụt bay lên hư không, hiện một thân thành vô số thân, rồi từ vô số thân hiện thành một thân. Đi xuyên qua vách, đi trên nước như đi trên đất, vào trong đất như vào trong nước; hoặc hiện nửa thân, hoặc hiện toàn thân; hoặc thân trên tuôn ra khói, thân dưới tuôn ra lửa, hoặc thân trên tuôn ra lửa, thân dưới tuôn ra khói, hoặc thân trên tuôn ra nước, thân dưới tuôn ra lửa, hoặc thân trên tuôn ra lửa, thân dưới tuôn ra nước, hoặc nằm, ngồi trên hư không như chim dang hai cánh, hoặc lấy tay sờ mặt trời, mặt trăng, hoặc thân đứng thẳng đến trời Phạm tự tại... Hiện thân biến như vậy rồi, Ban-đà trở về chỗ cũ, nói lại bài kệ như trên. Các Tỳ-kheo ni thấy các thân biến này, tâm rất hoan hỷ, thưa rằng:

- Bạch Đại đức! Xin Ngài hãy dùng thần túc để giáo hóa.

Liền khi ấy, Ban-đà hiện ra nơi phương Đông, chìm mất vào phương Tây, hiện ra nơi phương Tây, chìm mất vào phương Đông. Các phương khác cũng vậy. Hiện tất cả thân biến như vậy rồi trở về chỗ cũ, lại nói bài kệ trên cho đến mặt trời lặn, Ban-đà mới cho các Tỳ-kheo ni ra về.

Bảy giờ, trời đã xẩm tối, cửa thành vừa đóng. Đến đây, các Tỳ-kheo ni gõ cửa thành xin vào. Người giữ cửa hỏi:

- Các người là ai?

- Chúng tôi là Tỳ-kheo ni. - Các ni đáp.

- Đi đâu mà về tối thế? - Người giữ cửa lại hỏi.

- Tôn giả Ban-đà mãi giáo giới chúng tôi, nên phải về trễ! - Các Tỳ-kheo ni trả lời.

- Có thể quay về lại chỗ cũ, chứ dù có vua đến, tôi cũng không dám mở. - Người giữ cửa nói.

Các Tỳ-kheo ni đành tạm nghỉ lại ngoài thành, bên cửa, bên hào, bên mương hoặc dưới gốc cây... tựa lưng, suốt đêm bị mòng, muỗi, gió, bụi gậy nã.

Sáng ra cửa thành mở, các ni vào thành trước mọi người. Các Cư sĩ thấy cảnh ít xảy ra này, nghi ngờ bảo nhau rằng:

- Các Tỳ-kheo ni này từ đâu đến mà vào thành sớm hơn cả mọi người?

Trong số họ có người bảo:

- Biết đâu các ni này đi tìm đàn ông, trở về!

Còn những người không có lòng yêu mến Phật pháp thì miệt thị, nói xấu:

- Chúng ta là Bạch y, không tu phạm hạnh... chứ bọn Tỳ-kheo ni này, đầu cạo trọc, mặc áo hoại màu mà cũng làm chuyện như vậy ư?!...!

Sự việc này đồn ầm lên, đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo... Trước Phật và Tăng, Ban-đà nhận khuyết điểm này. Đức Phật chế giới không cho phép giáo giới ni cho đến chiều tối.

---o0o---

TỠ-KHEO NI - MỘT VẤN ĐỀ

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu ngụ tại thành Xá-vệ. Nhờ các Tỳ-kheo lần lượt giáo giới Tỳ-kheo ni, nên các ni đạt đến sở đắc của mình, như được các thiên giải thoát, chánh định. Đối với Lục quần Tỳ-kheo, tuy không được Tăng sai nhưng vẫn đến giáo giới, các thầy chỉ nói những lời thô ác, bất thiện. Các Tỳ-kheo ni Trưởng lão im lặng, tỏ vẻ không phục. Ngược lại, Lục quần Tỳ-kheo ni¹³⁸ thì khen ngợi rằng:

- Lành thay! không ai hơn được.

Với sự việc như vậy, Tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề cùng với 500 Tỳ-kheo ni đến chỗ đức Phật, báo lên Ngài... Ngài cho tập Tăng, trước Phật và Tăng, Lục quần Tỳ-kheo thú nhận việc đã xảy ra. Đức Phật cấm Tỳ-kheo không được đến trú xứ Tỳ-kheo ni nếu không được Tăng sai.

Qua việc cấm này, nên dù có việc muốn đến trú xứ ni, Tỳ-kheo cũng rất ái ngại không đến... Bấy giờ, Tỳ-kheo ni Bạt-đà lâm bệnh, sai người tin cậy đến bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, mời Tôn giả đến để thuyết pháp lần cuối cùng. Tôn giả nói:

- Đức Phật không cho phép Tăng không sai mà cố ý vào trú xứ Tỳ-kheo ni, dù để giáo giới.

Bởi thế, Tôn giả từ chối lời mời. Qua sự việc này, sau đó trước Tăng, Ngài chế giới bổ sung: “Trừ khi ni bị bệnh thì có thể đến thăm, thuyết pháp”.

Để đáp lại sự ân cần giáo giới của các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni thường hay cúng dường, như biệt thỉnh cúng, hoặc cúng tư cụ như: đũa đựng bát, dây lưng, y phục, thuốc thang... Lục quần Tỳ-kheo thấy vậy, nói với các Tỳ-kheo:

- Có thể sai chúng tôi làm người giáo thọ.

Các Tỳ-kheo nói:

- Theo lời Phật dạy thì người thành tựu 10 pháp mới sai. Các thầy không đạt được thì làm sao sai?!

Lục quần Tỳ-kheo bèn nói:

- Các Tỳ-kheo giáo giới Tỳ-kheo ni vì lợi lộc cúng dường.

Lời xuyên tạc này đã khiến Lục quần bị khiển trách. Đức Phật nghiêm cấm Tỳ-kheo phát ngôn sai sự thật.

Đức Phật chế cấm để ngăn ngừa sự gàn gù giữa Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni, song sự gàn gù vẫn xảy ra nơi chỗ vắng. Từ đó, sanh nhiễm

tâm, không vui sống phạm hạnh, có kẻ hoàn tục, có người làm ngoại đạo. Các Cư sĩ thấy sự bại hoại này, liền chỉ trích thẳng:

- Những Sa-môn này cùng Tỳ-kheo ni, riêng tây ngồi nơi chỗ vắng, chẳng khác nào bạch y đối với dân nữ. Ăn của tín thí mà làm việc như thế, họ là kẻ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn...

Lại một lần nữa, đức Phật chế giới nghiêm cấm Tỳ-kheo gần gũi Tỳ-kheo ni nơi chỗ vắng vẻ. Giới này được đức Phật chế cấm tại thành Xá-vệ.

---o0o---

LẠY TRỜI ĐỪNG NHẬN

Tại thành Xá-vệ, đức Phật đang lưu trú ở đây. Có một Tỳ-kheo A-lan-nhã sống nơi A-lan-nhã. Thoạt đầu, không thân quen bất cứ ai. Nhưng một hôm vào buổi sáng, Tỳ-kheo này mặc y, bung bát vào thôn khát thực. Trên đường đi gặp hai Tỳ-kheo ni. Ni này liền nói với ni kia:

- Nay tôi muốn làm quen với Tỳ-kheo kia, cô đồng ý không?

- Tốt lắm! - Ni kia trả lời.

Khi Tỳ-kheo ấy đến, cô ni tác lễ, Tỳ-kheo im lặng không nói một lời. Hai cô ni lại bàn với nhau:

- Tỳ-kheo này không muốn chúng ta làm quen giữa đường. Chúng ta nên đến trú xứ của Tỳ-kheo để bái chào.

Sáng hôm sau, hai ni thực hiện đúng như ý muốn, trước Tỳ-kheo A-lan-nhã, hai ni bái chào, lạy một lạy, lạy hai lạy... Tỳ-kheo không nói một lời, đến lạy thứ ba, Tỳ-kheo mới đáp lời: “Lão thọ” (Cầu chúc tốt lành). Hai Tỳ-kheo ni tác lễ xong ra về.

Sau đó, Tỳ-kheo kia vào thôn khát thực, hai Tỳ-kheo ni lại gặp thầy nơi đường hẻm, liền lễ bái hỏi chào rồi trao đổi chuyện... Hai Tỳ-kheo ni bèn dùng một đoạn vải và chỉ may nhuộm rồi, cúng cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chịu nhận. Hai cô ni lại thưa:

- Đại đức có mỗi một, xin mời đến trú xứ của chúng con tạm nghỉ một chút, rồi sẽ đi khát thực.

Tỳ-kheo nhận lời và đến nơi đó nghỉ. Sau khi nghỉ, gần đến giờ khát thực, Tỳ-kheo ni lại thưa:

- Trú xứ con có đủ rau tương, nếu có thức ăn rồi, xin mời thầy về lại đây thọ thực.

Tỳ-kheo nhận lời, không phải một mà đến nhiều lần như vậy. Khi thì Tỳ-kheo khát thực về trước, đợi Tỳ-kheo ni. Khi thì Tỳ-kheo ni khát thực về trước lại chờ Tỳ-kheo. Từ đó họ thường khen ngợi lẫn nhau, khi đến với gia đình nào đó. Một hôm, Tỳ-kheo nhận được một tấm vải may y tốt, bèn có ý nghĩ không lành mạnh, rằng: “Nay ta đem vải y này biếu cho Tỳ-kheo ni kia, ắt cô ta không nhận, như thế ta sẽ nhận được cái ân huệ cho nhiều hơn nữa”. Với ý đồ như thế, nên việc trước hết là đến các Tỳ-kheo ni, đem lời khen ngợi Tỳ-kheo ni kia rằng:

- Tỳ-kheo ni... là con nhà vọng tộc xuất gia có lòng tin kiên định, chánh trực, ít ham muốn, biết vừa đủ.

Các Tỳ-kheo ni nói:

- Người xuất gia như vậy là đáng khen.

Làm theo ý nghĩ, sau đó, Tỳ-kheo A-lan-nhã đem y cho Tỳ-kheo ni kia. Chử ngờ không đến, Tỳ-kheo ni kia nhận vải y ngay. Không đúng với mưu đồ nên ôm lòngĩ não hận, Tỳ-kheo Lan-nhã đổi ý, liền đến các Tỳ-kheo nói:

- Tỳ-kheo ni... thôi rồi, tín tâm mỏng lắm, cô ta thật ra nhiều ham muốn, không biết tự đủ là gì!

Các Tỳ-kheo liền hỏi lại:

- Mới đó, thầy bảo cô ta nào là tri túc, nào là thiếu dục, còn bây giờ sao lại chê trách hết cỡ vậy?

Như đánh trúng vào “tử huyệt”, đành phải bày tỏ cái lắc léo của lòng mình, Tỳ-kheo Lan-nhã thú thực ý đồ: “Cho, nhưng lạy trời đừng nhận”. Dù vậy, cũng bị đồng phạm hạnh chê trách:

- Tại sao tâm thầy không xả vật, đã hứa cho người mà còn tính đến việc người ta không nhận. Mua chuộc cảm tình người khác bằng sự hư dối, vọng ngữ như vậy sao?!

Việc này được các Trưởng lão bạch lên đức Phật, và sau khi được xác minh, Ngài chế giới cấm Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo ni. Giới này, sau đó được bổ sung hoàn chỉnh qua các sự việc xảy ra liên hệ, chẳng hạn như đem y cho ni bà con thì không phạm.

---o0o---

HẾT NGŨ NÓI

Lúc bấy giờ, đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Ở đây, có một Tỳ-kheo ni ít người quen biết, nhận được vải y nhưng không biết may y phải nhờ Tỳ-kheo ni khác may giúp. Các Tỳ-kheo ni nói:

- Chúng tôi bận nhiều việc không thể may được, cô có thể đến trong chúng Tỳ-kheo thưa với quý thầy, chắc quý thầy dũ lòng thương sẽ may cho cô.

Nghe theo lời, cô ni này đến chúng Tỳ-kheo thưa:

- Con nhận được vải y, nhưng con lại không biết may, người thân thì chẳng có ai, xin quý thầy thương xót may giúp cho con!

Dù vậy, các Tỳ-kheo đều từ chối vì nhiều lẽ... Như sực nhớ ra, cô đến chỗ Trưởng lão Ưu-đà-di thưa như trên. Ưu-đà-di bảo:

- Tôi có thể may được, nhưng đừng hỏi thúc tôi, để tùy tôi may xong khi nào cũng được. Có đồng ý như vậy, tôi mới may cho.

- Tùy Trưởng lão, may xong khi nào cũng được. - Cô ni thưa.

Ưu-đà-di nhận vải, và vải cứ để đó, Ưu-đà-di chẳng buồn cắt may. Qua một thời gian khá lâu, không thấy giao y, Tỳ-kheo ni đến hỏi:

- Thưa Đại đức, thầy đã may y cho tôi xong chưa?

Ưu-đà-di nói:

- Trước đây tôi đã giao hẹn như vậy, tại sao nay lại hỏi thúc?

- Con đến hỏi để biết, chứ không dám hỏi thúc. - Cô ni thưa.

Cô ni rút lui êm. Sau đó, Ưu-đà-di cắt may, thầy dùng các loại chỉ đủ màu thêu hình nam nữ giao hội trên một chiếc lá đặt giữa tấm y. Công việc xong, Ưu-đà-di gọi cô ni đến giao, với lời dặn:

- Không được mở ra xem, và cũng không được cho ai xem y. Đợi khi nào bà Tỳ-kheo Ba-xà-ba-đề đến chỗ đức Phật, nơi đầu đường, khi đó mới lấy ra mặc.

Tỳ-kheo ni kia mang y về, ngoan ngoãn thực hiện đúng lời thầy dạy. Thế rồi, ngày ấy, Tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề cùng với các Tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, tại đầu đường, cô ni mặc y vào... Người đi đường trông thấy hình ảnh kia rõ mồn một, không ai là không vỗ tay hoan hô! Họ cùng nhau đàm tiếu:

- Tỳ-kheo ni này thật hết sức khéo tay mới có thể thêu hình hành dục trên y như vậy được.

Trước sự việc như thế, Tỳ-kheo ni kia vô cùng xấu hổ, liền quay trở về trú xứ. Tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề cuốn y kia lại, mang đến chỗ đức Phật. Trước Thế tôn, bà mở chiếc y ra và thưa:

- Cúi xin đức Thế tôn chứng kiến cho việc làm này!!!

Đức Phật vì Cù-đàm đi nói pháp, rồi bảo bà trở về trú xứ. Sau đó, đức Phật cho tập hợp Tăng. Trước Phật và Tăng, Ưu-đà-di thú nhận tội lỗi, Ngài quở trách Ưu-đà-di bằng lời lẽ nghiêm khắc nhất. Ngài kiết giới cấm Tỳ-kheo không được may y cho Tỳ-kheo ni, trừ ni bà con, thân tộc.

---o0o---

GIẶC TRẦN LỘT CON

Đức Phật đang lưu trú tại thành Xá-vệ. Lúc bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở nước Ma-kiệt-đà cùng các Tỳ-kheo ni du hành trong nhân gian, hoặc từng cặp cho đến số đông Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni cùng nhau, hoặc lội qua nước sâu, hoặc leo lên ghềnh cao..., họ thấy “chỗ kín” của nhau, từ đó sanh tâm nhiễm trước, không vui sống phạm hạnh, dẫn đến thối hóa, hoàn tục hay làm ngoại đạo. Bạch y biết việc này, cơ hiềm, chỉ trích:

- Bọn Sa-môn này, giống như người đời đưa vợ con hay dâm nữ đi dạo chơi. Họ là loại phá đạo, chẳng xứng đáng Sa-môn chút nào!

Lời miệt thị này đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo. Sau khi quở trách các Tỳ-kheo này, các vị bạch lên Phật. Sau khi sự việc được đương sự xác nhận sự thật, đức Phật nghiêm khắc khiển trách, rồi kiết giới cấm: “Tỳ-kheo không được cùng hẹn đi với Tỳ-kheo ni một đường”.

Hồi ấy, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni thường du hành nhân gian. Tỳ-kheo ni biết lộ trình đang đi sẽ gặp nhiều bất trắc hiểm nguy, thấy Tỳ-kheo liền kêu lên:

- Xin Đại đức đến nhanh để cùng đi, nếu có gì xảy ra thì giúp đỡ nhau.

Tỳ-kheo kia liền từ chối vì tuân thủ giới cấm. Tỳ-kheo ni thưa:

- Đoạn đường này nguy hiểm, con là nữ yếu ớt, xin được nương Đại đức mới có thể qua khỏi đây an toàn được!

Tỳ-kheo một mực từ chối, bỏ đi một mình... Và chuyện gì đến đã đến, dù một khoảng cách khá xa, Tỳ-kheo kia vẫn nghe rõ tiếng Tỳ-kheo

ni chơi với kêu lớn: “Giặc trần lột con! Giặc trần lột con!”. Sự việc đau lòng này, sau đó, dẫn đến đức Phật chế giới bỏ sung hoàn chỉnh.

Ngoài sự việc trên, còn có sự việc Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo ni đi chung thuyền, hoặc từng cặp, hoặc số đông dẫn đến có tình ý nhau... để rồi thối hóa, biến chất... Khi sự việc trình bày lên Phật, Ngài kiết giới cấm không cho đi cùng chung thuyền. Giới này sau đó được bỏ sung bởi nhân duyên sau:

Có một Tỳ-kheo ni đứng chờ đò ở bến sông A-di-la¹³⁹. Sau đó, một Tỳ-kheo đến, Tỳ-kheo ni thưa:

- Bến đò này vắng vẻ, phức tạp, thường xảy ra trần lột. Có thể thầy cho con cùng qua chung chuyến đò?!

Tỳ-kheo trả lời:

- Đức Phật cấm không cho Tỳ-kheo chúng tôi cùng Tỳ-kheo ni đi trên cùng một đò.

Người lái đò nghe thế, liền nói:

- Cả hai vị cùng lên đò, mỗi vị ngồi một đầu.

Tỳ-kheo không đồng ý. Tỳ-kheo ni thưa:

- Nếu không được thì mời Đại đức sang trước...

Chuyến đò đưa Tỳ-kheo chưa sang bến bên kia, thì nghe tiếng thát thanh kêu cứu vì Tỳ-kheo ni bị bọn cướp lột trần... Người lái đò bất bình, khinh khi, chê trách Tỳ-kheo rằng:

- Các người đồng xuất gia mà không bảo hộ cho nhau, huống là đối với người khác. Ông không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

---o0o---

ĐẠI LONG, TIÊU ĐỨC

Trên đường du hành nhân gian, Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đến thành Vương-xá. Hai vị được Cư sĩ đón tiếp nồng hậu và mời thọ trai.

Sáng ấy, hai vị đến nhà người Cư sĩ kia để nhận bữa cúng dường. Tình cờ, khi đến trước nhà Cư sĩ này, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe bên trong vọng ra tiếng nói của Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà, hỏi gia chủ rằng:

- Nay gia chủ sửa soạn thức ăn, trải tọa cụ tốt để rước vua hay làm đám cưới?

Gia chủ trả lời:

- Không rước vua, cũng chẳng làm đám cưới, mà để cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà bảo:

- Tại sao không thỉnh Đại long mà lại cúng dường Tỳ-kheo Tiểu đức này?

Cư sĩ vặn hỏi lại:

- Vị nào là Đại Long?

Cô ni đáp:

- Lục quần Tỳ-kheo. Vì sao? Vì muốn thỉnh hàng Tỳ-kheo vọng tộc xuất gia, tu hạnh Đầu-đà, Tứ niệm xứ, cho đến Tám phần Thánh đạo, Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, nhằm cầu được người rể tốt, đưa con quý, sanh thiên, giải thoát, hiện đời này giàu sang thì nên mời cúng dường Tỳ-kheo Lục quần.

Như thích thú với lời khen ngợi này, cô ni đứng im lặng.

Ngay khi đó, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đi vào. Tỳ-kheo Thâu-la-nan-đà hơi sượng, song cô ni liền đến thưa chào hai vị:

- Lành thay, Tôn giả! Mời nhị vị an tọa nơi tòa ngồi này.

Xoay sang gia chủ, cô ni nói:

- Lành thay Cư sĩ! Nay người được phước lớn, mới thỉnh được Tỳ-kheo thuộc hàng Đại Long như thế này.

Nghe thế, Cư sĩ tỏ vẻ chê trách, bảo:

- Vừa rồi cô nói “Tiểu đức” bây giờ lại bảo “Đại long”? Ăn nói ngược ngạo như vậy, tại sao không xấu hổ?! Từ nay về sau, cô đừng đến nhà này nữa, tôi không còn muốn cúng dường cho cô nữa đâu!

Sau đó Cư sĩ thực hiện việc cúng dường của mình một cách tốt đẹp. Gia chủ đích thân hầu hạ hai vị Tôn giả rất chu đáo. Sau bữa ăn, gia chủ nghe diệu pháp, lòng rất vui mừng.

Hai Tôn giả ra về, đến chỗ Phật lưu trú trong thành Vương-xá. Đức Phật thấy hai vị Tôn giả, liền hỏi:

- Lành thay Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên! Quý vị dùng cơm khách nơi nào về đó?

- Bạch đức Thế Tôn! Vừa rồi chúng con đến nhà một Cư sĩ, lại được nghe một Tỳ-kheo ni bảo với người gia chủ rằng: chúng con là Tiểu đức, rồi liền sau đó lại bảo là Đại long. -Nhị vị tôn giả thưa.

- Tại sao gọi như thế? - Đức Phật hỏi.

Hai Tôn giả kể lại đầu đuôi chuyện xảy ra tại nhà Cư sĩ kia.

Việc này kết hợp với việc Nan-đà, Bạt-nan-đà trước đây đã ăn thức ăn do Tỳ-kheo ni khen ngợi, tán dương mà có được. Trước Tăng, đức Phật kiểm vấn và Tỳ-kheo Lục quần xác nhận sự việc đúng như sự thật đã xảy ra. Đức Phật chế giới cấm Tỳ-kheo ăn thức ăn do bởi sự ca ngợi của Tỳ-kheo ni mà có được.

Giới này về sau được đức Phật chế bổ sung, dẫn đến giới điều hoàn chỉnh.

---o0o---

TRƯỜNG GIẢ BẤT NGỜ

Có một người nghèo nọ, nhìn thấy một đại thần thành Vương-xá thường cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng, ông ta suy nghĩ: “Vị đại thần này hiện tại phước đức lớn lắm mới có thể cúng dường Phật và Tăng như thế này”. Người nghèo ao ước: “Nếu ta có của cải thì cũng sẽ làm như vậy”. Người nghèo lại suy nghĩ: “Nay ta không có tài vật thì đi làm thuê, lấy tiền công chính đáng để mà cúng dường”.

Người nghèo liền tích cực thực hiện ý nghĩ này. Hằng ngày, công làm thuê chỉ ăn một phần và để dành lại một phần. Thấy vậy, người chủ hỏi:

- Tại sao ông để lại một phần không ăn?

- Tôi để dành lại một phần, đợi lúc đủ tôi nhận luôn. - Kẻ nghèo bảo thế.

Thời gian trôi qua nhanh trên lưng người làm thuê, kẻ nghèo biết số tiền dành dụm đã đủ để thực hiện việc cúng dường, ông ta bèn nói với chủ:

- Xin ông chủ cho tôi lấy hết số tiền dồn từ lâu và nhờ ông làm giùm thức ăn đầy đủ với số tiền ấy.

- Hiện ông rất nghèo khổ, tại sao sử dụng hết số tiền ấy sắm sửa các thức ăn uống ngon để làm gì? - Người chủ hỏi.

- Trước đây tôi thấy vị đại thần Vương-xá thường thỉnh Phật và Tăng để cúng dường bữa ăn, nên tôi phát nguyện cũng sẽ làm như vậy. Do đó, để thực hiện lời nguyện này, tôi đi làm thuê cho ông. Nay xét ra số tiền bấy lâu tích lũy từ sức lao động ấy đủ để thiết lập trai soạn cúng dường. Bây giờ, thì phải nhanh chóng chuẩn bị đầy đủ cho việc cúng dường này. - Kẻ nghèo bày tỏ tâm tư của mình.

Người chủ nghe lời này rất đỗi xúc động, ông liền suy nghĩ: “Kẻ nghèo đi làm thuê, làm mướn còn có tấm lòng tốt như thế, huống chi ta là chủ, là kẻ giàu có, nếu muốn cúng dường thì tức khắc có đủ mọi thức ăn uống thế nhưng không thể làm được! Thôi thì ta trả tiền gấp bội để người làm thuê, tha hồ sắm các thức ăn uống ngon lành mỹ vị để cúng dường theo lời nguyện”.

Khi đã nắm đủ điều kiện, kẻ nghèo kia liền đi đến chỗ Phật, rồi sắm sửa đầy đủ các thức ăn cao sang nhất trên đời. Nhờ tấm lòng trân trọng, chí thành này, ngoài mọi người hết lòng hỗ trợ, còn có cả quỷ thần giúp đỡ nữa. Chỉ trong một thời gian ngắn, trai bàn mỹ vị thiết bày xong.

Hôm ấy, gặp ngày tiết hội, nhiều người cúng dường, họ tranh nhau đến thỉnh chư Tăng về nhà thọ trai. Trước sự mời thỉnh này, các Tỳ-kheo dặn với nhau: “Hôm nay người nghèo này tận lực để cúng dường, đối với các gia đình khác chúng ta nên dùng một ít thôi”. Tuy thế, nhiều nhà, cúng mỗi nhà ăn một ít nên chư Tăng khá no...

Khi người nghèo sửa soạn xong, mời thọ trai, chư Tăng tập trung đến, an vị vào tòa ngồi, chỉ trừ đức Phật, Ngài ở lại phòng.

Người nghèo phấn khởi, tự tay san sóc các thức ăn. Dù vậy, các Tỳ-kheo thọ thực rất ít, chỉ ăn chiếu lệ thôi. Trước sự biếng ăn này, khiến người nghèo suy nghĩ: “Các Tỳ-kheo vì thương ta nghèo, khổ cực nên không dám ăn cho no, hay vì thức ăn không ngon mà các ngài nuốt không xuống?!”.

Để tìm hiểu thật hư, người nghèo hỏi thẳng một số Tỳ-kheo để biết lý do. Câu trả lời người nghèo nhận được là như vậy: “Sợ thức ăn ít nên đã ăn trước ở các nhà người khác”. Người nghèo buồn lòng, thưa:

- Tại sao quý Đại đức đã nhận lời mời của con trước, lại ưu tiên đến nhà người khác để nhận ăn?! Con dốc hết mọi khả năng để cúng dường cho bằng được, nay các Đại đức không thể dùng hết thì tùy ý các ngài cứ mang đi hết chỗ thức ăn, đừng để dư.

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn cố ăn, nhưng vẫn không hết phân nửa chỗ cúng dường. Chúng Tăng dùng bữa rồi, người nghèo lại hối tiếc,

nghĩ: “Ta cố ép chư Tăng dùng như vậy không biết có phạm tội hay không?”. Người nghèo đến bạch Phật để giải tỏa nỗi thắc mắc này.

Đức Phật dạy:

- Lành thay kẻ sĩ nghèo! Người làm phước, đem thân đi làm thuê để được làm phước như người, thì tuy người đang thọ thân người, nhưng nhân duyên để sanh lên cõi trời của người đã đầy đủ. Từ khi người phát tâm muốn cúng dường Phật và Tăng đến nay thì mọi hành động của người đều có vô lượng công đức. Dù cho Tăng không thọ thực món cúng dường của người một hạt cơm đi nữa, thì công đức của người vẫn cứ đầy đủ. Hiện đời này, người nhận được phước báo không xa nữa đâu!

Đức Phật lại vì người nghèo nói các pháp vi diệu. Trong nỗi vui mừng hớn hở, người nghèo liền từ nơi chỗ ngồi, mọi trần cấu được xa lìa, được con mắt pháp trong sạch. Thấy pháp rồi liền thọ ba pháp quy y, phụng trì năm giới. Từ chỗ ngồi đứng dậy, người nghèo đầu mặt đánh lễ sát chân Phật rồi nhiễu quanh Ngài, cáo lui.

Bấy giờ có năm trăm người lái buôn, từ nước Ưu-thiên-na¹⁴⁰ đến. Chưa đến thành Vương-xá nhưng đã ba ngày rồi họ cạn hết lương thực. Họ tính khi đến thành Vương-xá là phải có thức ăn ngay, nên sai người thúc ngựa đến trước để tìm thức ăn nấu sẵn. Người ấy rao:

- Chúng tôi gồm năm trăm người lái buôn, từ nước Ưu-thiên-na đến, hết lương thực ba ngày rồi, tôi đến trước tìm thức ăn nấu sẵn. Nếu ai đáp ứng được thì với giá nào chúng tôi cũng sẵn sàng mua.

Người trong thành nói:

- Nơi đây chẳng có ai đáp ứng yêu cầu này, chỉ có một người nghèo đang cúng dường tại Tăng phòng¹⁴¹ có dư thức ăn rất nhiều, ông thử đến đó, hy vọng có thể đáp ứng cho ông.

Trước người nghèo, sứ giả trình bày tình cảnh khốn đốn ấy. Người nghèo trả lời:

- Nay tôi thiết lễ cúng dường Phật và Tăng, không vì tài lợi. Ông cần đưa gấp đoàn của ông đến đây, đừng nghĩ đến chuyện tiền nong, giá cả.

Sứ giả mừng khôn xiết, liền quay về... Khi đoàn năm trăm lái buôn đến chỗ người nghèo thì họ đã lã người, hỏi hỏi thưa:

- Cho chúng tôi ăn mau! Đói kiệt sức rồi. Chúng tôi sẽ hậu tạ.

Bao nhiêu thức ăn cúng dường chư Tăng còn lại hóa ra bây giờ cứu đói tạm thời cho năm trăm người. Họ no đủ với thức ăn cao cấp như thế, khiến năm trăm người vui mừng không kể xiết. Họ không lường được sự nhiệm màu đến với họ một cách cũng rất nhiệm... Để tỏ bày lòng biết ơn của mình, đoàn lái buôn họp lại, góp nhau được một trăm ngàn lượng vàng, trao tặng cho người nghèo kia.

Đoàn buôn năm trăm người đến Vương-xá còn có một mục đích khác: Hỏi thăm một người, đó là thầy của mình đã xa cách từ lâu. Khi họ dò tìm và biết rõ người thầy mình đã qua đời, đoàn buôn lại hỏi:

- Ông ấy có còn con cháu nào không?

- Người vừa rồi cho các ông ăn đó là con của ông ấy. - Người thành Vương-xá trả lời.

Cả đoàn buôn nghe thế, vui mừng thốt lên rằng:

- Đúng rồi, người nghèo ơi! Cụ thân sinh của ông chính là thầy của chúng tôi.

Đoàn buôn liền lấy ra một trăm ngàn lượng vàng nữa để tặng người nghèo, gọi là báo đáp ân tình trước kia.

Đại thần thành Vương-xá và người chủ thuê mướn ấy biết rõ việc này rất đổi vui mừng, lại mỗi người biếu tặng một ngàn lượng vàng để kết tình bạn đối với người nghèo kia. Cũng trong ngày ấy, vua Bình-sa tấn phong cho người nghèo chức Đại thần. Như vậy, chỉ trong một ngày, người nghèo kia trở thành kẻ giàu có, quyền quý trong xã hội. Nhân đó, người trong nước ban cho tước hiệu là “Trưởng giả bất ngờ”.

Từ vấn đề các Tỳ-kheo được mời ăn nhiều lần trên, dẫn đến đức Phật chế giới cấm. Trước Tăng, Ngài quở trách:

- Các ông là người ngu si, tại sao đã nhận lời thỉnh của người này trước, lại đi ăn trước ở nhà người khác? Từ nay các thầy không được ăn nhiều bữa như thế.

Giới này về sau được bổ sung, nêu rõ lý do nào được ăn nhiều lần.

---o0o---

KHI SA-MÔN ĐẠI HỘI

Khi đức Phật ở tại thành Vương-xá, bảy giờ để tìm người làm hậu thuẫn, Điều-đạt đặt trọng tâm giáo hóa Cư sĩ. Điều-đạt chỉ dẫn cho họ, mỗi nhà thỉnh bốn, hoặc năm, hoặc mười vị Tăng đến cúng dường. Các

trưởng lão Tỳ-kheo quở trách các Tỳ-kheo nhận lời mời đến nhà Cư sĩ thọ thực, rằng:

- Tại sao vì làm vây cánh cho Điều-Đạt-mà nhận thỉnh ăn riêng chúng?

Việc này sau đó được bạch lên Phật. Trước Tăng, đức Phật chế cấm việc làm này.

Giới điều này có những lý do, không thể không cho phép ăn riêng chúng, như những lý do chính đáng sau: Khi bệnh, khi may y, khi thí y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội ¹⁴². Ngoài những lý do này, Tỳ-kheo không được nhận mời ăn riêng chúng.

Tuy nhiên, có sự việc sau đây cũng được coi là một lý do chánh đáng sau cùng của giới điều cấm này:

Bấy giờ, em của vua Bình-sa tên là Ca-lưu phụng thờ một đạo khác ¹⁴³. Đạo này hằng năm tổ chức đại hội đều mời rộng rãi chín mươi sáu hàng Sa-môn đến tham dự, nghe Sa-môn Thích tử không nhận sự mời ăn riêng chúng và theo khả năng thì Ca-lưu không thể thỉnh cả chúng Tăng. Do thiếu Sa-môn của đạo Phật nên ông ta buồn rầu không vui. Ca-lưu nghĩ đến vua Bình-sa và đã cầu cứu anh mình đến chỗ Phật xin Phật cho chúng Tỳ-kheo đến tham dự đại hội. Vua Bình-sa nhận lời người em và đã đến Phật thưa thỉnh sự việc trên.

Sau khi nhà vua ra về, đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Nay cho phép các Tỳ-kheo khi Sa-môn đại hội ¹⁴⁴ được nhận lời mời ăn riêng chúng.

---o0o---

NHẤT TỨC THỰC

Bấy giờ đức Phật đang lưu trú tại thành Vương-xá. Vương-xá lúc ấy, Tỳ-kheo các nơi quy tụ về đây rất đông, vì khắp nơi trong nước Ma-kiệt-đà xảy ra nạn đói kém khá gay gắt.

Ngoài thành Vương-xá, hầu như mọi nơi đều vắng bóng Tỳ-kheo, vì việc khất thực chẳng có ai cúng dường. Các Cư sĩ có suy nghĩ và bàn bạc: “Chúng ta xây dựng một ngôi nhà ở địa điểm nào đó để có thể tiếp Tỳ-kheo ngủ qua một đêm, ăn một bữa”. Các Cư sĩ thực hiện và có kết quả tốt.

Khi ấy có một gia đình thường làm thức ăn ngon. Lục quần Tỳ-kheo du hành nhân gian, thường đến nhà này, không thực hiện đúng tinh thần “ngủ nhờ một đêm, ăn một bữa”. Các Tỳ-kheo khác không thể đến nhà này, nói với các Cư sĩ:

- Các vị vì Tăng thiết lập chỗ này, tại sao tôi không được dự phần?

- Bốn nguyện của chúng con là vì Tăng thiết lập chỗ này, nhưng Lục quần Tỳ-kheo cứ bám trụ nên chúng con chẳng biết làm cách nào để đón tiếp các vị khác. Đây là lỗi của Tỳ-kheo Lục quần, chứ chẳng phải lỗi của chúng con.

Vấn đề này, Lục quần Tỳ-kheo đã bị sự khiển trách của các Trưởng lão sau đó, đưa Lục quần ra giữa Tăng. Lục quần thú nhận tội, đức Phật quở trách và kiết giới: “Tỳ-kheo nào, chỗ cúng một bữa ăn, ăn quá một bữa phạm tội Ba-dật-đề”.

Vì tuyệt đối gìn giữ điều Phật cấm, sau đó Tôn giả Xá-lợi-phất dứt khoát ra đi nơi “nhất túc thực” dù sức khỏe ở trong tình trạng ốm đau.

Khi sự việc này được bạch lên Phật, Ngài lại nói giới bổ sung quy định trường hợp ốm đau, hay được đàn việt mời ở lại.v.v... thì không phạm trong khuôn khổ của giới này.

---o0o---

BÀI HỌC TỪ KHÁT THỰC

Trong thành Vương-xá có một gia đình nọ có một người con gái sắp về nhà chồng. Họ chuẩn bị các thứ bánh dùng làm lương thực đi đường. Vào lúc ấy, có một Tỳ-kheo đến nhà khát thực. Người con gái ấy hỏi:

- Thầy cần gì?

- Tôi cần thức ăn. - Tỳ-kheo nói.

- Có thể ăn khu-xà-ni ¹⁴⁵ được không? -Người con gái hỏi.

- Vâng, ăn được. -Tỳ-kheo đáp lời.

Cô gái liền lấy bánh chuẩn bị đi đường đặt đầy bình bát. Tỳ-kheo nhận rồi ra đi.

Được thông tin từ Tỳ-kheo này, nhiều Tỳ-kheo khác cũng đến nhà này khát thực và tất cả đều được đáp ứng đầy đủ, kể cả bánh vừa mới vớt ra cũng đều đem ra cúng dường cho Tỳ-kheo khát thực.

Liên sau đó, phía nhà chồng cho người đến hỏi lên đường, người con gái lại trả lời:

- Lương thực làm chưa xong.

Đâu phải một lần mà đến ba lần làm lại thức ăn, nhưng tất cả đều đem cúng cho các Tỳ-kheo lần lượt đến nhà khát thực. Ba lần nhà chồng đến hỏi thúc, người nữ vẫn đều trả lời: “Lương thực làm chưa xong”. Nghe thế, người chồng ùng ùng nổi giận, nghĩ rằng: “Cô gái vợ mình đã dối ý, bèn sai người đến nói: “Ta đã cưới người vợ khác rồi, không cần đến người con gái mù lòa như cô nữa”. Trước sự từ hôn này, cả gia đình phía gái vô cùng tức giận và đổ trút tội rằng: “Do Sa-môn Thích tử nên con gái ta bị góa bụa”. Họ mạ nhục đủ thứ, không chừa một lời thô bỉ nào. Người xung quanh lại giả vờ hỏi:

- Người ta bạc bẽo đối với con bà, đâu có can dự gì đến Sa-môn mà bà lại nhục mạ họ thậm tệ đến thế?

Gia đình kể rõ lý do đã xảy ra. Người không có lòng kính tin Phật pháp rất khoái chí, mỉa mai: “Do kính Sa-môn hết lòng mới nổi nộ như thế. Nếu còn gằn gủi thì chắc chắn gặp nhiều điều tệ hại hơn nữa!”.

Bấy giờ lại có người chủ khách buôn nói với lái buôn rằng:

- Hãy chuẩn bị đầy đủ lương thực, đến ngày... là ngày tốt, chúng ta sẽ khởi hành.

Các lái buôn mua sắm lương thực đi đường rất đầy đủ. Ngày ấy, có một Tỳ-kheo tuần tự khát thực, đến nhà người lái buôn kia, người lái buôn ấy hỏi:

- Thầy cần gì?

- Tôi cần thức ăn. - Tỳ-kheo đáp lời.

- Bánh bún dùng được không? -Người lái buôn hỏi.

- Vâng, dùng được. - Tỳ-kheo trả lời.

Người lái buôn liền lấy bình bát đặt một bát đầy bánh để cúng đường. Tỳ-kheo nhận bát, về lại trú xứ.

Việc lại xảy ra như trường hợp trên. Các Tỳ-kheo đến sau khát thực, đều được người lái buôn đáp ứng đầy đủ. Do vậy, lương thực đi đường của người lái buôn hết sạch.

Ngay sau đó, người lái buôn được trưởng đoàn đến thông báo ngày mai tốt, phải lên đường.

- Lương thực chưa sắm xong. - Người lái buôn trả lời.

- Trước đây tôi đã báo cáo việc này, sao nay lại trả lời chưa xong? - Người chủ lái buôn vặn hỏi như thế.

- Vì Sa-môn đến xin, tưởng chưa đi vội nên tôi đem lương thực ấy cúng dường hết. - Người lái buôn trả lời.

- Thôi thì tùy, hôm nay là ngày tốt, tôi đưa đoàn đi trước, ông đi sau vậy.

Người chủ lái buôn nhanh chóng đưa đoàn buôn lên đường.

Chuyến buôn này suôn sẻ, thuận lợi, và sau khi đoàn quay về mang theo thật nhiều lợi nhuận. Riêng người lái buôn đi sau kia gặp bọn cướp đoạt sạch của cải. Trước thất bại suýt bị mất mạng, người lái buôn khóc than, oán trách như để than vãn:

- Do Sa-môn Thích tử nên tôi mới khốn đốn thế này!

Bọn cướp nghe thế liền hỏi:

- Chúng tôi cướp đoạt của cải ông, tại sao không oán chúng tôi mà lại oán người khác?

Người lái buôn kể lại đầu đuôi sự việc đã xảy ra. Bọn giặc nghe rồi lại nói:

- Ông gần gũi với bọn Sa-môn nên bị đánh, bị giết, bị cướp của cải là đúng lắm. Nếu cứ tiếp tục gần gũi nữa cũng sẽ bị khốn đốn nhiều hơn nữa.

Những lời chỉ trích cay nghiệt Tỳ-kheo trên đây, cuối cùng cũng đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo. Sau khi quở trách, các Trưởng lão đưa các đương sự ra giữa Tăng. Đức Phật lại khiển trách họ và chế giới quy định rõ mức độ nhận thức ăn được cúng dường cũng như nói rõ mọi oai nghi xử lý vấn đề này sao cho được tốt đẹp. Giới này được đức Phật chế định tại thành Vương-xá.

--- o0o ---

PHẦN 05

THỌ THỰC - MỘT VẤN ĐỀ KHÔNG ĐƠN GIẢN ĐỐI VỚI TỖ-KHEO

Khi đức Phật ở tại thành Vương-xá, bấy giờ các nơi bị đói kém, khát thực khó được, các Tỳ-kheo đều trở về thành Vương-xá mỗi lúc một đông. Các Cư sĩ ở đây hỏi các Tỳ-kheo:

- Tăng có bao nhiêu vị cần thợ trai?

Các Tỳ-kheo cung cấp con số cho các cư sĩ. Sau đó họp bàn để tìm một giải pháp, họ thống nhất: “Chúng ta sẽ vì các Tỳ-kheo, tùy theo khả năng mà cung cấp thực phẩm. Hoặc một người lo thức ăn từ một cho đến mười vị Tỳ-kheo. Hoặc hai người cho đến mười người cùng nhau lo thức ăn cho một Tỳ-kheo cho đến mười Tỳ-kheo”.

Sau khi phân chia nhiệm vụ đầu vào đây, các Cư sĩ chủ xưởng lại có ý nghĩ: “Mặc dù theo khả năng làm thức ăn từ một cho đến mười vị, song e như vậy không chu đáo. Cần có sự kiểm tra lại các vật phẩm để việc nấu nướng, phân chia được đồng đều. Tránh trường hợp thái quá hay bất cập. Nếu có trường hợp nào không đầy đủ thì kịp thời bổ túc”.

Họ bắt tay vào việc kiểm tra từng loại thực phẩm cụ thể, thì ra số người nghèo cúng dường gạo, đậu, mạch không được tốt khá nhiều, dù tấm lòng họ thật đáng trân trọng. Sau đó, các loại ngũ cốc thiếu chất lượng này được đưa vào một loại và đem ra sử dụng trước. Kết quả các thức ăn thuộc loại hạt này rất thô cứng, xấu xí... Các Tỳ-kheo già bệnh không thể dùng được, phải đem cho người ăn xin hay ngoại đạo. Sau đó, các vị đến nhà bà con quen biết xin thức ăn khác. Các Cư sĩ biết việc này, cơ hiềm trách cứ rằng: “Chúng tôi giảm bớt phần ăn của vợ con để gieo giống phước điền, tại sao Tỳ-kheo coi rẻ thức ăn của chúng tôi cúng dường? Sử dụng của ăn xin lại đem cho người ăn xin hay ngoại đạo, rồi đi tìm thức ăn ngon lành khác là sao?! Hạng người này chủ đích tìm giải thoát là để khỏi già, bệnh, chết, tại sao nay lại tìm thức ăn ngon? Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn”.

Lại một nhân duyên khác, có người thí chủ của Tỳ-kheo Bạt-nan-đà đến giám sát bữa ăn, nên mọi thực tế đều nắm được. Bữa ấy, sau khi đã ăn cùng với chúng, Bạt-nan-đà lại đến nhà người thí chủ kia đòi được ăn thức ăn ngon. Người thí chủ hỏi Bạt-nan-đà:

- Vừa rồi, Đại đức không cùng ăn với chúng sao?

- Có ăn với chúng nhưng sợ đàn-việt mất phước đức, nên tôi phải đến đây.

- Hiện nay ở đời đói khổ, mọi người kiệt quệ mà phải chung nhau làm thức ăn, tại sao thầy coi nhẹ, lại đi tìm thức ăn ngon để được sung sướng ư?!

Các Tỳ-kheo nghe việc này, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này đức Phật chế giới cấm Tỳ-kheo sau khi ăn rồi không được ăn lại.

Lúc bấy giờ, Tất-lăng-già-bà-ta cùng với tám mươi Tỳ-kheo bệnh được các Tỳ-kheo nuôi ăn để bồi dưỡng sức khỏe. Vì bệnh, họ ăn không hết chỗ thức ăn cung cấp nên đành bỏ lại trước phòng. Các Cư sĩ thấy sự phung phí này, hỏi:

- Những thức ăn dư này là của ai đây?

- Tỳ-kheo bệnh ăn không hết nên dôi ra vậy. - Các Tỳ-kheo trả lời.

- Sao không liệu chừng, lấy chi mà nhiều quá vậy? - Các Cư sĩ bảo thế.

- Vì các Tỳ-kheo bệnh có người ăn được, có người ăn không được, nên chúng tôi không thể lấy vừa đủ được. - Các Tỳ-kheo trả lời.

- Hiện nay người ta bị đói kém rất nhiều, đem bố thí một hạt com cũng đủ phước đức để sanh lên trời, tại sao lại vất bỏ thức ăn quý hiếm này?

Trong số Cư sĩ có người lại nói thêm:

- Chúng ta đã cúng cho Tăng một hạt com rơi cũng coi đó là một tội lỗi, tại sao Tỳ-kheo lại chẳng biết tiếc là sao?!

Lời mắng nhiếc này các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được... Các Tỳ-kheo đương sự được đưa ra trước Tăng. Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan:

- Có ai có thể ăn được thức ăn dư này không?

- Thừa Thế Tôn, Tỳ-kheo nuôi bệnh đi xin thức ăn này, nhưng chính họ vẫn ăn chưa đủ. Họ muốn ăn thức ăn dư này nhưng không dám ăn. - Tôn giả A-nan trả lời.

Hiểu rõ vấn đề, đức Phật cho phép từ đó các Tỳ-kheo được ăn thức ăn dư của Tỳ-kheo bệnh.

Tuy nhiên, việc Tỳ-kheo nhận thức ăn sau khi đã ăn xong phải đúng pháp. Đó là phải làm phép tàn thực, tức là phải mời một Tỳ-kheo khác “chứng tri” cho việc ăn thêm này.v.v... Ngoài ra, Tỳ-kheo phải hiểu rõ thức

ăn nào thuộc khu-đà-ni¹⁴⁶, xa-đà-ni¹⁴⁷, thức ăn nào thuộc túc thực¹⁴⁸, để việc dùng không phạm tội Ba-dật-đề.

---o0o---

TRAO - NHẬN THỨC ĂN

Lúc bấy giờ đức Phật chưa chế giới về việc thọ thực, cho nên các Tỳ-kheo đến với các gia đình thân quen cứ tự tiện lấy thức ăn mà ăn, không cần ai mời. Hành vi này khiến bạch y cơ hiềm chỉ trích:

- Chúng tôi không thích thấy những người ác này mặc áo hoại sắc, cắt rọc, không mời (thọ thực) mà cứ tự tiện lấy ăn. Ăn thức ăn không được ai mời, tức là loại không cho mà lấy, là loại ăn cắp.

Cùng lúc ấy, Đại Ca-diếp mặc y phẩn tảo, nhặt thức ăn vứt đi nơi đầu đường xó chợ... mà ăn. Các Cư sĩ thấy vậy rất bất bình, chê trách rằng:

- Sa-môn này giống như chó, được đồ ăn là cứ ăn, không kể sạch dơ. Bọn ấy để họ vào nhà thì càng thêm nhớp nhà mà thôi!

Các Trưởng lão Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, trước Tăng đức Phật nói với Ca-diếp:

- Tuy ông là người thiếu dục, song làm cho người coi thường, khinh tiện là không nên. Ông không nên ăn thức ăn đã vứt bỏ, nếu ăn thì phạm tội Đột-kiết-la.

Sau đó đức Phật chế giới cấm: Tỳ-kheo không mời thì không nhận thức ăn để ăn.

Sau đó, giới này được tùy khai bằng cách cho phép Tỳ-kheo tự lấy tấm xia răng và lấy nước để uống, cũng như trời, rồng, quý, thú mời thức ăn thì Tỳ-kheo được phép nhận. Những nhân duyên đức Phật cho phép tùy khai:

* Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị trúng gió, Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi:

- Khi thầy chưa xuất gia đã từng có bệnh này chưa?

- Đã bị rồi. - Xá-lợi-phất đáp.

- Trị bằng thuốc gì thì khỏi? - Mục-kiền-liên hỏi.

- Bằng ngó sen. - Xá-lợi-phất đáp.

Tôn giả Mục-kiền-liên liền đến ao A-nậu-đạt ¹⁴⁹ lấy ngó sen đem về để Tôn giả Xá-lợi-phất dùng.

- Thầy lấy ngó sen này từ đâu? - Xá-lợi-phất hỏi.

- Từ ao A-nậu-đạt. - Mục-kiền-liên đáp.

- Có ai cho, hay tự lấy? - Xá-lợi-phất hỏi.

- Nhận từ rỗng. - Mục-liên nói.

Tuy vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng không dám dùng.

Khi bạch lên Phật việc này thì Phật cho phép thọ thực từ rỗng.

* Bấy giờ, Đại Ca-diếp đến khát thực nơi nhà người nghèo. Thích-đề-hoàn-nhơn ¹⁵⁰ nhìn thấy, liền có ý niệm: “Nay Đại đức Ca-diếp khát thực nơi nhà người nghèo là tạo điều kiện tốt để ta cúng dường thức ăn”.

Trong xóm nghèo này liền xuất hiện một người thợ dệt ngồi bên khung cử dệt vải. Cạnh bên là một người con gái đưa thoi. Theo thứ tự khát thực, Đại Ca-diếp đến chỗ nhà thợ dệt, người con gái bước ra lấy bình bát cúng dường đầy thức ăn rồi trao cho Đại Ca-diếp. Khi nhận lại bình bát, Đại Ca-diếp suy nghĩ: “Người này rất nghèo, làm sao có được thức ăn sang trọng này?”. Ca-diếp nhập định để tìm xem thì thấy rõ chủ nhân là trời Đế Thích, liền nói:

- Nay Kiều Thi Ca! Sau này đừng làm như vậy!

Do thế, Ca-diếp không dám ăn, bạch Phật, Phật dạy:

- Nay cho phép Tỳ-kheo nhận thức ăn của trời cúng dường.

* Bấy giờ, đức Thế Tôn du hóa trên tuyến đường xa xăm. Vào một buổi chiều nọ, đến thôn quý Khoáng Dã. Lúc gặp Phật, quý thần rất hoan hỷ, bèn thỉnh Phật và Tăng thọ trai vào ngày mai. Đức Phật nhận lời bằng sự im lặng. Suốt đêm, quý sửa soạn các thức ăn uống đầy đủ. Sáng sớm, trái tòa, phu cụ thỉnh Phật và Tăng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo phải cùng nhận lời

mời của quý. Phật và Tăng đến chỗ thiết cúng đông đủ rồi ngồi vào tòa. Quý thần tự tay rót thức ăn. Các Tỳ-kheo không dám thọ, bạch Phật, Ngài dạy:

- Nay cho phép Tỳ-kheo nhận thức ăn từ loài quý.

* Bảy giờ đức Thế Tôn du hóa nơi rừng cây Sa-la¹⁵¹. Có một con khỉ từ trên cây nhảy xuống định lấy bình bát của Phật đem đi. Các Tỳ-kheo giữ lấy bát, không cho khỉ mang đi. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Cứ để cho khỉ mang bát đi.

Khỉ liền lấy bát rồi nhảy lên một cây lớn, lấy mật ong đầy bát đem dâng Phật. Đức Phật thấy có trùng nên không nhận. Khỉ nhìn thấy trùng, liền bắt bỏ, rồi dâng Phật, đức Phật vì khỉ nhận bát mật. Khỉ vui mừng nhảy nhót hớn hở rồi cáo từ. Đức Phật trao bát mật này cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không dám ăn. Phật dạy:

- Cho phép Tỳ-kheo nhận thức ăn từ khỉ trao.

* Bảy giờ, có người buôn ngựa thỉnh Phật và Tăng đến thọ trai. Sửa soạn vừa xong, có người đến báo: “Chuông ngựa bị cháy”. Do vậy, người buôn ngựa không đích thân trao thức ăn được, nói với các Tỳ-kheo:

- Xin Đại đức Tăng tự lấy thức ăn cho.

Nói xong, liền bỏ chạy.

Các Tỳ-kheo nghi là phạm quy cách, không dám lấy thức ăn, bạch Phật, Ngài dạy:

- Nếu không có tịnh nhor¹⁵², cho phép Tỳ-kheo dựa theo lời người thí chủ, tự lấy thức ăn để ăn.

* Lại có các Bạch y từ xa ném thức ăn cho Tỳ-kheo. Phật dạy:

- Không được nhận thức ăn từ xa ném đến.

Tóm lại, có bốn cách thọ thực:

- Thân trao thân nhận.

- Vật trao vật nhận.

- Tay trao tay nhận.

- Bảo lấy mà nhận.

---o0o---

TỖ XÁ GIÁ! TỖ XÁ GIÁ!

Lúc bấy giờ đức Phật đang lưu trú tại thành Vương-xá. Ngài chưa chế giới cấm ăn phi thời, nên việc khát thực của các Tỳ-kheo rất tùy tiện. Có các Tỳ-kheo, ban đêm đi khát thực, có vị ngã xuống hào, rãnh, có vị đụng chạm vào nữ nhơn, có vị gặp kẻ cướp cướp đoạt, có vị bị các loài thú, trùng làm hại. Các Tỳ-kheo ăn bất kể ngày đêm, chênh mảng việc tu hành...

Hồi ấy, Ca-lưu-đà-di với khuôn mặt đen, mắt đỏ, lại mặc y tạp sắc, khát thực trong đêm tối. Một người phụ nữ mang thai, trong tia chớp sáng, thấy hình dáng của Ca-lưu-đà-di, hoảng hồn la lớn:

- Tỳ xá giá! Tỳ xá giá! (Ma! Ma!)

Ca-lưu-đà-di liền nói lớn:

- Tôi là Sa-môn khát thực, chứ chẳng phải ma quỷ gì đâu!

Người phụ nữ trong cơn sợ, tức giận mắng không tiếc lời:

- Tại sao ông không lấy dao mổ bụng đi, lại phải khát thực trong đêm tối làm gì?! Các Sa-môn, Bà-la-môn khác chỉ ăn một lần là đủ, tại sao ông lại ăn cả ngày lẫn đêm, làm khổ người khác có ích gì?!

Các Trưởng lão Tỳ-kheo nghe, bằng nhiều hình thức quở trách Ca-lưu-đà-di. Trước Tăng, Ca-lưu-đà-di nhận tội và đức Phật chế giới cấm Tỳ-kheo ăn phi thời.

---o0o---

CẤM TỨC THỰC

Lúc bấy giờ, đức Phật chưa chế giới cấm Tỳ-kheo ăn thức ăn cách đêm (tàn tức thực)¹⁵³ nên các Tỳ-kheo ăn rất tùy tiện.

Nơi thắng cảnh nọ, thuộc thành Vương-xá, có một Thần miếu. Thiên hạ thường du ngoạn ở đây để chiêm bái Thần miếu. Họ mang theo nhiều thức ăn cho chuyên dã ngoại này. Họ ở lại thâu đêm với thức ăn, thức uống cao sang mỹ vị. Các Tỳ-kheo lưu trú trong khu vực này cũng được cúng dường đồ ăn, thức uống quá sung túc. Trong phòng cất chứa đủ thứ thức ăn dư, nơi đây trở thành kho lương thực của sâu, chuột, côn trùng... chúng tung hoành hết cỡ, đục, khoét, đào giao thông hào, phá tường, làm ổ, làm kho để tích lũy lương thực. Các Cư sĩ nhìn thấy cái cảnh “ngôn ngang” này, hỏi:

- Ai cất chứa đủ thứ thức ăn như thế này?

Có người trả lời:

- Sa-môn Thích tử chứ còn ai nữa.

Cư sĩ cơ hiềm, mắng:

- Bọn đầu trọc này chỉ biết ham hố, nhận bao nhiêu cũng không vừa, không hề nghĩ đến sự phí phạm, tổn hao. Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn!

Lại có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã suy nghĩ: “Ngày nào cũng đi khát thực, phế bỏ việc hành đạo”. Từ ý nghĩ này, Tỳ-kheo bèn xin các thức ăn để dành lại, hoặc phơi khô đem cất. Khi ấy, các Tỳ-kheo du hành ghé lại, thấy sự dành để cất chứa này, nói với Tỳ-kheo A-lan-nhã rằng:

- Đức Thế Tôn nào đâu không nói “Áo mặc là để che hình hài, thức ăn là để nuôi sống”, tại sao thầy lại tích lũy thức ăn nhiều như vậy, hong phơi ngôn ngang thế này?

Tỳ-kheo kia trả lời:

- Chỗ này cách xa làng xóm, ngày nào cũng đi khát thực, phế bỏ việc hành đạo, cho nên tôi xin thức ăn để dành lại cho khỏi phiền bận.

Hai việc trên đây dẫn đến Phật kiết giới cấm Tỳ-kheo không dùng thực phẩm cách đêm, tức là thức ăn thọ rồi để sáng ngày hôm sau mới dùng.

---o0o---

BÀI HỌC CỦA VIỆC ĐEM CHO

Khi đức Phật ở tại thành Vương-xá, lúc bấy giờ trong nước bị mất mùa, khát thực khó được, trong hoàn cảnh này, hai mươi tám vị tướng quân quý thần đến chỗ đức Phật, họ kính lễ sát chân Ngài rồi thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Hiện nay thiên hạ bị đói kém, nguyện xin Phật du hành nhân gian, chúng con sẽ giáo hóa mọi người, khiến họ phát thiện tâm.

Đức Phật chấp nhận lời thỉnh bằng sự im lặng. Sau đó, Tứ Thiên Vương¹⁵⁴, Thích-đề-hoàn-nhơn¹⁵⁵, Phạm Thiên Vương¹⁵⁶, chủ thế giới Ta-bà cũng đến đánh lễ sát chân Phật rồi đứng lui qua một bên và cũng thưa thỉnh như vậy. Đức Phật hứa thực hiện bằng sự im lặng.

Ngày ấy, đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi đại Tỳ-kheo Tăng, từ thành Vương-xá đi vào nước Ma-kiệt. Đi theo chuyên du hành này còn có năm trăm Tỳ-kheo ni, năm trăm Ưu-bà-tắc, năm trăm Ưu-bà-di. Lại còn có một ngàn nam nữ ngoại đạo, năm trăm người ăn xin cùng tháp tùng sau Phật để hưởng thức ăn dư từ Phật và đệ tử của Ngài. Đến nơi đâu, đức Thế Tôn cũng đều được sự cúng dường nồng hậu. Người từ bốn phương xa gần mang thức ăn đến cúng dường không kể xiết. Phẩm vật cúng dường không sao dùng cho hết. Các Tỳ-kheo đem thức ăn dư ấy cho nam nữ ngoại đạo và người ăn xin. Các Cư sĩ thấy thế, bất mãn nói:

- Sa-môn Thích tử ai cho chi nhận ráo lấy, ăn không hết đem cho bọn tà kiến, không như người vắt sữa còn biết lưu lại sữa cho bê con.

Hoặc có người lại nói:

- Sa-môn Thích tử còn cúng dường ngoại đạo, tại sao việc này chúng ta lại không phục vụ được?

Bấy giờ, đức Thế Tôn đi về ấp An-na-tần-đầu, nơi đây có đại Bà-la-môn tên là Sa-môn, sử dụng năm trăm cỗ xe chở đầy thức ăn cùng đi theo Phật. Đã hơn năm tháng rồi, chờ đến phiên cúng dường nhưng vẫn chưa thể thực hiện được, thì Sa-môn được người nhà đến báo tin: “Nông vụ sắp quá thời hạn, cần phải về để lo việc nông trang”.

Trước tin báo này, để được một công hai việc, Sa-môn tính đến chuyện cầu cứu Tôn giả A-nan. Sau khi lắng nghe diễn tiến mọi sự vụ, Tôn giả A-

nan hứa với Sa-môn sẽ đi ngay đến bạch Phật. Đức Phật sau khi nghe lời thưa thỉnh của A-nan, Ngài dạy:

- Ông có thể hội ý với người Bà-la-môn ấy, xem xét thức ăn nào các nhà cúng dường làm thiếu thì cho làm thứ ấy.

Sau khi Tôn giả A-nan trao đổi với Sa-môn theo lời dạy của Phật thì đại Bà-la-môn kia cho nấu bảy thứ cháo và hai loại bánh ram có dầu và mật. Kết quả, toàn bộ phẩm vật kia trở thành cháo và bánh là muôn trùng. Đại Bà-la-môn đến bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn, bánh và cháo đã làm xong.

Đức Phật bảo A-nan:

- Ông tiếp tay dọn ra và phân phối.

Khi trực tiếp làm theo lời dạy của Phật, Tôn giả bị ngoại đạo vu oan. Việc như vậy:

Trong lúc phân phối bánh ram, thấy người nữ ngoại đạo bỗng đưa con gái trên tay, A-nan phát cho bà ta hai bánh. Nhìn thấy việc này, các ngoại đạo khác nói:

- Tỳ-kheo này tâm ý muốn chiếm bà ta nên thiên vị, cho bà đến hai bánh.

Có người lại cãi chính:

- Không phải thế, ông ta cho đưa nhỏ một bánh, thiên vị cái gì? Tình ý cái gì?

Thế là họ cãi vã nhau, gây náo động...

Làm việc phân phối xong, Tôn giả A-nan cảm thấy lòng chẳng yên, bèn đến chỗ Phật trình bày sự việc đã xảy ra. Nhân cơ hội này, trước Tăng Ngài dạy:

- Tỳ-kheo nào đem thức ăn trao cho nam nữ ngoại đạo là phạm Ba-dật-đề.

Lại có một Tỳ-kheo khác đem thức ăn cho ngoại đạo lửa thề. Ngoại đạo kia gói một gói bánh mang vào thành Vương-xá. Mọi người hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Từ chỗ bọn Cư sĩ trọ đầu về đây. -Ngoại đạo trả lời.

- Vật gì trong gói này? - Kẻ kia hỏi.

- Bánh ram có mật. - Ngoại đạo đáp.

- Ai cho? - Kẻ kia hỏi.

- Các Cư sĩ thì lấy Sa-môn làm ruộng phước. Còn Sa-môn Thích tử lại lấy tôi làm ruộng phước, nên gói bánh này nhận từ họ vậy. - Ngoại đạo xác xược trả lời như thế.

Mọi người nghe thế, liền cơ hiềm, chỉ trích:

- Sa-môn Thích tử không biết tiết chế, so lường, ham hố thọ nhận mấy cũng không chán. Chúng tôi cắt giảm phần ăn của vợ con để cúng dường, họ lại đem của ấy cho kẻ ác tà kiến này. Nếu cần cho họ thì chúng tôi cho, cần chi phải qua trung gian Sa-môn để mượn của người làm ơn cho mình.

Từ sự việc này, trước Tăng đức Phật quở trách các Tỳ-kheo đương sự và Ngài chế cấm Tỳ-kheo đem thức ăn cho ngoại đạo lửa thề.

Có các ngoại đạo khi Tỳ-kheo ăn, đến xin. Các Tỳ-kheo không dám cho, họ nổi giận mắng nhiếc:

- Sa-môn Thích tử dạy người bỏ thí, mà chính họ lại bòn sẻn, thì làm gì có đạo để cho người theo?

Nghe lời ác này, mọi người kẻ cả bạch y có lòng tin kính Phật pháp cũng cơ hiềm nói:

- Tại sao Sa-môn thường đến người xin, nay lại không cho người khác?

Trước những lời chỉ trích này, giới này được mở ra, đức Phật cho phép cho ngoại đạo bằng cách không tự tay trao thức ăn, mà đặt đầu đó để cho họ lấy ăn. Chỉ lấy thức ăn phần của mình cho, chứ không lấy của ai khác để cho.

---o0o---

CHÔNG NỔI KHÙNG

Lúc bấy giờ đức Phật đang lưu trú tại thành Xá-vệ. Trong thành có một nhà Bà-la-môn nọ, do thân quen và thường nhận sự cúng dường của họ nên Tỳ-kheo Bạt-nan-đà hay lui tới nhà này. Ngày ấy, Bạt-nan-đà đến nhà, người chồng đi vắng, Tỳ-kheo chọn nơi khuất vắng ngồi chuyện vãn với người vợ của Bà-la-môn...

Không lâu sau, ông Bà-la-môn trở về nhà, nhìn thấy cảnh trái mắt này, liền gọi riêng bà vợ nói:

- Bà cùng với Tỳ-kheo ngồi chỗ khuất vắng như thế, thật tình tôi chẳng có nghi ngờ gì, nhưng nếu có ai đó trông thấy, chắc chắn họ sẽ đàm tiếu bôi nhọ đấy. Như thế là làm thương tổn Sa-môn và nhục cho gia đình mình.

Ông Bà-la-môn lại nói với Bạt-nan-đà:

- Quả thật tôi chẳng có nghi ngờ gì Đại đức, nhưng Đại đức cần cần trọng về tiếng xấu vang xa này.

Bà vợ ý mình có nhan sắc, có nhiều con, giàu sang, ngoại giao khéo léo, liền chống chế, dạy lại chồng rằng:

- Tôi cùng với thầy ngồi nói chuyện với nhau, có làm gì hại đến ông nào? Chuyện gì ông phải dạy khôn, dạy khéo, nói lên những lời tội lỗi như thế?!

Ông Bà-la-môn đùng đùng nổi giận chỉ trích Bạt-nan-đà:

- Chúng tôi là bạch y, còn không dám cùng với vợ người khác ngồi chỗ khuất vắng, huống chi các thầy là Sa-môn lại làm việc như thế! Ông không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Sự việc này dẫn đến đức Phật chế giới cấm Tỳ-kheo hành động phi pháp như vậy.

---o0o---

KHÔNG VÀO NƠI QUÂN TRẬN

Trong thành Xá-vê, lúc bấy giờ kẻ dị đạo đồ kỵ với Sa-môn Thích tử không phải là ít. Nhân lúc vua Ba-tư-nặc và các vị đại thần có lòng tin kính chánh pháp, theo vua ra biên cương chống giặc, nhóm dị đạo kia bàn tính việc phá hoại, đục thông cống nước để nước tràn vào Kỳ-hoàn. Họ tự tin việc làm của họ chẳng có ai có thể ngăn chặn được và đồ Thích sẽ bị chìm trong nước. Qua các nguồn tin khác nhau, các Tỳ-kheo nắm được ý đồ của dị đạo. Trước các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-đi, các Tỳ-kheo nói:

- Quý vị có thể đến tâu với nhà vua, chứ khả năng chúng tôi không thể ngăn cấm được họ.

Nhưng kịp khi ấy, nhà vua và đại thần Át-su-đạt-đa, Phú-lan-na, Tu-đạt-đa.v.v... vì lâu ngày vắng bóng Tỳ-kheo nên sai sứ về thỉnh mời để nhà vua và đại thần được gặp. Các Tỳ-kheo bàn nói:

- Nếu đức Phật cho phép chúng ta đến nơi quân trận thì chắc chắn kẻ dị đạo không có ý đồ đục ống cống cho nước chảy qua Kỳ-hoàn.

Quý vị Trưởng lão đem ý này bạch lên Phật. Sau đó đức Phật cho phép các Tỳ-kheo đến nơi quân trận.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, nhận lời mời thỉnh của nhà vua. Khi các Tỳ-kheo đến gặp nhà vua, việc trước hết là báo cho vua biết ý đồ của kẻ dị đạo, vua liền tuyên lệnh rằng:

- Kẻ nào đục ống cống để nước chảy vào Kỳ-hoàn là bị giết cả họ.

Truyền lệnh xong, nhà vua thiết lễ cúng dường các Tỳ-kheo. Được sự cúng dường đầy đủ của vua, các Tỳ-kheo không chịu ra về. Các quân nhân cơ hiềm:

- Nơi đây không phải trú xứ A-lan-nhã. Chúng tôi là bạch y không thể trốn tránh khỏi nơi trận mạc, còn Sa-môn với lý do gì cứ ở lì nơi quân trận?

Hoặc có người lại nói:

- Bọn Tỳ-kheo này không có lòng yêu mến Phật pháp, chỗ nào có thức ăn béo bở là ở lì. Họ chẳng có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Sự việc này dẫn đến Phật chế giới cấm: Tỳ-kheo không có lý do chánh đáng, không đến chỗ trần mạt và nếu đã đến thì không được ở quá hai, ba đêm.

---o0o---

CAN GIÁN LÀ MỘT BÀI HỌC

Khi đức Phật an trú tại thành Xá-vệ, bảy giờ trong Tăng đoàn có một Tỳ-kheo tên là A-lê-tra phát sanh ác kiến tà vạy, bảo rằng:

- Tôi hiểu rõ lời Phật dạy, Phật nói pháp trở ngại đạo, thật sự không làm trở ngại đạo ¹⁵⁷.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Nay A-lê-tra! Ông có thật nói ra lời ấy không?

- Đúng, tôi đã nói lời như vậy. -A-lê-tra đáp.

- Tại sao ông hiểu như vậy? - Các Tỳ-kheo hỏi.

- Tại vì thực tế có hai Trưởng giả Chát-đa, Tu-đạt-đa và các Ưu-bà-tắc đều sống với năm dục lạc, bị dục chi phối, bị dục thiêu hủy, nay họ đều đắc đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Lại có các ngoại đạo không bỏ định kiến của mình, xuất gia trong chánh pháp cũng đắc chứng bốn quả Sa-môn. Do vậy, A-lê-tra này hiểu vấn đề và nói ra lời ấy.

Các Tỳ-kheo vì muốn đương sự bỏ đi ngộ nhận ác kiến ấy nên đem lời can gián. Các Tỳ-kheo nói:

- Thầy chớ nói lời như vậy, chớ hủy báng đức Thế Tôn, chớ vu khống đức Thế Tôn, đức Thế Tôn không nói như vậy. Thầy nên bỏ ác tà kiến đó đi! Đức Thế Tôn bằng nhiều phương tiện quở trách dục, coi dục như đồng xương đỏ, là chất độc hại... Nếu thụ hưởng ngũ dục, đã bị dục thiêu đốt, bị mê loạn vì cảm giác dục; và những ngoại đạo kia không bỏ được nhận thức suy thoái ấy của mình mà đắc chứng bốn quả Sa-môn là điều không tưởng, điều ấy không thể xảy ra.

Các Tỳ-kheo can gián như vậy, song đương sự vẫn ngoan cố không bỏ, mà còn gia tăng mức độ tà kiến. Trước sự thế như vậy, các Tỳ-kheo bèn đến

chỗ Xá-lợi-phất trình bày cặn kẽ hành động của A-lê-tra và cúi mong Tôn giả dữ lòng thương khuyên dụ, can gián A-lê-tra bỏ ác kiến ấy. Tôn giả Xá-lợi-phất hứa khả bằng cách im lặng. Hôm sau, Tôn giả đến thăm A-lê-tra. Sau khi thăm hỏi, Tôn giả ngồi sang một bên, hỏi A-lê-tra :

- Thật sự thầy có nói lời như vậy không?

- Đúng như vậy. - A-lê-tra đáp.

Tôn giả lại can gián:

- Thầy chớ nói như vậy. Những điều thầy nói là phi pháp, phi luật...

Bằng mọi cách, Tôn giả quở trách A-lê-tra . Dù vậy, A-lê-tra vẫn ngoan cố không từ bỏ nhận thức sai lệch của mình.

Thấy vậy Tôn giả Xá-lợi-phất đứng dậy, đi thẳng đến chỗ đức Phật, trình bày lại sự việc và thưa:

- Cúi xin đức Thế Tôn dữ lòng lân mẫn khuyên răn Tỳ-kheo A-lê-tra loại bỏ ác tà kiến.

Đức Phật liền bảo một Tỳ-kheo:

- Ông gọi A-lê-tra đến đây.

Tỳ-kheo A-lê-tra nghe Phật gọi, liền đến ngay chỗ đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi A-lê-tra :

- Thật sự ông có nói như vậy không?

- Bạch Thế Tôn, con có nói lời ấy.

Đức Phật lại hỏi A-lê-tra :

- Tại sao ông lại hiểu ta nói điều như vậy?

A-lê-tra vẫn một mực trả lời như cũ. Đức Phật nói:

- Ông là người ngu si, ông chớ nên hủy báng Như Lai, chớ nên vu khống Như Lai! Vì sao vậy? Vì Ta nói: pháp nào ngăn cản, làm suy thối đạo thì thật sự làm chướng ngại đạo. Nếu thụ hưởng ngũ dục, bị lừa dục thiêu

đốt, bị cảm giác dục làm mê loạn; và ngoại đạo kia không loại bỏ nhận thức suy thôi ấy mà chúng được bốn quả Sa-môn là điều không thể xảy ra.

Đức Thế Tôn khuyên dạy như vậy mà A-lê-tra vẫn khư khư không bỏ. Ngài bèn nói:

- Ta thấy ông khởi lên ác tà kiến, đó là hủy báng Ta, là vu khống Ta. Thôi, ông trở về lại trú xứ, Ta tự hỏi lại các Tỳ-kheo khác.

Sau khi A-lê-tra đi rồi, để biết rõ ác tà kiến của Tỳ-kheo kia, đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Các thầy hiểu lời nói của Ta có như A-lê-tra hay không?

- Chúng con không hiểu như vậy. - Các Tỳ-kheo thưa.

- Vậy các ông hiểu như thế nào? - Đức Phật hỏi.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Phật nói: pháp nào làm chướng ngại đạo, thì thật sự pháp ấy làm chướng ngại đạo (lập lại lời trên).

- Lành thay! Các ông đã khéo hiểu ý của Ta nói.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Nên sai một Tỳ-kheo thân thiện với A-lê-tra, nơi chỗ vắng dùng lời mềm mỏng can gián rằng: “Thầy chớ nên nói như vậy, chớ nên hủy báng Phật, chớ nên vu khống Phật. Đức Phật dạy pháp chướng đạo, thì thật sự là chướng đạo. Thầy nên bỏ ác tà kiến như vậy”. Bỏ thì tốt, không bỏ thì số đông Tỳ-kheo đến can gián như trên. Bỏ thì tốt, không bỏ thì Tăng nên đến, cũng can gián như trên, bỏ thì tốt.

Sau khi các Tỳ-kheo thực hiện đúng như lời Phật dạy đến ba phen như vậy, song dứt khoát A-lê-tra vẫn không loại bỏ ác tà kiến. Các Tỳ-kheo bạch lên Phật kết quả. Trước Tăng, đức Phật hướng dẫn cách thức bạch Tứ Yết-ma can gián, chủ yếu đem lời phân giải, can gián từ cá nhân đến tập thể Tăng. Đức Phật quy định rõ tội trong việc can gián này. Không kết quả thì đương sự phạm tội Ba-dật-đề.

Riêng đối với Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni thì phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

CHỪNG TỬ ÁC CÒN NGUYÊN VỆ

Khi đức Phật đang lưu trú tại thành Xá-vệ, lúc bấy giờ Trưởng lão Ca-lưu-đà-di không thích gặp mặt các Tỳ-kheo xấu, lại rất ghét loài chim quạ. Nghiệt nổi, cả bầy quạ cứ tập trung đậu trên nóc nhà. Ngày ấy, có các bạch y cầm cung đi tìm quạ để bắn. Đến trú xứ Tỳ-kheo, Ca-lưu-đà-di liền thuyết:

- Loài chim quạ này có đầy đủ mười đức tính của một Tỳ-kheo tệ ác: Bồn sên, tham lam, sung sức, chịu nhục, xấu xí, không từ bi, nhiều ảo vọng, không hề biết đủ, chứa cát, cố ý quên.

Lại hỏi:

- Loài chim này có đủ mười tính xấu như vậy, các ông có muốn giết nó không?

Kẻ không tin tội phước trong họ, nói:

- Muốn giết, thưa thầy!

Ca-lưu-đà-di liền lấy cung trên tay bạch y và hỏi bọn họ:

- Muốn bắn vào chỗ nào?

- Bắn mắt bên trái. - Bạch y nói.

Ca-lưu-đà-di giương cung bắn ngay vào mắt trái của quạ, chim chết ngay.

Lại có người bảo:

- Bắn con mắt bên phải.

Ca-lưu-đà-di bắn ngay vào mắt phải, quạ chết. Cứ thế, chỉ trong chốc lát có đến mười con quạ bỏ mạng trước mũi tên của Ca-lưu-đà-di.

Như vậy là Ca-lưu-đà-di bị những người không tin ưa Phật pháp cơ hiềm chỉ trích:

- Bọn Sa-môn này thường nói từ bi, hộ niệm chúng sanh, nay lại giết hại một cách tàn nhẫn, vô đạo. Bọn này chẳng có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Sự việc này dẫn đến Ca-lưu-đà-di bị quở trách giữa Tăng, và đức Phật đã chế giới cấm như vậy: “Tỳ-kheo nào cố ý đoạn mạng súc sanh, phạm Ba-dật-đề”.

---o0o---

RUỘNG PHƯỚC CỦA MÌNH KIA!

Lúc bấy giờ, nhóm mười bảy Tỳ-kheo trẻ đến sông A-di-la lấy nước, nhân đó cả nhóm ùa xuống tắm, tha hồ bơi lội, lặn hụp, đùa vui trong nước, tạt nước lên nhau... Vua Ba-tư-nặc cùng Mạt-lợi phu nhân lúc ấy trên lầu cao, trong tầm xa nhìn thấy nhóm mười bảy Tỳ-kheo kia thích thú đùa giỡn dưới sông. Nhà vua liền bảo phu nhân:

- Ruộng phước của mình kia kia!

Phu nhân như để trả lời, liền tâu:

- Đức Phật chưa chế giới, tuổi nhỏ xuất gia chưa hiểu giáo pháp là bao. Mình đừng thấy vậy sanh lòng không tin kính đối với các Tỳ-kheo khác, để phải nhận lấy quả khổ lâu đời.

Nhóm mười bảy Tỳ-kheo sau khi vui đùa đủ kiêu rồi, lại đứng trên mặt nước mặc y. Phu nhân thấy liền chỉ tay, tâu với vua:

- Mình thử xem kia, ruộng phước của em thờ là thế đó!

Mặc y xong, mười bảy Tỳ-kheo lấy cái bình nước ném lên hư không rồi bay theo để chụp lại. Từ lầu cao, nhà vua nhìn thấy giống như nhận chúa. Phu nhân lại tâu với vua:

- Kia mình lại xem ruộng phước của em thờ là thế.

Nhà vua rất hoan hỷ, lòng kính tín càng tăng lên.

Ngay sau đó, phu nhân sai Bà-la-môn Na-lân-già rằng:

- Nhà ngươi đến Kỳ-hoàn kính trình lên Phật sự việc này nhé.

Na-lân-già phụng mạng trình sự việc lên đức Phật. Đức Phật vì ông nói pháp, chỉ bày sự lợi ích của lòng hoan hỷ, rồi Ngài bảo Na-lân-già trở về.

Sự việc này được đưa ra trước Tăng, sau khi các đấng sự xác nhận sự thật, đức Phật chế giới cấm Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước.

---o0o---

TẠI MỘT KHÁCH XÁ

Sự việc xảy ra lúc đức Phật lưu ngụ trong Kỳ-hoàn, thành Xá-vệ.

Vì đức Phật chưa chế giới cấm Tỳ-kheo cùng ngủ trong nhà có người nữ, cho nên các trường hợp sau xảy ra: Hoặc một Tỳ-kheo với một người nữ, hoặc nhiều Tỳ-kheo với số ít người nữ, hoặc số ít Tỳ-kheo với nhiều người nữ, lỡ đường ngủ trong cùng một nhà. Do vậy, Tỳ-kheo sanh tâm đắm nhiễm, có người hoàn tục, có người làm ngoại đạo. Các Cư sĩ biết được lại cơ hiềm, chỉ trích rằng:

- Bọn Sa-môn này với người nữ ngủ chung nhà thì có khác gì bọn bạch y, họ chẳng có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Lại một chuyện khác:

Có một người đàn bà tuổi còn trẻ, lại chết chồng, sanh lòng nọ kia, rằng: “Nay ta làm thế nào để tìm được người vừa ý?”. Bà ta lại nghĩ: “Ta không thể đến gõ cửa từng nhà để tìm người yêu mà phải để họ đến gõ cửa ta thì ta phải làm một khách xá. Từ đây sẽ chọn người theo ý muốn của ta”.

Sau khi xây dựng khách xá xong, bà ta liền bố cáo rộng rãi: “Ai cần nghỉ đêm, đến nghỉ”.

Thế rồi, chiều tối hôm ấy, A-na-luật dừng chân tại thôn này. Tỳ-kheo muốn tìm chỗ nghỉ lưng và được người trong thôn giới thiệu khách xá của người nữ kia. A-na-luật liền đến xin tạm trú qua đêm.

Trước khi xuất gia, A-na-luật là một hoàng thân có dung nhan đẹp vô cùng, và sau khi đắc đạo, sắc tướng ấy đẹp lên gấp bội. Người chủ khách xá kia nhìn thấy A-na-luật liền sanh tà ý: “Nay ta có cơ hội để được một người chồng đẹp trai”. Bà ta liền niềm nở đón tiếp A-na-luật và chỉ chỗ nghỉ ngơi. Có được chỗ tạm nghỉ nhưng A-na-luật không nghỉ, mà lại ngồi kiết già.

Không bao lâu, bên ngoài lại có đoàn buôn đến xin tá túc. Bà quả phụ nói:

- Tuy tôi là chủ khách xá này nhưng vừa rồi tôi đã cho vị Tỳ-kheo nghỉ lại đêm, quý vị nên hỏi ông ta.

Y theo lời, đoàn buôn đến hỏi A-na-luật, A-na-luật nói với người đàn bà rằng:

- Nếu do tôi quyết định thì họ cứ vào đây để nghỉ lại.

Sắp xếp cho đoàn buôn chỗ nghỉ xong, bà ta lại kịp vận dụng hoàn cảnh để thích nghi, bà thưa với A-na-luật:

- Sẽ có khách đến nữa, xin mời Đại đức vào nhà trong. Tôi đã cho sắp xếp chỗ nghỉ tươm tất, tiện cho việc kiết già của Đại đức.

Đèn được đốt sáng lên và A-na-luật vào nhà trong như bà chủ mời. A-na-luật lại ngồi kiết già hệ niệm, trên chiếc giường được trải dọn xinh xắn. Sau khi mọi người khách đã ngủ, người đàn bà đến nói với A-na-luật:

- Đại đức có biết chủ ý của tôi khi làm khách xá này không?

- Rất biết, mục đích của bà là cầu phước đức. - A-na-luật trả lời.

- Không phải vậy, mà tìm kiếm một người chồng vừa ý. - Bà ta nói thế.

- Thưa bà, chúng tôi không thể làm điều ác ấy. Đức Thế Tôn chế pháp cũng cấm làm điều ấy. - A-na-luật trả lời.

- Tôi là con nhà vọng tộc, ở độ tuổi dồi dào sinh lực, lễ nghi hoàn bị, của cải sung mãn, muốn vì Đại đức cung cấp mọi thứ nhu cầu. Xin Đại đức thuận ý cho!

A-na-luật lại trả lời như trước, như một khẳng định đanh thép. Không thuyết phục được, bà chủ như bị điên cuồng, với ý nghĩ táo tợn: “Đàn ông nào cũng bị mê hoặc bởi sắc. Ta phải thực hiện phương cách hạ đẳng này”. Bà ta liền cởi lột quần áo, để lỏa thân đứng trước A-na-luật, vừa cười vừa khêu gợi. A-na-luật nhắm mắt lại, ngồi thẳng, quán tưởng đồng xương đỏ. Biết không có tác dụng, và đã tấn công thì phải dồn dập, bà bước ngay lên giường và ngồi sát bên A-na-luật. Ngay lúc ấy bà không thấy A-na-luật

đâu cả. Nhìn lên, thấy A-na-luật ở giữa hư không. Rất đỗi then thùng, xấu hổ làm sao! Lòng đầy hối hận, bà liền mặc y phục vào, quỳ xuống, chấp tay hối tội, thưa:

- Bạch Đại đức, con thật ngu si. Nay con không còn dám nghĩ đến những thứ xấu ác đó nữa. Nguyện Đại đức dù lòng thương tha thứ, cho con được sám hối.

A-na-luật nói:

- Tôi nhận sự sám hối của bà.

Và nhân đó A-na-luật nói pháp vi diệu suốt từ đầu đến cuối mang ý nghĩa thiện, mùi vị thiện và đầy đủ hình tướng thanh bạch phạm hạnh.

Bà góa phụ nghe pháp rồi, liền xa trần lia cầu, được con mắt pháp thanh tịnh...

Sáng ra, A-na-luật về thẳng chỗ Thế Tôn trú ngụ, trình bày lên Ngài diễn tiến sự việc đã xảy ra.

Từ hai sự việc trên, trước Tăng đức Phật chế giới cấm Tỳ-kheo ngủ trong nhà có người nữ ¹⁵⁸, nếu không hội đủ nhiều yếu tố khác ¹⁵⁹

---o0o---

THUA CON ẸNH ƯƠNG

Chuyện xảy ra lúc Thế Tôn lưu ngụ tại nước Câu-xá-di.

Khi ấy, Thế Tôn chưa chế giới cấm Tỳ-kheo uống rượu. Có các Tỳ-kheo ở nơi hàng quán hay trong nhà Cư sĩ uống rượu nhiều lúc say túy lúy. Khi quay về trú xứ, có người rơi xuống hào, đầu va vào vách, có khi làm bể bát, rách y, thân thể bị thương tổn, xây xát... Các bạch y chứng kiến cảnh này rất lấy làm bất mãn, cơ hiềm nói:

- Chúng ta là bạch y, còn không uống rượu, huống là Sa-môn Thích tử bỏ đời cầu đạo mà lại uống rượu quá hơn người đời. Họ không xứng đáng mặc y hoại sắc cắt rọc, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Lại một chuyện khác:

Bấy giờ đức Thế Tôn từ nước Câu-xá-di đến ấp Bạt-đà-việt¹⁶⁰. Nơi đây, trong trú xứ Phạm chí¹⁶¹ bện tóc có một con độc long thường phun mưa đá làm hại hoa màu, ruộng vườn. Các cư dân ở đây thường tâm niệm: “Trong số Sa-môn, Bà-la-môn, ai là người có oai đức có thể hàng phục được con rồng này?”. Họ nghe đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đến ấp, không ai là không vui mừng. Họ kéo đến nghinh đón, đánh lễ sát chân Phật rồi thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, nơi ấp này có một con độc long thường phun mưa đá, gây thiệt hại mùa màng, ruộng vườn. Chúng con hằng tâm niệm mong sao có được một vị thầy oai đức hàng phục nó, để ấp không còn bị thiệt hại, lo âu.

Khi ấy, Sa-kiệt-đà đang đứng sau Phật quạt hầu, đức Phật liền quay lại hỏi:

- Ông có nghe các Cư sĩ trình bày sự việc không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe. - Sa-kiệt-đà thưa.

Đức Phật lập lại câu hỏi đến ba lần và Sa-kiệt-đà cũng ba lần trả lời như vậy. Sa-kiệt-đà liền suy nghĩ: “Ba lần đức Thế Tôn hỏi là ý Ngài muốn ta hàng phục con độc long này”. Sa-kiệt-đà bèn đến trước Phật kính lễ sát chân Ngài rồi nhiễu quanh và lui ra.

Sa-kiệt-đà đi về chỗ ở con rồng với ý niệm: “Nay ta nên hàng phục con rồng này, nhưng không được làm thương tổn thân hình nó bằng cách thu thân nó nhỏ lại bằng cái que cây”. Sa-kiệt-đà đi vào nhà Phạm chí, ngồi lui qua một bên, chỗ rồng đang ẩn trú. Khi ấy, thân rồng liền tuôn ra khói, thân Sa-kiệt-đà cũng tuôn ra khói. Cả thân rồng rực lửa, Sa-kiệt-đà cả thân cũng rực lửa. Lửa nơi rồng biến thành năm sắc, lửa thân Sa-kiệt-đà cũng biến thành năm sắc. Thế là thân rồng liền bị thu nhỏ lại như cây que, Sa-kiệt-đà nhặt bỏ vào bình bát, rồi đem đến chỗ Phật. Sa-kiệt-đà thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, nay để rồng vào chỗ nào?

- Thầy đem nó để nó nơi Trung gian thế giới. - Phật dạy.

Vâng lời Phật dạy, và chỉ trong chớp nhoáng, như lực sĩ co duỗi cánh tay, Sa-kiệt-đà đặt rồng nơi Trung gian thế giới rồi về lại chỗ Phật. Ngay sau đó, đức Thế Tôn có ý muốn rời ấp Bạt-đà-việt, trở về nước Câu-xá-di.

Khi hay tin Sa-kiệt-đà hàng phục được con độc long, các Cư sĩ trong ấp rất vui mừng, hỏi các Tỳ-kheo để biết rõ người, rõ mặt Sa-kiệt-đà. Sau khi biết rõ người đứng sau Phật quạt hầu, các Cư sĩ đến đánh lễ sát chân Sa-kiệt-đà và thưa:

- Xin ngài nhận lời thỉnh mời của chúng con.

Sa-kiệt-đà im lặng nhận lời. Các Cư sĩ thưa:

- Đại đức cần dùng thức ăn và thức uống nào?

- Khi tôi còn là bạch y, tánh ưa rượu thịt. - Sa-kiệt-đà bảo thế.

Cư sĩ hoan hỷ, vội vàng sắm sửa đầy đủ rồi mời Sa-kiệt-đà đến nhà dự tiệc. Sau khi ăn thịt, uống rượu no đủ, Sa-kiệt-đà cùng đoàn về lại Câu-xá-di. Đến nơi nhưng còn ngoài Tăng phường, Sa-kiệt-đà té duỗi xuống đất, ói mửa nặc mùi rượu, y bát rơi vãi gần đấy. Qua thiên nhãn, đức Thế Tôn từ xa đã nhìn thấy, Ngài bảo A-nan:

- Ông cùng tôi đến Tăng phường mà xem.

Tôn giả vâng lời đi theo Phật đến ngoài Tăng phường, chứng kiến hậu quả của một con người say sưa. Đức Phật cùng A-nan khiêng Sa-kiệt-đà về đặt cạnh giếng nước. Đức Phật tự tay xách nước dội, còn A-nan lau rửa sạch sẽ thân người của Sa-kiệt-đà, rồi mặc y vào, đặt nằm trên giường dây, đầu Sa-kiệt-đà hướng về đức Phật. Không lâu sau, Sa-kiệt-đà xoay chuyển mình lại, co chân đạp Phật...

Nhân việc này, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, Ngài hỏi các Tỳ-kheo:

- Sa-kiệt-đà trước đây có kính trọng Phật không?

- Thưa, có kính trọng. - Các Tỳ-kheo đáp lời.

- Hiện nay có còn kính trọng Phật nữa không? - Đức Phật hỏi.

- Bạch Thế Tôn giờ thì bất kính. - Các Tỳ-kheo trả lời.

- Có nên uống rượu để rồi mất hết đức tính tốt không? - Đức Phật hỏi.

- Bạch Thế Tôn, không nên. - Các Tỳ-kheo thưa.

- Trước đây Sa-kiệt-đà có thể hàng phục con độc long, nay có thể hàng phục được con ếch ương không? - Đức Phật lại hỏi.

- Bạch Thế Tôn, không thể nào được. - Các Tỳ-kheo thưa.

Do hai nhân duyên trên, đức Phật chế giới cấm: “Tỳ-kheo nào uống rượu, phạm Ba-dật-đề”.

Sau khi đức Phật chế giới, Sa-kiệt-đà không dám uống rượu. Do vậy, con nghiện rượu không thể cắt được, hành hạ Sa-kiệt-đà, ông ta muốn chết, không muốn ăn uống, có ăn cũng không tiêu nổi. Để giải quyết cơn khổ ải này, đức Phật dạy:

- Cho người đồ đựng rượu, không cắt được cơn thì cho một ít rượu vào trong bánh, trong cháo, hay trong canh cho dùng. Nếu vẫn không dứt cơn thì cho phép dùng ít rượu để chữa bệnh ăn không tiêu. Sa-kiệt-đà nhờ vậy mà lần lần cắt được cơn nghiện rượu.

Khi các Tỳ-kheo bạch lên Phật kết quả tốt này, Ngài lại dạy:

- Lành rồi, nên quyết tâm bỏ dần rượu, kẻ cả hít người đồ đựng rượu. Muốn không trở thành người xấu xí thì dứt khoát không uống nữa.

Có thứ rượu đầy đủ sắc, vị, hương rượu. Có thứ rượu chỉ có sắc, hương, không có vị rượu. Có thứ rượu có sắc, vị, không có hương rượu. Có thứ rượu không có sắc, hương, vị rượu. Tất cả uống đều say, phạm Ba-dật-đề. Có loại chẳng phải rượu, nhưng có sắc rượu, vị rượu, hương rượu, mà uống cũng khiến cho người say, phạm Đột-kiết-la. Có loại chẳng phải rượu, nhưng có sắc rượu, vị rượu, hương rượu, mà không khiến cho người say, cần uống thì được phép uống nơi chỗ vắng.

---o0o---

SƯỞNG DÀI DÀI!

Hồi ấy trong thành Xá-vệ có một nhóm trẻ nít mười sáu đứa, được cha mẹ yêu thương nuông chiều rất mực. Mẹ của chúng trẻ thường nghĩ ngợi: “Con ta không quen chịu khó nhọc, bản tánh yếu đuối, nên chọn cho con cái nghề nào thật tinh xảo, khéo léo để cho nó được sung sướng trọn đời”. Còn cha chúng lại đề nghị: “Nên cho con học nghề kế toán, hội họa”. Nghe thế, mẹ lại bảo: “Học hội họa sợ e hư con mắt, học kế toán e đau ngón tay con,

rồi sẽ bị đau tim”. Bàn đi tính lại, cuối cùng cha mẹ của nhóm mười sáu đưa kia có chung ý kiến là nên cho chúng xuất gia trong dòng họ Thích, đời này khỏi phải làm gì, đời sau lại sướng dài dài. Mười sáu đồng tử lại đều muốn xuất gia, nên cùng nói với nhau: “Chúng ta cần chờ Ưu-ba-ly về để nói lời từ biệt”. Khi Ưu-ba-ly về đến chỗ các đồng tử, gặp nhau, các đồng tử nói:

- Bạn có biết không? Chúng tôi muốn xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, chờ bạn về để nói lời từ biệt đó!

Ưu-ba-ly nghe cũng muốn cùng nhập bọn xuất gia, nên liền đó về nhà xin cha mẹ. Cha mẹ suy nghĩ rồi cho phép và cùng đồng ý xin Tất-lăng-già-bà-ta nhận con làm đệ tử, bởi vì trước đó Tất-lăng-già-bà-ta đã cứu Ưu-ba-ly đem về từ tay bọn giặc cướp. Cha mẹ dẫn Ưu-ba-ly đến Tất-lăng-già-bà-ta, thưa:

- Bạch Đại đức, Đại đức đối với con chúng tôi là bậc đại ân. Nay chúng tôi xin dâng nó cho ngài, xin ngài nhận nó làm đệ tử.

Tất-lăng-già-bà-ta liền độ chúng và cho mười bảy đứa thọ giới Cụ túc. Thọ giới rồi, ban đêm chúng không thể một mình đi đến nhà vệ sinh và nơi rửa tay, phải nhờ người dẫn dắt. Trời tối, có khi thấy thầy mà không nhận ra, cho là ma quỷ, la lên thất thanh. Thầy liền vỗ về:

- Thầy đây chứ chẳng phải ma quỷ gì đâu mà lại hoảng sợ!

Ban đêm đói, đòi ăn, thầy bảo:

- Tăng không có thức ăn, sáng sớm sẽ cho con ăn.

Đồng tử hỏi:

- Nếu Tăng không có thức ăn, thì lấy ở đâu?

- Nếu Tăng không có thức ăn thì đi xin.

Đồng tử nghe vậy liền khóc lớn, nói:

- Tỳ-kheo đi xin về thì chúng con đã chết hết rồi!

Ban đêm, đức Phật nghe tiếng khóc trong trú xứ, hỏi Tôn giả A-nan:

- Tiếng trẻ nhỏ ở đâu khóc đó?

Tôn giả trình bày đầy đủ vấn đề lên Phật.

Sáng hôm sau, sự việc được đưa ra giữa Tăng. Tất-lăng-già-bà-ta xác nhận sự thật đúng là như vậy. Đức Phật quở trách:

- Ông không nên cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Người chưa đủ hai mươi tuổi, phần nhiều không thể kham nhẫn, có thể đưa đến việc phá giới.

Đức Phật kết giới cấm vấn đề này.

---o0o---

CÓ GÌ PHẢI LÀM KHÔ NHAU!

Lúc bấy giờ đức Phật đang lưu trú tại nước Câu-tát-la. Ngài cùng với đại Tỳ-kheo Tăng năm trăm vị đến thành Ca-duy-la-vệ. Dòng họ Thích nghe tin này, cùng nhau lập ra quy chế: “Nếu ai không nghinh đón Phật, sẽ bị phạt năm trăm tiền vàng”. Ngày Phật vào thành, lớn bé đều ra nghinh đón đức Thế Tôn, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng lui ra một bên. Đức Phật vì tất cả hoàng thân, quốc thích nói pháp chỉ bày sự lợi ích, khiến cho hoan hỷ. Các Thích chủng rất vui mừng, cùng nhau thỉnh Phật và Tăng an cư bốn tháng mùa Hạ. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Mỗi người, tùy theo khả năng mà cúng dường. Hoặc một gia đình cúng một ngày cho đến mười ngày, hoặc hai gia đình cúng một ngày, cho đến mười gia đình.v.v... Hoặc chỉ cúng bữa ăn trước hay bữa ăn sau. Hoặc chỉ làm Đát-bát-na¹⁶², hoặc chỉ cúng cháo, hoặc chỉ cúng nước tắm, hoặc chỉ cúng nước uống buổi chiều, hoặc cúng dầu thoa chân, thoa tay, dầu thắp đèn...

Bấy giờ Thích Ma-nam đi vắng, chưa cúng dường được thứ gì, hỏi người xung quanh:

- Vị nào nhận vật cúng dường của tôi?

Nhà vua nhận được sự trả lời là chưa có vị nào nhận. Vua lại hỏi:

- Đã có thứ nào chưa ai cúng dường Phật và Tăng?

- Thưa ngài, chỉ có thuốc chữa bệnh là chưa có ai cúng dường. - Quần thần tâu.

Thích Ma-nam xin cúng thuốc chữa bệnh cho Phật và Tăng trong bốn tháng mùa Hạ, bằng cách tự đưa đến. Nhà vua lại đến chỗ Lục quần Tỳ-kheo nói:

- Đại đức cần thuốc gì thì tùy ý đến lấy.

Trước lời mời cúng này của vua, Lục quần suy nghĩ: “Nay vua cúng thuốc trị bệnh cho Phật và Tăng bốn tháng, hoặc vua tự đích thân hay sai người mang thuốc đến cúng, còn chúng ta thì vua bảo tự đến nhận, như thế tâm vua đã khinh thường chúng ta. Được rồi, chúng ta có cách để làm cho vua thẹn”.

Như để nắm chắc, Lục quần ra sức tìm hiểu trong thiên hạ xem loại thuốc nào duy nhất không có thì đến nhà vua xin. Thế rồi, đứng vào năm thân thuộc dòng họ Thích nhóm họp, Lục quần Tỳ-kheo đến xin vua loại thuốc hiếm có ấy. Nhà vua sai người đi tìm kiếm khắp nước mà không có. Vua nói với Lục quần Tỳ-kheo:

- Loại thuốc ấy tìm kiếm khắp rồi mà không có.

Lục quần liền đáp lời:

- Nhà vua tự thỉnh Phật và Tăng cúng thuốc chữa bệnh trong bốn tháng, mà nay không cho chúng tôi thứ thuốc nào cả sao?

- Thừa Đại đức, không phải là không muốn cúng, cũng không phải là không có thuốc, song chỉ vì thứ thuốc này tuyệt nhiên không tìm đâu ra được. Hơn nữa, lời nguyện cúng thuốc bốn tháng của tôi qua rồi, thì có gì phải làm phiền khổ cho nhau!

Lục quần Tỳ-kheo lại làm nhục nhà vua trước dòng họ. Lục quần nói:

- Trước đây vua bảo chúng tôi cứ đến lấy thuốc theo nhu cầu, mà nay chẳng nhận được thứ thuốc nào cả.

Qua việc này, Lục quần bị Các Tỳ-kheo quở trách. Trước Tăng, đức Phật nghiêm khắc quở trách Lục quần Tỳ-kheo và Ngài chế giới, cấm Tỳ-kheo không được nhận thuốc cúng dường sau thời gian ¹⁶³ Phật tử phát tâm cúng thuốc cho Tăng.

TRỊCH THƯỢNG

Lúc bấy giờ, đức Phật đang lưu trú tại tinh xá Kỳ-hoàn, thành Xá-vệ. Lục quần Tỳ-kheo sống trong trú xứ này thường hay phạm giới. Các Tỳ-kheo can ngăn:

- Các thầy thường phạm các giới, nên tự mình thấy tội, như pháp sám hối. Đừng nên tạo ra nhiều sai phạm, khiến phụ lòng tin của tín thí, lại phải nhận lấy cái khổ về lâu về dài.

Lục quần Tỳ-kheo liền đáp trả:

- Chúng tôi không học giới này. Trước hết, chúng tôi sẽ hỏi vị Trì pháp, Trì luật, trí tuệ ắt phải hơn các thầy.

Sự việc được các Trưởng lão Tỳ-kheo bạch lên Phật. Trước Tăng, Lục quần Tỳ-kheo nhận tội và đức Phật nói lời quở trách:

- Các ông là những người ngu si! Các ông không nên tạo ra các ác nghiệp như vậy. Các Tỳ-kheo muốn cùng các ông Bồ-tát, Tự tứ, làm các Yết-ma, nghĩ thương các ông nên mới đem lời như pháp can gián các ông. Tại sao các ông lại nói lời ác, khinh thị như thế?!

Đức Phật chế giới: “ Tỳ-kheo nào thường hay phạm tội, các Tỳ-kheo khác can gián mà lại nói: Tôi không học giới này, tôi sẽ hỏi Tỳ-kheo trì pháp, trì luật khác đã, thì phạm Ba-dật-đề”.

Đức Phật lại dạy:

- Tỳ-kheo muốn học hỏi, tìm hiểu thì nên hỏi vị Trì pháp, Trì luật. Đó là làm tăng ích, phải thực hiện. Trì pháp là người trì tụng những pháp do Phật nói, tức là thông hiểu ý nghĩa các kinh. Trì luật có năm hạng: Một là tụng Bốn việc, cho đến hai pháp Bất định. Hai là tụng Bốn việc, cho đến ba mươi hai việc. Ba là tụng hết hai trăm năm mươi giới. Bốn là tụng hết hai bộ luật. Năm là tụng hết tất cả luật.

---o0o---

HẬU CUNG, VÀO LÀM GÌ?!

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo thường vào trong cung vua Ba-tư-nặc, thấy các mỹ nữ sanh tâm đắm nhiễm, không thích tu phạm hạnh, có vị ra đời làm ngoại đạo. Các đại thần biết sự thể, lại có ý kiến:

-Tại sao nhà vua không để các cung nữ trong cung cấm mà để họ lai vãng ở đây, khiến ai cũng thấy được?

Lúc ấy, A-nan hầu Phật trong Kỳ-hoàn. Tôn giả hằng ngày thường nhận được sự cúng dường của vua nên sáng sớm đắp y bung bát vào hậu cung. Đang nằm bên vua, Mạt-lợi phu nhân nghe tiếng động, choàng áo vào, vội xuống long sàng bước ra... Trớ trêu, áo choàng bị vướng ghế, tuột khỏi thân, phu nhân liền ngồi sụp xuống... Tôn giả A-nan quay người lại, đi ra...

Nhà vua bực tức nói:

- Việc triều đình nhọc nhằn vất vả, thường phải thức khuya, không thể dậy sớm. Tại sao còn sớm mà Tỳ-kheo lại đi thẳng vào đây?

Hai sự việc trên dẫn đến đức Phật chế giới, quy định rõ giới hạn Tỳ-kheo vào vương cung. Ngài vạch rõ mười lỗi khi Tỳ-kheo vào hậu cung: 1. Trong lúc say, vua gần gũi với cung nữ khác, lúc tỉnh quên sự gần gũi này. Vua dễ sinh nghi cho Tỳ-kheo khi cung nữ kia có thai; 2. Cung nữ thích đùa với Tỳ-kheo khi gặp họ. Tỳ-kheo dễ bị nghi là có tình tứ với cung nữ; 3. Có mưu mạt nào đó bị tiết lộ, vua nghi Tỳ-kheo là người đưa tin; 4. Có vật quý trong cung bị kẻ gian đánh cắp, vua nghi Tỳ-kheo là người lấy; 5. Có vị quan nào đó bị mất chức, người ngoài nghi, do Tỳ-kheo gây nên; 6. Nếu có người bị tội, người ta nghi là do Tỳ-kheo sàm tấu; 7. Nếu có người nào chưa đáng thăng quan mà được thăng, người ta nghi là do thế lực của Tỳ-kheo; 8. Nhà vua ưa đi du ngoạn, gây nhiều phiền tổn, Tỳ-kheo cũng bị nghi là xúi sủ; 9. Trong cung nhiều mỹ nữ đẹp vô ngần, vẻ dáng vẻ cũng như phục sức; Tỳ-kheo nhìn thấy, tâm sanh đắm nhiễm, bỏ đạo; 10. Các vương tử làm phản nghịch, Tỳ-kheo bị nghi là người hướng dẫn.

Tại thành Xá-vệ, trong tinh xá Kỳ-hoàn, đức Phật đã nói giới này.

---o0o---

KẾT HẸN VỚI GIẶC CÙNG ĐI ĐƯỜNG

Lúc bấy giờ, hai nước Câu-tát-la và Ma-kiệt-đà xâm lược nhau. Đường sá đi lại giữa hai nước bị cắt đứt. Các Tỳ-kheo nơi thành Vương-xá an cư xong, nghĩ đến Phật đang trú ngụ ở thành Xá-vệ, nên có ý nghĩ: “Nay ta cần kết thân với bọn giặc để đi thì mới có thể sang viếng thăm đức Thế Tôn được. Dù lính biên phòng biết ta đi với giặc mà bắt thì vua Ba-tư-nặc cũng thả ta thôi, bởi vua có lòng tin kính Phật pháp, không nỡ kết tội”.

Quả nhiên, khi các Tỳ-kheo đi với giặc, chưa lọt qua biên giới nước Câu-tát-la thì bị bắt, áp giải về đồn biên phòng. Lính thú báo cáo:

- Đây là giặc xâm lược.
- Còn những người mặc áo cà-sa này là ai? - Tướng chỉ huy hỏi.
- Thưa, cũng là giặc. - Lính thú nói.

Các Tỳ-kheo bèn lên tiếng:

- Chúng tôi không phải là giặc, mà là Sa-môn Thích tử, an cư nơi thành Vương-xá xong, cần đến viếng thăm đức Thế Tôn. Vì đường đi nguy hiểm nên cùng làm bạn với những người này để đi.

- Các ông không phải là Sa-môn Thích tử. Các ông đội lột đến đây thám thính, làm mật vụ...

Tướng biên phòng nói thế, và liền cho áp giải về triều đình. Khi vua nghe rõ lời tự khai của các Tỳ-kheo thì liền ra lệnh phóng thích. Các quan tả hữu có người không tin đó là Sa-môn, nói:

- Đây là giặc, giả mặc áo Tỳ-kheo, vì vua có lòng tin Phật nên phóng thích đó thôi.

Biết được việc này, các Trưởng lão trình lên Phật. Ngài kiết giới cấm Tỳ-kheo kết hẹn đi với giặc.

Sau đó nhiều sự việc xảy ra, liên hệ với giới này, nên đức Phật chế giới bổ sung như sau:

“Tỳ-kheo nào kết hên cùng đi với giặc một đường, từ xóm làng này đến xóm làng nọ, phạm Ba-dật-đề”.

---o0o---

KHÔNG HOÀN TOÀN NHƯ VẬY

Lúc bấy giờ đức Phật trú ngụ nơi thành Xá-vệ. Lại chuyện đi cùng đường.

Có các Tỳ-kheo cùng đi với người nữ một đường, hoặc một Tỳ-kheo cùng một người nữ, cho đến số đông, hoặc hai Tỳ-kheo cho đến số đông.v.v... cùng lội qua sông. Những gì Tỳ-kheo thấy được ở người nữ hoặc ngược lại, dẫn đến sanh tâm đắm nhiễm nhau, rồi hoàn tục làm ngoại đạo. Các Cư sĩ bĩu môi, cơ hiềm:

- Sa-môn Thích tử đi chung với người nữ như thế đâu khác gì đi với vợ. Chỉ có trời mới biết bọn này tu phạm hạnh mà thôi! Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn!

Lại chuyện khác:

Có một Cư sĩ thường đánh vợ. Một hôm đánh vợ tới tấp rồi bỏ đi. Người vợ tủi buồn nghĩ ngợi: “Chồng ta thường đánh ta, có thể sẽ âm thầm giết ta. Nay ta nên trốn đi”.

Thực hiện ngay ý định, bà bỏ nhà, rời xóm làng lên đường. Gặp một Tỳ-kheo, bà rất mừng, đến hỏi:

- Đại đức đi đâu?

- Tôi đi đến.... - Tỳ-kheo trả lời.

Lặng lẽ, bà ta đi theo sau Tỳ-kheo...

Chồng bà ta, sau khi bỏ đi lại hồi tâm, nghĩ: “Đánh vợ như thế, có thể nó tự tử”. Liền quay về nhà tìm vợ, không thấy đâu, hỏi người hàng xóm cũng chẳng ai biết đi ngõ nào. Ông liền đi ra ngoài tụ lạc¹⁶⁴, gặp một người nữ ngoại đạo, hỏi:

- Có thấy người đàn bà vóc dáng như vậy không?

- Thấy Sa-môn Thích tử dẫn bà đi. - Ngoại đạo kia trả lời.

Ông ta vội vã đuổi theo. Khi đuổi kịp, ông hỏi Tỳ-kheo:

- Vì sao ông lại dẫn vợ tôi tẩu thoát?

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi không bao giờ làm ác nghiệp này. Vợ ông tình cờ đi cùng một đường mà thôi.

Người vợ nói với người chồng rằng:

- Chớ sanh ác tâm đối với Tỳ-kheo này. Tôi đi theo thầy, coi như người thân thuộc, chứ không có ý gì khác.

Trong cơn bực tức, ông ta cho rằng vợ nói như vậy là để lừa dối, chứ chắc chắn là có tà ý nọ kia. Ông ta xông vào đánh Tỳ-kheo một trận như tử, thiếu điều chết nữa thôi. Biết đã kiệt sức không thể nào đi được, Tỳ-kheo liền nhập Hỏa quang tam muội, vận dụng hơi thở để lấy lại sức khỏe, y bát để bên cạnh. Nơi thân Tỳ-kheo bỗng tuôn ra khói...

Người đàn bà nhìn thấy hình ảnh đầy cảm động đó, liền nói với chồng:

- Chắc ông đã thấy khói từ thân Tỳ-kheo tuôn ra rồi chứ?

Người vợ nhìn kỹ lại thì thấy thân Tỳ-kheo lại rỗng suốt. Bà ta lại bảo chồng:

- Ông không tin lời tôi thì hãy nhìn thân Tỳ-kheo bây giờ ra sao rồi?

Vị Tỳ-kheo liền dùng sức Tam muội đến chỗ đức Phật, bạch lên Ngài sự việc đã xảy ra. Đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Trước Tăng, Ngài chế giới cấm việc đi chung đường với người nữ, dù là một quãng ngắn.

---o0o---

BỊ RẮN CĂN

Đức Phật cùng với đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị, từ nước Câu-tát-la du hành vào nhân gian. Khi dừng lại nơi đâu thì có vị trong thất, có vị ở bên gốc cây, có vị ngồi nơi đất trống.v.v...

Hồi ấy, ở một địa điểm nọ, Lục quần Tỳ-kheo cùng Thập thất quần Tỳ-kheo tập trung một đồng lớn củi tươi và cỏ nơi đất trống, rồi đốt lửa ngồi xung quanh sưởi ấm. Có một con rắn từ trong đồng củi muốn phóng ra. Các Tỳ-kheo thấy, liền lấy đá ném, rắn quay đầu trở vô. Bị khói nóng lại chạy ra, lại bị ném, rắn chạy vô. Bị nóng bức, rắn liền phóng thẳng vào Tỳ-kheo đang ném đá nó, cắn một phát, Tỳ-kheo ấy chết ngay. Hai nhóm Tỳ-kheo vây quanh xác chết khóc bù lu bù loa.

Chính việc này, đức Phật cảm Tỳ-kheo tự thân hay sai người đốt lửa.

---o0o---

oAN SAI KHÔNG LUẬN THỜI NÀO

Các chuyện xảy ra sau đây trong thời gian đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ:

* Ngày nọ, các Tỳ-kheo đến nhà người quen biết, thấy đồ trang sức rất quý làm bằng bảo vật, cầm xem rồi để lại chỗ cũ. Không rõ sau đó đồ quý giá này mất vào lúc nào, người chủ tìm kiếm khắp không có. Có người nói: - Tôi thấy Tỳ-kheo cầm...

Người chủ đến hỏi Tỳ-kheo:

- Tôi mất đồ trang sức như vậy, như kia... Thầy có thấy nó ở đâu không?

Tỳ-kheo nói:

- Vừa rồi tôi có cầm xem, rồi để lại chỗ cũ. Sau đó tôi không thấy...

Người chủ bảo:

- Thầy nhận có cầm xem rồi lại bảo không thấy nữa là sao? Thầy nên trả lại cho tôi đi!

Tỳ-kheo nói:

- Thật sự tôi không lấy.

Người chủ không tin, bực tức gán cho Tỳ-kheo tiếng xấu ăn cắp.

* Bấy giờ, có một ngoại đạo mang một túi đầy, gần năm trăm tiền vàng. Khi đến bên bờ sông uống nước, đặt túi vàng đâu đó nhưng lúc ra đi để quên lại. Có một Tỳ-kheo đi sau, đến bên sông thì bắt gặp cái túi ấy. Thầy tự hỏi: “Vật của ai đây?”. Nhìn xung quanh chẳng thấy ai, song nhìn phía trước xa kia có bóng người đi, Tỳ-kheo bèn nghĩ: “Chắc họ bỏ quên cái túi này, ta nên mang đến đưa lại cho họ”. Thầy vội vã mang đi.

Người ngoại đạo kia đi chưa bao lâu, sực nhớ túi vàng bị bỏ quên liền quay trở lại. Tỳ-kheo chặn lại hỏi:

- Ông quay trở lại có việc gì không?

- Thứ người xui xẻo này hỏi tôi làm gì? - Ngoại đạo bực bội nói như vậy.

- Dù tôi là vật xui xẻo thì khuyên ông nên cho biết lý do quay trở lại. - Tỳ-kheo nhỏ nhẹ như vậy.

- Tôi trở lại để tìm cái túi vàng bỏ quên nơi bờ sông. - Ngoại đạo cho biết lý do.

- Đây, có phải cái túi này không? - Tỳ-kheo đưa túi cho ngoại đạo thấy.

Nhìn thấy đúng túi vàng của mình, ngoại đạo liền nổi giận, mắng:

- Thứ người xui xẻo này, tại sao nhặt lấy cái túi của tôi? Ông đợi tôi kiểm tra lại rồi mới nói chuyện.

- Tôi hoàn toàn không biết thứ gì trong túi này, tôi không hề để mắt tới. Nếu tôi có ý muốn lấy thì làm gì có chuyện đưa túi cho ông thấy. Tôi chỉ muốn trả lại cho đúng chủ của nó mà thôi. - Tỳ-kheo bảo thế.

Sau khi kiểm tra, ngoại đạo la toáng lên:

- Trong túi này đựng một ngàn tiền vàng, bây giờ chỉ còn lại năm trăm. Xin ông trả lại đủ số tiền vàng ấy. Ông phải chịu trách nhiệm việc này.

Tỳ-kheo trước sau trả lời như một, nhưng ngoại đạo kia cứ cưỡng bức Tỳ-kheo và quyết làm cho ra lẽ. Ngoại đạo đưa túi vàng lần Tỳ-kheo đến quan tòa xét việc. Quan tòa này vốn không ưa Phật pháp nên xử đoán một

cách phi lý. Ông ta ra lệnh bắt Tỳ-kheo, trói cánh gà lại và vội cho thi hành bản án hành quyết Tỳ-kheo tại ngã tư đường, vì tội ăn cắp.

Trên lầu cao, vua Ba-tư-nặc tình cờ nhìn thấy cảnh áp giải trong tiếng trống phía trước xa kia, hỏi quan tả hữu:

- Người bị giải đi giết kia là ai?

Các quan tâu:

- Sa-môn Thích tử.

Nhà vua liền hạ lệnh:

- Mau đem về cơ quan phán xét, ta sẽ đích thân đến xem xét việc này.

Nhà vua liền đi ngay đến tòa án, hỏi quan tòa:

- Tại sao người xử giết Tỳ-kheo này?

Quan tòa liền tâu rõ diễn tiến sự việc và theo luật pháp triều đình thì tội này phải hành quyết.

Nhà vua lại hỏi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo trước sau vẫn khai đúng một lời. Nhà vua xoay sang hỏi người chủ túi vàng:

- Có phải cái túi này là đúng của nhà ngươi?

- Tâu bệ hạ, đúng là túi của con. - Ngoại đạo tâu.

Nhà vua liền ra lệnh lấy năm trăm tiền vàng bỏ thêm vào túi và cái túi không có chỗ để chứa đủ số tiền vàng này. Nhà vua hỏi người chủ của túi vàng:

- Túi đựng một ngàn tiền vàng, bây giờ đựng không hết số ấy, nghĩa là sao?

Khổ chủ cúi đầu chịu tội:

- Bẩm bệ hạ, thật sự chỉ có năm trăm tiền vàng, nhưng vì giận nên con vu khống cho Tỳ-kheo mà thôi.

Nhà vua hỏi quan đoán sự:

- Nếu có người khinh vua ngay trước mặt thì tội ấy phải xử như thế nào?

Quan tòa tâu:

- Tâu bệ hạ, người ấy đáng tội chết và tịch thu tài sản.

Nhà vua liền cho áp dụng đúng pháp: Tịch biên tài sản, trói cánh gà người kia, đánh trống áp giải đến ngã tư đường để chặt đầu.

Người đi xem, có người mỉa mai nói:

- Ngoại đạo vu khống Sa-môn Thích tử nên hành tội như thế. Nếu lại hủy báng, tội sẽ nặng hơn nhiều?!

Khi ấy, Tỳ-kheo liền xin nhà vua:

- Nên tha cho người này được sống để Phật pháp khỏi bị mang tiếng xấu.

Trước lời cầu xin này, nhà vua liền ra lệnh phóng thích kẻ ngoại đạo kia. Nhà vua lại quở trách quan đoán sự:

- Nếu về sau còn xử đoán oan sai như vậy, sẽ bị trị phạt thích nghi.

Những người không tin kính Phật pháp thì đây là cơ hội để họ cơ hiềm chỉ trích Tỳ-kheo.:

- Chúng ta là người thế tục còn biết xấu hổ khi cầm vật báu, huống là Sa-môn Thích tử sao lại cầm nắm, sẫm soi báu vật? Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Các Trưởng lão biết việc này bạch lên đức Phật. Các Tỳ-kheo đương sự được đưa ra trước Tăng, đức Phật nghiêm khắc quở trách họ và chế giới cấm Tỳ-kheo cầm nắm báu vật.

* Bấy giờ, bà Tỳ-xá-khư Mẫu¹⁶⁵ mặc chiếc áo quý báu nhất, trông bà thật lộng lẫy trang nghiêm. Bà cùng với người thân thuộc đến Kỳ-hoàn ngoạn du thăm thú. Càng ngắm cảnh, họ càng bị cuốn hút trong phong cảnh cực kỳ thanh thoát này. Thấy mọi người thân đắm chìm trong niềm vui, bà

Tỳ-xá-khur lại có ý nghĩ: “Ta không nên cùng với họ hòa mình trong cảnh phóng dật này. Nên đến thăm đức thế Tôn thì hơn!”.

Bà cùng với các tỳ nữ đi vào Kỳ-hoàn, đến cửa bà lại nghĩ: “Ta không nên mặc đồ sang trọng này đến yết kiến đức Thế Tôn”.

Bà cởi chiếc áo quý báu để cạnh bờ hào thành.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang kinh hành, từ xa thấy được việc này... Tỳ-xá-khur Mâu đến trước Phật, đánh lễ sát chân Ngài rồi lui qua đứng một bên. Đức Phật vì bà nói pháp, chỉ bày sự lợi ích, bà rất vui mừng. Bà lui về và mãi suy nghĩ lời Phật dạy, quên hẳn chiếc áo quý báu để lại nơi bờ hào kia. Trên đường về, sự nhớ lại chiếc áo thì cửa thành Kỳ-hoàn đã đóng, bà Tỳ-xá-khur không vì thế mà bận lòng, lại có ý niệm: “Nếu nói với ai ta bị mất chiếc áo quý giá này, e bị người hiểu lầm, có thể làm thương tổn Phật pháp. Chi bằng im lặng đến sáng sẽ hay”.

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật về chiếc áo kia thì đức Phật dạy:

- Sáng sớm mai, ông đích thân đem áo đến trao lại cho bà ta.

Tôn giả thực hiện đúng như lời Phật dạy, và khi bà Tỳ-xá-khur nhận lại áo, đã thốt lên lời này:

- Lành thay, tôi có vị Đại sư và đồng phạm hạnh thật hạnh phúc! Giá như ngoại đạo nhặt được chiếc áo này thì liệu ta có nhận lại được không? Đêm qua ta phát nguyện xả vật này, nay nên thực hiện.

Bà liền đem áo quý ấy cúng cho tứ phương Tăng. Bà yêu cầu Tôn giả Xá-lợi-phất dùng của này cất nhà Chiêu-đề Tăng¹⁶⁶. Tôn giả không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nên nhận và thực hiện.

Qua việc này cho thấy giới trên được đức Phật chế bổ sung và vận dụng tùy trường hợp mà không rơi vào điều phạm.

---o0o---

MỘT KHI CHIÊM TINH GIA PHẬN

Chuyện xảy ra lúc đức Phật lưu ngụ tại thành Vương-xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo rất siêng tắm rửa, có ngày tắm đến ba bốn lần, dùng nhiều bột Tháo đậu¹⁶⁷ để tắm. Các Cư sĩ cơ hiềm nói:

- Các Tỳ-kheo này siêng tắm quá, dùng Tháo đậu như vua, như đại thần. Mục đích họ xuất gia là muốn cầu giải thoát, nhưng lại không nhớ nghĩ tụng niệm, lại chú trọng phơi bày các điều xấu, ngày đêm chỉ lo trang điểm tắm thân cho đẹp, cho thơm. Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Bấy giờ có một thầy tướng chiêm tinh nói với vua Bình-sa rằng:

- Thiên văn cho biết, sắp có một ngôi sao bất tường xuất hiện. Nhà vua nên tắm nơi con suối đó để tránh tai ương. Nếu vua không tắm có thể dẫn đến mất nước, hoặc mệnh hệ của vua gặp nhiều ưu lo phiền muộn.

Nghe thế, nhà vua liền ra lệnh các quan tả hữu xem xét, định liệu con suối ấy thật an ninh.

Các quan tả hữu đích thân đến con suối đó thì thấy các Tỳ-kheo tắm đầy trong suối. Quay trở về, các quan tâu lên vua sự việc như vậy. Vua bảo:

- Hãy chờ các Tỳ-kheo tắm xong.

Suốt cả ngày hôm ấy, các quan cứ thăm chừng, nhưng lúc nào cũng thấy các Tỳ-kheo thay nhau tắm trong suối này. Thầy tướng Bà-la-môn kia sốt ruột, lại tâu lên vua:

- Hung tin sắp xuất hiện. Nếu sao xấu kia xuất hiện trước khi vua tắm thì mọi việc chẳng còn có ích lợi gì cả!

Nhà vua nghe thế liền ra lệnh đưa xa giá đến để hầu vua ra suối tắm. Không câu nệ, vua liền xuống tắm trong dòng nước suối mát rượi...

Các quan thấy vậy rất cơ hiềm, nói:

- Sa-môn Thích tử không biết điều, không biết lúc, không biết thể thống, không siêng năng tu tập, không niệm thể trược của thân, chỉ lo tắm rửa, trang điểm thân thể. Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Từ hai sự việc trên, đức Phật chế giới quy định nửa tháng Tỳ-kheo tắm một lần, trừ các nhân duyên sau: khi bệnh (ghê), khi làm việc, khi đi đường, khi mưa gió, khi nóng bức thì được tắm.

---o0o---

PHẢI ĐẤU HIỆP PHỤ (?)

Chuyện rất thường tình, rất trẻ con đầu phải không xảy ra trong Tăng. Chuyện sau đây xảy ra lúc đức Phật lưu ngụ tại thành Xá-vệ:

Lúc bấy giờ, Bạt-nan-đà là thầy của Đạt-ma, hai thầy trò như có mối duyên nợ tương khắc nhưng không thể tách rời được. Ngày ấy, Bạt-nan-đà nghĩ ngợi: “Tỳ-kheo Đạt-ma hứa với ta cùng đi, nhưng bao giờ cũng không trung thực, đến nỗi phải vận dụng kế hờ của nhau để “chơi” nhau. Ta đã dùng Vô căn(không chứng cứ) Tăng-già-bà-thi-sa để hủy báng Đạt-ma, nhưng không gây tổn hại được. Nay ta dùng cách khác để trị nó mới xong”. Bạt-nan-đà trong tư cách là thầy đến bảo Đạt-ma:

- Ông là đệ tử của tôi, tôi là thầy của ông. Trước đây ông “quậy” tôi, tôi cũng “quậy” ông. Tỷ số xem ra huề nhau. Bây giờ thôi đừng hiềm khích chi nữa. Hãy sống nếp sống tương kính như trước kia, ông cùng tôi, hai thầy trò đến đến các gia đình thân quen để nhận được thức ăn ngon lành.

Nghe thầy nói êm quá, Đạt-ma liền hòa giải, đi theo thầy. Bạt-nan-đà như đặc ý, đưa đệ tử đến nơi không có thức ăn, nếu có ai đến mời, Bạt-nan-đà nháy mắt ra dấu cho họ không mời, bỏ đi. Bạt-nan-đà tính toán thế nào để Đạt-ma về chùa thì đã trễ giờ ăn. Đạt-ma rơi vào “mê hồn trận” mà không hay. Đến thời điểm gần quá ngọ, Bạt-nan-đà nhỏ nhẹ nói với đệ tử rằng:

- Nay nơi này không có thức ăn, ông nên về lại chùa để kịp ăn.

Đạt-ma vừa đi khỏi thì Bạt-nan-đà đi nhanh đến nhà đã mời ăn, ăn những thứ béo bở, ngon lành. Khi Đạt-ma về đến chùa thì đã “phi thời”, đành phải nhịn đói.

Bạt-nan-đà ăn xong, về chùa, hỏi Đạt-ma:

- Ông về có kịp giờ ăn không?

- Không. - Đạt-ma đáp lời.

Bạt-nan-đà an ủi, bảo:

- Nay ông mất một bữa ăn, ngày mai ta sẽ bù lại, cho ông ăn một bữa cực kỳ thịnh soạn.

Sáng ngày mai, Bạt-nan-đà cũng đến trước Đạt-ma, đạo diễn đúng kịch bản ngày trước. Đạt-ma diễn xong cũng bị nhin đói. Ngày thứ ba, gần cuối kịch bản, Bạt-nan-đà đổi lại lời như vậy:

- Hai ngày qua, tôi đưa ông đến những chỗ đó, đều là những nơi thường nhận được thức ăn ngon bổ, nhưng lại không nhận được. Có lẽ do ông bị “kẻ bề trên” quở trách, hay thiên thần giận, trù dập, hoặc do chính tội nghiệp của ông nên mới xuôi quấy như vậy, ông đừng oán tôi. Giờ thì ông có thể mau về chùa để kịp giờ ăn.

Đạt-ma vội trở về chùa, nhưng đã “phi thời” rồi. Bị đói ba ngày liên tiếp Đạt-ma mệt, choáng váng cả người, suy yếu rõ, không đứng dậy nổi. Bạt-nan-đà ăn xong no đủ, về chùa, đến hỏi Đạt-ma:

- Ông về có kịp giờ ăn không?

-Không kịp. - Đạt-ma đáp lời.

Bạt Nan Đa diễn nốt kịch bản của mình:

- Ông nhiều phen dối trá với thầy, nên phải bị trừng phạt như vậy. Sau này, nếu ông còn cái thói đó thì sẽ bị nặng hơn.

Khi ấy, Đạt-ma mới vỡ lẽ, tức giận la lớn lên:

- Tại sao Tỳ-kheo làm việc lừa đảo, khi dối, khiến tôi ba ngày nhin đói gần chết...

Hiệp phụ Bạt-nan-đà thắng, nhưng Bạt-nan-đà bị nghiêm khắc quở trách trước Tăng. Đức Phật chế giới cấm Tỳ-kheo có hành động làm náo loạn người khác.

---o0o---

HOẠI SẮC Y MỚI

Lúc bấy giờ đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ. Tỳ-kheo khắp nơi thường kéo về đây để hầu thăm Ngài. Có số đông Tỳ-kheo cùng người đi đến nước Câu-tát-la. Trên đường gặp giặc cướp, cướp đoạt hết y bát của Tỳ-kheo. Sau đó, đoàn người đến trạm canh ở biên giới, lính biên phòng hỏi:

- Các Đại đức gặp giặc cướp ở địa điểm nào?
- Ở địa điểm đó..., cũng không xa đây là bao. - Tỳ-kheo trả lời.

Lính biên phòng cùng thảo luận với nhau:

- Nếu nhà vua nghe các Tỳ-kheo bị cướp y bát trong địa bàn của ta, chắc chắn sẽ bị tội. Phải tìm cách thu lại.

Lính liền nói với Tỳ-kheo:

Đại đức nán ở lại đây, chúng tôi truy tầm bọn giặc lấy lại y bát cho quý thầy.

Lính biên phòng truy nã, bắt được giặc và thu lại toàn bộ những gì chúng cướp của người đi đường. Tất cả để chung một đồng.

Sau khi bàn luận, biết vua tin kính Phật pháp, và vì muốn làm vừa lòng vua nên thống nhất ưu tiên cho Tỳ-kheo nhận lại y bát trước người khác. Kể thừa hành thưa:

- Quý thầy đến nhận y bát của mình trước đi.

Trước một đồng y, các Tỳ-kheo phân vân không biết chắc y nào là của mình để nhận lại cho đúng. Cái nào cũng giống cái nào, do đó, Tỳ-kheo đành không dám nhận lại y. Lính biên phòng hỏi:

- Tại sao không nhận gấp lên?
- Tôi không nhớ rõ đích xác y của tôi, nên tôi không dám nhận làm. - Các Tỳ-kheo đáp.
- Cố nhớ lại mà nhận lấy mau. - Lính thúc giục.

Ngay lúc đó, các ngoại đạo chen vào lấy tất cả y tốt của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo đành lấy y xấu của ngoại đạo bỏ lại. Lính biên phòng rất biết Tỳ-kheo thường mặc y tốt, nay thì Tỳ-kheo nhận lại toàn y xấu cả nên nói:

- Các thầy là Sa-môn mà chẳng có cái gì đặc biệt cả. Tướng dạng cái y của mình mà còn không biết, thì làm sao biết được cái tâm mình?! Nếu các thầy biết tướng mạo y của mình thì ngoại đạo đâu có lý do lấy được y tốt của các thầy.

Đến Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo hầu thăm đức Phật. Nhân đó trình bày lại sự việc kia. Trước Tăng, đức Phật chế giới: “Tỳ-kheo nào nhận được y mới nên dùng ba loại màu sắc để làm dấu, là màu xanh, màu đen, hoặc màu mộc lan¹⁶⁸. Nếu không dùng ba màu đó để làm dấu thì phạm Ba-dật-đề”.

---o0o---

DUYÊN NỢ NHAU

Lúc bảy giờ, đức Phật đang lưu trú tại Kỳ-hoàn, thành Xá-vệ. Ở đây, Thập thất quần Tỳ-kheo bỏ y bát lung tung, không thu dọn ngăn nắp. Tỳ-kheo Lục quần lấy giấu. Khi biết mất, lại đi kiếm tìm, hỏi Lục quần Tỳ-kheo:

- Y bát của con hình dáng như thế, như thế... con để chỗ này, con để chỗ kia... Quý thầy có thấy ai lấy đi không?

- Nơi đây kẻ tới người lui, biết ai lấy mà hỏi. - Lục quần Tỳ-kheo trả lời như thế.

- Người vừa mới đến đây, quý thầy có thấy họ đi về hướng nào không? - Thập thất quần hỏi.

- Họ đi bốn phương, biết đâu mà chỉ. - Lục quần trả lời.

Nghe thế, Thập thất quần tỏa ra bốn hướng, đuổi kịp người mới đến, rồi hỏi:

- Tôi mất y bát, ông đựng kim, các người nên trả lại cho chúng tôi.

- Thừa Đại đức, tôi đến vì chánh pháp chứ đâu đến để ăn trộm! - Các Cư sĩ trả lời.

Nghe câu trả lời hóc búa ấy, Thập thất quần xấu hổ, lui thủi quay về.

Lục quần Tỳ-kheo hỏi:

- Các ông có tìm gặp được không?

- Có gặp. - Thập thất quần trả lời.

- Có nhận lại được y không? - Lục quần hỏi.

- Không nhận được. - Thập thất quần trả lời.

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo đem y bát, tư cụ ra nói:

- Y bát này có phải của các ông không?

- Thưa, phải vậy. - Thập thất quần trả lời và nhận y vật.

Việc này cả hai đều bị quả trách giữa Tăng. Đức Phật kiết giới cấm giấu y vật của nhau, trừ việc cất giữ có ý thức bảo tồn.

---o0o---

KHÔNG CÔNG BẰNG

Khi đức Thế Tôn lưu trú tại thành Xá-vệ, lúc bấy giờ các Tỳ-kheo đã đủ ba y, nhưng sau đó có Phật tử cúng một chiếc y, nên Tăng cùng nhau đưa ra đề nghị:

- Y này nên cúng cho ai?

- Trước hết, nên dâng cúng đức Thế Tôn. - Ý kiến của một vị.

- Nên cúng cho Đại Ca-diếp, vì Đại Ca-diếp thường được Thế Tôn khen ngợi, hơn nữa ngài là bậc Thượng tọa của chúng ta. - Ý kiến của một vị khác.

- Không được, trước tiên phải cúng cho Cù-già-lê. - Lục quần Tỳ-kheo bảo thế.

Các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch Phật. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Ca-diếp có khi nào cầu được nhiều y không?

- Bạch Thế Tôn, Ca-diếp không cầu. Có cho mới nhận. - Các Tỳ-kheo thưa.

Nhân đây, đức Phật nói kệ:

Y này, y vô dục
Không cho người tham được
Người không điều phục ý
Không nên mặc cà-sa.
Người đã lìa tham dục
Thường một lòng nghĩ giới
Người điều tâm như vậy
Mới nhận mặc y này.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo nên đem y này cúng cho Ca-diếp.

Trước sự việc như thế, Lục quần Tỳ-kheo xuyên tạc ngay:

- Các Tỳ-kheo đem y vật của Tăng cho người quen thân, yêu ai thì cho người ấy, không công bằng.

Tỳ-kheo Lục quần được đưa ra trước Tăng, họ thú nhận tội phát ngôn thiếu trách nhiệm. Đức Phật quở trách và kết giới về vấn đề này.

---o0o---

TỊNH THÍ LÀ MỘT CÁCH SỐNG CỦA NGƯỜI TU

Bị mắc lừa nên Đạt-ma hậm hực nghĩ: “Bạt-nan-đà trước đây đoạt y của ta, đức Phật quở trách rồi vì các Tỳ-kheo kết giới. Ta nói ông ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa hủy báng ta và dối gạt tìm cách dứt phần ăn của ta đến ba ngày. Ta nên bằng cách nào trả mối hận này?!” Đạt-ma lại nghĩ: “ Ông ấy vừa rồi có đối với ta tác tịnh thí¹⁶⁹y, ta không hoàn lại chiếc y ấy, đủ để trả cái mối nhục kia”. Đạt-ma bỗng như đắc ý về việc này. Sau đó, Bạt-nan-đà đến đòi lại y, Đạt-ma nói:

- Trước đây, thầy bố thí rồi, sao nay đòi lại?!

- Ta tác tịnh thí, chứ nào bố thí?

Biết là vậy, nhưng Đạt-ma vẫn không hoàn lại y cho thầy. Bạt-nan-đà cưỡng bức đoạt lại. Đạt-ma bèn la lớn. Các trưởng lão nghe ồn ào, đến hỏi:

- Chuyện gì mà la to vậy?

- Bạt-nan-đà cưỡng đoạt y của con.

Các trưởng lão quở trách Bạt-nan-đà:

- Tại sao tác tịnh thí cho người không đáng tin cậy, để rồi phải rầy rà đoạt lại?

Lại quở trách Đạt-ma:

- Người ta làm phép tịnh thí y, chứ nào bỏ thí mà ông không hoàn lại, là sao?

Sau đó, sự việc đưa ra trước Tăng. Đức Phật lại quở trách và bảo các Tỳ-kheo:

Không nên tịnh thí cho năm hạng người sau đây: Một là hạng người không quen biết. Hai là hạng người kém hiểu biết. Ba là hạng người không thân cận, gần gũi. Bốn là hạng người không thân hữu hay đồng sự. Năm là loại người hay thay đổi.

Lại có hai pháp không nên tịnh thí: Một là không thể khen ngợi người khác. Hai là không thể làm cho người ta có được tiếng tốt.

Lại có hai hạng người không thể tịnh thí: Một là hạng người không thể vì người, nhận lấy trọng vật tịnh thí rồi bảo vệ như chính của mình. Hai là hạng người có trọng vật không thể tịnh thí cho ai sử dụng và không hề ân hận.

Lại có hai pháp không nên tịnh thí: Một là hạng người không biết họ còn sống hay không. Hai là hạng người không biết rõ họ còn tu hay không.

Từ lời dạy này, một vấn đề được Tỳ-kheo đặt ra là: liệu đức Phật có cho phép chúng ta tịnh thí cho cha mẹ, anh em, chị em?

Việc này được các Tỳ-kheo bạch Phật, Ngài dạy:

- Không nên tịnh thí cho bạch y, nên tịnh thí cho năm chúng.

Đức Phật lại chỉ bày cách tịnh thí có phép tắc để việc tịnh thí không rơi vào sự lạm dụng của lòng tham. Trong đời sống phạm hạnh, việc tịnh thí là một cách sống rất tế nhị, đầy trân trọng.

Đức Phật kiết giới này tại thành Xá-vệ.

---o0o---

LÀM KHỔ CHÚNG TĂNG

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại tinh xá Trúc Lâm, Ca-lan-đà, thành Vương-xá. Trong thành có một thí chủ rất quen thân với Tỳ-kheo Bạt-nan-đà. Tỳ-kheo này thường nhận sự cúng dường của gia đình thí chủ này. Ngày nọ, người gia chủ thỉnh Tăng cúng dường. Sáng sớm hôm ấy, Bạt-nan-đà đắp y, bung bát vào thành, rảo khắp các gia đình chuyện vãn... Đến giờ, được cung thỉnh, các Tỳ-kheo mặc y, bung bát đến nhà gia chủ ấy. Dù đã đến giờ thọ thực nhưng Tăng chúng vẫn cứ ngồi chờ. Có vị nói với người chủ:

- Giờ ngọ đã gần qua, sao không mời Tăng thọ thực?

Người chủ thưa:

- Tôi vì Bạt-nan-đà nên thỉnh Tăng, vậy phải chờ vị ấy đến rồi mới thỉnh thọ thực được.

Khi Bạt-nan-đà đến thì đã gần quá ngọ. Các Tỳ-kheo có vị ăn được, có vị chỉ ăn một ít, có vị không ăn. Do đó, người gia chủ cơ hiềm, chỉ trích Bạt-nan-đà:

- Sa-môn Thích tử có chuyện gì gấp đâu! Tại sao đã nhận lời mời của tôi, lại đi đến nhà khác, gần sát giờ ngọ mới đến, khiến cho các Tỳ-kheo không ăn kịp những thức ăn do tôi cúng dường. Các thức ăn chúng tôi làm nhiều, nay thành vô dụng.

Trước vấn đề này, các Tỳ-kheo dùng lời khác nhau quở trách Bạt-nan-đà:

- Thầy không đem lại lợi ích cho Phật pháp nên mới gây khổ não cho chúng Tăng như vậy.

Sau đó, các Tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật quở trách Bạt-nan-đà và chế giới ngăn chặn hành động không phải pháp này.

Về sau có nhiều việc xảy ra liên hệ đến giới này, dẫn đến đức Phật chế giới bổ sung hoàn chỉnh.

---o0o---

KHÔNG NÊN LA CÀ

Bấy giờ đức Phật cùng đại chúng đầy đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo - ở một trú xứ rừng chân - các Tỳ-kheo có vị nhận được phòng để ngủ, có vị ngủ dưới gốc cây, có vị nằm nơi đất trống...

Ngày ấy, trời vừa sáng, Lục quân Tỳ-kheo đã mặc y, bung bát đi vào các đường hẻm, cùng các bạch y chuyện vãn liên tục, không lĩnh vực nào Lục quân chịu thua. Cứ thế kéo dài đến chiều tối. Trước sự la cà này, người đi đường cơ hiềm, chỉ trích thẳng thừng rằng:

- Chỗ này không phải là chỗ của người xuất gia nói chuyện. Tại sao không ở nơi A-lan-nhã mà thủ nhiếp các căn?

Hoặc có người nói:

- Những vị này không có yêu mến Phật pháp, không kính giới luật, được nơi nói chuyện vui đùa là quên cả thời gian.

Nhân việc này đức Phật chế giới:

- Tỳ-kheo nào vào tụ lạc phi thời phạm Ba-dật-dề.

Ngoại trừ nhân duyên khi có nạn, đi quá tụ lạc, hoặc chiều tối cần nghỉ đêm, hay có 8 nạn khởi, đều không phạm¹⁷⁰.

--- o0o ---

PHẦN 06

PHÁP HỐI QUÁ¹⁷¹

Trong thành Xá-vệ, lúc bấy giờ có Ưu-bà-di tên là Hòa-già-la-mẫu rất yêu mến, kính trọng Phật pháp, thường cúng dường Sa-môn, được nhiều

người ca tụng. Về sau, bà xuất gia sống thiếu dục, tri túc nhưng vẫn coi sự cúng dường làm đầu. Ngày ấy, trên đường khát thực về, gặp một Tỳ-kheo, bà hỏi:

- Thầy đi đâu vậy?

- Đi khát thực. - Tỳ-kheo đáp.

- Thầy có thể nhận thức ăn này của con không? - Bà thưa.

- Có thể nhận. - Tỳ-kheo đáp.

Bà liền dâng cúng. Sau đó lại đến một gia đình khát thực.

Có hai Tỳ-kheo trao đổi với nhau:

- Tỳ-kheo ni Hòa-già-la-mẫu ¹⁷² có khả năng nhận được thức ăn, nên đến đó nhận.

Quả thật, Tỳ-kheo ni này khát thực được bao nhiêu đều cúng dường hết cho các Tỳ-kheo nào đến chỗ bà “khát thực”. Khát thực lần chót trong buổi sáng mang về, lại gặp một Tỳ-kheo. Tỳ-kheo ni Hòa-già-la-mẫu cũng hỏi như các lần trước và cũng trao cúng nốt.

Quay về lại trú xứ với bát rỗng không. Tỳ-kheo ni đành nhịn đói.

Các Tỳ-kheo sau khi ăn xong, tập hợp lại bàn thảo với nhau:

- Tỳ-kheo ni ấy may mắn, có thể nhận được nhiều thức ăn, hằng ngày cứ đi theo cô ni này là được.

Sáng ngày hôm sau, Tỳ-kheo ni vào tụ lạc khát thực, được bao nhiêu thức ăn đều cúng hết cho các Tỳ-kheo theo bước mình. Ngày thứ hai, cô ni lại nhịn đói. Ngày thứ ba tình huống cũng giống như hai ngày trước.

Sáng ngày thứ tư vẫn đi khát thực, Tỳ-kheo ni ở trong tình trạng hoa mắt, vội tránh chiếc xe ngựa chở Trưởng giả nên lão đảo té nhào.

Trước đó vua Ba-tư-nặc có ban lệnh: “Trong nước, ai khinh mạn Sa-môn Thích tử sẽ trị tội nặng”. Trưởng giả nhìn thấy Tỳ-kheo ni ngã nhào, liền xuống xe đỡ Tỳ-kheo ni lên, xin lỗi:

- Xe tôi đâu có đụng vào cô, sao cô lại té như vậy?

Cô ni thều thào nói:

- Thật sự xe ông không đụng vào tôi, song vì tôi bị đói nên xỉu té.

- Cô khát thực không được hay sao? - Trưởng giả hỏi.

- Thức ăn tôi khát thực được đều đem cúng hết cho các Tỳ-kheo, nên đưa đến tình trạng xấu này. - Cô ni bảo thế.

- Xin cô nhận thức ăn của tôi đây cũng được.

Trưởng giả dâng cúng, cô ni im lặng thuận nhận. Nhận rồi, lại cũng đem cúng cho các Tỳ-kheo.

Khi ông Trưởng giả xuống xe, dân chúng vây quanh rất đông và biết sự việc trên, họ rất cơ hiểm: “Tuy Tỳ-kheo ni này dâng cúng hết lòng, không so tính, nhưng người thọ nhận phải biết suy nghĩ chứ! Bọn người này thường nói thiếu đức, tri túc nhưng lại tham lam, nhận thức ăn của người đồng đạo cúng dường khiến cho cô ni phải khốn đốn thế này!”.

Lời oán trách này đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo, bằng cách vạch rõ các sai lầm cho các Tỳ-kheo đương sự thấy, sau đó bạch lên Phật. Trước Tăng, sau khi quở trách, Phật dạy:

- Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Từ nay, giới này được nói như sau: “Tỳ-kheo nào đến Tỳ-kheo ni nhận thức ăn thì Tỳ-kheo ấy nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lên lời hối tội: Tôi bị phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lên lời ăn năn.” Như vậy gọi là pháp hối quá.

Giới này về sau tùy khai, cho phép Tỳ-kheo nhận thức ăn của Tỳ-kheo ni bà con, và Tỳ-kheo bệnh được nhận thức ăn của Tỳ-kheo ni không phải thân tộc.

---o0o---

YẾT-MA HỌC GIA

Lúc bấy giờ, đức Phật ở tại nước Câu-xá-di, chuyện xảy ra như sau:

Trưởng giả Cù-sư-la có lòng tin kính Phật pháp sâu đậm, nhận thức được pháp và đắc quả, thường cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Sau một thời gian dài, kinh tế Cù-sư-la suy sụp, dẫn đến phá sản kiệt quệ. Bà con quen biết gia đình Trưởng giả đều mang thức ăn đến cứu đói. Dù vậy, các Tỳ-kheo vẫn đến nhà ông ta lấy thức ăn đầy bát mang đi. Người trong gia đình Cù-sư-la không chịu nổi sự đói khổ. Kẻ láng giềng thấy vậy, đều cơ hiềm rằng: “Người bố thí tuy không nhằm chán, nhưng kẻ thọ nhận phải biết thế nào là đủ chứ! Tại sao vì miếng ăn mà làm tổn hại đến gia đình người ta?! Tài sản của họ khánh tận, chúng ta mang thức ăn đến cứu giúp họ, có sao Tỳ-kheo vẫn đến cắt xén phần ăn của người ta?! Không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn”.

Lời chỉ trích này đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo, các vị quả trách, rồi bạch Phật. Trước Tăng, Ngài dạy:

- Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo vì Trưởng giả Cù-sư-la tác pháp Học gia¹⁷³ bằng bạch nhị Yết-ma, không cho phép một Tỳ-kheo nào đến nhà Trưởng giả ấy. Nên sai một Tỳ-kheo xưng lên giữa Tăng:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Trưởng giả Cù-sư-la này, do các Tỳ-kheo thường lui tới nhà ông ta nhận các thức ăn đầy bát mang về, không lưu lại cho chủ, đến nỗi gia đình này tài vật dẫn đến khánh kiệt. Nay tác pháp Học gia Yết-ma, không cho phép bất cứ Tỳ-kheo nào đến nhà ấy. Nếu Yết-ma này là thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận thì đây là lời thưa”.

Lại Yết-ma chung quyết:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Trưởng giả Cù-sư-la này do các Tỳ-kheo thường lui tới nhà ông ta nhận thức ăn đầy bát mang về, không lưu lại cho chủ, đến nỗi gia đình Trưởng giả tài vật dẫn đến khánh kiệt. Nay tác pháp Học gia Yết-ma, không cho phép bất cứ Tỳ-kheo nào đến nhà ông ta. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không chấp thuận thì xin nói... Tăng đã đồng ý tác pháp Học gia cho Trưởng giả Cù-sư-la rồi. Vì Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy phải nghiêm chỉnh thi hành đúng như vậy”.

Để tránh trường hợp như đã xảy ra, các Tỳ-kheo lại tác pháp Yết-ma Học gia cho các nhà khác, rồi bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không cho phép tác pháp Yết-ma Học gia cho các nhà khác một cách bừa bãi. Nếu vợ là Thánh nơn, chồng là phạm phu; hay vợ là phạm phu,

chồng là Thánh non đều không nên tác pháp Yết-ma Học gia. Trường hợp cả vợ lẫn chồng đều là bậc Thánh, không còn tâm bòn sẻn, mà tài vật khánh tận thì mới tác pháp Học gia Yết-ma.

Sau đó, Trưởng giả Cù-sur-la rất ngạc nhiên không thấy một vị Tỳ-kheo nào đến nhà mình nữa, nên ông đến Tăng phòng thưa với các Tỳ-kheo:

- Tôi quy ngưỡng ba ngôi báu, chứ đâu có cầu mong phước điền nào khác. Xin các Đại đức hoan hỷ lui tới nhà con để con được học hỏi.

Lời yêu cầu này được các Tỳ-kheo bạch lên Phật. Phật cho phép đến. Các Tỳ-kheo đến thăm nhưng từ chối không nhận thức ăn cúng dường của Cù-sur-la. Sau đó, các Tỳ-kheo bạch lên Phật lời thỉnh mời của Cù-sur-la xin cúng thức ăn cho Tăng. Đức Phật lại cho phép Tỳ-kheo đến thăm và nhận thức ăn chỉ một phần ba bình bát.

Tuy sự cúng dường lần này có mức độ, song vì do Tăng đến thăm đông nên gia đình Trưởng giả kiệt quệ nặng hơn trước.

Khi sự việc này trình lên Phật, và trước Tăng Ngài kiết pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni như vậy:

- Có các Học gia, Tăng đã tác pháp Yết-ma Học gia; nếu Tỳ-kheo nào nhận thức ăn nơi các Học gia đó thì nên đến các Tỳ-kheo khác nói lên lời hối tội rằng: “Tôi bị phạm vào phép đáng quả trách. Nay đến các Đại đức nói lời ăn năn”. Như vậy gọi là pháp Hối quá.

Giới này sau đó tuy khai, cho phép Tỳ-kheo bệnh nhận không phạm, cũng như một vài trường hợp tế nhị khác.

Đức Phật còn dạy các Tỳ-kheo tìm phương tiện giúp đỡ những gia đình Học gia bị khánh tận, cụ thể như: Tăng có ruộng vườn nên cho họ quản lý để họ nhờ phần thặng dư. Nếu không có ruộng vườn, khi Tăng có món cúng dường nào khác thì khiến Học gia kia làm sứ giả để họ nhờ phẩm vật dôi ra. Nếu phương tiện này vẫn không có thì khi đi khát thực về, nên đến nhà họ ăn, để bớt thức ăn cho họ. Nếu không thể thực hiện được thì nên đem họ về Tăng phòng cung cấp phòng nhà, tọa cụ, theo thứ tự cho họ; thức ăn, nước uống phi thời cũng nên cho họ. Nếu có nhận được vải, nên chia phần cho họ. Đối với các phụ nữ của nhà Học gia, các Tỳ-kheo ni cũng nên liệu lý như vậy.

---o0o---

CẦN PHẢI HỌC¹⁷⁴

* Đức Phật cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo Tăng du hóa tại nước Bà-già¹⁷⁵ Ngày ấy, đại Tăng đến núi Thủ-ma-la¹⁷⁶, trú ngụ trong rừng Khủng Bó¹⁷⁷.

Bấy giờ, thái tử Bồ Đề Vương mới xây xong một giảng đường tại núi này, nhưng chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào ngồi vào trong đó. Thái tử nghe đức Phật đến núi này, trú tại rừng Khủng Bó, bảo Ma-nạp¹⁷⁸ Tát-xà-tử:

- Người nhân danh ta đến thăm hỏi đức Thế Tôn, xem Ngài có được khỏe, ít buồn phiền, đi đứng có được nhẹ nhàng không? Và thưa: Ta đã lập xong một giảng đường tại núi này, chưa có ai ngồi vào trong đó. Cúi xin đức Thế Tôn cùng chúng Tăng đến, trước ghi nhận giảng đường này, sau tại đây xin được cúng dường một bữa cơm đạm bạc, nhằm cho ta được an ổn lâu dài. Đức Phật dạy thế nào, ta trân trọng làm theo thế ấy. Người đến bạch Phật như vậy rồi trở về gấp báo cáo với ta kết quả.

Ma-nạp đi đến chỗ Phật đầu mặt đánh lễ sát chân Ngài rồi đứng lui qua một bên, thưa đầy đủ lời mời thỉnh của thái tử. Đức Phật im lặng nhận lời. Ma-nạp Tát-xà-tử vội lui về.

Suốt đêm hôm ấy, thái tử cho sắm sửa nhiều thức ăn ngon bổ. Sáng ra, thái tử tự tay đưa các thức ăn đến giảng đường. Bên trong và bên ngoài giảng đường đều trải vải nhiều màu sắc. Đến giờ, thái tử đến thỉnh Phật và Tăng quang lâm giảng đường. Đức Phật cùng với năm trăm Tỳ-kheo, kẻ trước người sau bao quanh đức Phật, đến giảng đường đứng trên các bậc cấp của lối đi. Thái tử để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chầm sát đất, chấp tay bạch Phật:

- Kính thỉnh đức Thế Tôn bước lên giảng đường sơ sài này để con được thọ nhận sự an lạc lâu dài.

Đức Phật không nhận lời bước lên, cho đến ba lần thỉnh. Ngay sau lần thỉnh cuối, đức Phật xoay người nhìn thẳng Tôn giả A-nan. Tôn giả liền hiểu được ý nghĩa của Phật nên nói với thái tử:

- Nên cho cuốn thảm vải nhiều màu này, đức Phật không bước lên trên thảm, vì lòng thương đối với đời sau.

Thái tử liền ra lệnh cuốn thảm, rồi như trước thỉnh Phật. Nhận lời, đức Phật và chúng Tăng đều bước lên giảng đường và an tọa vào chỗ ngồi đã được sắp xếp đâu vào đó. Thái tử tận tay dâng cúng thức ăn. Các Tỳ-kheo lấy một ngón tay, hoặc hai ngón tay nắm bình bát đưa ra nhận thức ăn. Cử chỉ này làm bát bị rơi, thức ăn đổ xuống nhóp cả nền nhà bằng thủy tinh. Các Cư sĩ thấy vậy, cơ hiềm nói:

- Các Tỳ-kheo này láu táu giống như những người đóng trò cười, đùa giỡn.

Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dùng nhiều nhân duyên quả trách rồi Ngài chế giới: “Khi nhận thức ăn, Tỳ-kheo phải hết sức chú tâm. Đây là oai nghi cần phải học”.

* Trong việc ăn uống, đâu phải Tỳ-kheo nào cũng có ý tứ. Hơn nữa, đâu phải việc khởi đầu nào cũng đều hoàn chỉnh cả? Cho nên việc xảy ra là một bài học cần phải học.

Bữa ăn nọ có các Tỳ-kheo ngậm thức ăn không nuốt, đến nỗi thức ăn núng ra, phồng lên hai bên má. Các Cư sĩ thấy vậy, cơ hiềm nói:

- Các Tỳ-kheo ăn như khi.

Lại có các Tỳ-kheo duỗi dài cánh tay lấy thức ăn, liền bị Cư sĩ nói mỉa:

- Các Tỳ-kheo thò tay lấy thức ăn như con voi lấy vòi cuốn thức ăn.

Lại có Tỳ-kheo chần tay¹⁷⁹ mà ăn. Các Cư sĩ bảo:

- Các Tỳ-kheo này ăn giống con voi rảy cái vòi.

Lại có Tỳ-kheo ăn bằng cách nuốt trộng thức ăn. Lại vò lộn com quăng vào miệng. Cư sĩ lẩm lời phê phán mỉa mai tư cách ăn của Tỳ-kheo.

Đức Phật ngụ ở thành Vương-xá. Các sự việc trên được bạch lên Ngài, trước Tăng Ngài dạy bảo và chế giới:

- Không được ăn để búng má, không được duỗi tay ăn.v.v... Cần phải học.

* Lúc bấy giờ, đức Phật trú ngụ trong thành Vương-xá. Có Tỳ-kheo thuyết pháp mà đối tượng lại là người mang guốc, dép. Các Cư sĩ thấy vậy, cơ hiềm nói:

- Giáo pháp tôn quý, vi diệu đệ nhất, người nghe lại thiếu tôn trọng, mang guốc dép đứng nghe. Ấy vậy mà Tỳ-kheo cũng vì họ nói pháp, rõ ràng khinh mạn quá!

Vì sự chỉ trích này, đức Phật chế giới:

- Không vì người mang guốc dép nói pháp, cần phải học.

Giới này về sau được mở ra, có thể vì người bệnh mang dép nói pháp.

Một điềm tế nhị nữa: Nếu có nhiều người mang guốc, dép, giày... mà không thể bảo họ cởi ra được thì xem người nào đó không mang, nói pháp hướng về họ để nói, người kia nghe thì không phạm giới này.

Có đến 100 pháp cần phải học. Ở đây chỉ dẫn ra vài mẫu chuyện tiêu biểu để thấy sự giáo dục của Phật đi từ thô thiển đến oai nghi vi tế, là một chặng đường dài công phu học tập và rèn luyện.

(Hết phần duyên khởi giới bốn của Tăng)

---o0o---

TRÁI TÁO KHÔ ¹⁸⁰

Lúc bấy giờ, bà Tỳ-xá-khur có người con rể tên là Lộc Tử. Lộc Tử kính trọng bà Tỳ-xá-khur như kính trọng mẹ đẻ của mình. Người bấy giờ gọi bà Tỳ-xá-khur là Tỳ-xá-khur Lộc Tử Mẫu. Lộc Tử có người cháu tên là Thi-lợi-bạt. Thi-lợi-bạt lại phải lòng Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà.

Ngày ấy, Thi-lợi-bạt thỉnh Tỳ-kheo ni Tăng thọ trai. Tỳ-kheo Thâu-la-nan-đà cáo bệnh không đến dự, ở lại trú xứ coi chùa cùng với một Sa-di nhỏ. Đến giờ thọ trai, Tỳ-kheo ni Tăng đều tập trung về nhà Thi-lợi-bạt. Thi-lợi-bạt tự tay san sóc thức ăn, rồi hỏi:

- Tại sao Thâu-la-nan-đà không đến?

Các Tỳ-kheo ni tham dự thọ trai trả lời:

- Cô ấy bị bệnh, Tăng sai ở lại trú xứ giữ chùa, cho nên không đến dự được.

Thi-lợi-bạt vội sốt com, san thức ăn cho quý sư ni xong, liền đến chùa. Gặp cô ni, Thi-lợi-bạt hỏi:

- Cô bị bệnh thế nào?

- Xương cốt đau nhức rã rời cả! -Thâu-la-nan-đà trả lời.

Thi-lợi-bạt ngỡ ý muốn đấm bóp cho cô ta. Ni Thâu-la-nan-đà liền bảo:

- Cho phép ông đấm bóp toàn thân thể, nhưng không được hành dục.

Đấm bóp xong, Thi-lợi-bạt hỏi:

- Cô cần dùng thứ gì?

- Tôi cần táo khô. -Cô ni trả lời.

Thi-lợi-bạt liền đi mua táo khô đem về. Cô ni cầm trái táo, hỏi:

- Ông thấy trái táo khô này không?

- Vâng, tôi có thấy. - Thi-lợi-bạt trả lời.

Tỳ-kheo ni nói:

- Người nào cái tâm bị ràng buộc nơi chỗ không thể hành dục được thì tinh thần bị teo tóp lại như trái táo khô này vậy.

Qua ví dụ này, khiến cho hai người như hiểu ra và bằng nhiều cách hai thân tiếp cận, cọ xát lên nhau, rồi Thi-lợi-bạt ra về.

Các Tỳ-kheo ni thọ trai xong, trở về. Khi đến cổng thấy phía xa kia Thi-lợi-bạt đi ra. Các Tỳ-kheo ni sanh nghi, hỏi Thâu-la-nan-đà:

- Không lẽ cô phá phạm hạnh sao?

- Tôi không phá phạm hạnh, chỉ cùng với người nam hai thân xúc chạm nhau thôi.

Sa-di nhỏ kia cũng nói đúng như vậy.

Việc này được các Tỳ-kheo ni bạch lên đức Phật. Trước Tăng, Thâu-la-nan-đa thú tội. Đức Phật quả trách nặng nề và Ngài kiết giới cấm ngặt cách hành sự như thế. Đức Phật chế giới này tại thành Xá-vệ.

Phạm giới này là một trong tám pháp Ba-la-di, Tỳ-kheo ni bị đuổi ra khỏi Tăng chúng.

---o0o---

MỘT TRỌNG TỘI

Chuyện sau xảy ra lúc đức Phật lưu trú tại thành Xá-vệ.

Tỳ-kheo ni Tu-huru-ma và Tỳ-kheo ni Bà-phả kết thân với nhau và cũng biết về nhau quá rõ. Sau đó, Tỳ-kheo ni Bà-phả qua đời, Tỳ-kheo ni Tu-huru-ma buồn rầu, khóc lóc. Các Tỳ-kheo ni nói:

- Cô đừng khóc thảm thiết như vậy, tất cả pháp hữu vi đều phải tiêu hoại. Như đức Phật đã dạy: ái ân biệt ly, chứ đâu tồn tại mãi! Các pháp hữu vi mà không hư hoại, không tan rã là điều không thể có.

Tỳ-kheo ni Tu-huru-ma nói:

- Không phải tôi vì cô ấy mà khóc, khóc là bởi lúc sanh tiền cô ta không tu phạm hạnh.

- Tại sao cô biết? -Các Tỳ-kheo ni hỏi.

- Vì cô ta cùng đi với tôi, chính tôi thấy cô ta làm việc dâm dục với nam tử. -Tu-huru-ma bộc lộ như thế.

Các Tỳ-kheo ni quả trách rằng:

- Tại sao lúc cô ấy còn sống lại che giấu tội của cô ta. Bây giờ cô ấy chết rồi, cô lại đem chuyện ấy nói ra để thú tội sao?

Các Trưởng lão Tỳ-kheo ni bằng mọi cách nghiêm khắc quả trách, rồi bạch lên Phật.

Trước hai bộ Tăng, đức Phật kiết giới như sau:

- Tỳ-kheo ni nào thấy Tỳ-kheo ni phạm tội Ba-la-di mà che giấu. Tỳ-kheo ni kia sau đó còn sống hay đã chết, hoặc đi xa, hay bị tẩn xuất, hoặc thôi tu, hay thay đổi giới tính, khi ấy mới nói: “Trước đây chính tôi thấy cô ni kia phạm tội Ba-la-di”. Tỳ-kheo ni nào như vậy, phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

---o0o---

HẮC-LY-XA¹⁸¹

Bấy giờ trong dòng họ Thích, người ta lập quy ước: “Chúng ta không kết hôn với người thứ dân. Nếu ai vi phạm sẽ bị trọng tội”.

Đằng sau quy chế ấy, có người đàn bà tên là Hắc-ly-xa chết chồng. Ông em chồng muốn lấy chị dâu làm vợ, góa phụ Hắc-ly-xa không đồng ý. Ông ta ba lần ngỗ xin đều bị chị chồng từ chối, lại có suy nghĩ: “Chắc cô này có ngoại tình, ta sẽ giết bỏ”. Ông ta giở trò ma mãnh, bảo người chị dâu như vậy:

- Tôi vì anh tôi tổ chức cuộc lễ, chị vì chồng nên đến thấp hương.

Nghe theo lời, bà ta đến. Sau đó, ông em chồng phục rượu cho bà ta uống say mềm, rồi giở trò cưỡng hiếp xong, gây thương tích, đánh cào lên thân thể bà ta. Ngay sau đó, ông ta báo cáo với nhà quan rằng:

- Hắc-ly-xa là vợ tôi. Nay nó tư thông với người ngoài.

Nhà quan liền phát lệnh truy nã bắt bà ta.

Sau khi tỉnh rượu, thấy thân thể chỗ nào cũng bị thương tích, bà ta suy nghĩ: “Ông này âm mưu giết ta”. Bà liền trốn thoát chạy về thành Xá-vệ, đến trú xứ Tỳ-kheo ni, xin xuất gia học đạo.

Nhà quan truy tầm không được nhưng biết phạm nhân đã chạy đến thành Xá-vệ, bèn gửi ngay công hàm đến vua Ba-tư-nặc, với nội dung: “Trong nước tôi có người đàn bà phạm tội đáng chết, trốn thoát vào nước Ngài, xin Ngài giao lại cho nước chúng tôi. Nếu quý quốc có kẻ phạm tội chạy qua nước tôi, tôi cũng cho dẫn độ”.

Nhận công hàm, vua Ba-tư-nặc liền hỏi các quan tả hữu:

- Có người đàn bà như vậy vào nước ta không?

Các quan tâu:

- Có thật, nhưng các Tỳ-kheo ni đã độ cho họ học đạo rồi. Vì nhà vua trước đây có ban lệnh: “Trong nước ta, ai xâm phạm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni sẽ bị trọng tội”. Như vậy, người đàn bà ấy đã xuất gia nên không ai dám hủ nhục.

Nhà vua bèn phúc đáp: “Sự thật có người đàn bà như vậy chạy vào trong nước tôi, nhưng nay đã xuất gia, không nên truy tội. Nếu có trường hợp khác, tôi sẽ cho giao hoàn”.

Dòng họ Thích bèn cơ hiềm nói:

- Người có tội như vậy mà không bắt để trị, nước ta sẽ loạn thôi! Các Tỳ-kheo ni tại sao không biết người nào có thể độ, người nào không thể độ, sao lại độ như vậy?! Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Việc này sau đó được đưa ra hai bộ Tăng. Đức Phật chế giới: “Tỳ-kheo ni nào biết người nữ có tội (người chủ không cho phép) mà độ là phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hồi quá. Trừ người kia trước đã xuất gia”.

---o0o---

KIỆN TỤNG - MỘT BÀI HỌC

Bấy giờ, có một Trưởng giả đem một căn nhà cúng cho Tỳ-kheo Tăng. Sau đó Tỳ-kheo Tăng đòi cho Tỳ-kheo ni để lấy khu rừng An-đà¹⁸². Vào thời gian ấy, Mạt-lợi phu nhân lại đem ngôi vườn của nhà vua cúng cho Tỳ-kheo ni Tăng. Tỳ-kheo ni Tăng gỡ cái nhà cũ kia đem cất nơi vườn của nhà vua. Ngôi nhà cũ trở thành đất trống.

Qua một thời gian, con ông Trưởng giả cúng nhà trước kia nảy ra ý nghĩ: “Xưa kia cha ta cúng cho Tăng, Tăng đem đòi cho ni, nhưng các Tỳ-kheo ni không ở nơi đó, gỡ nhà đi, bỏ đất trống. Ta nên lấy lại để canh tác”. Thế là ông ta thực hiện ngay việc lấy lại đất. Các Tỳ-kheo ni nói:

- Ông đừng lấy đất của Tăng.

Con ông Trưởng giả trả lời:

- Tuy xưa kia cha tôi cúng cho Tăng, Tăng không sử dụng, nên nay thuộc về của tôi.

- Chúng tôi không bỏ miếng đất đó. Nếu ông lấy, tôi kiện, ông bị vua tịch thu thì đừng trách! - Các Tỳ-kheo ni trả lời như thế.

Dù vậy, ông ta vẫn không trả đất lại cho ni.

Chư ni kiện đến quan, quả thật ông ta bị tịch thu tài sản. Các Cư sĩ thấy thế, cơ hiềm chỉ trích:

- Tại sao các Tỳ-kheo ni này lại đến quan kiện tụng, làm cho người ta bị tịch biên tài sản như thế?! Bọn này nhận của người ta cúng dường mà còn đối xử như vậy, huống là đối với người khác. Không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Việc này đến tai các Trưởng lão Tỳ-kheo ni, họ quở trách rồi bạch lên Phật. Trước hai bộ Tăng, sau khi kiểm vấn, đương sự xác nhận sự thật, đức Phật chế cấm Tỳ-kheo ni không được đến quan kiện tụng. Đức Phật chỉ cho việc giải quyết là nhờ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, nhờ cha mẹ, bà con, nhờ cư sĩ.v.v...

---o0o---

DỤ KHỊ

Bấy giờ có một người khách buôn, vợ chết, ông ta có ý nghĩ: “Nên đến đâu để tìm người vợ lý tưởng khác?!”.

Trong hàng Tỳ-kheo ni, Tu-ma là đệ tử của Tỳ-kheo ni Chiên-trà-tu-ma-na, có nhan sắc đẹp tuyệt vời. Người khách buôn chỉ một lần nhìn thấy Tu-ma liền đem lòng say đắm cô ta và nghĩ ngay đến cách chiếm đoạt làm vợ.

Ngày ấy, người khách buôn tìm cách tiếp cận Tu-ma, và khi tiếp cận được, ông ta nhã nhặn nói:

- Nếu cô cần bơ, dầu, mật, đường phèn, bò-xà-ni¹⁸³, khu-xà-ni, xin cứ đến tôi mà nhận.

Cô ni Tu-ma cứ tình thật nghe lời mời, đến nhà người khách buôn để nhận các loại thức ăn này. Sau khi trở thành quen thân gần gũi, ông ta hỏi Tỳ-kheo ni:

- Cô có biết tôi cúng cho cô thức ăn với ý nghĩ thế nào không?

- Ông vì cầu phước nên cho tôi ăn. - Tu-ma trả lời.

- Không phải việc ấy đâu! Vì tôi chết vợ, thấy cô tu hành thanh tịnh nên đem lòng say đắm, yêu mến cô. Cô có thể thỏa mãn được ý muốn của tôi không?

- Không thể được, dứt khoát là không thể được. - Tu-ma trả lời.

- Cô làm vợ tôi, tôi sẽ cho những đồ quý báu, y phục sang trọng đắt giá, ăn uống theo lúc, không bao giờ thiếu thốn!

Cô ni Tu-ma một mực từ chối thẳng thừng. Những người khách buôn khác yểm trợ ông ta, lại đánh ngay vào chỗ yếu của cô ni bằng lời lẽ hiểm:

- Nếu cô không muốn làm vợ người ta, sao cô lại nhận thức ăn tốt của họ? Nếu quả thật cô cứ khăng khăng “không thể được” thì đoạt sạch y, bát của cô bây giờ.

Có người trong bọn họ như thấy nguy, liền bảo đồng bọn:

- Phải giải tán ngay, đừng để người ta nghe. Nếu nhà vua biết được, chắc chúng ta bị trọng tội.

Các Cư sĩ biết chuyện này, rất bất mãn, hiềm hận nói:

- Tại sao Tỳ-kheo ni lại nhận thức ăn của người nam háo sắc tham dâm?! Hạng người này không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn!

Sự việc này, các Trưởng lão Tỳ-kheo ni biết, nghiêm khắc quở trách Tu-ma, sau đó đưa ra giữa hai bộ Tăng. Đức Phật chế giới cấm Tỳ-kheo ni nhận thức ăn của người nam tử có tâm nhiễm trước và hình thức xử trị nếu phạm.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã vì Tỳ-kheo kiết giới: “Tỳ-kheo ác hạnh làm hoen ố nhà người, làm các việc làm không phải hạnh của Tỳ-kheo đối với

xóm làng, và việc xử trị tội này là Tăng-già-bà-thi-sa”. Trước việc làm như vậy, con phải nhận thi hành như thế nào đối với Tỳ-kheo ni?

Đức Phật dạy:

- Cả hai bộ Tăng nên thọ trì. Từ nay giới trên được nói như sau:

“Tỳ-kheo ni nào nương ở nơi xóm làng, lại hành động xấu xa làm hoen ố nhà người. Hành động xấu xa này ai cũng biết, cũng nghe thấy; làm hoen ố nhà người ai cũng biết, cũng nghe thấy. Các Tỳ-kheo ni nói với các Tỳ-kheo ni ấy rằng: “Cô hành động xấu xa, làm hoen ố nhà người, mọi người ai cũng thấy, cũng nghe biết. Cô nên đi ra khỏi chỗ này, không nên ở đây nữa”.

Tỳ-kheo ni kia lại chống chế, nói: “Các cô tùy tiện xử lý việc theo cảm tính thương, ghét, si, sợ. Vì sao vậy? - Bởi lẽ có Tỳ-kheo ni đồng tội như vậy, có người bị đuổi, có người không bị đuổi”.

Các Tỳ-kheo ni nên nói với Tỳ-kheo ni ấy rằng: “Cô đừng nên nói rằng: ‘Các cô tùy tiện xử lý việc theo thương, ghét, si, sợ. Có các Tỳ-kheo ni đồng tội mà người bị đuổi, người không bị đuổi’. Cô hành động xấu xa làm hoen ố nhà người. Hành động xấu xa ai nấy đều thấy, đều nghe biết; làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy, đều nghe biết. Cô nên bỏ lối nói cường điệu ấy đi. Cô nên rời khỏi chỗ này, không nên ở đây nữa”.

Khi can gián như vậy, mà cô ta ngoan cố không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo ni, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hồi quá.

---o0o---

SAO LẮM CHUYỆN THẾ?! ¹⁸⁴

Bấy giờ, Tỳ-xá-khur Mầu phát tâm cúng cho Tỳ-kheo ni Tăng đồ mặc ¹⁸⁵ khi có nguyệt thủy ¹⁸⁶. Bà sai người đến đo kích cỡ để may. Chư ni, ai cũng để cho đo, riêng Thâu-la-nan-đà không cho đo, lại nói với người thừa lệnh rằng:

- Tôi đã ly dục, không còn nguyệt thủy, không cần đồ mặc ấy.

Sau khi may xong, Tỳ-xá-khur Mầu cho người mời chư ni đến nhận. Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà ngày ấy lại có nguyệt thủy, bèn đến nhận trước.

Theo thứ tự, các Tỳ-kheo ni nhận y, y bị thiếu. Có vị ni hạ tọa không nhận được y. Tỳ-xá-khur Mẫu hỏi:

- Chư ni nhận đủ hết chỗ y chứ?

- Thiếu y hạ tọa, không còn y để nhận. - Một vị trả lời.

- Tại sao vậy? - Tỳ-xá-khur hỏi.

- Vì Thâu-la-nan-đà trước đây nói không cần nên không cho đo cỡ, nay lại đến lấy trước, thiếu là vậy. - Cô ni hạ tọa trả lời.

- Tại sao trước nói không cần, nay lâm sự lại đến lấy trước, làm cho người khác phải thiếu! Thật lắm điều! - Tỳ-xá-khur bực dọc nói.

Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà sau đó bị các Tỳ-kheo ni quở trách và dẫn đến việc chế càm.

Bấy giờ Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà thường ra vào vương cung của vua Ba-tư-nặc. Nhà vua nói:

- Thừa cô, cô cần gì cứ đến tôi nhận.

- Tôi cần trọng y¹⁸⁷. -Thâu-la-nan-đà xin vua.

- Cô đến hậu cung nhận. -Vua bảo.

- Tôi muốn chiếc y Khâm-bà-la¹⁸⁸ vua đang mặc.

Nhà vua liền trao cúng.

Các quan thấy vậy, cơ hiềm nói:

- Tỳ-kheo này xuất gia trong pháp vô vi, mặc áo cắt rọc, nay tại sao lại đòi xin áo vua đang mặc? Tuy nhà vua không tiếc, nhưng người xin phải tự lượng sức mình chứ! Bọn người này thường nói ít ham muốn, biết vừa đủ, mà nay không nhàm chán, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Khi ấy, Tỳ-kheo ni Hắc-ly-xa được các Ly-xa¹⁸⁹ ở Tỳ-xá-ly cung kính cúng dường, vì mọi người khi bị kiện thưa, nhờ cô ta giúp đỡ nên các bị cáo hoan hỷ nói:

- Chúng ta nhờ cô ni mà được khỏi tội. Nay hỏi cô cần thứ gì, chúng ta cùng nhau cung phụng.

Các bị cáo đến tạ ơn, được các Tỳ-kheo ni Hắc-ly-xa bày tỏ nhu cầu:

- Tôi cần trọng y tốt nhất.
- Cô cần loại trị giá bao nhiêu? - Các thân chủ hỏi.
- Tôi cần loại giá một ngàn tiền. Các ni trả lời

Nghe yêu cầu vượt mức này, họ lại cơ hiềm chỉ trích:

- Chúng ta dùng phí tổn cho việc kiện thưa, dù có gấp năm, sáu lần hơn cũng không bằng với ngân khoản này. Bọn này thường nói tri túc, thiếu dục mà nay lại đòi hỏi thái quá thì còn gì là kẻ tu hành, không hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Qua lời chỉ trích, các Trưởng lão Tỳ-kheo ni quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này đức Phật tập hợp Tỳ-kheo ni Tăng, Ngài chế giới: “Tỳ-kheo ni nào xin trọng y thì nên nhận lấy loại kém giá trị nhất, ngang với bốn đại tiền¹⁹⁰ mà thôi, nếu nhận trọng y quý giá, phạm Ni-tát-kỳ ba-dật-đề”.

---o0o---

TÔI HÔI LÂM¹⁹¹

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ni ăn tỏi sống và tỏi chín trước ngõ, sau ngõ; hoặc ăn riêng tỏi, hoặc ăn với thức ăn, mùi tỏi làm hôi hám phòng xá. Các Cư sĩ đến thăm, nghe mùi tỏi, bất mãn nói:

- Ở đây giống hệt nhà bếp của người đời.

Lại có Tỳ-kheo ni đến nhà người Trưởng giả nợ, Trưởng giả nghe mùi hôi của tỏi từ cô ta, liền nói:

- Cô đi ra khỏi chỗ này, vì miệng cô hôi tỏi quá!

Các Tỳ-kheo ni rất lấy làm xấu hổ.

Lại có một người buôn tởi, đem tởi cúng cho các Tỳ-kheo ni. Do việc cúng này mà đời sống kinh tế của người buôn tởi kia giảm sút lần. Khẩu phần ăn uống lại bớt đi. Người ăn kẻ ở trong gia đình nói:

- Nếu không thể cung cấp tốt sự sống cho chúng tôi thì để chúng tôi đi tìm sự sống nơi khác. Hai ông bà dài lưng ra mà làm đầy tớ cho bọn Tỳ-kheo ni kia mà thôi!

Người hàng xóm nghe lời than vãn này, chê trách rằng:

- Nhà ông bà đã không đủ ăn, tại sao còn phải nuôi các Tỳ-kheo ni làm gì?!

Nhân lời chỉ trích này, nhà buôn kia tâm sự, trình bày sự thật cúng tởi đã xảy ra. Những người không kính trọng Phật pháp nhân đó nói:

- Do ông bà gàn gỏi Tỳ-kheo ni nên mới đưa đến tình trạng khổ nghèo như thế. Nếu còn tiếp tục gàn gỏi họ sẽ khổ nhiều hơn nữa. Những người xuất gia chủ yếu là cầu giải thoát, mà nay tham đắm món ngon vật lạ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Các Trưởng lão ni quở trách các Tỳ-kheo ni đương sự, dẫn đến việc đức Phật chế cấm ăn tởi.

---o0o---

XIN TRÁNH XA RA!

Bây giờ, các Tỳ-kheo ni dạo xem cung điện nhà vua, xem phòng triển lãm, rồi du lãm các nơi vui đùa, đến vườn hoa xem hoa thơm, cỏ lạ, ngắm cảnh thiên nga bơi trong ao nước. Ở chỗ nào cũng rất đông người xem cảnh, có nơi chen lấn nhau... Tỳ-kheo ni nói với các trang nam tử rằng:

- Xin các ông tránh chúng tôi ra một tý, đừng đến gần quá!

- Hạng người xui xẻo trượt đầu này, đã mặc áo cắt rọc thì không nên đến đây; mà đã đến đây thì có ý muốn tìm đàn ông, tại sao lại bảo chúng ta tránh xa?

Các nam tử chọc phá. Thế rồi các nam tử bèn nắm tay các cô ni lôi kéo, trêu ghẹo nói lời thô tục, dâm dục.

Các ni chỉ còn biết cúi mặt lui về.

Việc này các ni đương sự bị các Ni Trưởng lão quở trách nặng nề và dẫn đến việc đức Phật chế giới cấm.

---o0o---

NỮ KÊ TÁC QUÁI

Hồi ấy, Tỳ-kheo ni Sai-ma qua đời, các Tỳ-kheo ni xây tháp thờ cốt trong Tăng phùng của Tỳ-kheo. Mỗi ngày ba lần, quyền thuộc của Sai-ma đến đi quanh khóc kể:

- Người cho tôi pháp, người cho tôi y thực, sà tọa, tọa cụ, y dược,... chỉ mới đây thôi, nay sao vĩnh biệt chúng tôi?!

Các Tỳ-kheo bực bội về sự ồn ào vô lối này, khiến việc hành đạo, tọa thiền của các thầy bị trở ngại. Khi ấy, Ưu-ba-ly lại đến Tăng phùng này, ông hỏi các thầy cựu trú Tỳ-kheo:

- Tiếng gì ồn ào vậy?

Các cựu trú Tỳ-kheo trình bày sự việc đã xảy ra. Ưu-ba-ly liền sai người đập phá tháp kia. Thấy sự đập phá các Tỳ-kheo ni cùng nhau bàn luận: “Mỗi ngày chúng ta đều phải cầm gậy đến đánh Tỳ-kheo Ưu-ba-ly. Nếu có cô nào không đi là bị loại ra khỏi chúng”.

Họ kéo đến Tăng phùng, nhưng không tìm ra đối tượng, nên lại kéo về. Họ tiến đến một ngõ hẻm, gặp Ưu-ba-ly, liền trước sau giàn trận chặn đường, áp sát đánh Ưu-ba-ly. Liền lúc ấy, Ưu-ba-ly vận thần lực bay lên hư không, rồi đến thẳng chỗ Phật, bạch lên Ngài đầy đủ sự việc đã xảy ra. Nhân việc này, đức Phật cho tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo ni:

- Thật sự các ni có hành động như vậy không?

-Kính bạch Thế Tôn! Sự thật có như vậy. - Các ni thưa.

Bằng mọi hình thức, đức Phật nghiêm khắc quở trách Tỳ-kheo ni:

- Việc làm của các ni như vậy là phi pháp. Tại sao Tỳ-kheo ni lại đánh Tỳ-kheo?!

Sau đó đức Phật chế giới: “Tỳ-kheo ni nào vào trong trú xứ của Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề”.

---o0o---

THỀ THỨC NUÔI CHÚNG

Việc Tỳ-kheo ni nuôi đệ tử có những việc xảy ra không hay, cho nên đệ tử không học hỏi được gì. Sự việc này được bạch lên đức Phật và giữa hai bộ Tăng đức Phật dạy:

- Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo ni bạch nhị Yết-ma nuôi chúng. Tỳ-kheo ni đó nên đổi trong chúng Tỳ-kheo ni Tăng, cởi bỏ giày dép, để trống vai bên hữu, quỳ gối chấp tay bạch: “A-di ¹⁹² Tăng nghe cho. Tôi, Tỳ-kheo ni tên là... đã đủ mười hai tuổi hạ, muốn nuôi chúng, đến xin Ni Tăng pháp Yết-ma nuôi chúng”. (Xin ba lần như vậy)

Các Tỳ-kheo ni nên tìm hiểu xem Tỳ-kheo ni này có thể nuôi chúng được hay không. Nếu không thể thì không nên cho pháp Yết-ma nuôi chúng. Nếu có thể thì nên cho. Ni Tăng nên sai một Tỳ-kheo ni - bậc Thượng tọa hay ngang bằng bậc Thượng tọa - biết pháp, biết luật, xướng như sau:

“A-di Tăng xin lắng nghe cho. Tỳ-kheo ni này tên là..., đủ mười hai tuổi hạ, muốn nuôi cô... làm đệ tử, nên đến xin Tăng pháp Yết-ma nuôi chúng. Nay Tăng cho pháp Yết-ma nuôi chúng. Nếu bây giờ việc này thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận thì đây là lời thưa trước Tăng”.

Ni Tăng chung quyết:

“A-di Tăng xin nghe cho! Tỳ-kheo ni này tên..., đã đủ mười hai tuổi hạ, muốn nuôi cô... làm đệ tử, nên đến Tăng xin pháp Yết-ma nuôi chúng. Nay Tăng cho pháp Yết-ma nuôi chúng, A-di nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý, xin nói”... “Tăng đã cho Tỳ-kheo ni tên... pháp Yết-ma nuôi chúng rồi. Tăng chấp thuận cho nên im lặng. Việc như vậy thì nghiêm chỉnh thi hành như vậy”.

Nay Ta vì các Tỳ-kheo ni kết giới. Từ nay giới này được nói như sau:

“Tỳ-kheo ni nào đủ mười hai tuổi hạ, Tăng không cho pháp Yết-ma nuôi chúng, mà nuôi, phạm Ba-dật-đề”.

---o0o---

PHẢI BIẾT CÁCH ĐỘ NGƯỜI

Bây giờ, các Tỳ-kheo ni độ dâm nữ, họ không nhận sự giáo giới của Ni. Giống như con trâu, vai bị tổn thương không thể kéo cày hay kéo xe, khi mắc xe thì trâu chỉ muốn thoát ra khỏi gọng xe mà thôi.

Việc độ này, các Ni đã bị khiển trách, dẫn đến đức Phật chế giới cấm. Tuy nhiên, dâm nữ thật sự ê chề tấm thân của mình, cần cầu học đạo thì độ được.

Một trường hợp khác, các Tỳ-kheo ni cho người nữ có thai thọ giới Cụ túc. Khi vào thôn khát thực, thiên hạ thấy vậy chế giễu, nói:

- Tỳ-kheo ni này nặng mang gánh nặng, nên cho họ thức ăn mau!

Có người lại nói:

- Nên xem cái bụng của cô ta kia kìa!

Có người lại bảo:

- Việc này xảy ra khi chưa xuất gia tu hành!

Họ chê trách các Tỳ-kheo ni:

- Sao không đợi sanh rồi mới độ họ xuất gia? Đây là hủy nhục phạm hạnh! Các Tỳ-kheo ni không biết cách độ, ai nên độ và ai không nên độ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Bây giờ, các Tỳ-kheo ni lại độ người đàn bà mới sanh thọ Cụ túc giới. Cô ni này một tay bưng bát, một tay bế con đi khát thực. Các người bạch y thấy, liền chế giễu:

-Mau mau cho hai mẹ con ăn gấp!

Họ mỉa mai một cách cay độc.

Lẽ tất nhiên đức Phật chế cấm việc độ này và luôn tạo điều kiện hợp pháp để họ được xuất gia.

---o0o---

CÁI GIÁ ĐƯỢC PHỤC CHỨC

Có một trú xứ vây bọc bởi tường rào cây xanh. Tỳ-kheo ni đem nước tiểu, phân ứ đổ tạt vào tường rào, có khi sang tận bên ngoài bờ cây, làm bôi nhớp người và phi nhơn.

Hồi ấy, có một đại thần Bà-la-môn vừa bị cách chức, ông ta lại ra sức chay tịnh, làm cho tâm thân trong sạch, thanh khiết. Sáng sớm ngày ấy, ông ta tắm rửa sạch sẽ, thoa hương, mặc y phục cũng được ướp hương thơm ngát, để đến Thiên miếu với lòng thành cầu Thánh thần phù hộ cho được phục chức quan cũ. Ông ta trùm đầu đi, vì sợ phải nhìn thấy hạng người xui xẻo là bọn trọc đầu, mặc áo cắt rọc. Chẳng may, đi vừa đến bên ngoài bờ tường chùa ni thì cũng đúng lúc các ni đổ phân tiểu qua rào. Ông ta lãnh đủ các thứ này lên đầu và chảy ướt cả mình. Rất uất hận, ông ta nói:

- Ta rất sợ gặp hạng người không may mắn này, giờ thì phải gặp cái cảnh thối tha chết người này, chắc chắn số mạng của ta gặp phải chuyện không may rồi! Dù vậy, ta cũng phải đến vua Ba-tư-nặc thưa kiện để giết chết bọn nữ trọc đầu này.

Nuốt căm hờn, ông ta đành quay về. Gặp một thầy tướng Bà-la-môn. Thầy tướng hỏi:

- Tại sao phải tội nông nổi này?

Thật tình, vị quan mất chức kia trải bày tâm sự... để rồi dẫn đến tình cảnh này.

Thầy tướng nói:

- Đây là điềm rất may mắn, hôm nay ông sẽ được một ngàn quan tiền và lại được phục chức cũ.

Như để có được bằng chứng sống, quan mất chức Yết-ma đến thẳng chỗ nhà vua. Vua hỏi:

- Vì lý do gì phải cảnh như vậy?

Vị quan trình bày cặn kẽ sự việc đã xảy ra, nhà vua vỗ tay cười lớn và liền ra lệnh ban cho một ngàn quan tiền và cho phục chức như cũ.

Thấy sự ân sủng này, các quan tả hữu triều đình cơ hiềm nói:

- Quãng phần dãi làm như nhóp người ta chứ đâu phải có ý cầu đạo tế vật.

Sau sự việc này, dẫn đến hai bộ Tăng nghe lời giới cấm của đức Phật.

---o0o---

OAN GIA ĐÂU CÓ KHÁC GÌ!

Có một gia đình nọ rất giàu, bọn cướp thường rình mò tìm cách để đột nhập, nhưng không có cơ hội. Chúng dò la hỏi thăm xem ai là người thường lui tới nhà này. Có người mách rằng: “Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà thường hay lui tới các nhà Bạch y, nhưng nhà giàu có này là nhiều nhất, vì giữa hai bên có được sự thân thiết hiểu nhau”. Bọn cướp liền đến trú xứ, nói với Thâu-la-nan-đà:

- Thừa sư cô, gia đình... mời sư cô...

Chiều xẩm ngày đó, Thâu-la-nan-đà theo lời mời đến nhà người chủ ấy. Cửa vừa mở để cô ni vào thì bọn cướp nhanh chóng ập đến, rồi vào bên trong hành hung và cưỡng đoạt hết tài sản của gia đình giàu có kia.

Sau đó, trong cơn giận, người chủ oán trách:

- Nếu Tỳ-kheo ni này không đến phi thời, ta không mở cửa, thì gia đình đâu có bị nạn này. Cúng dường mong cầu được phước, trái lại gặp họa, giống như oan gia đâu có khác gì!

Do bởi chuyện này mà đức Phật chế giới cấm ni đến nhà Cư sĩ phi thời nếu không có lý do, và phải xét kỹ lý do đó.

---o0o---

LÀNH THAY! ĐẾN ĐÂY TỖ-KHEO! ¹⁹³

Lúc bấy giờ, đức Phật lưu trú tại thành Vương-xá. Ngày nọ, tập Tăng, để rõ về pháp thọ giới, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Thuở đời quá khứ có một vị vua tên là Uất-ma. Người vợ thứ của vua sinh hạ được bốn người con: người thứ nhất tên Chiêu-mục, người thứ hai tên Thông-mục, người thứ ba tên Điều-phục-tượng, và người thứ tư tên Ni-lâu. Cả bốn đều thông minh, nhìn xa trông rộng, oai đức lẫm liệt. Ngược lại, hoàng hậu chỉ có một người con tên là Trường-sanh, xấu xí, ngu đần, mọi người đều khinh miệt. Hoàng hậu nghĩ: “Con ta tuy là trưởng nhưng tài đức không bằng ai, còn bốn đứa kia lại có oai đức. Ngôi vị nước rồi ra sẽ về tay chúng. Ta nên lập mưu kế thế nào đây để củng cố cơ nghiệp cho con ta?”. Bà ta lại nghĩ: “Hiện nay, nhà vua coi trọng, tin tưởng và thương yêu ta hơn các phu nhân khác. Trước hết, ta nên dùng tình cảm, sau sẽ dùng lý để giải quyết”.

Để thực hiện chiến thuật của mình, hoàng hậu trang điểm và phục sức hết sức đẹp để khi vua đến là chiếm trọn lòng yêu quý của ngài và muốn gần gũi với hoàng hậu ngay. Bên cạnh vua, trong sự sủng ái, hoàng hậu khóc sụt mướt. Nhà vua hỏi lý do, hoàng hậu đáp lời:

- Em có nguyện nhỏ, e không thành, đành phải chết đi thôi!

- Em có lời nguyện thế nào? Nếu hợp lý thì ta nào không đáp ứng!. - Nhà vua hỏi.

Hoàng hậu liền tâu với nhà vua:

- Bốn đứa con của Thứ phi đều có oai đức, còn đứa con của thiếp tuy lớn nhưng tài đức không bằng ai. Vấn đề kế thừa đại nghiệp e chúng nó sẽ đoạt ngôi mà thôi! Nếu nhà vua tấn xuất cả bốn đứa kia thì thiếp mới yên tâm.

- Bốn đứa nó đều hiếu đễ, đối với nước không có lỗi gì, nay Ta làm thế nào để tấn xuất được? - Nhà vua khéo léo đặt vấn đề.

- Thật ra, việc nhà cả việc nước, lòng em quá đỗi lo toan đèn đáp, nhưng vì bốn đứa con của vua đều có oai đức, nhân dân đều quý mến chúng. Một ngày nào đó, chúng nó tranh giành nhau ngôi vị, thì ắt hẳn sẽ sát hại nhau và lộc nước lớn lao kia sẽ bị tiêu diệt, mai sau làm gì có vua?! Bởi thế, em muốn tránh sự tranh ngôi này. - Hoàng hậu thưa.

- Thôi! Thôi! Đừng nói thêm nữa!. - Nhà vua chặn lời.

Sau nhiều ngày suy nghĩ, nhà vua đi đến quyết định, gọi bốn người con kia lại ban lệnh: “Phải ra khỏi nước”. Thi hành lệnh vua cha, bốn người con bắt tay ngay vào việc chuẩn bị hành trang để lên đường. Trong lúc ấy, vua cha cũng chấp thuận cho tất cả mọi người muốn theo bốn con mình thì cứ tự nhiên.

Ngày bái biệt vua cha lên đường và theo sau bốn người con oai đức kia là mẹ, chị em ruột rà, là lực sĩ, bách quan, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ và tất cả nhân dân. Họ rất vui mừng như một ngày hội đi mở nước...

Qua đước bên kia sông Kỳ-la, đoàn người đông đảo kia được hướng dẫn bởi bốn người con vua, đi đến phía Bắc Tuyết Sơn. Nơi đây, thế đất bằng phẳng, rộng rãi, bốn bề ngút ngàn sự trong lành, tĩnh mịch, lại có nhiều trái ngọt, cây lành, kỳ hoa, dị thảo và muôn thú đủ loại... Nhận ra đất lành, bốn người con cho dừng lại rồi gọi Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ đến để cùng nhau bàn bạc, lấy biểu quyết: “Các nơi đã đi qua, không nơi nào hơn chỗ này, có thể định cư được rồi”. Tất cả đều nhất trí nơi đây là quê hương mới.

Họ bắt tay vào việc xây dựng thành ấp và chỉ trong thời gian vài năm, số người các nơi quy tụ về đông đúc, nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng và cũng nhanh chóng trở thành một đại quốc.

Cách vài năm sau, vua cha nhớ đến con, hỏi quần thần:

- Bốn đứa con của trẫm, nay ở đâu và thế nào rồi?

- Tâu Thánh thượng, ở phía Bắc Tuyết Sơn, gần rừng Xá-di, xây dựng thành quách, doanh ấp khang trang, nhân dân phát đạt, đất đai màu mỡ, áo cơm sung túc, người người, nhà nhà an vui. - Quần thần tâu.

Nhà vua nghe rất hoan hỷ và khen ngợi khả năng của bốn người con quá phi thường. Lời khen này được nhà vua lặp lại trước quần thần ba lần. Cũng kể từ ngày đó, danh hiệu Thích Ca chúng tộc mở ra trang sử cho chính mình.

Người con thứ tư Ni-lâu có người con tên là Tượng-đầu-la.

Tượng-đầu-la có con tên là Cù-đầu-la.

Cù-đầu-la có con tên là Ni-hưu-la.

Ni-huu-la có bốn người con tên là: Tịnh-phạn, Bạch-phạn, Học-phạn và Cam-lồ-phạn.

Vua Tịnh-phạn có hai người con: một tên là Bồ-tát, hai tên là Nan-đà.

Vua Bạch-phạn có hai người con: một tên là A-nan, hai tên là Điều-đạt.

Vua Học-phạn có hai người con: một tên là Ma-ha-nam, hai tên là A-na-luật.

Vua Cam-lồ-phạn có hai người con: một tên là Bà-bà, hai tên là Bạt-đề.

Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Khi còn nhỏ, Bồ-tát đã có chí xuất gia. Vua Tịnh-phạn sợ con học đạo, thường dùng ngũ dục để cho con vui chơi. Đến tuổi mười bốn, Bồ-tát oai nghiêm lên xa giá du ngoạn cửa thành phía Đông, thấy một người già, đầu bạc, lưng khòm, chống gậy, bước đi yếu ớt. Bồ-tát hỏi người hầu xe:

- Đó gọi là người gì?

- Thưa, đó là người già. - Người hầu xe đáp.

- Già là thế nào? - Bồ-tát hỏi.

- Già là tuổi cao sức yếu, lưng mỗi gối dùn, hình dạng biến đổi, sắc tướng héo hon, đứng ngồi khổ sở, mạng sống mong manh, cho nên gọi là già. - Kẻ hầu xe thưa đáp.

- Ta có tránh khỏi tình trạng đó không? - Bồ-tát hỏi.

- Thưa Ngài, làm sao tránh khỏi được! - Kẻ hầu đáp.

Bồ-tát ra lệnh cho xe về lại cung, tự nghĩ: “Chưa lìa khỏi sự già, thì ta vẫn sầu ưu, không vui”.

Vua cha hỏi người hầu xe:

- Thái tử đi chơi có vui hay không?

Người hầu xe đáp:

- Tâu Hoàng thượng, Bồ-tát không vui.

- Tại sao vậy?

- Vì gặp một người già nên thái tử không vui.

Nhà vua lấy làm sợ, vì theo lời thầy tướng, e không lâu nữa thái tử xuất gia. Nhà vua lại gia tăng ngũ dục để mua vui cho thái tử.

Được một thời gian không lâu sau, thái tử Bồ-tát lại ra lệnh người hầu xe nghiêm xa giá đưa thái tử du quán cửa thành phía Nam. Lại gặp một người bệnh, thân hình gầy guộc, dựa cửa thành thở hổn hển. Thái tử hỏi người hầu xe:

- Đó là người gì?

- Thưa Bồ-tát, đó là người bệnh. - Người hầu đáp.

- Thế nào gọi là người bệnh? - Bồ-tát hỏi.

- Thưa Ngài, bốn đại tổn giảm, ăn uống không được, sức lực yếu dần, mạng sống chỉ còn trong khoảnh khắc, cho nên gọi là bệnh. - Người hầu xe trả lời.

- Ta có tránh khỏi tình trạng đó không? - Thái tử hỏi.

- Thưa Ngài, làm sao tránh khỏi?! - Người hầu xe đáp.

Thái tử bảo quay xe về cung, tự nghĩ: “Chưa lìa khỏi sự già, bệnh thì còn phải ưu sầu hơn!”.

Nhà vua hỏi người hầu xe:

- Thái tử đi chơi có vui không?

- Muôn tâu, hôm nay lại càng không vui.

- Vì sao?

- Tâu Hoàng thượng, vì thái tử gặp một người bệnh, cho nên không vui.

Nhà vua lại sợ thái tử xuất gia, lệnh tăng thêm những thứ vui hoan lạc ngày đêm trong cung, để thái tử bớt ưu tư sầu muộn.

Sau một thời gian, thái tử Bồ-tát lại bảo người hầu xe nghiêm xa giá du quán cửa thành phía Tây. Một cảnh tượng khác xảy ra, thái tử thấy một người nằm bất động trên tấm gỗ có nhiều người khiên, theo sau là gia đình, cả nam lẫn nữ đều khóc than, thái tử liền hỏi người hầu xe:

- Đó là người gì?

- Thưa thái tử, đó là người chết. - Người hầu đáp lời.

- Thế nào gọi là chết? - Thái tử lại hỏi.

- Thưa Ngài, hơi thở chấm dứt, tinh thần không biết gì nữa, đem thân vất bỏ nơi đồng trống, vĩnh viễn xa lìa bà con, cho nên gọi là chết. - Người hầu xe đáp lời.

- Ta có thể tránh khỏi trạng huống đó không? -Bồ-tát hỏi.

- Làm sao tránh khỏi được, thưa thái tử! -Người hầu đáp.

Thái tử Bồ-tát nghĩ ngợi: “Chưa tránh khỏi già, bệnh, chết thì còn phải sầu ưu nhiều hơn nữa!”.

Thái tử liền ra lệnh cho xe quay về. Trên đường, thấy người cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, bung bát, nhìn đất mà đi, thái tử hỏi người hầu xe:

- Đó là người gì, mà y phục khác với người đời?

- Thưa thái tử, đó là người xuất gia.

- Thế nào gọi là người xuất gia?

- Thưa Ngài, người khéo tự điều phục, đủ các oai nghi, thường hành nhẫn nhục, thương xót, gần gũi chúng sanh, cho nên gọi là người xuất gia.

Bồ-tát nghe thế, liền thốt lên:

- Lành thay! Lành thay! Đây là sự sống an lạc nhất!

Thái tử xuống xe, đến gần người xuất gia, cung kính hỏi:

- Tại sao hình thức y phục của ngài không giống người đời?

Người xuất gia trả lời nội dung như người hầu xe đã thưa. Thái tử Bô-tát lại ba lần khen:

- Lành thay! Nếp sống này là ta thích nhất!

Bô-tát lên xe trở về cung. Từ xa có một người nữ trông thấy thái tử Bô-tát, trái tim cô ta bị rung động bởi ái dục, liền nói kệ:

*Mẹ vui có con này
Cha con vui cũng thế
Người nữ được chồng này
Vui hơn vào Nê-hoàn¹⁹⁴.*

Thái tử Bô-tát nghe hai từ Nê-hoàn, lòng hoan hỷ vô cùng, liền nghĩ: “Làm thế nào để ta chứng được Vô thượng Nê-hoàn này?”

Trở về cung, Bô-tát trầm tư miên man đến các pháp: sanh, lão, bệnh, tử chưa dứt, chưa lìa được.....

Nhà vua hỏi người hầu xe:

- Nay thái tử đi dạo chơi có vui không?

- Khi đi thì không vui, nhưng lúc về thì lại vui.

- Tại sao vậy?

- Thưa Hoàng thượng, khi đi gặp một người chết, cho nên thái tử không vui; nhưng lúc về thấy một tu sĩ, cho nên rất vui. - Người hầu xe giải thích.

Nhà vua nghĩ: “Tướng sư nói thái tử xuất gia, chắc là đúng”. Ông bèn đem tất cả những lạc thú trong hoàng triều, ban tặng cho thái tử, để mong sao chí hướng xuất gia kia bị lãng quên trong “vỡ tuồng” ngũ dục.

Một hôm, trước trò vui của các kỹ nữ, Bô-tát thưởng thức tạm thời an giấc được. Đêm càng khuya, bọn kỹ nữ cũng mệt đã vùi mình trong giấc ngủ. Bô-tát tỉnh dậy, thấy các kỹ nữ cùng gói nhau ngủ, để lộ tấm thân, chẳng khác nào con người bằng cây gỗ, nước mũi, nước mắt, nước dãi từ trong ấy chảy ra. Đàn cầm, đàn sắc, đàn tiêu... ngổn ngang dưới đất, lại cảm thấy cung điện giống như gò hoang. Chứng kiến cảnh tượng này, Bô-tát thốt lên lời than:

- Họa thay! Họa thay!

Bồ-tát liền chạy đến cung điện của phụ vương đang ở thì biến trạng nơi đây cũng lại như vậy. Bồ-tát lại than:

- Họa thay! Họa thay! Chán ngán quá rồi! Phải xa lìa gấp!

Ngay lúc ấy, Bồ-tát ra lệnh cho nô dịch Xiển-đà:

- Ngươi hãy thắt ngựa, đừng để cho một ai hay biết!

Xiển-đà thưa:

- Thưa thái tử, ban đêm không phải là lúc du ngoạn. Hơn nữa, đâu có oán địch bức bách đến nơi hoàng cung, không rõ vì lý do gì, đang đêm thái tử bảo thắt ngựa?

- Có đại oán địch, ngươi không biết đâu! Cái oán già, bệnh, chết, cái oán đó là lớn lắm! Ngươi phải thắt ngựa gấp, không được trì hoãn! - Bồ-tát ra lệnh.

Con bạch mã được thắt xong, Xiển-đà thưa:

- Ngựa đã thắt xong, dưới sân kia, thưa thái tử.

Bồ-tát liền đến bên ngựa, sửa muôn nhảy lên, con ngựa tự nhiên hý lên với âm thanh buồn thảm. Thiên thần sợ có trở ngại, bèn làm loãng tiếng vang ngựa hý nên không đánh thức một ai trong cung. Bồ-tát lên ngựa, thúc ngựa về phía lầu đài hướng Đông, cửa Đông liền mở, lại trực chỉ cửa thành, cửa thành cũng tự mở. Ra khỏi cửa thành, Bồ-tát hướng về rừng A-nậu-da¹⁹⁵, cách thành không xa. Bồ-tát xuống ngựa, cởi áo quý báu trao cho Xiển-đà và nói:

- Ngươi đem con ngựa và chiếc áo này về hoàng cung, tâu lên vua rằng: “Hôm nay ta bái tạ cha mẹ để đi học đạo, không lâu lắm đâu ta sẽ trở về. Xin song thân đừng quá buồn rầu”.

Xiển-đà khóc lóc, quỳ gối thưa:

- Tướng sư trước kia có nói: “Thái tử sẽ làm Chuyển luân Thánh vương¹⁹⁶ có bảy món báu, một ngàn người con, làm vua bốn cõi thiên hạ, dùng

chánh pháp trị đời, không dùng binh trượng, tự nhiên thái bình”, tại sao nay lại vất bỏ ngôi vua, cởi áo quý báu, nhận sự khổ sở nơi núi rừng hoang vu chướng khí này?!

Bồ-tát hỏi lại:

- Tướng sư lúc bấy giờ còn nói gì nữa không?

- Thưa Bồ-tát, có. Tướng sư bảo: “Nếu Ngài không vui sống với thiên hạ mà xuất gia học đạo thì sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

- Người nghe rõ như vậy, tại sao nay lại buồn? Người phải mau quay trở về tâu với song thân ta: “Dù cho xương tan thịt nát, nếu ta không chấm dứt được nguồn gốc sanh, lão, bệnh, tử thì ta không trở về”. - Bồ-tát khẳng định như thế.

Lúc ấy, Xiển-đà buồn khóc, đến trước Bồ-tát kính lễ, nhiễu quanh ba vòng rồi dắt ngựa, đem áo báu trở về cung...

Bồ-tát tiến thẳng về phía trước, thấy một người thợ săn mặc chiếc áo ca-sa, liền đến chỗ ông ta đổi xiêm y lấy áo ca-sa, rồi mặc vào mình. Bồ-tát lại đi đến cây Tu-ma-na¹⁹⁷. Bên gốc cây này có người thợ cạo tóc, nhờ họ cạo đầu. Trong lúc người thợ cạo, cạo tóc Bồ-tát thì trời Thích-đề-hoàn-nhơn nhanh như chớp, đến trước Bồ-tát lấy y hứng tóc đem về thiên cung.

Cạo tóc xong, Bồ-tát suy nghĩ: “Nay ta đã là người xuất gia thì tự nhiên đủ giới”. Từ đó, Ngài tuân tự du hành đến thành Vương-xá, thủ đô nước Ma-kiệt-đà. Vua nước Ma-kiệt-đà là vua Bình-sa. Lúc thiếu thời, nhà vua phát năm lời nguyện:

- 1- Phụ vương băng hà, ta sẽ nối ngôi.
- 2- Khi làm vua, gặp Phật ra đời.
- 3- Chính mình gặp được Phật, gần gũi cúng dường.
- 4- Phát tâm hoan hỷ để được nghe pháp.
- 5- Nghe pháp rồi liền được tìn giải.

Đạo sĩ Bò-tát vào thành khát thực, oai nghi rạng rỡ, nhìn đất mà đi. Khi ấy, chưa có bình bát, Ngài lấy lá sen làm bát, đi khắp các nẻo đường, bát lá sen không rời, là căn bản của sự sống.

Ngày ấy, vua Bình-sa cùng quần thần đứng trên vọng lâu, từ xa trông thấy Bò-tát, nhà vua cảm thấy như một điều kỳ lạ, quay lại nói với chư thần:

- Ta chưa từng nghe thấy ai như con người kia, chắc là Thánh thần!

Quần thần tâu:

- Trước đây có nghe, phía Bắc Tuyết-Son, vua thành Ca-duy-la-vệ tên là Tịnh-phạn, sanh người con tên là Bò-tát. Xem tướng người này, thầy tướng nói: “Nếu ở nhà thì làm vua Chuyển luân Thánh vương, làm chủ bốn cõi thiên hạ, bảy món báu tự đến, tức là luân báu, tượng báu, mã báu, châu báu, nữ báu, thần báu và chủ binh báu. Vua có một ngàn người con dũng kiện, sức mạnh phi thường, dùng pháp chế ngự đời, binh trượng không dùng đến mà tự nhiên thái bình. Nếu không vui sống với thế gian, xuất gia học đạo thì chứng thành Phật đạo, độ sanh tử cho người”. Nghe thái tử đã xuất gia, chắc là người này vậy.

Vua nghe nói như thế, lòng rất vui mừng, nói:

- Năm lời nguyện của ta trước đây, một lời đã thực hiện, còn bốn lời nữa, chắc nay sắp toại nguyện.

Nhà vua liền ra lệnh cho hai người lần theo xem Bò-tát trú nghỉ tại đâu để báo cho vua biết.

Hai người nhận lệnh vua theo sát con người khát thực kia. Bò-tát khát thực xong, trở về núi Ba-la-nại¹⁹⁸, ngồi kiết già hướng về nước Ba-tuần. Thế rồi, một người bám trụ quan sát, một người về tâu với vua. Nhà vua liền cho trang nghiêm xa giá thẳng đến núi Ba-la-nại. Bò-tát biết được nên xả kiết già, xuống núi trong lúc nhà vua đang leo lên núi. Hai người, bên cầu bên ửng gặp nhau, Bò-tát nói:

- Lại đây! Lành thay đại vương! Ngài sẽ nhận được điều an lành.

Nhà vua liền cúi đầu kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, bạch Bò-tát rằng:

- Ngài sanh từ nước nào? Xuất gia từ dòng họ nào?

- Tôi sinh ra từ phía Bắc Tuyết-Son, nước Xá-di, thành Ca-duy-la-vệ. Cha tên là Tịnh-phạn, họ là Cù Đàm.

Nhà vua lại muốn thử Bồ-tát, gợi ý:

- Thưa Thánh giả, người dòng tộc tôn quý! Ngôi vua lớn ở đời, Thánh đức tự nhiên, nhiếp hóa bốn biển; bốn biển không một ai không trông chờ. Nếu như Thánh giả nhiếp chính thì tôi cũng hướng về phương Bắc mà phụng thờ.

Bồ-tát trả lời:

- Địa vị nào bằng địa vị Chuyển luân Thánh vương mà tôi đã bỏ, hưởng là bốn biển. Sở dĩ tôi xuất gia cầu đạo là muốn độ tất cả cái khổ lớn của sanh tử. Sao không thỉnh tôi thành đạo rồi độ ngài trước, mà lại cho việc đó là trọng yếu?!

Nhà vua nói:

- Hay thay! Lời nói đó thật chí lý! Vậy thưa Thánh giả, khi nào thành đạo xin độ tôi và người trong nước này trước.

Bồ-tát chấp nhận lời vua, nhà vua rất vui mừng, kính lễ sát chân rồi cáo lui. Sau khi nhà vua ra về, Bồ-tát liền thẳng hướng về cây Bồ-đề. Cách cây Bồ-đề không xa có một người cắt cỏ tên là Kiết-an. Ngài đến xin một ít cỏ, đem đến trải dưới gốc cây, rồi ngồi kiết-già, thẳng người chánh ý, hệ niệm trước mắt, liền trừ được năm cái, lìa dục, lìa ác, bất thiện pháp... Cuối cùng, Ngài sở đắc đệ Tứ thiên và du hý trong đó, thông qua hành ba mươi bảy đạo phẩm. Do tịnh tâm này mà tam minh rộng chiếu, tức là Túc mạng minh, Tha tâm minh và Lưu tận minh, như trong kinh Thụy Ứng Bản Khởi¹⁹⁹ đã nói.

Khi ấy, Ngài đứng dậy, đến tụ lạc Uất-tỳ-la²⁰⁰, ngồi dưới gốc cây, khởi đầu cho việc thành Phật đạo. Đầu đêm Ngài quán mười hai nhân duyên thuận nghịch. Do duyên cái này, nên cái này hiện hữu, duyên diệt thì cái này diệt theo. Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, ưu bi, khổ não. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc

diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, tử, ưu bi, khổ não đều diệt. Thấy rõ nghĩa duyên khởi này rồi, Ngài bèn nói kệ:

*Các pháp đều duyên sanh
Phạm Chí mới tọa thiền
Đã rõ pháp duyên sanh
Các nghi có thể trừ.
Các pháp đều duyên sanh
Phạm Chí mới tọa thiền
Đã rõ duyên sanh pháp
Các khổ có thể trừ.
Các pháp đều duyên sanh
Phạm Chí mới tọa thiền
Ma tối tăm phá được
Như mặt trời trên không.*

Bấy giờ, đức Phật mắc bệnh phong, Thần núi Ma-tu-la liền hái quả Hả-lê-lặc²⁰¹ dâng Phật, thưa:

- Cúi xin Thế Tôn dùng trái cây này để trừ bệnh phong.

Đức Phật thọ nhận dùng, bệnh phong liền hết, ngồi kiết già bảy ngày, thọ niềm vui giải thoát. Sau bảy ngày, xuất Tam muội đứng dậy, du hành trong nhân gian.

Khi ấy, có năm trăm khách buôn chở hàng trên năm trăm cỗ xe, trong đó có hai đại nhân: một tên là Ly-vị, người thứ hai tên là Ba-lợi. Xưa kia hai người có quen thân với một Thiện tri thức. Sau khi vị này qua đời làm một Thiện thần, thường đi theo hai người bạn, nghĩ rằng: “Nay đức Phật mới thành đạo, chưa có người dâng cúng thức ăn, ta nên khiến hai ông bạn cúng dường đức Phật để được an lành nhiều kiếp”. Vị Thiện thần liền dùng thần lực làm cho đoàn xe bị trở ngại, mọi người sợ sệt, khẩn vái bốn phương. Vị Thiện thần từ không trung nói:

- Các người đừng sợ! Các người đừng sợ! Nay đức Phật Thế Tôn vừa mới thành đạo, ngồi yên lặng bảy ngày, từ thiền định đứng dậy du hành và hiện ngồi nơi góc cây kia, và cũng chưa có người dâng cúng. Hai ông bạn nên đem lương khô, mật dâng cúng để được an lạc nhiều đời.

Hai người đều hoan hỷ, trộn mật với lương khô đem đến cúng Phật. Từ xa trông thấy đức Thế Tôn ngồi dưới tàng cây, dung nhan đĩnh đạc, các căn tịch tịnh, có ba mươi hai tướng của đại nhân, ánh sáng tỏa vòng quanh một tầm ²⁰², giống như núi vàng. Họ đến trước mặt, kính lễ sát chân Phật rồi dâng cúng lương khô với mật ong.

Đức Thế Tôn khởi lên ý nghĩ: “Các đức Phật quá khứ đều dùng bình bát để thọ, các đức Phật đương lai cũng lại như vậy. Nay ta cũng nên dùng bát để thọ nhận thức ăn cúng dường”. Tứ Thiên Vương hiểu ý Phật, mỗi người tự lấy một cái bát bằng đá sạch, có mùi thơm tự nhiên đem dâng cúng đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Cúi xin Thế Tôn nhận lấy đồ đựng này của chúng con, để thọ thực phẩm dâng cúng của người lái buôn.

Đức Phật lại suy nghĩ: “Nếu lấy một cái bát của một Thiên vương thì mấy vị kia không bằng lòng”. Ngài bèn lấy cả bốn cái để vào lòng bàn tay bên trái, lấy tay bên phải ép lại thành một cái, rồi nhận thực phẩm cúng dường. Thọ nhận rồi, Ngài nói:

- Các người nên quy y Phật, quy y Pháp.

Hai người liền quy y Phật, quy y Pháp. Bảy giờ, trong loài người, hai nhà buôn này là hai người quy y Phật, Pháp đầu tiên. Ngài nói pháp tùy hỷ, chú nguyện bằng bài kệ:

*Đôi chân người an ổn
Bốn chân cũng an ổn
Đi cũng được an ổn
Về cũng được an ổn
Như người cày cầu mong
Gieo giống, mầm hy vọng
Biển hy vọng người mong
Thu hoạch như người cày.*

Đức Thế Tôn nói bài kệ xong, lại vì khách buôn nói các diệu pháp, chỉ vẽ lợi ích để họ vui mừng. Sau đó, Ngài đến ngồi dưới một tàng cây, thọ thực thức ăn mà Ngài đã thọ nhận. Dùng lương khô trộn mật xong, Ngài lại ngồi kiết già nhập định bảy ngày, thọ niềm vui giải thoát.

Sau bảy ngày, đức Phật đến chỗ trú ngụ của con rồng Văn-lân²⁰³, Ngài ngồi dưới tàng cây²⁰⁴. Con rồng ra khỏi nước, nó dùng thức ăn không phải của loài người dâng lên đức Thế Tôn. Đức Phật nhận và thọ thực, rồi lại ngồi nhập định bảy ngày, thọ niềm vui giải thoát.

Khi ấy, bầu trời dày đặc mây đen rồi tuôn mưa suốt bảy ngày khiến người hoảng sợ. Con rồng nghĩ: “Nay trời mưa đáng khiếp, ta nên biến hóa làm thành thân lớn vây quanh đức Phật bảy vòng, lấy đầu che lên đức Phật để khỏi mưa gió, mòng muỗi quấy rầy Ngài”. Rồng thực hiện ngay ý định của mình. Bảy ngày mưa qua đi, đức Phật từ Tam muội đứng dậy. Qua cơn mưa, nhìn thấy trời quang mây tạnh, rồng liền xả bỏ thân hình, rồi hóa làm một thiếu niên, cúi đầu bạch Phật:

-Con hóa thân lớn vây bọc lấy Như Lai bảy vòng và đầu con che bên trên là muốn ngăn gió mưa muỗi mòng đến xúc não Như Lai.

Vì lý do đó, đức Phật nói kệ:

*Xa hết chôn tịnh, vui
Nghe pháp, thấy pháp vui
Không nào hại, đời vui
Đời ly dục, đời vui
Vượt hết ân ái, vui
Người đẹp hết ngã mạn
Đó là vui tối thượng.*

Đức Phật nói kệ rồi, đứng dậy đến tụ lạc Uất-tỳ-la-tư-na²⁰⁵, Ngài vào thôn khát thực. Sau đó đến nhà Bà-la-môn Tư-na đứng im lặng bên ngoài cửa. Người con gái tên là Tu-xà-đà nhìn thấy oai tướng thần diệu của đức Phật, liền đến trước mặt, lấy bình bát của đức Phật đựng đầy thức ăn ngon, dâng cúng đức Phật. Đức Phật thọ nhận rồi nói:

- Người có thể quy y Phật, quy y Pháp.

Tu-xà-đà liền thọ nhận. Trong số người nữ, Tu-xà-đà là người đầu tiên thọ quy y Phật, quy y Pháp, làm người Ưu-bà-di.

Đức Phật thọ thực xong, trở lại cây Bồ-đề ngồi kiết già nhập định bảy ngày, thọ niềm vui giải thoát.

Sau bảy ngày, từ Tam muội đứng dậy, mặc y bung bát, Ngài trở lại nhà ấy. Tu-na dâng thức ăn rồi thọ quy y (như trên đã nói). Ngày tiếp theo, đức Phật lại đến nhà ấy, người vợ Tu-na nhìn thấy đức Phật, dâng cúng thức ăn rồi thọ quy y như trước.

Và một lần nữa, đức Phật quay trở lại nhà ấy, bốn chị em trong nhà thấy đức Phật đến, liền dâng cúng thức ăn, cũng thọ quy y Phật, quy y Pháp như trước.

Đức Thế Tôn thọ thực xong, lại trở về dưới cây Bồ-đề, ngồi nhập định bảy ngày. Khi xuất định, Ngài đi đến cây A-dụ-ba-la ni-câu-loại²⁰⁶. Giữa đường thấy một người nữ đang khuấy lạc (cao sữa) để làm tô (váng sữa), bèn đến khát thực. Người nữ lấy bát đựng đầy lạc cúng Phật, rồi quy y Phật, Pháp.

Đức Phật thọ thực rồi đến dưới gốc cây²⁰⁷ ở phía trước, ngồi nhập định Tam muội bảy ngày.

Qua bảy ngày, xuất định, Ngài khởi lên ý niệm: “Pháp ta chứng được rất là vi diệu, khó nhận rõ, khó thấy, tịch tịnh vô vi. Người trí mới biết chỗ vi diệu ấy. Kẻ ngu, tối tăm khó bề hiểu nổi. Chúng sanh lại thích ở trong nhà hầm ba cõi, kết dệt thành cái nghiệp chướng, làm sao có thể ngộ đạo mười hai nhân duyên thậm thâm vi diệu khó thấy này. Hơn nữa, phải dứt tất cả hành, cắt đứt ngay sự lưu chuyển của nó, tận diệt ái ân, thì rõ cõi nguồn Vô Dư Nê-hoàn. Quả thật là điều rất khó! Nếu ta đem nói ra thì chỉ tự chuốc lấy cái vất vả, nhọc nhằn. Cuối cùng tự nhận lấy cái khổ hoang tưởng!”

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nói rõ lý do vì sao không nói rõ nghĩa vi diệu bằng lời kệ:

*Đạo ta thành rất khó
Không nằm trong luận lý
Sanh tử nghịch dòng xoay
Pháp màu sâu khó hiểu
Bị nhiễm dục phủ che
Ngu ám không thấy được
Người tham nhuế, ngu si
Không thể vào pháp này.*

Do vậy mà lúc này đức Thế Tôn im lặng trầm tư không nói pháp. Bấy giờ, Phạm thiên vương²⁰⁸ trên cõi Phạm thiên, từ xa biết được ý nghĩ của

Phật, khởi niệm: “Nay đức Phật Chánh Giác xuất hiện ở đời, mà không vì chúng sanh nói pháp tự thân đã chứng ngộ thì thế gian mãi ở trong tối tăm. Sau khi chết phải đọa vào ba đường dữ”. Nghĩ như vậy, trong chớp nhoáng biến mất, rời khỏi cõi Phạm thiên, xuất hiện trước đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

- Cúi xin đức Thế Tôn thương xót chúng sanh mà vì họ nói pháp. Vẫn có chúng sanh đủ khả năng lãnh thọ lời Phật dạy. Nếu họ không được nghe pháp, chắc họ sẽ bị thối đọa.

Ba lần thưa thỉnh như vậy, trời Phạm thiên lại dùng nghĩa này nói kệ thỉnh Phật:

*Trước đây, Ma-kiệt-đà
Thường thuyết pháp tạp uế²⁰⁹
Nguyện mở cửa cam lồ
Diễn nói nghĩa thuần tịnh
Chính con ở Phạm cung
Đều thấy Phật xưa nói
Cúi xin Phật hiện nay
Cũng mở pháp đường dạy
Chúng sanh đây ưu ão
Không lìa sanh, lão, tử
Song đa phần ra thiện
Xin nói pháp chiến thắng.*

Lúc ấy, đức Phật im lặng nhận lời Phạm thiên. Ngài dùng Phật nhãn xem xét khắp thế gian, thấy chúng sanh căn có lợi độn, có người sợ đời sau đọa trong ba đường ác, có người có khả năng thọ pháp như biên cả, có người như bản chất hoa sen ở trong bùn ra khỏi nước, hay chưa ra khỏi nước, đều manh nha cái không nhiễm ô. Đức Phật nói kệ:

*Trước sợ luống nhọc nhằn
Không nói nghĩa thâm sâu
Cửa cam lồ nay mở
Tất cả đều nên nghe.*

Trời Phạm thiên sau khi nghe bài kệ, lòng vui mừng vô hạn, đến trước Phật, kính lễ sát chân Phật, đi quanh bên phải ba lần liền khuất bóng, trở về thiên cung.

Đức Phật lại khởi lên ý niệm: “Cửa cam lồ sẽ mở, ai là người được nghe trước? Uất-đầu-lam-phát²¹⁰ thông minh, dễ lãnh hội, người này nên được nghe pháp trước tiên”. Đối tượng được xác định, đức Phật liền lên đường, nhưng ngay lúc ấy, trên không trung có tiếng chư thiên thưa:

- Uất-đầu-lam-phát qua đời cách đây bảy ngày rồi!

Đức Phật nói:

- Khổ thay cho ông ta đã mất hẳn cơ hội, tại sao không được nghe tiếng pháp cam lồ?!

Đức Phật lại nghĩ: “Cửa cam lồ sẽ mở, theo thứ tự thì ai là người sẽ được nghe tiếp theo? A-lan-ca-lan²¹¹ thông minh dễ lãnh hội. Đây là người kế tiếp nên được nghe”. Đức Phật định ra đi thì chư thiên lại nói:

- A-lan-ca-lan vừa mới qua đời đêm rồi!

Đức Phật nói:

- Khổ thật! Tiếng trống cam lồ pháp vị không được nghe thì sanh tử đến đi do đâu mà được chấm dứt?!

Đức Phật lại suy nghĩ: “Cửa cam lồ sẽ mở, ai là người tiếp theo sẽ được nghe? Xưa kia phụ vương sai năm người theo hầu ta cực khổ, công đức ấy ta nên đền trả. Năm người đó hiện nay đang ở nước Ba-la-nại²¹², trong vườn Tiên Nhon Lộc Uyển²¹³”.

Với ý nghĩ đó, đức Phật liền lên đường. Trên lộ trình, Ngài gặp Phạm Chí tên là Ưu-bà-kỳ-bà. Từ xa, ông trông thấy đức Thế Tôn dung nhan đỉnh đạc, các căn tịch định, ánh sáng tỏa ra một tầm, giống như núi vàng. Phạm Chí bèn hỏi:

- Ngài thờ thầy nào? Ngài hành theo pháp nào mà được tôn quý như thế?

Khi ấy, đức Thế Tôn nói kệ trả lời:

*Tất cả trí là hơn
Không lụy, không bị nhiễm
Không thầy, ta tự tu*

*Tự nhiên thông Thánh đạo
Chỉ một và duy nhất
Khiến đời được an vui
Sẽ tại Ba-la-nại
Đánh trống pháp cam lồ.*

Phạm Chí lại hỏi:

- Ngài tự nói là tối thắng, xin được nghe nghĩa ấy.

Đức Phật lại nói kệ trả lời:

*Hãy trừ hết ràng buộc
Diệt lậu hoặc ba cõi
Phá tan các ác pháp
Nên gọi Ta tối thắng.*

Phạm Chí không chấp nhận, vồ bấp về ra đi. Vị Thiên thần bạn đời trước của Phạm Chí từ trên không liền nói kệ:

*Phật vừa mới ra đời
Bậc tôn kính thế gian
Tại sao bạn gặp được
Lại bỏ mà ra đi?!*

Phạm Chí tuy nghe bài kệ, nhưng vẫn bỏ đi không ngó lại. Đức Thế Tôn lại lên đường, Ngài đến Ba-la-nại, là nơi năm người bạn đang tu ở đây. Năm người trông thấy đức Phật đi về phía mình, liền dặn nhau rằng:

- Sa-môn Cù Đàm trước kia ăn mỗi ngày một hạt mè, một hạt thóc mà còn không đắc đạo, nay nhiều ham muốn thì càng cách xa đạo. Chúng ta chỉ đặt một chiếc ghế nhỏ và dùng nên đứng dậy nghinh đón, lễ bái hỏi chào!

Nhưng khi đức Thế Tôn đến, năm người không ai bảo ai, tự động đứng dậy kính lễ, rước y bát, trải chỗ ngồi tốt, lấy nước rửa chân, song vẫn coi thường Như Lai, nên chỉ gọi tánh danh... của Ngài để mời ngồi. Đức Phật bảo năm người:

- Các ngươi là kẻ ngu si, dặn nhau thế nào mà nay tự hủy bỏ?! Các ngươi chớ nên đối với Phật mà khinh thường, gọi bằng danh tánh để rồi phải nhận lấy cái khổ báo nhiều kiếp. Ta nay đã thành Vô thượng Chánh giác,

nên phải cùng nhau nhất tâm lãnh thọ lời dạy. Nếu các người tùy thuận không chống trái, thì không bao lâu nữa sẽ được xứng đáng đứng trong hàng ngũ xuất gia, tịnh tu phạm hạnh, hiện tại chứng đạo quả, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, hiểu rõ năm ấm, an hưởng Nê-hoàn.

Năm người lại nói:

- Trước đây, ông tu khổ hạnh, những việc làm khó như vậy mà còn không đắc cái pháp vượt lên trên người, đầy đủ lợi ích của bậc Thánh, huống nay bỏ khổ hạnh, sống phóng túng, nhiều ham muốn, pháp vượt hơn người làm sao đạt được?

Đức Phật lại bảo:

- Các người đừng khinh thường đức Như Lai, bậc Vô thượng Chánh giác. Phật không mất đạo, cũng không đa dục.

Nghe lời dạy này, năm người mới chịu loại bỏ ý nghĩ cũ. Đức Phật lại bảo:

- Ở đời có hai cực đoan không nên thân cận: một là tham đắm ái dục, nói dục là không có tội lỗi; hai là tà kiến khổ hình, không hề có dấu vết của đạo. Xả bỏ hai cực đoan đó thì được Trung đạo, phát sinh con mắt trí, sáng suốt giác ngộ, hướng đến Niết-bàn. Thế nào gọi là Trung đạo? - Trung đạo là tám con đường chánh: Chánh kiến, Chánh tư, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm và Chánh định. Như vậy gọi là Trung đạo.

Lại có bốn Thánh đế: Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ diệt đạo thánh đế.

Khổ thánh đế là thế nào? - Nghĩa là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ưu bi não khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ái biệt ly khổ, mong cầu không được khổ. Nói một cách gọn lại là năm ấm xí thạnh khổ. Như vậy là Khổ thánh đế.

Khổ tập thánh đế là thế nào? - Nghĩa là hữu ái và câu sanh phiền não, ưa thích đắm trước khắp nơi. Như vậy gọi là Khổ tập thánh đế.

Khô diệt thánh đế là thế nào? - Nghĩa là trạng thái vắng lặng sau khi đoạn hết ái. Như vậy gọi là Khô diệt thánh đế.

Khô diệt đạo thánh đế là thế nào? - Nghĩa là Tám con đường chánh. Như vậy gọi là Khô diệt đạo thánh đế.

Đó là pháp mà trước đây Ta chưa từng nghe. Nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, thông sanh, tuệ sanh, pháp như vậy nên biết. Trước đây Ta chưa từng nghe nhãn sanh cho đến tuệ sanh, pháp như vậy ta đã biết. Trước đây Ta chưa từng nghe nhãn sanh cho đến tuệ sanh là Khô thánh đế; Khô thánh đế như vậy nên biết và Khô thánh đế như vậy Ta đã biết. Trước đây, Ta chưa từng nghe nhãn sanh cho đến tuệ sanh là Khô tập thánh đế; Khô tập thánh đế như vậy nên đoạn và Khô tập thánh đế như vậy Ta đã đoạn. Trước đây, Ta chưa từng nghe nhãn sanh cho đến tuệ sanh là Khô diệt thánh đế; Khô diệt thánh đế như vậy nên chứng, và Khô diệt thánh đế như vậy Ta đã chứng. Trước đây, Ta chưa từng nghe nhãn sanh cho đến tuệ sanh là Khô diệt đạo thánh đế; Khô diệt đạo thánh đế như vậy nên tu và Khô diệt đạo thánh đế như vậy Ta đã tu. Trước đây, Ta chưa từng nghe nhãn sanh cho đến tuệ sanh. Ta đã biết như thật, đó là ba lần chuyển thành mười hai pháp luân, chứng thành Vô thượng Chánh giác.

Khi đức Phật nói pháp này, quả đất sáu lần rung chuyển. Kiền-trần-như xa trần lià cầu, ở trong các pháp chứng được con mắt pháp trong sạch. Đức Phật hỏi ông Kiền-trần-như:

- Ông hiểu chưa?

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu.

Vị Địa thần nghe rồi, báo lên thần Hư không, thần Hư không báo lên Tứ Thiên Vương Thiên²¹⁴, Tứ Thiên Vương Thiên báo lên Đạo Lợi Thiên²¹⁵... Cứ lần lượt như vậy báo lên đến trời Phạm Thiên rằng: “Nay đức Phật ở tại Ba-la-nại chuyển bánh xe pháp Vô thượng mà trước đây chưa từng được chuyển. Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm, tất cả thế gian chưa hề có ai chuyển. Chư thiên hoan hỷ mưa xuống các loại hoa, đều có ánh sáng như các vì sao rơi xuống đất. Trong hư không nhạc trời nổi lên. Lúc ấy, Kiền-trần-như từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, bạch rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, cho con xin được xuất gia thọ Cụ túc giới.

- Lành thay! Tỳ-kheo lại đây thọ giới Cụ túc. Ở trong pháp Phật khéo nói của Ta, có thể đoạn hết tất cả khổ, tịnh tu phạm hạnh. - Đức Phật nói.

Kiều-trần-như râu tóc tự rơi xuống, ca-sa mặc vào thân, bình bát bung nơi tay. Từ đây về sau được gọi là A Nhã Kiều-trần-như.

Đức Phật lại vì bốn người còn lại nói pháp giáo giới. Bạt-đề, Bà-phả, hai người chứng được con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc quả. Thấy pháp đặc quả rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật, bạch rằng:

- Kính bạch đức Thế Tôn, nguyện cho chúng con được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Đức Phật dạy:

- Lành thay Tỳ-kheo!...

Bình bát bung nơi tay (như trước).

Đức Phật lại vì hai người nữa nói pháp giáo hóa. Át-bệ và Ma-ha-nạp được con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc quả. Thấy pháp đặc quả rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật, bạch:

- Kính bạch đức Thế Tôn, cho chúng con được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Phật dạy:

Lành thay Tỳ-kheo!...

Bình bát bung nơi tay (như trước).

Đức Phật bảo năm Tỳ-kheo:

- Các ông một lòng cầu chánh đoạn phiền não. Trước đây, Ta cũng một lòng cầu chánh đoạn phiền não, nên được thành Vô thượng Chánh giác. Các ông nghĩ thế nào? - Sắc là thường hay vô thường?

- Thừa Ngài, sắc là vô thường. - Năm người đáp.

- Là vô thường thì khổ hay vui?. - Đức Phật hỏi.

- Thừa là khổ. - Các vị đáp.

- Nếu là khổ thì ngã hay phi ngã?. - Đức Phật hỏi.

- Thưa, là phi ngã. - Các vị đáp.

Thọ, tướng, hành, thức, đức Phật cũng hỏi như trên, và các vị cũng trả lời như trên.

Đức Phật lại dạy:

- Do đó, này các Tỳ-kheo! Sắc là trong hay ngoài, dù quá khứ, vị lai, hiện tại đều nên thấy đúng như thật là phi ngã. Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Là Thánh đệ tử nên quán sát như vậy, nhằm chán, yếm ly, không nhiễm trước thì được giải thoát, được trí giải thoát, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm.

Khi đức Phật nói pháp như vậy, thì năm Tỳ-kheo đều dứt hết lậu hoặc, đắc A-la-hán đạo. Bấy giờ, thế gian có sáu vị A-la-hán.

Cũng trong thời gian ấy, có một người trai trẻ tên là Da-xá, con của một Trưởng giả. Da-xá bản tánh hiền lành, nhằm chán đời sống, muốn xa lìa thế gian, rất yêu thích việc nghe pháp. Bấy giờ đức Thế Tôn khởi ý niệm: “Da-xá, con ông Trưởng giả kia sẽ đem lòng tin mà xuất gia”.

Nghĩ thế, đức Phật bèn đến cạnh sông Bà-la, trái cỏ nghỉ lại đêm. Đêm ấy, sau khi thường thức năm thứ dục lạc rồi, con ông Trưởng giả thiếp ngủ. Ngay sau đó, các kỹ nữ cũng ngủ vùi luôn. Đêm đã khuya, Da-xá bỗng thức giấc nhìn thấy nhà cửa của mình như bãi tha ma, các kỹ nữ chẳng khác nào người gỗ. Họ gồi lên nhau ngủ, nước mũi, nước miếng từ miệng và mũi chảy ra nhớp nhúa. Đàn cầm, đàn sáo, ống tiêu, ống sáo cùng với đồ đạc ngổn ngang lẫn lóc, trông thật đáng sợ. Da-xá càng nhằm chán, muốn vất bỏ tất cả, bèn chạy đến chỗ cha ở, cũng nhìn thấy mọi cảnh vật tương tự. Sự nhằm chán muốn xa lìa lại càng lên cao. Da-xá vội đi về phía cửa hông, cửa hông bỗng nhiên mở ra, đi về hướng cửa cái, rồi cửa đại thành, cửa tự nhiên mở ra. Da-xá thoát ra ngoài, đi về phía dòng sông Bà-la, cất tiếng kêu lớn:

- Nay tôi sầu khổ quá! Không có chỗ nương nhờ!

Bấy giờ, đức Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng, vẫy gọi:

- Này đồng tử, đến đây! Đây là chỗ yên lặng không có sầu khổ.

Da-xá nghe tiếng gọi của Phật, thì mọi sầu khổ bỗng nhiên tan mất. Da-xá liền cởi đôi giày Lư-ly đang mang để lại bờ sông, rồi lội qua đến chỗ Phật. Từ xa đã thấy đức Thế Tôn nhan sắc thù đặc như núi vàng ròng. Da-xá sanh tâm hoan hỷ, đến trước Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì Da-xá nói các pháp vi diệu, chỉ bày sự lợi ích khiến lòng vui mừng. Tiếp theo, đức Phật nói pháp Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Da-xá liền từ chỗ ngồi xa tràn lìa cầu, được con mắt pháp trong sạch.

Khi các kỹ nữ bùng thức dậy thì chẳng thấy Da-xá đâu cả. Họ chia nhau tìm kiếm nhưng không thấy. Họ đến báo cáo với cha mẹ Da-xá. Cha mẹ cho bao vây tìm khắp, rao truyền cho mọi người biết rằng: “Ai biết con tôi ở đâu, tôi sẽ đem chiếc áo quý giá đang mặc biểu cho”.

Ngay trong đêm ấy, cha của Da-xá đến cửa thành và chờ cửa thành mở mới ra ngoài. Nhìn thấy dấu giày của con, rồi lần theo đến tận bờ sông thì bắt gặp đôi giày Lư-ly để đó. Người cha vừa mừng vừa lo, bỏ lại đôi giày, lội ngay sang sông. Đức Phật từ xa đã trông thấy người cha, sợ làm trở ngại thiện tâm người con, Ngài liền phương tiện hóa một vật che chắn, khiến con thấy cha mà cha không thấy con. Người cha hỏi đức Phật:

- Sa-môn có thấy con tôi ở đâu không?

- Ông nên ngồi nghỉ đã, nếu có nơi đây thì lo gì không thấy. - Đức Phật trả lời.

Nghe lời nói ấy, người cha nghĩ rằng: “Chắc Sa-môn không nói dối”. Người cha liền đến kính lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật thuyết pháp vi diệu cho người cha nghe, chỉ bày sự lợi ích, khiến lòng được vui mừng. Các pháp đức Phật thuyết, đó là luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên và nói về ngũ dục là tội lỗi sản sinh ra các lậu hoặc. Tại gia thì nhiễm ô, xuất gia thì không vướng mắc. Đức Phật nói các pháp trợ Bồ-đề đạo, tiếp đến là nói các pháp mà chư Phật thường nói là Khổ, Tập, Tận, Đạo. Ông Trưởng giả liền từ chỗ ngồi xa tràn lìa cầu, được con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc quả. Thấy pháp đặc quả rồi thọ ba quy y, tiếp đến thọ năm giới. Trong chúng Ưu-bà-tắc, cha con ông Da-xá là người đầu tiên thọ Tam quy, Ngũ giới. Da-xá nghe đức Phật vì cha mình nói pháp bốn chân đế, lậu hoặc liền hết, tâm ý liễu giải.

Sau đó, đức Phật khiến cho cha con hai bên thấy nhau. Người cha nói với con:

- Con nên về lại nhà, mẹ con tưởng mắt con nên ưu sầu muốn chết.

Đức Phật nói với người cha rằng:

- Nếu người nào đã giải thoát khỏi lậu hoặc, thì lại có thể trở về để thọ dục nữa hay không?

Người cha thưa:

- Dạ, không thể.

Đức Phật bảo:

- Khi Ta vì ông nói pháp, Da-xá quán các pháp thì lậu hoặc liền hết, tâm được giải thoát.

Trưởng giả thưa:

- Thế Tôn vì con nói pháp, lại khiến cho Da-xá giải thoát thật là điều thiện lợi.

Khi ấy, Da-xá từ chỗ ngồi đứng dậy thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, cho con xuất gia thọ Cụ túc giới.

- Lành thay, đến đây Tỳ-kheo!... *(Cho đến câu: bình bát bung ở tay như Kiều-trần-như ở trên).*

Bảy giờ trong thế gian có bảy vị A-la-hán.

Về phần Trưởng giả, ông ta đứng dậy đánh lễ sát chân Phật rồi thưa:

- Bạch Thế Tôn, cúi xin Ngài cùng Da-xá nhận bữa cúng dường của gia đình con vào ngày mai, ngay tại nhà con.

Đức Phật nhận lời bằng sự im lặng. Trưởng giả đánh lễ sát chân Phật, nhiễu ba vòng rồi cáo lui.

Sau khi trở về nhà, ông cho sắm sửa đầy đủ các món ăn, thức uống mỹ vị. Đến giờ, đức Phật cùng ông Da-xá đắp y, bung bát đến nhà Trưởng giả, an tọa nơi tòa. Vợ chồng Trưởng giả tự tay san sóc thức ăn. Ăn rồi, Phật

dùng nước uống và nước rửa được hầu tiếp chu đáo. Bà vợ lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước Phật. Đức Phật nói:

- Nay cô! Cô nên quy y Phật, quy y Pháp, và quy y Tỳ-kheo Tăng.

Bà ta liền thọ Tam quy y và tiếp theo là thọ năm giới. Như vậy, mẹ Da-xá là người đàn bà đầu tiên thọ ba quy y và năm giới. Bây giờ, đức Thế Tôn vì mẹ Da-xá và cả nhà lớn nhỏ nói các diệu pháp, chỉ bày sự lợi ích, khiến họ được vui mừng. Tất cả nhà đều xa trần lìa cấu, có được con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc quả. Thấy pháp đặc quả rồi, đều thọ ba tự quy và năm giới.

Thuở ấy, Da-xá có bốn người bạn: một tên là Mãn-túc, hai tên là Thiện-bác, ba tên là Ly-cầu, bốn tên là Ngưu-chủ, nghe Da-xá xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù Đàm, họ cùng nhau bàn thảo:

- Đạo này chắc là hơn hết, nên khiến cho kẻ hào tộc không đoái hoài đến địa vị, vinh hoa ở đời. Chúng ta có thể cùng đến chỗ Sa-môn tu phạm hạnh.

Đồng ý nhau, cả bốn người đến chỗ Da-xá với tâm hồn mộ đạo, hỏi:

- Nơi mà bạn tu phạm hạnh, có đầy đủ khả năng cho sự tối thắng hay không?

- Đạo này là Vô thượng tối thắng vậy! - Da-xá trả lời.

Da-xá dẫn bốn người đến chỗ Phật, họ đánh lễ Phật sát chân rồi ngồi qua một bên. Đức Phật vì họ nói các pháp nhiệm mầu, chỉ bày sự lợi ích khiến họ rất vui mừng. Cả bốn người đều ngộ đạo, rồi họ đánh lễ sát chân Phật, bạch:

- Cúi xin Thế Tôn cho chúng con được xuất gia thọ Cụ túc giới.

- Lành thay, đến đây các Tỳ-kheo!... *(cho đến: bình bát trên tay - như trên)*

Thọ giới chưa bao lâu, do tinh tấn tu tập, họ đều đắc quả A-la-hán. Bây giờ trong thế gian có mười một vị A-la-hán.

Da-xá trước kia giao du quen thân với năm mươi người bạn, nghe biết rõ sự việc Da-xá tu phạm hạnh, họ cùng nhau kéo đến thăm, tìm hiểu sự thật.

Năm mươi người bạn này, sau khi thống nhất, họ đến Phật xin xuất gia. Sự việc giống như trên. Năm mươi người đều chứng quả A-la-hán. Như vậy, trong thế gian có sáu mươi một vị A-la-hán.

Thầy tướng A-di biết Bồ-tát sau khi thành Phật sẽ chuyển bánh xe pháp tại vườn Lộc Uyển, nơi Tiên non, nước Ba-la-nại, ông ta lại nghĩ: “Sau khi ta qua đời, trong các đệ tử của ta, Na-la Ma-nạp sẽ kế thừa ta, các vật phẩm cúng dường ta sẽ thuộc về hắn. Chắc hắn tham đắm không lưu ý nhớ đến việc đức Phật ra đời. Nay ta nên dời đến cạnh vườn Lộc Uyển cất nhà ở, giáo dục hắn mỗi ngày ba lần nhớ đến việc đức Phật sẽ ra đời”, và dặn:

- Nếu khi Phật xuất thế, con nên đến tu phạm hạnh nơi Ngài.

Thầy tướng A-di thực hiện đúng như điều đã suy nghĩ. Không lâu sau, A-di qua đời. Quả thật Na-la nhận được vật cúng dường, tâm tham đắm sâu đậm, không hề nghĩ đến sự kiện đức Phật ra đời.

Cũng vào thời điểm ấy, Long vương Y-la-bát²¹⁶ suy nghĩ: “Xưa kia đức Phật Ca-diếp huyền ký cho ta rằng: ‘Đời đương lai, sau trăm ngàn vạn ức năm, đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở đời, Ngài sẽ huyền ký cho người về thời gian thoát khỏi thân rồng’. Nay chính là lúc ta nên đến để gặp đức Phật Thích Ca”.

Long vương vì cần gặp Phật, cho nên trong sáu ngày chay thường ở trong sông Hằng, lấy bát vàng đựng đầy thóc bạc, lấy bát bạc đựng đầy thóc bằng vàng, lại trang sức lộng lẫy cho hai người con gái, rồi nói bài kệ:

*Vua nào trên các vua?
Bậc nào nhiệm cùng không?
Làm sao đặng vô cầu?
Người nào gọi là ngu?
Người nào bị dòng cuốn?
Được gì gọi là trí?
Làm sao dòng không cuốn
Để gọi là giải thoát?*

Long vương nói bài kệ này rồi, nghĩ rằng: “Nếu ai có thể giải được bài kệ này thì người đó là Phật. Còn nếu ai nghe lời giải từ Phật thì họ sẽ chỉ cho ta chỗ Phật ở. Bởi vì, theo ta thì hiện tại không có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, tất cả thế gian không ai giải được bài kệ này”. Nghĩ như vậy rồi liền rao truyền:

- Nếu ai có thể giải được bài kệ này, tôi sẽ biếu cho bát vàng, bạc đựng lúa bạc, vàng và hai người con gái của tôi.

Bấy giờ có quá nhiều Sa-môn, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ tranh nhau muốn vì sự thách đố của Long vương mà giải bài kệ này, song tất cả không ai giải nổi kệ của Long vương.

Hồi ấy, trong nước Ma-kiệt-đà, Na-la Ma-nạp được mọi người tôn kính. Trước bài kệ ấy, nhân dân đều nghĩ rằng: “Na-la Ma-nạp là người có tri kiến lớn, chắc có thể giải được”, bèn kéo nhau đến để yêu cầu Ma-nạp giải đáp. Ma-nạp suy nghĩ: “Ta được cả nước tôn kính, nếu bảo không giải được thì mọi người sẽ bỏ rơi ta”. Tuy chưa giải được, nhưng phải tạo phương tiện để bảo tồn danh dự, Na-la Ma-nạp trả lời:

- Mọi người cùng tôi đến chỗ Long vương, tôi sẽ giải cho.

Thầy trò xúm xít vây quanh nhau thật đông đảo, kéo nhau đến chỗ Long vương. Ma-nạp nói:

- Long vương nói rõ lại bài kệ, tôi sẽ giải đáp.

Long vương liền nói lại bài kệ trên.

- Bài kệ này rất dễ hiểu, nhưng đợi sau bảy ngày tôi sẽ giải đáp. - Na-la Ma-nạp hẹn thế.

Na-la Ma-nạp thuộc lòng bài kệ rồi, trước hết đọc kệ hỏi Sa-môn, Bà-la-môn, Bất Lan Ca-diếp, Lục sư v.v... Tất cả không một ai giải đáp được. Họ đều cúi gắt mặt cho là dối trá, quỷ quyệt, hoặc bảo đó là vô nghĩa, muốn dùng thủ đoạn bớt chữ để không giải được.

Ma-nạp lại nghĩ: “Xưa kia thầy ta dạy ta: Phật xuất thế, nên đến đó tu phạm hạnh. Nay Sa-môn Cù Đàm ở nơi vườn Nai, chắc Ngài có thể giải được, ta nên đến hỏi”.

Nhưng Ma-nạp lại nghĩ: “Lục sư là hạng thâm niên, bác học mà còn chưa giải nổi, huống chi Sa-môn Cù Đàm tuổi nhỏ, mới xuất hiện, làm sao hiểu nổi?”.

Tuy vậy, Ma-nạp lại suy diễn: “Thông minh hay ngu tối là điều tự nhiên, không thể dựa vào tuổi tác. Cù Đàm tuy nhỏ tuổi, nhưng không thể khinh được”.

Ma-nạp tự tin đi đến Phật, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên, đọc bài kệ của Long vương để hỏi đức Phật. Đức Phật liền đọc bài kệ trả lời:

*Vua thứ sáu²¹⁷ trên hết
Người bị nhiễm cùng không
Không nhiễm là không cấu
Người nhiễm gọi là ngu
Người ngu bị dòng cuốn
Người dứt được là trí
Bỏ dòng, không trở lại
Như thế là giải thoát.*

Na-la Ma-nạp nghe bài kệ này rồi, liền khẳng định đây là trí thậm thâm của Phật, liền tụng tập thọ trì. Ngày thứ bảy đến chỗ Long vương. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn người tụ tập hai bên bờ sông Hằng để nghe Ma-nạp giảng nói nghĩa bài kệ. Ma-nạp bảo Long vương: “Hãy nói bài kệ của nhà ngươi trước”. Long vương đọc kệ. Ma-nạp liền nói bài kệ đã được nghe từ đức Phật để giảng giải. Long vương vô cùng hoan hỷ sau khi nghe lời kệ giải đáp, nghĩ rằng: “Phật đã ra đời, nay nhờ sự việc này mà ta được gặp đức Phật. Vì sao vậy? Vì ngoài đức Phật, chẳng còn ai có thể giải đáp nổi”. Quyết chắc như vậy, Long vương hỏi Ma-nạp:

- Ông nên nói thật với tôi, bài kệ mà ông vừa nói là ông nghe từ ai? Vì hiện nay tôi chưa thấy Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả thế gian người nào có thể nói bài kệ này, chỉ trừ đức Phật. Ông nghe từ đức Phật phải không?

Ma-nạp nói:

- Tôi xin nói thật với ông, đức Phật đã xuất thế, tôi nghe từ Ngài.

- Nay đức Phật trú ở đâu? Tôi muốn đến yết kiến Ngài. - Long vương vui mừng hỏi.

Ma-nạp quỳ gối, đưa tay chỉ về hướng đức Phật ở, nói:

- Hiện nay đức Phật ngụ ở đó.

Long vương vô cùng hoan hỷ, ba lần xướng rằng:

- Nam mô Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác.

Long vương nói với Ma-nạp:

- Ông có thể đưa tôi đến chỗ Phật để thăm hỏi đức Thế Tôn, được không?

- Được vậy. - Ma-nạp trả lời.

Long vương liền hiện lại thân rồng, dài lớn khổng lồ, mắt to như cái bình bát, hơi thở như sấm, miệng tuôn ra hỏa quang, ngược dòng nước mà đi. Tám mươi bốn ngàn người đi theo rồng trên hai bờ sông Hằng. Khi đến một bãi nhỏ, Long vương lại hóa làm Chuyển luân Thánh vương, lên bờ rồi đến chỗ Phật. Từ xa thấy đức Phật dung mạo đặc thù, giống như núi vàng, Chuyển luân hoan hỷ, lòng kính trọng không sao xiết kể. Đức Phật thấy Chuyển luân vương, tức Long vương, liền gọi tên:

- Lành thay, Long vương Y-la-bát, đến đây!

Long vương nghe gọi tên mình, lại vô cùng xúc động, nghĩ: “Đức Thế Tôn biết tên ta, Tu Già Đà (*Phật*) biết tên ta!”.

Long vương đánh lễ sát chân Phật rồi đứng lui qua một bên, nói lại bài kệ ấy để thưa hỏi Phật. Đức Phật nói lại bài kệ đã nói cho Ma-nạp nghe. Long vương nghe kệ, liền bày tỏ lòng vui mừng của mình, nhưng sau đó lại buồn khóc. Đức Phật hỏi Long vương:

- Tại sao chỉ trong chốc lát vui đó rồi lại buồn đó?

- Bạch Thế Tôn, con nhớ đời quá khứ, con tịnh tu phạm hạnh nơi đức Phật Ca-diếp. Một thời gian sau, con cầm một cành hoa màu tím đến chỗ Phật Ca-diếp, hỏi: “Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo làm cho cành hoa này chết thì phạm những lỗi gì?”. Đức Phật Ca-diếp bảo: “Do bởi nhân duyên đó, nên có thể đọa vào địa ngục, rất khổ”. Con nghe lời dạy ấy mà không tin, không kính. Con đem cành hoa đâm vào lá cây Y-la với ý nghĩ: “Thử xem có quả báo ra sao?”. Cuối cùng, con không bỏ ác kiến ấy, cũng không sám hối và sau khi chết sanh vào trong loài rồng, sống rất lâu. Do nghiệp ấy cho nên con mang tên rồng: Y-la-bát. Sau khi thọ thân rồng rồi, con trở lại hỏi đức Phật Ca-diếp: “Khi nào con có thể thoát khỏi thân rồng này?”. Đức Phật Ca-

diếp nói: “Đời đương lai, sau trăm ngàn vạn ức năm, có đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở đời, Ngài sẽ cho người biết khi nào thì thoát khỏi thân rỗng”. Nay con đã gặp được đức Thế Tôn, sanh tâm hy hữu, mới biết lời nói của chư Phật là không hư dối, cho nên con rất hân hoan. Con lại nghĩ: “Xưa kia do trái lời Phật dạy, nay lại không thể thọ minh giới của Phật”, cho nên con buồn khóc.

Long vương lại bạch:

- Nguyện xin Thế Tôn cho con biết, khi nào con thoát khỏi thân rỗng này?

Đức Phật dạy:

- Đời đương lai, sau trăm ngàn vạn ức năm, có đức Phật Di Lặc xuất hiện ở đời, khi ấy, người thoát khỏi thân rỗng, xuất gia thọ giới, rộng tu phạm hạnh, dứt hết gốc khổ.

Đức Phật cho rỗng thọ ba tự quy, làm người Ưu-bà-tắc. Đức Phật lại vì tám mươi bốn ngàn người nói các diệu pháp, chỉ bày sự lợi ích, khiến cho họ vui mừng, như nói về pháp Bồ thí..., cho đến thoát ly khổ là niềm vui. Sau khi họ nhận được niềm vui, đức Phật lại vì họ nói các pháp mà chư Phật thường nói là: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Tám vạn bốn mươi ngàn người ngay chỗ ngồi xa lìa trần cấu, thấy pháp đặc quả, rồi thọ ba tự quy y, tiếp đến thọ năm giới. Khi ấy, Long vương nói với Na-la Ma-nạp rằng:

- Nay ông đâu cần gì đến Long nữ nữa? Long nữ nhiều sân nhuế, hoặc dùng lửa độc làm hại cho nhau. Tuy nhiên ông cần vàng bạc, vật báu thì tôi xin biếu hết cho ông.

Ma-nạp nói:

- Thôi đi Long vương! Tôi không cần Long nữ, cũng không cần vàng bạc. Tôi nghe đức Phật nói bài kệ đã lìa được mọi ham muốn của cõi dục rồi.

Đức Phật thuyết pháp xong, bảo Long vương:

- Ông có thể trở về lại chỗ ở.

Long vương vâng lời, đánh lễ cáo lui. Sau khi Long vương đi, Ma-nạp đến trước Phật, đánh lễ sát chân Ngài, thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn, nguyện xin cho con được xuất gia, thọ giới Cụ túc.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Đến đây Tỳ-kheo!... *(cho đến bình bát bung nơi tay - như trước)*.

Xuất gia chưa bao lâu, Na-la Ma-nạp do tinh tấn tu hành, đắc quả A-la-hán. Bảy giờ, trong thế gian có sáu mươi hai vị A-la-hán.

Sau đó, đức Phật từ vườn Nai tuần tự du hóa đến rừng Sa-la²¹⁸, Ngài ngồi dưới tàng cây. Cách rừng không xa có một khu vườn để dạo chơi. Lúc đó, có ba mươi người thanh niên đồng bạn bè đưa vợ đến khu vườn ấy để vui chơi. Trong số đó có một người chưa vợ, thuê một dâm nữ, cho mượn y phục đẹp mặc vào rồi cùng nhau dạo chơi trong vườn ấy. Cuộc tình vừa đến đỉnh cao, người dâm nữ mặc đồ xinh đẹp quý giá kia tình linh bỏ chạy thoát thân. Bọn thanh niên cùng nhau đuổi theo truy tìm, đến rừng Sa-la, từ xa trông thấy đức Phật dung mạo thù thắng, giống như núi vàng, bọn họ như bị sự chế ngự hiềm thấy. Họ cùng đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên và hỏi Phật:

- Đại Sa-môn có thấy một người nữ nào đến đây không?

Đức Phật hỏi lại:

- Tự tìm chính mình và đi tìm người khác thì điều nào nên làm trước?

Nhóm thanh niên thưa:

- Tự tìm lấy mình trước, hơn là đi tìm người nữ.

Đức Phật dạy:

- Các người ngồi lại đây, Ta nói pháp cho nghe.

Họ nghe lời, kính lễ rồi ngồi xuống. Đức Phật vì họ nói các pháp vi diệu, chỉ bày sự lợi ích để họ vui mừng... cho đến đức Phật nói các pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo. Ba mươi người thanh niên đều liễu ngộ diệu pháp. Sau đó, họ đồng xin xuất gia và thọ Cụ túc giới. Đức Phật dạy:

- Lành thay, đến đây các Tỳ-kheo!....

Họ tinh tấn tu tập và đắc quả A-la-hán. Bảy giờ trong thế gian có chín mươi hai vị A-la-hán.

Bảy giờ, lại có sáu mươi người làm việc hôn nhân đi ngang qua rừng Sa-la. Từ xa trông thấy đức Thế Tôn dung nhan đỉnh đạc, giống như núi vàng, họ đến trước đức Phật đánh lễ sát chân Ngài. Sau khi nghe pháp, họ đồng loạt xin xuất gia, Phật bảo: “Lành thay, đến đây các Tỳ-kheo.....” Họ đều đắc giới Tỳ-kheo. Tất cả sau đó đều chứng quả A-la-hán. Bảy giờ trong thế gian có một trăm năm mươi hai vị A-la-hán.

--- o0o ---

PHẦN 07

ĐỐI TRỊ TẮT ĐÀN²¹⁹

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông, mỗi người nên chia đều ra để vào nhân gian du hành. Các bậc Hiền thiện khắp nơi có thể nhận được sự giáo giới của các ông. Riêng Ta, bây giờ sẽ đến xứ Ưu-vi²²⁰, chỗ Uất-tỳ-la Ca-diếp²²¹ để khai hóa.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, chia nhau lên đường. Đức Thế Tôn đi về chỗ Ca-Diếp đang trú ngụ. Ở đây, Ca-diếp thờ một con độc long trong một ngôi nhà vắng, tách biệt; không ai dám bén mảng đến gần, chỉ trừ Ca-diếp. Đức Phật cố ý đến vào buổi chiều vừa xâm tối và xin Ca-diếp ở lại đêm trong nhà có con rồng.

Ca-diếp nói:

- Không thể chấp nhận lời yêu cầu này, vì trong nhà có con độc long, sợ e làm hại Ngài.

- Không can chi, rồng không thể hại Tôi đâu. - Đức Phật trả lời.

- Nếu Ngài không sợ thì cứ tùy ý vào nghỉ. - Ca-diếp chấp thuận.

Đức Phật đem cỏ vào nhà, trải cỏ ra ngoài, với ý nghĩ: “Ta sẽ làm cho thân con rồng nhỏ lại như que đũa, để trong bình bát, điều phục nó”.

Ngồi chưa được bao lâu, con rồng nổi giận, cả thân tuôn ra khói, đức Phật cũng tuôn ra khói. Cả thân rồng liền biến thành một đồng lửa cháy rực, lập tức cả thân đức Phật tuôn ra lửa. Cả hai ngọn lửa hừng hực cháy,

làm cho cả gian nhà rỗng tung tóe ánh sáng chói lòa. Khi ấy, Ca-diếp và các đệ tử đến, đi quanh nhà con rỗng, nuối tiếc than:

- Đại Sa-môn không chịu nghe lời ta, để bây giờ bị con rỗng hại mất!

Sáng ngày, đức Phật cầm bình bát đựng con rỗng bước ra ngoài thì gặp ngay Đại Ca-diếp, Ngài nói:

- Điều làm cho mọi người khiếp sợ thì bây giờ nằm gọn trong bình bát này. Nay Ta đã hàng phục độc long của ông rồi đó.

Với ý nghĩ cố chấp, Đại Ca-diếp nghĩ: “Đại Sa-môn này tuy có thần lực nhưng không bằng chơn đạo của ta”.

Đức Phật liền vận thần lực, chỉ trong chớp nhoáng, đem con rỗng đặt ở Trung gian thế giới, rồi về lại chỗ Ca-diếp. Ca-diếp hỏi Phật:

- Để con rỗng chỗ nào rồi?

- Trung gian thế giới. - Đức Phật trả lời.

Ca-diếp lại nghĩ: “Đại Sa-môn này thần lực rất lớn nên chỉ trong thoáng chốc đem cả con rỗng bỏ vào Trung gian thế giới. Tuy vậy cũng không bằng ta, ta đã được A-la-hán đạo”.

Ca-diếp thưa:

- Xin mời Đại Sa-môn ở lại đây để tôi được cúng dường.

Đức Phật nói:

- Nếu hằng ngày ông đến mời Tôi, thì Tôi có thể nhận lời.

- Tốt thôi! - Ca-diếp đáp lời.

Cách chỗ ở của Ca-diếp không xa, có một khu rừng rậm, đức Phật tạm nghỉ ở nơi đây. Ban đêm, Tứ Thiên Vương từ trời xuống hầu Phật, nghe pháp. Ánh sáng từ bốn vị Thiên Vương như bốn đống lửa. Ca-diếp đang đêm thức dậy, thấy chỗ Phật có bốn khối sáng rực mà không rõ đó là hiện tượng gì. Sáng ngày, Ca-diếp đến thỉnh Phật:

- Thức ăn đã xong rồi, mời Ngài đến dùng.

Ca-diếp lại hỏi:

- Đêm rồi, nơi đây có bốn khối sáng lớn, ánh sáng như lửa mà không phải lửa, ánh sáng này là thế nào?

- Đêm qua Tứ Thiên Vương xuống cúng dường và nghe pháp, ánh sáng của họ đấy. - Ngài trả lời.

Ca-diếp lại nghĩ: “Đại Sa-môn này có đại oai thần nên khiến cho Tứ Thiên Vương tự xuống cúng dường. Tuy vậy cũng vẫn không bằng ta, bởi ta đã được A-la-hán đạo”.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

- Ông về trước, Tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, đức Phật chớp nhoáng như lực sĩ co duỗi cánh tay đến cây Diêm-phù²²² lấy trái đem về. Ca-diếp chưa về đến nơi thì đức Phật đã đến ngồi vào chỗ ngồi rồi. Ca-diếp về sau, thấy Phật, hỏi:

- Tôi không đi đường nào khác trở về, cũng không ghé ở đâu, không thấy Đại Sa-môn, vậy Đại Sa-môn đi đường nào đến đây?

- Sau khi ông vừa ra về, Tôi liền đến cây Diêm-phù hái trái đem về đây. Trái này thơm ngon, có thể ăn được, Tôi biểu ông ăn thử xem sao! - Đức Phật nói.

Ca-diếp lại nghĩ: “Đại Sa-môn này có đại thần lực, nhưng không bằng ta, ta đã được A-la-hán đạo”.

Đức Phật thọ trai xong, trở về lại khu rừng. Đêm sau, Thích-đề-hoàn-nhơn đích thân xuống hầu Phật, nghe pháp. Ánh sáng trời Đế Thích chiếu khắp khu rừng, sáng gấp bội ánh sáng Tứ Thiên Vương. Ca-diếp ban đêm thấy, cũng không rõ là ánh sáng gì. Sáng ngày đến thỉnh Phật thọ trai và hỏi về ánh sáng đêm rồi. Đức Phật bảo:

- Đêm rồi Thích-đề-hoàn-nhơn xuống cúng dường và nghe pháp, ánh sáng ấy là ánh sáng của họ.

Ca-diếp lại nghĩ: “Đại Sa-môn này là hạng thần lực khuôn mẫu của thần lực, nên khiến trời Đế Thích tự xuống cúng dường, song cũng không bằng ta, ta đã được A-la-hán đạo”.

Đức Phật bảo ông Ca-diếp:

- Ông về trước, Tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa về, đức Phật đến ven biên Diêm-phù-đê²²³ ở rừng Ha-lê-lặc²²⁴, hái trái đem về chỗ Ca-diếp, đến ngồi vào tòa. Ca-diếp về liền sau đó, cũng hỏi như trên. Đức Phật bảo:

- Ông vừa đi, Tôi đến cạnh biên Diêm-phù-đê, nơi rừng Ha-lê-lặc hái trái đem về đây. Trái này thơm ngon, có thể ăn được, giờ thì biểu ông ăn thử.

Ca-diếp lại nghĩ như trước đã nghĩ. Đức Phật thọ trai xong, về lại khu rừng...

Đêm thứ ba, Phạm Thiên vương chủ thế giới Ta-bà xuống hầu Phật, nghe pháp. Ánh sáng trời Phạm Thiên sáng gấp bội ánh sáng trời Đế Thích. Ban đêm, Ca-diếp thấy không biết là ánh sáng gì. Sáng ngày, Ca-diếp đến thỉnh Phật thọ trai, rồi cũng hỏi ý nghĩa ánh sáng đêm rồi. Đức Phật bảo:

- Đêm rồi, Phạm Thiên vương đến cúng dường và nghe pháp, ánh sáng ấy là của họ.

Ca-diếp lại nghĩ: “Đây là Đại Sa-môn thuộc hạng thần lực khuôn mẫu của thần lực, nên khiến trời Phạm Thiên đến cúng dường, song cũng không bằng ta, ta đã được A-la-hán đạo”.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

- Ông về trước, Tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, đức Phật đến cạnh biên Diêm-phù-đề, nơi rừng A-ma-lặc²²⁵ hái trái đem về... (như trước)

Đức Phật thọ trai xong, trở về lại khu rừng...

Bấy giờ, đức Thế Tôn cần nước để rửa, sông Ni-liên-thiền²²⁶ liền vòng quanh lại, chảy qua trước mặt Ngài, Ngài dùng nước để rửa. Sáng ngày, Ca-diếp lại đến thỉnh Phật thọ trai, thấy khúc sông chảy quanh, liền hỏi:

- Ai đào khúc sông này?

- Vừa rồi Tôi cần nước, nước sông tự chảy quanh đến. - Đức Phật trả lời.

Ca-diếp lại nghĩ: “Đây là hạng Sa-môn có thần lực khuôn mẫu của thần lực, nên mong ý niệm cần nước, nước liền chảy đến, song không bằng ta, ta đã được A-la-hán đạo”.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

- Ông về trước, Tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, đức Phật đến nơi Câu-da-ni lấy sữa bò đem về... (diễn tiến như trước).

Đức Phật thọ trai xong, trở về lại khu rừng.

Bấy giờ, người tớ gái gia đình Bà-la-môn Tư-na chết, bỏ chiếc áo nơi gò mả, đức Phật lấy đem về, với ý nghĩ: “nên giặt nó như thế nào?”. Vừa nghĩ như thế, Thích-đế-hoàn-nhơn liền đến lấy ngón tay chỉ xuống đất, thì ở dưới nước vọt lên thành ao, rồi bạch Phật:

- Ngài có thể giặt áo nơi ao này.

Sơn thân A-tỳ-thích-ca ²²⁷ đưa đến một cái bồn bằng đá lớn, bạch Phật:

- Ngài có thể dùng cái bồn này để giặt.

Đức Phật lại nghĩ: “Ta đứng dựa thế vào cái gì để giặt y này?”. Cách ao không xa, có cây Kha-hầu ²²⁸, vị thần cây liền bẻ cong một nhánh cây xuống sát Phật để Phật vịn vào đó. Đức Phật giặt y rồi, phơi y nơi hư không. Ca-diếp sáng ngày đến thỉnh Phật thọ trai, thấy khung cảnh phục vụ cho việc giặt y của Phật, hỏi không sót thứ gì. Đức Phật lần lượt kể rõ mọi việc. Tuy vậy, Ca-diếp vẫn giữ tâm niệm cao ngạo như trước. Đức Phật bảo Ca-diếp:

- Ông về trước, Tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, đức Phật đến xứ Uất-đơn-việt ²²⁹ lấy loại lúa tự nhiên ²³⁰ đem về... (như trước)

Đức Phật thọ trai xong, trở về lại khu rừng.

Sáng ngày hôm sau, nhân lúc có tiết hội, Ca-diếp nghĩ rằng: “Nay ta không thỉnh Phật thọ trai, vì thỉnh Ngài đến chắc mọi người sẽ bỏ rơi ta mà tranh nhau phụng sự Ngài”. Do vậy, Ca-diếp không đi thỉnh Phật.

Đức Phật biết ý đồ Ca-diếp, nên đến Uất-đơn-việt lấy thức ăn để ăn. Ngày ấy qua rồi, Ca-diếp lại đến thỉnh Phật thọ trai và hỏi:

- Ngày hôm qua tôi không đến thỉnh, Ngài ăn thứ gì?

- Ngày hôm qua ông nghĩ: “Nhân ngày tiết hội mà thỉnh Phật, mọi người thấy Ngài sẽ bỏ ta, tranh nhau phụng sự Phật”? Cho nên Ta đến xứ Uất-đơn-việt lấy thức ăn để dùng. - Đức Phật trả lời.

Ca-diếp lại nghĩ: “Đây là Đại Sa-môn thần lực thuộc hạng thần lực khôn mầu, nên mới biết ý niệm của người khác, song cũng không bằng ta, ta đã được A-la-hán đạo”.

Hôm ấy, đức Phật cùng đi với Ca-diếp về nhà thọ trai, rồi trở về khu rừng.

Ngày ấy, đệ tử Ca-diếp gồm 500 người làm công việc bừa củi. Họ bừa xuống nhưng không giở búa lên được. Đệ tử thưa với thầy chuyện quái lạ này. Thầy nghi, nói:

- Sự Đại Sa-môn làm việc này. Các ông đến hỏi Ngài thử sao!

Họ kéo đến hỏi Phật việc khó hiểu này. Đức Phật hỏi:

- Các ông có muốn giở búa lên không?
- Thưa muốn. - Đệ tử của Ca-diếp đáp.
- Các ông cứ về đi thì cái búa tự giở lên. - Đức Phật bảo họ.

Khi búa đưa lên được rồi, nhưng búa xuống lại không được. Họ lại thưa với thầy. Thầy bảo đệ tử đến hỏi Phật. Đức Phật hỏi:

- Muốn để búa xuống không?
- Thưa muốn.
- Các ông hãy đi về thì búa sẽ tự để xuống.

Nhưng, khi búa bửa xuống, búa dính luôn vào củi, không thể bửa được. Đệ tử lại thưa thầy, thầy bảo họ đến hỏi Phật. Đức Phật hỏi:

- Muốn búa bửa được phải không?
- Thưa muốn.
- Thôi, cứ đi về đi, búa sẽ sử dụng được.

Búa sau đó sử dụng bình thường.

Đệ tử của Ca-diếp muốn nhen lửa, lửa không chịu cháy. Đệ tử lại thưa với thầy. Thầy bảo đệ tử đến hỏi đức Phật. Đức Phật hỏi:

- Muốn lửa cháy phải không?
- Vâng! - Họ thưa.
- Thôi, cứ về đi lửa sẽ tự cháy. - đức Phật bảo.

Họ về, lửa liền phụt cháy và cứ cháy mãi không dập tắt được. Họ lại hỏi thầy. Thầy lại bảo họ hỏi Phật. Phật bảo họ đi về, lửa liền tự tắt.

Họ muốn dập tắt lửa than bằng bình đựng nước, nhưng nước trong bình không chảy ra. Họ thưa thầy, thầy bảo họ đến hỏi Phật. Phật bảo họ đi về thì nước tự chảy ra. Nước tự chảy ra và chảy mãi không dừng lại. Họ thưa thầy, thầy bảo họ đến hỏi Phật. Phật dạy họ cứ đi về thì nước trong bình tự dừng lại. Họ về, nước trong bình tự nhiên thôi chảy ra.

Bấy giờ trời mây u ám, mưa lớn suốt bảy ngày. Khu vực nhà ông Ca-diếp thành một biển nước mênh mông. Đức Phật ở trong rừng, ông Ca-diếp sợ Phật bị nước cuốn trôi, đi thuyền đến xem, thấy đức Thế Tôn đang kinh hành trên dòng sông Ni-liên-thiên. Ca-diếp lại nghĩ: “Đại Sa môn này có thần lực cao siêu nên nước lớn như vậy mà không bị cuốn trôi, lại kinh hành trên nước, song vẫn không bằng ta, ta đã được A-la-hán đạo”.

Khi ấy, đức Thế Tôn bay lên hư không, bảo ông Ca-diếp rằng:

- Ông không phải là La-hán, tại sao cứ hư dối tự xưng là đắc đạo?!

Ca-diếp thú nhận:

- Bạch Thế Tôn, thật vậy! Bạch Thế Tôn thật vậy!

Ông ta lại bạch Phật:

- Xin Thế Tôn cho con được xuất gia, thọ Cụ túc giới.

- Ông đã báo cho đệ tử chưa? - Đức Phật hỏi.

- Thưa chưa. - Ca-diếp đáp.

- Nên báo cho họ biết trước. - Đức Phật bảo.

Ca-diếp vâng theo, liền trở về nói với hàng đệ tử:

- Các ông biết chăng? Ta muốn tu phạm hạnh nơi Đại Sa-môn. Các ông, người nào theo ta thì tốt, bằng không vui theo thì tùy ý.

Năm trăm đệ tử đồng thanh nói:

- Khi chúng con thấy Phật hàng phục con rồng thì đã sanh lòng tin, chỉ đợi ý kiến của thầy mà thôi. Chúng con xin được đi theo con đường của thầy.

Thế là thầy trò cùng nhau đến chỗ đức Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn, thầy trò chúng con đều muốn xuất gia thọ Cụ túc giới.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Các Tỳ-kheo đến đây thọ Cụ túc giới. Ở trong pháp luật khéo nói của Ta để tịnh tu phạm hạnh, thì có thể chấm dứt tất cả khổ.

Ông Ca-diếp với 500 đệ tử râu tóc tự rụng, áo ca-sa mặc vào thân, bình bát bung nơi tay. Sau khi thọ giới, thầy trò đem những dụng cụ, y phục thờ lửa trước đó bỏ xuống sông Ni-liên-thiên. Như vậy, Ca-diếp và 500 đệ tử đã thực hiện xong việc thọ giới Cụ-túc.

Ông Ca-diếp có hai người em, người lớn tên là Na-đề Ca-diếp, người nhỏ tên là Già-da Ca-diếp. Người em lớn có 300 đệ tử, người em nhỏ có 200 đệ tử. Cả hai ở cách anh mình một do-tuần²³¹ về phía hạ lưu sông Ni-liên. Ngày ấy, hai người em thấy dụng cụ thờ lửa của anh mình trôi theo dòng sông, hoảng kinh, sợ anh mình đã bị kẻ ác sát hại, bỏ trôi theo dòng nước. Hai người em liền dẫn 500 đệ tử ngược dòng lên đến chỗ anh

để tiếp cứu, nhưng thấy cả thầy lẫn trò đều làm Sa-môn... Lấy làm lạ, hai em hỏi:

- Tại sao thế này?

Ca-diếp nói:

- Pháp của đạo này nói lên được yếu tố thù thắng tối thượng, không có ai hơn được.

Nghe thế, hai người em cùng 500 đệ tử bàn bạc, thảo luận: “Trí tuệ đệ nhất như anh mình mà nay vui sống với đạo này, thì chắc đạo này là tối thắng”. Sự thảo luận này dẫn đến việc hai em theo gót người anh, họ liền đưa 500 đệ tử đến chỗ đức Phật, đánh lễ sát chân rồi bạch:

- Xin cho chúng con xuất gia thọ Cụ túc giới.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Các Tỳ-kheo đến đây!... (như trước).

Trước thực tế này, đức Phật có suy nghĩ: “Phải giáo giới một ngàn Tỳ-kheo Tăng Phạm-chí mới xuất gia này. Nơi nào có đủ âm thực, ngọ cụ cho Tỳ-kheo để thực hiện việc giáo giới?”. Đức Phật nghĩ ngay đến núi Già-da²³², vì ở đây hội đủ yếu tố trên. Đức Phật liền đưa một ngàn Tỳ-kheo đến núi này. Nơi đây, ba việc giáo giới được đức Phật đề ra: Một là giáo giới thần túc. Hai là giáo giới thuyết pháp. Ba là giáo giới Giáo sắc.

Thế nào là giáo giới thần túc? - Như trong mục thần thông đã nói rõ.

Thế nào là giáo giới thuyết pháp? - Như nói: Tỳ-kheo nên suy nghĩ thế này, không nên suy nghĩ thế này. Nên nhớ nghĩ thế này, không nên nhớ nghĩ thế này. Nên tu thế này, nên đoạn thế này... Nên y theo như vậy mà tu hành.

Thế nào là giáo giới giáo sắc? - Như nói Tỳ-kheo đốt cháy tất cả. Thế nào là đốt cháy tất cả? - Đốt cháy nhãn, đốt cháy sắc, nhãn thức, nhãn xúc, nhãn duyên sanh thọ cũng đốt cháy. Đốt cháy cái gì? - Đốt cháy lửa dục, đốt cháy sân dục, si dục... cho đến ý pháp cũng đốt cháy như vậy. Đệ tử của bậc Thánh nghe pháp như vậy, sanh tâm nhằm chán thế gian, yểm ly thế gian, không có nhiệm trước thì được giải thoát. Giải thoát thì trí sanh, việc đã làm xong, phạm hạnh đã lập, không còn tái sanh.

Khi nói pháp như vậy, một ngàn Tỳ-kheo hết lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhớ lại lời hứa với vua Bình-sa là sau khi đắc đạo sẽ độ nhà vua. Đức Phật cùng với một ngàn đệ tử Tỳ-kheo, kẻ trước người sau vây quanh Ngài, lần lượt du hành về thành Vương-xá.

Vua Bình-sa nghe Phật sau khi thành đạo, độ ba anh em Ưu-vi Ca-diếp và một ngàn đệ tử, nay đến ấp này; vua liền ban lệnh cho 42.000 tu lạc trong nước, mỗi tu lạc chọn hai vị hào kiệt về thành để cung nghinh đức Phật và tám vạn bốn ngàn người cỡi voi, ngựa, xe nối tiếp nhau đón mừng. Bấy giờ, vào tháng cuối mùa Xuân, khí hậu nóng bức, mọi người thầm nghĩ: “Làm sao có được chút bóng mát?!”. Biết được ý nghĩ này, liền khi ấy, trời Thích-đề-hoàn-nhơn hóa một cái lọng báu bằng mây che khắp, lại có gió mát phe phẩy và tự thân hóa làm Phạm thiên, mặc áo màu vàng, cầm cây trượng bằng bảy báu, một tay cầm phát trần cũng khảm bằng bảy báu, cách đất một khủy tay đi trước hướng dẫn. Lúc ấy, người nước Ma-kiệt muốn lần đi trước Phật, bị trời Đế Thích đuổi chạy. Họ cơ hiềm, ngâm lời kệ:

Hình ai giống Phạm thiên Cầm trượng đi cách đất
Miệng nói lời dễ thương Vì ai làm cấp sử (thừa sự)?

Thích-đề-hoàn-nhơn nói kệ đáp:

Giải thoát mọi trói buộc

Điều ngự sĩ tối thượng

Ứng cúng, bậc Thiện thế Vì Ngài, tôi cấp sử.

Vua Bình-sa trong lúc đón nghinh, lại nghĩ: “Chỗ nào đức Phật nghỉ ngơi thì ta đem chỗ ấy cúng Phật để lập tinh xá”. Đức Phật biết ý này nên chiều tối Ngài đến nghỉ lại ở vườn trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, quần chúng đều hoài nghi: “Không biết đức Phật với Ưu-vi Ca-diếp, ai là đệ tử?”. Biết được ý nghĩ này của quần chúng, đức Phật liền hướng đến Ưu-vi Ca-diếp nói bài kệ:

Ưu Vi, ông thấy gì

Mà bỏ pháp thờ lửa?

Nay chính Ta hỏi ông

Ông cần như thật đáp.

Ưu-vi Ca-diếp liền đáp kệ:

Thường tham những mỹ vị

Tâm chạy theo thanh sắc

Con thấy như nhóp này

Nên bỏ nghiệp thờ lửa.

Quần chúng tuy nghe đức Phật cùng Ca-diếp nói kệ, song chưa rõ được ý, vẫn còn hồ nghi. Biết được tâm trạng này, đức Phật lại nói kệ hỏi:

*Ngũ vị ngọt miệng người
Sắc thanh vui lòng người
Ông thấy như chớp này
Được không bởi do đâu?*

Ưu-vi Ca-diếp kệ đáp:

*Con thấy đạo, liền bỏ
Tất cả không đấm trước
Không khác, không thể khác
Do vậy, bỏ thờ lửa.*

Dù đã nghe đối đáp hai lần kệ, tâm đại chúng vẫn còn lưỡng lự, hoài nghi. Phật biết tâm họ, bèn bảo Ca-diếp:

- Ông lấy quạt, quạt cho Ta.

Ca-diếp nghe theo, lấy quạt hầu Phật. Đức Phật lại bảo Ca-diếp:

- Hiện thần thông biến hóa của ông xem nào!

Ca-diếp liền thị hiện các loại thân biến, phân thân thành trăm ngàn ức, rồi hiệp lại thành một thân, đi xuyên qua vách đá, vào trong đất như vào trong nước, đi trên nước như đi trên đất, ngồi nằm trong không trung như chim bay lượn, cả thân bừng cháy chói sáng, tuôn khói, vượt lên mây, lấy tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng thẳng đến trời Phạm Tụ Tại vô ngại. Hoặc trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa; hoặc thân trên tuôn ra lửa, thân dưới tuôn ra nước. Rồi từ trên không giáng xuống, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, đi quanh bên phải ba lần, Ca-diếp quý gối, chấp tay bạch Phật:

- Thế Tôn là thầy của con, con là đệ tử của Thế Tôn.

Thừa như vậy ba lần, rồi Ca-diếp nói với đại chúng rằng:

- Những sự hiểu biết cho đến những thần biến của tôi đều do ân của Đại sư mà được.

Đại chúng sau khi biết rõ Ca-diếp là đệ tử Phật, nên đối với đức Phật họ hết sức hoan hỷ, cung kính Ngài vô lượng.

Thường pháp của chư Phật là khi nhân tâm chưa cảm động, chuyên đòi thì không vì họ nói pháp, nhưng bây giờ thì đại chúng đã hoan hỷ, cung kính, nên Ngài nói các diệu pháp, chỉ bày sự lợi ích để họ được an vui và nói các pháp mà chư Phật thường thuyết, đó là Khổ, Tập, Tận,

Đạo. Vua Bình-sa và 8 vạn 4 ngàn người ngay chỗ ngồi xa lìa trần cấu, được con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc quả, rồi thọ tam quy và năm giới.

Sau đó, vua Bình-sa cúi đầu thỉnh Phật và Tăng sáng ngày mai thọ trai, đức Phật im lặng nhận lời. Nhà vua vui vẻ trở về cung, ra lệnh chuẩn bị đầy đủ các thức ăn ngon bổ. Sáng ngày, vua cho trái tọa cụ nơi vườn trúc và đích thân đến mời Phật thọ trai. Đức Phật cùng Đại chúng theo thứ tự mà ngồi. Nhà vua tự tay rót thức ăn, ngài rất vui vẻ và không biết mệt mỏi. Phật và Tăng thọ thực, rửa tay xong, nhà vua đứng qua một bên, bạch Phật:

- Con xin dâng cúng vườn trúc này lên Ngài.

Đức Phật dạy:

- Nên cúng cho Tăng, phước điền nhiều hơn.

Nhà vua lại thưa:

- Cúi xin Ngài nạ thọ.

Đức Phật dạy:

- Nên cúng cho Tăng, trong đó có Tôi.

Nhà vua nghe theo và dâng cúng vườn trúc Ca-lan-đà cho bốn phương Tăng. Sau đó nhà vua lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước đức Phật nghe pháp. Đức Phật nói pháp tùy hỷ, chú nguyện bài kệ như bài kệ chú nguyện công đức cho Tỳ-lan-nhã. Tiếp theo, đức Phật nói các diệu pháp rồi bảo vua lui về cung. Nhà vua từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lui về.

---o0o---

HỘI ĐỦ CON SỐ MỘT NGÀN HAI TRĂM NĂM MƯƠI

Bấy giờ, đức Thế Tôn trú tại tinh xá Trúc viên²³³ thành La-duyệt-kỳ²³⁴ có một ấp tên là A-la-đà. Phạm chí Sa-nhiên²³⁵ cư ngụ nơi ấp này, có 250 đệ tử theo học đạo. Trong số đó có hai môn đồ cao túc: một người tên là Ưu-Ba-đề-xá²³⁶, người thứ hai tên là Câu-luật-đà²³⁷.

Một hôm, Tỳ-kheo Át-bê²³⁸ vào thành khát thực, Ưu-Ba-đề-xá dạo chơi thấy Át-bê có nhan sắc vui vẻ, hòa nhã, các căn tịch định, y phục chỉnh tề, bung bát nhìn đất mà đi. Với phong độ giải thoát như vậy, khiến

Ưu-Ba-đề-xá lưu ý và lần theo Át-bệ quan sát từng oai nghi một. Như có một lực hút mạnh, Ưu-Ba-đề-xá tiến lên, đến trước Át-bệ hỏi thăm:

- Pháp tượng này ở đâu, y phục lại khác thường như thế? Có thể cho tôi biết quý danh bậc Tôn sư của tôn giả?

Át-bệ trả lời:

- Sa-môn Cù Đàm là Đại sư của tôi. Chúng tôi tôn thờ Ngài, theo học với Ngài, là đệ tử của Ngài.

- Đại sư của tôn giả nói những pháp gì? - Ưu-Ba-đề-xá hỏi.

- Tôi còn trẻ, mới học đạo chưa được bao lâu, đâu có thể nói được nghĩa lý rộng lớn về pháp của thầy tôi. Nhưng, nay tôi có thể vì ông nói các nghĩa yếu lược. Thầy tôi dạy: *“Các pháp từ duyên sanh, cũng từ duyên mà diệt. Tất cả các pháp là không, không có chủ thể”*. - Át-bệ giải đáp.

Ưu-Ba-đề-xá nghe chùng ấy lời, bỗng tâm ý sáng ra, hiểu rõ vấn đề đã bị đóng kín từ lâu, được ngay con mắt pháp trong sạch, tinh ngộ. Ưu-Ba-đề-xá cúi chào Át-bệ, quay về.

Đến gặp ngay người bạn tâm giao là Câu-luật-đà, Ưu-Ba-đề-xá nói lại lời pháp kia cho Câu-luật-đà nghe. Nghe qua như người ngủ được đánh thức, Câu-luật-đà bừng ngộ, xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, liền hỏi Ưu-bà-đề-xá:

- Đức Như Lai du hoá, hiện giờ đang ở đâu?

- Hiện Ngài ở tại Trúc viên Ca-lan-đà.

- Đức Như Lai là thầy của chúng ta, chúng ta nên cùng đến đó kính lễ, thăm hỏi.

- Còn 250 huynh đệ thì sao?

- Khi thầy gần qua đời, di chúc cho chúng ta là cần phải diu dắt, chỉ bảo cho nhau để dẫn đến mọi thành tựu. Bây giờ đâu lẽ nào không thông báo cho nhau, ra đi, bỏ họ lại sao?!

Hai người đi ngay đến chỗ huynh đệ, trước họ, Ưu-Ba-đề-xá nói:

- Tôi và Câu-luật-đà hôm nay muốn theo Sa-môn Cù Đàm để tu phạm hạnh. Các ông mỗi người tùy ý thích mà tự chọn con đường.

Và con đường lựa chọn của 250 huynh đệ là quyết theo con đường của hai cao túc mình đã chọn. Hai người đưa 250 môn đệ đến thẳng vườn Trúc. Đức Thế Tôn từ xa đã trông thấy, Ngài bảo các Tỷ-kheo:

- Hai người sắp đến kia là Ưu-Ba-đề-xá và Câu-luật-đà. Hai người này sẽ là bậc tối thượng thủ trong hàng đệ tử của Ta, trí tuệ vô lượng, thần túc vô biên.

Họ đến gặp Phật và đức Phật vì tất cả họ, tuân tự nói pháp, luận về bổ thí, trì giới và sanh thiên, chê trách dục bất tịnh, khen ngợi hạnh xuất ly. Từ nơi chỗ ngồi, họ liền hết các lậu hoặc, tâm ý sáng ra, nhận thức được mọi vấn đề một cách đúng đắn. Họ đến trước Phật xin xuất gia tịnh tu phạm hạnh. Đức Phật dạy:

- Lành thay, các Tỳ-kheo đến đây! Ở trong pháp của Ta tịnh tu phạm hạnh, thì nguồn gốc khổ sẽ được diệt trừ. Như vậy được gọi là xuất gia thọ Cụ túc giới.

Như vậy, ở thời điểm này, chúng Tỳ-kheo của Phật lên đến 1.250 vị.

---o0o---

ÂN ẤY NÊN TRẢ

Bấy giờ, có một Ma-nạp ngoại đạo muốn xuất gia thọ cụ túc giới trong chánh pháp, bèn đến Xá-lợi-phất xin:

- Cho con xuất gia thọ Cụ túc giới.

Xá-lợi-phất không cho thọ. Ma-nạp tuân tự đi khắp chỗ 500 Tỳ-kheo để xin, nhưng không vị nào cho thọ. Ma-nạp tủi thân buồn khóc, ra về.

Đức Phật với thiên nhân, Ngài nhìn thấy tâm lòng Ma-nạp, hỏi Xá-lợi-phất:

- Ma-nạp ấy tại sao khóc lóc ra về?

Xá-lợi-phất trình bày đầy đủ sự việc không cho thọ giới. Đức Phật lại hỏi:

- Người này đã từng có một lần nói lời lành đối với Tỳ-kheo không?

- Thưa có. - Xá-lợi-phất trả lời.

- Lời nói lành ấy như thế nào?. - Đức Phật hỏi.

- Thưa Thế Tôn, trước đây con đi khát thực, Ma-nạp này khen con: “Sa-môn Thích tử này thiện hảo, có đức, nên cho thức ăn”. - Xá-lợi-phất bạch.

- Ân ấy nên trả. Ông có thể độ họ.

Xá-lợi-phất ghi nhận lời dạy và cho Ma-nạp thọ giới Cụ túc.

---o0o---

BỐN ĐIỀU NƯƠNG TỰA

Lại có một Ma-nạp ngoại đạo phước mỏng nên khát thực khó được, lại có suy nghĩ: “Sa-môn Thích tử khát thực dễ được, đau ốm có người giúp đỡ thuốc men. Nay ta nên đến đó xuất gia thọ Cụ túc giới”. Làm theo ý nghĩ, Ma-nạp đến Tăng phường bạch các Tỳ-kheo:

- Cho con xuất gia thọ giới Cụ túc.

Các Tỳ-kheo chấp thuận cho Ma-nạp thọ giới. Ma-nạp do nghiệp nặng, phước mỏng nên theo thứ tự mời đi thọ thực bị Tăng gác lại. Các Tỳ-kheo nói:

- Thầy có thể mặc y, bung bát đi khát thực.

- Thừa Đại đức, tôi sợ đi khát thực lắm! Vì thế mới xuất gia trong giáo pháp Phật. Nay tại sao lại bảo tôi đi khát thực?! - Ma-nạp thưa thế.

Các Tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

- Không nên độ hạng người này, nếu độ phạm Đột-kiết-la. Khi độ, phải hỏi trước: “Người vì lý tưởng nào mà xuất gia?”. Nếu nói vì ẩm thực thì không nên độ. Nếu nói vì cầu thiện pháp, nhằm chán sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não thì nên độ. Trước khi trao giới Cụ túc, nên nói rõ bốn việc phải nương tựa, đó là: “Mặc y phẩn tảo²³⁹, đi khát thực, nương ngồi dưới gốc cây, thọ dùng tàn khí dục²⁴⁰. Người có thể trọn đời nương theo bốn việc này hay không?”. Nếu nói có thể, thì nên cho thọ. Nếu nói không có thể, thì không nên cho thọ.

---o0o---

XIN MỘT LẦN CUỐI

Bấy giờ, thọ giới Cụ túc xong, một tân Tỳ-kheo gặp tình nhân cũ là một dân nữ. Dân nữ nói với người tình cũ rằng:

- Anh không thể sinh sống được nên mới vào đạo, phải không?

- Tôi nhằm chán sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, muốn hết gốc khổ nên vào đạo, phụng hành chánh pháp, rộng tu phạm hạnh. - Tân Tỳ-kheo trả lời.

- Như lời anh nói thì việc giao hội không còn có nữa rồi. Nay anh có thể cùng em hành dục một lần cuối đi! - Dân nữ đề nghị.

Người mới thọ giới kia, nghe hợp lý thuận tình, hành dục, mãi chiều tối mới về Tăng phường. Các Tỳ-kheo hỏi:

- Tại sao thầy ở lại sau?

Tân Tỳ-kheo trả lời đúng sự thật đã diễn ra. Các Tỳ-kheo liền xua đuổi:

- Thầy đi đi! Thầy cút đi! Trong pháp của Tỳ-kheo, nếu hành sự như vậy thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử.

Tân Tỳ-kheo nghe vậy, buồn rầu nói:

- Nếu khi thọ giới, nói với tôi việc này thì dù có mất mạng tôi đâu có phạm phải tội đuổi đi.

Các Tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

- Thọ giới Cụ túc rồi phải nói mười hai pháp ²⁴¹, bốn pháp đọa ²⁴², bốn pháp ví dụ ²⁴³, bốn pháp nương tựa ²⁴⁴.

---o0o---

NUÔI ĐỆ TỬ ĐÚNG PHÁP

Tỳ-kheo Ưu-ba-tu-na, khi ấy mới được hai tuổi hạ, dẫn đệ tử một tuổi hạ đến kính lễ hầu thăm đức Phật. Kính lễ xong, Ưu-ba-tu-na ngồi lui qua một bên, sau đó, người đệ tử lễ Phật. Trong lúc đầu mặt cúi xuống thì cái dây mang theo rơi lên đầu gối đức Phật.

Đức Phật hỏi thầy Ưu-ba-tu-na:

- Thầy này là đệ tử của ai?

- Bạch Thế Tôn, đệ tử của con. - Ưu-ba-tu-na thưa.

- Thầy bao nhiêu tuổi (hạ)? - Đức Phật hỏi.

- Con hai tuổi, bạch Thế Tôn.

Đức Phật nghiêm khắc quở trách:

- Thầy làm điều phi pháp. Tại sao chính mình chưa rời khỏi bầu sữa, lại làm bầu sữa cho kẻ khác?!

Quở trách rồi, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Không nên trao giới Cụ túc cho người, khi tuổi hạ của mình chỉ từ một đến chín tuổi. Phải đủ mười tuổi (hạ) như pháp mới được phép trao giới. Nếu chưa đủ mười tuổi và không như pháp mà trao giới Cụ túc cho người thì phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

PHẢI THÀNH TỰU MƯỜI PHÁP

Trong thành Vương-xá, hồi ấy có một ngoại đạo lõa hình, ông ta rất thông minh, uyên bác; người trong nước Ma-kiệt gọi ông là kẻ biết nhiều, thấy rộng. Ngày ấy, ông đến Tăng phường²⁴⁵ như muốn thách thức đức Phật, ông ta hỏi:

- Sa-môn Thích tử nào dám cùng ta luận nghị?

Vào thời gian ấy, các Tỳ-kheo đang vui đạo trong các thiền định, không ai chịu bàn luận, cũng không ai chuyện vãn nhau. Tôn giả Xá-lợi-phất lại có suy nghĩ: “Ngoại đạo kia rêu rao như vậy, nếu không có vị nào luận nghị, Phật pháp chắc bị hủy nhục. Nay ta có thể cùng họ luận nghị. Hơn nữa, Ni-kiền²⁴⁶ này được người trong nước Ma-kiệt tôn kính, nếu ta dùng một cú nghĩa để hỏi mà không thông hiểu, thì danh tiếng của họ chắc mất sạch và không thể trở thành một pháp lớn ở đời. Bây giờ, nên định thời gian bảy ngày để ta cùng họ luận nghị”.

Tôn giả Xá-lợi-phất cho công bố thời gian bảy ngày luận nghị với ngoại đạo.

Bấy giờ, trong thành Vương-xá, Trưởng giả, Cư sĩ, Bà-la-môn, Sa-môn hội họp nghị: “Sa-môn Thích tử Xá-lợi-phất là đệ nhị sư, hẹn cùng Ni-kiền đệ nhất sư, sau bảy ngày luận nghị chắc hấp dẫn lắm, cùng nhau đến nghe”.

Trong thời gian diễn ra luận nghị, từ ngày thứ nhất đến ngày thứ sáu, bao vấn đề Ni-kiền-tử đều “thất lưỡi”. Đến ngày thứ bảy, Xá-lợi-phất đặt vấn đề: “Dục từ tư tưởng sanh?”. Ni-kiền liền đáp: “Dục từ đối cảnh sanh”. Để chỉ ra sự sai lầm này, Xá-lợi-phất liền nói kệ khẳng định:

*Thế gian dục là gốc
Đều từ tư tưởng sanh
Gốc dục thế gian trụ
Nên sanh tâm nhiễm trước.*

Ni-kiền kệ vấn:

*Dục do tư tưởng sanh
Do đó sanh nhiễm trước
Tỳ-kheo quán rõ ác
Bèn mất ngay phạm hạnh.*

Xá-lợi-phất đáp lại rằng:

*Tư tưởng không sanh dục
Mà từ đối tượng sanh*

*Thầy ông thấy các sắc
Tại sao không thọ dục?*

Ni-kiền nghe kệ này rồi, không thể trả lời thêm gì được nữa, bèn sanh thiện tâm, muốn xuất gia học đạo trong giáo pháp đức Phật.

Trong chúng, Bạt-nan-đà là người có tướng mạo cao đẹp nhất, còn Xá-lợi-phất có hình dung nhỏ thấp. Ni-kiền thấy vậy so sánh: “Tỳ-kheo thấp nhỏ này, tài trí còn như vậy, huống là người đường đường dung mạo kia!”. Với ý nghĩ ấy, Ni-kiền đến chỗ Bạt-nan-đà thưa:

- Cho con xuất gia thọ Cụ túc giới.

Bạt-nan-đà liền độ Ni-kiền.

Xá-lợi-phất luận nghị xong, đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật hỏi:

- Thầy cùng với Ni-kiền bảy ngày luận nghị, kết quả như thế nào?

Xá-lợi-phất trình bày đầy đủ diễn tiến sự việc, đức Phật khen:

- Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất! Thầy có nhiều lòng lân mẫn và đầy lợi ích.

Tỳ-kheo Ni-kiền hỏi Bạt-nan-đà về kinh luật. Bạt-nan-đà không trả lời trôi, Ni-kiền bèn khinh khi Phật pháp và cho các Tỳ-kheo đều không biết gì. Ni-kiền thôi tu, bỏ về lại ngoại đạo. Các Tỳ-kheo Trưởng lão quở trách, hỏi:

- Tại sao Tỳ-kheo mười tuổi hạ mà không biết pháp? Không thể vì đệ tử giải quyết được những nghi hoặc cho họ để họ trở về lại ngoại đạo?!

Sự việc này được các Trưởng lão bạch lên đức Phật, Ngài dạy:

- Nếu chính mình không biết pháp, mà cho người xuất gia thọ Cụ túc giới, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo nào thành tựu mười pháp mới được trao giới Cụ túc cho người: Thành tựu giới, thành tựu oai nghi; Cẩn thận sợ tội nhỏ; Đa văn, có khả năng thọ trì pháp Phật thuyết; Tụng rành hai bộ Luật, phân biệt được nghĩa lý; Đủ khả năng dạy đệ tử tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học; Có khả năng trừ nghi cho đệ tử, cũng khiến người khác trừ nghi hoặc của họ; Có khả năng trị bệnh cho đệ tử, cũng khiến người khác trị bệnh cho họ; Đệ tử sanh ác tà kiến có thể dạy cho họ bỏ, cũng có thể khiến người khác dạy cho đệ tử bỏ; Nếu đệ tử quốc độ nào có sự hiểu biết còn nông cạn, mơ hồ, thì có khả năng xoay ý hướng cho họ, cũng có khả

năng khiến người khác tác động, xoay chuyển việc đó; Đủ mười tuổi hạ, hay hơn mười tuổi hạ.

Lại phải thành tựu mười pháp khác, nên trao giới cho người: Biết tội nặng; Biết tội nhẹ; Biết thô tội; Biết chẳng phải thô tội; Biết tội hữu dư; Biết tội vô dư; Biết tội có Yết-ma; Biết tội không Yết-ma; Biết nhân duyên của tội; Đủ mười tuổi hay hơn mười tuổi hạ.

Lại phải thành tựu năm pháp khác, nên trao giới Cụ túc cho người: Có khả năng dạy đệ tử tăng giới học; Tăng tâm học; Tăng tuệ học; Xét kỹ việc làm của mình; Buộc niệm trước mắt.

Lại phải thành tựu năm pháp khác, ngoài ba pháp trên: Thông minh; Biện tài.

Lại thành tựu năm pháp khác, là: Giới thành tựu; Định thành tựu; Tuệ thành tựu; Giải thoát thành tựu; Giải thoát tri kiến thành tựu.

Lại phải thành tựu năm pháp nữa, là: Có khả năng dạy đệ tử Tăng thượng giới, tăng thượng phạm hạnh. Biết phạm, biết không phạm. Biết sám hối, chưa sám hối. Đủ mười tuổi, hoặc hơn mười tuổi hạ, nên trao giới Cụ túc cho người.

---o0o---

PHẢI THƯA ĐỀ TĂNG BIẾT

Bấy giờ, có một cậu bé được cha mẹ gửi đến nhà một thầy để học chữ và các kỹ thuật. Ông thầy sai cậu bé làm đủ việc, lại thường bị đánh đòn. Cậu bé bỏ ông thầy về lại nhà. Cha mẹ lại la rầy, buộc con phải trở lại nhà thầy. Trước cảnh này, cậu bé nghĩ: “Ông thầy hành hạ ta, cha mẹ lại không bênh vực ta. Nay ta nên tìm cách nào để thoát khỏi cái nạn này?! Chỉ có một cách xuất gia thọ giới Cụ túc là yên”. Thực hiện ngay ý định, cậu bé đến Tăng phường thưa với Tỳ-kheo:

- Cho con xuất gia thọ Cụ túc giới.

Các Tỳ-kheo chấp thuận và độ cậu bé này. Ông thầy giáo mất học trò, đến hỏi cha mẹ. Cha mẹ cậu bé nói:

- Tôi bảo nó trở lại thầy mà, chắc bỏ đi rồi!?

Thế là cha mẹ cậu bé và ông thầy dạy học tìm kiếm khắp nơi... Đến Tăng phường hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều trả lời không thấy. Thầy giáo và cha mẹ cậu bé đành bó tay trở về.

Sau đó, cậu bé này vào thành khát thực. Thầy giáo biết, cơ hiềm:

- Sa-môn Thích tử thường dạy không nói dối, tại sao độ người làm lại là học trò của tôi, lại bảo là không thấy?!

Việc này được các Trưởng lão quở trách, rồi bạch lên Phật. Ngài dạy: “Không được độ người làm của kẻ khác”.

Ngài lại dạy: “Từ nay nếu độ người nên dẫn đến từng phòng để lễ Tăng, tự xưng tên họ để Tăng biết”.

---o0o---

KHÔNG ĐƯỢC ĐỘ NGƯỜI MANG TRỌNG BỆNH

Bây giờ, người nước Ma-kiệt mắc phải bảy thứ bệnh nghiêm trọng như, cả người mọc nốt ghê tởm, ung thư, hủi trắng, nửa người khô da quái gở, loang lỗ từng chấm đỏ, mỡ chảy ra... Chữa trị những chứng này chỉ có Kỳ-vức²⁴⁷, các thầy thuốc khác đều “thúc thủ”, nên Vua Bình-sa chỉ thị cho Kỳ-vức rằng:

- Khanh chỉ trị bệnh cho nội cung của trẫm và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, không được trị cho người khác.

Do thế, khiến cho bệnh nhân tìm cách xuất gia thọ giới Cụ túc ngày một nhiều, và các Tỳ-kheo đều chấp thuận cho xuất gia. Vì phải tìm dược thảo và bào chế thuốc để chữa trị, nên các Tỳ-kheo bận rộn với công việc này, bỏ bê việc hành đạo. Các bạch y rất bất mãn với việc làm này, cơ hiềm chỉ trích:

- Các Sa-môn như thầy thuốc, như đồ đệ của thầy thuốc, cứ lo bào chế thang dược độ người trọng bệnh, không cân nhắc người đáng độ hay không đáng độ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn...

Có một Trưởng giả nọ, bỗng nhiên mắc phải bảy thứ trọng bệnh này, đến nói với thầy thuốc Kỳ-vức:

- Thầy chữa hộ bệnh cho tôi.

- Ngài há không nghe lệnh nhà vua hay sao? - Kỳ-vức hỏi thế.

- Thầy chữa bí mật, tôi sẽ trả cho thầy trăm ngàn tiền. - Trưởng giả tha thiết xin.

Kỳ-vức trả lời như ban đầu. Ông Trưởng giả đề nghị tặng thêm 200, 300, 400, 500 ngàn tiền vàng, cho đến giao cả gia tài sự nghiệp và cả vợ con đều làm nô tỳ cho Kỳ-vức, nhưng Kỳ-vức trước sau một mực tuân theo lệnh vua.

Trước sự thể như thế, ông Trương giả nghĩ: “Đến thế này vẫn không có kết quả, thôi đành chọn con đường xuất gia thọ Cụ túc giới”. Trương giả đến Tăng phường thưa với các Tỳ-kheo, xin xuất gia thọ Cụ túc giới. Sau đó, Kỳ-vức chữa trị một mạch bảy ngày các bệnh nhân đều lành, trong đó có Trương giả. Bận rộn với công việc chữa trị liên tục này, Kỳ-vức không còn đủ thì giờ chăm sóc cho các bệnh nhân trong nội cung, có người phải chết.

Ông Trương giả lành bệnh, sau đó lại hoàn tục, Kỳ-vức gặp, hỏi:

- Ngài đã xuất gia, tại sao lại bỏ đạo?

- Thật sự tôi không có ý xuất gia. Do thầy không chịu chữa bệnh cho tôi, nên tôi quyền biến xuất gia. Nay bệnh đã lành rồi, tôi hoàn tục âu cũng là lẽ thường. - Trương giả thật lòng trả lời.

Khi ấy, Kỳ-vức đến chỗ Phật, trình bày lên Ngài đầy đủ việc đã xảy ra, rồi thưa:

- Nếu nhà vua biết việc này thì tội tôi không phải nhỏ. Nguyên xin đức Phật dạy các Tỳ-kheo không nên độ người có trọng bệnh.

Đức Phật vì Kỳ-vức nói các diệu pháp, rồi khiến ông lui về.

Sự việc này dẫn đến Phật cấm các Tỳ-kheo độ người mang trọng bệnh như vậy.

---o0o---

KHÔNG ĐƯỢC ĐỘ QUÂN NHÂN TẠI CHỨC

Dưới triều vua A-xà-thế có một kiện tướng, sức mạnh bằng 1.000 người. Người đời bấy giờ gọi là Thiên Nhơn lực sĩ. Ông ta nhằm chán đời khổ, nên có suy nghĩ: “Các Sa-môn Thích tử đều phụng hành chánh pháp, ta nên đến đó xuất gia để dứt gốc khổ”. Thế rồi Thiên Nhơn lực sĩ đến Tăng phường cầu độ, các Tỳ-kheo trao giới Cụ túc. Sau đó, vua A-xà-thế ra lệnh động binh, nhưng không thấy Thiên Nhơn lực sĩ trình diện. Nhà vua liền hỏi phân hành thuộc quyền, họ tâu với vua:

- Không biết Thiên Nhơn lực sĩ ở đâu.

Nhà vua liền ra lệnh:

- Nếu quân triều đình hội binh mà quân sĩ nào không đến, sẽ dùng quân pháp trị tội.

Ngày hội binh diễn ra, nhà vua hỏi:

- Kiện tướng đến chưa?
- Tâu Đại vương, vị ấy chưa đến. - Quan coi quân thưa.
- Bộ binh mà không có người này cũng như tượng quân không có đệ nhất tượng. - Vua nói.

Khi quân pháp đã giải tán thì mới nghe Sa-môn Thích tử độ kiện tướng kia xuất gia. Nhà vua nổi giận, phán:

- Như thế này thì không lâu nữa Sa-môn Thích tử sẽ độ hết người trong các binh chủng triều đình.

Nhà vua lại nghiêm cấm:

- Nếu độ quân nhân sẽ chẻ gân cốt của vị Hòa thượng, cắt lưỡi vị A-xà-lê, còn các Tăng khác trị tội thật nặng, lấy cát lột da, đánh tám roi, đuổi ra khỏi nước.

Các Trưởng lão biết việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Không nên độ người thuộc nhà quan.

---o0o---

XIN ĐƯỢC GIA TÀI CỦA CHA

Ngày ấy, trời vừa sáng, đức Thế Tôn đắp y bung bát đến cung vua Tịnh-phạn. Khi ấy, mẹ của La-hầu-la dẫn La-hầu-la lên lầu cao. Từ xa thấy Phật đi vào, bà hỏi:

- Con có thấy Sa-môn kia không?
- Con có thấy. - La-hầu-la thưa.
- Đó là cha của con. Con có thể đến đòi của cải. - Gia-du bảo con như thế.

Đức Phật vào trong cung, ngồi nơi đất trống trước sân. La-hầu-la chạy xuống lầu, đến chỗ Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi đứng trong bóng của đức Phật, thưa:

- Bóng mát này thích quá! Nguyện Phật cho của cải của cha con.
- Con nghĩ kỹ, có muốn được hay không? - Đức Phật hỏi.
- Con muốn được. - La-hầu-la thưa.

Đức Phật bèn dẫn La-hầu-la về trú xứ, bảo Xá-lợi-phất:

- Ông có thể độ đứa nhỏ này.

- Bạch Thế Tôn, trước đây Thế Tôn không cho phép nuôi hai Sa-di. Con đã nuôi Châu-na rồi, không thể độ nữa. - Xá-lợi-phất thưa.

- Nay cho phép những người như ông, có khả năng giáo giới, được nuôi hai Sa-di.

Khi vua Tịnh-phạn nghe đức Phật đã độ La-hầu-la, lòng rất ưu phiền, áo não. Vua đến chỗ Phật trình bày:

- Xưa kia Phật xuất gia còn có Nan-đà, không làm cho tôi áo não như vậy. Nan-đà đã lại xuất gia, tôi còn chút hy vọng ký thác nơi đứa cháu này. Nay nó lại xuất gia, vấn đề kế thừa việc nước việc nhà thế là đoạn tuyệt. Kẻ chưa dứt được vọng tình, làm sao nhẫn chịu?!

Nhà vua lại nhân trường hợp của mình, bạch Phật:

- Sự luyện ái đối với con cháu còn hơn cốt tủy. Tại sao các Tỳ-kheo lại lén dụ dỗ con của người ta độ để làm đạo? Nguyên xin Phật từ nay ra lệnh cho các Tỳ-kheo: “Cha mẹ không cho phép thì không được độ”.

Đức Phật vì nhà vua nói các pháp mâu, chỉ bày sự lợi ích khiến được niềm vui. Nhà vua lui về.

Sau khi kiểm vấn việc độ này của các Tỳ-kheo, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay cha mẹ không cho thì không được độ người xuất gia.

---o0o---

BÌNH ĐẲNG KẼ CẢ THỨC ĂN

Lúc bấy giờ, trong thành Vương-xá có một đại phú Trưởng giả rất kính tín, mến mộ Phật pháp. Ông ta thường thết đãi cơm cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Sau đó, gia đình ông bị phi nơn làm hại, chết chẳng còn ai, chỉ còn lại hai đứa bé nghèo khổ cùng cực, thường lượm thức ăn dư để sống. Vì trước kia thường gần gũi Tỳ-kheo, nên hai đứa bé rất mến quý thầy, thấy Tỳ-kheo từ xa đã chạy đến, cầm y bát, ngồi trên bấp vế Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sợ nhớp y bát nên tránh xa nó. Các Cư sĩ rất bất mãn hành vi này, cơ hiềm chỉ trích:

- Nhà ấy trước đây giàu có, tất cả Sa-môn không ngày nào không đến. Nay thấy con người ta mồ côi mồ cút, bần cùng, Tỳ-kheo lại tránh xa, không biết ơn nuôi dưỡng của họ. Chỉ có thức ăn thì mới gần, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Các Trưởng lão nghe và bằng nhiều cách quở trách các đương sự, rồi bạch lên đức Phật. Đức Phật hỏi A-nan:

- Hai đứa bé kia đã bao nhiêu tuổi? Có thể đuổi quạ nơi nhà ăn được chưa?

- Bạch Thế Tôn, có thể được. Đứa lớn 8 tuổi, đứa nhỏ 7 tuổi.

Sau đó, hai đứa bé được độ và giữ phần việc đuổi quạ nơi nhà ăn, nhưng các Tỳ-kheo không cho chúng ăn thức ăn chánh. Các Cư sĩ cũng bất mãn việc này và phê phán:

- Các Sa-môn thường khen ngợi sự bố thí, ăn bình đẳng. Nay độ hai đứa bé này sai đuổi quạ mà không cho thức ăn chính.

Việc này sau đó đức Phật dạy:

- Như phần ăn mà Thượng tọa nhận được, phần Sa-di cũng như vậy. Đứa nhỏ đuổi quạ cũng cho nhận bình đẳng như thế.

---o0o---

PHI NHƠN XUẤT GIA

Bấy giờ, có một A-tu-la²⁴⁸ nhằm chán sanh, lão, bệnh, tử, khởi lên ý nghĩ: “Sa-môn Thích tử phụng hành chánh pháp, tịnh tu phạm hạnh. Ta nên đến đó xuất gia sẽ hết các gốc khổ”. A-tu-la liền hóa thành hình người, đến Tăng phường cầu xin xuất gia. Các Tỳ-kheo liền cho thọ Cụ túc giới. Tân Tỳ-kheo này ăn phần ăn của một người đến bảy người vẫn không no, ăn cả thức ăn dư của Tăng vẫn không đủ.

Khi ấy, thành Vương-xá có hai vị Cư sĩ, cùng một ngày, mỗi nơi mời 500 vị Tăng thọ trai. Các Tỳ-kheo cùng đến một nhà, còn một nhà chỉ có Tỳ-kheo hóa thân đến mà thôi. Tỳ-kheo này chỉ trong thoáng chốc đã ăn hết 500 phần ăn. Các Cư sĩ cơ hiềm, nói:

- Tại sao các Tỳ-kheo lại độ phi nhơn²⁴⁹?

Kẻ hóa thân người kia biết thiên hạ đã biết về mình rồi, liền trở về vị trí cũ.

Các Tỳ-kheo Trưởng lão biết việc này, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Ở trong giáo pháp của Ta, phi nhơn không phục sinh, không nên cho xuất gia thọ Cụ túc giới. Nếu đã thọ Cụ túc giới thì nên diệt tận. Khi thọ giới Cụ túc, nên hỏi: “Ngươi có phải là phi nhơn không?”.

---o0o---

CẦN GIẢI QUYẾT TẾ NHỊ

Khi ấy, có một Tỳ-kheo nam căn biến mất, nữ căn lại hiện ra. Các Tỳ-kheo không biết phải giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nên dùng vấn đề thọ giới, vấn đề thỉnh sư, vấn đề tuổi tác của đương sự chuyên qua trú xứ Tỳ-kheo ni, y theo pháp Tỳ-kheo ni mà sống. Nếu trước kia phạm cộng giới của Tỳ-kheo ni²⁵⁰ thì nên hối quá trong Tỳ-kheo ni. Nếu trước kia phạm giới bất cộng thì khỏi phải hối quá. Tỳ-kheo ni biến căn thì giải quyết ngược lại.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bị lửa dục thiêu đốt, không thể kham nhẫn, tự chặt đứt “nam căn” của mình. Việc này được các Tỳ-kheo bạch lên Phật. Ngài quở trách Tỳ-kheo đương sự:

- Người là người ngu si, cái không nên chặt lại chặt, cái nên chặt lại không chặt.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu chặt cái đầu âm cho đến phân nửa “hình” thì phạm Đột-kiết-la. Nếu chặt hết, phạm Thâu-lan-giá. Nếu khử đi một tinh hoàn, phạm Thâu-lan-giá. Nếu khử đi hai tinh hoàn thì nên diệt tận. Nếu bị ác thú hoặc bị oan gia làm hại và tự thối nát hư hoại mà không phục hồi khả năng người nam nữa, đều nên diệt tận.

---o0o---

TÔN, TY

Bấy giờ các Tỳ-kheo ngồi không có trên dưới, không cung kính nhau, các Cư sĩ thấy cơ hiềm, nói:

- Bọn sa-môn này ngồi không biết thượng, trung, hạ, không có lớn nhỏ. Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Các Trưởng lão Tỳ-kheo nghe việc này bạch Phật. Nhân chuyện này, trước Tăng đức Phật mượn câu chuyện quá khứ để giáo giới:

- Đồi xa xưa ấy, bên bờ biển nọ có cây Ni-câu-luật²⁵¹, bóng cây che phủ cả 500 cỗ xe. Bấy giờ, có ba con thú ở nơi cây này: một là chim trĩ, hai là con khỉ lớn, ba là con voi. Tuy là thân hữu nhưng chúng không có tôn kính nhau. Sau thời gian, chúng thảo luận: “Chúng ta đã là thân hữu, tại sao lại không kính nhau? Nên dựa theo năm, ai lớn hơn là tôn, ai nhỏ hơn là ty”. Cả ba đồng ý như vậy nên trĩ và khỉ hỏi voi:

“Bạn nhớ việc lâu xa của cây này như thế nào?”

“Tôi nhớ cây này khi ấy cao mới ngang bụng tôi”. - Voi trả lời.

Voi, trĩ hỏi khỉ lớn, khỉ bảo:

“Tôi nhớ khi ấy tôi đứng thẳng thì cần tới đọt cây này”.

Voi và khỉ lại hỏi trĩ, trĩ bảo:

“Tôi nhớ xưa kia ở nơi chỗ đó, tôi ăn hạt cây này, rồi đến đây nhả ra, hạt ấy mọc lên cây này”.

Sự nhớ lại này đã giúp cho cả ba thống nhất việc suy cử tôn ty: Chim trĩ là lớn, con khỉ lớn là bậc trung, voi là nhỏ nhất.

Khi cần đi, con khỉ cõng con chim trĩ, con voi cõng khỉ lớn. Con trĩ dạy hai con kia làm 10 thiện nghiệp, chúng đều vâng làm theo. Người đời nghe, đều ghi nhận sự giáo hóa đó, bèn gọi hành thiện là trĩ phạm hạnh. Người hành pháp đó khi mạng chung được sanh lên cõi trời.

Này các Tỳ-kheo! Súc sanh còn biết có tôn ty, huống là trong chánh pháp của Ta lại không có sự tương kính hay sao? Từ nay các ông, người nào thọ giới Cụ túc trước, nên thọ chỗ ngồi thứ nhất, vật cúng thứ nhất, được cung kính lễ bái thứ nhất. Nên phụng hành như vậy.

---o0o---

BỔ-TÁT THUYẾT GIỚI ²⁵²

Bấy giờ, Kiếp-tân-na ở núi Ất-sur-la khởi lên ý nghĩ: “Nay ta có nên đến chỗ Tăng họp lại để Bổ-tát không?”. Nhưng, Kiếp-tân-na lại nghĩ: “Ta thường thanh tịnh, phiền gì phải đến Bổ-tát”.

Đức Phật khi ấy trú ngụ ở thành Vương-xá, biết ngay ý nghĩ này của Kiếp-tân-na, Ngài liền biến mất nơi đây, rồi xuất hiện trước mặt Kiếp-tân-na, ngồi nơi tòa và bảo:

- Thầy chớ nên nghĩ: “Ta thường thanh tịnh, phiền gì phải đến Bổ-tát”. Nếu thầy không đến, không cung kính Bổ-tát thì ai cung kính?

Thế Tôn dạy như vậy, rồi bèn cùng Kiếp-tân-na cùng biến mất và hiện ra nơi thành Vương-xá...

Nhân việc này, đức Phật cho tập họp Tỳ-kheo Tăng, nói lên điều Kiếp-tân-na suy nghĩ rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nay cho phép các Tỳ-kheo hòa hợp Bổ-tát. Nếu ai không đến, phạm Đột-kiết-la. Một Tỳ-kheo biết pháp, hoặc Thượng tọa, hoặc vị ngang bằng Thượng tọa bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Hôm nay là ngày thứ 15 Bô-tát thuyết giới, Tăng nhất tâm tác pháp Bô-tát thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận thì đây là lời tác bạch”.

“Các Đại đức! Nay Bô-tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, tất cả cùng nhau khéo nghe và suy niệm. Nếu có tội, nên phát lồ, không tội thì im lặng. Do sự im lặng nên biết tội và các Đại đức thanh tịnh, như bậc Thánh im lặng, tội và các Đại đức cũng như vậy”.

Tỳ-kheo nào trong chúng xướng lên như vậy cho đến ba lần, nhớ có tội mà không phát lồ thì phạm tội cố ý vọng ngữ. Tội cố ý vọng ngữ, đức Phật nói đó là pháp làm cản trở đạo nghiệp. Người phát lồ thì được an lạc.

Đức Phật dạy có năm cách Bô-tát, năm cách thuyết giới.

Năm cách Bô-tát là:

- 1- Tâm niệm miệng nói Bô-tát.
- 2- Hướng đến người khác (Tỳ-kheo) nói tịnh.
- 3- Rộng hay lược thuyết giới.
- 4- Tự tứ Bô-tát
- 5- Hòa hợp Bô-tát.

Năm cách thuyết giới là:

- 1- Nói bài tựa của giới rồi, ngoài ra nói các điều chư Tăng thường nghe.
- 2- Nói bài tựa của giới và bốn đọa pháp rồi, ngoài ra nói các điều chư Tăng thường nghe.
- 3- Nói bài tựa của giới... cho đến 13 việc rồi, ngoài ra nói các điều chư Tăng thường nghe.
- 4- Nói bài tựa của giới... cho đến 2 pháp bất định, ngoài ra nói các điều chư Tăng thường nghe.
- 5- Nói đầy đủ các giới.

---o0o---

BÊN LỀ BÔ-TÁT

Đến ngày Bô-tát, các Cư sĩ đem thức ăn đúng thời, đồ uống đúng thời, thuốc ²⁵³ bảy ngày ²⁵⁴, thuốc trọn đời ²⁵⁵ đến Tăng phường cúng

dường, đồng thời nghe pháp, thọ tám phần giới (Bát quan trai). Các Tỳ-kheo lại hững hờ đối với sự cúng dường này, Cư sĩ nổi giận mang về. Việc thiếu tế nhị này được các Tỳ-kheo bạch lên đức Phật, Ngài dạy:

- Thượng tọa nên khiến Hạ tọa quét đất, lấy nước, khiến bảo Tịnh nhưn lấy vật dụng đựng phẩm vật Cư sĩ cúng.

Các Tỳ-kheo thọ trai hết phần, không ngó ngang gì đến Cư sĩ khách. Khách bất mãn, chê trách nói:

- Sa-môn Thích tử thường khen ngợi bố thí, chỉ biết nhận bố thí của người, chứ chẳng biết bố thí cho ai.

Việc này sau đó được Phật dạy:

- Nên trao thức ăn để khách dùng. Nên có đồ đựng, đựng thức ăn mời họ, không nên bỏ vào tay họ...

Sau khi dùng bữa xong, Thượng tọa hay vị ngang bằng Thượng tọa vì họ nói pháp và chú nguyện.

---o0o---

XIN ĐỢI CHO TÔI MỘT CON BÓNG...

Thuở ấy, vua Ưu-đà-diên rành về khoa tướng số và phu nhân của nhà vua tên là Nguyệt Quang, dung nhan cực kỳ dịu dàng xinh đẹp; lời ca, tiếng hát, điệu múa... không ai hơn được. Một hôm, trên lầu thượng múa cho nhà vua xem, nhà vua nhìn thấy tướng tử nơi Nguyệt Quang hiện ra, sự sống không thể kéo dài quá một năm. Nhà vua không vui khi thấy với nhan sắc ấy mà “yếu mệnh”. Nhìn thấy nỗi buồn của vua hiện ra, phu nhân hỏi:

- Thiếp múa không hay lắm phải không? Vậy hoàng thượng buồn chuyện gì?

- Không nên hỏi ta điều ấy. - Nhà vua trả lời.

Dù vậy, phu nhân vẫn hỏi đến ba lần. Nhà vua không từ chối được, vua đành phải nói rõ sự thật phũ phàng kia. Phu nhân tâu:

- Nếu thật vậy thì cho phép thiếp xuất gia.

- Ta và phu nhân thương yêu và kính trọng nhau rất mực, dù chết cũng không lìa nhau, hãy trọn vui với cái vui ít ỏi còn lại. Sao vội sống lìa nhau?! - Nhà vua tâm sự.

- Hoàng thượng! Nhiệm chỉ một chút vinh hoa của đời là mê muội đạo nghiệp! Đây là việc bức xúc, trì hoãn chỉ đem lại sự khổ đau cho nhau. Xin hoàng thượng dũ lòng thương cho thiếp xuất gia. - Phu nhân tha thiết xin.

- Phu nhân còn nhỏ mà tu đạo với quyết tâm sáng suốt thì chắc được sanh thiên. Nếu trở lại làm người, mong sao chúng ta gặp lại nhau. Việc xuất gia, thôi thì tùy ý phu nhân chọn lựa. - Nhà vua cho phép.

- Nguyệt này nếu được thành, xin thề không trái hứa. - Phu nhân thề.

Ngày phu nhân xuất gia, nhà vua cũng rất nã lòng.

Hành đạo không bao lâu, phu nhân chứng được quả A-na-hàm thì mạng sống cũng liền chấm dứt. Bà sanh lên cõi trời Phạm Thiên. Khi ấy, bà khởi niệm: “Ta được xuất gia là nhờ ân của vua, trọng ân ấy nên trả thì lời thề ước mới trọn”.

Người cõi trời kia xuống lại vương cung, đứng trong hư không, nói với nhà vua:

- Nguyệt Quang phu nhân tức là thân của tôi đây, trước đây có hứa với nhà vua cho nên trở xuống lại, đây là để tỏ lòng thành tín.

- Tôi không biết được thân loài trời, nên cô có thể hiện lại thân Nguyệt Quang ngày nào không? - Nhà vua yêu cầu.

Người cõi trời liền biến thành thân hình ngày xưa, đứng trước nhà vua. Nhìn thấy lại dáng người xưa, lòng vua lại nặng tình thương mến, tiến sát đến định ôm lấy Nguyệt Quang, nhưng người ấy liền bay lên hư không, nói với vua rằng:

- Tại sao nhà vua vẫn quen theo nếp sống ái dục? Dục là vô thường, khổ, không, bất tịnh. Suy nghĩ hiểu ra được nghĩa này thì có thể giải thoát. Không hiện thực được điều này, chắc chắn đọa vào ba đường ác. Khi ấy, tự thân có cải thiện được cũng là điều khó!

Nhà vua nghe lời ấy, tâm liền nhu thuận, ý thức được vấn đề. Sau đó, nhà vua không còn vương bận đến ngôi vua nữa, liền giao ngôi vua cho thái tử để xuất gia học đạo.

Nhà vua đến một khu rừng vắng, cách vương thành không xa, ngôi tu ở đây. Thái tử thấy vua cha xuất gia mà không tu ở một nơi xa hẻo, nên thái tử nơm nớp sợ cha còn hối tiếc, quay trở lại đoạt ngôi. Do thế, thái tử ngỏ lời xin phụ vương rời đi một nơi khác thật xa vương thành.

Trước lời đề nghị này, nhà vua suy nghĩ: “ Nay ta là Tỳ-kheo phụng hành lời Phật dạy mà chưa thấy được đức Phật, nay đến đó để đánh lễ đức Thế Tôn”, nghĩ rồi ra đi. Khi tân vương, quần thần, Bà-la-môn đứng trên lầu cao nhìn thấy nhà vua rời khu rừng đi ra, lòng họ rất vui mừng. Đi được một đoạn đường ngắn, nhớ lại cái tọa cụ để quên, nhà vua quay trở lại để lấy. Các Bà-la-môn lại nói với tân vương rằng:

- Nhà vua đã trở lại, đó là mối nguy lớn cho tân vương.

Nghe lời sàm tấu, tân vương đâm hoảng, sợ mất ngôi liền ban lệnh cho các quan:

- Hãy đến giết Tỳ-kheo kia và giết tất cả Sa-môn Thích tử khác.

Vua lại ra lệnh:

- Nếu người đó sợ chết, dựng nên nhiều có để xin đến gặp ta thì cũng không quên thi hành lệnh giết tức khắc.

Kẻ thi hành lệnh đi ngay đến chỗ Tỳ-kheo, hỏi hỏi nói:

- Lệnh của tân vương phải giết ngài!

- Tại sao lại giết tôi? - Tỳ-kheo hỏi.

- Do ngài đi rồi lại quay trở lại, tân vương hoảng hồn, sợ ngôi vua của mình bị cướp nên hạ lệnh giết.

- Tôi không tham vương vị, vì quên tọa cụ nên quay lại để lấy. Như vậy, chuyện gì phải giết tôi?!

- Lệnh của nhà vua là phải giết, không có chuyện nài nỉ, van xin, trì hoãn để mong gặp mặt vua. Lệnh như thế làm sao tôi không thi hành ngay được?

- Tôi xuất gia nhưng sở cầu chưa đạt, xin người hoãn cho tôi một chút, chỉ cần đợi bóng cây kia đến đây là đủ.

Kẻ thi hành lệnh chấp thuận. Tỳ-kheo vua cha mắt nhắm lại, tập trung tư duy trong chánh định, liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Khi con bóng vừa ngã đến, kẻ thừa lệnh nói:

- Bóng cây đến sát rồi đó!

- Xin hoãn cho tôi một con bóng, vì sở cầu của tôi cần đạt thêm.

Kẻ thừa lệnh chấp thuận và ngay sau đó chấp thuận thêm hai khoảng thời gian ngắn ngủi nữa, Tỳ-kheo vua cha mới đạt được sở cầu trọn vẹn, đó là chứng được bốn quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

Chúng quả xong, Tỳ-kheo vua cha nói với kẻ thừa hành:

- Người có thể thi hành lệnh, rồi trở về báo cáo với vua của người rằng: “Ta không tham vương vị, vì quên tọa cụ nên quay trở lại để lấy mà thôi. Vua của người vì việc này mà giết ta, tức là giết cha, giết A-la-hán. Ta nghĩ: Người ấy sẽ thọ đại khổ lâu dài”.

Vừa nói dứt lời, Tỳ-kheo vua cha trút hơi thở cuối cùng. Khi kẻ thừa lệnh giết trở về, vua hỏi:

- Người đã giết chưa?

- Tâu hoàng thượng đã giết rồi.

- Phụ vương trước khi lâm chung có nói lời gì không?

Kẻ thừa lệnh thở dài, nghẹn ngào tâu lại đầy đủ diễn tiến cảnh giết Tỳ-kheo. Nghe lời nhắn gửi của cha - qua lời thuật - huyết từ trong miệng tân vương phụt ra. Rõ ràng tân vương còn sống mà thân đã vào địa ngục.

Trong thời gian này, vua Bình-sa cùng các lân quốc nghe báo cáo lệnh giết hết Sa-môn Thích tử, liền hạ lệnh cho các tướng sĩ bảo vệ Tỳ-kheo. Thi hành sắc lệnh, các tướng sĩ thành Vương-xá cẩn mật không rời Tỳ-kheo. Đến nỗi, ngày thứ 15 Bô-tát, Tăng tập hợp đến 500 người đề nghị tướng sĩ nên lui ra, song các tướng sĩ trả lời:

- Chúng tôi vâng lệnh của đại vương không được tạm rời quý vị, đâu dám trái lệnh của đại vương!

Việc này không biết giải quyết thế nào, Tỳ-kheo bạch lên Phật, Ngài dạy:

- Nếu họ không chịu đi tránh ra ngoài chỗ Bô-tát, thì Tăng chỉ nói tựa của giới rồi nói tiếp những việc kia Tăng thường nghe.

---o0o---

MÙA HẠ TRUYỀN THÔNG ²⁵⁶

Hồi ấy, các Tỳ-kheo Xuân, Hạ, Đông đều đi du hành, nhất là vào mùa mưa, đạp chết trùng cỏ, y vật ướt sũng, mang theo đường nặng nề, trông thật gian khổ và lắm điều phiền toái... Các Cư sĩ nhìn thấy cảnh này, bất mãn nói:

- Các ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn đến mùa Hạ trong năm còn biết dừng nghỉ tránh mưa, các loài chim cũng thế, chúng làm tổ, làm hang để tạm trú cho yên. Ngược lại, các Tỳ-kheo không biết ba mùa, mùa nào nên du hành, mùa nào không nên du hành. Các Tỳ-kheo thường nói thiếu dục,

từ mẫn, hộ niệm chúng sanh, mà nay dẫm đạp lên chúng sanh, không có tâm nhân từ, trắc ẩn, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Sự việc này được bạch lên đức Phật, lúc bấy giờ Ngài lưu ngụ tại thành Xá-vệ, Ngài dạy:

- Từ nay, cho phép an cư vào mùa Hạ²⁵⁷. Và đây là điều bắt buộc chúng Tăng phải thi hành để trưởng dưỡng sự tu tập.

---o0o---

TƯỜNG “Á PHÁP” LÀ HAY²⁵⁸

Lúc bấy giờ, nơi trú xứ nọ có số đông Tỳ-kheo an cư. Các thầy có cùng quan điểm là an cư phải thực hiện quy chế như vậy: “Chúng ta nếu cùng nhau nói năng trao đổi thì thêm việc này, bớt việc nọ, sanh ra nhiều việc rối rắm, phiền phức. Chi bằng nên cùng nhau thống nhất làm theo quy chế là chớ nên có lời lẽ gì với nhau, đóng cửa miệng lại. Ai khát thực về trước thì lau quét, rưới nước bụi chỗ dọn ăn, lấy nước đầy bình, đặt khăn lau tay lau chân vào vị trí, trải các tọa cụ, lấy sẵn đồ đựng thức ăn dư, lường thức ăn, có dư thì sót bớt để vào đó, người nào ăn thiếu thì lấy đó mà ăn, ăn rồi theo thứ tự dọn dẹp. Nếu một mình không thể làm được thì ra dấu nhờ bạn cùng làm. An cư mà như vậy là được sống an lạc, không mắc phải cái họa đúng-sai, phải-quấy”.

Mùa an cư nơi trú xứ ấy, các thầy thực hiện theo pháp của người cầm (á pháp) rồi cũng qua nhanh.

Theo thường pháp của chư Phật, mỗi năm có hai lần đại hội (trước hạ và sau hạ). Các Tỳ-kheo ra hạ đều về hầu thăm đức Phật, lúc bấy giờ đức Phật trú ngụ ở tinh xá Kỳ-hoàn, Xá-vệ. Khi đến chỗ Phật, các Tỳ-kheo an cư ở trú xứ ấy, đầu mặt lễ tức rồi ngồi qua một bên. Đức Phật an ủi, hỏi:

- Các thầy an cư có hòa hợp không? Khát thực không thiếu, trên đường về đây không vất vả chứ?

- Bạch Thế Tôn! Chúng con an cư hòa hợp, khát thực không thiếu, trên đường đi không nhọc nhằn. - Các Tỳ-kheo thưa.

- Các thầy an cư bằng cách nào để được hòa hợp? - Đức Phật hỏi.

Các Tỳ-kheo trả lời đầy đủ như trên. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách:

- Các thầy ngu si, giống như oan gia sống với nhau, làm sao có được sự hòa hợp, an lạc?! Ta đã sử dụng nhiều phương cách dạy các thầy

chung sống, điều cần thiết là phải nhắc nhở, giáo giới cho nhau, xây dựng, giác ngộ cho nhau để làm tròn đạo nghiệp. Tại sao nay các thầy lại thực hành “á pháp”? Từ nay nếu thực hiện cái pháp cam, không cùng trao đổi nhau bằng lời sách tấn thì phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

ĐÂY LÀ LỜI THƯA

Có một trú xứ, chúng Tăng an cư sau ba tháng đều thọ đặc sự chứng ngộ. Các thầy khởi lên ý niệm: “Nếu đủ ba tháng mà Tự tứ để di chuyển thì niềm vui chúng đạo mất đi”. Các thầy đem suy nghĩ này đến bạch Phật, lúc Ngài đang trú ngụ trong Kỳ-hoàn. Đức Phật dạy:

- Nay cho phép các Tỳ-kheo ngày Tự tứ sau ba tháng, tập hợp lại một chỗ, sai một Tỳ-kheo xướng:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Chúng ta an cư nơi đây đều rất thỏa lòng, an vui và thích thú. Nếu lại Tự tứ ra đi thì mất niềm vui này. Nay đình chỉ việc này đến tháng 8, đủ 4 tháng Tự tứ luôn. Đây là lời thưa trước Tăng cho việc làm của chúng ta”.

---o0o---

CÒN THIẾU MỘT¹

Khi đức Phật ở tại thành Xá-vệ, lúc bảy giờ, người nữ mẫu tắm rửa cho Kỳ-vức ²⁵⁹thấy rõ tướng của Kỳ-vức, bà biểu lộ sắc mặt đượm buồn. Kỳ-vức nhìn qua liền hỏi mẹ:

- Tại sao mẹ nhìn con với dáng vẻ buồn vậy?

- Mẹ buồn vì trên thân con có tướng thù đặc mà tâm ý con chưa được gần Phật, Pháp, Chúng Tăng. - Nữ mẫu trả lời.

Kỳ-vức nghe thế, khen:

- Lành thay! Lành thay! Mẹ có thể dạy con điều này.

Ngày ấy, Kỳ-vức mặc áo mới, đi đến chỗ đức Phật. Từ xa, Kỳ-vức đã thấy đức Thế Tôn dung nghi đỉnh đặc, có 32 tướng của đại nhân, vàng sáng tỏa ra một tầm, giống như núi vàng, lòng sanh kính tín. Kỳ-vức đến trước Phật, kính lễ sát chân Ngài rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì Kỳ-vức nói pháp nhiệm màu, chỉ bày sự lợi ích để được hoan hỷ, như: luận về việc bố thí, trì giới và sanh thiên; tại gia nhiễm lụy, xuất gia không đắm trước; những pháp trợ đạo như vậy làm sáng tỏ vấn đề. Đức Phật lại nói tiếp những pháp mà chư Phật thường nói là Khổ, Tập, Tận,

Đạo... Kỳ-vực liễu ngộ liền quy y Phật, Pháp, Tăng và thọ 5 giới. Kỳ-vực khéo phân biệt được ngọn, ngành, tướng của âm thanh...

Ngày ấy, đức Phật dẫn Kỳ-vực đến gò xương cốt, Ngài chỉ đầu lâu của năm người, Kỳ-vực gõ từng cái rồi bạch Phật:

- Cái đầu lâu thứ nhất này sanh vào địa ngục. Cái đầu lâu thứ hai sanh vào loài súc sanh. Cái đầu lâu thứ ba sanh vào loài ngựa quý. Cái đầu lâu thứ tư sanh vào cõi người. Và cái đầu lâu thứ năm sanh vào cõi trời.

- Lành thay! Ông nói đúng cả.

Đức Phật khen, rồi chỉ một cái đầu lâu khác, Kỳ-vực gõ ba lần, không biết sanh ở đâu, bạch Phật:

- Con không biết người này sanh vào cõi nào?

- Ông không biết là phải. Vì đây là đầu lâu của vị A-la-hán, không còn có chỗ sanh. - Đức Phật dạy.

Bấy giờ đức Phật trú ngụ nơi Trúc Lâm Ca-lan-đà, thành Vương-xá, thân bị bệnh Ngài hỏi tôn giả A-nan:

- Bệnh của ta nên uống thuốc gì?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ nói với Kỳ-vực. - A-nan thưa.

Được A-nan thông báo, Kỳ-vực nói:

- Tôi không thể dùng thuốc thường để chữa mà phải bào chế thứ thuốc của Chuyển luân Thánh vương mới dâng lên đức Thế Tôn.

Kỳ-vực dùng được huân ba loại hoa Ưu-bát-la²⁶⁰ rồi đem đến chỗ đức Phật, bạch:

- Xin Thế Tôn ngửi hoa này. Ngửi một hoa sẽ thông hạ mười lần, ba hoa là ba mươi lần, bệnh sẽ khỏi hoàn toàn.

Đúng như lời thầy thuốc Kỳ-vực nói, nhưng khi đức Phật ngửi hoa thứ ba thì chỉ có chín lần thông hạ. Như vậy, Ngài ngửi ba hoa chỉ có hai mươi chín lần.

Lần tiếp theo đến thăm Thế Tôn, Kỳ-vực thưa:

- Ngài ngửi hoa có “hạ” được không? Hạ nhiều hay ít?

- Ngửi thuốc tuy “hạ” được, nhưng còn thiếu một lần.

- Đức Phật nói.

- Thế Tôn nên uống nước nóng. - Kỳ-vực thưa.

Quả thật, khi đức Phật dùng nước nóng thì đánh rắm thêm một cái nữa. Từ đó bệnh lành hẳn.

Kỳ-vức thưa:

- Cần phải bổ dưỡng, con sẽ tùy thời cúng dường những thứ cần dùng.

Đức Phật thọ nhận bằng sự im lặng. Kỳ-vức nấu cháo hương Chiên-đàn ²⁶¹ dâng cúng đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng rồi, Kỳ-vức lại bạch:

-Con trị bệnh cho quốc vương, thần dân, nhận được hàng trăm ngàn lượng vàng, bảy món quý báu thì nhiều vô số; hoặc nhận được tỵ lạc, hoặc nhận được một áp. Cúi xin đức Thế Tôn nhận cho con một lời nguyện nhỏ.

- Chư Phật Như Lai đã vượt qua các lời nguyện. - Đức Phật dạy.

- Xin Phật cho con được nguyện một lời. - Kỳ-vức thưa.

- Nếu hợp lý thì không trái với ý của người. - Đức Phật dạy.

Khi ấy, Kỳ-vức lấy một chiếc y quý giá với giá trị bằng nửa nước, dâng lên đức Phật, bạch:

- Đây là chiếc y, trong các chiếc y thì nó tối thắng nhất. Xin Ngài đừng lòng thương thọ nhận cho.

Kỳ-vức lại xin đức Phật cho phép các Tỳ-kheo được nhận y.

Đức Phật vì Kỳ-vức nói các điều pháp rồi bảo về chỗ cũ. Việc nhận y quý hiếm này về sau đức Phật có chỉ dẫn rõ sự sử dụng và trong tinh thần tri túc thiểu dục, thì các Tỳ-kheo sử dụng y phần tảo ²⁶² là cơ bản.

---o0o---

NHÂN DUYÊN HỘI ĐỦ BA Y

Bấy giờ, từ thành Vương-xá, đức Phật cùng với đại Tỳ-kheo Tăng 1.250 vị đi du hành trong nhân gian. Các Tỳ-kheo vác y phần tảo trên mình, trông thấy việc này, đức Phật khởi lên ý niệm: “Ta nên quy định việc thọ y dâng cúng cho các Tỳ-kheo bao nhiêu thì vừa?”.

Bấy giờ, nghe đức Thế Tôn và đại Tỳ-kheo Tăng du hành, vua Bình-sa sắc lệnh cho bốn binh chủng oai nghiêm theo hầu sau đức Phật. Cuộc du hành tuần tự đi qua các nơi trong nước, rồi đức Phật đi đến sông Hằng. Bấy giờ là lúc phải qua sông để đến nước Bạt-kỳ ²⁶³. Tôn giả Mục-kiền-liên nghĩ: “Nếu dùng thuyền để qua thì sợ nhà vua chờ lâu, phé bỏ

công việc. Nay ta nên dùng thần lực làm nước cạn để đoàn đi qua”. Nước sông Hằng bỗng rút cạn, có thể lội qua. Đức Phật cùng 1.250 Tỳ-kheo đồng loạt lội qua sông Hằng. Đến bờ bên kia, Ngài nói kệ:

*Tinh tấn là thuyền bè
Vượt qua sông sâu rộng
Ai người thấy việc này
Không phát tâm kính tín?*

Bên này bên sông, khi ấy vua Bình-sa thâm nghĩ: “Đức Phật đã ra khỏi biên cương nước ta, ta nên lui về”. Vua chấp tay, từ xa kính lễ rồi lui binh.

Đoàn du hành đến tụ lạc Quật-trà, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Có 4 pháp, Tôi và các ông khi chưa đạt thì ở trong sanh tử luân hồi không bờ bến. Bốn pháp đó là gì? - Đó là: Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ và Thánh giải thoát. Nay đã đạt rồi, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong.

Đức Phật vì các Tỳ-kheo nói kệ:

*Giới, định, tuệ, giải thoát
Nay Ta giác ngộ rồi
Đoạn hết các nguồn khổ
Nên vì các ông nói.*

Du hành trong nước Bạt-kỳ một thời gian, đức Phật lại hướng dẫn 500 Tỳ-kheo đi về thành Tỳ-xá-ly. Nơi thành này có dân nữ tên là A-phạm-hòa-lợi²⁶⁴, nghe đức Thế Tôn là bậc đại danh, hiệu là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác du hành các nước, sắp đến thành này, bà rất vui mừng, nói: “Lành thay! Ta nguyện muốn đến yết kiến Phật”. Bà liền cho trang nghiêm bốn xe ngựa thật lộng lẫy, với 500 kỹ nữ tùy tùng ra nghinh đón Thế Tôn. Đức Phật từ xa trông thấy đoàn rước, bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy, mỗi người đều nên hệ niệm tại tiền, tự phòng hộ tâm mình, đó là lời dạy của chư Phật.

Thế nào là hệ niệm? - Nghĩa là thực hành Tứ niệm xứ, quán nội thân, tuần tự quán tự thân để trừ vô minh, khổ của thế gian. Quán ngoại thân, nội ngoại thân; và thọ, tâm, pháp cũng như vậy.

Tại tiền là thế nào? - Nghĩa là đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, đi tới, đi lui, dòm ngó trước sau, co giãn, cúi ngửa, mặc y, bung bát, ăn uống, vệ sinh, nói năng, im lặng... thường trụ tâm nơi đó. Đó là lời dạy của Ta.

Từ xa, A-phạm-hòa-lợi trông thấy đức Thế Tôn dung nhan đặc thù, các căn tịch định, có 32 tướng đại nhân, ánh sáng tỏa ra một tâm, giống như núi vàng, bà rất vui mừng và niềm kính tín càng tăng lên. Bà đến trước đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật vì bà nói các pháp nhiệm màu, chỉ bày sự lợi ích. Bà vui mừng, rồi bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, nguyện xin đức Phật và chư Tăng nghỉ lại đêm nơi vườn của con và ngày mai con xin được cúng dường trai phạn.

Đức Phật im lặng nhận lời. A-phạm-hòa-lợi kính lễ, nhiễu quanh rồi cáo lui.

Khi ấy, 500 Ly-xa²⁶⁵ cũng nghe tin đức Phật cùng Tỳ-kheo du hành và sắp đến thành Tỳ-xá-ly nên cùng nhau lập quy ước nghinh đón đức Phật. Quy ước quy định: “Ai không đi đón rước Phật thì sẽ bị phạt 500 tiền vàng”. Quy ước này khiến ai cũng nhập cuộc. Đoàn nào cưỡi ngựa xanh, xe xanh thì y phục của tất cả quyến thuộc cũng đều một màu xanh. Đoàn nào cưỡi ngựa vàng, hoặc đen, hoặc đỏ, hoặc trắng thì cũng đều như vậy. Đoàn người do Ly-xa tổ chức, rầm rộ kéo nhau lên đường. Khi đi được nửa đường thì gặp đoàn của A-phạm-hòa-lợi đi về. Đoàn này cản lại, không cho đoàn kia tiến lên. Các Ly-xa nói:

- Chúng tôi cũng muốn thỉnh Phật, bà phải để chúng tôi thỉnh trước.

- Đức Phật đã nhận lời thỉnh của tôi rồi, chúng tôi không thể nhường được. - A-phạm-hòa-lợi trả lời.

- Chúng tôi biểu bà 500 ngàn lượng vàng, bà để cho chúng tôi thỉnh trước. - Các Ly-xa đặt điều kiện.

A-phạm-hòa-lợi dứt khoát từ chối. Các Ly-xa lại nói:

- Biểu cho bà tài vật của phân nửa nước, được không?

- Giá như cả nước cũng không thể được. Tuy nhiên, nếu các ông có thể bảo đảm ba việc sau đây cho tôi khỏi bị mất thì tôi mới chấp nhận.

Các Ly-xa hỏi:

- Ba việc ấy là gì?

- Một là bảo đảm thân mạng tôi không bị chết yểu. Hai là bảo đảm của cải của tôi không bị tổn thất. Ba là bảo đảm đức Phật thường trú ở đây, chứ không đi chỗ khác. - A-phạm-hòa-lợi ra điều kiện.

- Tài sản tổn thất, chúng tôi có thể cho lại được. Nếu đức Phật đi chỗ khác, chúng tôi có thể mời ở lại. Nhưng sự nguy khốn cho mạng sống của bà, ai dám bảo đảm nổi?!

Ly-xa dứt lời, nổi giận đùng đùng bỏ đi. Đức Phật từ xa thấy các Ly-xa đến, bảo các Tỳ-kheo:

- Muốn biết chư thiên Đao-lợi xuất nhập như thế nào, thì hình ảnh các Ly-xa đây không có khác.

Hình ảnh đức Phật sáng rõ, dịu hiền... như núi vàng đập vào mắt các Ly-xa, khiến họ vui mừng khôn xiết. Họ tiến đến trước Phật, kính lễ sát chân Ngài rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy, trong đoàn rước đông đảo này có một Ma-nạp tên là Tân-kỳ-da, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, quỳ gối, chấp tay bạch Phật:

- Con muốn dùng kệ để khen ngợi đức Thế Tôn.

- Tùy ý ông. - Đức Phật trả lời.

Ma-nạp liền nói kệ:

*Bình-sa được thiện lợi
Ương-già²⁶⁶ cầm châu khải
Phật xưa sanh nơi đây
Tiếng vang như sấm sét
Cũng như hoa mới nở
Ngạt ngào, ngát mùi thơm
Xem Phật thân sáng rực
Như mặt trời rực rỡ
Như trăng tròn vàng vạc
Trên bầu trời không mây
Thế Tôn thân chói sáng
Sáng tỏa không gì hơn
Phật huệ soi cùng khắp
Tiêu diệt lòng tối tăm
Cho thế gian con mắt
Quyết đoán các nghi hoặc.*

Các Ly-xa nghe kệ rất thích thú vui mừng, liền tặng 500 chiếc y cho Ma-nạp. Ma-nạp bảo:

- Tôi không cần áo, nguyện sao được thỉnh Phật trước.

Đức Phật dạy Ly-xa:

- Có thể cho phép Ma-nạp thỉnh trước.

Ma-nạp liền thỉnh Phật và Tăng, các Ly-xa vẫn tặng y, Ma-nạp liền dâng cúng Phật. Đức Phật thọ nhận rồi bảo các Ly-xa:

- Ở đời có năm điều quý báu rất khó được gặp: 1. Chư Phật Thế Tôn; 2. Những lời do đức Phật dạy; 3. Hiểu rõ lời Phật dạy; 4. Làm theo điều đã nghe; 5. Người không quên ân nhỏ.

Trong nỗi hân hoan vui mừng được gặp Phật, các Ly-xa liền họp lại, bàn tính rằng: “Đức Phật không ở lại đây lâu, nếu mỗi người cúng riêng lẻ thì không biết khi nào gặp khắp. Nay nên tập trung tất cả phẩm vật rồi tùy theo đó mà cúng dường hằng ngày. Ngoài chúng tộc chúng ta ra, không cho phép ai dự vào”.

Về phía A-phạm-hòa-lợi thì suốt đêm bà cho làm các thức ăn ngon bổ... Sáng ngày đem tất cả trai soạn đến khu vườn của bà. Tọa cụ được trải bày đúng phép, sau đó bà thỉnh Phật và Tăng thọ trai. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy hệ niệm, cùng thọ bữa trai này.

Tất cả đều an tọa nơi tòa. Nại nữ (A-phạm-hòa-lợi) tự tay tiếp thức ăn một cách hoan hỷ, không lẫn lộn. Thọ trai xong, Thế Tôn và các đệ tử rửa tay, Nại nữ đứng lui qua một bên, bạch Phật:

- Trong các khu vườn nơi Tỳ-xá-ly chỉ có khu vườn này là đệ nhất. Con sửa soạn khu vườn này là muốn để làm việc phước. Nay xin dâng cúng Thế Tôn, xin Ngài nhận sự cúng dường này.

- Nên cúng cho Tăng để được quả báo lớn. - Đức Phật dạy.

Nại nữ lại một lần nữa xin cúng cho Phật. Đức Phật dạy:

- Nên cúng cho Tăng, trong Tăng có Ta.

Sau khi bạch lời dâng cúng cho Tăng xong, Nại nữ lấy một ghế nhỏ ngồi trước đức Phật, đức Phật vì Nại nữ nói bài kệ tùy hỷ, như bài kệ đức Phật đã nói với Trưởng giả Tỳ-lan-nhã... Đức Phật lại nói các pháp vi diệu, chỉ bày sự lợi ích. Bà A-phạm-hòa-lợi rất vui mừng, liền từ chỗ ngồi được con mắt pháp trong sạch. Kế đó, bà thọ ba tự quy và năm giới, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ đức Phật, lui về.

Sau đó, các Ly-xa cúng dường đúng như kế hoạch đã đề ra. Tất cả đều thấy vừa lòng, niềm vui ấy, hạnh phúc ấy như luôn tràn ngập không sao nói thành lời được.

Đức Phật từ thành Tỳ-xá-ly tuần tự du hành đến tháp Bát-giá-la. Lúc bấy giờ là mùa Đông, đức Phật chỉ mặc một chiếc y ngủ nơi đất trống.

Qua khỏi đầu đêm, Ngài cảm thấy lạnh, mặc thêm một chiếc thứ hai, rồi đêm về khuya lại cảm thấy lạnh, Ngài mặc thêm một chiếc y thứ ba. Từ đó, Ngài không còn thấy cái lạnh làm khốn. Do vậy, gọi cho Ngài ý nghĩ: “Sau này các Tỳ-kheo nếu phải hứng chịu sự lạnh lẽo thì nên giữ đủ ba y để chế ngự. Nay Ta có thể vì Tỳ-kheo mà chế định việc này”.

Sáng ngày đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Trước đây, khi du hành ở thành Vương-xá, thấy các Tỳ-kheo phải mang nặng y trên mình, bây giờ Ta muốn chế định mức lượng y của tín thí cúng, nhưng chưa thực hiện. Đêm qua, thời tiết rất lạnh, thoát đầu Ta mặc một y, giữa đêm cảm thấy lạnh, lại mặc thêm một y nữa, cuối đêm còn cảm thấy lạnh, lại mặc thêm một y nữa, Ta thấy an ổn vì được ấm áp. Điều này cho Ta ý nghĩ: “Để hạn chế được sự lạnh lẽo thì nên mặc ba y”. Do vậy, từ nay Ta cho phép các Tỳ-kheo chỉ cất giữ ba y, ngoài ra không cất giữ thêm một y nào nữa. Nếu y bị hư hoại thì cho phép tu bổ, dùng kim chỉ vá lại, hoặc khâu vá các lỗ thủng nơi y.

---o0o---

TỪ MỘT THỰC TẾ

Bây giờ, đức Thế Tôn cùng đầy đủ 1.250 vị đại Tỳ-kheo du hành nhân gian ở các nơi phương Nam. Từ trên núi nhìn xuống, thấy các thửa ruộng dưới đồng bằng, nước ruộng được đắp bờ xung quanh vuông vức rất khéo, đức Phật nghĩ: “Các Tỳ-kheo của Ta nên may y giống như những thửa ruộng kia”. Ngài liền hỏi tôn giả A-nan:

- Ông có thấy các thửa ruộng bên dưới kia không?

- Bạch Thế Tôn, con có thấy. - A-nan thưa.

- Các Tỳ-kheo nên mặc y như vậy, ông có thể thực hiện được không?

- Đức Phật hỏi.

- Bạch Thế Tôn, con có thể thực hiện theo cách ấy. - A-nan thưa.

Sau đó, tôn giả A-nan tự may, cũng chỉ bày cho các Tỳ-kheo may. Hoặc một đoạn dài, một đoạn ngắn; hoặc hai đoạn dài, một đoạn ngắn; hoặc ba đoạn dài, một đoạn ngắn. Lá điều bên trái thì gấp xếp về phía bên trái; lá điều bên phải thì gấp xếp về phía bên phải; lá điều chính giữa thì phủ đều qua hai bên. May xong, mặc vào thật thích nghi. Đức Phật thấy được kết quả rồi bảo các Tỳ-kheo:

- A-nan có đại trí tuệ, nghe Ta lược nói mà may đúng như pháp. Đây được gọi là y cắt rọc, không giống bất cứ y nào, so với y các ngoại đạo thì khác hẳn. Oan gia, đạo tặc lại không lấy để làm gì. Từ nay cho phép các Tỳ-kheo cắt rọc may thành ba y.

--- o0o ---

PHẦN 08

ĐỨC PHẬT VỚI TỖ-KHEO BỆNH

Có một Tỳ-kheo khác nhóm, không tiếp tay làm những công việc của chúng, cũng không hầu hạ Hòa thượng, A-xà-lê... Khi ngã bệnh, không ai chăm sóc, vệ sinh tại chỗ, phân, giải dính cả thân, hôi thối bất tịnh. Đức Phật đi xem xét các phòng, thấy vậy, Ngài tự tay tắm rửa, giặt y cho bệnh nhân, dọn dẹp, trừ khử bất tịnh, đỡ bệnh nhân nằm trên giường rồi ngồi một bên an ủi:

- Thầy đừng lo sợ. Nay mai thầy sẽ lành, không sao đâu!

Tỳ-kheo kia nghe lời nói ân cần này, lòng rất vui, đầy xúc động. Đức Phật lại nói các điều pháp, Tỳ-kheo bệnh được xa trần lìa cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Nhân việc này, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi A-nan:

- Tỳ-kheo... bệnh, tại sao không có người chăm nom?

A-nan trình bày sự việc, đức Phật bảo A-nan:

- Các ông làm điều phi pháp. Tỳ-kheo không có cha mẹ không tự chăm sóc cho nhau thì ai vào đây chăm sóc cho? Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo phải cử người nuôi bệnh, phải chăm sóc chu đáo.

---o0o---

NÊN CHO - NÊN CÚNG DƯỜNG

Thuở ấy, có một người mẹ trẻ sinh con bị chết yểu. Lần sinh sau là một đứa con trai rất dễ thương, cô ta sợ lại bị chết yểu như đứa con lần đầu, nên đến Tỳ-kheo xin y ca-sa, may áo cho con mặc để trừ khử tà quái. Các Tỳ-kheo không dám cho, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên cho họ.

Khi ấy, cha mẹ của Tất-lăng-già-bà-ta rất nghèo khổ, ông muốn đem y cúng dường mà không dám, bạch Phật. Nhân việc này đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người đối với cha mẹ, 100 năm vai bên phải cõng cha, vai bên trái cõng mẹ, cha mẹ lại đại tiện tiện luôn trên đó, nuôi nấng cha mẹ bằng những ẩm thực, y phục trân kỳ nhất trên đời, cũng chưa thể tạ ơn cha mẹ trong muôn một. Từ nay Ta cho phép các Tỳ-kheo suốt đời hết lòng cúng dường cha mẹ. Nếu không cúng dường là phạm tội rất nặng.

---o0o---

DÒNG HỌ THÍCH XIN Y

Bấy giờ, nước Xá-di²⁶⁷ rất bảo thủ, làm theo Cựu điển: cấm tất cả người khác họ kết hôn với người trong họ. Vua Ba-tư-nặc lại mê say gái đẹp của dòng họ Thích, muốn cưới nhưng gặp trở ngại, song vua ỷ vào thế lực quân sự mạnh của mình, bèn sai sứ khuyến cáo: “Nếu không cho ta cưới con gái họ Thích thì ta sẽ đem quân chinh phạt”.

Các người dòng họ Thích họp nhau lại nghị bàn: “Nên tương kế tựu kế thế nào để tránh khỏi điều bạo ngược, mà lại không trái với Cựu điển của nước ta”. Các người trong dòng dõi nhất trí chọn một đứa trẻ gái đẹp, thùy mị, đoan trang, rồi cho trang điểm với đồ trang sức đẹp, mang danh dòng họ Thích để đáp ứng việc cưới xin của vua Ba-tư-nặc.

Ý đồ này dòng họ Thích khéo léo thực hiện, rồi thông báo cho vua Ba-tư-nặc biết để định liệu việc cầu hôn, và việc hôn nhân cũng nhanh chóng diễn ra tốt đẹp. Không lâu sau, trong hoàng cung của vua Ba-tư-nặc vang lên tiếng khóc chào đời của một bé trai khôi ngô, tuấn tú tuyệt vời. Nhà vua ra lệnh cho các thầy tướng dựa theo tướng mạo ấy mà đặt tên cho con mình. Các thầy tướng nói:

- Nhà vua vốn dùng uy lực mà cưới được mẹ đứa bé trai này, nên dựa vào nghĩa đó đặt tên là Lưu-ly.

Đến năm tám tuổi, nhà vua muốn mời thầy dạy học cho con. Vua suy nghĩ: “Trong các nghề, nghề bắn cung là hơn hết, và trong cõi Diêm-phù-đề²⁶⁸ chỉ có dòng họ Thích tài bắn cung là hơn cả. Khi Phật còn là Bồ-tát, bắn xa một do-tuần với một Câu-lâu-xá²⁶⁹. Thích Ma-nam thì bắn xa một do-tuần và tay bắn tồi nhất cũng xa không dưới một Câu-lâu-xá. Ta nên cho Lưu-ly về bên ngoài để học nghề này”.

Vua ra lệnh cho đại thần và bao người hầu cận thị tùng thái tử sang bên ngoài thợ học bắn cung với Thích Ma-nam.

Bấy giờ, các người dòng họ Thích mới xây xong một tòa nhà lớn. Họ giao ước với nhau: “Nơi này cúng dường, cung thỉnh Phật và đệ tử của Ngài vào đây trước nhất, sau đó chúng ta mới vào sử dụng”. Ngày ấy, thái tử Lưu-ly cùng với quyến thuộc tùy tiện vào trong tòa nhà ấy vui đùa. Các người dòng họ Thích thấy vậy mắng ngay:

-Con của đấng tể hạ tiện, ta không coi ngươi là nơi phước điền tốt. Tại sao đức Thế Tôn chưa vào ngôi mà ngươi dám vào trước?

Thái tử Lưu-ly nghe thế liền phẫn hận, ra lệnh cho một người tùy tùng:

- Ngươi ghi nhớ kỹ điều này, khi ta làm vua tâu lại với ta.

Thái tử nói rồi, tức tốc bỏ đi ra. Ngay sau đó, dòng họ Thích đào lấy đất nơi tòa nhà ấy đổ đi rồi đưa đất mới vào làm lại. Công việc hoàn tất mới thỉnh Phật và Tăng vào trong để cúng dường và nghe diễn thuyết diệu pháp...

Thái tử Lưu-ly học xong nghề bắn, trở về thành Xá-vệ. Tuổi còn niên thiếu, Lưu-ly đã nối ngôi vua. Các chức quan trọng yếu, tân vương đều giao cho những người cùng học trước kia. Ngày ấy, vị đại thần trước kia nhớ lời dặn tâu với vua rằng:

- Hoàng thượng còn nhớ bị các người thuộc dòng họ Thích mắng không?

- Ta nhớ.

- Nay nếu không trả thù thì đợi lúc nào nữa?!

Lời tâu ấy liền có tác động mạnh. Nhà vua sắc lệnh cho bốn loại binh tiến quân chinh phạt dòng họ Thích. Khi hay tin này, đức Thế Tôn vội đến bên lộ, ngồi dưới cây Xá-di, một loại cây không có bóng mát. Vua Lưu-ly từ xa đã thấy Phật, liền xuống xe đi bộ đến, đầu mặt đánh lễ sát chân Ngài và bạch:

- Kính bạch đức Thế Tôn, cây tốt rất nhiều, vì lý do gì Ngài lại ngồi dưới cây không có bóng mát?

- Thân tộc là bóng mát vui thích nhất. - Đức Thế Tôn trả lời

Nhà vua biết được ý Phật là Ngài đã dũ lòng thương đến các người dòng họ Thích, nên cho lui binh. Không lâu sau, đại thần kia lại nhắc mỗi nhục dĩ vãng, lửa hận thù trong lòng vua Lưu-ly bén lên, tác động trả thù lớn hơn. Cuộc chinh phạt dòng họ Thích một lần nữa tái diễn. Đức Phật biết rõ những người dòng họ Thích không thể tránh khỏi túc nghiệp phải đối đầu này, nên Ngài không ra can ngăn nữa.

Dòng họ Thích nghe vua Lưu-ly kéo binh đến chinh phạt đất nước mình, họ cũng dàn quân chống trả. Cách một do-tuần, họ dùng tên bắn vào địch quân, tên xuyên qua sát lỗ tai, tên làm đứt tóc, tên gọt đứt râu khiến râu tóc và lông mày không còn sót một sợi. Các chiến cụ của đối phương nhất loạt bị phá hoại mà không gây thương tổn mạng sống địch quân. Vua Lưu-ly hỏi các quan tả hữu:

- Các người dòng họ Thích ở cách đây xa hay gần?

- Cách đây một do-tuần. - Các tướng quân tâu.

Nghe thế, nhà vua rất sợ hãi, nói:

- Trận chiến chưa xáp lá cà mà đã như thế này, huống chi giáp trận nhau, quân ta thua là điều chắc chắn, nên rút quân là hay nhất.

Một vị đại thần kịp ngăn vua, nói:

- Dòng họ Thích đều giữ năm giới, họ thà chết chứ không hại ai, vua nên tiến quân xông thẳng vào thì chắc chắn thắng, không có chuyện bại trận xảy ra.

Nhà vua nghe theo, ra lệnh cho quân tiến lên. Dòng họ Thích rút vào trong thành, đóng cửa tự thủ. Vua Lưu-ly sai sứ loan báo: “Mở cửa thành ngay thì còn có sự tha thứ. Nếu để vua phá thành thì không một người nào thoát chết”. Khi ấy, tôn giả Mục-kiền-liên nghe vua Lưu-ly muốn công phá đại thành Xá-di, bạch Phật:

- Xin Thế Tôn cho phép con biến hóa làm một cái lồng bằng sắt để chụp đỡ cả đại thành.

Đức Phật dạy:

- Tuy ông có thần lực, song làm sao có thể cải đổi được nhân duyên định báo này.

Do ý nghĩa ấy, đức Phật nói kệ:

*Luận nghiệp có trắng đen
Không có chuyện hư dối
Tuy lâu cũng sẽ đến
Trở lại mình phải chịu
Vào hư không, biển cả
Hay ẩn trong núi đá
Bất cứ đến chỗ nào
Dù sâu kín, gần xa
Sao tránh khỏi quả kia
Báo ứng sẽ đưa đến
Tự nhiên hướng đến nó
Không nhất định nơi nào.*

Bấy giờ, dòng họ Thích thấy quân của đối phương đông như kiến, có người nói: “Mở cửa thành để được toàn thân”, có người nói: “Dù chết cũng cô thủ”. Phân vân về các quyết định này nên phải bỏ phiếu, phía ít phải phục tùng phía đông. Khi ấy, ma Ba-tuần²⁷⁰ yểm trợ cho phe muốn mở cửa thành, nên qua bảy lần bỏ phiếu, phe này đều có nhiều phiếu hơn. Thế là cửa thành được mở ra, vua Lưu-ly chiếm được thành rồi ra lệnh cho ba quân:

- Giết hết dòng họ Thích, không sát hại dòng họ khác.

Ba ức người dòng họ Thích nghe đều cầm cỏ lau chạy ra nói:

- Chúng tôi là người cắt cỏ cho dòng họ Thích.

Quân giữ cửa thành tin theo lời, để cho chạy thoát. Thích Ma-nam tức tốc đến chỗ vua Lưu-ly. Vì ông vừa là Ngoại gia, vừa là thầy dạy bắn cung nên vua Lưu-ly thưa hỏi:

- Khanh muốn cầu điều gì?

- Xin đừng giết các người trong thân tộc của tôi nữa!

- Thích Ma-nam khẩn thiết xin.

- Điều đó không thể được. Có thể cầu xin điều gì khác.

Thích Ma-nam lại cầu xin:

- Xin hoàng thượng ban một ân huệ, là cho tôi khi lặn xuống nước đến lúc trôi lên, trong thời gian ấy cho những người dòng họ Thích được phép chạy ra, đừng giết họ.

Vua Luu-ly nghĩ: “Thời gian một hơi thở ở dưới đáy nước là quá ngắn ngủi, việc gì không chấp nhận”. Được sự chấp thuận, Thích Ma-nam liền xổ bung đầu tóc ra, rồi lặn sâu xuống ao, lấy tóc cột vào gốc cây dưới đáy. Thích Ma-nam chết, thân vẫn nằm yên trong lòng nước. Thấy khá lâu, vua lấy làm lạ, sai người lặn xuống, thì ra cơ sự bi thảm kia lại là hình ảnh bi hùng nhất!

Cái chết của Thích Ma-nam được sứ giả tâu lên vua, vua khen:

- Kính phục! vì thân quyền mà không tiếc thân mạng!

Vua liền ra lệnh cho ba quân:

- Nếu ai còn giết dòng họ Thích sẽ bị quân pháp nghiêm trị.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe vua Luu-ly tàn sát người nước Xá-di, bạch Phật. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Vua Luu-ly ngu si. Sau bảy ngày, ông ta sẽ thọ tội hại người thầy đã dạy mình và cả gia quyến của nhà vua kẻ lớn người nhỏ cũng cùng chung số phận.

Vua Luu-ly nghe đức Phật nói như thế, tâm niệm: “Lời nói của Phật không bao giờ sai”. Vua thầm nghĩ: “Trong các nỗi khổ, khổ nào cũng đáng sợ, nhưng sợ nhất là cái khổ bị lửa thiêu đốt”. Nhà vua cùng quyến thuộc ngồi thuyền đi vào sông A-di. Ngày thứ bảy lại đến, ngày ấy nước sông bỗng nhiên lớn kinh khủng, liền nhận chìm thuyền vua Luu-ly. Nhà vua và cả quyến thuộc chết đồng loạt. Bảy giờ, các người dòng họ Thích còn sống sót không có một tấm áo che thân, họ đến trú xứ Tỳ-kheo, nói:

- Tôi là dòng họ Thích, là bà con thân tộc với đức Thế Tôn, cho tôi xin một ít y.

Các Tỳ-kheo không dám cho, bởi lẽ đức Phật chưa cho phép cho y người dòng họ Thích. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy: “Được phép cho”.

NƠI BIÊN ĐỊA ĐƯỢC²⁷¹

Bấy giờ, Ma-ha Ca-chiên-diên sống ở trong núi Ba-lâu-đa²⁷², là biên địa thuộc nước A-thấp-a-vân-đầu²⁷³. Trong nước có ông Trưởng giả tên là Sa-môn Úc-nhĩ, rất tin kính Phật pháp, thường cúng dường các Tỳ-kheo, thấy pháp đặc quả rồi thọ Tam quy, Ngũ giới. Một hôm, trong chỗ thanh vắng, Sa-môn Úc-nhĩ suy niệm lời Phật dạy: “Tại gia nhiễm trước, không thể tịnh tu phạm hạnh. Xuất gia vô nhiễm, cũng như hư không. Nay sao ta không vào pháp vô vi, cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo?”. Nghĩ rồi, sáng sớm Sa-môn Úc-nhĩ đến chỗ Ca-chiên-diên, đầu mặt kính lễ sát chân, trình bày đầy đủ ý nghĩ của mình, rồi cầu xin xuất gia thọ Cụ túc giới. Ca-chiên-diên bảo:

- Như lời ông nói là thật xác đáng, song việc xuất gia tu phạm hạnh thì phải một mình ngồi dưới gốc cây, ăn ngày một bữa, ông vốn là người giàu có thì đây là điều rất khó cho ông.

Úc-nhĩ ghi nhận lời dạy rồi về nhà. Điều gì ông đã quyết, ông nhất tâm thực hiện. Ba lần đến cầu xin Ca-chiên-diên và lần cuối được chấp nhận. Khi Sa-môn Úc-nhĩ xuất gia học đạo, tại nước này Tăng rất ít, không đủ chúng mười người để trao giới Cụ túc, nên Úc-nhĩ làm Sa-di đến sáu năm. Trước sự việc này, tôn giả Ca-chiên-diên dùng thần lực tập hợp chúng mười vị ở các nước khác đến, trao giới Cụ túc cho Úc-nhĩ.

Sau khi thọ giới rồi, Úc-nhĩ nghĩ: “Ta nghe đức Như lai là bậc Ứng cúng Chánh đẳng giác mà chưa diện kiến được, nay ta nên đến thăm hỏi đức Thế Tôn”. Ngày ấy, trước khi lên đường, Úc-nhĩ đến thưa chào Ca-chiên-diên. Trước tôn giả, đầu mặt kính lễ sát chân rồi xin phép đi hầu thăm Phật. Ca-chiên-diên nói:

- Tốt lắm! Tôi vui theo quyết định của ông. Ông nên lên đường sớm chừng nào tốt chừng ấy. Ông cho tôi gửi lời thăm hỏi đức Thế Tôn và bạch Ngài xin chấp thuận cho năm điều sau:

1- Nước A-thấp-ba-a-vân-đầu không có Tăng, Úc-nhĩ làm Sa-di sáu năm vì không đủ chúng mười vị để trao giới Cụ túc. Ca-chiên-diên dùng sức thần thông tập trung Tăng các nước khác mới đủ chúng mười vị để trao giới Cụ túc cho Úc-nhĩ. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép nước này không đủ chúng mười vị được trao giới Cụ túc.

2- Nước này có nhiều sỏi đá chông gai, xin đức Thế Tôn cho phép Tăng nước này được mang giày, guốc hai lớp.

3- Nước này dùng da lột trên đất làm tọa, ngọa cụ, xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo nước này dùng da lột trên đất.

4- Người nước này ngày nào cũng tắm rửa, xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo ở nước này hằng ngày tắm rửa.

5- Có Tỳ-kheo gửi y cho Tỳ-kheo phương khác, y chưa đến nơi, Tỳ-kheo ấy sanh nghi, sợ phạm tội chứa y dư. Xin Thế Tôn vì Tỳ-kheo này trừ mối nghi.

Úc-nhĩ vâng lời thầy dạy, lên đường. Khi đến chỗ trú ngụ của đức Phật trong thành Xá-vệ, Úc-nhĩ đầu mặt đánh lễ sát chân Phật, rồi bạch lời thăm hỏi của Hòa thượng Bôn sư lên đức Thế Tôn. Đức Phật bảo A-nan:

- Ông trải ngọa cụ cho Tỳ-kheo này nghỉ ngơi.

A-nan nghĩ: “Đức Phật muốn cho Tỳ-kheo này cùng nghỉ nên khiến ta trải ngọa cụ”. A-nan trải ngọa cụ cho khách nơi phòng của Phật. Đức Phật với Úc-nhĩ nghỉ cùng một phòng. Đầu đêm, giữa đêm im lặng không chuyện vãn. Đến cuối đêm, đức Phật nghĩ đến Úc-nhĩ: “Đây là con nhà vọng tộc, oai nghi điều phục, nên bảo Tỳ-kheo này nói pháp”. Đức Phật bảo Úc-nhĩ:

- Thầy có thể nói pháp.

Vâng theo lời dạy, Úc-nhĩ nói lưu loát mười sáu nghĩa phẩm kinh, nói rồi đứng im lặng. Đức Phật dạy:

- Lành thay! Người trong nước thầy, ai cũng đều nói được như vậy chẳng?!

Úc-nhĩ thưa:

- Có người hơn con!

- Tại sao thầy ở nơi nước ấy mà không đến gặp Ta? - Đức Phật hỏi.

- Con biết điều tội ấy, song vì nhân duyên nên con chưa thực hiện sớm hơn.

Nhân đó, đức Thế Tôn nói kệ:

*Thấy lỗi làm ở đời
Tự thân nương pháp lành
Kẻ hiền không ưa ác
Vì ác không thích thiện.*

Được gần gũi bên Phật là điều khó, Ưc-nhĩ đạt được điều này, liền bạch xin Thế Tôn chấp thuận cho năm điều mà thầy mình kiến nghị. Sáng ngày, đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng, Ngài bảo Ưc-nhĩ trình bày lại năm điều xin của tôn giả Ca-chiên-diên. Trước Tăng, Ngài khen ngợi hạnh thiếu dục tri túc, khen giới, khen người trì giới; sau đó Ngài chấp thuận năm điều mà Ưc-nhĩ đã thay mặt thầy mình xin. Cụ thể điều 1 và điều 5 như sau:

- Chỗ thiếu Tỳ-kheo như nước của Ưc-nhĩ thì đủ năm vị trì luật là có thể trao giới Cụ túc.

- Tỳ-kheo gửi y cho Tỳ-kheo nơi khác, tuy Tỳ-kheo trước có nghe biết, y chưa vào tay, không phạm tội chứa y dư.

---o0o---

BÒ MẸ ĐÒI CON

Lúc bấy giờ, Bạt-nan-đà thường tới lui một gia đình người chăn bò. Ngày ấy, Bạt-nan-đà mặc y, bụng bát ghé đến nhà ấy. Ông ta nhìn thấy con bò ghé của người nhà nuôi có sắc lông đốm nhiều màu, rất lấy làm thích, ước gì có được da con ghé này làm phụ cụ thì tuyệt. Người chủ hỏi:

- Sao thầy dăm dăm nhìn con ghé một cách say sưa vậy?

- Con ghé này có sắc lông loang lổ xem rất thích! Giá được da nó để làm phụ cụ thì hay quá! - Bạt-nan-đà trả lời.

- Đại đức thường lo liệu việc nhà của con, con đâu có tiếc gì con ghé mà không cúng cho thầy. - Người chủ bảo.

Người chủ liền ra tay giết con ghé trước mặt mẹ nó để lấy da cúng cho Bạt-nan-đà. Nhận được tấm da “quý”, sư trở về Tăng phường. Đi theo sau Bạt-nan-đà là con bò mẹ, rống kêu buồn thảm như để đòi lại đứa con của nó!

Các Tỳ-kheo hỏi Bạt-nan-đà:

- Sao con bò này lại theo thầy rổng kêu thăm thiết vậy?
- Tôi không rõ lắm. - Bạt-nan-đà đáp.
- Con bò này theo thầy mà không theo người khác, thầy nói không biết là không đúng. - Các Tỳ-kheo vặn hỏi.

Bạt-nan-đà đành đem sự thật kia nói trước Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hết sức nghiêm khắc quở trách Bạt-nan-đà, rồi bạch lên Phật. Trước Tăng, Bạt-nan-đà bị đức Phật quở trách là người ngu si. Ngài dạy các Tỳ-kheo:

- Từ nay không cho phép cất giữ tất cả các loại da súc vật.

---o0o---

NHỜ AI, CHƯ TĂNG ĐƯỢC MANG DÉP DA?

Dưới triều vua Bình-sa, hai nước Ma-kiệt và Ưong-già ²⁷⁴ có đến 42 ngàn tụ lạc. Các hào kiệt của hai nước không người nào không tin kính Phật, Pháp, Tăng, chỉ trừ trong thành Chiêm-bà ²⁷⁵ có ông Thủ-lâu-na, là con của một Trưởng giả giàu có, tiền lên đến con số 20 ức. Người đương thời gọi Thủ-lâu-na là ông “Hai Mươi Ức”. Ông ta hưởng được sự vui sướng, âm êm ngay lúc chào đời, tay chân mềm mại, dưới chân mọc nhiều lông. Vua Bình-sa nghĩ: “Trong cương giới ta chỉ có Hai Mươi Ức là chưa có lòng tin yêu Phật pháp. Bằng cách nào ta có thể làm cho ông tin? Nếu đích thân đến nhà, ông ta sẽ hoảng sợ, còn nếu gọi đến, ông ta lại kinh hồn. Ta nên mời 60 gia đình hào kiệt trong thành Chiêm-bà đến dự lễ hôn nhân của vương tử. Nhân cuộc gặp gỡ này, ta sẽ hướng dẫn ông đến với đạo pháp”.

Sau đó, thông báo của vua đến 60 gia đình kia nhưng thân tộc gia đình của Hai Mươi Ức liền đến vua tâu:

- Bẩm hoàng thượng! Hai Mươi Ức chưa có lúc nào bước xuống đất, vì dưới chân Hai Mươi Ức có mọc đầy lông, chẳng khác nào tóc mọc trên đầu, nên không thể đến dự lễ cưới của vương tử. Xin hoàng thượng thứ tội và đặc biệt miễn trừ cho Hai Mươi Ức.

- Có thể đi voi, ngựa, xe, kiệu mà đến. - Nhà vua bảo.

- Muôn tâu, cũng không được, bởi thân thể Hai Mươi Ức mềm nhũn như con bún thì làm sao dùng các phương tiện ấy!. - Thân tộc thưa.

Nay vương tử làm lễ thành hôn, cần sự hiện diện của các hào kiệt, ta cho phép thân tộc của Hai Mươi Úc tận dụng mọi phương tiện để đưa bằng được ông ta đến tham dự.

Sau đó, thân tộc họp lại thảo luận tìm giải pháp. Giải pháp ấy là đào một con kênh thông thuyền đưa ông ta đi mỗi ngày vài dặm mới tránh được sự vất vả, mệt nhọc, đồng thời cũng để phụng mạng nhà vua. Kế hoạch được thực hiện một cách nhanh chóng và có kết quả tốt.

Ngày ấy Hai Mươi Úc đến thành Vương-xá, thân tộc tâu lên vua:

- Tâu hoàng thượng Hai Mươi Úc vừa đến, xin hoàng thượng cho ông ta giữ tập quán sống như ở gia đình.

- Nếp sống ở nhà là như thế nào? - Vua hỏi.

- Tâu hoàng thượng, dùng vải trải trên đất rồi đi lên đó. - Thân tộc trình bày.

- Được thôi. - Vua cho phép.

Nhà vua liền ra lệnh cho các quan thực hiện tốt yêu cầu này. Lại trải vải mịn trên tòa để ông ta ngồi lên đó. Nhà vua hỏi:

- Dưới chân ông thật có mọc lông, phải không?

- Dạ, thật có.

- Ta muốn xem.

Hai Mươi Úc tâu:

- Xin hoàng thượng sai người tin cậy xem.

- Ta muốn tận mắt thấy.

- Xin phép hoàng thượng cho phép hạ dân được duỗi chân ra.

- Được, nhà ngươi cứ tự nhiên.

Hai Mươi Úc duỗi chân ra và chỉ vào lông dưới chân cho vua xem. Đúng như lời đồn, ánh sáng từ lông dưới chân tỏa ra làm cho mắt vua không

nhìn kỹ được. Vua suy nghĩ về điều hiếm có này, lòng rất vui, thầm nghĩ rằng: “Nước ta đại phước đức mới sinh ra con người phước đức này”. Vua xoay nhìn hai bên, trước vua là ba đại cư sĩ, giờ thì có Hai Mươi Ưc nữa là bốn. Nhà vua hỏi:

- Mỗi người có bao nhiêu của cải thì được gọi là cư sĩ?

Người thứ nhất thưa:

- Tâu hoàng thượng, hạ dân có 13 ỨC TIỀN.

Người thứ hai thưa:

- Tâu hoàng thượng, hạ dân có 14 ỨC TIỀN.

Người thứ ba thưa:

- Tâu hoàng thượng, hạ dân có 14 ỨC TIỀN, lại có một hạt châu ma-ni
²⁷⁶ vô giá.

Hai Mươi Ưc thưa:

- Tâu hoàng thượng, hạ dân có 20 ỨC TIỀN, lại có 500 hạt châu ma-ni và một viên bảo châu ma-ni.

Nhà vua hỏi Hai Mươi Ưc:

- Do đâu ông có được của cải này?

- Tâu hoàng thượng, của cải này không phải do cha mẹ để lại, cũng không do kinh doanh mà có, nhưng do tự nhiên. Lúc ấy, hạ dân ngủ trên lầu cao, khi thức dậy thấy của này đầy đủ trước mặt. - Hai Mươi Ưc tâu.

Nhà vua rất đỗi ngạc nhiên, không tin nổi, nghĩ rằng: “Phước đức này chỉ có đức Phật mới biết, không một ai có thể hiểu rõ hơn đức Phật. Nhà vua liền nghiêm giá đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân, rồi bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn, Hai Mươi Ưc kia có 500 hạt châu ma-ni, một viên bảo châu ma-ni. Của báu này từ đâu có?

- Người này trước kia ở nơi cung trời Đâu-suất có 500 Thiên nữ, họ rất kính trọng, yêu mến nhau. Sau đó, người ấy sanh vào cõi này, 500 Thiên nữ

với lòng ái kính, họ lần tìm và qua thiên nhãn, họ thấy người kia sanh tại nơi đây, cho nên mỗi Thiên nữ mang một ma-ni châu và đưa một bảo châu mà trước kia Thiên tử nắm, biến hóa khiến các của cải này tương xứng với thân người kia, đặt trước mặt người đó, rồi biến đi.

Được nghe biết sự việc rồi, nhà vua kính lễ cáo lui. Trở về thành Chiêm-bà tập hợp 60 hào kiệt, tuyên bố:

- Nay ta phong cho Hai Mươi Úc là bậc đại Cư sĩ ở thành Chiêm-bà, các người phải tôn kính.

Nhà vua lại nói với Hai Mươi Úc và 60 người:

- Ta là vua của các người, dùng pháp trị hóa, đã cùng với các người làm việc ích lợi cho hiện thế. Nay có đức Phật Thế Tôn trú ngụ trong núi Kỳ-xà-quạt, các Cư sĩ nên đến đó để có thể cầu điều lợi cho hậu thế.

Mọi người tuân theo lệnh vua, đi đến núi Kỳ-xà-quạt. Bấy giờ, ở trong núi, trưởng lão Ta-kiệt-đà kinh hành trên bàn thạch. Các Cư sĩ đến, thưa:

- Đại đức vì chúng con, bạch Phật: “Hai Mươi Úc và 60 Cư sĩ thành Chiêm-bà muốn đến thăm hỏi đức Thế Tôn”.

Ta-kiệt-đà trên bàn thạch tự nhiên biến mất, rồi xuất hiện trước đức Phật, bạch lên Ngài sự việc, Phật dạy:

- Thầy có thể về trước, trên bàn thạch trái tòa ngồi, Ta sẽ đến sau.

Vâng lệnh, Ta-kiệt-đà liền biến mất, rồi xuất hiện nơi bàn thạch, trước mặt số đông Cư sĩ, trái tòa ngồi đón chờ Phật đến.

Các Cư sĩ nghĩ rằng: “Tỳ-kheo này có đại thần lực, vắng mặt rồi xuất hiện nơi bàn thạch cũng như vào trong nước rồi ra khỏi nước”. Đức Phật với oai nghi thù thắng, đi bộ đến sau.

Khi đức Thế Tôn xuất hiện, họ vô cùng cung kính đánh lễ. Đức Thế Tôn đến ngồi nơi tòa. Thường pháp của chư Phật là: trước hết khiến cho mọi người khởi tâm hoan hỷ, rồi sau đó mới nói pháp. Đức Phật bảo Ta-kiệt-đà:

- Ông đứng dậy quạt Phật.

Nghe lời Phật, Ta-kiệt-đà đứng lên hầu quạt Phật. Sau đó, giống như trường hợp Ưu-vi Ca-diếp, Ta-kiệt-đà hiện các thần biến, rồi quay về trước Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật và bạch như lời bạch của Ca-diếp: “Phật là Đại sư của con, con là đệ tử Phật”. Thưa như vậy ba lần, rồi ngồi lại chỗ cũ. Khi ấy, các Cư sĩ thâm nghĩ: “Đệ tử mà thần lực như thế, huống là bậc Như Lai Ứng cúng Chánh đẳng giác”. Họ liền hướng đến Phật chiêm ngưỡng Ngài. Đức Phật vì họ nói các diệu pháp, chỉ bày sự lợi ích an vui cho họ... Ngài thuyết pháp cho đến câu Khổ, Tập, Tận, Đạo....ngay chỗ ngồi họ đều đắc pháp nhãn thanh tịnh, thọ tam quy, ngũ giới.

Hai Mươi Ưc từ chỗ ngồi đứng dậy, đi chân không, đến trước đức Phật, cúi đầu kính lễ, đức Phật mỉm cười, Ta-kiệt-đà suy nghĩ: “Do nhân duyên gì mà đức Phật cười?”. Với ý nghĩ này, Ta-kiệt-đà đứng lên, để trống vai bên hữu, quỳ gối bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười?

Đức Phật nói với Ta-kiệt-đà:

- Do Hai Mươi Ưc trải qua 91 kiếp nay mới bước chân xuống đất.

- Hai Mươi Ưc vì nhân duyên gì mà 91 kiếp chân không bước xuống đất? - Ta-kiệt-đà thưa hỏi.

Đức Phật kể:

“ Thuở đời quá khứ, khi ấy có đức Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, tên là Tỳ-bà-thi, phụ vương Ngài cai trị một thành có chiều dài 12 do-tuần, rộng 7 do-tuần, dân chúng đông đúc, an ổn, phong túc, vui tươi. Đức Phật Tỳ-bà-thi cùng đại Tỳ-kheo Tăng 68.000 người đông đủ, đều là bậc A-la-hán cư trú nơi thành. Nhà vua ấy, hằng ngày thỉnh Phật và Tăng thọ trai trong cung. Bấy giờ, trong đại chúng có một người tên là Tu-tỳ-xa cùng với mọi người đến chỗ nhà vua, tâu:

- Nay Bệ hạ làm những việc công đức, cầu xin Bệ hạ cho phép chúng thần cùng được dự vào.

- Nay Phật và Tăng gồm có 68.000 người, sợ các người không chuẩn bị được, hoặc lại sanh não cho Tăng. - Nhà vua đáp lời.

- Chúng thần kham nôi, xin Bệ hạ cho phép. - Họ lại thưa.

- Tốt lắm! - Nhà vua chấp thuận.

Sợ họ không chuẩn bị kịp, nhà vua ra lệnh cứ làm thức ăn như thường lệ, nếu họ không chu toàn thì dùng đến thức ăn đó. Do sự thiết cúng của họ dồi dào, thức ăn thức uống nào cũng hơn chỗ nhà vua. Cho nên qua nhiều ngày như vậy, thức ăn do vua cho làm cuối cùng không thiết cúng được. Tu-tỳ-xa tuân tự thiết cúng, sai người đào đường lấy đất mềm mại trải lên trên, lấy bùn thơm trét mặt đường, hai bên đường dựng 80 cây trụ quý báu, lấy châu ma-ni tạp sắc gắn lên đầu trụ, treo phan tạp sắc, trương màn tạp sắc phủ khắp trên lộ trình. Trên đường đi để các loại nước uống, trong chỗ thiết trai trang bị 68.000 chỗ ngồi, mỗi Tỳ-kheo ngồi một chỗ; sử dụng 500 cái chảo nấu canh để cúng dường, dâng cúng cho mỗi Tỳ-kheo hai trương kiếp-bối, một đôi giày da... Lại vì bốn phương Tăng làm một gian phòng lớn, dưới đất trải ngọc cù đều bằng các thứ diệu hảo. Tu-tỳ-xa lúc ấy nay là Hai Mươi Ưc. Từ đó về sau, Hai Mươi Ưc thọ phước ngang bằng với chư thiên trên cõi trời, không có sự chênh lệch. Nếu nay không gặp Ta thì chân của Hai Mươi Ưc vẫn chưa đạp đất.”

Bấy giờ, Hai Mươi Ưc quỳ gối, bạch Phật:

- Cho phép con xuất gia thọ Cụ túc giới.

Đức Phật hỏi:

- Cha mẹ ngươi đã cho phép chưa?

- Bạch Thế Tôn, chưa cho phép.

- Cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia.

- Con sẽ trở về nhà xin phép cha mẹ.

- Tốt lắm! Nay chính là đúng lúc.

Hai Mươi Ưc kính lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải, rồi trở về thành Chiêm-bà. Một hôm, Hai Mươi Ưc thưa với cha mẹ:

- Nay con muốn xuất gia học đạo. Xin cha mẹ chấp thuận việc làm này của con.

- Thôi, thôi! Chuyện gì phải xuất gia! Cha mẹ chỉ có một mình con, dù chết, cha mẹ cũng không muốn cách xa nhau, huống chi còn sống mà lại chịu cảnh xa lìa hay sao?! Hiện nhà ta của cải, trân bảo, tô tở, ruộng vườn nhiều vô số, con tùy ý làm việc phước, nhận lấy cái vui ngũ dục. - Bà mẹ phản đối.

Hai Mươi Úc thành khẩn cầu xin ba lần, cuối cùng thuyết phục được mẹ. Được cha mẹ chấp thuận, Hai Mươi Úc liền đến trước mẹ, kính lễ sát chân, đi quanh bên phải ba vòng, rồi đi thẳng về chỗ Phật. Hai Mươi Úc đánh lễ sát chân Phật, quỳ gối bạch:

- Mẹ con đã chấp thuận cho con xuất gia, cúi xin Thế Tôn cho con được xuất gia, thọ giới Cụ túc.

Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo đến đây! Xuất gia thọ Cụ túc giới, khéo tu phạm hạnh, Ta sẽ nói pháp để dứt hết các khổ.

Khi Phật nói lời như vậy thì râu tóc của Hai Mươi Úc tự rụng, Tăng-già-lê mặc vào người, bình bát bung nơi tay. Xuất gia không bao lâu, ở rừng Thi-đà²⁷⁷, Hai Mươi Úc tinh tấn kinh hành, chân bị tổn thương nặng, máu chảy ra theo bước kinh hành, chim chóc đi theo để ăn. Tỳ-kheo Hai Mươi Úc suy nghĩ: “Trong hàng đệ tử của Phật, vấn đề tinh tấn không ai hơn ta, mà nay chưa hết các gốc khổ. Gia đình ta may mắn có nhiều của cải, ta có thể hoàn tục, sung sướng làm các công đức”. Đức Phật biết được ý nghĩ này, từ núi Kỳ-xà-quật đi xuống, thấy chim chóc đang mổ máu ăn, hỏi tôn giả A-nan:

- Vì sao có máu nơi đây?

- Bạch thế Tôn, Hai Mươi Úc kinh hành nơi đây, chân bị thương rơi máu xuống, chim tranh nhau ăn. - A-nan thưa.

Đức Thế Tôn liền đến chỗ Hai Mươi Úc, hỏi:

- Thật sự ông có ý nghĩ quay về, phải không?

Hai Mươi Úc thưa:

- Bạch Thế Tôn, thật sự con có ý nghĩ như vậy.

- Nay Ta hỏi ông, tùy ý ông trả lời. Khi ông còn tại gia, ông khéo sử dụng cây đàn cầm, phải không?

- Bạch Thế Tôn, dạ phải.

- Khi dây đàn quá thẳng, tiếng đàn có hay không?

- Bạch Thế Tôn, không hay.

- Khi dây đàn không thẳng, tiếng có tốt không?

- Thưa không tốt.

- Vậy dây đàn phải như thế nào thì tiếng đàn mới tốt?

- Bạch Thế Tôn, không căng quá, không dòn quá tiếng đàn mới tốt.

Đức Phật dạy:

- Ở trong pháp của Ta cũng như vậy, gấp quá, hoãn quá đều đắc đạo được. Tinh tấn với mức vừa phải thì không bao lâu sẽ hết gốc khổ.

Tỳ-kheo Hai Mươi Ưc nghe lời Phật dạy, ngay nơi chỗ kinh hành dứt hết các lậu hoặc. Do dưới bàn chân Hai Mươi Ưc bị thương tích, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta cho phép Hai Mươi Ưc mang dép da, dày một lớp.

Hai Mươi Ưc bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con bỏ 20 ức tiền, 500 châu ma-ni, một viên bảo châu ma-ni, 20 phu nhân, vô số thể nữ, bây giờ mang dép da một lớp, thiên hạ sẽ cơ hiềm con: “Bỏ đi của cải như vậy, mà còn ham thọ nhận mang dép da một lớp”. Nếu đức Phật cho phép tất cả các Tỳ-kheo đều mang thì con sẽ mang.

Đức Phật bèn khen ngợi người thiếu dục tri túc, khen giới, khen người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay cho phép các Tỳ-kheo mang dép da một lớp.

NÊN HAY KHÔNG NÊN.

Có các Tỳ-kheo sinh sống ở nơi A-lan-nhã cất giữ cái phu cộ bằng da. Các ác thú nghe được mùi da thú, lần đến và sát hại Tỳ-kheo. Khi các Tỳ-kheo bạch việc này lên Phật, Phật dạy:

- Ở A-lan-nhã không dùng phu cộ bằng da, nên đem cho các trú xứ nơi xóm làng, dùng lót nơi cấp đi.

Việc sử dụng giày da, dép da và các tư cụ bằng da..., về sau đức Phật hướng dẫn Tỳ-kheo rất cụ thể, trường hợp nào nên dùng, trường hợp nào không nên dùng trước thời tiết khắc nghiệt khác nhau, trong việc du hành.

---o0o---

TRƯỚC KHI ĂN PHẢI HỎI THỊT GÌ ²⁷⁸

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có Ưu-bà-di tên là Tu-tỳ. Bà có lòng kính tin Phật pháp sâu đậm, nhận thức được pháp và đắc quả, quy y Tam bảo, thọ ngũ giới. Bà thường thỉnh Tăng cúng dường và cung cấp thuốc thang.

Ngày ấy, Tu-tỳ đến Tăng phường thấy một Tỳ-kheo uống thuốc thổ hạ, bà hỏi:

- Đại đức cần dùng gì?

- Tôi uống thuốc thổ hạ bị kiệt sức, nếu được thì dùng thịt. - Tỳ-kheo đáp lời.

- Thưa đại đức, sáng mai con sẽ đưa đến cho Đại đức. - Ưu-bà-di thưa.

Sáng hôm sau, Tu-tỳ sai người cầm tiền đi mua thịt. Rủi cho ngày hôm nay, tất cả phải thi hành lệnh của vua Ba-tư-nặc: “Nếu ai giết thú sẽ bị trọng tội”, nên không đâu tìm ra thịt để mua. Người giúp việc trở về báo: “Chợ không có thịt”, nhưng bà chủ vẫn sai người giúp việc cầm tiền đi tìm khắp nơi để mua. Bà nói:

- Đừng kể chi giá cả, đắt mấy cũng mua.

Dù vậy, người giúp việc vẫn không mua được thịt. Trước việc không có thịt để mua, Ưu-bà-di Tu-tỳ có suy nghĩ: “Hôm qua ta đã hứa, nếu không có thịt để dùng, có thể Đại đức mạng quá, thì sự hối tiếc nơi Ta làm sao xóa

được”. Điều nghĩ ngợi này khiến bà cương quyết phải thực hiện thì tâm bà mới yên ổn được. Bà lặng lẽ vào trong phòng, lấy dao bén xẻo ngay thịt bắp về của mình, rồi nhanh chóng giao cho người giúp việc nấu, mang đến cúng cho vị Đại đức kia. Tỳ-kheo nhận ăn, bệnh được lành.

Khi người chồng về, không thấy vợ liền lớn tiếng hỏi:

- Tu-tỳ đâu?!

Người trong nhà nói:

- Bà bệnh, nằm ở nhà trong.

Người chồng liền vào thăm, hỏi:

- Minh bệnh gì?

Người vợ trình bày sự việc, người chồng bảo:

- Sợ vết cắt ấy không khéo mình không qua khỏi. Nếu vậy thì vợ chồng mình nên mời Phật và Tăng ngày mai đến cúng dường buổi ngo trai.

- Nếu được vậy thì tốt lắm! - Người vợ đáp.

Người chồng với tâm lòng lo lắng cho vợ, liền đi đến chỗ Phật, đầu mặt kính lễ sát chân Ngài, bạch Phật:

- Nguyện Phật và Tăng hạ cô, ngày mai con xin cúng dường bữa trai tại gia đình.

Đức Phật im lặng nhận lời. Người chồng đánh lễ lui về. Suốt đêm hôm ấy, ông chồng cho chuẩn bị đầy đủ mọi thức ăn uống ngon bổ để cúng dường. Sáng ngày, ông đích thân trải tòa ngồi, thiết dọn trai bàn rồi sai người đến bạch Phật: “Thỉnh Phật và Tăng phó trai”.

Sáng ngày, đức Phật cùng Chúng Tăng đi đến nhà ấy. Sau khi mọi người an tọa, ông chồng tự mình lấy nước, đức Phật không nhận bảo:

- Hãy đưa Ưu-bà-di Tu-tỳ ra đây!

Ông chồng liền sai người vào trong nói:

- Đức Thế Tôn gọi bà.

Bà Tu-tỳ trả lời:

- Có thể người nhân danh ta thăm hỏi đức Thế Tôn và thưa: vì bệnh không thể ra hầu thăm Ngài.

Khi người thay mặt bà thưa lời như vậy, nhưng đức Phật vẫn cho gọi đến lần thứ ba, và người nhà đành phải khiêng bà Tu-tỳ đến trước Phật. Kỳ lạ thay! Khi đức Phật trông thấy vết thương kia thì bỗng nhiên vết thương xóa mất, da thịt liền lại như cũ. Trước sự hy hữu, màu nhiệm này, tâm bà sinh khởi điều thiện rất lớn lao, bà thăm nhũ: “Ta có bậc Đại sư và đồng phạm hạnh như vậy”. Bà sung sướng vô cùng, tự tay dâng thức ăn. Phật và Tăng thọ trai xong, bà lấy nước cho Phật và Tăng rửa tay, rồi lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước đức Phật. Đức Phật vì bà nói kệ tùy hỷ, như đã nói cho Trưởng lão Tỳ-lan-nhã²⁷⁹. Đức Phật lại nói các pháp vi diệu, chỉ bày sự lợi ích và sự hoan hỷ. Ngài và Tăng trở về trú xứ.

Nhân việc này, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi vị Tỳ-kheo kia:

- Vừa rồi, ông ăn thứ gì?

- Con ăn thịt. - Tỳ-kheo thưa.

- Thịt có ngon không? - Đức Phật hỏi.

- Thưa ngon. - Tỳ-kheo đáp.

Đức Phật dạy:

- Ông là người ngu si. Tại sao không hỏi mà ăn thịt người! Từ nay ăn thịt mà không hỏi, phạm Đột-kiết-la. Nếu ăn thịt người, phạm Thâu-lan-giá.

---o0o---

ĐƯỢC DÙNG TAM TỊNH NHỤC

Tuần tự du hóa, đức Phật đến Tỳ-xá-ly, Ngài trú tại Trùng Các giảng đường, bên bờ sông Di Hâu. Thành này có tướng quân tên là Sư Tử, trước đó là đệ tử của Ni-kiền²⁸⁰, nghe đức Thế Tôn du hóa đến thành này, ông rất lấy làm vui mừng, bởi từ lâu ông rất mến mộ nhân cách của đức Phật và ước nguyện được yết kiến, thỉnh Phật cúng dường. Bây giờ cơ hội ấy đã đến,

tướng quân lên xa giá đến hầu Phật. Từ xa, tướng quân đã nhìn thấy đức Thế Tôn dung nhan sáng rỡ đặc biệt, giống như núi vàng. Ông đến gần Phật, đánh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì ông nói các pháp nhiệm mầu Khổ, Tập, Tận, Đạo. Từ chỗ ngồi, ông được con mắt pháp trong sạch, ông đứng lên rồi chấp tay, quỳ gối bạch:

- Nguyễn Phật và Tăng sáng mai quang lâm đến nhà con thọ bữa cơm đạm bạc.

Đức Phật im lặng nhận lời. Tướng quân đánh lễ lui về, ông sai người đi chợ mua sắm các thứ với lời dặn: “Tất cả số thịt đã xẻ rồi, đấng mấy cũng mua hết”.

Ngày ấy, người nhà của tướng quân mua sạch thịt bày bán ở chợ. Suốt đêm lo việc nấu nướng, sửa soạn các thức ăn. Sáng ngày trái tòng, chưng dọn... Tướng quân đích thân đến bạch Phật: “Thức ăn dọn bày đã xong, xin Ngài phó trai”. Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng kẻ trước người sau vây quanh, đến nhà gia chủ, ngồi vào tòa ngồi. Tướng quân tự tay san sát thức ăn một cách trân trọng, hoan hỷ. Việc cúng dường này của tướng quân Sư Tử khiến các đệ tử Ni-kiền vô cùng tức giận và tìm cách trả thù. Họ đến các ngã tư, đường hẻm rêu rao: “Tướng quân Sư Tử phản sư, không còn tình nghĩa gì cả. Tên này bây giờ lại phụng sự Sa-môn Cù Đàm, tự tay giết trâu, dê để cúng phụng bọn trọc đầu”.

Các Tỳ-kheo nghe lời rêu rao ấy không dám ăn. Tướng quân Sư Tử quỳ gối bạch Phật:

- Các Ni-kiền này lúc nào cũng hủy báng Phật. Hiện tại cũng như trọn đời, con không bao giờ cố ý sát hại. Cúi xin chư Tỳ-kheo chớ sanh hiềm nghi, cứ thọ thực tự nhiên thoải mái.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Tùy ý ăn cho no đủ.

Thọ trai và uống nước xong, tướng quân lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi ở phía trước, đức Phật vì ông nói bài kệ tùy hỷ như trước, rồi đức Phật và chúng Tăng ra về. Nhân việc này, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba loại thịt không được ăn: hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi. Thấy là tự mình thấy họ vì mình mà giết. Nghe là nghe từ người đáng tin cậy nói họ vì mình mà giết. Nghi là nghi họ vì mình mà giết. Nếu không thấy, không nghe, không nghi, tất cả tịnh nhục cho phép tùy ý thọ thực.

---o0o---

ĐƯỢC UỐNG SỮA TỪ NGÀY ẤY

Bấy giờ, trong thành Bạt-đề, thuộc nước Ma-kiệt có Trưởng giả tên là Văn Trà. Không phải chỉ mình ông có đại phước đức mà vợ, con, dâu, kẻ ăn người ở đều có phước đức. Đại phước đức là như vậy:

- Khi ông trưởng giả vào kho lúa thì trên không trung mưa lúa rơi xuống, và lúa ngừng rơi lúc Trưởng giả đi ra khỏi kho.

- Người vợ lấy bõn cơm để phân phối cho người trong kẻ ngoài, lấy ra bao nhiêu cơm thì đây lại bấy nhiêu, cơm không bao giờ hết.

- Người con cầm dây vàng trút ra thì tiền vàng chảy ra không ngớt. Thôi trút, vàng trong dây vẫn y nguyên.

- Đứa con dâu lấy một học gạo để cho bên nội, bên ngoại dùng một tháng, nhưng ăn mãi vẫn không hết.

- Người con trai cày đất gieo trồng thì liền thành bảy khoảnh.

- Đứa tớ gái mài nửa lượng đồ hương để thoa bên nội, bên ngoại họ tộc, cũng không hề hết nửa lượng.

Người bốn phương nghe đồn, không ai là không tò mò tìm hiểu hư thật. Vua Bình-sa lại càng muốn biết rõ. Ngày ấy, không thông báo, vua cùng quyến thuộc đến nhà Trưởng giả Văn Trà. Nghe vua đến thành linh, Trưởng giả liền vội nghinh đón, chào hỏi, vấn an:

- Lành thay Đại vương! Hân hạnh thay được ngài hạ cố!

Nhà vua hỏi:

- Nhà ngươi có nghe tin ta đến không?

- Tâu đại vương, không hay biết gì cả. - Văn Trà thưa.

- Binh mã của ta đông như thế này, e nhà ngươi khó có thể phục vụ được hết. - Nhà vua bảo.

- Con có thể phục vụ được. Chính con sẽ phục vụ nhà vua và các đại thần. Con của con sẽ phục vụ thái tử. Vợ của con phục vụ hậu cung. Nô tỳ của con phục vụ cho tất cả binh sĩ. Lúa và cỏ cũng đủ cho voi, ngựa ăn. Xin Đại vương cứ quang lâm. - Trưởng giả đáp lời.

Nhà vua vào nhà, ngồi nơi tòa rồi nói:

- Ta nghe ông Trưởng giả và tất cả vợ, con, dâu, cũng như tôi tớ của ông đều có phước đức. Nay ta muốn chứng kiến phước đức ấy.

- Con xin vâng lệnh, không dám che giấu sự thật. - Trưởng giả thưa.

Trưởng giả ra lệnh rưới nước, quét xung quanh, rồi trải tòa mời vua vào nhà ngự tọa. Sau đó, Trưởng giả vào kho thì tự nhiên 5 loại thóc từ trên không trung rơi xuống. Nhà vua rất ngạc nhiên và ca ngợi.

Đến lượt vợ Trưởng giả cầm bôn đựng cơm phân phối cho tất cả binh lính, đâu đó đều no đủ, mà trong bôn cơm vẫn như cũ. Tận mắt nhà vua chứng kiến phước đức này.

Đến lượt con của Trưởng giả cầm cái đũa bằng vàng, trút vàng ra để dâng vua và đại chúng. Mọi người nhận theo sở thích, nhưng vàng vẫn không hết. Nhà vua không ngớt lời ca ngợi.

Đến lượt người con dâu lấy một học gạo cung cấp cho nhà vua và đại chúng một tháng mà không hết.

Đến lượt đưa tứ trai cày đất thì liền thành bảy khoảnh.

Đến lượt đưa tứ gái mài nửa lượng đồ hương, mùi thơm nửa do-tuần còn nghe và không phân biệt ai, hương thơm xoa khắp mọi người mà vẫn không hết nửa lượng.

Nhà vua thấy rõ phước đức như vậy, không ngớt lời khen ngợi... rồi trở về cung.

Khi ấy, từ thành Vương-xá, đức Thế Tôn cùng đại Tỳ-kheo Tăng 1.250 vị đầy đủ, du hành nhân gian, đến thành Bạt-đề. Nghe đức Thế Tôn đến

thành này, đang nghỉ mát dưới cây Vồng Lâm, Trưởng giả Văn Trà muốn đến cung nghinh lễ bái, thăm hỏi. Các ngoại đạo nghe, liền đến nói:

- Trưởng giả không nên đến cung nghinh Sa-môn Cù Đàm mà cứ để cho Sa-môn Cù Đàm tự đến yết kiến ông. Tại sao vậy? Bởi ông phước đức hơn người, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, quốc vương, Trưởng giả, có ai mà không đến cửa ngõ nhà ông?

Trưởng giả nghe luận điệu này, bèn thay đổi ý kiến, nhưng sau đó lại suy nghĩ: “Sa-môn Cù Đàm đến đây đã lâu, không đến yết kiến ta, chắc đạo Ngài hơn ta, đâu có lý do gì ta ngồi yên không đến kính lễ Người”. Hành động theo ý nghĩ, Trưởng giả cho sửa soạn xe cộ rồi lên xe đến chỗ Phật. Từ xa, trông thấy dung nhan của đức Thế Tôn thù đặc, giống như núi vàng, Trưởng giả liền đến trước Phật, đầu mặt kính lễ sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên. Đức Phật vì ông nói các pháp nhiệm màu Khổ, Tập, Tận, Đạo. Từ chỗ ngồi, ông ta được con mắt pháp trong sạch, ông đứng lên bạch Phật:

- Con xin thỉnh Phật và Tăng thọ trai vào ngày mai tại nhà con.

Đức Phật im lặng nhận lời. Trưởng giả đánh lễ rồi lui về. Suốt đêm lo trai soạn đầy đủ. Sáng ngày, đâu đã vào đấy, trai bàn thật trang nghiêm, Trưởng giả đích thân đến thỉnh Phật:

- Cúi xin Ngài quang lâm.

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng, kẻ trước người sau vây quanh, đến nhà thí chủ Văn Trà. Tất cả đều ngồi vào tòa trang nghiêm. Ông Trưởng giả tận tay san sóc thức ăn. Sau khi đức Thế Tôn dùng xong, toàn thể người trong gia đình cùng Trưởng giả đến ngồi trước đức Phật. Đức Phật vì họ nói diệu pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo. Họ đều ngộ đạo, thọ Tam quy, Ngũ giới.

Ông Trưởng giả bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chính con và vợ, con, dâu cũng như tôi tớ trong gia đình đều có phước đức tự thân. Vậy phước đức này có được là từ đâu đem lại? Xin Thế Tôn giải thích cho.

Đức Phật dạy:

- Phước đức này là phước đức chung cùng với nhau của các người mà được.

- Tại sao là cùng chung nhau có? - Trưởng giả hỏi.

Đức Phật kể:

“Xưa kia tại thành Vương-xá có hai vợ chồng người thợ dệt sanh ra đứa con trai. Người con trai có vợ và gia đình có tứ trai một tứ gái. Trong một bữa cơm cùng ăn, có một vị Bích-chi Phật²⁸¹ đến khát thực. Người thợ dệt nói: “Các người cứ ăn, còn phần ta thì lấy cúng cho Ngài”. Người vợ nói: “Lấy phần tôi để cúng cho Ngài”. Con trai, dâu, tứ trai, tứ gái đều cũng tranh phần để cúng dường như ông bà thợ dệt. Đức Phật Bích-chi nói: “Quý vị đều đã nhịn phần của mình để cho tôi với thiện tâm đầy đủ. Vậy tôi chỉ xin mỗi người sót một ít cho là đủ. Như thế, quý vị không thiếu mà tôi cũng được no”. Mỗi người trong nhà thực hiện đúng lời Phật Bích-chi. Phật Bích-chi nhận bát thức ăn, ăn xong liền bay lên hư không hiện các thứ thần biến, sau đó đức Phật ra đi. Gia đình ấy sau khi mạng chung, sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương. Ở đây đời sống hết, lại sanh vào cõi trời Đâu-suất, rồi lần lượt sanh đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại²⁸². Bảy phen như vậy, dư phước mới sanh lại cõi này. Quyển thuộc người thợ dệt lúc ấy nay là các người đây.”

Gia đình Trưởng giả rất xúc động và cũng rất vui mừng. Trước Phật và Tăng, Trưởng giả phát nguyện:

- Nay con xin được thỉnh tất cả Tăng tu vô hạn thí. Nếu cần thứ gì, tùy thời, nhiều hay ít đến nơi nhà con nhận.

Bảy giờ, đức Thế Tôn từ Võng Lâm tiếp tục du hành trong nhân gian. Trưởng giả Văn Trà chở đầy thức ăn theo sau dự tính đến chỗ không người, hoang vắng mới bày ra để cúng. Khi đến nơi Khoáng dã (đồng hoang rừng vắng), đoàn dừng lại nghỉ và suốt đêm soạn bày thức ăn. Đại chúng ổn định chỗ ngồi xong, trước hết ông Trưởng giả sai một người vắt sữa một con bò cúng cho một Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không dám dùng vì nghĩ Phật chưa cho phép uống sữa mới vắt từ bò ra. Bạch Phật, Phật cho phép dùng. Sau khi uống sữa, ông Trưởng giả tự tay dâng thức ăn. Đức Phật và Đại chúng dùng xong, rửa tay, ông Trưởng giả ngồi trước Phật, Phật vì ông nói kệ tùy hỷ như trước đây nói cho Trưởng giả Tỳ-lan-nhã. Lại vì ông nói các diệu pháp, chỉ bày sự lợi ích và sự hoan hỷ, rồi Trưởng giả trở về lại nhà. Đức Phật và 1.250 vị Tỳ-kheo tiếp tục lên đường du hóa.

BỐN THỨ TRANH CHẤP²⁸³ VÀ BẢY PHÁP DIỆT TRANH CHẤP

Lúc bấy giờ xảy ra đấu tranh, tranh chấp nhau trong chúng Tăng: Tỳ-kheo với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo với Tỳ-kheo ni, Tỳ-kheo ni với Tỳ-kheo ni. Xiển-đà bỏ Tỳ-kheo, yểm trợ Tỳ-kheo ni, làm rối mù... Việc chưa xảy ra tranh tụng thì làm cho sanh chuyện, việc đã xảy ra thì khơi rộng thêm, chưa chấm dứt thì không thể chấm dứt, chuyện đã chấm dứt thì làm khơi dậy. Các Tỳ-kheo bạch lên Phật những sự việc xảy ra như vậy lúc Ngài đang lưu trú tại thành Xá-vệ. Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng để xác nhận sự thật. Các Tỳ-kheo thú nhận mọi tranh chấp kia, đức Phật quả trách:

- Việc làm của các thầy là phi pháp, không phải đạo tùy thuận. Việc Tỳ-kheo bỏ Tỳ-kheo để yểm trợ Tỳ-kheo ni là sai phạm. Phạm việc này là phạm tội Đột-kiết-la.

Ngài dạy:

- Có 4 thứ tranh chấp: 1. Do lời nói, 2. Do giáo giới, 3. Do phạm tội, 4. Do sự việc gây nên.

Bởi thế, nên Ta vì các Tỳ-kheo chế bảy pháp nhằm tiêu diệt sự tranh chấp. Nếu có các tránh sự khởi lên thì dùng để diệt trừ. Bảy pháp diệt tranh chấp như sau:

1. Sự việc phải trao cho pháp Hiện Tiền Tỳ-ni thì nên trao cho pháp Hiện Tiền Tỳ-ni.²⁸⁴

2. Sự việc phải trao cho pháp Ưc Niệm Tỳ-ni thì nên trao cho pháp Ưc Niệm Tỳ-ni.²⁸⁵

3. Sự việc phải trao cho pháp Bất Si Tỳ-ni thì nên trao cho pháp Bất Si Tỳ-ni.²⁸⁶

4. Sự việc phải trao cho pháp Tự Ngôn thì nên trao cho pháp Tự Ngôn.²⁸⁷

5. Sự việc phải trao cho pháp Đa Nhân Ngữ thì nên trao cho pháp Đa Nhân Ngữ.²⁸⁸

6. Sự việc phải trao cho pháp Thảo Phú Địa thì nên trao cho pháp Thảo Phú Địa.²⁸⁹

7. Sự việc phải trao cho pháp Bản Ngôn Trị thì nên trao cho pháp Bản Ngôn Trị.²⁹⁰

Thế nào gọi là do lời nói gây nên? -Nếu Tỳ-kheo cùng nhau tranh cãi, có người nói là pháp, có người nói là phi pháp, là luật nói phi luật, là phạm nói phi phạm, là trọng nói phi trọng, hữu dư nói phi hữu dư, là thô tội nói phi thô tội, là dùng Yết-ma xuất tội nói không dùng Yết-ma xuất tội, là lời Phật dạy mà nói không phải lời Phật dạy, là điều Phật chế mà nói không phải Phật chế. Do đó đưa đến giận dữ mắng chửi nhau. Như vậy gọi là sự tranh chấp do lời nói gây nên.

Thế nào là do giáo giới? -Tỳ-kheo giáo giới Tỳ-kheo, nói: “Thầy nhớ có phạm Ba-la-di không? Nhớ phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, Ác thuyết²⁹¹ không?”. Tỳ-kheo kia không vui, không chấp nhận, do đó đưa đến sự tranh cãi. Như vậy gọi là tranh chấp do giáo giới.

Thế nào gọi là do phạm tội? - Tỳ-kheo phạm Ba-la-di cho đến Ác thuyết. Hơn nữa, do sự đấu tranh cùng nhau mắng chửi, khiến thân khẩu ý tuôn ra điều xấu ác. Như vậy gọi là tranh chấp do phạm tội.

Thế nào là do sự việc? - Tất cả các việc làm của Tăng đều Yết-ma mà thiếu sự nhất trí trong vấn đề Yết-ma, như vậy gọi là do sự việc dẫn đến tranh chấp.

Đức Phật lại dạy rõ từng trường hợp, vận dụng từng pháp diệt tránh hay phối hợp để chấm dứt sự tranh chấp, cãi cọ lời qua tiếng lại. Có cả một chương đức Phật hướng dẫn cách giải quyết mọi tranh chấp này ở trong Tăng rất chi ly.

---o0o---

LẤY ÂN BÁO OÁN²⁹²

Lúc bấy giờ đức Phật trú ngụ tại thành Câu-xá-di. Ngài biết trong chúng Tăng đang có sự rạn nứt bởi sự việc các Tỳ-kheo bên cứ tội và các Tỳ-kheo bên bị cứ tội đưa ra những lý lẽ để phản bác nhau, bên nào cũng rất bảo thủ, ngoan cố, không tiếc lời mắng mỏ cay độc lên nhau. Đức Phật đã đến các Tỳ-kheo bị cứ tội, rồi đến các Tỳ-kheo cứ tội can gián, phân giải, nhưng cả hai coi thường, tiếp tục tạo ra nghiệp ác khẩu. Đứng trước tình trạng Tăng không còn hòa hợp, Tăng bị phá, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy chớ đấu tranh nhau, phỉ báng, mạ lị nhau, nên cùng nhau hòa hợp làm một như nước hòa với sữa, cùng nhau làm cho lời của thầy hoằng truyền rộng khắp.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cứ sống trong sự an ổn. Tuy Phật là Pháp chủ, nhưng chúng con cũng tự hiểu được vấn đề, Ngài không phải bận chi.

Đức Phật ba lần can ngăn nhưng các Tỳ-kheo không vâng lời và nói lên lời ngã mạn chẳng cần ai như vậy. Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Từ đời quá khứ, ở nước Câu-tát-la có nhà vua tên là Trường Thọ thống trị một nước nhỏ, quân đội ít ỏi, yếu kém. Trong lúc đó, lân quốc Ca-di²⁹³ có vua tên là Phạm Đạt, thống trị một nước rộng lớn, binh lực cường thịnh, lần lần xâm lăng, cướp đoạt nước Câu-tát-la. Vua Phạm Đạt bắt giữ một vị đại thần của vua Trường Thọ, chiêu đãi rất ân huệ và tin dùng vào việc quân sự. Nước bị thôn tính, vua Trường Thọ “mình trần thân trụ” cùng phu nhân làm người Bà-la-môn chạy thoát về nước Ba-la-nại, trú ngụ trong nhà người thợ gốm. Một hôm, phu nhân nảy ra ý nghĩ: “Ước nguyện sao lúc mặt trời vừa ló dạng có được nước mài dao chiến đấu của bốn loại binh, nơi ngã tư đường để uống”. Phu nhân đem ý nghĩ này nói với vua và thê:

“Nếu ý muốn này không thực hiện được thì em sẽ chết tại nơi này”.

Nhà vua bảo:

“Điều này không thể được. Chứng bệnh thiếu thực tế này chắc em phải chết, đó là điều không còn nghi ngờ”.

Nhà vua lại nói:

“Nếu Phạm Đạt nghe, biết mình ở đây chắc sẽ bị bắt. Họ đánh trống hành hình, phanh thây ta làm năm phần. Thôi, em hãy ráng chờ xem, ta sẽ bí mật đến gặp vị đại thần trước đây, vấn ý điều này xem sao”.

Ngay sau đó, nhà vua tìm cách đến gặp vị cự thần để hỏi kế. Vị cự thần nói:

“Hạ thần cần gặp phu nhân trước khi có ý kiến”.

Cuộc gặp gỡ bí mật giữa phu nhân và cự thần diễn ra. Cự thần vừa trông thấy phu nhân, liền để trống vai bên hữu, đầu mặt tác lễ, ba lần xưng tụng:

“Nay phu nhân đang mang thai, một người con đại phước, quốc gia Câu-tát-la sẽ có người thừa kế”.

Vị đại thần xoay sang tâu với cự vương:

“Sáng mai, nguyện vọng của phu nhân sẽ có kết quả”.

Dứt lời, cự thần liền lui về chỗ vua Phạm Đạt. Với mưu kế của mình, vị đại thần tâu với nhà vua:

“Đại vương có biết chăng? Rất gần đây thôi, có một vì sao xấu xuất hiện. Muốn trừ được tai ương này thì vua phải ra lệnh tất cả bốn loại binh tập trung nơi bốn ngã đường vào sáng sớm ngày mai, diễn tập xáp chiến, rồi tất cả đều mài dao lấy nước này để trừ tai ương kia. Nếu không thực hiện được việc này ắt nhà vua phải gặp nguy khốn lớn”.

Vua Phạm Đạt như rúng sợ, liền bảo:

“Cần thực hiện ngay!”.

Không mấy chốc, lệnh vua truyền đến bốn binh chủng sẵn sàng ứng chiến theo kế hoạch đề ra. Sáng sớm hôm sau, nơi ngã tư đường, hai bên xáp chiến tập trận, rồi tất cả đều mài dao. Được lệnh mật, phu nhân đứng vào một địa điểm và nhận được nước mài dao của vị cự thần. Được nước, phu nhân uống ngay và bào thai được nuôi dưỡng rất tốt...

Mãn nguyệt khai hoa, người con ra đời là một bé trai dung nhan thù thắng, tự là Trường Sanh. Khi lên mười tuổi, người cha nói với con:

“Phạm Đạt xâm lăng nước ta, cha mẹ đã trốn thoát đến nơi này. Con đã lớn nhanh lên theo những tháng ngày dài lao lý của cha mẹ. Phạm Đạt có thể biết được chỗ ẩn trú của cha con mình, họ sẽ giết cả hai. Tốt hơn, con nên lánh xa nơi này, đừng quyến luyến cha mẹ làm gì để bị hại lây”.

Trường Sanh buồn khóc, kính lễ sát chân cha mẹ, nhiễu ba vòng rồi ra đi. Trên bước đường trốn lánh, Trường Sanh lần lượt học tập kỹ nghệ, toán số, văn tự, bắn cung, cỡi ngựa, điều phục voi ngựa, âm nhạc... Không một

môn học nào không hơn người. Trường Sanh dốc lòng phụng thờ Tượng sư để biết hết nghệ thuật điều phục voi.

Người thợ hót tóc cho vua Trường Thọ xưa kia, nay lại làm người hót tóc cho vua Phạm Đạt. Nhận lệnh hót tóc, ông ta được đưa đến chỗ vua. Do vì biết rõ chỗ ở của vua Trường Thọ, ông ta không dám che giấu khi vua Phạm Đạt xét hỏi, nên khai báo rõ nơi ẩn trốn của vua Trường Thọ.

Ngày ấy, vợ chồng vua Trường Thọ bị bắt trời và theo lệnh Phạm Đạt phải hành hình ngay. Tiếng trống rao vang khắp hang cùng ngõ hẻm, hai phạm nhân bị đưa đến ngã tư đường để phân thân thành năm phần. Trường Sanh nghe tin này, vội vã đến pháp trường, đứng bên lề đường chứng kiến cảnh cha mẹ sắp hành hình mà nát ruột, nát gan. Trường Sanh căm thù nghĩ: “Nỗi oán hận của cha mẹ ta không cho phép ta đội trời chung. Nay ta làm sao có thể nhận chịu được cảnh này!”. Lòng Trường Sanh sôi sục, muốn liều thí mạng để trả mối nhục thù này. Cha mẹ từ xa thấy con, biết được lòng con mình khởi lên ý muốn báo thù, bèn như người cuồng cất cao lời cuồng:

“Con đừng trông cậy vào tài năng sẵn có của con, cũng đừng nên quá nông cạn hẹp hòi. Dùng oán trả oán, oán không do đâu mà dứt. Dùng đức trả oán, oán kia mới hết. Thuận theo lòng cha mẹ mới gọi là người con có hiếu, làm theo ý chí riêng tư thì chẳng phải là cái đạo của cha”.

Khi ấy, người đi xem đều nói:

“Vua Trường Thọ vì sợ sệt nên nói cuồng si mà thôi”.

Nhưng Trường Sanh nghe lời ấy mới thấm thía, hiểu được thâm ý của cha, nên đè nén được lòng mình để nhìn cảnh đau thương đang diễn ra trước mắt mà bình thản thực hiện hết điều ước mong còn lại của cha mẹ.

Trường Sanh trở về chỗ Tượng sư. Tuy vậy, anh ta vẫn không thể nhanh chóng quên đi mối hận trong lòng, quyết tìm cách báo thù. Hàng đêm, nơi chuồng voi, Trường Sanh thường chơi đàn cầm cho đến nửa đêm. Tiếng đàn càng về khuya càng thánh thoát, điệu vơi bay xa. Không phải một mà nhiều lần, vua Phạm Đạt nghe được tiếng đàn cầm tuyệt vời này giữa đêm thanh vắng. Nhà vua hỏi:

“Tiếng đàn cầm của ai mà tuyệt vời thế?! Có phải nơi chuồng voi có ai đó chơi đàn?”

Cận thần thưa:

“Người học trò của Tượng sư. Chính người này có khả năng chơi đàn cầm xuất chúng”.

Thế rồi Trường Sanh được nhà vua gọi đến, chơi đàn cầm để nhà vua thưởng thức. Tiếng đàn cầm vừa dứt, nhà vua lại suy nghĩ: “Từ khi ta làm vua đến nay, chưa khi nào nghe được âm thanh réo rắc tuyệt vời này!”. Phạm Đạt liền tin nhiệm cho phép Trường Sanh được ở lại bên mình.

Một thời gian sau, nhà vua ra lệnh xa giá, tướng sĩ, đưa các cung nhân, quần thần, thái tử tuần du săn bắn. Trong khi quân lính dàn ra tứ tán, họ mãi mê đuổi theo các con nai thì Trường Sanh lại bảo vệ nhà vua. Khi tiền quân cách xa xe vua đến ba do-tuần và chẳng còn ai buồn nghĩ đến vua, bấy giờ nhà vua mệt mỏi, nói với Trường Sanh:

“Ta muốn nằm nghỉ một chút, người có thể bảo vệ cho ta được chăng?”

“Hoàng thượng cứ yên tâm nghỉ ngơi, hạ thân có thể bảo vệ được”. - Trường Sanh tâu.

Nhà vua nằm dưới gốc cây, gối đầu lên bắp đùi của Trường Sanh ngủ. Cây kiếm hộ thân của vua tự nhiên tuột ra trước mắt Trường Sanh, liền gọi cho Trường Sanh ý nghĩ: “Nhà vua này đối với ta có mối thù lớn như vậy, hôm nay gặp cơ hội tốt này, đâu có thể bỏ qua”, liền vói tay cầm lấy thanh gươm định chặt cổ vua, nhưng bỗng nhiên lời di huấn của song thân vang vọng trong tiềm thức: “Đừng ỷ mình tài giỏi, cũng đừng quá nông nổi, hẹp hòi. Lấy oán báo oán, oán lấy đâu mà dứt...”. Ý nghĩ này như đánh thức được Trường Sanh nên anh ta đặt cây kiếm lại chỗ cũ và bảo vệ cho vua ngủ. Liền đó, nhà vua thức dậy với vẻ hốt hoảng. Trường Sanh hỏi:

“Vì lý do gì hoàng thượng có vẻ kinh hãi vậy?”

“Ta nằm mộng thấy con của vua Trường Thọ cầm kiếm muốn giết ta”. - Nhà vua đáp.

“Đây là khu rừng hoang vắng, duyên cớ gì mà bỗng dưng lại có con vua Trường Thọ, ắt Sơn thần muốn khùng bố hoàng thượng chăng? Hoàng thượng cứ yên nghỉ, chớ nên lo ngại”. - Trường Sanh nói.

Sự việc như vậy diễn ra đến ba lần và trong giấc ngủ mang tính cách sanh tử sau cùng của nhà vua, Trường Sanh lại nghĩ: “Tại sao ba lần ta cứ muốn trái phạm lời dạy của song thân?! Từ nay ta phải khắc phục và luôn tâm niệm: ‘Thờ vua như thờ người thân, dứt khoát không móng khởi niệm sát hại’”. Trường Sanh vừa dứt ý nghĩ này thì nhà vua liền thức dậy với vẻ mặt đầy hoan hỷ. Trường Sanh lại hỏi vua:

“Vì lý do gì mà hoàng thượng hân hoan?”

“Ta nằm mộng thấy con vua Trường Thọ muốn thờ ta như thờ người thân, không ôm lòng oán hận, cho nên ta vui”. - Vua nói.

Lúc ấy, Trường Sanh liền thưa:

“Bẩm hoàng thượng, hạ thần chính là con vua Trường Thọ đây. Hoàng thượng sát hại cha mẹ của hạ thần, hạ thần nuôi chí giết hoàng thượng nhưng ba lần nhớ lại lời di chúc của cha mẹ nên hoàng thượng mới khỏi chết. Tuy vậy, tâm này khó bảo đảm, về sau lại có thể phát sinh. Xin hoàng thượng giúp cho hạ thần con đường giải quyết, đừng để lại mối lo âu về sau”.

“Ta đã làm việc vô đạo, còn cha con của khanh thì lại nặng lòng nhân từ. Nay có sao ta phải sống với lo âu vậy bửu?! Ông đã cho ta cái mạng sống này, lại thế không phụ nhau”. - Nhà vua nói.

Vua Phạm Đạt liền ra lệnh bốn quân quay trở về, rồi tập hợp quần thần cùng thảo luận vấn đề vua đặt ra rằng: “Nếu bắt được con vua Trường Thọ thì sẽ xử trị thế nào?”. Có người nói phải chặt tay, chặt chân; có người nói phải xẻo mũi, xẻo tai; có người nói phải dùng búa bổ nó ra; có người nói phải lấy cây xâu nó để nướng... Nhà vua liền chỉ tay nói:

“Người này chính là con vua Trường Thọ. Chính người này đã cho ta mạng sống, nay ta lại dùng cái mạng sống này để đền đáp lại. Tất cả không ai được ghim gút ác ý đối với người này”.

Giải quyết xong, về lại cung, nhà vua đem người con gái gả cho Trường Sanh. Nhà vua hai tay cầm cái bình vàng đựng nước, rót lên tay Trường Sanh, cử hành lễ tiễn đưa Trường Sanh trở về bốn quốc phục ngôi vua nước Câu-tát-la. Các nước lân cận từ đó có mối giao hảo hòa hợp, tốt đẹp, bền vững nhiều đời.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Người đời làm vua một nước còn tạo điều kiện hóa giải được mối thù lớn này, bởi do biết vận dụng niệm thiện, biết loại trừ niệm ác nơi tâm hồn để biến thành nhân hậu. Các thầy xuất gia cầu đạo vô vi, tại sao việc nhỏ lại cùng nhau đấu tranh để mất cái lợi lớn?! Nên bỏ tâm này, cùng nhau hợp tác hòa đồng như sữa với nước, cùng truyền nhau lời dạy của bậc thầy để cùng nhau sống trong sự an lạc.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cứ sống đời sống an ổn. Ngài tuy là ngôi vị Pháp vương nhưng chúng con cũng tự hiểu được vấn đề.

Do các Tỳ-kheo cố ý không xả, đức Phật liền bay lên hư không, nói bài kệ:

*Tuôn các ác lên nhau
Còn đâu chung thắng pháp
Tăng phá chia thành hai
Hại này do lời ác
Mạng người, cốt nhục lia
Cướp đi tài, trâu ngựa
Oán phá nước, diệt dòng
Hòa hợp vẫn còn được
Ví hai cây cọ nhau
Phát hỏa tự đốt cháy
Đâu không phải lẽ thường
Ngu oán hận cũng vậy
Các thầy mạ nhục nhau
Sao cứ chấp không bỏ
Họa oán nào dứt được
Ngày đêm càng chôn sâu
Gieo neo tiếng ác mắng
Nếu được, báo đùng thêm
Nhẫn này oán không đến
Oán có tự nhiên trừ
Nếu lấy oán trừ oán
Oán trọn đời không tiêu
Tâm niệm từ trừ oán
Đấy sức mạnh vô song.*

Đức Thế Tôn nói kệ xong, liền dùng thần lực bay đến tụ lạc Ba-la, trú dưới cây Bạt-đà-ba-la, cô thân không một ai giúp việc. Vào lúc ấy,

gần nơi đức Phật ngụ, có một con voi lớn, bị các con coi con gây nã. Khi voi lớn muốn uống nước thì bị các voi con đi trước làm cho nước đục bùn. Khi voi lớn muốn ăn cỏ, các con voi con đi trước ăn sạch, rồi đạp lên cỏ, phóng uế dơ bẩn. Con voi lớn nghĩ rằng: “Nay ta bị bọn voi nhỏ gây khốn nạn, thà tránh đi để được an ổn”. Nghĩ thế, voi lớn liền bỏ đi... Nhờ thế, hàng ngày voi lớn được uống nước trong, ăn cỏ tốt. Voi tuân tự đến rừng Bạt-đà-ba-la, nhìn thấy đức Phật, voi rất vui mừng. Voi vì Phật lấy nước và dọn cỏ hai bên chỗ Phật ở... Đức Phật cũng như con voi lớn này, xa lìa được đồng loại khuấy phá nên được khoái lạc trong sự yên tĩnh.

Đức Phật nói kệ:

*Hai rông, lòng đều bị
Kẻ hậu cơn gây nã
Bỏ lại, một mình đi
Nay vui trong rừng vắng.*

Sau đó, đức Phật từ rừng Bạt-đà-ba-la sang thành Xá-vệ, trú ngụ trong tinh xá Kỳ-hoàn. Nghe đức Phật về Kỳ-hoàn, các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, ngoại đạo, Bà-la-môn đến hầu thăm cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Ngài nhận được nhiều thức ăn, thức uống, y phục... nhưng như hoa sen, Ngài không hề đắm trước.

Trong lúc ấy, nơi thành Câu-xá-di, các Ưu-bà-tắc đều có chung một nhận định: “Chúng ta mất đi cái lợi rất lớn, vì các Tỳ-kheo nhiều chuyện, ưa đấu tranh, nên đức Thế Tôn không ở đây. Cần phải áp dụng phương cách nào, chế tài họ để họ đi cho khuất nơi này”. Họ bèn dặn nhau: không tiếp xúc, không cúng dường vật thực cho các Tỳ-kheo ưa đấu đá nhau ấy. Về phần các Tỳ-kheo đương sự, sau khi Phật ra đi, lòng đều hỏi: “Do tội lỗi của chúng ta gây nên, khiến đức Thế Tôn bỏ nơi này ra đi. Nay chúng ta nên đến chỗ đức Phật thành tâm sám hối”.

Các Tỳ-kheo nơi Câu-xá-di mặc y bung bát lên đường, đến chỗ đức Phật. Bấy giờ, tôn giả Xá-lợi-phất nghe các Tỳ-kheo đấu tranh kia đến, liền cùng 500 Tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân rồi bạch:

- Các Tỳ-kheo đấu tranh ở Câu-xá-di sắp đến đây, chúng con sẽ nên đối xử với họ như thế nào?

Đức Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

- Thầy nên cho phép hai bên tự nói lên ý nghĩ của họ. Nếu như pháp, như luật, như lời Phật dạy thì khéo đăi ngộ họ, thản nhiên như bạn bè.

- Bạch Thế Tôn, có thể căn cứ vào những điều gì để biết các vị kia nói như pháp, như luật, như lời Phật dạy? Có thể căn cứ vào những điều gì để biết các vị kia nói phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy? - Xá-lợi-phất thưa hỏi.

- Nếu thành tựu 14 pháp như: pháp nói là phi pháp, luật nói là phi luật..., lời Phật chế nói chẳng phải lời Phật chế. Như vậy gọi là phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy. Nếu ngược lại những điều trên tức là pháp, là luật, là lời Phật dạy.

Nơi trú xứ của Tỳ-kheo ni, nghe các Tỳ-kheo đấu tranh kia sắp đến nên Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng 500 Tỳ-kheo ni liền đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật rồi bạch:

- Kính bạch đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo đấu tranh ở Câu-xá-di sắp đến đây, chúng con nên đối xử với họ như thế nào?

- Quý vị nên để hai bên nói lên ý nghĩ của họ. Nếu như pháp, như luật, như lời Phật dạy thì khéo đăi ngộ họ. Nên đến Tỳ-kheo như pháp, như luật, như lời Phật dạy cần cầu năm việc:

1- Tỳ-kheo ni mỗi nửa tháng phải đến Tỳ-kheo như pháp cầu người giáo thọ.

2- Tỳ-kheo ni cần phải nương theo chỗ có Tỳ-kheo như pháp mà an cư mùa hạ. An cư rồi, phải đến Tỳ-kheo như pháp cầu thỉnh tội: kiến, văn, nghi.

3- Thức-xoa-ma-na học giới hai năm rồi, nên đối trước hai bộ Tăng thọ Cụ túc giới.

4- Tỳ-kheo ni phạm tội thô ác phải đối trước hai bộ Tăng hành pháp Ma-na-đỏa nửa tháng. Hành pháp Ma-na-đỏa rồi, nên đối trước hai bộ Tăng - mỗi bên 20 vị - cầu pháp xuất tội.

5- Nếu Tỳ-kheo ni Tăng lại có những việc gì khác, nên cần cầu Tỳ-kheo như pháp chỉ giáo.

Các Cư sĩ trong thành Xá-vệ nghe các Tỳ-kheo đấu tranh kia sắp đến chỗ Phật, trưởng giả Cấp-cô-độc cùng với 500 Ưu-bà-tắc liền đến chỗ đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân rồi bạch:

- Kính bạch đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo đấu tranh ở Câu-xá-di sắp đến đây, chúng con cung kính đãi ngộ họ như thế nào?

- Ông nên để mỗi bên nói lên ý kiến của họ. Nếu như pháp, như luật, như lời Phật dạy thì tiếp nhận sự răn bảo của họ và việc cung kính đãi ngộ, cúng dường cần phải bình đẳng. Tại sao vậy? - Vì đã là thời vàng thì dù chặt làm hai đoạn, đoạn nào cũng vẫn là vàng.

Bà Tỳ-xá-khur cùng 500 Ưu-bà-di đến chỗ Phật, bạch như trên... Và đức Phật cũng trả lời như trên.

Khi ấy, tôn giả A-nan thấy các Tỳ-kheo đấu tranh kia vào thành Xá-vệ, bèn đến bạch Phật:

- Tỳ-kheo đấu tranh kia đã vào đây, con phải trải ngộ cụ như thế nào?

- Nên trao cho họ phòng bên cạnh. Nếu không đủ chỗ thì trao cho họ phòng giữa, không được để cho các Thượng tọa ấy không có chỗ nương trú.
- Đức Phật dạy.

Làm theo lời Phật dạy, tôn giả sắp xếp nơi chỗ thật chu đáo. Bấy giờ Tỳ-kheo bị cử tội kia, nơi chỗ vắng suy nghĩ: “Ta là người có tội, đâu phải là người vô tội. Đã trở thành kẻ bị cử hay không trở thành kẻ bị nêu tội, Yết-ma như pháp hay không như pháp, ta nay cẩn thận, có thể y theo kinh, luật, luận mà tư duy để rõ”. Suy nghĩ tìm hiểu, vạch rõ, biết mình có tội, biết thành Yết-ma bị nêu tội như pháp, bèn đến chỗ các Tỳ-kheo bạn bè nói:

- Tôi đã tự thấy tội. Các Đại đức vì tôi yêu cầu hòa hợp giải Yết-ma trước đây.

Các Tỳ-kheo bèn đưa Tỳ-kheo đương sự đến chỗ các Tỳ-kheo đã trao cho Yết-ma không thấy tội, thưa:

- Tỳ-kheo này đã tự thấy tội, xin vì đương sự giải Yết-ma trước đây.

Sau khi sự hòa hợp lập lại, hai bộ Tăng đưa các Tỳ-kheo bị cử tội đến chỗ đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân, bạch Phật xin sự chỉ dạy. Nhân đó, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo này phạm tội chứ không phải không phạm tội, thành kẻ bị cử tội chứ không phải không thành kẻ bị cử, Yết-ma thành tợ chứ không phải không thành tợ. Nay Tăng nên trao cho pháp giải Yết-ma trước đây. Lại nên bạch nhĩ Yết-ma để tác pháp hòa hợp. Tỳ-kheo bị cử tội kia nên đến trước Tăng, kính lễ sát chân thưa:

“Tôi, Tỳ-kheo tên là..., Tăng đã vì tôi tác pháp Yết-ma không thấy tội. Nay tôi đã thuận theo Tăng sám hối. Cúi xin Tăng giải Yết-ma không thấy tội. Nguyên Tăng dũ lòng thương, vì tôi giải tội này”. (Thưa 3 lần)

Một Tỳ-kheo tuyên đọc lời Yết-ma:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Các Tỳ-kheo này trước đây cùng nhau tranh đấu, mạ lị nhau, có người nói phạm, có người nói không phạm, có người nói thành việc bị cử, có người nói không thành bị cử, có người nói Yết-ma thành tợ, có người nói Yết-ma không thành tợ. Các Tỳ-kheo này nay tự thấy có phạm tội chứ không phải không phạm tội, thành bị nêu tội chứ không phải không thành bị nêu tội, Yết-ma thành tợ chứ không phải không thành tợ. Nay Tăng vì họ giải Yết-ma không thấy tội, trở lại tác pháp hòa hợp. Nếu bây giờ sự việc này thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận thì đây là lời thưa trước Tăng”.

Yết-ma chung quyết:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Những Tỳ-kheo này trước đây cùng nhau đấu tranh, mạ lị nhau... (như trên), trở lại tác pháp hòa hợp. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói lên”.

Tăng đã vì các Tỳ-kheo... giải Yết-ma, trở lại tác pháp hòa hợp rồi, vì Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, nghiêm chỉnh thi hành đúng như vậy.

---o0o---

THƯA THẾ TÔN, CHÚNG CON LÀ NGƯỜI NGU SI!

Lúc bấy giờ, đức Phật ở tại nước Chiêm-bà²⁹⁴, trú ngụ bên sông Hằng²⁹⁵. Cách thành Vương-xá không xa, tại một trú xứ nọ có một Tỳ-kheo tên là Ca-diếp, làm người hỗ trợ Tăng với lời nguyện: “Nguyện bốn phương Tỳ-kheo, đông đảo tập hợp về đây để được vận động Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nhân cơ hội này làm nhiều công đức, làm cho trú xứ này càng rộng rãi ra. Với lời nguyện này, mong ngày sau đắc quả”.

Ngày ấy, có số đông Tỳ-kheo tri thức đến trú xứ của Ca-diếp. Tỳ-kheo Ca-diếp ra nghinh đón, lễ bái, chào hỏi, rước y bát, lấy nước rửa chân, dâng các thức uống sau giờ ngộ. Sáng cũng cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau, cũng dâng cúng y phục nhiều ngày như vậy. Các Tỳ-kheo khách được sự tiếp đón nồng hậu này nên lại bàn thảo với nhau: “Tỳ-kheo này có tâm quý, tu phạm hạnh, muốn chúng ta ở lại đây lâu, chúng ta có thể an cư nơi trú xứ này”. Như vậy là các Tỳ-kheo tri thức thông nhất ở lại lâu hơn.

Một thời gian sau, Tỳ-kheo Ca-diếp lại suy nghĩ: “Các Tỳ-kheo khách này đã hết mệt mỏi, đã quen biết xóm làng. Ta không thể hàng ngày tiếp tục khuyến hóa bữa ăn trước, bữa ăn sau”. Với sự suy nghĩ này, Tỳ-kheo Ca-diếp chấm dứt sự cúng dường. Các Tỳ-kheo khách nổi giận, cùng nhau bàn luận: “Tỳ-kheo này muốn cho chúng ta sớm đi khỏi chỗ này, chắc chắn là ác Tỳ-kheo, không có tâm quý, không tu phạm hạnh. Chúng ta nên cùng nhau tác pháp Yết-ma không thấy tội của Tỳ-kheo Ca-diếp”.

Sau khi Yết-ma này được các Tỳ-kheo khách thực hiện, Tỳ-kheo Ca-diếp nghĩ: “Mình có tội hay không có tội? Thành kẻ bị cử hay không thành kẻ bị cử? Yết-ma thành tựu hay không thành tựu? Đức Thế Tôn hiện ở bên sông Hằng, ta đến thưa hỏi Ngài. Nếu Ngài dạy bảo thế nào, ta sẽ trân trọng thi hành”.

Ngày ấy, Tỳ-kheo Ca-diếp mặc y, bung bát đến chỗ Phật. Sau khi tác lễ, Tỳ-kheo trình bày sự việc đã xảy ra, đức Phật dạy:

- Thầy không có phạm tội, không có tội gì cả. Thầy cứ trở về, an tâm lưu trú nơi đó.

Tỳ-kheo Ca-diếp thọ giáo rồi, đánh lễ, nhiễu quanh Phật, trở về trú xứ.

Sau khi Tỳ-kheo Ca-diếp trở về và im lặng, các Tỳ-kheo khách tự thấy mình nông nổi, có tội, lại nói với nhau: “Chúng ta bất thiện, tại sao lại cử tội

vị Tỳ-kheo thanh tịnh vô tội! Chúng ta nên đến chỗ đức Phật sám hối để trừ tội”.

An cư, Tự tứ xong, họ đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật đem lời hỏi han, an ủi họ như thường pháp, và sau khi biết rõ các Tỳ-kheo này từ trú xứ Tỳ-kheo Ca-diếp đến, đức Phật hỏi:

- Các thầy ở nơi trú xứ ấy, trao cho Tỳ-kheo kia Yết-ma không thấy tội, phải không?

- Bạch Thế Tôn, có thật vậy. - Các Tỳ-kheo thưa.

- Vì sao cử tội như vậy?

- Bạch Thế Tôn, chẳng có việc gì cả. - Các Tỳ-kheo thưa.

Đức Phật nghiêm khắc quở trách:

- Các thầy làm điều phi pháp, không nên tạo nghiệp ác như vậy. Tại sao trao Yết-ma không thấy tội cho Tỳ-kheo thanh tịnh, không có tội?!

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn, Chúng con ngu si đã làm việc như vậy. Chúng con đều sanh tâm hối hận. Nay đến xin sám hối, cúi xin Ngài ai miễn nhận cho sự sám hối của chúng con.

Nhân việc này, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu do chẳng có việc gì mà tác các pháp Yết-ma thì các Yết-ma ấy đều bất hợp lệ, không thành.

--- o0o ---

PHẦN 09

TÁC PHÁP HẠ Ý²⁹⁶

Cách thành Xá-vệ không xa, có khu rừng Am-ma-lặc²⁹⁷. Bên cạnh rừng này có nhà một ông Trưởng giả tên là Chất-đa-la. Đối với Phật pháp, ông có lòng tin kính rất sâu dày. Trong rừng Am-ma-lặc, Tỳ-kheo Thiện Pháp là người sống lâu năm ở đây, thường làm người hỗ trợ Tăng trên đường du

hành ghé đến. Trưởng giả Chát-đa-la khi muốn thỉnh Tăng cúng y thực, hay bố thí vật gì cho ai đều tin cho Tỳ-kheo Thiện Pháp biết trước.

Ngày ấy, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng năm trăm Tỳ-kheo du hành đến khu rừng này. Trưởng giả nghe, liền đích thân ra nghinh đón, đầu mặt đánh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Sau khi nghe diệu pháp và điều lợi ích được chỉ bày rồi, Trưởng giả hoan hỷ bạch:

- Kính mời Đại Tăng sáng mai thọ trai nơi nhà con.

Mọi người im lặng nhận lời.

Trưởng giả đánh lễ lui về, đến Tỳ-kheo Thiện Pháp thưa:

- Con đã mời Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên... sáng mai thọ trai. Đại đức đến dùng cơm với các Ngài.

Tỳ-kheo Thiện Pháp nghĩ: “Lão trưởng giả này tâm hồn đã bị bại hoại. Từ lâu nay, khi cần thỉnh Tăng đều cho ta biết trước, tại sao nay thỉnh Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng năm trăm Tỳ-kheo mà không cho ta biết là có ý gì?” Nghĩ rồi nói:

- Sáng mai tôi sẽ đến.

Suốt đêm, nhà Trưởng giả lo trai soạn. Trong thế gian, những thức ăn quý giá nhất, không thiếu thứ gì. Sáng ra, Trưởng giả cho trái tòa ngồi... Lúc ấy, Tỳ-kheo Thiện Pháp đến nói:

- Các thức ăn đầy đủ cả, chỉ thiếu món bánh “Hồ-ma”²⁹⁸.

Nghe lời nói không đẹp, có ẩn ý xấu, Trưởng giả dùng dùng giận dữ đáp lời:

- Đại đức uyên thâm giáo lý mà tuôn ra lời ác như vậy à?!

Và như để dạy cho Thiện Pháp một bài học, Trưởng giả đem chuyện xưa kể:

- Ngày xưa có người khách buôn từ phương Bắc đem một con gà mái đến nước Ba-tuần. Vì nước Ba-tuần không có gà trống nên cho con quạ rập con gà mái kia. Gà đẻ ra trứng, ấp, nở ra con quạ con. Khi lớn lên, con gà

này không kêu được tiếng gà, mà cũng không kêu được tiếng quạ. Nay Đại đức cũng như vậy, uyên thâm giáo lý mà tuôn ra lời ác.

Thiện Pháp bị một vô đầu, tức giận nói:

- Trưởng giả mạ nhục tôi một cách quá đáng, làm sao tôi ở đây được, tôi sẽ đi phương xa!.

Trưởng giả thấy mình lỡ lời nên nói:

- Đại đức đừng nổi giận, nên lưu lại đây, tôi vẫn cung cấp y thực như thường.

Ông Trưởng giả mời thỉnh như vậy ba lần mà Tỳ-kheo Thiện Pháp vẫn từ chối, ra đi. Ông Trưởng giả hỏi:

- Đại đức muốn đi đến đâu?

- Tôi muốn đi đến chỗ Phật. - Tỳ-kheo Thiện Pháp nói.

- Nếu đến chỗ Phật, cho tôi kính lời vãn an đức Thế Tôn và xin Đại đức trình bày đúng sự thật, chớ nên thêm bớt. - Trưởng giả bảo.

- Được rồi, tôi sẽ thưa. - Tỳ-kheo Thiện Pháp đáp.

Khi trai soạn đầy đủ rồi, Trưởng giả đến rước:

- Giờ thọ trai đã đến, xin kính mời Đại Tăng.

Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và đại chúng cùng đến nhà ông Trưởng giả, tất cả ngồi vào tòa. Ông Trưởng giả dâng thức ăn, chư Tăng thọ thực xong, rửa tay... Ông Trưởng giả lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước Tăng. Hai tôn giả vì gia chủ nói diệu pháp, chỉ bày sự lợi ích và điều hoan hỷ, rồi rời tòa ra về.

Sau khi cùng thọ trai, Tỳ-kheo Thiện Pháp trở về rừng, lại đắp y bung bát đến chỗ đức Thế Tôn đang trú ngụ trong Kỳ-hoàn. Đánh lễ xong, ngồi lui qua một bên. Tỳ-kheo Thiện Pháp đem chuyện Chát-đa-la trình bày trung thực lên đức Phật. Đức Phật liền quở trách:

- Thầy là người ngu si, tại sao lại dùng lời hạ tiện gán cho ông Trưởng giả kia?!

Nhân việc này, đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay nên trao cho những Tỳ-kheo như thế pháp “Hạ ý” bằng bạch tứ Yết-ma xin lỗi bạch y kia. Nếu trực tiếp xin lỗi không thành, thì Tăng sai các Tỳ-kheo khác làm trung gian xin lỗi. Nếu không được nữa thì Tỳ-kheo đương sự phải rời đi nơi khác. (^)

---o0o---

PHÁ PHÁP TĂNG LUÂN²⁹⁹

Điều-đạt luôn nuôi ý đồ phá Tăng. Bây giờ là lần thứ ba, Điều-đạt lại suy nghĩ: “Nay phá Tăng của Sa-môn Cù Đàm, ta sẽ được tiếng đồn vang, danh tiếng sẽ lên cao, mọi người sẽ có nhận định: Sa-môn Cù Đàm có đại thần lực mà Điều-đạt còn có thể phá Tăng của ông ta. Như vậy Điều-đạt cũng là tay cao thủ”. Điều-đạt rất sung sướng với ý nghĩ này và bàn bạc kế sách với Át-bệ, Phân-na-bà-tâu-ban-na, Lô-hê-già-lô-đế-xá, Cù-già-ly, Khiên-tra-đà-bà, Tam-văn-đạt-đa³⁰⁰... là những bằng hữu tâm đắc, trong đó Tam-văn-đạt-đa là bậc đại thông minh, đặt vấn đề với Điều-đạt:

- Sa-môn Cù Đàm có đại oai đức, Tăng của ông Ta làm sao có thể phá được?

Điều-đạt nói:

- Ta sẽ thuyết minh năm pháp giữa Tăng, năm pháp ấy là:

1-Không ăn muối.

2-Không ăn tô và sữa.

3-Không ăn cá, thịt.

4- Khất thực, không nhận mời ăn của người.

5- Tám tháng mùa Xuân và mùa Hạ ngồi nơi đất trống, bốn tháng mùa Đông thì ở trong am tranh.

Điều-đạt lại nhận định:

- Nhân dân trong hai nước Ma-kiệt và Ương-già đều thích và tin vào đường lối khổ hạnh. Chúng ta thực hành năm pháp này, số người theo ta chắc chắn sẽ nhiều, như vậy Tăng của Cù Đàm dần dà bị phá.

Nghe chủ trương này, Tam-văn-đạt-đa rất tán đồng, bởi vì nó có thể chia rẽ được chúng Tăng của Phật, và như thế được cái danh lớn lắm. Tam-văn-đạt-đa trở thành “đồng chí” lý tưởng của Điều-đạt.

Khi ấy, Điều-đạt có người đệ tử Ưu-bà-tắc tên là Hòa-tu-đạt, thường cúng dường Điều-đạt, nên Điều-đạt đã nhiều lần thuyết phục ông ta ủng hộ đường lối phá Tăng của mình. Như vậy, về phía cư sĩ, Hòa-tu-đạt là người vận động quần chúng ủng hộ Điều-đạt một cách có hệ thống.

Hôm ấy là ngày thứ 15, Bô-tát. Giữa chúng Tăng, Điều-đạt tuyên thuyết năm điều trên - chính mình rút thẻ - xướng rằng:

- Vị nào đồng ý năm điều này thì rút thẻ này...

Có đến 500 Tỳ-kheo bốc thẻ đồng ý, chỉ trừ A-nan và một Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn không rút thẻ. Hôm đó, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các đại La-hán không có mặt trong kỳ Bô-tát này. Điều-đạt rút thẻ xong, liền cùng 500 Tỳ-kheo hòa hợp Bô-tát. A-nan và Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn liền đi ra ngoài. Hai vị đến chỗ đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân Ngài, rồi đem vấn đề xảy ra bạch Phật. Đức Phật nhân đó nói kệ:

*Người thiện, dễ gần nhau
Người ác, thiện khó gặp
Người ác, dễ hội nhau
Người thiện, ác khó gặp.*

Khi sự việc xảy ra như vậy, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến chỗ đức Phật. Đức Phật trông thấy hai tôn giả đến, Ngài vui mừng khen ngợi:

- Thiện lai, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên! Hai thầy có thể đến giữa chúng của Điều-đạt đưa 500 Tỳ-kheo trở về.

Hai vị ghi nhận lời Phật dạy, kính lễ sát chân Ngài rồi ra đi. Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn đi với tôn giả A-nan nhìn theo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ra đi, liền khóc òa. Đức Phật hỏi:

- Tại sao Tỳ-kheo lại khóc như vậy?

- Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên là đệ tử bậc nhất của đức Phật, nay cũng đến với chúng Điều-đạt, con sợ hai tôn giả học theo pháp của Điều-đạt, chính vì thế mà con khóc. - Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn thưa.

- Thôi đi, ông đừng khóc nữa. Xá-lợi-phát, Mục-kiền-liên không bao lâu họ sẽ dẫn 500 Tỳ-kheo về lại đây. - Đức Phật nói.

Khi Xá-lợi-phát, Mục-kiền-liên đi thẳng vào chỗ chúng của Điều-đạt thì Tam-văn-đạt-đa đã nhìn thấy từ xa, liền chạy vào nói với Điều-đạt:

- Xá-lợi-phát, Mục-kiền-liên là hàng đệ tử bậc nhất của Sa-môn Cù Đàm, hiện đã đến đây nhằm phá ý định của các Tỳ-kheo chúng ta, chúng ta không nên nói chuyện, cũng đừng nên mời họ ngồi.

Điều-đạt vốn chủ quan với năm pháp đường hướng của mình, nên không chấp nhận lời của Tam-văn-đạt-đa, cũng không bận tâm đến vấn đề. Khi Xá-lợi-phát, Mục-kiền-liên đến thẳng chỗ Điều-đạt, ông ta bèn nói:

- Thiện lai Xá-lợi-phát, Mục-kiền-liên! Có thể đến ngồi nơi kia.

Điều-đạt nói tiếp:

- Là người có trí, điều gì trước chưa nghe, nay nghe để nhận lấy mà hành trì. Hai vị trước đây là hàng đệ tử bậc nhất của Sa-môn Cù Đàm, còn bây giờ lại đến đây làm đệ tử bậc nhất của tôi, thật là điều tốt đẹp!

Xá-lợi-phát, Mục-kiền-liên im lặng không trả lời. Điều-đạt tưởng họ đã chấp nhận lời nói của mình, Điều-đạt liền bắt chước nếp sống của Phật, bảo Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên:

- Quý thầy có thể vì chúng hội nói pháp, tôi bị đau lưng, nằm nghỉ một chút.

Điều-đạt xếp Tăng-già-lê thành bốn lớp để gối, nằm nghiêng phía bên hữu, hai chân chồng lên nhau, nhưng không hệ niệm tại tiền, nên chỉ trong giây lát ngủ muôi, lăn qua bên tả, xoắn người lên đất, ngáy khò khò...

Khi ấy, Mục-kiền-liên hiện các thần lực chuyên môn của mình, còn Xá-lợi-phát nói các pháp vi diệu, ba phần: trước, giữa, sau của bài pháp nói lên điều thiện, thiện nghĩa và thiện vị, hiện rõ hình tướng thanh bạch phạm hạnh. Năm trăm Tỳ-kheo nghe đều đắc pháp nhãn thanh tịnh, rồi họ nói với nhau rằng:

- Chúng ta nên trở về với Phật.

Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng 500 Tỳ-kheo về lại trú xứ đức Phật.

Tam-văn-đạt-đa lúc bấy giờ lấy ngón chân đụng nhẹ vào Điều-đạt, mắng:

- Tôi tớ dòng họ Thích hãy đứng dậy! Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đã dùng các phương tiện dẫn các Tỳ-kheo đi hết rồi!

Điều-đạt thức tỉnh lại, rất hãi hùng, rửa nộp:

- Đích thị họ là ác dục Tỳ-kheo! Mới đó đây thiện ý, giờ thì bỗng sanh ác tâm, dùng phương tiện dẫn hết các Tỳ-kheo của ta đi!

Vì quá giận dữ và sợ sệt nên máu nóng từ lỗ mũi trào ra, mạng sống của Điều-đạt sờ sờ ra đó, song đã đọa vào địa ngục khổ đau rồi!

Trước đức Phật, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đầu mặt đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Con muốn cho 500 Tỳ-kheo này thọ lại giới Cụ túc.

- Khởi phải thọ lại, tại sao vậy? Vì 500 Tỳ-kheo này ngu si nên lầm tưởng rút thăm mà thôi. Nay chỉ cho phép Tăng khiến bảo tác pháp Hối quá Thâu-lan-giá. - Đức Phật dạy.

Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn! Điều-đạt bắt chước Phật nên liền đọa vào khổ xứ như thế.

Đức Phật dạy:

- Không phải chỉ bây giờ Điều-đạt bắt chước Ta mà đọa vào địa ngục. Xưa kia cũng đã từng bắt chước Ta mà phải đọa vào khổ xứ.

- Kính bạch Phật, chuyện xưa ấy là như thế nào? - Mục-kiền-liên hỏi.

Đức Phật kể:

- Thuở đời quá khứ, nơi chỗ không nhà³⁰¹ có một ao nước. Nơi đây có một con voi lớn thường vào trong ao lấy ngó sen rửa sạch rồi ăn, nhờ thế sức khỏe của voi được dồi dào. Lại có một con voi nhỏ cũng bắt chước vào ao lấy ngó sen, không rửa mà ăn nên đưa đến bệnh tật rồi chết.

Nhân sự việc này, đức Phật nói kệ:

*Dừng bắt chước đại tượng
Bắt chước không thể được
Do bắt chước đại tượng
Nên ăn bần rồi chết.
Đức Phật bảo Mục-liên:*

- Con voi ấy chính là Ta. Còn con voi nhỏ kia là Điều-đạt. Xưa bắt chước Ta nên phải bỏ mạng, nay bắt chước Ta nên phải nhận lấy cái khổ như vậy.

Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Lạ kỳ thay! Bạch Thế Tôn! Điều-đạt theo Phật nghe pháp, trong 84.000 pháp tạng, đặng năm thân thông, tại sao lại làm phản, kiêu mạn đối với đức Thế Tôn?

Đức Phật bảo:

- Không những đời này, mà xưa kia Điều-đạt cũng đã từng theo Ta nghe pháp rồi khinh mạn đối với Ta.

- Bạch Thế Tôn! Chuyện xưa ấy ra sao? - Mục-kiền-liên hỏi.

Đức Phật kể:

- Thuở đời quá khứ có một Tượng sư điều phục voi rất cao tay, được nhà vua đối xử rất trọng hậu. Khi ấy, có một người đến Tượng sư thưa:

“Xin dạy cho con nghề điều phục voi, con làm đệ tử của thầy”.

Tượng sư nhận lời và dạy đệ tử không giấu giếm một nghệ thuật điều phục nào. Sau khi nắm vững mọi phương pháp, đệ tử lại sanh tâm đố kỵ, đến chỗ vua tâu:

“Sự hiểu biết của thầy dạy voi kia đâu có thể hơn nô tài được. Tại sao bệ hạ cung cấp cho ông ta hậu đến thế, chẳng nghĩ gì đến nô tài?”

Nhà vua gọi thầy dạy voi đến hỏi:

“Ngươi với đệ tử, tài nghệ dạy voi ai hơn ai?”

Tượng sư đáp:

“Xin bệ hạ cho phép thần lui về, sau bảy ngày thi về pháp điều tượng thì lúc ấy mới biết ai giỏi”.

Nhà vua chấp thuận, và trong bảy ngày ấy, Tượng sư đưa voi đi điều phục: dạy voi đi tới là voi phải đi thụt lùi, dạy lùi thì đi tới, dạy ngồi thì bắt voi đứng, bảo đứng thì bắt nó lại ngồi. Điều phục voi với các động tác trái ngược như vậy và voi nhanh chóng thuần lệnh.

Đúng bảy ngày, trước nhà vua, Tượng sư cùng đệ tử biểu diễn các nghệ thuật điều voi. Ban đầu, cả hai thầy trò chưa có nghệ thuật nào khác, không ngoài cái khuôn mẫu nằm lòng. Nhà vua hỏi người đệ tử:

“Nhà ngươi còn có nghệ thuật nào khác lạ nữa không?”

“Tâu bệ hạ, không còn nghệ thuật nào nữa”. - Đệ tử đáp.

Xoay sang người thầy, vua hỏi:

“Ngươi còn phương pháp nào khác lạ nữa không?”

“Tâu bệ hạ, còn phương pháp khác”. - Tượng sư trả lời.

“Ngươi biểu diễn đi!” - Nhà vua bảo.

Tượng sư điều khiển voi như đã dạy (như trên) và voi răm rắp làm theo một cách ngoan mục. Đã rõ sự thật, nhà vua chỉ người đệ tử nói:

“Tại sao ngươi dám khi dối ta?”

Vị Tượng sư điều voi kia tâu với vua:

“Thưa bệ hạ, người này là đệ tử của hạ thần. Trước đây thần dạy cho cậu ta hết lòng, nhưng chưa biết hết nghệ thuật mà lại khinh dối. Thưa bệ hạ: ‘ Xưa, có một người vào tháng cuối mùa Xuân mang đôi giày một lớp,

đất nóng nên da giày co lại, giày siết chân kẻ ấy, gây tổn thương. Bản ý mang giày là để bảo hộ đôi chân, song ngược lại, giày làm cho đôi chân thương tổn'. Thần cũng như vậy, trước kia dạy đệ tử, mong sao có ích nhưng ngược lại bị đệ tử làm hại”.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ:

*Như người mang giày da
Dụng ý bảo vệ chân
Khi nắng nóng bất ngờ
Giày rút, chân bị thương
Thế gian kẻ ngu ác
Không nghĩ mình mang ơn
Ơn thầy dạy kỹ thuật
Lại phản, vu khống thầy.*

Đức Phật dạy:

- Tượng sư ấy chính là tiền thân của Ta. Còn người đệ tử kia là Điều-đạt, đời nào cũng theo Ta thọ học, rồi trở lại khinh mạn đối với Ta.

Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Thật hy hữu! Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ một lần thuyết pháp mà phá cả chúng của Điều-đạt.

Đức Phật dạy:

- Không những đời này mà xưa kia Xá-lợi-phất cũng đã từng nói pháp để phá chúng của Điều-đạt.

Mục-kiền-liên thưa hỏi:

- Chuyện ấy như thế nào, bạch Thế Tôn.

Đức Phật nói:

“Thuở đời quá khứ có một bậc sư xạ tiễn, tên là Câu-hòa-ly, dạy một học trò theo học pháp bắn cung. Trong sáu năm chỉ dạy cách cầm cây cung phải như thế này, vót tên phải như thế kia, mà chưa dạy cách bắn trúng đích. Người đệ tử bấy giờ tự nghĩ: “Sáu năm qua chỉ học cầm cung và vót tên mà chưa được bắn lần nào. Nay ta thử bắn xem sao?”. Người đệ tử nhắm bắn vào một cây cổ thụ, tên xuyên thủng qua khỏi cây rồi cắm phập vào lòng đất. Người thầy biết việc này, hỏi:

“Ông đã bắn một mũi tên phải không?”

“Vâng, con đã bắn thử một tên”. - Đệ tử đáp.

“Ông bắn vào chỗ nào?”. - Thầy hỏi.

“Con đã bắn vào cây đại thọ kia”. - Học trò đáp.

Người thầy nói:

“Ông đã thành xạ thủ từ đây. Tôi là hạng nhất, ông là hạng nhì”. -
Người thầy lại nói:

“Nơi địa điểm ấy có 500 tên giặc cướp chặn đường, không ai dám đi qua nơi đó. Ông có thể đến tảo thanh bọn cướp để đem lại sự bình an cho người đi đường. Ông sẽ có công rất lớn”.

Ông thầy liền giao cho học trò một chiếc xe ngựa, một mỹ nữ cùng với cái bát vàng và 500 mũi tên. Trên chiếc xe ngựa chở mỹ nữ cầm bát vàng, người trai trẻ ấy cầm cung như ý và 500 mũi tên, điều khiển xe trực chỉ đến địa điểm có giặc cướp.

Lúc bấy giờ, bọn giặc đang phân chia các vật cướp được cho nhau, chỉ sai một người canh phòng nơi yếu đạo. Người canh phòng thấy chiếc xe ngựa từ xa chạy đến, vội vã về tâu với tướng soái giặc. Tướng soái nói với đồng bọn:

- Chúng Ta làm giặc từ lâu, nhưng chưa từng thấy có một người nào đơn thương độc mã dẫn một người đàn bà đi trên trục lộ này. Có lẽ người này là một dũng kiện không sợ bất cứ ai. Nên để họ tự nhiên đi qua, đừng gây phiền toái, không có lợi.

Ngay lúc ấy, Xạ thủ kia tiến đến chỗ bọn giặc cướp rồi dừng lại, cách bọn họ một quãng xa, bảo mỹ nữ bưng bát vàng đến chỗ bọn giặc, xưng tên họ để khát thực. Mỹ nữ thực hiện đúng chỉ dẫn, khiến bọn giặc rất cảm kích và thích thú. Chúng lại ham cái bát vàng nên cùng nhau thảo luận rằng:

- Gái đẹp như thế đó, bát vàng như thế đó, tại sao chúng ta lại cho phép họ đi là thế nào?

Tướng soái giặc lại nói:

- Người kia chắc đã lượng được sức mình nên chẳng biết sợ là gì, mới thản nhiên hành động như thế. Cần phải nhẫn nại, không khéo nóng giận chặn lại thì phải chiêu lấy cái họa.

Đồng bọn nghe theo, bèn cho đẩy bát thức ăn ngon. Mỹ nữ đem bát thức ăn trở lại chỗ Xạ thủ. Xạ thủ lại bảo mỹ nữ nhân đến bọn giặc nói: “Các ông hãy chia cho tôi một phần vật dụng”. Mỹ nhân thực hiện lời Xạ thủ. Bọn giặc cả giận bảo nhau:

- Con mẹ này là thứ gì mà dựa vào thẳng tình nhân của nó dám khinh cả bọn chúng ta?! Chúng ta phải giết ngay, đừng để ôm lấy cái nhục này.

Tướng soái giặc vẫn dè dặt khuyên đồng bọn như trước. Bọn giặc chia cho người đẹp một phần. Nhận vật dụng, mỹ nhân trở lại chỗ Xạ thủ. Xạ thủ lại bảo người đẹp đến nói với bọn giặc:

- Có thể cùng ta chiến đấu chứ không thể để yên như thế này được.

Bọn giặc lại nói:

- Người này thừa thắng xông lên, khinh miệt ta quá đáng, không thể nhân mãi được.

Tướng soái giặc cố khuyên dụ đồng bọn, nhưng chẳng còn tác dụng. Con giận bốc lên dữ dội, không còn lường được sự nguy hại, bọn giặc đồng loạt tấn công hai người kia. Người Xạ thủ bắn ra một phát giết một người, và cứ thế, 499 phát giết 499 người. Còn lại một mũi tên để “hầu” tướng soái, song tướng soái khôn ngoan lần tránh theo người nữ nên không bắn được. Tay Xạ thủ liền bảo người đẹp lỏa hình đứng trước tên tướng giặc. Tên tướng soái liền bị loạn tâm, nhân đó nhận mũi tên cuối cùng, chết ngay. Cảnh này, mỹ nhân kia nói ra bài kệ:

*Tuy có cung tên sắc
Chưa từng bắn một phát
Tử thương đã đầy đây
Tại sao không hỏi hận?*

Người xạ thủ liền đáp kệ:

*Ta có cung kỳ diệu
Tâm hợp nên tay cung
Giết một, lòng vui liền
Tại sao phải ăn năn?
Ta vốn đi đường này
Vì người trừ oán hại
Không hề tiếc thân mạng
Để thành người dũng kiện.*

Đức Phật dạy:

- Xạ sư kia là tiền thân của Ta, đệ tử người Xạ sư là Xá-lợi-phất, 500 tên giặc là 500 Tỳ-kheo hiện nay, tướng soái giặc chính là Điều-đạt. Xưa kia, Xá-lợi-phất dùng tên phá bọn giặc, nay một thời thuyết pháp phá chúng của Điều-đạt.

Mục-kiền-liên lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, lạ lùng thay! Điều-Đạt-mắng rằng: “Ác dục Tỳ-kheo” thì liền khi ấy đọa vào địa ngục, dù thân vẫn còn sống.

Đức Phật dạy:

- Không những bây giờ mà xưa kia Điều-đạt cũng đã từng dùng lời ác khẩu nên đã thọ đại khổ, dù thân hiện sống.

- Chuyện xưa như thế nào, xin Ngài dạy. - Mục-liên thưa.

Đức Phật kể:

“Thuở quá khứ, bên ao nước nơi A-lan-nhã có hai con nhạn cùng kết bạn thân với con rùa. Một thời gian sau, nước ao bị cạn dần và đến khi không còn nước, hai con nhạn bàn với nhau:

“Nay ao nước đã cạn khô, bạn thân của ta chắc bị đau khổ”.

Nghĩ đến cảnh khổ này, hai con nhạn nói với rùa:

“Nước ao đã cạn hết rồi, bạn khó sống nổi nơi này. Bạn có thể ngậm giữa cái cây, chúng tôi ngậm mỗi đũa mỗi đầu, đem bạn bay đến chỗ nhiều nước, nhưng với điều kiện, khi bạn ngậm cắn vào cây thì tuyệt đối không được nói một lời”.

Nhất trí nhau, chúng liền thực hiện nhưng khi bay ngang qua một xóm nọ, bọn trẻ con thấy cảnh vui mắt liền la ãm lên:

“Nhạn ngậm rùa bay đi! Nhạn ngậm rùa bay đi!”.

Con rùa liền nổi giận, buông miệng nói:

“Việc này có can dự gì đến bọn bay?!”.

Miệng rùa tuột ra khỏi cây, rùa rớt xuống đất chết ngay.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhân việc này nói kệ:

*Đời sống kẻ sĩ
Búa rìu trong miệng
Sở dĩ chém mình
Do bởi lời ác
Nên chê lại khen
Nên khen lại chê
Tự nhận lấy họa
Bị khổ dài dài
Nếu giành nhau tài lợi
Ác ấy chưa phải lớn
Ác tâm hướng về Phật*

*Ác đây mới là to
A-phù³⁰² có trăm ngàn
Ni-la³⁰³, ba mươi sáu
Ác ý với người hiền
Phải đọa vào địa ngục.*

Đức Phật dạy:

- Con rùa kia chính là Điều-đạt. Xưa kia do nói lời giận mà phải chết khổ đau, nay lại giận mắng liền đọa vào địa ngục.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Ta thấy ở Điều-đạt chỉ có một pháp thiện bằng một sợi lông thì hoàn toàn không ghi nhận Điều-đạt đọa vào đại địa ngục một kiếp khổ. Ví như một người bị chìm dưới hầm phân, nếu có người muốn cứu họ, mà tìm thấy có được một chỗ sạch nơi thân họ - chỉ bằng một sợi lông thôi - là có thể nắm lấy chỗ ấy kéo họ lên. Ta quán sát nơi Điều-đạt cũng lại như vậy.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Ta không thấy pháp nào phá hoại lòng Vô thượng đạo của con người bằng vang danh và lợi dưỡng. Điều-đạt sở dĩ phá Tăng là do lợi dưỡng. Điều-đạt thành tựu 8 điều phi pháp cho nên phá Tăng: Lợi - không lợi, khen -không khen, kính - không kính, ưa ác và nhận thức ác để làm theo.

---o0o---

TỪ ĐÂY ĐƯỢC NHẬN PHÒNG XÁ³⁰⁴

Khi đức Phật an trú tại thành Vương-xá, bảy giờ Tỳ-kheo Át-bê³⁰⁵ thị giả Phật. Một hôm, Át-bê vào trong thành để khát thực. Một Trưởng giả nọ thấy hình ảnh oai nghi trong sáng, đức độ của Át-bê đi khát thực, liền có cảm tình, đến để tận mắt chiêm ngưỡng và hỏi:

- Thầy là ai? Thầy đệ tử của ai? Xuất gia với ai? Phụng hành pháp của vị nào?

Tỳ-kheo trả lời:

- Tôi là Át-bệ, Đại Sa-môn là thầy của tôi, tôi xuất gia với Ngài, phụng hành đạo pháp của Ngài.

- Quả là chưa từng có người nào tự toát ra oai nghi đĩnh đạc như vậy! Hóa ra là học trò của Đại Sa-môn!

Trưởng giả khen ngợi và lại hỏi:

- Hiện nay thầy ở đâu?

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi ở nơi A-lan-nhã, dưới cây Sơn-nham, chỗ đất trống gò mả là chỗ ở của tôi.

- Thầy trải thứ gì để ngồi?

- Tôi lấy cỏ Thi, cỏ Câu-thi, cỏ Bà-bà, cỏ Văn-nhu, cho đến lá cây, cát, đất... có thể trải ra để ngồi.

- Lại có thể sống với nếp sống thiếu dục như vậy! Quả người tu có khác!

Trưởng giả vui mừng khen ngợi, lại cung kính thưa:

- Nếu tôi vì Đại đức làm một phòng để cho Đại đức thọ dụng, thì Đại đức có nhận không?

- Đức Thế Tôn của chúng tôi chưa cho phép thọ dụng phòng xá.

- Đại đức có thể đem vấn đề này bạch Phật, tôi cũng sẽ đích thân đến bạch Phật.

Trưởng giả đề nghị và Át-bệ im lặng chấp nhận.

Sau khi thọ trai, Át-bệ đến chỗ Phật, đánh lễ rồi thưa rõ lời đề nghị của Trưởng giả kia. Nhân việc này, trước Tăng, Ngài khen ngợi hạnh thiếu dục tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay cho phép các Tỳ-kheo nhận các phòng xá của người cúng.

Sau đó, Trưởng giả kia đến hầu Phật, nghe pháp Tứ đế, Trưởng giả hiểu đạo, thọ Tam quy Ngũ giới, làm người Ưu-bà-tắc rất mực tín tâm. Nhân đó, Trưởng giả bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con muốn cất phòng xá cúng dường các Tỳ-kheo. Xin Ngài chấp thuận.

Đức Phật im lặng trước lời xin này. Trưởng giả vui mừng vì biết đức Phật đã chấp thuận. Ông ta đánh lễ rồi lui về.

Không lâu sau, Trưởng giả dốc toàn bộ tiền của, công sức, chỉ trong một ngày cất xong 60 phòng xá, lại cúng dường ẩm thực cho Phật và Tăng. Cả gia quyến Trưởng giả cùng nhau lo liệu việc cúng dường, trai nghi tịnh soạn: kẻ bửa củi, người lấy nước, kẻ làm thức ăn, người rưới nước hoa trên đất, trải tòa ngồi... Tất cả đều nhộn nhịp đông vui như một ngày hội mừng Phật, mừng Tăng, mừng nhà mới.

---o0o---

KỶ THỌ CẤP-CÔ-ĐỘC VIÊN ³⁰⁶

Trưởng giả Tu-đạt-đa ³⁰⁷ là người thành Xá-vệ, hằng năm thường đến thành Vương-xá thu 30 vạn tiền vàng cho người ở đây vay. Lần nào đến cũng đều có một Trưởng giả ra nghinh đón và đãi tiệc, nhưng lần này Trưởng giả Tu-đạt-đa đến thì không được Trưởng giả thành này đi đón tiếp. Tuy vậy, khi đến Vương-xá, Trưởng giả Tu-đạt-đa đến thẳng nhà ông Trưởng giả kia. Thấy ông Trưởng giả bận tấp lo thiết bày, mua sắm đồ ăn thức uống sang trọng, liền hỏi:

- Ông làm đám cưới, mở hội hay rước nhà vua?

- Chẳng phải làm đám cưới, mở hội, hay rước vua gì cả. - Trưởng giả thành Vương-xá trả lời.

- Không phải, tại sao sửa soạn thức ăn cao sang mỹ vị như vậy? - Trưởng giả Tu-đạt-đa lại hỏi.

- Đức Phật ra đời có đại oai đức, các đệ tử của Ngài cũng như vậy. Ngày mai, tôi thỉnh quý ngài để cúng dường, cho nên lần này tôi không ra để nghinh đón ông được. - Trưởng giả đáp lời.

- Tôi cũng thường nghe có Phật ra đời, hiệu là Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn. Người mà ông thỉnh là đức Phật sao? Hay không phải là Phật? - Trưởng giả Tu-đạt-đa hỏi.

- Chính là đức Phật. - Trưởng giả đáp.

- Hôm nay Ngài ở đâu?. - Trưởng giả Tu-đạt-đa lại hỏi.

Ông Trưởng giả kia liền để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, tay bên hữu chỉ về hướng chỗ Phật ở.

Trưởng giả Tu-đạt-đa khi biết rõ chỗ ở của Phật, lòng vui mừng phấn khởi, liền để trống vai bên hữu, vọng hướng về chỗ đức Phật trú ngụ, kính lễ ba lần.

Đêm hôm đó, trưởng giả Tu-đạt-đa niệm danh hiệu: “Nam mô Phật”, ông ta ngủ rất ngon dù đã đi một chặng đường xa, quá mệt mỏi.

Có người Thiện tri thức đời trước của ông ta, làm một vị thần ủng hộ. Vị thần suy nghĩ: “Ta sẽ giúp ông Trưởng giả này không phải đợi qua một đêm mới thấy Phật”. Vị thần này liền khiến đêm đen sáng rực lên. Tu-đạt-đa tưởng trời đã sáng, liền thức dậy đi đến cửa thành, cửa thành liền tự mở. Khi ra khỏi cửa thành thì cửa tự đóng, bỗng nhiên trời tối lại, Tu-đạt-đa hoảng sợ, nghĩ thầm: “Vừa rồi ta đâu phải cuồng!”. Vị thần biết ý niệm đó, nói kệ:

*Nay là lúc đến Phật
Mỗi mỗi bước chân đi
Lợi hơn thí ngàn vàng
Voi ngựa không sánh kịp.*

Vị thần lại nói:

- Đừng hốt hoảng, đừng sợ hãi! Cứ tiến bước, tiến bước trong giây lát sẽ thấy Phật.

Tu-đạt-đa nghe lời ấy, mọi sợ hãi đều biến mất, hăng hái bước đi, và còn từ xa đã thấy đức Thế Tôn dung nghi đặc thù, giống như núi vàng. Đức Phật thấy ông Trưởng giả, Ngài khen:

- Lành thay, đến đây Tu-đạt-đa!

Tu-đạt-đa nghe Phật gọi, rất vui mừng, tự nhủ: “Đức Phật lại biết luôn cả tên do cha mẹ ta đặt”. Tu-đạt-đa liền kính lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì Trưởng giả nói các pháp vi diệu, nói pháp Tứ diệu đế. Từ nơi chỗ ngồi, Trưởng giả đố pháp thanh tịnh. Thấy pháp, đố quả rồi, Tu-đạt-đa xin thọ Tam quy, Ngũ giới và bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Nguyên Phật và Tăng nhận lời mời của con, đến an cư mùa Hạ nơi thành Xá-vệ.

Trưởng giả thỉnh ba lần như vậy, đức Phật đều im lặng. Đến lần thứ tư, Ngài bảo rằng:

- Nếu chỗ nào không có sự ồn ào, có được sự vắng vẻ, yên tịnh, không tiếng động, chư Phật mới an cư nơi đó.

Ông Trưởng giả bạch Phật:

- Con đã hiểu lời dạy của Thế Tôn. Xin Ngài sai một Tỳ-kheo, người có kinh nghiệm trong việc thiết lập tinh xá cùng đi với con.

- Nay ông muốn vị nào cùng đi? - Đức Phật hỏi.

- Con muốn nhờ tôn giả Xá-lợi-phất. - Trưởng giả thưa.

Đức Phật liền bảo tôn giả:

- Thầy có thể đến đó làm người chỉ dẫn thiết lập trú xứ Tăng.

Xá-lợi-phất phụng hành lời Phật dạy

Sáng hôm sau, Trưởng giả thành Vương-xá đến bạch Phật:

- Thức ăn đã sửa soạn xong, xin chư Thánh đến thọ trai.

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng mặc y, bưng bát, kẻ trước người sau vây quanh Phật đến nhà Trưởng giả kia. Theo thứ lớp, các vị ngồi vào tòa ngồi. Ông Trưởng giả tự tay rót thức ăn. Đức Phật và chư Tăng thọ trai xong ông Trưởng giả bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn, con xin dâng cúng ngôi vườn và phòng xá này cho Tứ phương Tăng.

Đức Phật im lặng nhận lời. Biết đức Phật đã nhận rồi, Trương giả lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi đối diện với Phật. Đức Phật tùy hỷ, vì ông nói kệ chú nguyện:

*Vì ngăn gió, nóng, lạnh
Và ngừa các ác thú
Che mưa, sương và bụi
Cùng trừ nạn muỗi mòng
Cúng dường người trì giới
Tọa thiền, thuyết, tụng pháp
Ai nghe hiểu nghĩa này
Trừ hết các gốc khổ.*

Sau đó, Ngài nói các pháp màu, chỉ bày điều lợi ích, điều hoan hỷ an vui. Ngài và Tăng trở về trú xứ.

Ngày ấy, Trương giả Tu-đạt-đa đưa Xá-lợi-phất lên đường trở về thành Xá-vệ. Qua các thành thị, xóm làng, nơi nào Trương giả cũng loan báo cho mọi người biết rằng:

- Đức Phật ra đời, có đại oai đức, các đệ tử của Ngài cũng như vậy. Tôi đã thỉnh Ngài an cư nơi thành Xá-vệ. Các người, nơi đâu cũng phải sửa soạn nhà cửa, tu bổ đường sá và cầu đồ, chuẩn bị tốt mọi thứ để đón đức Thế Tôn.

Nhân dân các xóm làng ấy nghe lời rao báo như vậy, biết đức Phật sẽ đi qua nơi mình đang sống nên rất vui mừng, thực hiện lời rao báo trên một cách cung kính.

Khi về đến Xá-vệ, Trương giả nghĩ: “Nơi nào là chỗ tốt nhất để cất tinh xá đây? Trong thành này chỉ có vườn cây ăn trái quý giá của Kỳ-lâm đồng tử³⁰⁸, nơi đây lại có cảnh trí tươi đẹp, nguồn nước thanh khiết, có suối róc rách quanh năm, có ao tắm, có hoa thơm cỏ lạ. Nói khác hơn, phong cảnh tịch mịch, hoàn thiện. Ta nên hỏi mua chỗ này để lập tinh xá cho Phật và Tăng”.

Thực hiện ý nghĩ, Trương giả đến sở hữu chủ vườn cây đặt vấn đề mua lại. Kỳ-lâm đồng tử bảo:

- Nếu Trương giả dùng tiền vàng trải khắp diện tích đất vườn, không sót một nơi nào thì tôi mới thuận cùng ông trao đổi việc sang nhượng.

Trương giả thực hiện ngay lời thách này, liền hạ lệnh đem tiền vàng trải khắp đất vườn Kỳ-lâm... Kỳ-lâm đồng tử bảo:

- Thử chơi vậy thôi, chứ tôi đâu có muốn trao đổi, mua bán gì!

- Điều kiện ông tự đặt ra, nó trở thành lời cam kết giá trị, sao lại hối tiếc để biến thành kẻ thất tín. Coi sao được?!

Hai bên giằng co, tranh cãi mãi, cuối cùng phải đưa đến cửa quan. Cửa quan y theo pháp luật hiện hành mà xử. Tu-đạt-đa thắng kiện. Kỳ-lâm đồng tử hỏi Tu-đạt-đa:

- Vì lý do gì mà ông không tiếc vàng bạc để mua khu vườn này với giá như vậy?

Trưởng giả như được cơ hội, liền thuyết:

- Đức Phật ra đời, có đại oai đức, các đệ tử của Ngài cũng như vậy. Tôi đã mời Ngài an cư nơi đây, do đó tôi trút hết gia tài cũng không hề nuối tiếc.

Kỳ-lâm đồng tử nghe thế liền bảo:

- Nếu để tôi đặt tên vườn là Kỳ Viên tinh xá thì tôi sẽ thỏa thuận. Như vậy tôi xin cúng hết số cây có ở trong vườn.

- Tốt! Tôi thuận với tên vườn ông đặt. - Tu-đạt-đa đáp lời.

Sau khi thỏa thuận, Trưởng giả Tu-đạt-đa ra lệnh chính thức trả tiền vàng lên diện tích đất vườn, chừa các gốc cây. Tôn giả Xá-lợi-phất đo đạc, giăng dây, đóng cọc, thực hiện đúng bản vẽ của một con người trí tuệ siêu phàm.

Khu vườn Kỳ-lâm bây giờ lại có giá trị khác, giá trị của một tinh xá, có lối đi kinh hành, có nhà Tăng, nhà ôn hòa, có giảng đường, nhà tắm và phòng xá khác,... không thiếu một phương tiện nào cho mọi sinh hoạt, nhằm đáp ứng sự tu học của Tăng nói riêng, cho bốn chúng nói chung.

Khu vườn lịch sử ấy, kinh điển ghi rõ là Kỳ thọ Cấp-cô-độc Viên.

---o0o---

ĐỪNG TẠO MÃU THUÃN

Bây giờ, La-hầu-la đến tụ lạc Na-la³⁰⁹, ở đây có người Ưu-bà-tắc thân tín cất cho La-hầu-la một tịnh thất để ở. Khi cất xong, La-hầu-la có duyên sự nhỏ nên du hành nhân gian.

Không bao lâu, A-nan lại đến tụ lạc này, người Ưu-bà-tắc đó lại đem tịnh thất ấy cúng cho tôn giả A-nan. Khi La-hầu-la trở về, bảo A-nan đi tìm chỗ khác, A-nan nói:

- Trước kia, tuy người ta cúng cho thầy, nhưng thầy lại ra đi. Sau đó người ta cúng cho tôi thì phòng này thuộc về tôi.

Để làm rõ việc này, hai vị đến hỏi người Ưu-bà-tắc kia, người Ưu-bà-tắc trả lời:

- Tuy trước kia tôi cúng cho La-hầu-la, nhưng vì La-hầu-la ra đi, nên sau đó tôi cúng cho A-nan.

Các Tỳ-kheo Trưởng lão biết sự thể như thế nên bạch Phật, Ngài tập hợp Tỳ-kheo Tăng và bảo:

- Không những đời này mà xưa kia Ưu-bà-tắc này cũng làm như vậy.

- Bạch Thế Tôn, chuyện xưa kia như thế nào? Xin Ngài dạy. - Các Tỳ-kheo hỏi.

Đức Phật kể:

“Thuở quá khứ có một nhà vua tên là Ba-lâu. Trong cương giới của vua này có hai vị tiên: một tên là La-hầu-la, ưa tọa thiên; một tên là A-nan, đa văn, vô úy. Vua Ba-lâu trước đó rất kính trọng La-hầu-la nên cất một cái phòng cúng cho vị tiên này. Phòng làm xong thì La-hầu-la đi vào nhân gian du hành. Sau đó, A-nan lại đến, nhà vua cũng rất kính trọng nên đem cái phòng đó cúng cho A-nan. Khi La-hầu-la trở về, bảo A-nan đi tìm chỗ khác và nói:

“Phòng này là của tôi”.

A-nan cũng bảo:

“Phòng này là của tôi”.

Cả hai cùng đến chỗ vua để hỏi xem vua quyết định cái phòng thuộc về ai. Nhà vua nói:

“Tuy lúc trước tôi cúng cho La-hầu-la, nhưng vì La-hầu-la bỏ đi nên sau đó tôi mới cúng cho A-nan. Vậy nay phòng này thuộc về A-nan”.

Lúc bấy giờ, các Thiên, Long, Quỷ, Thần đều nói:

“Nhà vua này làm việc phi pháp, tại sao đã cúng cho La-hầu-la rồi, sau lại cúng cho A-nan? Chúng ta sẽ phá hoại quyền thuộc của nhà vua”.

Họ liền cùng nhau đến cung vua, dùng đá ném, đánh, giết hại quyền thuộc nhà vua. Nhân việc này, đức Phật nói kệ:

*Vua cúng không trước sau
Tiên nơn cùng tranh cãi
Làm cho quỷ thần giận*

*Chuốc hại quyền thuộc mình
Nếu hành xử tùy ái
Không được người trí khen
Do vậy nên xả ái
Hoan hỷ nói đúng nghĩa.*

Đức Phật dạy:

- Tiên non La-hầu-la xưa kia, nay là La-hầu-la. Tiên non A-nan ngày trước bây giờ là A-nan. Quốc vương trước kia, nay là Ưu-bà-tắc.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay không cho phép nhận phòng mà trước đó đã cúng cho người khác.

---o0o---

NĂM THỨ THUỘC TỨ PHƯƠNG TĂNG

Lúc bấy giờ đức Phật cùng đại Tỳ-kheo Tăng 1.250 vị trong nước Câu-tát-la, lên đường du hành nhân gian, đến ấp Ngật-la-ngật-liệt. Nơi ấp này có năm Tỳ-kheo cư trú, nghe Phật cùng đại chúng sắp đến ấp, bàn thảo rằng:

- Trong chúng của Phật có Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, chắc chắn sẽ gây náo chúng ta. Chúng ta có thể phân chia phòng xá, ngọa cụ, vườn cây ăn trái trong trú xứ này thành năm phần để thuộc quyền sở hữu riêng của mỗi chúng ta. Đừng để các động sản và bất động sản này thuộc sở hữu Tứ phương Tăng.

Họ thực hiện việc phân chia.

Ngày ấy, đức Phật và đại Tăng đến trú xứ, các Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo cư trú:

- Các thầy mở cửa phòng, trải ngọa cụ để chúng tôi có chỗ tạm nghỉ. Năm Tỳ-kheo nói:

- Đức Phật là vị Pháp chủ, mở cửa phòng hạng nhất mời Ngài ở. Ngoài ra, mọi phòng ốc chúng tôi đã phân chia thành tư hữu cả rồi, không thuộc của Tăng. Quý vị có thể vào trong xóm làng, tùy theo sự quen biết mà tìm chỗ ở.

Trước sự từ chối cung cấp chỗ ở, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đêm ấy, đành ngủ nhờ ngoài hiên căn phòng đức Phật nghỉ. Sáng ra, nhân việc này đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Có năm thứ thuộc Tứ phương Tăng, không được quyền chiếm đoạt làm tư hữu, không được quyền bán, không được chia chát. Năm thứ ấy là:

1-Đất đai trú xứ.

2-Phòng xá.

3-Vật cần dùng của Tăng.

4-Cây ăn trái.

5-Hoa quả.

Tất cả những thứ này, các Sa-môn Thích tử đều có phần trong đó. Ai chiếm đoạt làm tư hữu, bán hay phân chia đều phạm tội Thâu-lan-giá.

---o0o---

SỰ GIÁO HÓA HIẾM THẤY ³¹⁰

Bấy giờ, bốn vị Thanh văn: Ca-diếp, Mục-liên, A-na-luật, Tân-đầu-lô cùng nhau bàn định rằng: “Hiện nay trong thành Vương-xá có một số người không tin ưa Phật, Pháp, Tăng. Chúng ta nên cùng nhau khiến thế nào để cho họ có lòng tin kính Tam bảo”.

Bàn định như vậy rồi, các vị liền quan sát khắp gần xa, chỉ thấy có Trưởng giả Bạt-đề và người chị của ông ta không tin ưa Phật, Pháp, Tăng. Ba vị Thanh văn nói:

- Không lẽ chỉ giáo hóa Bạt-đề không thôi?!

- Có thể giáo hóa chị của Bạt-đề nữa. - Tân-đầu-lô nói.

Nhà ông Trưởng giả Bạt-đề có bảy lớp cửa, có ba bộ kỹ. Khi muốn ăn, họ cho đóng bảy lớp cửa và mỗi thức ăn đặt trên một bộ kỹ. Khi ông Trưởng giả ăn thì A-na-luật liền đứng ngay trước mặt xin. Ông Trưởng giả hỏi:

- Ông từ đâu vào được đây?

- Tôi vào từ cửa. - A-na-luật đáp.

Ông Trưởng giả hỏi người giữ cửa:

- Tại sao người cho người ăn xin vào?

- Cửa đóng chặt như thường lệ, không thấy có ai vào đây cả. - Người giữ cửa trả lời.

Ông Trưởng giả liền lấy một miếng bánh mè để vào trong bát và nói:

- Đi đi! Ông có vật này để ăn rồi.

A-na-luật nhận thức ăn, liền đi...

Vào bữa cơm sau, Ca-diếp lại đứng trước Trưởng giả khát thực (hỏi và trả lời như trước). Ông Trưởng giả lại hỏi người giữ cửa:

- Tại sao người cố ý cho Sa-môn vào nhà ta?

- Cửa đóng như thường lệ, chẳng thấy ai vào cả, thưa Trưởng giả. -
Người giữ cửa thưa.

Ông Trưởng giả lại lấy một miếng cá bỏ vào trong bát và bảo:

- Đi đi! Ông có vật này để ăn rồi.

Sau khi Ca-diếp đi, vợ ông Trưởng giả hỏi:

- Ý ông thế nào? Cứ ngỡ rằng Tỳ-kheo này không thể có được thức ăn nên mới đến đây xin phải không?

- Chính như vậy. - Ông Trưởng giả trả lời vợ.

- Ông có biết vị Tỳ-kheo ngày hôm qua là ai không? - Người vợ hỏi.

- Không biết. - Ông Trưởng giả trả lời.

- Ông ấy tên là A-na-luật, con dòng họ Thích, bỏ cung điện ba mùa, bỏ thú vui ngũ dục, xuất gia học đạo đó ông ơi!

Người vợ đáp lời, rồi lại nói:

- Ông có biết Tỳ-kheo hôm nay là ai không?

- Không biết. - Người chồng đáp.

- Vị ấy là con dòng họ lớn Tất-ba-la-diên Ma-nạp, bỏ 990 mẫu ruộng, nhà cửa, trâu, bò xuất gia học đạo, dĩ lòng thương đối với ông cho nên đến xin thức ăn đây, ông biết không? - Người vợ nói.

Ông Trưởng giả nghe vợ nói, trong lòng kính phục. Ngay khi ấy, Mục-kiên-liên bay lên hư không, vì Trưởng giả nói pháp, chỉ bày sự lợi ích, sự hoan hỷ... Nghe pháp, ông Trưởng giả liền từ chỗ ngồi xa trần lìa cấu, được con mắt pháp trong sạch. Thấy pháp, đắc quả rồi, thọ Tam quy, Ngũ giới. Từ đó về sau, ông Trưởng giả thường cúng dường cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các ngoại đạo. Sau đó, ba vị Thanh văn nói với Tân-đầu-lô rằng:

- Chúng tôi đã giáo hóa được Trưởng giả Bạt-đề kính tin Phật pháp rồi, nay đến phiên thầy giáo hóa bà chị của ông ta.

Nhận sự phân công, vào buổi sáng, Tân-đầu-lô mặc y bưng bát vào thành khất thực, theo thứ tự đến nhà bà chị của Trưởng giả Bạt-đề. Lúc ấy, chị ông Trưởng giả tự tay đóng bánh, bỗng nhiên thấy Tân-đầu-lô, bà liền cúi đầu nhắm mắt. Tân-đầu-lô nhất tâm nhìn vào bình bát. Bà ta bèn nói:

- Quyết không cho một thứ gì! Ông có chú tâm nhìn vào bát cũng chỉ uổng sức mà thôi.

Tân-đầu-lô làm thân tuôn ra khói. Bà ta nói:

- Cả thân tuôn ra khói cũng mặc. Không cho là không cho.

Tân-đầu-lô làm thân tuôn ra lửa. Bà ta lại nói:

- Cả thân lửa bùng cháy cũng thừa, cương quyết không cho ông thì dứt khoát không cho.

Tân-đầu-lô liền bay lên hư không. Bà ta nói:

- Có bay lên hư không cũng mặc, đã không cho là dứt khoát không cho, thử ông làm gì nào?

Tân-đầu-lô bèn lộn nhào trong hư không. Bà ta nói:

- Có nhào lộn tới đâu cũng quyết chí không cho là không cho.

Tân-đầu-lô nghĩ: “Đức Thế Tôn không cho phép ta cưỡng bức để xin cho bằng được”, bèn ra đi. Nhưng cách thành Vương-xá không xa có một tảng đá lớn, Tân-đầu-lô ngồi trên đó, rồi kẹp tảng đá bay vào thành Vương-xá. Người trong thành thấy đều hết hồn, hết vía, sợ tảng đá rớt xuống là xong đời, mọi người vội vã chạy trốn. Bay đến nhà chị ông Trưởng giả, Tân-đầu-lô cho tảng đá lững lờ trên nhà bà ta. Bà ta thấy tảng đá như sắp rơi trên người bà, thất kinh hồn vía, tóc lông dựng ngược, bà ta vòng tay thưa:

- Xin ngài tha mạng cho con, đem tảng đá về chỗ cũ, con xin cúng cho ngài.

Tân-đầu-lô liền đem tảng đá để vào chỗ cũ rồi trở lại đứng trước nhà bà ta. Chị ông Trưởng giả lại có ý nghĩ: “Ta không thể cho cái bánh lớn, nên làm cái bánh nhỏ để cho”. Bà ta liền viên tròn cái bánh còn chút xíu, nhưng cái bánh lại biến thành rất lớn. Ba lần như vậy, bánh nhỏ đều biến thành bánh lớn. Bà ta lúng túng nghĩ: “Ta muốn làm cái bánh nhỏ thì nó lại thành cái bánh lớn. Thôi thì cứ lấy đại một cái mà cho họ”. Bà ta lấy một cái, thì liền tù tì các bánh còn lại dính theo, đến nỗi cái thầu đựng

bánh cũng dính theo bánh. Bà ta cầm cái thẩu lại, thì tay bà cũng dính luôn vào thẩu. Rất khó chịu, bực tức, bà nói với Tân-đầu-lô rằng:

- Ông cần bánh, tôi cho hết bánh, kể cả cái thẩu tôi cũng không tiếc. Có sao ông lại cần tôi để làm gì, đến nỗi tay tôi cũng dính chặt vào thẩu?!

- Tôi không cần bánh, lẫn thẩu; cũng không cần bà. Chúng tôi bốn người đã cùng bàn định giáo hóa bà và em của bà. Ba vị kia đã giáo hóa được em của bà rồi. Nay tôi giáo hóa bà, nên tôi phải mượn cách màu nhiệm như vậy mà thôi! - Tân-đầu-lô nói rõ như thế.

- Vậy bây giờ ông muốn tôi thực hiện việc gì? - Bà chị Trưởng giả hỏi.

- Tôi muốn chị em bà có thể đưa số bánh này đi theo tôi đến cúng dường Phật và Tăng. - Tân-đầu-lô yêu cầu như thế.

Bà ta liền cho chở bánh đi theo Tân-đầu-lô. Tân-đầu-lô biến hóa con đường đi ngang qua ngõ nhà mọi người, khiến cho ai cũng thấy sự giáo hóa này. Khi đến chỗ đức Phật, tự tay bà sắp bánh cúng dường Phật và 1.250 Tỳ-kheo. Tất cả các vị đều thọ dụng đầy đủ, song cũng không hết số bánh bà đem đến cúng. Số bánh còn lại, bà mang đến chỗ Phật, thưa:

- Con đã cúng dường và chư Tăng đã thọ dụng đầy đủ cả rồi. Chỗ bánh dư này nên để chỗ nào?

Đức Phật bảo:

- Có thể để nơi chỗ đất trống không có cỏ sông, hay bỏ vào chỗ nước không có trùng.

Bà chị Trưởng giả đem số bánh dôi ra đổ vào nước không có trùng, nước sôi sùng sục như sắt nóng bỏ vào trong nước. Bà hoảng sợ, rợn cả tóc gáy. Quay trở lại chỗ Phật, bà đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì bà nói các pháp nhiệm màu. Bà đắc pháp, thọ Tam quy, Ngũ giới, cúng dường tứ chúng, cầu đạo như người em của mình.

Việc hiện thần túc để giáo hóa, khi đưa ra trước Tăng, Tân-đầu-lô bị đức Phật quả trách. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay không cho phép hiện thần túc. Nếu thị hiện thì phạm tội Đột-kiết-la.

---o0o---

MƯỜI MỘT ĐIỀM MỘNG

Đức Phật lúc bấy giờ ở nước Câu-tát-la, cùng với 1.250 Tỳ-kheo du hành nhân gian, đến xóm làng Đô-di của Bà-la-môn trải tòa ngồi nghỉ dưới cây Sa-la cạnh bên đường. Khi ấy đức Phật mỉm cười, A-nan nghĩ đức Phật mỉm cười chắc có nhân duyên, để trống vai bên hữu, quỳ gối thưa hỏi Phật, đức Phật dạy:

- Nay A-nan! Thuở quá khứ, có ông vua tên là Cấm Mị. Con gái vua khi sanh ra, trên thân đã đeo sẵn một tràng hoa bằng vàng. Nhà vua triệu tập quần thần thảo luận việc đặt tên cho công chúa. Quần thần đều có ý kiến nên hỏi thầy tướng Bà-la-môn. Thầy tướng được triệu vời. Sau khi xem xét mọi hiện tượng, thầy tướng Bà-la-môn bảo: “Công chúa khi sanh ra, thân đã đeo sẵn tràng hoa bằng vàng, với đặc điểm này nên đặt tên cho công chúa là Ma-lê-ni”. Nhà vua rất bằng lòng với tên gọi này và sự nuông chiều yêu dấu của vua đối với con gái thật vô bờ. Để hầu hạ con mình, nhà vua cho tìm hiểu trong nước xem bé gái nào sanh ra đúng ngày với con mình thì cho lập danh bộ đưa vào cung nuôi dạy, làm người sai khiến hầu hạ. Cả nước có đến 500 bé gái như vậy, trở thành người của nhà vua.

Khi tuổi đã lớn khôn, Ma-lê-ni được lệnh của vua cha thường phải cúng dường 500 Bà-la-môn mà vua cha tôn trọng cúng dường. Nhà vua nói với con gái rằng:

- Con nên như cha, hằng ngày nấu 500 nồi canh theo sở thích của quý vị mà cúng dường.

Ma-lê-ni vâng lời cha thực hiện việc cúng dường 500 Bà-la-môn rất trọng hậu. Sau mỗi bữa cúng dường, Ma-lê-ni cùng 500 người nữ thị tùng ngồi xe tứ mã dạo chơi các viên quán. Từ vườn này đến vườn kia, thăm thú hết cảnh quan này đến cảnh quan khác, và ngày nào cũng như ngày nào...

Bấy giờ, đức Phật Ca-diếp đang ở trong một khu vườn. Khi người đánh xe đưa Ma-lê-ni đến ngôi vườn này thì anh ta liền cho quay xe lại, không vào. Ma-lê-ni hỏi:

- Trong quốc giới của ta, không vườn nào là không vào. Tại sao người thường lảng tránh ngôi vườn này?

- Trong vườn này có một Sa-môn đầu trọc tên là Ca-diếp, tôi không muốn thấy ông ta nên không vào. - Người đánh xe đáp.

- Sa-môn Ca-diếp đầu có dính dáng gì đến việc của người. Người có thể quay xe lại, vào trong vườn này thử xem sao! - Ma-lê-ni bảo người đánh xe.

Người đánh xe quay xe lại, vào vườn. Xe đến cuối đường, Ma-lê-ni xuống xe đi vào sâu trong vườn. Từ xa, Ma-lê-ni đã trông thấy Phật Ca-diếp dung nhan vô cùng rực rỡ, chẳng khác nào một núi vàng. Hình ảnh này đã khiến Ma-lê-ni vô cùng hoan hỷ, liền đến trước Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Đức Phật vì Ma-lê-ni nói các diệu pháp, chỉ bày sự lợi ích, niềm vui và sự an lạc. Nhận thức được pháp, Ma-lê-ni liền đác quả, rồi thọ Tam quy, Ngũ giới. Ma-lê-ni đánh lễ, nhiễu quanh Phật rồi ra về.

Từ ngày được gặp đức Phật Ca-diếp, Ma-lê-ni có nhiều thay đổi về nhận thức. Có nhiều suy nghĩ về 500 Bà-la-môn kia. Vấn đề được công chúa Ma-lê-ni đặt ra là: “Hằng ngày cúng dường 500 nồi canh cho 500 Bà-la-môn là sự cúng dường không đúng chỗ, không phải là phước điền, họ không nên nhận của thí. Ta nên cúng dường thức ăn tốt cho đức Phật Ca-diếp. Đây là phước điền ta đã cảm nhận ra như vậy”.

Khi các Bà-la-môn nghe Ma-lê-ni làm đệ tử Phật Ca-diếp, lại dùng thức ăn ngon để cúng dường đức Phật Ca-diếp thì họ sinh lòng đố kỵ. Họ họp lại thảo luận sôi nổi và đề nghị: “Chúng ta phải tìm mọi phương cách để giết chết người con gái phản phúc này”.

Cũng trong thời gian ấy, vào một đêm vua Cám Mị ngủ thấy 11 điềm mộng:

- 1-Mộng thấy cây dài bốn ngón tay lại có hoa.
- 2-Mộng thấy hoa liền thành trái.
- 3-Mộng thấy con bò con thì cày, con bò lớn thì đứng xem.
- 4-Mộng thấy ba cái chõ đều nấu cơm. Hai chõ ở hai bên, cơm sôi nháy vào nhau mà không rơi vào cái chính giữa..
- 5-Mộng thấy con lạc đà có hai đầu ăn cỏ.
- 6-Mộng thấy con ngựa mẹ bú con ngựa con.
- 7-Mộng thấy cái bát vàng vận hành giữa hư không.
- 8-Mộng thấy nước tiểu con cáo hoang đưng trong cái bát bằng vàng.
- 9-Mộng thấy con khỉ đột ngồi trên cái giường vàng.
- 10- Mộng thấy đem bán cái đầu bò bằng Chiên-đàn mà giống như cỏ mục.
- 11- Mộng thấy trong vũng nước, xung quanh trong, chính giữa đục.

Sáng ngày, nhà vua triệu tập quần thần, nói lại 11 điềm mộng rồi hỏi ý kiến:

- Những điềm mộng ấy có ý nghĩa như thế nào?

Quần thần đều nói:

- Nên hỏi ý kiến thầy tướng Bà-la-môn.

Nhà vua cho triệu vời thầy tướng Bà-la-môn đến hỏi. Họ liền nảy ra ý nghĩ: “Chúng ta định giết người nữ này thì đây là cơ hội tốt”. Họ liền tâu với nhà vua rằng:

- Những điềm chiêm bao ấy đều không tốt, là dấu hiệu bị mất nước, hoặc phải mất mạng.

Nhà vua hỏi:

- Có cách nào để tránh khỏi tai ương này không?

- Tâu bệ hạ, có! Nhưng khốn nỗi nhà vua quá thương yêu mà không nỡ hy sinh, nên không thể thực hiện được. - Thầy tướng Bà-la-môn tâu.

- Cứ thẳng thắn nói ra. - Nhà vua bảo.

Thầy tướng tâu:

- Tâu bệ hạ, voi... của nhà vua, ngựa... của nhà vua, đại thần... của nhà vua, Đại Bà-la-môn.. của nhà vua dẫn 500 bò đực, 500 trâu nước, 500 trâu ghé cái, 500 trâu ghé đực, 500 con dê đen, 500 con dê sức lực, vương nữ Ma-lê-ni và 500 người con nuôi, sau bảy ngày - nơi ngã tư đường - giết hết để tế Thiên thần, thì tai ương này có thể tiêu trừ, nếu không thì cái họa này không thể nào tránh khỏi.

Nhà vua nghe rồi cả tin, liền ra lệnh chuẩn bị. Riêng con gái mình, sau khi nói rõ sự việc, lại cho phép trong vòng sáu ngày tùy ý làm theo sở nguyện. Ma-lê-ni tâu với vua cha:

- Con không hề sợ chết, nhưng xin được làm theo ý nguyện:

· *Ngày thứ nhất cùng nhân dân nam nữ, lớn nhỏ trong thành đến chỗ Phật Ca-diếp.* (Nhà vua chấp thuận, tức khắc ra lệnh toàn dân trong thành đến chỗ Phật Ca-diếp. Đức Phật vì họ nói các pháp nhiệm màu, chỉ bày sự lợi ích để họ được vui mừng... Sau khi nghe pháp, họ đều đảnh lễ, thọ Tam quy, Ngũ giới).

· *Ngày thứ hai, xin được cùng đại thần của vua đến chỗ Phật Ca-diếp.*

· *Ngày thứ ba, xin cùng với các vương tử đến chỗ Phật Ca-diếp.*

- Ngày thứ tư, xin cùng với vương nữ đến chỗ Phật Ca-diếp.
- Ngày thứ năm, xin cùng với thế nữ đến chỗ Phật Ca-diếp.
- Ngày thứ sáu, xin cùng với vua cha đến chỗ Phật Ca-diếp.

Nhà vua đều thuận cho và tất cả đều thấy pháp đặc quả, thọ Tam quy, Ngũ giới như lời nguyện đầu.

Nhà vua đặc quả rồi, đem 11 điềm mộng thưa hỏi Phật Ca-diếp:

- Bạch Thế Tôn, những điềm mộng ấy có báo ứng như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Mười một điềm chiêm bao này thuộc về đời sau, chứ không phải đời này:

- Mộng thấy cây còn nhỏ mà sanh hoa là đời sau có đức Phật ra đời chỉ sống 100 tuổi, gọi là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Khi ấy, người 30 tuổi đều đã bạc đầu.

- Mộng thấy hoa liền thành trái, là bây giờ người mới 25 tuổi đã sanh con.

- Mộng thấy con bò con cày, bò lớn lại đứng nhìn, là lúc ấy người trẻ thống lãnh việc nhà, cha mẹ không được tự tại.

- Mộng thấy ba nồi đều nấu cơm, nồi hai bên cơm sôi nhảy vào nhau mà không rơi vào nồi ở giữa, là khi ấy người giàu cùng nhau ban ân giúp đỡ giữa họ mà người nghèo không nhận được.

- Mộng thấy con lạc đà hai đầu ăn cỏ, là khi ấy quân thần của nhà vua đã hưởng bổng lộc của quốc vương mà lại ăn cắp vật của dân.

- Mộng thấy con ngựa mẹ lại bú con ngựa con, là khi ấy con gái đã có chồng rồi, người mẹ lại đến cầu thực nơi con gái.

- Mộng thấy cái bát vàng vận hành giữa hư không, là khi ấy mưa không đúng thời tiết, cũng không khắp cùng.

- Mộng thấy nước tiểu con cáo hoang ở trong bát vàng, là khi ấy nhân dân chỉ chọn người giàu mà kết hôn, chứ không chọn người có bản tánh.

- Mộng thấy con khi đột ngồi trên giường vàng là khi ấy quốc vương dùng phi pháp cai trị, bạo ngược, vô đạo.

- Mộng thấy đem bán cái đầu bò bằng Chiên-đàn mà giống như cỏ mục, là khi ấy Sa-môn dòng họ Thích tham lợi dưỡng nên cùng bạch y nói pháp.

- Mộng thấy trong vũng nước ở giữa đục, xung quanh trong, là khi ấy Phật pháp ở trung tâm bị tiêu diệt trước, nơi ven biên cương lại thịnh.

Đức Phật dạy:

- Mười một điềm mộng của vua thấy là như vậy, chẳng có gì bất tường cho bản thân của đại vương.

Nhà vua liền từ chỗ ngồi ra lệnh cho quần thần rằng:

- Những phẩm vật dùng để tế trời, thần hãy mang đem bỏ thí khắp, chẳng có việc gì phải lo sợ. Từ nay ta thà tự mất mạng chứ không cố ý sát sanh, huống nữa lại bảo giết người. Không cố ý làm tổn thương loài kiến, loài trùng, huống là làm tổn thương con gái và mọi người.

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

- Đức Phật Ca-diếp sau khi Nê-hoàn, nhà vua Cấm Mị vì Ngài xây tháp bằng vàng, bạc, dọc ngang nửa do-tuần, cao một do-tuần, thêm vào tháp là những viên ngói bằng vàng, bằng bạc xen lẫn nhau, hiện nay vẫn còn trong lòng đất.

Đức Phật liền bước ra chỉ cho Tứ chúng thấy rõ vị trí tháp và toàn thân xá-lợi của Phật Ca-diếp, nghiêm nhiên vẫn như cũ. Nhon việc này, đức Phật lấy một nắm đất rồi nói kệ:

*Tuy được Diêm-phù-đàn³¹¹
Trăm ngàn lợi kim bảo
Không bằng một nắm đất
Vì Phật, xây bảo tháp.*

Chỉ bảo xong, trở lại chỗ cũ, đức Phật lấy bốn nắm bùn trát lên chỗ đất mà ngay phía bên dưới, ngầm trong lòng đất là ngôi tháp của Phật Ca-diếp. Một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, mỗi vị cũng lấy bốn nắm bùn trát lên chỗ đất ấy. Và tại chỗ đóng bùn này, sau đó, các Tỳ-kheo xin phép Phật xây một ngôi tháp lên đó. Đức Phật cho phép và đây là ngôi bảo tháp đầu tiên được xây trên cõi Diêm-phù-đề này.

---o0o---

TIỀN KIẾP CỦA TÔN GIẢ XÁ-LỢI-PHẬT

Bấy giờ, tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh phong, thường dùng trái Ha-lê-lặc để chữa trị. Ngày ấy, Cù-già-ly là cấp bậc Thượng tọa, đến chỗ ở của Xá-lợi-phất, bảo tôn giả đi chỗ khác, nhường chỗ cho Thượng tọa. Xá-lợi-phất liền nhường chỗ nhưng khi đi để quên lại trái Ha-lê-lặc. Cù Gia Ly thấy thế, nói với các Tỳ-kheo:

- Đức Thế Tôn khen ngợi Xá-lợi-phất là thiếu dục tri túc, nay lại cất chứa đồ ăn, còn chúng ta không làm việc này.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời ấy liền suy nghĩ: “Tại sao nay vì một việc nhỏ, ta lại bị cơ hiềm!”. Xá-lợi-phất lấy trái Ha-lê-lặc quăng đi. Các Tỳ-kheo nói:

- Đại đức bị chứng hoạn phong, cần dùng trái Ha-lê-lặc để chữa trị. Nó là vị thuốc, nên lượm lại để dùng.

Xá-lợi-phất nói:

- Do một vật nhỏ lại khiến cho đồng phạm hạnh cơ hiềm đến như thế. Tốt hơn là quăng đi, mà đã quăng rồi thì có gì phải lượm lại?!

Các Tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

- Xá-lợi-phất, không những đời này hành động như vậy, mà thuở quá khứ cũng từng như vậy. Thuở ấy, có một con Hắc xà cắn một con bò nghé, rồi chui vào trong bông cây. Có một thầy chú thuật dùng thần chú “Cổ Dương” (dê đen) phù phép cho con rắn ra khỏi bông cây, nhưng Hắc xà không ra. Thầy chú thuật bèn đốt lửa trước con bò nghé để làm phép, hóa thành gió lửa bay vào trong bông cây đốt nóng con Hắc xà. Chịu không nổi sức nóng, Hắc xà bò ra khỏi bông cây. Con dê dùng sừng hất con rắn để trước mặt chú thuật sư. Chú thuật sư nói:

“Ngươi liếm lại nọc độc, bằng không ta quăng vào trong lửa”.

Hắc xà liền nói kệ:

*“Ta đã nhả độc này
Nhất định không liếm lại
Nếu có phải bị chết
Chăm dứt mạng này thôi!”*

Dứt khoát, Hắc xà không thu lại độc của mình, liền phóng vào lửa.

Đức Phật dạy:

- Lúc ấy là Hắc xà, nay là Xá-lợi-phất. Xưa kia chấp nhận cái chết khổ đau chứ không thu lại nọc độc, huống nay lại thu lượm lại thuốc đã vứt đi. Từ nay ta cho phép các Tỳ-kheo chứa thuốc để dùng trị bệnh.

Sự cất dành thuốc về sau có quy định mức độ.

---o0o---

VÀO NHÀ KHÔNG NHỚ LỐI RA ³¹²

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khát thực hơi đãng trí, lại không hệ niệm. Ngày nọ, đi khát thực, Tỳ-kheo vào trong nhà người, lại không nhớ lối ra. Đi tìm lối ra thì lại lạc vào một nơi có người đàn bà nằm ngửa, thân thể lỏa lồ. Tỳ-kheo thất kinh, vội vã thoát nhanh ra khỏi nhà không bằng cửa chính. Ngay lúc ấy, tình cờ người chủ nhà cũng vừa về, nhìn thấy nét mặt hốt hoảng, sợ hãi của Tỳ-kheo, sinh nghi ông này có hành động bất chính, người chồng vội chạy vào nhà trong, thì thấy bà vợ lỏa hình nằm ngửa, liền nghĩ ngay đến việc Tỳ-kheo kia tư thông với vợ mình. Ông ta chạy vội theo Tỳ-kheo, kêu:

- Đứng lại, ông đã làm việc “như vậy...”, “như vậy...” trong nhà tôi.

- Ông đừng nói lời đó. Pháp Tỳ-kheo chúng tôi không làm việc ác như vậy! - Tỳ-kheo trả lời.

Người chồng kia không tin, đánh cho Tỳ-kheo một trận thừa sống thiếu chết rồi tước đoạt y bát của Tỳ-kheo mới buông tha. Về đến Tăng phường, Tỳ-kheo kể chuyện cho các Tỳ-kheo nghe. Các Tỳ-kheo nghiêm khắc quả trách:

- Tại sao thầy không hệ niệm tại tiền? Vào trong nhà người ta mà không nhớ đường ra!.

Sự việc được bạch lên Phật, nhân đó đức Phật chỉ dạy Tỳ-kheo khát thực mọi oai nghi trước và sau khi đi khát thực. Bài học cần phải học.

---o0o---

MƯA SẠCH

Trong Tăng hội ấy, Xá-lợi-phất là bậc cao nhất, còn La-hầu-la là bậc thấp nhất. Ngày ấy, hai thầy trò thọ trai nơi nhà một đàn-việt nọ. Người thí chủ dùng canh nấu thứ váng sữa(sanh tô, thực tô)béo ngậy dâng cho Thượng tọa, còn loại canh bằng dầu cúng cho Thứ tọa. Hạ tọa như La-hầu-la thì cúng cho loại canh thừa thãi.

Sau khi thọ trai về, La-hầu-la đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Đức Phật hỏi La-hầu-la:

- Hôm nay ông ăn thức ăn như thế nào?

La-hầu-la liền nói kệ:

Người ăn dầu có sức

Người ăn tô có sắc

Ăn canh loãng xà bần

Không sức, huống là sắc.

Nói kệ xong, bạch Phật:

- Hôm nay, con ăn thứ canh loãng nấu với đồ thừa.

Sau đó, Xá-lợi-phất cũng đến chỗ Phật, đánh lễ xong rồi ngồi qua một bên, đức Phật hỏi:

- Hôm nay thầy ăn thức ăn thế nào?

- Thưa, con ăn thức ăn bằng váng sữa nấu canh. - Xá-lợi-phất đáp.

Đức Phật quở:

- Hôm nay thầy ăn thức ăn bất thiện. Tại sao Tỳ-kheo Thượng tọa ăn thức ăn bằng váng sữa, Trung tọa ăn thức ăn bằng dầu, Hạ tọa ăn thức ăn bằng đồ thừa?!

Xá-lợi-phất lặng thinh không trả lời, bèn vào chỗ vắng làm cho ói hết thức ăn ra và cương quyết không nhận đi thọ trai ở nhà đàn-việt nữa.

Đức Phật dạy:

- Từ nay, có người mời cơm, Thượng tọa nên nói với người chủ “Tất cả thức ăn đều cúng bình đẳng”.

---o0o---

ĐẦU PHẢI Ở A-LAN-NHÃ LÀ YÊN THÂN

Hồi ấy, Tỳ-kheo ở A-lan-nhã gặp phải nhiều nạn có thể mất mạng, cho nên đức Phật dạy Tỳ-kheo A-lan-nhã rất nhiều điều để thích nghi, để biết vận dụng sao cho được an ổn để tu hành. Ngài dạy Tỳ-kheo A-lan-nhã phải giỏi quán sát các hiện tượng. Cụ thể như:

- Tỳ-kheo A-lan-nhã nên khéo biết tướng bốn phương, khéo biết cơ nghi, khéo phân biệt tinh tú, biết thời tiết sớm muộn, biết nhớ ngày trong tháng, nửa tháng, cũng nên nhớ ngày tháng trong năm.

Biết tướng bốn phương có lợi ích gì? - Nếu biết tướng bốn phương, khi có giặc đến mới biết đường tránh.

Khéo biết cơ nghi thì khi có giặc đến nên tư duy: Chạy trốn hay nên ra rước, nên cung cấp, nên nói pháp, khéo vận dụng cơ nghi để tùy theo đó mà ứng dụng.

Khéo phân biệt tinh tú ban đêm có lợi ích là: biết đầu đêm tướng tinh tú như thế nào, giữa đêm và cuối đêm tướng tinh tú như thế nào. Biết được như vậy là biết giờ nào đi ngủ, giờ nào hành đạo. Nếu có giặc đến hỏi mới biết sớm muộn để trả lời. Nếu giặc bắt dẫn đi rồi thả về thì biết xem sao, xem hướng để trở về.

Khéo biết số ngày trong tháng, nửa tháng để biết ngày Bô-tát.

Khéo biết ngày tháng trong năm để biết mùa Xuân, biết còn bao nhiêu ngày nữa đến thời gian an cư. Trong khi an cư, biết còn bao nhiêu ngày nữa đến ngày Tụ tứ.

---o0o---

HỌ TỰ NHẬN MỚI KẾT TỘI ³¹³

Bấy giờ, đức Phật lưu trú tại nước Chiêm-bà, bên sông Hằng. Hôm ấy, nhằm ngày 15 Bô-tát, đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo kẻ trước người sau vây quanh, ngồi nơi đất trống. Ngài nhìn khắp trong chúng Tăng rồi im lặng định chỉ Bô-tát. Đầu đêm đã qua, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật đánh lễ sát chân, quỳ gối, chấp tay, bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn, đầu đêm đã qua, chúng Tăng ngồi đã lâu, cúi xin Ngài vì các Tỳ-kheo thuyết giới.

Đức Thế Tôn im lặng, A-nan trở về chỗ ngồi. Giữa đêm lại qua, A-nan lại bạch như vậy, đức Phật cũng im lặng. Cuối đêm, A-nan lại bạch:

- Tướng ánh sáng đã muốn xuất hiện, chúng Tăng ngồi đã quá lâu, cúi xin Ngài vì các Tỳ-kheo thuyết giới.

Đức Phật nói với A-nan:

- Chúng không thanh tịnh, Như Lai không thể nói giới.

Khi ấy, Mục-liên đặt thành vấn đề: “Nay trong chúng này, ai là người không thanh tịnh nên đức Thế Tôn mới nói lời như vậy?”, rồi bèn dùng Tha tâm thông quán sát khắp chúng, thấy một Tỳ-kheo ngồi gần đức Phật là phi Tỳ-kheo mà tự nói là Tỳ-kheo, phi Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, không tu phạm hạnh mà tự nói là tu phạm hạnh, thành tựu ác pháp, che giấu lỗi ấy, không bỏ tà kiến.

Mục-liên đứng dậy, đến trước Tỳ-kheo kia, nói:

- Đức Như Lai đã thấy thầy, thầy phải đi ra khỏi chỗ này gấp, đừng ngồi đây nữa.

Vừa nói dứt lời, Mục-liên nắm tay kéo đưa ra ngoài, rồi trở về ngồi lại chỗ cũ.

Đức Như Lai nói với Mục-liên:

- Nay Mục-liên! Lạ thật! Quái thật! Chưa từng có người như thế! Sao không dùng phương tiện nào khác để cho họ tự biết tội lỗi của mình, mà đến nỗi phải kéo tay họ ra ngoài? Mục-liên không nên làm như vậy!

Liên theo đó, A-nan lại đứng dậy, bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, trong chúng đã thanh tịnh, xin Ngài vì các Tỳ-kheo thuyết giới.

Đức Phật bảo A-nan:

- Từ nay các thầy tự cùng nhau nói giới. Ta không thể vì Tỳ-kheo mà nói. Vì sao vậy? Vì nếu trong chúng không thanh tịnh, mà Như Lai nói giới thì người phạm tội kia đầu họ bị bể làm bảy phần.

Đức Phật lại bảo A-nan:

- Biển cả có tám thứ chưa từng ở đâu có. Loài A-tu-la thường thích ở trong đây. Tám thứ ấy là gì? - Đó là:

1-Biển cả nước sâu từ từ.

2-Nước thủy triều không vượt quá giới hạn.

3-Không dung nạp tử thi.

4-Trăm sông đều đổ về biển.

5-Không có tên gọi riêng.

6-Vạn nguồn nước đổ vào biển mà nước biển không tăng, giảm.

7- Sản sinh ra trân châu, ma-ni, san hô, Lưu-ly, hà ngọc, vàng, bạc, pha lê, các châu báu, chúng sanh có thân hình to lớn đều ở trong đó.

8- Đồng một vị mặn.

Đó là tám thứ.

Chánh pháp của Ta cũng như vậy. Có tám thứ chưa từng có, các Tỳ-kheo đều cùng vui sống trong đó. Tám thứ đó là gì? Đó là:

1-Chế cấm từ từ, giáo giới từ từ, học hỏi từ từ.

2- Các đệ tử của ta đối với những giới đã chế cấm trọn đời không dám vượt qua.

3- Có tội thì bị loại ra ngoài.

4- Tất cả chúng tộc xuất gia đều bỏ tộc tánh riêng mà xưng là Sa-môn Thích tử.

5- Các thiện nam tử, thiện nữ nơn xuất gia phần nhiều đắ Vô-dư Niết-bàn mà không thêm bớt.

6-Có các pháp bảo như là Tứ niệm xứ cho đến Tám phần Thánh đạo, các pháp trợ đạo.

7-Có các đại nhân, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cho đến Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà hoàn quả ở trong chánh pháp.

8-Người nào ở trong đó thì đều được hưởng vị giải thoát.

Đó là tám thứ.

---o0o---

MỘT SÁNG KIẾN³¹⁴

Bấy giờ, tại nước Câu-xá-di có một ông Trưởng giả thấy pháp đắ quả, ông ta thường cung cấp vật thực cho các Tỳ-kheo. Ông có một người con và người chị của ông Trưởng giả cũng sanh một người con. Hai chị em thường cùng cúng dường Tỳ-kheo Trưởng lão A-thù. Ông Trưởng giả lúc gần lâm chung chỉ chỗ chôn giấu của báu cho Tỳ-kheo A-thù và nói:

- Sau khi con qua đời, trong hai đứa con cô cậu này, đứa nào có lòng tin kính Phật pháp và đối với các Tỳ-kheo thường không tiếc của cải thì Ngài chỉ chỗ chôn giấu của báu cho nó.

Sau lời trần trời này, ông Trưởng giả trút hơi thở cuối cùng.

Về sau, Tỳ-kheo A-thù xét thấy trong hai đứa nhỏ, thằg con ông Trưởng giả lại trở mặt, quay lưng với chánh pháp, còn người con của bà chị thì lại hết lòng tin kính Phật pháp nên Trưởng lão A-thù chỉ chỗ chôn giấu của báu kia cho con bà chị. Con ông Trưởng giả biết việc này, ức lắm, liền đến chỗ tôn giả A-nan hỏi:

- Thừa Tôn giả, thường tài sản của cha để lại thì ai là người được thừa hưởng?

- Người con được quyền thừa hưởng. - A-nan trả lời.

- Ấy thế, của báu của cha con cất giấu, Tỳ-kheo A-thù lại giao cho con của cô con. - Con ông Trưởng giả phân bua.

A-nan liền đến nói với A-thù:

- Tại sao của báu của cha người ta, thầy không giao cho người ta? Thầy chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử.

- Tôi là Sa-môn, là Thích tử. Chính tôi đủ tư cách y theo kinh, luật để phán quyết việc này. - A-thù trả lời.

- Việc này tự nó là như vậy, cần gì phải viện đến kinh, luật. - A-nan nói.

Khi ấy, các Tỳ-kheo Trưởng lão đều yểm trợ cho chủ trương của A-thù. Sự bất đồng giữa A-nan và A-thù càng lúc càng sâu hơn, kéo theo hai chúng A-nan và A-thù gay gắt chia rẽ nhau. Sự chia rẽ này kéo dài đến sáu năm. Cùng an cư trong một trú xứ mà không Bố-tát, Tự tứ được. Tiếng đồn khắp cả, lên đến tận trời Phạm thiên.

Bấy giờ, La-hầu-la du hóa nơi thành Ca-duy-la-vệ, các người nữ dòng họ Thích đều kéo nhau ra nghinh đón. Họ trình bày sự việc chia rẽ trên rồi than phiền:

- Tại sao đức Thế Tôn Nê-hoàn chưa bao lâu, chúng Tăng lại lún sâu trong chia rẽ, đến nay đã sáu năm. Chúng con mong muôn chúng Tăng hòa hợp lại, mà chẳng biết làm cách nào để có kết quả!

La-hầu-la nói:

- Tôi sẽ chỉ cho các cô cách làm hàn gắn đó. Cách thực hiện là như vậy: Tôn giả A-nan thế nào cũng đến đây. Trong thân tộc người nào có con nhỏ đều bồng theo để đón tiếp tôn giả. Khi ấy, các bà hãy đặt các hài nhi xuống đất, thế nào các cháu cũng khóc âm lên. Chắc tôn giả sẽ hỏi câu này: “Tại sao các bà không bồng các cháu lên?”. Các bà liền trả lời: “Con chúng tôi khóc, dĩ nhiên là chúng tôi đau lòng, nhưng không đau lòng bằng đức Thế Tôn mới Nê-hoàn bằng mai bằng chiều mà chúng Tăng không vui hòa với

nhau. Nếu Trưởng lão cùng với Trưởng lão A-thù hòa hợp thì chúng con mới bồng các cháu lên”. Các bà cứ thử thực hiện việc làm đơn giản như vậy, hy vọng sẽ có kết quả, chúng Tăng sẽ hòa hợp trọn vẹn.

Quả đúng như vậy, thời gian sau A-nan đến, 500 Thích nữ bồng các hài nhi ra đón và thực hiện đúng kịch bản của La-hầu-la. Khi các cháu thi nhau khóc lên, tôn giả liền hỏi:

- Tại sao không bồng các cháu lên?!

Các bà đồng thanh trả lời:

- Con chúng tôi khóc, dĩ nhiên là chúng tôi đau lòng... Nếu Trưởng lão cùng với Trưởng lão A-thù hòa hợp thì khi ấy chúng tôi mới bồng các cháu lên.

Tôn giả A-nan cảm thông được nỗi lòng của các bà, lại thương các hài nhi, nên nói:

- Chị em hãy bồng các cháu lên, tôi sẽ cùng với A-thù hòa hợp.

Tôn giả A-nan liền trở về họp chúng Tăng. Ưu-ba-ly hỏi A-nan:

- Tỳ-kheo không cho mà lấy có mấy hạng phi Sa-môn, phi Thích tử?

A-nan trả lời:

- Có ba hạng: Tự mình lấy, dạy người lấy, khiến sai người lấy.

Ưu-ba-ly hỏi A-thù:

- Thầy có tự lấy, có dạy người lấy, có khiến sai người khác lấy không?

A-thù trả lời:

- Không.

Ưu-ba-ly lại hỏi A-nan:

- Tỳ-kheo A-thù có lỗi gì?

- A-thù không có lỗi. Chính tôi là người có lỗi. - A-nan đáp.

Trước Tăng, A-nan đồng dục nói lớn:

- Chính tôi, A-nan có lỗi. A-thù không có lỗi.

A-nan bèn hướng đến A-thù sám hối để hòa hợp.

---o0o---

CŨNG MAY

Bấy giờ, Bạt-nan-đà với một người khách buôn cùng đi chung đường để hỗ trợ nhau, tránh sự cướp bóc. Khi đến trạm thuế, người khách buôn mượn cái dây của Bạt-nan-đà và kín đáo bỏ viên ngọc quý giá vào trong rồi trả dây. Bạt-nan-đà không hay biết, và khi qua lọt cửa thuế, người khách buôn đòi lại viên ngọc trong dây. Bạt-nan-đà nói:

- Tôi không có lấy ngọc của ông.

- Thật sự thầy không lấy ngọc của tôi, nhưng vừa rồi tôi mượn cái dây của thầy và bỏ viên ngọc vào đây. - Người khách buôn nói.

Bạt-nan-đà xem lại dây và lấy viên ngọc đưa cho người khách buôn. Bạt-nan-đà cứ nghi là mình phạm tội, khi về đến trú xứ bạch Phật, Phật dạy:

- Không phạm, nhưng phải hết sức cẩn thận. Nên xem kỹ lại dây khi đưa cho ai, rồi nhận lại. Nhất là khi qua các chỗ quan thuế.

---o0o---

THẾ TÔN LÀM CHỨNG

Bấy giờ, Tỳ-kheo Tỳ-la-trà-tur-ha bị bệnh ghê đến 500 mọt, lở loét, hôi thối, trông thấy rất ghê người. Tỳ-kheo ni Hoa Sắc cùng 500 Tỳ-kheo ni đến thăm. Hoa Sắc nhìn thấy cảnh ghê rợn này lại cười. Các Tỳ-kheo ni quở trách:

- Tại sao không có tâm lân mẫn, thấy Tỳ-kheo đau bệnh lại cười?! Thái độ như vậy là khinh khi người bệnh. Không tốt.

Hoa Sắc trả lời:

- Tỳ-kheo này đời quá khứ là một vị quốc vương, tên là Tỳ-kiệt-bà. Lúc ấy, tôi là đệ nhất phu nhân. Nhà vua đã cưỡng bức lấy 500 đồng nữ, phá hỏng cuộc đời của họ. Do nhân duyên ấy, vô số trăm ngàn vạn năm đọa vào địa ngục, bị khổ độc thiêu đốt, và dư báo đến hôm nay phải nhận 500 mọt ghê ghê tởm này.

Các Tỳ-kheo ni nghe thế, nói:

- Không có lý này!

Lại quở trách nặng nề Hoa Sắc, rằng:

- Tại sao Tỳ-kheo ni lại tự cho mình được pháp hơn người?!

Họ bạch Phật, Phật dạy:

- Tỳ-kheo ấy sự thật đúng như vậy và Hoa Sắc nói sự thật thì chẳng có gì là phạm.

--- o0o ---

PHẦN 10

DUYÊN KHỞI CỦA TÁM KINH PHÁP³¹⁵

Bấy giờ, đức Thế Tôn trở về Xá-di, chưa đến thành Ca-duy-la-vệ thì dừng lại. Ngài và chúng Tăng nghỉ dưới cây Ni-câu-loại³¹⁶.

Vua Tịnh-phạn hay tin, đưa đoàn tùy tùng ra nghinh đón. Cuộc gặp gỡ diễn ra đúng phong cách của người học trò đến cầu đạo. Nhà vua nghe pháp, đắc quả, thọ Tam quy, Ngũ giới rồi về lại bản vị.

Đứng trước sân hoàng cung, vua Tịnh-phạn ba lần tuyên lệnh: “Ai muốn xuất gia trong chánh pháp luật của Như Lai thì tùy nguyện”.

Ngày ấy, bà Cù Đàm di Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng 500 Thích nữ, kẻ trước người sau vây quanh đi đến chỗ Phật. Họ mang theo hai chiếc y, tự tay họ dệt. Khi đến nơi, họ kính lễ sát chân Phật, rồi dâng cúng y nhưng Phật từ chối, Ngài bảo bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề cúng cho Tăng. Sau ba lần một mực cúng cho Phật, đức Phật vì bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề nhận một y và một y cúng cho Tăng.

Sau khi cúng y, bà Cù-đàm di bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, xin cho người nữ xuất gia thọ Cụ túc giới trong chánh pháp của Như Lai.

Đức Phật dạy:

- Thôi, thôi! Đừng nên đề cập đến chuyện ấy. Tại sao vậy? Vì xưa kia các đức Phật đều không có người nữ xuất gia. Các người nữ tự mình nương nơi Phật, tại gia cạo đầu, mặc áo ca-sa, siêng năng tu hành thì cũng đắc đạo quả. Các đức Phật vị lai cũng như vậy. Nay Ta cho phép người nữ thực hiện con đường tu hành tại gia của mình.

Đến ba lần thưa thỉnh xin, đức Phật đều không chấp nhận. Bà Cù-đàm di khóc nức nở, đánh lễ lui ra.

Từ Ca-duy-la-vệ, đức Phật cùng đại Tỳ-kheo Tăng đông đủ 1.250 vị du hành nhân gian. Bà Cù Đàm di cùng 500 Thích nữ tự động cạo đầu cho nhau rồi mặc ca-sa, khóc kể, đi theo sau. Nơi nào đức Thế Tôn tá túc, họ cũng tá túc cạnh nơi đó.

Tuần tự du hành, đức Phật đến thành Xá-vệ trú ngụ trong tinh xá Kỳ-hoàn. Bà Cù Đàm đi cùng 500 Thích nữ đứng khóc bên ngoài cổng tinh xá. Sáng sớm, tôn giả A-nan đã thấy họ rồi. A-nan hỏi:

- Tại sao quý vị khóc?

- Bạch Đại đức, đức Thế Tôn không cho người nữ xuất gia thọ Cụ túc giới, nên chúng tôi buồn tủi khóc. Bây giờ xin tôn giả vì chúng tôi bạch đức Thế Tôn cho chúng tôi được toại nguyện. - Cù-đàm di thưa.

A-nan im lặng trở vào trong, đến chỗ Phật. Sau khi đánh lễ, A-nan trình bày lên Phật lời thiết tha của Cù Đàm di. Đức Phật giảng giải lý do như trước và từ chối. Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Khi đức Thế Tôn sinh ra được mấy ngày thì thân mẫu Ngài mạng chung. Cù-đàm di nuôi nấng Thế Tôn cho đến lớn khôn, cái ân như thế đâu phải nhỏ, tại sao Thế Tôn không báo đền?

Đức Phật nói:

- Cù Đàm di đối với Ta cũng có cái ân lớn. Bà nhờ Ta mà biết được Phật, Pháp, Tăng, lòng sanh chánh tín. Người nào nhờ Thiện tri thức, biết được Phật, Pháp, Tăng mà sanh lòng tin kính thì dù cho người ấy có đem y, thực, thuốc thang cúng dường trọn đời cho Thiện tri thức cũng không thể báo ân ấy được.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

- Người nữ xuất gia thọ Cụ túc giới có thể đắc bốn quả Sa-môn hay không, thưa Ngài?

- Có thể đắc chứng. - Đức Phật dạy.

- Nếu có thể đắc bốn đạo quả thì đâu có lý do gì Thế Tôn không cho họ xuất gia thọ Cụ túc giới? - A-nan thưa.

Đức Phật bảo:

- Thôi thì nay Ta cho phép Cù-đàm di thọ tám pháp “không được vượt quá”. Nếu được vậy thì xuất gia đắc giới Cụ túc. Tám pháp ấy là gì?

1- Tỳ-kheo ni nửa tháng phải đến chúng Tỳ-kheo cầu người giáo thọ.

1- Tỳ-kheo ni không nên an cư nơi không có Tỳ-kheo.

2- Khi Tỳ tứ, Tỳ-kheo ni phải đến chúng Tỳ-kheo thỉnh ba việc: Kiến, Văn, Nghi tội.

3- Thức-xoa-ma-na học giới 2 năm rồi, phải đến trước hai bộ Tăng thọ giới Cụ túc.

4- Tỳ-kheo ni không được mắng Tỳ-kheo, không được nói Tỳ-kheo phá giới, phá oai nghi, phá kiến.

5- Tỳ-kheo ni không được cử tội Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được chê trách Tỳ-kheo ni.

6- Tỳ-kheo ni phạm tội thô ác phải đến trước hai bộ Tăng hành Ma-na-đỏa nửa tháng. Hành Ma-na-đỏa nửa tháng rồi, phải đối trước hai bộ Tăng gồm 40 vị để cầu xuất tội.

7- Tỳ-kheo ni tuy thọ giới đã 100 năm vẫn phải đứng dậy nghinh đón Tỳ-kheo mới thọ giới.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, trở ra ngõ nói với Cù Đàm di:

- Bà hãy lắng nghe! Tôi nói lại lời đức Phật dạy.

Bà Cù Đàm di sửa lại y phục, từ xa vọng bái lễ đức Phật, quỳ gối chấp tay một lòng lắng nghe. Tôn giả nói lại tám pháp Phật dạy xong, Cù-đàm di nói:

- Cũng như thiếu niên nam nữ trong trắng, tự thỏa mãn vui sướng với tắm thân được tắm rửa sạch thơm, mặc áo mới; lại có người ân huệ đem đến trao cho tràng hoa Chiêm-bà³¹⁷, tràng hoa Bà-su³¹⁸, tràng hoa Ưu-bát-la³¹⁹, tràng hoa A-đề-mục-đa-già³²⁰. Những kẻ trai trẻ xinh đẹp kia vui mừng, hai tay đón nhận, rồi đội lên đầu. Nay tôi đón nhận giáo pháp của Thế Tôn đặt lên đỉnh đầu, nó cũng giống như vậy.

Cù-đàm di lại bạch với tôn giả A-nan:

- Xin tôn giả hãy vì tôi bạch lên đức Thế Tôn rằng: Tôi đã thọ nhận giáo pháp và đội lên đầu, nhưng tôi muốn xin một điều trong tám pháp là cho phép Tỳ-kheo ni, tùy theo lớn nhỏ kính lễ Tỳ-kheo, chứ tại sao Tỳ-kheo ni 100 tuổi lại kính lễ Tỳ-kheo mới thọ giới?!

Tôn giả ghi nhận và bạch lên Thế Tôn ý kiến này. Đức Phật bảo A-nan:

- Nếu Ta cho phép Tỳ-kheo ni, tùy theo lớn nhỏ kính lễ Tỳ-kheo thì điều này không thể xảy ra, bởi người nữ có năm điều trở ngại là: không làm Thiên Đế Thích, Ma Thiên Vương, Phạm Thiên Vương, Chuyển Luân Thánh Vương, Tam Giới Pháp Vương. Phải biết rằng: nếu không cho người nữ xuất gia thọ Cụ túc giới thì chánh pháp của Phật trụ thế 1.000 năm, nay cho họ xuất gia thì chỉ còn 500 năm. Cũng giống như nhà người nào đó, con gái nhiều, con trai ít thì biết nhà đó không bao lâu sẽ bị suy tàn.

Đức Phật bảo A-nan:

- Nếu người nữ không xuất gia thọ Cụ túc giới trong giáo pháp của Ta thì sau khi Ta Nê-hoàn, các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di sẽ đem bốn món cúng dường đi theo sau Tỳ-kheo, thưa: “Đại đức lân mẫn nhận sự cúng dường của con”. Nếu họ ra ngoài cửa ngõ gặp Tỳ-kheo thì mời vào nhà và thưa: “Đại đức đối với con có ân, xin mời Đại đức vào nhà con ngồi tạm để con được an lành”. Nếu họ gặp Tỳ-kheo trên lộ trình nào đó thì họ sẵn sàng xỏ đầu tóc xuống lau chân Tỳ-kheo, trải tóc ra mời Tỳ-kheo bước lên tóc mà đi. Nay cho người nữ xuất gia, các điều đó hầu như không còn nữa.

Tôn giả lắng nghe như thế, buồn đến rơi lệ, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Trước đây con không nghe, không biết chuyện như vậy, nên mới cần cầu xin cho người nữ xuất gia thọ giới Cụ túc. Nếu trước đây con được biết rõ vấn đề như thế thì đâu có ba phen cầu xin.

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

- Chớ nên khóc lóc làm chi. Ma che lấp sự sáng suốt của ông nên mới như thế! Nay Ta đã cho người nữ xuất gia thọ giới Cụ túc rồi, thì điều cần thiết là phải tùy thuận những điều chế cấm của Ta, không nên đi nghịch lại. Những gì Ta không chế cấm thì không được vọng chế.

Tôn giả A-nan lui ra, đến chỗ Cù-đàm di thuật lại đầy đủ lời đức Phật dạy. Bà Cù-đàm di lắng lòng nghe, rồi hoan hỷ phụng hành. Kể từ thời điểm ấy, bà trở thành người xuất gia thọ Tám Kinh Pháp, là thành giới Cù túc.

Cù-đàm di lại thưa với A-nan:

- Năm trăm Thích nữ này, bây giờ phải giải quyết như thế nào để thọ giới Cù túc? Nhờ tôn giả thưa hỏi giúp cho vấn đề này.

A-nan lại bạch Phật, Phật dạy:

- Cho phép Tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề làm Hòa thượng, đối trước chúng Tỳ-kheo 10 vị, bạch Tứ Yết-ma cho họ thọ giới Cù túc và mỗi lần Yết-ma chỉ cho ba người, không được quá.

Sau khi thực hiện việc thọ giới xong, Tỳ-kheo ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đưa 500 Tỳ-kheo ni đến đánh lễ tạ ơn đức Phật. Đức Phật lại dạy cận kề hơn về mọi sinh hoạt tu học, giống như đời sống tu hành của Tỳ-kheo và luôn luôn tuân thủ Tám Kinh Pháp.

---o0o---

NGŨ BÁCH KIẾT TẬP PHÁP TẠNG³²¹

Không lâu sau, khi đức Thế Tôn Nê-hoàn thì tại lầu các giảng đường, bên bờ sông Di Hâu, thuộc thành Tỳ-xá-ly, Đại Ca-diếp trước 500 Tỳ-kheo Tăng đều là bậc A-la-hán (chỉ trừ A-nan), nói:

- Trước đây tôi từ nước Ba-tuần³²² đến thành Câu-di³²³, khoảng chừng giữa hai nước, tôi nghe Phật Thế Tôn đã vào Niết-bàn, khi ấy lòng tôi mê loạn, không thể tự nhiếp phục được mình. Trong các xóm làng gần đây, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... có người quýnh quáng cả hai chân, có người nhảy khóc té nhào xuống đất. Không ai là không buồn rầu than khóc:

“Mau quá! Vội quá! Thế gian còn gì nữa?! Con mắt thế gian bị mất rồi!”.

Trong thời điểm ấy, Bạt-nan-đà³²⁴ cũng có mặt nơi này, nói với mọi người rằng:

“Lão già ấy (Đức Phật) thường nói: ‘Nên làm thế này, không nên làm thế kia’. Kể từ nay chúng ta mới thoát khỏi cái khổ đó, được làm theo ý muốn của mình, không bị ràng buộc. Tại sao các người lại cùng nhau khóc kể?’”

Tôi nghe lời nói ấy càng thêm ưu não cho sự cay độc này. Đức Phật tuy Nê-hoàn, nhưng Tỳ-ni còn đó, chúng ta nên cùng nhau ra sức kết tập lại, đừng để cho bọn Bạt-nan-đà biệt lập bè đảng phá hoại chánh pháp.

Các Tỳ-kheo đều cho đó là việc làm hay, bạch Ca-diếp:

- A-nan thường hầu Thế Tôn, là người thông tuệ, đa văn, thọ trì đầy đủ pháp tạng, nay nên cho phép A-nan tham dự hội kết tập này.

Ca-diếp nói:

- A-nan còn ở trong học địa³²⁵, hoặc tùy ái, nhuế, bố, si, úy... Không nên dung nạp ông ta kết tập chung với chư vị A-la-hán.

Bấy giờ, A-nan ở tại Tỳ-xá-ly ngày đêm thường thuyết pháp trước bốn chúng. Người lui tới thật rộn rịp như ngày còn Phật.

Trong lúc ấy, Tỳ-kheo Bạt-kỳ tọa thiền trên gác thượng, cũng bị náo loạn bởi kẻ tới người lui kia, nên không thể tu hành các Tam muội giải thoát, lại có suy nghĩ: “A-nan này ở trong học địa, có việc cần làm thì lại không làm, nói nhiều quá rơi vào nếp sống ồn ào, thật vô ích!”. Bạt-kỳ trong định lại nhìn thấy việc cần làm kia, bèn khởi lên suy niệm: “Nay ta nên nói pháp yêm ly, khiến cho A-nan nhân đó mà ngộ đắc”.

Bạt-kỳ liền đến chỗ A-nan nói kệ:

*Ngồi chỗ vắng dưới cây
Tâm hướng cõi Nê-hoàn
Nên thiền, đừng buông lung
Nói nhiều để làm gì?!*

Các Tỳ-kheo cũng nói với A-nan rằng:

- Ông nên tu gấp đi! Đại Ca-diếp nay muốn kết tập pháp Tỳ-ni, nhưng không cho ông tham dự.

A-nan nghe Tỳ-kheo Bạt-kỳ nói kệ, lại nghe tin Ca-diếp không cho ở trong túc số kết tập Tỳ-ni, A-nan như bưng tỉnh, bèn tập trung tu tập. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm siêng năng kinh hành, tư duy vọng cầu giải thoát, song vẫn chưa đạt sự chứng đắc. Đêm gần tàn, sau nhiều cố gắng, muốn nằm nghỉ một chút. Khi ngã lưng, đầu vừa chạm gối, A-nan hốt nhiên dứt sạch các lậu hoặc. A-nan cảm nhận được sự thực chứng của mình.

Biết được việc này, các Tỳ-kheo bạch lên Ca-diếp và có lẽ Ca-diếp cũng nhìn thấy sự chứng quả A-la-hán của A-nan. Ca-diếp chấp thuận lời đề nghị của các Tỳ-kheo nên A-nan được đưa vào túc số 500 vị A-la-hán kết tập Tỳ-ni.

Đối với Ca-diếp suy nghĩ nhiều hơn: “Nơi nào có đủ đồ ăn, thức uống, giường nằm, cũng như các phương tiện khác đủ để cung cấp cho việc kết tập Tỳ-ni này? - Thành Vương-xá, chỉ có nơi này mới đủ cung cấp mọi thứ”.

Ca-diếp liền tuyên cáo giữa Tăng:

- Năm trăm vị A-la-hán ở nơi đây nên đến thành Vương-xá an cư, ngoài ra không một người nào được đi theo.

Tuân thủ sự chỉ đạo này, 500 vị A-la-hán đến thành Vương-xá. Tháng đầu mùa Hạ, sửa chữa phòng xá và mọi tiện nghi khác. Tháng thứ hai du hý trong các thiền giải thoát. Tháng thứ ba, tập trung lại một chỗ thực hiện việc kết tập. Ngày ấy, trước Tăng Ca-diếp bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Nay tôi trước Tăng hỏi Ưu-ba-ly về nghĩa Tỳ-ni. Nếu bây giờ việc làm này là thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận thì đây là lời thưa của tôi trước Tăng.

Khi ấy, Ưu-ba-ly tác pháp bạch Tăng:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Nay tôi sẽ đáp lời Ca-diếp về nghĩa Tỳ-ni. Nếu bây giờ việc này đối với Tăng là thích hợp, Tăng chấp thuận thì đây là lời thưa.

Ca-diếp hỏi Ưu-ba-ly:

- Đức Phật chế giới đầu tiên ở tại chỗ nào?

Ưu-ba-ly đáp:

- Tại Tỳ-xá-ly.
 - Vì ai chế giới?
 - Vì Tu-đề-na, con của Ca-lan-đà.
 - Vì sao chế?
 - Cùng người vợ cũ hành dâm.
 - Có chế lần thứ hai không?
 - Có, vì có Tỳ-kheo cùng với con khỉ cái hành dâm.
 - Chế giới thứ hai ở chỗ nào?
 - Tại thành Vương-xá.
 - Vì ai chế giới này?
 - Vì Đạt-ni-ca.
 - Vì sao chế?
 - Vì trộm gỗ của vua Bình-sa.
- Ca-diếp lại hỏi
- Chế giới thứ ba ở chỗ nào?
- Ưu-ba-ly đáp:
- Tại Tỳ-xá-ly.
 - Vì sao chế?
 - Vì số đông Tỳ-kheo.
 - Vì việc gì chế?
 - Vì tự cùng nhau hại mạng.

- Giới thứ tư chế tại chỗ nào?
- Tại Tỳ-xá-ly.
- Vì ai chế?
- Vì các Tỳ-kheo ở sông Bà-câu-ma.
- Vì việc gì chế?
- Dối xưng được pháp hơn người.

Ca-diếp lần lượt hỏi tất cả các vấn đề Tỳ-ni như vậy rồi, ở giữa Tăng xướng:

- Đây là Tỳ-ni của Tỳ-kheo. Đây là Tỳ-ni của Tỳ-kheo ni. Hợp chung lại gọi là Tạng Tỳ-ni.

Ca-diếp lại bạch Tăng:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Nay tôi trước Tăng muốn hỏi A-nan về nghĩa Tu-đa-la³²⁶. Nếu bây giờ việc làm này là thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận thì đây là lời thưa.

A-nan cũng bạch Tăng:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay tôi sẽ đáp lời Ca-diếp về nghĩa Tu-đa-la. Nếu bây giờ việc trả lời là thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận thì đây là lời thưa.

Ca-diếp hỏi A-nan:

- Đức Phật nói kinh Tăng Nhất ở chỗ nào? Ngài nói kinh Tăng Thập³²⁷ ở chỗ nào? Kinh Đại nhân duyên³²⁸, kinh Tăng Kỳ-đà³²⁹, kinh Sa-môn Quả³³⁰, kinh Phạm động³³¹, những kinh nào Ngài vì Tỳ-kheo nói? Những kinh nào Ngài vì Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Thiên tử, Thiên nữ nói?

A-nan đều tùy theo xuất xứ Phật nói kinh, trả lời không một sai sót. Ca-diếp hỏi như vậy đối với tất cả Tu-đa-la rồi, giữa Tăng công bố:

- Đây là kinh dài, nay tập hợp làm một bộ, gọi là Trường A-hàm.

- Đây là kinh không dài, không ngắn, nay tập hợp lại thành một bộ, gọi là Trung A-hàm.

- Đây là kinh thuộc về những việc linh tinh, nhiều chủ đề, vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên tử, Thiên nữ nói, nay tập hợp lại thành một bộ, gọi là Tạp A-hàm.

- Đây là từ một pháp, tăng lên đến 11 pháp, tập hợp lại thành một bộ, gọi là Tăng nhất A-hàm.

- Ngoài ra, từ nhiều vấn đề được đề cập đến, nay tập hợp thành một bộ, gọi là Tạp tạng.

Gom chung lại tất cả gọi là Tạng Tu-đa-la.

Chúng ta đã kiết tập xong Pháp tạng. Từ nay về sau, những gì Phật không chế cấm thì không vọng chế, những gì Phật đã chế cấm thì không được trái phạm. Như lời đức Phật dạy, nên kính cẩn học tập.

A-nan lại bạch Ca-diếp:

- Tôi thân cận, nghe từ Phật nói: “Sau khi Ta Nê-hoàn, nếu muốn bỏ bớt những giới nhỏ thì cho phép bỏ”.

Ca-diếp liền hỏi:

- Ông muốn nói giới nào là giới nhỏ?

- Không biết. - A-nan đáp.

- Tại sao không biết? - Ca-diếp hỏi.

- Vì không hỏi đức Thế Tôn. - A-nan đáp.

- Tại sao không hỏi? - Ca-diếp nhấn mạnh.

- Khi ấy đức Phật mệt, nên tôi không dám phiền Ngài. - A-nan đáp.

Ca-diếp kết tội A-nan:

- Ông không hỏi nghĩa này, phạm tội Đột-kiết-la. Nên thấy tội mà tự sám hối.

A-nan thưa:

- Thưa Đại đức, không phải tôi không kính giới mà không hỏi nghĩa này. Chỉ vì sợ não động đức Thế Tôn nên không dám hỏi. Trong vấn đề này tôi không thấy tội tướng, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay tôi xin sám hối.

Ca-diếp lại kết tội A-nan:

- Ông vá áo Tăng-già-lê cho đức Thế Tôn, lấy ngón chân đạp lên áo, phạm Đột-kiết-la. Ông nên thấy tội và sám hối.

A-nan thưa:

- Không phải tôi không kính Phật, song vì không có ai cầm giúp, nên tôi phải dùng ngón chân kẹp lại. Trong vấn đề này, tôi không thấy tội tướng, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay tôi xin sám hối.

Ca-diếp lại gạn hỏi A-nan:

- Ông ba phen cầu thỉnh đức Thế Tôn cho người nữ xuất gia trong chánh pháp, phạm tội Đột-kiết-la. Nên thấy tội và sám hối.

A-nan thưa:

- Chẳng phải tôi không kính pháp, chỉ vì Ma-ha Ba-xà-ba-đề Cù Đàm di là người nuôi dưỡng đức Thế Tôn cho đến lớn xuất gia, đến thành đại đạo, công đức này phải báo đáp, nên tôi mới thỉnh cầu ba lần như vậy. Trong vấn đề này tôi không thấy tội tướng, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay tôi xin sám hối.

Ca-diếp lại hỏi A-nan:

- Đức Phật khi gần Nê-hoàn, hiện tướng nói với ông rằng: “Người có được bốn thứ thần túc, muốn sống ở đời một kiếp, hay hơn một kiếp đều có thể được.” Như Lai thành tựu vô lượng định pháp, Ngài hiện tướng nói với ông như vậy ba lần, ông không thỉnh Phật trụ thế một kiếp hay hơn một kiếp, phạm Đột-kiết-la. Ông nên thấy tội và sám hối.

A-nan thưa:

- Không phải tôi không muốn thỉnh Phật cử trụ tại thế gian, mà vì ma Ba-tuần che đậy lòng tôi, cho nên mới như vậy. Trong vấn đề này, tôi cũng không thấy tội tướng, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.

Ca-diếp lại gạn hỏi A-nan:

- Trước đây, đức Phật ba lần bảo ông đưa nước, ông không dâng nước cho Ngài, phạm Đột-kiết-la; cũng nên thấy tội mà sám hối.

A-nan thưa:

- Chẳng phải tôi không muốn dâng nước lên Phật. Do bởi khi ấy có 500 cỗ xe đi qua phía trên dòng nước, nước bị đục, chưa kịp lắng trong, tôi sợ Ngài uống vào không tốt nên không dâng. Đối với tôi việc này cũng không thấy tội tướng, nhưng vì kính tín Đại đức, nay xin sám hối.

Ca-diếp lại gạn hỏi:

- Ông cho phép người nữ kính lễ Xá-lợi³³² trước, phạm Đột-kiết-la, cũng nên thấy tội và sám hối.

A-nan thưa:

- Chẳng phải tôi muốn người nữ kính lễ Xá-lợi trước, mà sợ chiều tối vào thành không kịp. Do vậy, tôi cho phép họ kính lễ trước. Trong vấn đề này tôi không thấy tội tướng, nhưng vì kính tín Đại đức, nay tôi xin sám hối.

A-nan vì kính tín Đại Ca-diếp nên trước chúng Tăng tác pháp sám hối sáu tội Đột-kiết-la.

Ca-diếp lại nói với A-nan:

- Nếu chúng ta cho *Chúng học pháp* là giới nhỏ nhỏ, thì Tỳ-kheo khác lại nói Ba-la-đề-đề-xá-ni cũng là giới nhỏ nhỏ. Nếu chúng ta nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni là giới nhỏ nhỏ, thì Tỳ-kheo khác cũng nói Ba-dật-đề là giới nhỏ nhỏ. Nếu chúng ta nói Ba-dật-đề là giới nhỏ nhỏ, thì Tỳ-kheo khác cũng nói Ni-tát-kỳ ba-dật-đề là giới nhỏ nhỏ. Như vậy thành bốn ý kiến, làm sao quyết định được vấn đề?

Ca-diếp lại hỏi:

- Nếu chúng ta không biết giới tướng nào là nhỏ nhỏ mà vọng tưởng loại bỏ thì các ngoại đạo sẽ nói: “Sa-môn Thích tử, pháp của họ như khói mây. Khi thầy còn tại thế, những điều chế cấm đều phụng hành, nhưng khi thầy Nê-hoàn lại không chịu học tập gìn giữ”.

Ca-diếp giữa Tăng đọc tuyên ngôn:

- Chúng ta đã kết tập pháp xong, nếu những điều gì không được Phật chế cấm, không nên vọng chế; những điều đã chế cấm thì không được trái phạm. Như lời Phật dạy, nên kính cẩn học tập.

Bấy giờ, tỳ kheo Nam, trưởng lão Phú-lan-na cùng đệ tử dùng thân lực về thành Vương-xá, đến trước Ca-diếp, hỏi:

- Tôi nghe đức Phật Nê-hoàn, Tỳ-kheo Thượng tọa đều về đây thảo luận kết tập pháp Tỳ-ni, có thật như vậy không?

Ca-diếp trả lời:

- Có thật như vậy, thưa Đại đức.

- Đại đức có thể nói lại các vấn đề đã thảo luận được không? - Trưởng lão Phú-lan-na hỏi.

Ca-diếp liền trình bày lại các vấn đề đã kết tập. Và như để làm rõ hơn những nghi vấn, Phú-lan-na nói với Ca-diếp:

- Chính tôi nghe từ Phật dạy: “Được ngủ với thức ăn, nấu trong phòng, tự nấu, tự mang thức ăn đến người thọ, tự lấy trái cây để ăn, đến nơi ao nước lấy thức ăn, không có tịnh như tác tịnh trái cây, loại bỏ hột để ăn”.

Ca-diếp trả lời:

- Thưa Đại đức, bảy điều đó là khi đức Phật ở Tỳ-xá-ly, gặp lúc mất mùa đói khát, khát thực khó được, nên đức Phật quyền biến cho phép như vậy. Sau đó, cũng tại nơi đây lại chế cấm bốn điều, rồi đến Xá-vệ chế cấm ba điều nữa.

Phú-lan-na nói:

- Đức Thế Tôn không làm cái việc chế cấm rồi lại cho phép, cho phép rồi lại chế cấm!

Ca-diếp nói:

- Đức Phật là đấng Pháp vương, đối với pháp tự tại, chế cấm rồi lại cho phép, cho phép rồi lại chế cấm, đâu có lỗi gì?!

Phú-lan-na nói:

- Những điều khác, tôi chấp nhận. Còn đối với bảy điều này không thể thi hành.

Ca-diếp lại ở giữa Tăng đọc tuyên ngôn:

- Những gì Phật không chế cấm thì không nên vọng chế. Những gì Phật đã chế cấm, không nên trái phạm. Như lời Phật dạy, nên kính cẩn học tập.

Lúc bấy giờ, tại Câu-xá-di, Tỳ-kheo Xiển-đà xúc não chúng Tăng, không cùng hòa hợp. Có một Tỳ-kheo an cư rồi, đến chỗ Ca-diếp trình bày lại sự việc kia. Ca-diếp nói với A-nan:

³³³ - Thầy đến Câu-xá-di, dùng lời Phật, dùng lời Tăng tác pháp Phạm-đàn trị phạt Xiển-đà.

A-nan làm theo lời sai, cùng 500 Tỳ-kheo đến Câu-xá-di. Ngày đến, Xiển-đà ra nghinh đón, hỏi A-nan:

- Đến đây có việc gì? Chẳng lẽ muốn gây sự vô ích cho tôi ư?

A-nan nói:

- Vì muốn đem lại sự hữu ích cho thầy.

- Có ích cho tôi là thế nào? - Xiển-đà hỏi.

- Nay tôi sẽ dùng lời Phật, lời Tăng tác pháp Phạm-đàn trị phạt thầy. - A-nan đáp.

- Thế nào gọi là pháp Phạm-đàn? - Xiển-đà hỏi.

- Pháp Phạm-đàn là pháp mà các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di sẽ không tiếp xúc, qua lại, nói năng với thầy. - A-nan nói.

Nghe rõ ý nghĩa pháp Phạm-đàn này, Xiển-đà ngất xỉu, giãy lất tỉnh lại nói với A-nan:

- Đây chính là hình thức giết tôi vậy!

A-nan nói:

- Chính tôi nghe từ đức Phật: thầy sẽ từ tôi mà đắc đạo. Thầy hãy đứng dậy, tôi sẽ vì thầy nói pháp.

Sau khi lắng lòng nghe pháp, Xiển-đà từ đó đắc pháp, chứng quả.

Khi vân tập kết pháp Tỳ-ni, Trưởng lão A-Nhã Kiền-trần-như ngôi vị đệ nhất Thượng tọa. Trưởng lão Phú-lan-na đệ nhị Thượng tọa. Cù Đàm di đệ tam Thượng tọa. Đà-bà Ca-diếp đệ tứ Thượng tọa. Bạt-đà Ca-diếp đệ ngũ Thượng tọa. Đại Ca-diếp đệ lục Thượng tọa. Ưu-ba-ly đệ thất Thượng tọa. A-na-luật đệ bát Thượng tọa.

Vì con số tròn 500 vị A-la-hán tham dự kết tập, nên gọi là *Ngũ Bách Kiết Tập Pháp Tạng*.

---o0o---

THẤT BÁCH KIẾT TẬP PHÁP TẠNG³³⁴

Một trăm năm sau khi đức Phật Niết-bàn, tại thành Tỳ-xá-ly, các Tỳ-kheo Bạt-kỳ dựng nên 10 phi pháp:

- 1- Muối với gừng hợp chung lại để cách đêm, được phép ăn ³³⁵.
- 2- Lấy hai ngón tay xúc thức ăn, được phép ăn ³³⁶.
- 3- (Ăn rồi) ngồi trở lại, được phép ăn ³³⁷.
- 4- Hướng đến xóm làng, được phép ăn ³³⁸.
- 5- Tô(bơ), du(dầu), mật, thạch mật(đường phèn) hòa với lạc(cao sữa), được phép uống ³³⁹.

- 6- Rượu Các-lâu-già được phép uống³⁴⁰.
- 7- Làm tọa cụ lớn, nhỏ theo ý mình, được phép ngồi³⁴¹.
- 8- Quen theo nếp sống cũ là tịnh³⁴².
- 9- Cầu thỉnh là tịnh³⁴³.
- 10- Nhận cát vàng, bạc, tiền là tịnh³⁴⁴.

Với chủ trương như thế, các Tỳ-kheo Bạt-kỳ dùng bình bát đựng đầy nước, vào những ngày mùng tám, mười bốn, rằm trong tháng, tập hợp ngồi chỗ đông người, để bình bát trước mặt, cho đây là điềm lạnh, với mục đích xin người bố thí. Bảy giờ, già, trẻ, lớn, bé... người qua kẻ lại đều dừng xem. Các thầy chỉ vào bát, nói:

- Trong đây là điềm lạnh, có thể đặt vào đó: y, bát, giày, dép, thuốc thang...

Người muốn cho, bỏ vào đó rồi đi. Kẻ không muốn cho thì lại mỉa mai, chê trách:

- Sa-môn Thích tử không nhận cất giữ vàng, bạc và tiền; dù có người cho cũng không ghé mắt nhìn đến. Tại sao nay lại làm việc này để cầu xin sự bố thí?

Khi ấy, Trưởng lão Da-xá - con của Ca-lan-đà - trú ngụ tại lầu các giảng đường, bên sông Di Hâu, nói với các Tỳ-kheo rằng:

- Các thầy không nên cầu xin sự bố thí như vậy. Chính tôi nghe đức Phật dạy: “Nếu có người phi pháp cầu thí, và người thí cho kẻ cầu phi pháp, cả hai đều có tội”.

Trưởng lão Da-xá lại nói với các bạch-y nam, nữ, lớn, nhỏ:

- Các người đừng nên bố thí như thế! Chính tôi nghe từ đức Phật, Ngài dạy: “Nếu phi pháp cầu thí, hoặc thí cho người cầu phi pháp, cả hai đều có tội”.

Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ nhận được vàng, bạc, tiền rồi, họ nói với Da-xá rằng:

- Đại đức có thể nhận lấy phần này.

- Tôi không nhận phần do sự phi pháp cầu mà được. - Da-xá nói.

- Nếu không nhận cho mình thì ngài nhận cúng cho Tăng. - Các Tỳ-kheo bảo.

- Tôi đã không nhận, tại sao lại bảo tôi nhận cúng cho Tăng?

Thế rồi, các Tỳ-kheo đem việc Da-xá đã dạy bạch y lời như vậy là sự mạ nhục bạch y. Để kết tội xúc phạm này, các Tỳ-kheo trao cho Da-xá pháp Yết-ma Hạ Ý và yêu cầu Da-xá đến xin lỗi bạch y. Da-xá nói:

- Chính tôi nghe đức Phật dạy: Nếu Tăng trao cho pháp Yết-ma Hạ Ý thì nên sai một Tỳ-kheo cùng đi với tôi đến xin lỗi bạch y.

Các Tỳ-kheo liền bạch nhị Yết-ma, sai một Tỳ-kheo làm bạn đi với Da-xá. Vừa lúc đến thì cũng nhằm ngày 500 Ưu-bà-tắc tập trung lại sinh hoạt. Da-xá nói trước số đông này:

- Quý vị nên biết, đúng pháp tôi nói là đúng pháp, phi pháp tôi nói là phi pháp. Tỳ-ni tôi nói là Tỳ-ni, phi Tỳ-ni tôi nói là phi Tỳ-ni. Lời Phật dạy tôi nói là lời Phật dạy, chẳng phải lời Phật dạy, tôi nói chẳng phải lời Phật dạy. Trước đây, những gì tôi nói khiến Ưu-bà-tắc giận, nay tôi xin lỗi.

Các Ưu-bà-tắc rất ngạc nhiên trước lời xin lỗi này, đều thưa:

- Thưa Đại đức, lúc nào Đại đức cũng vì chúng con nói đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, làm sao chúng con lại có sự giận trách, phật lòng, mà nay Đại đức lại đi xin lỗi chúng con?! Tội chết!!

Da-xá nói với mọi người rằng:

- Thuở ấy, đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, nơi vườn Kỳ-vúc Am-la³⁴⁵. Bấy giờ, vua Bình-sa và các đại thần cùng tập hợp tại vương môn để thảo luận vấn đề như thế này: “Sa-môn Thích tử có nên nhận cất giữ vàng bạc, châu báu và sử dụng để mua bán?”.

Lúc ấy, trong số đông này, có đại thần Châu Kê, nói với mọi người rằng: “Đừng nên đề cập đến vấn đề này. Sa-môn Thích tử không nên nhận và cất giữ vàng bạc, châu báu hay sử dụng để mua bán”.

Sau đó, Châu Kế vội đến chỗ đức Phật vấn ý về điều đã nói trước đám đông: “Bạch Thế Tôn, ý kiến của con nêu ra như thế có đưa đến sự sai lầm nào không?”.

Đức Phật dạy: “Điều ông nói lên như vậy là đúng chánh pháp. Tại sao? Như Lai thường nói rõ vấn đề này rằng: Sa-môn Thích tử không nhận cất giữ vàng bạc, châu báu và sử dụng để mua bán”.

Vị đại thần Châu Kế bạch Phật: “Cúi xin đức Thế Tôn nên phổ biến cho mọi người biết rằng ý kiến của con là không nhầm lẫn”.

Đức Phật bảo: “Hay lắm!”.

Ngài lại dạy: “Giống như mặt trăng, mặt trời bị khói, mây, bụi trần, A-tu-la, bốn thứ này che khuất, nên không trong suốt sáng ngời; Sa-môn, Bà-la-môn cũng bị bốn thứ như vậy, nghĩa là: không đoạn ái dục, hành pháp dâm, hoặc đam mê ăn uống, không thể đoạn trừ, hoặc chuyên làm tà mạng để nuôi sống, hoặc nhận cất giữ vàng bạc, châu báu và sử dụng để mua bán. Nếu người nào cho ngũ dục là tịnh thì người ấy mới cho việc nhận cất giữ vàng bạc, châu báu và sử dụng mua bán là tịnh. Nếu người nào cho việc nhận cất giữ vàng bạc, châu báu và sử dụng vào việc mua bán là tịnh thì người ấy cho ngũ dục là tịnh. Nếu người nào nương theo Ta xuất gia thọ Cụ túc giới mà cho việc nhận cất giữ vàng bạc, châu báu và sử dụng vào việc mua bán là tịnh thì Ta cả quyết rằng: Người ấy không tin vào pháp, luật của Ta. Tuy Ta thường nói cần xe thì dùng xe, cần người thì dùng người, tùy theo sự nhu cầu đều cho phép dùng, nhưng hoàn toàn không được phép nhận cất giữ vàng bạc, châu báu và sử dụng nó để mua bán”.

Da-xá nói như vậy rồi, lại nói:

- Trước đây tôi nói đúng pháp chứ không phải phi pháp, đúng luật chứ không phải phi luật, đúng lời Phật dạy chứ chẳng phải phi lời Phật dạy, là lời Phật nói chứ không phải phi lời Phật nói.

Các Ưu-bà-tắc thưa:

- Chúng con đối với lời thầy dạy, nào đâu không tin tưởng, kính trọng? Hiện nay, nơi Tỳ-xá-ly này chỉ có Đại đức là Sa-môn Thích tử, cúi xin Đại đức nhận lời mời của chúng con ở lại đây để trọn đời chúng con được cúng dường tứ sự.

Da-xá xin lỗi các Ưu-bà-tắc, rồi cùng Tỳ-kheo sứ giả của Tăng trở về Tăng phường. Tỳ-kheo Bạt-kỳ hỏi Tỳ-kheo sứ giả:

- Tỳ-kheo Da-xá đã xin lỗi các Ưu-bà-tắc chưa?

- Bạch Đại đức, đã xin lỗi rồi, nhưng có điều là các bạch y đều tin theo lời nói của Tỳ-kheo Da-xá, họ cảm động nói rằng: “Hiện nay nơi Tỳ-xá-ly này chỉ có Đại đức là Sa-môn Thích tử”. Họ mời ở lại để trọn đời cúng dường tứ sự. Đối với chúng ta chẳng được lợi ích gì.

Tỳ-kheo Bạt-kỳ lại đem vấn đề trước đây Da-xá khuyên bảo các Tỳ-kheo là hình thức mạ nhục Tăng là phạm Ba-dật-đề. Họ nói:

- Thầy phải thấy tội để sám hối.

Tỳ-kheo Da-xá trả lời:

- Tôi không có tội, làm sao có thể thấy tội để sám hối.

Tỳ-kheo Bạt-kỳ liền tập hợp Tăng để trao cho Yết-ma không thấy tội. Thế là Da-xá liền dùng thần túc bay đến nước Ba-tuần³⁴⁶. Khi ấy, ở ấp Ba-lợi³⁴⁷ có sáu mươi Tỳ-kheo đều ở A-lan-nhã, đời sống với ba y và khát thực, thường mặc y phân tảo, ngồi nơi đất trống, đầy đủ Tam minh, Lục thông. Tất cả là đệ tử của A-nan, đồng loạt bay đến Tỳ-xá-ly. Gặp nhau trên không, Da-xá để y bát nơi hư không như để trên đất, chào hỏi sáu mươi Tỳ-kheo kia, trình bày rõ ràng mời điều phi pháp của Tỳ-kheo Bạt-kỳ và đề nghị:

- Thừa các Đại đức, chúng ta nên bàn thảo pháp Tỳ-ni với nhau để chấm dứt việc phi pháp kia, đừng để Tỳ-kheo Bạt-kỳ phá hoại chánh pháp.

Số đông Tỳ-kheo ấp Ba-lợi nhất trí muốn cùng nhau chấp dứt.

Lại có ba mươi Tỳ-kheo Tăng nơi ấp Ba-lợi cũng nhất trí như vậy và các vị cũng là đệ tử của A-nan.

Ở tại nước Ma Thâu La, Da-xá cùng với sáu mươi Tỳ-kheo lại gặp nhau cũng để bàn luận về vấn đề này, họ nói:

- Được ba mươi Tỳ-kheo ấy đồng tình với chúng ta, chắc chắn ác sự do Tỳ-kheo Bạt-kỳ bày ra kia sẽ bị tiêu diệt như pháp.

Nghị bàn như vậy rồi, họ cùng bay đến chỗ các Tỳ-kheo trên kia trình bày sự thống nhất diệt phi pháp. Các Tỳ-kheo ở đây đều nhất trí là muốn cùng nhau chấm dứt việc phi pháp đã xảy ra.

Lại có 30 Tỳ-kheo khác ở ấp Ba-lợi nghe sự việc và cũng biểu đồng tình như trên. Các vị ấy cũng là đệ tử của A-nan.

Tại ấp A-lạp-bê³⁴⁸, Da-xá cùng với chín mươi người cũng nghị bàn việc trên, rồi đến tận các nơi trình bày rõ sự việc như trên. Nơi nào, các Tỳ-kheo cũng đồng tình mong muốn chấm dứt điều phi pháp này.

Bảy giờ, Trưởng lão Tam-phù-đà³⁴⁹ ở trên núi A-hô³⁵⁰, Da-xá lại cùng 120 người cũng luận bàn việc trên, rồi đến tận các nơi ở đây nói rõ việc phi pháp như trên. Nơi nào cũng tán đồng muốn chấm dứt việc phi pháp ấy.

Bảy giờ, trưởng lão Ly-bà-đa ở thành Câu-xá-di được Từ tâm Tam muội, có đại quyền thuộc, Da-xá cùng với 121 vị bàn thảo với nhau sự việc trên, rồi cùng đi đến tận các nơi ở đây nói rõ việc phi pháp như trên. Ở đâu cũng tán đồng muốn chấm dứt việc ấy.

Bảy giờ, các Tỳ-kheo Bạt-kỳ nghe Da-xá đến chỗ Ly-bà-đa, nơi Câu-xá-di, họ bèn chở đầy cả thuyền y, bát và vật dụng cần thiết cho Sa-môn cũng đến Câu-xá-di, mục đích tìm cách mua chuộc, cầu cạnh sự yểm trợ. Trong thuyền, có người bạn với họ là Tỳ-kheo trì luật tên Sa-lan, tự nghĩ thầm: “Tỳ-kheo Bạt-kỳ có là như pháp không? Dựa vào kinh luật thì việc làm của họ không như pháp”.

Ngay lúc ấy, trong không trung có vị thần ba phen xướng rằng: “Việc làm của Tỳ-kheo Bạt-kỳ là phi pháp. Phi pháp như vậy... như vậy... đúng như chỗ nhận định của thầy”.

Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ đến Câu-xá-di, cùng nhau lên bờ, đến chỗ Trưởng lão Ly-bà-đa. Họ thưa:

- Chúng tôi có chở nhiều vật dụng cần dùng của Sa-môn, đến cúng dường cho ngài. Xin ngài nạp thọ.

Ly-bà-đa trả lời:

- Y, bát của tôi đầy đủ, khỏi cần thêm nữa.

- Nếu ngài không nhận nhiều thì xin nhận chút ít. - Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ nói.

- Y, bát của tôi đã đầy đủ rồi, không nên vì các thầy mà thọ để rồi trái với chánh pháp. - Ly-bà-đa đáp.

Ly-bà-đa có một người đệ tử tên là Đạt-ma, thường hầu hạ thầy. Năm được việc này, các Tỳ-kheo Bạt-kỳ bèn đến chỗ Đạt-ma nói:

- Tôi có các vật cần dùng của Sa-môn, nếu ông có thiếu thì cứ lấy dùng.

- Tôi đều có đủ, không thiếu thốn. - Đạt-ma đáp.

- Khi Phật còn tại thế, người ta đến cúng cho Phật, Ngài không nhận thì lại cúng cho A-nan. A-nan đều thọ. A-nan đã thọ tức Phật thọ.

Đạt-ma nghe thuyết phục như vậy, nên nhận một vật dụng, nhận rồi hỏi:

- Với ý gì mà quý vị lại buộc tôi nhận vật cúng của quý vị?

- Chúng tôi muốn ông thừa với Hòa thượng dùng uy tín yểm trợ chúng tôi, đừng để Da-xá phá hoại luật pháp của chúng tôi.

Nghe các Tỳ-kheo Bạt-kỳ nói rõ ý đồ, Đạt-ma bèn vì họ đến chỗ Hòa thượng thưa:

- Hòa thượng có thể yểm trợ cho Tỳ-kheo Bạt-kỳ.

Hòa thượng Ly-bà-đa dạy:

- Người ta làm việc phi pháp, tôi không thể yểm trợ họ được.

Đạt-ma lại thưa:

- Xin Hòa thượng cân nhắc kỹ điều đó.

- Nay ông khuyên ta yểm trợ kẻ phi pháp, tức chẳng phải đệ tử ta, từ nay đừng nên hầu hạ ta nữa, ta cũng không đề cập gì đến ông nữa. - Hòa thượng nói.

Đạt-ma xấu hổ, sợ sệt, đến chỗ các Tỳ-kheo Bạt-kỳ, bọn họ lại hỏi:

- Hòa thượng của ông đã đồng ý yểm trợ ý kiến của chúng tôi chưa?

- Không! Ai ngờ vì các ông mà tôi bị thầy quở trách, đã không nói đến tôi mà còn đuổi tôi đi nữa. - Đạt-ma đáp.

- Nay ông bao nhiêu tuổi? - Tỳ-kheo Bạt-kỳ hỏi.

- Hai mươi tuổi. - Đạt-ma đáp.

- Với tuổi của ông và với đức độ như vậy, đâu cần phải sợ không được tiếp xúc, nói năng và bị đuổi.

Trước sự việc như vậy, Trưởng lão Ly-bà-đa khởi lên ý nghĩ: “Nếu ta ở đây chấm dứt sự phi pháp kia, thì kẻ gây nên sự việc sẽ tìm cách phát động trở lại. Nay ta đến Tỳ-xá-ly để chấm dứt việc đó”.

Ngày ấy, Ly-bà-đa cùng với đại chúng, bao gồm cả chúng thành Tỳ-xá-ly lên đường đến thành này. Tại thành Tỳ-xá-ly, trước đó đã có Tỳ-kheo tên là Nhất-thế-khứ, đối với Sa-môn Thích tử của Diêm-phù-đề là bậc tối thắng Thượng tọa, chứng A-la-hán, Tam minh, Lục thông, cũng là đệ tử lớn nhất của A-nan. Lúc còn ở ngoài Tăng phường, Da-xá nói với Ly-bà-đa rằng:

- Ngài có thể đến phòng Thượng tọa Nhất-thế-khứ trải tọa cụ nghỉ đêm, nhân đó trình bày đầy đủ sự việc, sáng sớm ta cũng sẽ đến thăm hỏi Thượng tọa.

Mọi người đã đến Tăng phường, Thượng tọa Nhất-thế-khứ sửa soạn nước tắm và nước uống sau giờ ngộ. Ly-bà-đa một mình đến phòng Thượng tọa, trải tọa cụ nghỉ đêm. Ly-bà-đa trong đêm suy nghĩ: “Vị Thượng tọa Nhất-thế-khứ này già yếu mà vẫn còn siêng năng ngồi thiền thâm đêm, nay ta đâu được phép nghỉ ngơi”. Thượng tọa Nhất-thế-khứ cũng nghĩ suy: “Tỳ-kheo khách này đi đường mệt nhọc, lại bận cả việc tắm giặt mà còn tọa thiền hành đạo suốt đêm, sao ta lại có thể an tâm nằm nghỉ?!”

Hai vị tự sách tấn nhau mà suốt đêm tọa thiền. Đến cuối đêm, Nhất-thế-khứ hỏi Ly-bà-đa:

- Đêm nay phần nhiều thầy du hành nơi định nào?

- Bản tánh tôi nhiều lòng từ, đêm nay phần nhiều du hành nơi định ấy.

- Đây là thô định.

Nhất-thế-khứ lại hỏi:

- Thầy là A-la-hán phải không?

- Phải.

Ly-bà-đa lại hỏi:

- Đêm nay Thượng tọa phần nhiều du hành nơi định nào?

- Tánh tôi ưa không quán, đêm nay phần nhiều tôi du hành nơi đó.

- Đây là việc làm của bậc Đại nhân. Tại sao vậy? Vì Không Tam- muội là pháp của đại nhân.

Ly-bà-đa lại hỏi:

- Thượng tọa là A-la-hán phải không?

- Phải. - Nhất-thế-khứ đáp.

Đêm đã trôi qua, Tỳ-kheo Da-xá đến trước phòng, búng móng tay, Thượng tọa mở cửa, Da-xá vào thăm hỏi nhị vị Thượng tọa. Sau khi được thăm hỏi, Ly-bà-đa hỏi Nhất-thế-khứ:

- Muối với gừng hợp lại, để cách đêm có tịnh hay không?

Nhất-thế-khứ bảo:

- Việc này nên hỏi giữa Tăng. Nếu hỏi riêng, tôi sợ người phi pháp cho tôi là thiên vị, không chấp nhận tôi ở trong túc số những người luận pháp Tỳ-ni.

Sau đó, Ly-bà-đa liền tập hợp Tăng để bàn luận Tỳ-ni, nhưng vì lắm lời ồn ào nên bạch Tăng:

- Hôm nay cùng muốn luận pháp Tỳ-ni, nhưng vì lắm ồn ào nên không thể quyết đoán được. Chúng hai phía nên mỗi bên thỉnh cầu Tăng bốn vị để bạch Nhị yết-ma sai người chủ đoán sự.

Trước hết, Tỳ-kheo Bạt-kỳ thỉnh cầu bốn vị:

1-Nhất-thế-khứ.

2-Ly-bà-đa.

3-Bất-xà-tôn.

4-Tu-ma-na.

Bên Tỳ-kheo áp Ba-lợi cũng cầu thỉnh bốn vị:

1-Tam-phù-đa.

2-Sa-lan.

3-Trường-phát.

4-Bà-sa-lam.

Các Tượng tọa được Tăng sai rồi cùng nghị bàn: “Địa điểm nào rộng rãi, khoáng đạt, yên tịnh, có thể cùng nhau luận bàn pháp Tỳ-ni?”. Xem xét khắp nơi chỉ thấy ngôi vườn được người nữ Tỳ-la-da cúng là tốt nhất. Ly-bà-đa liền bảo Đạt-ma đến đó sửa soạn trải tòa. Khi Thượng tọa đến, ông tránh đi.

Đạt-ma vâng lệnh, đến trải tòa. Sau đó, các Thượng tọa đến theo thứ tự an tọa.

Hội nghị bắt đầu. Ly-bà-đa hỏi Thượng tọa Nhất-thế-khứ:

- Muôi hòa với gừng, để cách đêm có tịnh hay không?

- Không tịnh. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Điều này Phật chế cấm ở đâu? - Ly-bà-đa hỏi.

- Chế cấm tại thành Vương-xá. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Vì ai chế cấm? - Ly-bà-đa hỏi.

- Nhon một Tỳ-kheo A-lan-nhã. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Phạm việc gì? - Ly-bà-đa hỏi.

- Phạm Túc thực Ba-dật-đề. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Đây là pháp, là luật, là lời Phật dạy. Việc làm của Tỳ-kheo Bạt-kỳ là phi pháp, phi luật, chẳng phải lời Phật dạy.

Ly-bà-đa nói xong ra lệnh rút một thẻ. Ly-bà-đa lại hỏi:

- Hai ngón tay xúc thức ăn để ăn, có tịnh hay không?

Thượng tọa Nhất-thế-khứ hỏi lại:

- Hai ngón tay xúc thức ăn là thế nào? Tịnh không?

Ly-bà-đa nói:

- Tỳ-kheo ăn xong rồi lại được ăn trở lại thì dùng hai ngón tay xúc thức ăn để ăn..

- Không tịnh. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Điều này chế cấm ở đâu? - Ly-bà-đa hỏi.

- Tại thành Vương-xá. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Vì ai chế cấm? - Ly-bà-đa hỏi.

- Vì Bạt-nan-đà. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Phạm việc gì? - Ly-bà-đa hỏi.

- Phạm không làm pháp tàn thực mà ăn, Ba-dật-đề. - Nhất-thế-khứ đáp.

Ly-bà-đa nói:

- Đây là pháp... đến chẳng phải lời Phật dạy.

Ly-bà-đa ra lệnh rút thẻ thứ hai.

- Ngồi trở lại ăn, hướng đến xóm làng được phép ăn, cũng như vậy.

Ly-bà-đa ra lệnh rút thẻ thứ ba, thứ tư.

Ly-bà-đa lại hỏi:

- Tô, du, mật, thạch mật hòa với lạc uống, tịnh hay không?

Nhất-thế-khứ hỏi lại:

- Tô, du, mật, thạch mật hòa với lạc được uống là thế nào?

Ly-bà-đa nói:

- Là uống phi thời.

- Không tịnh. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Chế cám điều này ở đâu? - Ly-bà-đa hỏi.

- Tại thành Xá-vệ. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Vì ai chế? - Ly-bà-đa hỏi.

- Vì Ca-lưu-đà-di. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Phạm việc gì? - Ly-bà-đa hỏi.

- Phạm phi thời thực, Ba-dật-đề. - Nhất-thế-khứ đáp.

Ly-bà-đa nói:

- Đây là pháp... đến chẳng phải lời Phật dạy.

Ly-bà-đa ra lệnh rút thẻ thứ năm.

Ly-bà-đa hỏi:

- Rượu Xà (các)-lâu-già tịnh hay không?

Thượng tọa Nhất-thế-khứ hỏi lại:

- Rượu Xà-lâu-già là như thế nào?

Ly-bà-đa nói:

- Gây men rượu mà chưa chín nồng.
- Không tịnh. - Nhất-thế-khứ đáp.
- Chế cấm điều này ở đâu? - Ly-bà-đa hỏi.
- Tại Câu-xá-di. - Nhất-thế-khứ đáp.
- Vì ai chế? - Ly-bà-đa hỏi.
- Vì Sa-kiệt-đà. - Nhất-thế-khứ đáp.
- Phạm việc gì? - Ly-bà-đa hỏi.
- Uống rượu, Ba-dật-đề. - Nhất-thế-khứ đáp.

Ly-bà-đa nói:

- Đây là pháp, là luật... (cho đến) chẳng phải lời Phật dạy.

Ra lệnh rút thẻ thứ sáu.

Ly-bà-đa hỏi:

- Làm tọa cụ lớn nhỏ theo ý mình, tịnh hay không?
- Không tịnh. - Nhất-thế-khứ đáp.
- Chế cấm điều này ở đâu? - Ly-bà-đa hỏi.
- Tại thành Vương-xá. - Nhất-thế-khứ đáp.
- Vì ai thế? - Ly-bà-đa hỏi.
- Vì Ca-lưu-đà-di. - Nhất-thế-khứ đáp.
- Phạm việc gì? - Ly-bà-đa hỏi.
- Phạm Ba-dật-đề. - Nhất-thế-khứ đáp.

Ly-bà-đa nói:

- Đây là pháp... (cho đến) chẳng phải lời Phật dạy.

Ra lệnh rút thẻ thứ bảy.

Ly-bà-đa hỏi:

- Quen nếp sống trước, tịnh hay không?

Thượng tọa Nhất-thế-khứ hỏi lại:

- Quen theo nếp sống trước là thế nào?

Ly-bà-đa nói:

- Quen theo việc làm khi còn là bạch y.

Thượng tọa Nhất-thế-khứ nói:

- Hoặc có thói quen có thể chấp nhận, hoặc có thói quen không thể chấp nhận.

Ly-bà-đa nói:

- Đây là pháp... (cho đến) chẳng phải lời Phật dạy.

Ra lệnh rút thẻ thứ tám.

Ly-bà-đa hỏi:

- Cầu thỉnh, tịnh hay không?

Thượng tọa Nhất-thế-khứ hỏi lại:

- Cầu thỉnh là thế nào?

Ly-bà-đa nói:

- Tác pháp Yết-ma riêng, sự việc đã rồi mới cầu người khác cho phép.

- Không tịnh. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Điều này cắm ở đâu? - Ly-bà-đa hỏi.

- Tại nước Thiêm-bà. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Vì ai cắm? - Ly-bà-đa hỏi.

- Vì Lục quần Tỳ-kheo. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Phạm việc gì? - Ly-bà-đa hỏi.

- Tù theo việc Yết-ma. - Nhất-thế-khứ đáp.

Ly-bà-đa nói:

- Đây là pháp... (cho đến) chẳng phải lời Phật dạy.

Ra lệnh rút thẻ thứ chín.

Ly-bà-đa hỏi:

- Nhận cát giữ vàng, bạc, tiền, tịnh hay không?

- Không tịnh. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Cắm điều này ở đâu? - Ly-bà-đa hỏi.

- Tại thành Vương-xá. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Nhân ai phạm mà chế? Ly-bà-đa hỏi.

- Vì Nan-đà, Bạt-nan-đà. - Nhất-thế-khứ đáp.

- Phạm việc gì? - Ly-bà-đa hỏi.

- Phạm nhận cát giữ vàng, bạc và tiền, Ni -tát-kỳ-ba-dật-đề.

Ly-bà-đa nói:

- Đây là pháp... (cho đến) chẳng phải lời Phật dạy.

Ra lệnh rút thẻ thứ mười.

Hỏi đáp mười vấn đề xong, tám vị Thượng tọa cùng nhau trở lại tập hợp Tăng. Ly-bà-đa đối diện trước đại chúng hỏi lại từng vấn đề một như đã hỏi Thượng tọa Nhất-thế-khứ, lần lượt rút thẻ thứ nhất đến thẻ thứ mười. Để kết thúc vấn đề, Ly-bà-đa đọc tuyên ngôn:

- Chúng ta đã luận bàn Tỳ-ni xong, bởi thế những gì Phật không chế cấm, không được vọng chế. Những gì đức Phật đã chế cấm thì không được trái phạm. Như lời đức Phật dạy, phải kính cẩn học tập.

Lúc bấy giờ, chúng Tỳ-kheo luận pháp Tỳ-ni bao gồm:

- Đệ nhất Thượng tọa là Nhất-thế-khứ, 136 hạ lạp.
- Đệ nhị Thượng tọa là Ly-bà-đa, 120 hạ lạp.
- Đệ tam Thượng tọa là Tam-phù-đa, 110 hạ lạp.
- Đệ tứ Thượng tọa là Da-xá, 110 hạ lạp.

Con số A-la-hán tham dự tròn 700 vị, nên gọi là *Thất bách kiết tập Pháp tạng*³⁵¹.

--- oOo ---

PHỤ TRƯỞNG

Có **Chơn Không** thì có **Diệu Hữu**. Trong kinh Lăng Già, đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Đại Tuệ: “Suốt 49 năm, Ta không nói một lời”, đó là Chơn Không. Còn Tam tạng Thập Nhị Bộ Thánh Giáo gồm trên dưới 150 triệu chữ, hiện đang lưu hành, đây là Diệu Hữu.

Theo tinh thần trên, chúng tôi trân trọng ghi lại đây những văn bản đầu tiên của vấn đề phiên dịch **Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam** này, ngõ hầu hậu thế tiện việc sưu tầm tư liệu.

1- Thư đầu tiên, thầy Đồng Minh gửi đến thầy Như Bửu (do Nguyên Lượng mang qua), thư đề:

“Nha Trang, 2-7-2001

... Sau đây, tôi nhờ thầy và tất cả anh em giúp tôi điều này: Hiện nay, tại tỉnh Khánh Hòa có 14 Tăng Ni sinh mãn cấp Cử-nhân Phật-học, trong đó có một số cũng học xong Đại học Hán-Nôm và Đại học Anh-văn. Ngoài ra, có các vị đang học Thạc-sĩ và Tiến-sĩ ở nước ngoài sắp về. Tôi muốn quy tụ

anh em lại để họ dịch những giáo lý từ Hán-văn và Anh-văn thành Việt-văn, mục đích làm giàu cho Phật Giáo Việt Nam và Văn Hóa Việt Nam, mà không có phương tiện. Vậy, tôi viết thư này để xin ý kiến thầy và tất cả anh em bên này - nếu được - cho tôi xin mỗi anh em và mỗi Hội viên của Hội Cư sĩ Học Phật..., mỗi tháng một Mỹ-kim (hay nhiều hơn cũng tốt), rồi giao cho Nguyên Lượng chuyển về tôi, để thực hiện công tác Phật sự trên. Đây là việc làm trường kỳ, chứ không phải như cứu trợ bão lụt... Thầy và anh em đặt kế hoạch thế nào cho được thường xuyên, không bị gián đoạn. Hiện nay có 14 vị, tôi dự tính cúng dường mỗi vị một tháng 30 Mỹ-kim, tức tương đương với trên 400.000 đồng Việt-Nam để bồi dưỡng; và bút chỉ, vi tính, photocopy... tổng cộng độ 500 Mỹ-kim mỗi tháng là được...”

2- Thư thầy Như Bửu hồi âm cho thầy Đồng Minh, thư đề:

“San Diego, 25-11-2001

... Việc Hòa-thượng giao anh em góp phần vào việc phiên dịch kinh sách, anh em họ muốn biết thời gian bao lâu? Để anh em toan liệu...”

Ngày 22-12-2001 này, tôi sẽ có dịp gặp một số anh em - tiền thân là Tăng sinh Phật Học Viện Nha-Trang - tôi sẽ trình bày thư Hòa-thượng để tham khảo ý kiến anh em. Sau đó, tôi sẽ báo kết quả về Hòa-thượng rõ.

Số tiền mỗi tháng 500 Mỹ-kim góp phần công đức Phật sự này, tôi nghĩ: anh em sẽ cố gắng được. Nhưng họ cũng muốn biết thời gian bao lâu thì Phật sự này có thể hoàn tất?...

3- Thư thầy Đồng Minh gửi thầy Như Bửu, thư đề:

“**Nha-Trang, 14-12-2001 (30-10 Tân Tỵ)**

*... Theo chương trình dịch thuật của tôi, thì trước hết, tôi định giao cho anh em dịch bộ **Hiện Đại Phật Giáo Học Thuật Tùng San**, gần 100 quyển, do Ngài Trương Mạn Đàm chủ biên và những tác phẩm Anh-văn nói về Phật Giáo. Sau đó, dịch bộ **Thái Hư Toàn Thư** và bộ **Ấn Thuận Toàn Thư...** Tôi nghĩ: “Những bộ sách này, các Ngài đã “tiêu hóa” từ Tam Tạng để viết ra, cho nên nó vừa khế cơ, khế lý, khế thời và khế xứ (Đông Nam Á). Tôi định dùng cái tên là **Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam** để gọi những tác phẩm phiên dịch này. Ý thầy và anh em nghĩ sao? Ngoài ra, tôi giao cho Giác Tuệ và Phước Thắng (tức Sơn) soạn thuật lại những mẫu chuyện duyên khởi đức Phật thuyết 250 giới cho Tăng và 348 giới cho Ni, trong Đại Tạng Luật mà tôi đã dịch, như chuyện cổ Phật Giáo.*

Hôm trước, tôi định đưa 14 anh em Tăng Ni sinh quy tụ về hai địa điểm, một dành cho Tăng, một dành cho Ni, để phiên dịch cho tiện, nhưng anh em họ lại đề nghị: Ở trú xứ nào thì làm việc tại trú xứ ấy, cần tra tự điển thì đến Thư viện để tra, cần trao đổi những điều cần thiết thì ấn định

thời gian để gặp nhau trao đổi. Do vậy, tôi quy định mức cúng dường để anh em bồi dưỡng là cứ mỗi 1.000 chữ, người dịch là 60.000 đồng, người xem lại là 20.000 đồng, đánh vi tính và photocopy là 20.000 đồng. Như vậy, cứ 1.000 chữ là 100.000 đồng Việt Nam. Bên này, nếu anh em nào rảnh mà có thể làm được thì xin mời tham gia. Đây là “Pháp cúng dường” cho tòa nhà Phật Giáo Việt Nam, là vấn đề xương máu của người con Phật!...

Tài bút: Trung Quốc đầu tư vào việc phiên dịch Tam Tạng đến 800, 900 năm. Việt Nam bắt đầu làm việc này chưa được 100 năm. Hiện nay Trung Quốc có Đại Tạng, Tục Tạng và Tục Tục Tạng, gồm trên 500 tập, mỗi tập 1.000 trang. Việt Nam mình mới có 25 tập, mỗi tập 500 trang. Những thứ tôi sắp dịch đây là Tục Tục Tạng.

Tục Tục Tạng mà chúng tôi dự tính dịch đây, gồm 250 tập. Chuyển ngữ thành Việt Văn phải mất thời gian lâu. Tôi mạn phép đề nghị với thầy, nếu được, với danh nghĩa “Hội Cư sĩ Học Phật”, thầy thành lập **Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam**. Tài chánh có được gửi vào Ngân hàng, lấy tiền lãi đó, tuần tự thầy cho chuyển về Việt Nam, Tăng Ni Việt Nam nhận lấy trách nhiệm phiên dịch, hết đời này đến đời nọ. Đây là món cúng dường tối thắng, tuy là hữu lậu nhưng để đi đến vô lậu...

4- Thư của thầy Đức Hạnh hướng dẫn lên phương án dịch thuật, thư đề: “San Diego, 10-12-2001

... Sau đây con xin thông báo cho Hòa thượng được rõ 5 việc:

- Một, vấn đề các thầy và Hòa thượng dịch thuật Kinh, Luật, Luận tại quê nhà đều phải được có tịnh tài bồi dưỡng sức khỏe và dụng cụ làm việc. Vấn đề lưu truyền Phật pháp là điều cần thiết, nên tất cả Tăng, Ni, Cư sĩ đều phải tích cực ủng hộ tịnh tài. Do vậy, con đề nghị với Hòa thượng: Hòa thượng viết cho một văn thư nói về sự dịch thuật Kinh, Luật, Luận... có chữ ký của Hòa thượng rõ ràng.

- Hai, thống kê Kinh, Luật, Luận... có chữ ký của Hòa thượng sẽ dịch...

- Ba, số người (chư Tăng và Cư sĩ sẽ tham gia việc dịch thuật.

- Bốn, thời gian làm việc...

- Năm, thời gian 6 tháng hay một năm đúc kết (gọi là cái móc)... Hòa thượng gửi qua cho thầy Như Bửu và cho con một bản... Con xin nói rõ là rất dễ, không khó đâu!...

5- Thư thầy Đồng Minh gửi thầy Như Bửu, Hội đồng chỉ đạo Tổng Hội Cư sĩ Phật Giáo, cùng các anh em trong Tổng hội Cư sĩ Phật Giáo, thư đề:

“**Nha-Trang, 29-12-2001**

... Đề:

- **Pháp Tạng tiếng Việt được phong phú.**

- Phật tử Việt Nam được đọc lời Phật dạy bằng tiếng mẹ đẻ.
- Kho tàng văn hóa của dân tộc ta được giàu mạnh.
- Phát triển trình độ Văn hóa Phật Học của Tăng Ni và Cư sĩ Việt Nam.
- Giao lưu giữa Phật tử trong nước và ngoài nước trong tinh thần giáo lý của đức Phật.

Tôi tập hợp được một số Tăng Ni, Cư sĩ có đạo tâm, có trình độ, chuyên lo dịch thuật Pháp Tạng.

Sau đây là những chi tiết dự trù cho công tác dịch thuật Pháp Tạng:

a) Tên và số lượng kinh sách sẽ dịch:

- *Hiện Đại Phật Giáo Học Thuật Tùng San*: 100 quyển, mỗi quyển độ 500 trang.
- 90 đề tài do Ngài Tinh Vân giảng: độ 900 trang.
- *Bộ Thái Hu Toàn Thư* và *bộ Ấn Thuận Toàn Thư*: khoảng 100 tập, mỗi tập khoảng 500 trang.
- Một số tác phẩm Anh ngữ *Phật pháp*.

b) Số người tham gia dịch thuật:

- Tăng : 8 vị
- Ni : 4 vị
- Cư sĩ : 2 vị
- Tổng : 14 vị

c) Thời gian dịch thuật:

- Hàng tuần: do người dịch sắp xếp thời gian thuận tiện tại trú xứ của họ.
- Sáu tháng: Kiểm điểm sơ kết.
- Một năm: Tổng kết một giai đoạn.

d) Tịnh tài bồi dưỡng trong một tháng:

- Một chữ Việt: 100 đồng VN (Người dịch 60 đồng, Chứng nghĩa và đọc lại 20 đồng, Vi tính và Phôtô 20 đồng).
- Một tháng thực hiện được 70.000 chữ Việt.
- Tịnh tài bồi dưỡng người dịch, chứng nghĩa, đọc lại, vi tính, phôtô trong một tháng: 70.000 chữ Việt x 100 đ VN = 7.000.000 đồng VN.
- Tịnh tài bồi dưỡng người ghi chép, tổng hợp: 300.000 đồng VN.
- Tịnh tài chi phí bất thường: 200.000 đồng VN.
- Tổng số tịnh tài cần sử dụng trong một tháng: **7.500.000 đồng VN.**

6- Fax của thầy Đức Hạnh gửi thầy Đồng Minh, Fax đề:

“San Diego, 10-3-2002

*Kính bạch Hòa thượng,
Hôm nay, 10-3-2002, con đang ở tại Tổng hội Cư sĩ, trên vùng Quận Cam, để dự Đại hội Cư sĩ. Ngày hôm qua, 9-3-2002, anh em chúng con đã họp về vấn đề dịch Pháp Tạng của Hòa thượng. Sau lời của thầy Như Bửu trình bày chi tiết và ý kiến của anh em, Phật sự đã được đúc kết: Quảng Thành làm Tổng thư ký, Nguyễn Phương làm thủ quỹ, còn lại đều là thành viên. Tất cả đều theo ý mong muốn của Hòa thượng. Sơ khởi, ngày 25-3-2002 này, Nguyễn Phương sẽ phụ trách gửi đúng số lượng như trong chương trình của Hòa thượng đã đề ra. Như vậy, Hòa thượng và quý thầy bắt đầu vào việc, từ 1-4-2002.*

---o0o---

BIÊN BẢN HỌP BAN PHIÊN DỊCH PHÁP TẶNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM

* **Địa điểm:** Tại Hội trường Trường Trung cấp Phật học Khánh Hòa (Thành phố Nha Trang)

* **Thời gian:** Lúc 14 giờ ngày 1-4-2002, nhằm ngày vía đức Quán Thế Âm (19-2 Nhâm Ngọ)

* **Hiện diện gồm:**

- Hòa thượng Thích Đồng Minh.

- Thượng tọa Thích Minh Thông

Cùng với 21 Tăng Ni sinh tốt nghiệp các trường Cao cấp Phật học, nay là Học viện Phật giáo (tức Đại học Phật giáo) Thành phố Hồ Chí Minh và Huế, do Hòa thượng Thích Minh Châu và cố Kỳ túc Hòa thượng Thích Thiện Siêu làm Hiệu trưởng. Trong số này gồm cả 5 vị tốt nghiệp khóa Hán-Nôm nâng cao (khóa này được mở tại Quảng Hương Già Lam do Tiến sĩ Lý Kim Hoa - Nguyễn Hồng - làm Hiệu trưởng) và tốt nghiệp Cử nhân Anh văn tại các trường Đại học Quốc gia.

Tham dự còn có 66 Tăng sinh và 52 Ni sinh của trường Trung cấp Phật học Khánh Hòa.

Về phía Cư sĩ có đạo hữu Giác Tuệ và Phước Thắng.

* **Chủ tọa cuộc họp:** Hòa thượng Thích Đồng Minh.

* **Thư ký:** Đạo hữu Phước Thắng.

Mở đầu cuộc họp là niệm Phật cầu gia bị và tụng bài kệ khai kinh.

Thư ký đọc chương trình cuộc họp, gồm:

I. - Lời nói đầu của Hòa thượng Thích Đồng Minh.

II. - Nêu rõ duyên khởi dẫn đến hình thành Ban phiên dịch.

III. - Công bố thành phần Ban phiên dịch và các chức năng điều hành.

IV. - Góp ý chung. Trả lời các vấn đề đặt ra, nếu có.

V. - Linh tinh.

Cụ thể từng nội dung như sau:

I. - Hòa thượng Thích Đồng Minh nói:

“Một lịch sử 2.000 năm Phật Giáo Việt Nam có nhiều điểm son, song điểm son nổi bật nhất là vua Trần Nhân Tông trao ngôi báu cho con, đi tu để thực hiện bản nguyện của mình là xuống sát hạ tầng cơ sở, đem mười điều thiện để giáo hóa nhân dân. Đó là niềm hãnh diện chung và đây cũng là thế mạnh; song thế yếu của Phật Giáo Việt Nam là chưa có được Thánh tạng tiếng Việt. Nếu có chăng thì điều có ấy chưa hoàn chỉnh”.

Hòa thượng nói tiếp:

“Lâu nay nhiều nơi trong nước, các bậc Tôn túc, Thiện tri thức lưu tâm thực hiện việc phiên dịch ấy. Riêng tại khu vực Nha Trang của chúng ta cũng đã đóng góp cho việc làm này một cách tích cực, ít ra cũng dịch được 20 tập trong Tạng Đại Chính Tân Tu. Tất cả các dịch phẩm này được gửi vào Pháp Bảo Viện ở Sài Gòn để sắp xếp việc in ấn. Quá khứ là thế, nhưng hôm nay việc làm này để không bị động - về mặt này hay mặt khác - trong khâu tổ chức. Nói khác hơn, tại đây chúng ta tự nguyện tổ chức hẳn một Ban phiên dịch Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam và chịu trách nhiệm đối với việc làm của mình. Lẽ đương nhiên mọi nhân duyên - chủ yếu là nội và ngoại duyên - xét ra cũng vừa hội đủ, điều này sẽ nói cụ thể ở phần sau. Tôi nghĩ, bước đầu Ban phiên dịch gồm có 14 người, nhưng chỉ thời gian gần đây thôi, con số ấy lại khác đi và sự tập hợp được dịch giả nhiều hơn, có năng lực hơn, đó là điều tất yếu. Hôm nay, trong tư cách người đề xướng, tôi xin bắt đầu gióng lên tiếng kêu gọi cho việc làm của mình. Nguyện cầu hồng ân chư Phật thù từ gia bị”.

II. - Nêu rõ duyên khởi dẫn đến hình thành Ban phiên dịch

Hòa thượng Đồng Minh cho biết quá trình trao đổi giữa Ngài và Tổng hội Cư sĩ Phật Giáo Việt Nam ở hải ngoại, cụ thể là quý thầy Như Bửu, Quảng Thành, Đức Hạnh, Nguyễn Phương, Nguyễn Lượng, Thiện Thông, từ Mẫn, Nguyễn Lý.v.v...:

“Theo Fax đề ngày 9-3-2002, thầy Như Bửu lệnh cho Đức Hạnh thông báo cho tôi biết là quý thầy và anh em bên đó đã nhất trí bầu Quảng Thành giữ chức Tổng thư ký và Nguyễn Phương giữ chức thủ quỹ. Còn lại đều là thành viên của Ban bảo trợ phiên dịch Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam”.

Hòa thượng nhờ Cư sĩ Giác Tuệ đọc lại hai lá thư gửi đi, hai lá thư phúc đáp và một Fax để phiên họp thông cảm. Trọng tâm 5 lá thư này như một sự nối kết giữa nội lực và ngoại duyên để Ban phiên dịch kiện toàn việc làm của mình, ngõ hầu mang lại lợi ích cho Phật Giáo Việt Nam. Có thể coi 5

văn bản trên là phần duyên khởi cho vấn đề được đặt ra. Ban phiên dịch này giới hạn trong những trước tác sau:

- *Lược thuật Duyên khởi của Luật tạng.*
- *100 quyển Hiện đại Phật giáo học thuật tùng san.*
- *Bộ Thái Hư.*
- *Bộ Ân Thuận.*
- *90 bài giảng của Ngài Tinh Vân.*
- *Những tác phẩm giáo lý Anh văn.*

III. - Thành phần Ban phiên dịch và chức năng:

a) Thành phần Ban phiên dịch:

Hòa thượng Đông Minh nói:

- *“Tôi cốt thì tôi phải vắc”. Do vậy, tôi tự nguyện làm Trưởng Ban phiên dịch*
- *Phó Ban kiêm Tài chánh, tôi mời Thượng tọa Thích Minh Thông đảm nhận cho chức vụ này.*
- *Thư ký: tôi mời đạo hữu Giác Tuệ giữ cho chức vụ này.*
- *Trợ lý cho Trưởng Ban là thầy Huệ Đắc và thầy Tâm Nhãn.*

b) Các chức năng điều phối:

** Dịch giả chọn dịch phần nào thì thầy Tâm Nhãn phân phối nguyên bản cho Dịch giả, nếu được thì có thể cung cấp thêm tài liệu hay sách có liên hệ đến phần dịch ấy.*

** Những dịch phẩm này - mà nguyên bản là chữ Hán - thì giao cho các thầy Nguyên Xuân, Huệ Đắc và Tâm Nhãn đọc, dò lại văn pháp (kiểm tra đối chiếu với nguyên bản)*

** Những dịch phẩm từ nguồn Anh văn thì giao cho các thầy Nguyên Đăng, Nhật Hiếu dò lại cú pháp.*

** Tôi (HT. Đông Minh) cùng với thầy Minh Thông và Cư sĩ Thiện Đức duyệt lại phần giáo lý từ các dịch phẩm, sau phần kiểm tra nói trên.*

** Về phía Dịch giả, công việc phải làm là:*

- Đọc lại dịch phẩm của mình cho quý thầy dò, kiểm tra khâu văn pháp (đối chiếu với nguyên bản).

- Sau khi vi tính xong, Dịch giả phải dò lại dịch phẩm của mình để sửa mọi sai sót nếu có. Dịch giả ký tên sau khi đọc lại và ghi rõ ngày. Dịch phẩm trao lại cho thầy Tâm Nhãn.

** Thư ký cùng với thầy Tâm Nhãn hạch toán về tịnh tài, để cúng dường Dịch giả sau khi đã qua các khâu kiểm tra.*

** Mỗi chủ nhật đầu tháng sẽ thanh toán tịnh tài cho dịch phẩm của tháng trước. Thầy Huệ Đắc nhận tịnh tài nơi Thượng tọa Minh Thông, để trao đến quý Dịch giả sau khi nhận phiếu thanh toán nơi Ban thư ký.*

Cuối phần này, Hòa thượng Trưởng Ban nói: “Tùy theo năng lực mà tôi chỉ định công việc. Các thầy hãy coi đây là trách nhiệm của một sứ giả Như Lai. Xin tất cả hãy nhận phần việc của mình và hoàn thành một cách viên mãn”.

Hòa thượng hướng đến Tăng Ni sinh của trường Trung cấp như để động viên, Ngài nói: “Quá trình học chữ Hán qua kinh nghiệm và cách dịch từ các dịch phẩm của bậc thầy. Cái vốn để dịch được là biết khoảng 3.000 chữ Hán trong bộ môn mình thích. Việc đó không khó đối với Tăng Ni sinh có chí và quyết tâm”.

IV. Góp ý và trả lời:

- Hòa thượng Trưởng Ban đồng ý với đề nghị của Thượng tọa Minh Thông là: các dịch phẩm tập trung lại và làm vi tính tại trường.

- Hòa thượng giải thích thỏa đáng những thắc mắc mà Cư sĩ Giác Tuệ đã nêu ra.

- Để trả lời cho vấn đề Thượng tọa Minh Thông đặt ra, Hòa thượng nói: “Tất cả vị nào có năng lực dịch thuật, xin liên lạc với bộ phận chuyên môn để nhận bài về dịch. Con số 14 vị Dịch giả chỉ là bước sơ khởi”.

V. - Linh tinh:

- Trang trại của Thầy Minh Thông có thể trở thành trú xứ của Dịch trường. Hòa thượng sẽ nhờ Thượng tọa Nguyên Siêu (ở Mỹ) yểm trợ thiết lập Thư viện cho trang trại này, Ngài nói: “Vạn sự khởi đầu nan, việc gì cần thì sẽ xem xét và có kế hoạch bổ túc sau”.

- Ông Thái Bường (ở Úc) cúng dường cho Ban phiên dịch một máy điện thoại.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 15 giờ 45 cùng ngày.

Toàn thể tụng bài hồi hướng và lời phát nguyện.

Thư ký: Đạo hữu Phước Thắng

Chủ tọa: Hòa thượng Thích Đông Minh

---o0o---

LỜI BẠT

Trước đây khoảng 40 năm, trong báo “Văn Hóa Á Châu” tôi nhớ cụ Nguyễn Đăng Thục có viết một bài nói về sự nghiệp phiên dịch của Ngài Huyền Trang. Trong đó, cụ cho biết hội đồng phiên dịch gồm cả ngàn

người. Sau đó, tôi đọc trong báo Hoa văn thấy hội đồng phiên dịch của Ngài La Thập có đến 3.000 vị. Thật sự, tôi khiếp đảm! Tôi nghĩ: “Việt Nam mình không cách nào tổ chức được quy mô như thế. Tôi buồn! Do đó, tôi không dám nghĩ đến chuyện phiên dịch. Nhưng mấy chục năm gần đây, tôi thấy các Ngài của mình “đơn thân độc mã” cũng dịch được. Tôi bắt đầu nghĩ đến câu “Bỉ kỹ trượng phu...””.

Năm 1992, theo lời yêu cầu của thầy Tịnh Hạnh (Đài Loan), tôi vân tập vài chục anh em tương đối có chút khả năng như tôi, nhận dịch 20 tập trong Tạng Đại Chánh, mỗi tập khoảng 1.000 trang, mỗi trang trên dưới 1.500 chữ. Chúng tôi dịch đến giữa năm 2001 là xong. Cuối năm 2001, quý Tăng Ni sinh của tỉnh Khánh Hòa tốt nghiệp Cao cấp Phật Học và Hán-Nôm nâng cao được 14 vị, tôi nghĩ đến việc động viên và hướng dẫn họ dịch thuật vì đây là vấn đề hàng đầu của Tăng Ni Việt Nam. Sau khi trao đổi với 14 Tăng Ni nói trên, tôi tự nguyện đứng ra thành lập Ban phiên dịch. Việc làm này trong tình Pháp-hữu, tôi có thảo luận với thầy Tuệ Sỹ trước khi bắt tay. Thầy Tuệ Sỹ cũng cho tôi biết là thầy đang dịch Tạng Thanh văn (Tạng này thầy tự đặt tên và đang thực hiện).

Sau khi thành lập Ban phiên dịch độ một tháng thì quý Tăng Ni xin gia nhập lên đến 25 vị, và hiện nay - sau 4 tháng – lên đến 37 vị.

“Vạn sự khởi đầu nan”, sau 4 tháng bắt tay vào việc, có những vấn đề phát hiện mà theo khả năng của chúng tôi khó giải quyết được. Chúng tôi xin mạo muội ghi vào đây để quý Tôn đức Tăng Ni cùng quý Pháp hữu, đồng bào Phật tử mười phương tiếp tay và thông cảm:

1- Tịnh tài cùng dường quý Dịch giả và chi phí trong công việc dịch thuật, đầu tiên dự trù trong phạm vi 14 vị, nay lên đến 37 vị là vấn đề nan giải. Chúng tôi xin kêu gọi chư Tôn đức cùng quý Phật tử mười phương hoan hỷ tiếp tay yểm trợ cho Phật sự truyền thừa đạo pháp này vượt qua trở ngại.

Theo chúng tôi được biết có một số Phật tử thắc mắc: Tại sao hiện nay có nhiều tổ chức dịch Đại tạng kinh Phật giáo Việt Nam? Vậy nên ủng hộ cho tổ chức nào? Và Đại tạng kinh chỉ có một mà sao có nhiều tổ chức dịch vậy? Thưa quý Phật tử, thật sự Đại tạng kinh không chỉ có một mà có nhiều Đại tạng kinh, như: Đại chánh tân tu đại tạng kinh, Càn Long đại tạng kinh, Thích Sa đại tạng kinh, Nam truyền đại tạng kinh, Tục tạng kinh..... Ngoài ra Trung Quốc có Tạng đời nhà Thanh, Nguyên, Minh, Tạng Hoàng cung.... Có thể tổ chức này dịch Tạng này, tổ chức kia dịch Tạng kia. Cũng có thể một Tạng nhiều tổ chức dịch. Có trường hợp một kinh mà nhiều người dịch, như bộ kinh Địa tạng, kinh Tam Bảo.... bản dịch nào chính xác và hay thì phổ biến lưu hành. Trong vườn có nhiều thứ hoa thì càng đẹp chớ không sao. Mong quý Phật tử cảm thông.

Do đó, chư Tôn đức Tăng Ni cùng mười phương thiện tín Phật tử, vị nào hoan hỷ góp tiền tài vào Phật sự phiên dịch này, thì:

- Tại Việt Nam: liên lạc với Thầy Thích Minh Thông, chùa Long Sơn, số 20 đường 23 tháng 10, Thành phố Nha Trang (Khánh Hòa). Điện thoại số: 823158.

- Tại Hải ngoại: liên lạc với Cư sĩ Quảng Thành, địa chỉ: 22232 ROSCOE BLVD CANOGA PARK, CA. 91304 – USA. Điện thoại số: 818 8882108, Fax: 818 8880815.

Công đức vô lượng!

Thưa quý vị, chúng tôi trộm nghĩ: “Nếu vấn đề tiền tài không giải quyết được - nghĩa là không có thêm - thì dựa vào số ngân khoản hiện có, chúng tôi phân phối mỗi Dịch giả mỗi tháng dịch độ vài ngàn chữ để kết duyên với Pháp bảo, rồi sẽ hạ hồi phân giải”. Đồng thời chúng tôi cũng xin thưa: “Đây là việc làm chung của hàng con Phật chúng ta. Chúng ta cùng nhau tổ chức để làm là điều hợp lý, nhưng chúng tôi nhận thấy hầu hết quý Tôn đức đang bận lo nhiều Phật sự khác. Riêng chúng tôi, nay đã 76 tuổi, sau 55 dạy các Phật học viện, đặc biệt là Phật học viện Trung phần tại Hải Đức Nha Trang, mấy năm nay không đứng lớp, mà tự thấy còn một chút sức khỏe và một chút tinh thần minh mẫn nên tự nguyện đứng ra tổ chức để quý Tăng Ni sinh làm vậy thôi. Chắc chắn là có lắm điều sai sót, xin chư Tôn đức hoan hỷ góp ý (theo địa chỉ: Thích Tâm Nhân, chùa Long Sơn, số 20 Đường 23-10, Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam. Điện thoại: 827239) để chúng tôi kịp thời sửa chữa.

2- Phật giáo là một bộ môn nặng về Triết học và Tâm lý học, do đó nội dung của nó chứa đựng cả một rừng thuật ngữ chuyên môn, chúng tôi không thể dịch hay chú thích hết được. Vậy, xin lỗi quý độc giả nào cần hiểu rõ cụ thể từng thuật ngữ thì xin tra cứu nơi tự điển Phật học.

3- Vấn đề thứ tự, chúng tôi tạm thời sắp xếp 10 tập đầu dành cho Duyên Khởi Luật Tạng, 10 tập kế tiếp là bộ Giáo Khoa Phật Học và các bài giảng, 100 tập tiếp theo dành cho bộ Hiện Đại Phật Giáo Học Thuật Tùng San, kế tiếp là bộ Thái Hư Toàn Thư và bộ Ấn Thuận. Cuối cùng là những sách giáo lý chuyển ngữ từ Anh văn.

4- Vấn đề in ấn: Sau khi dịch xong mỗi tập, với phương tiện hiện có trong kế hoạch, chúng tôi cho photocopy 40 bản để cung trí vào Thư viện, gửi qua Ban Bảo trợ và biếu mỗi dịch giả một bản để lưu giữ. Nếu phương tiện có được, chúng tôi sẽ photocopy thêm để cúng dường các Tổ đình và các trường Phật học cùng các Tỉnh Giáo hội trên toàn quốc, như tập 4 vừa rồi (Tập này ra đầu tiên, nhưng mang số 4 vì theo thứ tự của Luật tạng).

5- Tại sao gọi là “cảo bản”? Sau khi tập 4 - mà là tập đầu tiên - ra mắt quý độc giả, có một số quý Tôn đức gọi điện hỏi chúng tôi: “Tại sao việc làm có vẻ tương đối quy mô như vậy mà gọi là “cảo bản”? (Vì trong Lời phi lộ tôi có dùng từ “cảo bản” để mệnh danh cho những dịch phẩm của chúng tôi). Tôi đã trả lời với quý Tôn đức đó, là: “Tôi muốn khiêm tốn dùng như thế, chứ bằng không thì vấp phải tình trạng như bản dịch kinh Trường A Hàm trong Đại Tạng Kinh Việt Nam, xuất bản năm 1991. Trong kinh số 1, mang tên Sơ Đại Bản Duyên chỉ có 70 trang mà có đến 25 chỗ sai sót (Điều này tôi đã thông báo đến Hòa thượng Thích Minh Châu và Hội đồng chỉ đạo phiên dịch và ấn hành ngay từ tháng đầu, sau khi phát hành, mà cho đến nay - 2002 - chưa thấy bản đính chính những chỗ sai sót đó).

Hơn nữa, thực tế Phật giáo Trung Quốc, một dịch phẩm từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, trải qua 9 công đoạn (tức 9 khâu), chúng tôi có cố gắng cũng đến khâu thứ 7 mà thôi, làm sao không gọi là cảo bản? Sự thực sao mình cứ nói vậy để hậu thế họ khỏi phê phán trách cứ”.

Trên đây là những lời bộc bạch của chúng tôi. Kính mong quý vị chứng tri.

THÍCH ĐỒNG MINH

---o0o---

PHƯƠNG DANH CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG, NI CÙNG THIỆN NAM TÍN NỮ PHẬT TỬ MƯỜI PHƯƠNG, ĐÃ HOAN HỖ GÓP TỊNH TÀI VÀO VIỆC PHIÊN DỊCH “PHÁP TẠNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM”:

Hòa Thượng Thích Tâm Châu 200 USD – Chư Tôn Đức Tăng và Phật tử trường hạ (2002) tại Tu Viện Trúc Lâm (Canada) 2300 USD – Hòa Thượng Thích Mãn Giác 200 USD – Hòa Thượng Thích Thắng Hoan 100 USD – Hòa Thượng Thích Hộ Giác 300 USD – Hòa Thượng Thích Thanh Đạm và bổn đạo 1.100 USD – Thượng Tọa Thích Tịnh Từ 200 USD – Thượng Tọa Chùa Cổ Lâm 100 USD – Thượng Tọa Chùa Bát Nhã 100 USD – Thượng Tọa Thích Nguyên Đạt 200 USD – Thượng Tọa Thích Quảng Bình 200 USD – Thượng Tọa Thích Như Điện (Đức Quốc) 100 EUR – Thượng Tọa Thích Tánh Thiết 1.000.000 VNĐ – Thượng Tọa Thích Phước Đường (Pháp Quốc) 1.000 EUR – Sa Môn Thích Tuệ Hải (Diên Khánh, Khánh Hòa, Việt Nam) 200 USD – Ni Trưởng Thích Nữ Đạt Hương - Ni Sư Thích Nữ Minh Liễu (Chùa An Tường, Nha Trang, Việt Nam) 200 USD – Ni Sư Thích Nữ Huệ Ân (Hoa Kỳ) và bổn đạo 1.500 USD.

Võ Đình Nguyên Tâm Thái 100 USD – Công Tăng Tôn Nữ Hòa 500 USD – Gia Đình Hạnh Cơ 100 USD – Phạm Thị Hồng 100 USD – Nguyễn Thị Sen Quảng Minh 100 USD – Nguyễn Thị Vui 100 USD – Lê Thị Nhung 100 USD – Nguyễn Đức Lợi 100 USD – Trần Thị Kim Anh và Thân Mẫu Thầy Nguyên An cùng Phật Tử Huỳnh Thị Kim Xuân (Nha Trang, Việt Nam) 100 USD – Ni sư Diệu Từ (Hoa Kỳ) 1.000 USD – Thượng tọa Thích Quảng Ba (Úc) 1.000 AUD – Lý Đạt Hoa 135 EUR (cầu siêu cho hương linh Lý Hoang Đường) – Trịnh Thị Lan 165 EUR (cầu an cho Trịnh Việt Tác, PD Nguyễn Thành) – Trương Văn Chát, PD Nguyễn Từ – Đinh Thị Lua, PD Nguyễn Hạnh – Trần Minh Trị, PD Nguyễn Phát – Trương Chi Hiếu, PD Nguyễn Thảo 1.000 USD – Đặng Thị Phiêm, PD Tâm Hương 100.000 VNĐ, Đồng Kiến Thụy 200USD Ngoài ra cũng có những vị trong nước và ngoài nước, gửi tịnh tài đến cúng, đề tên là “vô danh”, tổng cộng 1.200.000 VNĐ. Tôi cũng trân trọng mạng phép ghi vào đây.

(Ghi chú: Tôi bị bệnh tiểu đường và huyết áp cao 11 năm nay, hằng ngày phải uống thuốc. Do đó, trong số Chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật tử có quý danh trên đây gửi tịnh tài cho tôi uống thuốc, nhưng tiền thuốc tạm đủ nên tôi chuyển qua cúng vào Phật sự tương đối trọng đại này. Mong quý vị chứng tri và thông cảm).

Ban Bảo Trợ Phiên Dịch
“Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam” (tại Hoa Kỳ):

Tháng 3 năm 2002:

Ông Bà Nguyên Định \$100 – Bà Diệu Mỹ \$40 – Đh Nguyên Thái \$10 – Đh Nguyên Nhuận \$10 – Đh Châu Thị Bê \$10 – Đh Trương Tuất \$120 – Đh Đông Tuấn \$10 – Đh Nguyên Hoa \$30 – Đh Diệu Đức \$20 – Đh Như Bửu \$20 – Đh Từ Mẫn \$20 – Đh Nguyên Lượng \$20 – Đh Quảng Thành \$60 – Đh Nguyên Phương \$50.

Tháng 4 năm 2002:

Thượng Tọa Nguyễn Hạnh \$500 – Đh Từ Mẫn \$100 – Đh Quảng Thành \$25 – Đh Hải Tuệ \$25 – Đh Như Bửu \$20 – Đh Nguyên Lượng \$20 – Đh Nguyễn Phương \$25 – T.T. Giác Sĩ \$20.

Tháng 5 năm 2002:

Thượng Tọa Nguyên Siêu \$500 – Đh Chơn Quang \$400 – Bà Võ Thị Vững \$100 – Cô Trang Thúy Liễu \$100 – Đh Diệu Tịnh \$50 – Đh Nguyễn Thị Cẩm Tú \$5 – Bác Bửu Diệu Mai \$20 – Đh Nguyễn Kim Thanh \$20 – Đh Nguyễn Tấn Thọ (Tâm Nguyên Khương) \$20 – Đh Đức Hạnh \$20 – Đh Nguyễn Minh Hồ Hương Lộc \$15 – Đh Nguyễn Đạt \$40 – Đh Nguyễn

Lượng \$120 – Đh Hải Tuệ \$25 – Đh Nguyên Phương \$25 – Thượng Tọa Giác Sỹ \$20 – Ông Bà Nguyên Cát \$50 – Đh Huỳnh Văn Thất \$40 – Đh Nguyễn Thần và Ngọc Thuận \$50 – Đh Nguyễn Ngọc Diệp \$30 – Đh Nguyễn Ngọc Minh \$20 – Đh Nguyễn Thị Hồng \$50 – Đh Thái Nguyên \$5 – Đh Phan Anh \$10 – Đh Diệu Chơn \$10 – Đh Từ Lạc \$10 – Đh Thiện Từ \$10 – Đh Diệu Thanh \$15 – Đh Hoàng Loan \$20 – Đh Minh Châu \$10 – Đh Nguyễn Định và Nguyễn Hương \$100 – Đh Diệu Tâm \$10 – Đh Tường Vân \$20 – Đh Như Bửu \$20 – Đh Quảng Thành \$25.

Tháng 6 năm 2002:

Hòa Thượng Thắng Hoan \$500 – Đh Quảng Thành \$100 – Đh Diệu Đức Bùi Thị AẤn \$500 – Đh Huệ Ngọc Nguyễn Hiền và Chánh Hiền Hậu Mai Văn Nhi \$500 – Bác Sĩ Võ Thanh Sơn \$200 – Đh Minh Thành Trang Anh Tuấn \$30 – Đh Đức Hạnh \$20 – Đh Mai Jennifer Pd Chơn An Nghĩa \$50 – Đh Mai Christina Pd Chơn An Hiếu \$50 – Đh Như Bửu \$20 – Đh Hải Tuệ \$25 – Đh Nguyên Phương \$25 – Cô Nhật Nhon \$40 – Gia Đình Lý Trọng Nhon và Hương \$50.

Tháng 7 năm 2002:

Đh Đức Hạnh \$20 – Đh Bùi Thị Ngọc Bích \$50 – Thích Diệu Đức \$100 – Đh Diệu Thiện Ngô Thị Ý \$100 – Đh Diệu Hoa Mai Thị Tuyết \$100 – Đh Quảng Niệm Ngô Thị Bảy \$100 – Đh Nguyên Đạt \$60 – Thượng Tọa Giác Sĩ \$40 – Đh Như Bửu \$20 – Đh Hải Tuệ \$25 – Đh Nguyên Phương \$25.

Tháng 8 năm 2002:

Thượng Tọa Nguyên An \$150 – Đh Nguyễn Thần \$50 – Đh Diệu Mỹ \$15 – Đh Tâm Tịnh \$50 – Đh Nguyên Nghiêm \$20 – Đh Diệu Tịnh Nguyễn Thị Niệm \$20 – Đh Nguyên Hưng Quách Kiến Quốc \$50 – Đh Nguyên Anh Nguyễn Bích Vân \$20 – Đh Tâm Kiên & Diệu Thanh \$20 – Bác sĩ Võ Đình Đức \$100 – Đh Diệu Thuận \$25 – Đh Ngô Đức Dũng \$200 – Đh Từ Mẫn \$100 – Chị Nam \$20 – Đh Huỳnh Văn Thất \$60 – Đh Hải Tuệ \$25 – Đh Như Bửu \$20 – Đh Nguyên Phương \$25 – Ông Bà Vũ Đức Thắng \$100 – Đh Đức Hạnh \$20 – Đh Minh Thành \$30 – Ông Bà Tô Kiến Văn \$100.

Tháng 9 năm 2002:

Đh Đức Hạnh \$20 – Đh Đồng Nghĩa Trần Minh An \$30 – Đh Trần Chí Trung \$40 – Bà Phan Nam Sách \$20 – Đh Minh Thành Trang Anh Tuấn \$20 – Đh Quảng Niệm Trương Thị Vân (hồi hướng công đức cầu siêu cho Lương Phúc) \$100 – Đh Nguyễn Đăng Hùng và Nguyễn Thị Vân \$50 – Đh Thiện Ngọc Trương Tài \$125 – Đh Diệu Minh \$100 – Đh Huỳnh Thị Vân \$20 – Chị Thái \$20 – Đh Diệu Pháp \$20 – Chị Nam \$20 – Đh Hải Tuệ \$25 – Đh Như Bửu \$20 – Đh Nguyên Phương \$25 – Đh Nguyễn Thần \$100 – Đh Nguyên Đạt \$40 – Đh Hạnh Thiện \$10 – Đh Minh Chánh \$10 – Đh Diệu Liên \$10 – Đh Diệu Hoa \$30 – Đh Diệu Tâm \$10 – Đh Chơn Huy \$20 – Đh

Diệu Lạc A \$10 – Đh Diệu Lạc B \$50 – Đh Tịnh Tâm \$10 – Đh Tâm Quả \$10 – Đh Diệu Truyền \$60 – Đh Huệ Phương \$10 – Đh Diệu Hạnh \$10 – Đh Diệu Minh \$10 – Đh Diệu Quy \$10 – Đh Nguyên Chất \$10 – Đh Tâm Quang \$10 – Đh Thiện Đạt \$10 – Đh Tịnh Ngọc \$10 – Đh Nguyên Trang \$5 – Đh Mỹ Lê \$10 – Đh Diệu Khai \$5 – Đh Minh Trí \$10 – Đh Minh Kiên \$10 – Đh Minh Phương \$10 – Đh Nhựt Nhơn \$20.

(Mặc dù cố gắng tối đa, khi đánh máy vẫn thường có những sai, thiếu. Chúng tôi xin quý vị hoan hỷ và thông báo cho chúng tôi biết để điều chỉnh trong bản tin số tới. Danh sách từ tháng 10 năm 2002 trở đi sẽ được đăng trong Bản Tin số 2)

*Bản tin BBTPDPTVN
22232 Roscoe Blvd.
Canoga Park, CA.91304
Tỳ Kheo Thích Đồng Minh
Kính ghi.*

---o0o---

*Nha Trang ngày vía Đức Quán Âm tháng chín năm Nhâm Ngọ (2002).
Phật lịch 2546 - 2002*

THƯ NGŨ

Kính gửi: Quý Tôn Đức Tăng, Ni cùng Phật Tử mười phương

Thưa quý vị,

Sau khi “**Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam**” tập 11A,11B,11C thuộc bộ “**GIÁO KHOA PHẬT HỌC**” do cư sĩ Hạnh Cơ dịch và biên soạn, ra mắt độc giả, vì tình tài của Ban Phiên Dịch chỉ được phép photo 28 bộ để biếu tặng các trường Phật học, nên có quý tôn đức đề nghị cho biết hành những pháp bảo quan yếu như thế này, càng nhiều càng tốt, để phổ biến sâu rộng cho Tăng, Ni và Phật tử đọc.

Tôi trân trọng viết thư ngũ này, nhằm mục đích lưu ý chủ Tôn Đức Tăng, Ni, mỗi khi quý tự viện có lễ, cầu an, cầu siêu, hay Phật tử phát tâm Bồ Đề cúng dường Pháp, như Chùa Long Sơn, Chùa Hội Phước, Chùa Thiên Phú, Chùa Vạn Thạnh, Chùa Kim Quang, Chùa Thiên Hòa, Chùa Kim Sơn, Chùa

Thiền Lâm .v.v... đã từng làm, thì Quý vị hướng dẫn họ photo những giáo lý quan yếu này, cho người con Phật nghiên cứu tu học.

Hiện nay, chúng tôi có đến trên 100.000 trang sách, gồm cả kinh, luật, luận đã dịch và đánh vi tính xong, quý vị nào cần “**CÙNG DƯỠNG PHÁP**”, chúng tôi sẵn sàng phục vụ, để cầu nguyện cho ĐẠO PHÁP trường tồn trên thế gian này, ngõ hầu chúng sanh được hưởng pháp lạc. Pháp bảo cần lưu thông, chúng tôi không giữ bản quyền, như thường tình.

Tỳ kheo Thích Đồng Minh
Cẩn bạch

--- o0o ---

¹ . Phần 1, Chương 1: Tứ pháp Ba-la-di (Pali. P^ar^ajika).

² . Ấp Ty-lan-nhã: Pali.Veranōj^a, thị trấn gần Xá-vệ, trên đường đi Tỳ-xá-li(cht. Tứ phần).

³ . Nước Tu-lại-bà: Skt. S^ũñrasena, Pali. S^ĩñrasena, là một trong 16 vương quốc lớn thời đức Phật. Tứ phần: Nước Tô-la-bà.

⁴ . Ma Ba-tuần: Skt. M^ara-papman, Pali. M^ara-p^apiman, Ma vương.

⁵ . Uất-đơn-việt: Skt=Pali.Uttarakuru, còn gọi Bắc-câu-lô-châu, một trong bốn Châu.

⁶ . Lúa gạo tự nhiên là một thứ lúa tự nhiên mọc không do người trồng. Trường A-hàm 6, kinh Tiểu duyên, Đại 1, tr. 38a1:“Lúa gạo tự nhiên không có vỏ trấu, sắc vị thơm ngon tinh khiết có thể ăn. Khi chúng sanh lấy loại gạo này ăn thì sống khá lâu ở thế gian.”

⁷ . Đức Phật Duy-vệ: Pali. Vipass^ĩ, là Tỳ-bà-thi Phật.

⁸ . Ba-la-đề-mộc-xoa: Skt. p^ratimoks^ĩa, Pali. P^atimokk^ha, dịch: Biệt giải thoát, Tuỳ thuận giải thoát, Xứ xứ giải thoát, Cấm giới.

⁹ . Kiếp-bối: Skt. Karp^asa, Pali. Kap^asa, là cây Kiếp-bối, dịch nghĩa: cây thời gian, cây hoa. Tên khoa học: gossypium hebecum, nó thuộc một loại với cây bông vải. Cây Kiếp-bối ở bán đảo Ấn Độ (Deccan) trồng rất nhiều. Sợi bông của nó dệt vải may y, gọi là vải (y) kiếp-bối (Skt. Karp^asaka).

¹⁰ . Việc phụng thờ lửa xuất xứ từ Ấn Độ giáo (Hindusim). Ấn Độ giáo là một tôn giáo xưa nhất của người Ấn. Tôn giáo này hình thành qua một quá trình phát triển gồm 3 giai đoạn: Vệ-đà, Bà-la-môn, và Ấn Độ giáo hoàn chỉnh. Tín ngưỡng thần linh giai đoạn Vệ-đà chủ yếu là các biểu tượng trong

hiện tượng thiên nhiên như Indra (Thần sấm), Surya (Thần mặt trời), Agni (Thần lửa)...

¹¹ . Nước Tăng-già-thi: Thiện kiến 6, nước Ba-la-na-tư (B^arⁿās^às^ī)

¹² . Tỳ-xá-ly: Skt. Vaisū^ḷi, Pali. Ves^āli: thành Quảng nghiêm.

¹³ . Giảng đường Trùng các: Pali. Kñt^īa^gras^ā1^a. Thiện kiến: Tinh xá Ma-ha-cú-tra-la (Mah^avana Kñt^īa^garas^āla).

¹⁴ . Sông Di Hâu: Skt. Markatī^āhrada. Sông này loài khỉ sống rất nhiều, cách Tỳ-xá-ly 5,6 dặm.

¹⁵ . Tăng kỳ: Thành Tỳ-da-ly có con trai trưởng giả tên là Da-xá. Thập tụng: Con trai trưởng giả tên là Tu-đề-na Gia-lan-đà. Căn bản: Con trai của Yết-lan-đạc-ca tên Tô-trần-na. Pali (Vin.iii. 11): Sudinno n^āoma Kalanda(ka)putto setitīhiputto, Sudinna, con trai của phú hộ Kalandaka. (cht. Tứ phần).

¹⁶ . Phạm hạnh: Skt=Pali. brahmacariya, nguyên nghĩa, sống cuộc đời đoạn dục để phụng sự Phạm-thiên. Trong Phật giáo, chỉ sự đoạn trừ dâm dục. Luận Trí độ 20:“Chư thiên đoạn trừ dâm dục đều gọi là Phạm”(cht. Tứ phần).

¹⁷ . Căn bản, Tứ phần: Nguyệt kỳ. Thập tụng: Tịnh khiết. Thiện kiến 6, tr. 713b14, T24n1462, thích từ: “Nguyệt hoa (puppha) là trong tháng sinh ra nước hoa. Đây là tên một loại máu...

¹⁸ . Bồn nhị: Skt. pñrvadvitīya, Pali. pur^anīadutiyak^a, là người vợ cũ. Tứ phần: Cố nhị.

¹⁹ . Chủng Tử: Pali. Bījaka; Tăng kỳ, Thập tụng: Tục-chủng.

²⁰ . A-lan-nhã: Skt. arāṇiya, Pali. aranōṇṇa, thường chỉ khu rừng vắng không thú dữ.

²¹ . Xá-vê: Skt. Sr^avastī, Pali. S^avatti, phiên âm: Thất-la-phạt(phiệt). Kinh đô nước Kiền-tát-la (Skt. Kosūala, Pali. Kosala).

²² . Thân-lan-giá: Skt: Sthñl^atyaya, Pali: Thullaccaya, dịch: thô tội, trọng tội, thô ác. Thiện kiến 9, tr. 733c18, T22n1462: Thân-lan là lớn, Giá là ngăn cản con đường thiện (Đại chương thiện đạo). Trong các tội sám hối trước một người tội này lớn nhất.

Đột-kiết-la: Skt. Duskrīta, Pali. Dukkata, dịch là thất ý tội, ác tác, tiểu quá (lỗi nhỏ), việT Tỳ-ni (sai trái vượt qua Tỳ-ni), ung đương học (những pháp cần phải học). Luật Tứ phần phân thân nghiệp và khẩu nghiệp thành hai, dịch là ác tác (hành động ác, việc làm sai) thuộc thân nghiệp, ác thuyết thuộc khẩu nghiệp. Minh liễu luận hợp thân nghiệp và khẩu nghiệp dịch là ác tác (nghĩa là nương ý hành động khởi thân khẩu nghiệp). Thiện kiến q.9, tr. 733c12, T24n1462: Phật dạy, đột là ác, kiết-la là làm, gom lại nghĩa là làm

ác. Người phạm tội này đối trước một người sám hối, nếu không cố ý thì tự tâm sám hối.

²³ . Thành Vương-xá: Skt. R^ajagriha, Pali. R^ajagaha, La-duyệt-kỳ. Kinh đô nước Ma-kiệt-đà (Magadha).

²⁴ . Núi Át-la: Pali. Isigilapassa, hang tiên nhân.

²⁵ . Hán: Điền tài lệnh. Pali: d^arugaha-ganiaka.

²⁶ . Quán đánh: Skt.adhisiecana, adhisieka, là nghi thức lấy nước rưới lên đầu người được tấn phong một địa vị tối cao. Còn nghĩa là người có uy quyền.

²⁷ . Tăng kỳ 2, Thiện kiến 8: Nhà vua không giết Đạt-ni-ca vì ông kính trọng chiếc y cà-sa.

²⁸ . Ma-kiệt-đà: Skt=Pali. Magadha, một trong 16 nước lớn thời đức Phật.

²⁹ . A-xà-thế: Skt. Aj^atasuàtru, Pali. Aj^atasattu, hay Vị Sanh Oán, quốc vương nước Ma-kiệt-đà.

³⁰ . Năm tiền: Tăng kỳ 3, tr. 244b01, T22n1425: Vương pháp không nhất định. Hoặc trộm nhỏ mà chết. Hoặc trộm lớn mà chết. Theo phép vua Bình-sa, 19 tiền là 1 kê-lệ-sa-bàn; 1 kê-lệ-sa-bàn phân làm tư; trộm vật giá trị 1/4 thì bị tội chết. Căn bản: Ngũ ma-sái. Pali, Vni. iii. Tr. 48: Panōcam^asaka. Theo nghĩa đen, 1 m^asaka (Skt. m^asiaka) là vật có giá trị trao đổi bằng 1 hạt đậu (đỗ). (cht.Tứ phần)

³¹ . Tội Ba-la-di: Skt=Pali. P^ar^ajika, gọi là đọa pháp, là ác pháp, đoạn đầu pháp (Ngũ phần tr 4c21, T22n1421).

³² . Quán bất tịnh: Pali. Asubhakamm^ti^th^ana. Thiện kiến 10, tr. 747a25, T24n1462: Quán bất tịnh là Thánh quán. Nếu quán bất tịnh thì xa lìa được dục và các pháp ác. Dục là căn bản, nên phải tôn trọng pháp quán bất tịnh...

³³ . Chiên-đà-la tên là Di Lân: Skt. Mrgalanīdīka, Pali. Migalanīdīka. Thập tụng 2, tr. 7c4, T23n1435: Lộc-trượng Phạm-chí.Luật Thiện kiến 10, tr. 744c22, T24n1462: Sa-môn Lộc-trượng, Lộc-trượng là tên, Sa-môn là mang hình dáng Sa-môn, cạo tóc nhưng chừa lại một ít tóc trên đầu (cTlⁱø), mặc y phục hoại sắc, một tấm che thân, một tấm vắt vai, vào chùa nương dựa các Tỳ-kheo, sống bằng thức ăn dư. Luật Tứ phần 2, tr. 575c 15, T22n1428: Tỳ-kheo tên Vật-lực-già-nan-đề, dòng Sa-môn xuất gia.

³⁴ . Sông Bà-câu-mạt: Pali. Sông vaggumud^a. Thập tụng 2, sông Bà-câu-ma. Tứ phần 2, sông Bà-câu. Thiện kiến 10, tr. 744c28, T24n1462: Thế gian có người nói rằng sông này có thể rửa sạch tội lỗi cho con người. Sa-môn Lộc-trượng suy nghĩ:“Ta phải đến sông Bà-câu-ma để rửa sạch tội lỗi của mình”.

³⁵ . An-ban niệm: Pali. ^an^ap^anassati-sam^adhi, sự tập trung trên hơi thở ra vào.

³⁶ . Thập tụng 2, tr.12a29, T23n1435, Phạm-thế. Phạm-thế: Skt=Pali. Brahmalo^ka, là Phạm-sắc-giới, gọi chung chư Thiên cõi Sắc giới.

³⁷ . Tăng thượng mạn: Ở địa vị chưa chứng được kết quả thù thắng mà lại nói mình đã chứng đắc (Câu Xá Luận 19).

³⁸ . Ngũ phân, Tăng kỳ: Pháp hơn người. Căn bản, Tứ phân: Pháp thượng nhân. Ngũ phân 2, tr. 9c24, T22n1421, giải thích: Pháp hơn người, chỉ tất cả pháp xuất yếu, tức các thiên, giải thoát, tam muội, chánh thọ, các thánh đạo và thánh quả. Tăng kỳ 4, tr. 261a7, T22n1425, giải thích: Pháp hơn người chỉ cho 10 trí,... vô sanh trí... cho đến 10 vô học pháp, 10 lậu tận lực. Tứ phân 2, tr. 578b15, T22n1428, giải thích: Pháp thượng nhân: Các pháp có khả năng xuất ly. Căn bản 10, tr. 676c17, T23n1442, giải thích: Pháp thượng nhân, thượng nghĩa là sắc giới đối với Dục giới là thượng. Vô sắc giới đối với Sắc giới là thượng. Nhơn, chỉ cho phàm nhơn. Pháp tức là 5 cái... có khả năng trừ 5 cái gọi là thượng.

³⁹ . Chương 2: Pháp Tăng tàn (Pali. Sangh^adisesa).

⁴⁰ . Lục quân: 1) Nan-đà, 2) Bạt-nan-đà: Thị hiện tham,sân. 3) Ca-luru-đà- di (Ưu-đà-di): Thị hiện dâm dục. 4) Xiển-đà: Thị hiện nóng vội, ương ngạnh, ngạo mạn. 5) Mã-túc, 6) Mãn-túc: Thị hiện ngu si.

Sáu vị này là bậc đại quyền xảo thị hiện. Thấu rõ mọi pháp, thông suốt Tam tạng, hiểu rành trăm nghề khác nhau. Mỗi vị có chín người đệ tử, kết bè đảng làm việc phi oai nghi. Mục đích tán dương Phật, bảo vệ Chánh pháp (Theo “Tỳ-kheo giới bốn số nghĩa” của Sa-môn Truyền Nghiêm).

⁴¹ . Kỳ-hoàn: Skt=Pali. jetavana, hay tinh xá Kỳ-viên, gọi đủ Kỳ thọ Cấp-cô-độc viên (Skt. Jetavana-an^athapinīdīasy^ar^ama).

⁴² . Ấp A-trà-bê: Pali. liāvī, dịch là khoáng dã (đồng rộng), rừng. Ấp này nằm giữa Xá-vệ (S^avatthi) và Vương-xá (R^ajagaha).

⁴³ . Phạm chí: Skt. Brahmach^arin, 1. Người có chí hướng cầu sanh Phạm thiên, 2. Bà-la-môn tại gia tôn thờ Phạm thiên, 3. Những người xuất gia ngoại đạo.

⁴⁴ . La-tra-ba-la: Pali. Ratitihp^ala, Trung A-hàm 31, con nhà phú hộ ở Xá-vệ, điển hình cho tín tâm bất đồng của thanh niên con nhà giàu có, quyết tâm xuất gia (cht. Tứ phân).

⁴⁵ . Câu-xá-di: Skt.Kaus^ambi, Pali.Kosambī, là vương quốc của vua Ưu-điền (Udayana) trị vì ở Trung Ấn Độ.

⁴⁶ . Thọ thân: Pali. Cetiyyarukkha, cây có miếu thần. Tứ phân 3: Thọ thân Ni-câu-luật.

⁴⁷ . Đà-bà Lục Sĩ Tử: Skt. Dravya-malla-putra, Pali. Dabba Mallaputta. Tứ phân 3: Đạp-bà Ma-la Tử. Tăng kỳ 6: Đà-phiêu Ma-la-Tử. Căn bản 13: Thật Lục Sĩ Tử. Kinh Tạp Bảo Tạng 2, truyện 18, tr. 457a, T4n203: Vào thời quá khứ,.....Tôn giả có kinh doanh cho Tăng sự như: lừa, ngựa, gạo, mì... rồi bị chìm xuống bùn, Tôn giả liền vót lên nên mới được sức mạnh lục sĩ (Lục Sĩ Tử) như vậy.

⁴⁸ . Thiện kiến 13: Đạp-bà Ma-la Tử (Pali.Dabba Mallaputta) xuất gia năm 7 tuổi, lúc thế phát, tóc vừa rụng xuống đất thì chứng quả A-la-hán.

⁴⁹ . Ngọa cụ: Pali. samthata, hay gọi phụ cụ, là chỉ cho những vật dụng để ngủ như: giường, chõng, đồ trải lót, chiếu, thảm, nệm chăn, màn che, gối mềm hay miếng vải. Hành sự sao 2:“ Gọi chung tam y là ngọa cụ”

⁵⁰ . Tỳ-kheo Từ Địa huynh đệ: Pali: Mettiyabhummajiaka bikkhũ. Thập tụng 4: Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma. Có hai thuyết, theo Nam Truyền Luật Tạng 2, thiên Ba-dật-đề tr.49: Nói Tỳ-kheo Từ-địa là 2 người: Tỳ-kheo Từ (Mettiya-bhikkhũ), Tỳ-kheo Địa (Bhummajiaka-bhikkhũ). Tạp A-hàm 38, tr 297c20, T2n99, Tăng kỳ 7, Tứ phần 3, đều nói Tỳ-kheo Từ-địa là một người. Riêng Căn bản 13, cũng nói hai người nhưng tên khác: Tỳ-kheo Thiện-hữu và Tỳ-kheo Đại-địa. Thiện kiến 13: Tỳ-kheo Từ-địa đứng đầu trong nhóm 6 Tỳ-kheo.

⁵¹ . Tự ngôn (Tự ngôn trị): Pali. Patĩnõnõ^atakara, là để người phạm tự nói tội của mình mà trị, dù tội ấy có bằng chứng cụ thể, mọi người đều biết rõ.

⁵² . Ưc niệm Tỳ-ni: Pali. Sativinaya, nguyên tắc cho phép đương sự nhớ rõ về việc làm của mình là đúng luật hay không đúng luật, như pháp sám hối hay chưa.

⁵³ . Mười điều lợi: Pali: dasa athavase patĩcca. Ngũ phần tr. 3c1,T22n1421: 1.Tăng hoà hiệp (sanghasutĩtihut^aya); 2. Tăng đoàn kết (sanghaph^asut^aya); 3. Chế ngự người xấu (dummankñnamĩ puggal^anamĩ niggah^aya); 4. Để người biết hổ thẹn được yên vui (pesal^anamĩ bhikkhñnamĩ ph^asuvih^ar^aya); 5. Đoạn hữu lậu đời này (ditĩtihadhammik^anamĩ ^asav^anamĩ samĩvar^aya); 6. Diệt hữu lậu đời sau (samp^arayik^anamĩ ^asav^anamĩ patĩgh^at^aya); 7. Khiến người chưa tin có tín tâm (appasann^anamĩ pas^ad^aya); 8.Khiến người có tín tâm được tăng trưởng (pasann^anamĩ bhiyyobh^av^aya); 9. Để chánh pháp lâu dài (saddhmmatĩtihitiy^a); 10. Phân biệt Tỳ-ni phạm hạnh tồn tại lâu dài (vinay^anuggah^aya).

⁵⁴ . Kinh Tạp Bảo Tạng 2, truyện 18, tr. 457a, T4n203: Vào thời quá khứ, lúc con người thọ 2 vạn tuổi. Bảy giờ, trong chánh pháp Phật Ca-diếp, có một cô gái mê một vị Tỳ-kheo trẻ đẹp. Một hôm, Đà-phiêu thấy cô ấy đi sau vị Tỳ-kheo kia, bèn vu khống phỉ báng. Do nhân duyên đó, cho đến nay Tỳ-kheo Đà-phiêu vẫn bị phỉ báng.

⁵⁵ . Rừng A-nậu, ấp Di-la: Pali. Anupiy^a, thị trấn thuộc xứ Mạt-la (Malla), gần Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu), (cht.Tứphần).Tứ phần 4: A-nô-di-giới, nước Di-ni-suru.

⁵⁶ . Thích Ma-nam: Pali. Mah^an^ama, Ma-ha-nam anh em với A-na-luật, con vua Hộc Phạn Vương (Amitodana).

⁵⁷ . A-na-luật: Pali. Anuruddha. Xem cht.19 trên.

⁵⁸ . Bạt-đề Vương: Pali. Bhaddiya Sakyar^ajan, Bạt-đề Thích Ca Vương. Tứ phần 4: Thích tử Bạt-đề.

⁵⁹ . Ca-duy-la-vệ: Skt. Kapilavastu. Pali. Kapilavatthu, vương quốc dòng tộc Thích Ca.

⁶⁰ . Tứ phần: Nước Chiêm-ba.

⁶¹ . Hồ A-nậu-đạt: Skt. Anavatapta, Pali. Anotatta, dịch là hồ mát mẻ, hồ không nóng bức. Tương truyền hồ này bắt nguồn từ 4 con sông lớn ở Diêm-phù-đề (Ấn Độ).

⁶² . Tứ phần: A-xà-thế. Xem cht. 29, tr. 30.

⁶³ . Vườn Cù-sư-la: Skt. Ghosīl^ar^ama, Pali. Ghosit^ar^ama, cũng là tinh xá Cù-sư-la. Nơi đây là khu vườn rừng của trưởng giả Cù-sư-la, ông kiến lập tinh xá phụng cúng cho đức Thích Tôn.

⁶⁴ . Kha-huru: Pali. Kakudha. Tứ phần: Câu-huru-câu-la Tử. Vin.ii.185 Kakudha/ Kakudha koliya, nguyên là thị giả của ngài Đại Mục-kiền-liên (cht.Tứ phần)

⁶⁵ . Phạm Thiên: Xem cht. 36, tr. 42. Tứ phần: Trời Hoá-tự-tại.

⁶⁶ . Con Cự Hư: Là con La, giống con lừa nhưng nhỏ hơn, do ngựa đực và lừa cái giao phối sinh ra.

⁶⁷ . Ma-nạp: Skt=Pali. M^anīava, dịch là nhỏ đồng, thiếu niên, người, trưởng giả. Huyền úng âm nghĩa, q1: Ma-nạp dịch là niên thiếu tịnh hạnh... là chỉ cho thanh niên Bà-la-môn.

⁶⁸ . Sát-lợi: Skt. Kṣīatriya, Sát-đế-lợi.

⁶⁹ . Thành Ca-di: Skt. K^asūi, Pali. K^asī, cũng là nước Ca-thi, một trong 16 vương quốc lớn ở Ấn Độ thời Phật còn tại thế.

⁷⁰ . Hoa Mạn-đà-la: Skt. mand^araka, dịch là Duyệt ý hoa, Thích ý hoa. Một trong bốn loại hoa ở Thiên giới.

⁷¹ . Thần núi Kim-bính-lô: Pali. Kimbila.

⁷² . Tăng-già-bà-thi-sa: Skt. Samīgh^adisesīa, Pali. Sanīgh^adisesīa, lược dịch là Tăng-tàn, nghĩa là còn sót lại, dư tàn, tàn tật...Tỳ-kheo nào phạm vào các học giới trong thiên này thì coi như kẻ bị tàn tật trong chúng Tăng, cần dựa vào Tăng pháp để chữa trị.

⁷³ . Xiển-na: Skt. Chandaka, Pali. Channa, tên thường gọi Xa-nặc, người hầu ngựa Thái tử. Tứ phần 5, Tăng kỳ 7, Căn bản 16: Tỳ-kheo Xiển-đà. Thiện kiến 14: Tỳ-kheo Xiển-na.

⁷⁴ . Ấp Kiết-la: Skt. Krīṭ^agiri, Pali. Kit^agiri. Thập tụng: Lãnh thổ Hắc-son (núi Đen).Tứ phần: Kỳ-liên.Tăng kỳ: Thôn Hắc-son, nước Ca-thi. Căn bản: Núi Chi-tra. Thiện kiến: Núi Kê-tra.

⁷⁵ . An-bê: Pali. Assaji. Đây là tỳ-kheo trong nhóm Lục quần (chabbaggiya); không phải Assaji Thera trong năm Tỳ-kheo đầu tiên (panōcavaggiya) (cht. Tứ phần). Phân-na-bà: Pali. Punabbasuka. Thập tụng: Tỳ-kheo Mã-túc, Mãn-túc. Tứ phần: Tỳ-kheo A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa. Tăng kỳ: Nhóm sáu Tỳ-kheo. Căn bản: Có ba Bí-sô, A-thấp-bạt-ca, Bỏ-nại-phạt-tố, và Bán-đậu-lu-linh-đắc-ca. Thiện kiến: Tỳ-kheo Mã-sư, Mãn-túc

⁷⁶ . Yết-ma khu xuất: Pali. Pabb^ajaniyakamma, đuổi hai Tỳ-kheo ấy rakhôi áp, nơi mà họ đang mang tiếng xấu. Tứ phần 5, tr 597a24, T22n1428: Tẩn yết-ma.

⁷⁷ . Chương 4: Pháp Xả đọa (Pali. Nissaggiya). (Lược chương 3: pháp Bất định <Pali. Aniyata>).

⁷⁸ . Núi Kỳ-xà-quật: Skt. grīdhraṅgī, Pali. gijjhakūṭṭha, núi Linh-thứu (núi Kên Kên), gọi tắt Linh sơn.

⁷⁹ . Tịnh thí: Còn gọi là tác tịnh. Tứ phần, Ba-dật-đề 59: Có hai cách tịnh thí, chân thật tịnh thí và triển chuyển tịnh thí. Chân thật tịnh thí là biểu luân. Triển chuyển tịnh thí là chỉ cho trên danh nghĩa, người cho vẫn dùng với ý niệm “mượn tạm”. Pali, P^acettiya 59 (Vin.iv.122): vikappana, tác tịnh hay tịnh thí, có hai cách: sammukhavikapana, hiện tiền tác tịnh và parammukhavikappana, khiếm diện tác tịnh (cht. Tứ phần). Thiện kiến 14, tr. 772c13, T24n1462: Thuyết tịnh (Dvevikapp^a) có 2 cách: 1. Đối diện tịnh (Sammukh^avikappa), 2. Triển chuyển tịnh (Parammukh^avikappa).

⁸⁰ . Ba-la-nại: Skt. B^anaras, Pali. B^ar^anāsī, một trong 6 thành lớn thời đức Phật.

⁸¹ . Kỳ-hoàn: Xem cht. 3, tr. 48.

⁸² . Ba-xà-ba-đề: Pali. Paj^apatī, di mẫu của Thế Tôn, phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề.

⁸³ . Vườn An-đà: Skt=Pali. Andhavana, còn gọi là rừng An-đà, An-hoà. Khu rừng này gần tinh xá Kỳ-viên trong nước Xá-vệ. Thập tụng 1: Rừng An-hoàn. Cf. Tạp A-hàm 54, T.2, Trung A-hàm 2, T.1: rừng An-đà. Thiện kiến 14: rừng An-đà-ca.

⁸⁴ . Năm y của Tỳ-kheo-ni: Ngoài 3 y như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni còn có thêm hai loại y: 1. Câu-tô-la (quyết-tu-la, Skt. kuṣṇīlaka) là cái váy phụ nữ mặc lót phòng kinh nguyệt; 2. Tăng-kỳ-chi (Skt. samīkaksīk^a), tức cái yếm để nịt vú.

⁸⁵ . Ba-dật-đề: Skt. p^ayattika, Pali. p^acittiya, p^acittika. Căn bản Tát-bà-đa bộ luật nhiếp 8, tr. 272c16, T24n1458: Ba-dật-đề-ca nghĩa là bị thiêu đốt, đọa vào đường ác. Căn bản Nhất-thiết-hữu bộ Tỳ-nại-da25, tr. 762c44, T23n1442: Ba-dật-đề-ca nghĩa là đọa lạc nơi thiêu đốt nung nấu. Người phạm tội này bị đọa nơi địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, chịu các khổ nung nấu

trong đường dữ. Tội này nếu không khẩn thiết ăn năn sám hối thì có thể bị trở ngại đối với pháp lành. Đủ các nghĩa trên gọi là Ba-dật-đề-ca.

⁸⁶ . Ni-tát-kỳ ba-dật-đề: Skt. naihsargika-pr^ayasùcittika, Pali. nissaggiya-p^acittiya, dịch là “xả đọa”, nghĩa là tài vật nào, Tỳ-kheo nhận phi pháp, thì phải đem vật ấy ra giữa chúng Tăng, để tác pháp xả bỏ và đối trước một vị Tỳ-kheo sám hối về tội nhiễm tâm sa đọa vào những tài vật ấy.

⁸⁷ . Đột-kiết-la: Xem cht. 22, tr. 23.

⁸⁸ . Hầu hết, Hán dịch y (Pali. cⁱvara), cần được hiểu là vải để may y, chứ không phải áo mặc theo nghĩa đen của từ Hán.

⁸⁹ . Người chấp sự: Thập tụng 7, tr. 46c17, T23n1434, Tịnh nhơn. Tịnh nhơn: Còn gọi là đạo nhơn, khổ hạnh, quan tự, chấp sự. Người này không phải Sa-di, hay Tỳ-kheo mà là cư sĩ thọ 5 giới hay 8 giới, sống trong Già lam, giúp đỡ các Tỳ-kheo những việc lao tác, quét dọn, cơm nước... ta cũng thường gọi là người công quả chùa.

⁹⁰ . Thiện kiến 15, tr. 775b23, T24n1462: Phạt 50 Ka-lê-sa-bàn (Pali. Kah^apanⁱa). Ka-lê-sa-bàn là một loại tiền xưa ở Ấn Độ.

⁹¹ . Tăng-già-lê: Skt. sa[~]Agh^ati, tức là Đại y, Tạp toái y, Cao thẳng y...., loại y có hai lớp, y trùm kín thân thể.

⁹² . Ưu-đa-la-tăng: Skt. uttar^asa[~]Agha, Uất-đa-la-tăng, y khoác vai, y thượng.

⁹³ . An-đà-hội: Skt. antarv^asa, y trong hay y dưới.

⁹⁴ . Câu-tát-la: Skt. Kos^ual^a, Pali. Kosal^a, hoặc Kiêu-tát-la, là vương quốc có thế lực nhất tại Bắc Ấn Độ, kinh đô là Xá-vệ.

⁹⁵ . Xả đọa: Xem cht. 9, tr. 126.

⁹⁶ . Vàng Diêm-phù-đàn: Skt. jamb^hnadasuvarnⁱa, Diêm-phù là tên cây, Đàn(nada) tên con sông. Dưới cây Diêm-phù là con sông, cát trong sông này toàn là vàng, cát vàng có màu đỏ, vàng, tím....nên loại vàng này rất quý.

⁹⁷ . Tỳ-xá-khur Lộc Tử Mẫu: Pali. Vis^akh^a Mig^aram^at^a, bà sinh vào tháng hai, sao Tỳ-xá-khur mọc. Và có người con tên Lộc nên gọi Lộc tử mẫu. Bà là nữ thành tín bố thí đệ nhất. Thiện kiến 14, tr. 770c25, T24n1462: Tỳ-xá-khur Mẫu có 10 trai, 10 gái, cả con cháu là 420 người. Người trong nước bình luận rằng bà ấy tốt; cho nên khi có việc cưới hỏi họ đều mời bà.

⁹⁸ . Y tắm mưa: Hán, Vũ dục y, Pali. Vassikas^atiikacⁱvara, khăn quấn để tắm khi trời mưa. Khác với udakas^atiik^a, dục y, khăn tắm để Tỳ-kheo ni quấn người khi tắm sông (cht. Tứ phần).

⁹⁹ . Sông A-di-la: Pali. Aciravatⁱ. Tứ phần 10: Sông A-di-la-bạt-đề. Dịch là sông Hữu-kim(có vàng). Vị trí hiện nay là sông Gandak (Can-đạt-khắc).

¹⁰⁰ . Có hai hạn kỳ của sự an cư mùa mưa, gọi là tiền an cư và hậu an cư (Tứ phần 37, T22n1428, tr.832a26). Cụ thể kết an cư vào ngày mùng 1 trăng tròn tháng 4 A-sa-đà, tức tương đương ngày 16 tháng 4 hay tháng 5 tùy theo cách

tính tháng giữa lịch Ấn Độ và Trung Quốc. Theo thông lệ ở nước ta (Việt Nam), ngày kết tiền an cư là vào ngày 16 tháng 4 Âm lịch, và từ ngày 17 đến hết ngày 16 tháng 5 là thời kỳ hậu an cư.

¹⁰¹ . Cấp thí y: Pali. Accekacivara, là y được cúng trong lúc khẩn cấp.

¹⁰² . Ấp A-trà-bệ: Xem cht. 4, tr 53.

¹⁰³ . Lòng dê đen tuyền: Pali. suddhak^aliak^anamī eliakalom^anamī, lòng dê thuần đen; eliaka, một loại sơn dương (cht. Tứ phần).

¹⁰⁴ . Hạ: Chỉ lông đầu, lông bụng, lông gót chân. Pali: gocariy^anam, phần thứ tư màu nâu đỏ.

¹⁰⁵ . Do-tuần: Skt=Pali. yojana, âm khác: do-diên, dũ-thiện-na. có nhiều cách tính, hoặc bằng 4 câu-lô-xá hoặc bằng 8. Huyền Trang, Tây vực ký 2: “Du-thiện-na, đoạn đường 1 ngày hành quân của Thánh vương xưa khoảng 40 dặm. Theo tục Ấn Độ, 30 dặm. 1 câu-lô-xá gần bằng 1 dặm Anh (Yết-ma yếu chỉ ‘Karmavacanābindus^ara’).

¹⁰⁶ . Kiếp-bôi: Xem cht.9, tr 11.

¹⁰⁷ . Chương 5: Pháp Đơn-đề (Pali. Pa^ccittiya).

¹⁰⁸ . Hoà thượng: Là một thổ âm của các xứ thuộc miền Tây vực Trung Quốc, do phát âm trại từ chữ Phạn (Sanskrit): up^adhy^aya (Pali. upajjh^aya), phiên âm Ưu-ba-đà-da, là bậc tôn sư thân cận dìu dắt các Sa-di, Tỳ-kheo, cũng gọi là thân giáo sư hoặc Lục sinh (nhờ có thầy mà đạo lực của đệ tử được sinh ra).

¹⁰⁹ . A-xà-lê: Skt. ^ac^arya, Pali. ^ac^ariya, dịch nghĩa là Giáo thọ - thầy dạy đạo, đạo là giáo pháp, là Quĩ phạm. Là vị thầy có đủ phép tắc, nghi quĩ, hay chánh hạnh để dạy và sửa chữa hành vi cho đệ tử.

¹¹⁰ . Thành Đắc-xoa-thi-la: Skt. Taksiasuila^a, Pali. Takkasila^a, cũng gọi nước Đứcxoa-thi-la, Đát-xoa-thi-la....dịch là nước Tước Thạch.

¹¹¹ . Tứ phần 11, tr. 640c23, T22n1428: Năm lời là sắc vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức vô ngã. Sáu lời là mắt vô thường, tai, mũi, lưỡi, thân, ý vô thường

¹¹² . Ba-dật-đề: Dịch là đơn đọa, đơn đề. Nó liên quan đến các tội tiểu vọng ngữ, cố ý sát hại côn trùng, cùng người nữ đi chung đường v.v...Tội này không liên quan đến vật dụng, phạm thì bị đọa không cần xả, nên gọi đơn đọa (xem thêm cht. 8, tr 123).

¹¹³ . Yết-ma ha trách: Pali. Tajjanīyakamma, tuyên cáo quở trách sự sai phạm của một Tỳ-kheo giữa Tăng.

¹¹⁴ . Yết-ma khu xuất: Xem cht. 39, tr 109.

¹¹⁵ . Yết-ma y chỉ: Pali. Nassayakamma, là Yết-ma bắt Tỳ-kheo không thuận theo Phật pháp phải tìm một vị Tỳ-kheo đa văn, giới đức để dựa vào học luật, học pháp mà tu hành.

¹¹⁶ . Yết-ma cử tội: Pali. Ukkhepaniyakamma, còn gọi là Yết-ma bất sám cử, Yết-ma bất kiến tội. Do Tỳ-kheo phạm tội mà không sám hối, không nhận tội mình phạm, nên Tăng Yết-ma cử tội “bất sám”.

¹¹⁷ . Yết-ma hạ ý: Pali. Patīis^aranīyakamma, hay gọi Yết-ma già bất chí bạch y gia (Yết-ma ngăn không cho đến nhà cư sĩ), Yết-ma cầu tạ (Yết-ma xin lỗi) ã. Vì Tỳ-kheo xúc phạm cư sĩ (bạch y), nên Yết-ma không cho Tỳ-kheo đó đến nhà cư sĩ này nữa. Và Yết-ma cử người có đủ tám pháp (1. Đa văn, 2. Khéo nói, 3. Tự mình giải được tội, 4. Biết ý người khác, 5. Biết nghe lời người khác nói, 6. Có thể nhớ sự việc, 7. Không có khuyết điểm gì, 8. Hiểu rõ lời nói lành dữ) dẫn Tỳ-kheo kia đến nhà cư sĩ xin lỗi.

¹¹⁸ . Chúc thọ (thuyết dục): Nhờ đại diện nói rõ lý do không đến họp giữa Tăng. Mọi biểu quyết Tăng sự đều chấp thuận không chống trái.

¹¹⁹ . Huỳnh môn: Skt. Kanīdī^aka, Pali. Panīdī^aka, còn gọi là bất năng nam, nghĩa là nam căn không đủ, hay không hoàn chỉnh, hoặc người bị hoạn, thiếu. Căn bản: Bán-trạch-ca.

¹²⁰ . Nhị căn: Skt. ubhayavyanōjanaka, Pali. ubhatovyanōjanaka, người hai tướng, người tính khí cả nam nữ, sinh lý dị thường. Tứ phần: Nhị hình.

¹²¹ . Vườn Cù-sur-la: Xem cht. 26, tr 84.

¹²² . Tăng kỳ: “quá ba đêm, Ba-dật-đề.” Pali: uttaridvirattatirattamī, “quá hai hoặc ba đêm”; được hiểu là “từ hai đến ba đêm”. Giải thích ý nghĩa để chấp hành, Pali, Vin.iv. 17, nói: “Nếu đã trải qua hai đêm, thì đến đêm thứ ba nên ra đi trước khi có dấu hiệu bình minh.” (cht. Tứ phần)

¹²³ . Sông Bà-cầu-mạt: Xem cht. 34, tr. 32.

¹²⁴ . Tăng-già-bà-thi-sa: Xem cht. 35, tr. 104.

¹²⁵ . Biệt trú: Pali. pariv^asa, phiên âm ba-lợi-bà-sa, còn nghĩa là bắt đầu. Biệt trú là hình thức kỷ luật buộc sống riêng của tội Tăng-già-bà-thi-sa. Số ngày Biệt trú tùy theo số ngày che giấu tội.

¹²⁶ . Ma-na-đỏa: Pali. M^anatta, dịch là hoan hỷ. Sau thời gian Biệt trú mãn, không những tự thân có được lòng vui thanh tịnh mà con làm Tăng chúng được hoan hỷ với việc thi hành nghiêm túc này.

¹²⁷ . Hành bốn nhật: Pali. Mñī^aya patīikassan^a, bốn nhật trị, là trong lúc đang thi hành pháp sám hối mà phạm lại tội cũ thì tính trở lại ngày đầu tiên.

¹²⁸ . Xuất tội: Pali. abbh^ana, phiên âm a-phù-ha-na. việc xuất (giải) tội cho một Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa cần Hội đồng Tăng 20 vị, sau khi thi hành nghiêm túc các hình thức kỷ luật trên.

¹²⁹ . Quý thôn: Do dịch nghĩa đen. Pali, bhñtag^ama, chủng loại (hạt giống) có mầm sống; Vin.A..(iv. 761) giải thích: j^ayanti vadīdīhanti j^at^a vadīdīhit^a c^ati attho, chúng sinh sản, tăng trưởng, và những cái đã sinh sản, đã tăng trưởng.

Tăng kỳ: Hoại chủng tử phá qui thôn. Thập tụng: Chước bạt qui thôn chủng tử. Căn bản 27: Hoại chủng tử hữu tình thôn. Pali. Bh^atag^amap^atavyat^aya (cht. Tứ phần).

¹³⁰ . Câu-nhiếp: Skt. Kokila, là y(vải) Câu-nhiếp-la (y dẹt lông chim).

¹³¹ . Thập thất quần Tỳ-kheo: Pali. Sattarasavagiy^a bhikkh^ñ, nhóm 17 Tỳ-kheo.

¹³² . Hệ niệm: Buộc tâm một chỗ không nghĩ chuyện khác.

¹³³ . Giường chân nhọn: Hán, Tiêm cước sàng. Pali. ^ahaccap^adaka, giường chân tháo gỡ được. Tứ phần 12, tr. 646a, T22n1428: Giường chân ráp (Hán: Thoát cước sàng).

¹³⁴ . Chánh thọ Tam-muội: Chánh thọ, Skt. sam^apatti, dịch là Chánh định. Tam-muội, Skt. sam^adhi, cũng dịch là Chánh định. Chánh thọ Tam-muội là cách dịch Hán Phạn song cử.

¹³⁵ . Pali: Cñliā-Panthaka(Châu-lợi Bàn-đà-già).

¹³⁶ . Giường dây: Skt=Pali. Pitiha, Hán: thăng sàng, hay gọi giường ngồi thiền (tọa thiền sàng). Loại giường này dùng dây tơ, dây leo, hoặc cỏ đan thành (loại giường xếp để Tỳ-kheo hành đạo dễ dàng mang theo. Một trong mười tám thứ vật dụng của Tỳ-kheo).

¹³⁷ . Ma-na-đỏa, A-phù-ha-na: Xem cht. 20, cht. 22, tr. 190.

¹³⁸ . Lục quần Tỳ-kheo ni: Pali. Chabbaggiy^a bhikkuniyo, nhóm sáu Tỳ-kheo ni.

¹³⁹ . Sông A-di-la: Xem cht. 22, tr 157.

¹⁴⁰ . Nước Ưu-thiên-na: Skt. Ujayana, Pali. Ujjenī, một vương quốc thời xưa, nằm phía Tây nam nước Ma-kiệt-đà. Vị trí hiện nay là địa phương Malwa (Ma-nhĩ-ngoã), phía Bắc sông Nerbuddha (Ni-bố-đức-hạp).

¹⁴¹ . Tăng phùng: Skt.Vih^ara, dịch âm Tỳ-ha-la, là phòng xá chỗ Tăng chúng cư ngụ sinh hoạt.

¹⁴² . Tứ phần 14, tr. 658c14, T22n1428: (Thích từ), bệnh: cho đến cái gót chân bị trọ. Thời may y: sau khi thọ tự tứ, nếu không thọ y Ca-thi-na thì khoảng một tháng. Nếu có thọ y Ca-thi-na thì khoảng năm tháng, cho đến trên y chỉ may một đường như răng con ngựa. Thời thí y: sau khi tự tứ rồi, nếu không thọ y Ca-thi-na thì khoảng một tháng; nếu có thọ y Ca-thi-na thì khoảng năm tháng; và các trường hợp thí thực và y khác. Khi đi đường: cho đến chỉ đi trong nửa do tuần, gồm cả đi tới đi lui. Khi đi thuyền: cho đến đi trên thuyền xuôi hay ngược dòng nước trong vòng nửa do tuần. Khi đại chúng tập hội: thức ăn đủ cho bốn người mà dư một người là có sự khốn đốn. Năm người, mười người, cho đến trăm người mà dư một người là có sự khốn đốn (Pali: mah^a samayo, bản Anh hiểu là sự khan hiếm cực kỳ, do Pali,

samaya có nghĩa thời tiết, cơ hội. Trong Skt. samaya còn nghĩa “tập hội” ‘cht. Tứ phần’). (Xem thêm duyên khởi Tứ phần luật)

¹⁴³ . Pali, Vin.iv.474, một người thân tộc của vua Seniya Bimbis^ara, xuất gia theo nhóm lỏa hình tà mạng (jīvaka); không nói tên. (cht. Tứ phần)

¹⁴⁴ . Sa-môn đại hội: Tứ phần 14, tr. 658c21, Sa-môn thí thực: đây chỉ cho những người xuất gia theo ngoại đạo, bên ngoài Sa-môn Thích tử. Pali: Samanīabhattasamaya, được giải thích: “bữa ăn của Sa-môn, nghĩa là bữa ăn được làm bởi Sa-môn”.

¹⁴⁵ . Khư-xà(đà)-ni: Skt=Pali. kh^adanīya, dịch là thức ăn không chính (bất chính thực), thức ăn loại cứng (cần phải cắn). Loại thức ăn này lấy năm thứ: rễ, cành, lá, hoa, quả, xay nghiền làm món ăn phụ, dùng không no.

¹⁴⁶ . Xem cht. 39 trước.

¹⁴⁷ . Xa-đà-ni: Pali. Bhojaniya, dịch là thức ăn chính (chính thực), thức ăn loại mềm, là cơm, đậu, mì, bánh, thịt, cá.....

¹⁴⁸ . Ngũ phần 7, tr. 52c11, T22n1421: Có năm loại thức ăn gọi là túc thực: Cơm chín (odana), bánh bột (kumm^asa), bánh khô (sattu), cá (maccha), thịt (mamīasa). Đối với năm thức ăn này, mỗi thứ có năm trường hợp gọi túc thực: có thức ăn, đã trao cho, đã nhận và đã nhai và nuốt, ăn đã xong, đã rời khỏi chỗ ngồi, gọi là túc thực (ăn đã đủ).

¹⁴⁹ . Ao A-nậu-đạt: Xem cht. 24, tr 83.

¹⁵⁰ . Thích-đề-hoàn-nhân: Skt. SŪakra devan^amidra, Pali. Sakka dev^anamī Inda, trời Đế Thích hay gọi Kiều Thi Ca, vị chủ trời Đạo Lợi.

¹⁵¹ . Rừng cây Sa-la: Pali. S^alavana, dịch là rừng cây Kiên cố, hay rừng Sa-la nguư giác. Nguư giác là biểu thị cây mọc đôi.

¹⁵² . Tịnh nhơn: Xem cht. 12, tr 136.

¹⁵³ . Tàn túc thực: Pali. sannidhik^arakabhojana, ăn các thức ăn được tích trữ.

¹⁵⁴ . Tứ Thiên vương: Skt=Pali. C^aturmah^ar^aja, Là bốn vị Hộ thế canh giữ bốn phương trời.

¹⁵⁵ . Xem cht. 44, tr. 236.

¹⁵⁶ . Phạm Thiên Vương: Skt=Pali. Brahm^a Sahampati, Phạm Thiên chủ thế giới Ta-bà.

¹⁵⁷ . Tứ phần 17, tr. 682a11, T22n1428: “Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp, trong đó có chỗ nói phạm dâm dục chẳng phải pháp chương đạo”.

¹⁵⁸ . Ngũ phần 8, tr. 59c19, T22n1421: Người nữ kể cả sơ sinh và người nữ hai căn cùng ngủ chung nhà đều phạm Ba-dật-đề. Tứ phần 11, tr. 638a7, T22n1428: Phụ nữ, người nữ có hiểu biết (nữ thuộc loài người, không phải quỷ, không phải súc sanh), mạng căn chưa đoạn.

¹⁵⁹ . Ngũ phần: Trường hợp không phạm: Nếu nhà đồng lợp (chung nhà) có ngăn cách, đại hội thuyết pháp, hoặc mẹ hay chị em thân thuộc có bệnh mà có người nam tử hiểu biết làm bạn, không năm đều không phạm.

¹⁶⁰ . Ấp Bạt-đà-việt: Pali. Bhaddavatik^a. Thập tụng 17, tr.120b29, T23n1435: Phạt tại nước Chi-đề, ấp Bạt-đà-la-bà-đề.

¹⁶¹ . Phạm chí bện tóc: Pali. Jatiila (xem thêm cht. 5, tr 57).

¹⁶² . Đát-bát-na: Skt. Tarpanīa, Pali. Tappanīa, dịch là cháo sữa, bánh, hay bột... Thức ăn chế biến từ các loại lúa, nếp... được xay nát thành bột ngũ cốc.

¹⁶³ . Pali: C^atum^asapccayapav^aranī^a, được yêu cầu tùy ý đối với các nhu yếu trong bốn tháng.

¹⁶⁴ . Tụ lạc: Skt. Gr^ama, Pali. G^ama, Hán việt: Thôn lạc, tụ lạc, phiên âm: Già-lạt-ma. Nghĩa là thôn xóm, làng nhỏ, vùng quê, chỉ chung tất cả khu vực nhà dân cư. Khu vực đó có thể được bao quanh bởi tường xây, lũy tre, hoặc cắm cây làm hàng rào, hoặc được bao quanh bởi sông ngòi các thứ. Nhiều nhà họp lại thành một tụ lạc. Một ngôi nhà biệt lập cũng gọi là tụ lạc.

¹⁶⁵ . Tỷ-xá-khư Mẫu: Xem cht. 20, tr 154.

¹⁶⁶ . Chiêu-đề: Skt. catur-disūa, Pali. catu-disa; Hán: Tứ phương. Chiêu-đề Tăng là chỉ cộng đồng Tỳ-kheo không định cư lâu dài tại bất cứ trú xứ nào (cht. Yết-ma yếu chỉ ‘karmavacan^abindus^ara’)

¹⁶⁷ . Bột Tháo đậu: Một loại bột tắm được xay từ nhiều loại đậu.

¹⁶⁸ . Pali: nīla (xanh lá cây), kaddama (bùn), k^alīas^amaka (màu đen hay gần đen). Màu mộc lan: Là màu đỏ và màu đen, màu đỏ nhiều hơn màu đen.

¹⁶⁹ . Tịnh thí: Xem cht. 2, tr 112.

¹⁷⁰ . Tứ phần 19, tr. 693a11, T22n1428: Trường hợp không phạm: Tỳ-kheo lo việc của chúng Tăng, việc chùa tháp, việc nuôi bệnh, có báo lại cho Tỳ-kheo khác; hoặc trên đường đi qua thôn, hoặc có việc cần nói, hoặc bị gọi, hoặc thế lực bắt, hoặc bị trói buộc dẫn đi; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, đều không phạm.

¹⁷¹ . Chương 6: Pháp hồi quá (Pali: P^atidesaniya, Ba-la-đề-đề-xá-ni. dịch là Hướng bị hồi, Phát lộ, Hồi quá....Tăng kỳ 21, tr. 396c25, T22n1425: Ba-la-đề-đề-xá-ni, vì tội này hướng đến người(Tỳ-kheo) mà sám hối, không được che dấu.)

¹⁷² . Tứ phần 19: Tỳ-kheo ni Liên Hoa Sắc.

¹⁷³ . Học gia: Thập tụng 19, tr.132b22, T23n1435: Học gia là chỉ cho gia đình đã đắc Sơ quả. Tăng kỳ 21, tr. 399a3, T22n1425: Học gia là chỉ cho gia đình mà cả vợ lẫn chồng đều chứng được một trong ba quả: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm hoặc A-na-hàm. Pali: sekkhasammat^ani kul^ani, những gia đình đã được xác nhận là hữu học; giải thích: đó là gia đình tăng trưởng với tín, nhưng tổn giảm với tài sản (cht. Tứ phần).

-
- ¹⁷⁴ . Chương 7: Pháp chúng học (Thức-xoa-ca-la-ni). Thức-xoa-ca-la-ni: Skt. sùksiakaraniya, Pali. sekka^akaranīya, dịch là “điều cần phải học”. Căn bản: Chúng đa học pháp. Các bộ khác: Chúng học pháp.
- ¹⁷⁵ . Nước Bà-già: Pali. Bhagg^a, Bà-kỳ.
- ¹⁷⁶ . Núi Thủ-ma-la: Skt. Sùisùum^aragira, Pali. Simisum^aragira, dịch là núi cá sấu. Cũng gọi là thôn núi Thi-thâu-ma-la.
- ¹⁷⁷ . Rừng Khủng Bố (Khủng úy): Pali. Bhesakalī^avana, dịch là rừng Kinh sợ.
- ¹⁷⁸ . Ma-nạp: Xem cht. 30, tr 88.
- ¹⁷⁹ . Chấn tay: Bỏ cơm vào tay trái, dùng bàn tay phải chấn ngay khuỷ tay trái để cơm quăng vào miệng.
- ¹⁸⁰ . Phần 2, Chương 1: Pháp Ba-la-di, Luật ni.
- ¹⁸¹ . Chương 2: Pháp Tăng tàn.
- ¹⁸² . Rừng An-đà: Xem cht. 6, tr 119.
- ¹⁸³ . Bò-xà-ni: Cũng gọi là Xa-đà-ni (xem cht. 41, tr 234).
- ¹⁸⁴ . Chương 3: Pháp xả đọa (Ny-tát-kỳ Ba-dật-đề).
- ¹⁸⁵ . Xem cht. 7, tr 122.
- ¹⁸⁶ . Nguyệt thủy: Xem cht. 17, tr 17.
- ¹⁸⁷ . Trọng y (y nặng, y dày): Tứ phần 24, tr. 733c06, T22n1428: Y trị giá một ngàn trương điệp. Tăng kỳ 37, tr. 526b07, T22n1425: (Y Khâm-bà-la) trị giá một trăm ngàn. Ngũ phần 12, tr. 84c01, T22n1421: Trọng y, là y mặc khi thời tiết lạnh. Tăng kỳ 37, tr 526b29: Trọng y, là y Khâm-bà-la. Tứ phần 24, tr. 734a5: Trọng y, là y ngăn lạnh.
- ¹⁸⁸ . Y Khâm-bà-la: Skt. Kambara, y (vải) làm bằng lông dê.
- ¹⁸⁹ . Ly-xa: Skt=Pali. Licchavi, chủng tộc Sát-đế-lợi (ksatriya) cư trú trong thành Tỳ-xá-li (Vaisū^ali), cũng là chi hệ bộ tộc Bạt-kỳ (Vrīji).
- ¹⁹⁰ . Bốn đại tiền: Tăng kỳ 37, tr. 526b29: Bốn yết-lợi-sa-bàn bằng 16 đồng tiền cổ. Tứ phần 24, tr 724a4: Nhận tội đa trị giá bốn lớp trương điệp.
- ¹⁹¹ . Chương 4: Pháp đọa (Ba-dật-đề).
- ¹⁹² . A-di (Phương ngôn): Cô, dì (chị em gái của mẹ)... Đây là nghĩa Hán ngữ, còn theo cách gọi trên có thể hiểu là: Tỳ-kheo ni, Đại tỷ.
- ¹⁹³ . Phần 3, Chương 1: Pháp thọ giới (Pali. Mah^akhandhaka)
- ¹⁹⁴ . Nê-hoàn: Skt. nirv^anā, Pali. nibb^ana, Niết-bàn,...dịch là Tịch diệt, Bất sinh, Vô vi, An lạc....
- ¹⁹⁵ . Rừng A-nậu-da: Skt. Anupriy^a, Pali. Anupiy^a, còn gọi là thôn A-nô-ba, gần sông A-nô-ma (Anom^a).
- ¹⁹⁶ . Chuyển luân Thánh vương: Skt. Cakravartī^arja, Pali. Cakkavattin, là vị vua cai trị toàn cầu, về sau danh hiệu này dùng chỉ cho đức Phật.
- ¹⁹⁷ . Cây Tu-ma-na: Skt. Sumanas, Pali. Suman^a.

¹⁹⁸ . Núi Ba-la-nại: Pali. Pandava, một ngọn đồi ở hướng Đông bắc, trong số năm ngọn đồi bao bọc thành Vương-xá.

¹⁹⁹ . Kinh Thuy Ứng Bồn Khởi: Phật thuyết thái tử Thuy Ứng bồn khởi kinh (T2n185, tr 472).

²⁰⁰ . Tụ lạc Uất-tỳ-la: Pali. Uruvel^a, còn gọi là rừng Ưu-lâu-tần-loa. Ưu-lâu-tần-loa là tên vùng đất ven sông Ni-liên-thiền (Skt. Nairanōjan^a), cũng ở trong nước Ma-kiệt-đà; “ một vùng đất tươi đẹp với khu rừng khả ái và dòng sông trong vắt, rất thích hợp để tắm mát, nghỉ ngơi; lại có làng xóm chung quanh dễ khát thực” (Majjhima Nik^aya, 26).

²⁰¹ . Quả Ha-lê-lạc: Pali. Harītakī, quả như quả táo, vị đắng, một trong năm loại thuốc.

²⁰² . Tâm: Đơn vị đo chiều dài thời xưa. 8 thước là một tâm, và độ rộng gọi là tâm, độ sâu gọi là nhận.

²⁰³ . Ròng Vãn-lân: Pali. Mucalinda N^agar^ajan, Mục-chân-lân-đà Long Vương. Long Vương ở ao Mục-chân-lân-đà.

²⁰⁴ . Cây Mục-chân-lân-đà(Skt. Mucilinda).

²⁰⁵ . Tụ lạc Uất-tỳ-la-tư-na: Pali. Uruvel^a-sen^ani, cũng là tụ lạc Uất-tỳ-la.

Xem cht. 7 trước.

²⁰⁶ . Cây A-dự-ba-la ni-câu-loại: Pali. Ajap^alanigrodha, A-xà-ba-la-dung thời

²⁰⁷ . Cây La-xà-da-hằng-na (Skt. r^aj^avatana).

²⁰⁸ . Phạm thiên vương: Xem cht. 50, tr 241.

²⁰⁹ . Thuở xưa tại Ma-kiệt-đà (Magadh^a) có phát nguyên một Giáo pháp không tinh thuần, do người trần tục suy tìm ra.

²¹⁰ . Uất-đầu-lam-phát: Pali. Uddaka R^amaputta, vị đạo sư thứ hai, người đã dẫn dắt Ngài đến từng thiên vô sắc cao nhất, Phi Tướng Phi Phi Tướng.

²¹¹ . A-lan-ca-lan: Pali. Alī^ara K^al^ama, vị đạo sư đầu tiên dạy Bồ-tát đến thiên Vô Sở Hữu Xứ Thiên.

²¹² . Nước Ba-la-nại: Pali. Bārāṇāsī, cách gọi khác Bà-la-nê-tu, dịch nghĩa là Giang nhiều (sông chảy quanh), vì lẽ nước này nằm ở lưu vực sông Hằng.

²¹³ . Tiên Nhơn Lộ Uyển: Pali. Isipatana Migadāya, Tiên nhơn đoạ xứ Lộ dã uyển, Tiên nhơn đoạ xứ Lộ lâm.

²¹⁴ . Tứ Thiên Vương Thiên: Pali. C^atumah^ar^ajik^a dev^a. Xem cht. 48, tr 241.

²¹⁵ . Đạo Lợi Thiên: Pali. Tusit^a dev^a.

²¹⁶ . Long vương Y-la-bát: Skt. El^apattra, Pali. Er^apatha, Long vương Y-la-diệp, tiền thân là một Tỳ-kheo thời Phật Ca-diệp (Pali. Kassapa), bị té thuyền, vớ nhằm lá er^apatha. Ông chết đuối với tâm u uất nên tái sanh làm thân rồng (Pháp cú truyện giải, Dh. A.iii.230-6). Theo tài liệu Hán, Phúc cái chánh hạnh sở tập kinh 11 (T32n1671): Tiền thân là Tỳ-kheo phạm hai tội,

ngắt lá y-la và Khất thực sau giờ ngộ, do đó sinh làm thân rồng với 7 đầu, trên đó mọc cây y-la(cht. Tứ phần).

²¹⁷ . Vua thứ sáu: là ý thức.

²¹⁸ . Rừng Sa-la: Xem cht. 45, tr 237.

²¹⁹ . Đối trị Tất-đàn: Skt=Pali. siddh^anta, dịch là thành tựu. Chỉ việc đức Phật tuỳ theo căn bệnh chúng sanh mà cho thuốc pháp, để đối trị các loại phiền não, ác nghiệp của chúng sanh.

²²⁰ . Xứ Ưu-vi: Còn gọi huyện Ưu-vi-la, cũng là tụ lạc Ưu-lâu-tần-loa. (Xem cht. 8, tr 329).

²²¹ . Uất-tỳ-la Ca-diếp: Pali. Uruvelakassapa, hay gọi là Ưu-Lâu-tần-loa Ca-diếp, ông cùng với 2 người em là Già-da Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp là những thủ lĩnh thờ lửa, trên đầu búi tóc như hình xoắn ốc, nên còn gọi là Loa Phát Phạm-chí.

²²² . Cây Diêm-phù: Pali. JambudĪpa, sinh trưởng ở Ấn Độ. Tên khoa học: Eugenia jambolana. Trái Diêm-phù là quả táo hồng.

²²³ . Diêm-phù-đề: Skt. JambudvĪpa, Pali. JambudĪpa. Jambu là tên cây, dvĪpa dịch là châu. Cách dịch Phạn-Hán: Diêm-phù châu, Thiệm-bộ châu (Lãnh thổ Ấn Độ thời xưa).

²²⁴ . Ha-lê-lặc: Xem cht. 9, tr 330.

²²⁵ . A-ma-lặc: Skt. ^amlik^a, Pali. ^amalaka, tức quả xoài (tên khoa học: Tamarindus indica), có vị chua nhưng đượm ngọt, có thể làm vị thuốc.

²²⁶ . Sông Ni-liên-thiên: Pali. Neranōjar^a. Xem cht. 8, tr 329.

²²⁷ . Tứ phần 33, tr. 795b01, T22n1428: Thích-đề-hoàn-nhơn biết được ý nghĩ Như Lai, liền đến núi Ma-đầu-cru-la (Skt=Pali. Madhukula, trong nước Ma-kiệt-đà) lấy một hòn đá lớn vuông vức....

²²⁸ . Tứ phần 33, tr. 795b10: Cây Ca-hưu (Pali. kakudha, Ca-cưu-đa, Ca-câu-bà, tên khoa học: Terminalia arjuna, thuộc một giống với cây Ha-lê-lặc).

²²⁹ . Uất-đơn-việt: Xem cht. 5, tr. 7.

²³⁰ . Lúa tự nhiên: Xem cht. 6, tr. 7.

²³¹ . Do-tuần: Xem cht. 28, tr 169.

²³² . Núi Già-da: Skt. Gay^a, dịch là núi Tượng đầu, vì đỉnh núi giống đầu con voi. Vị trí gần Bò-đề đạo tràng, phía Tây nam thành Đà-gia trong nước Ma-kiệt-đà.

²³³ . Tinh xá Trúc viên: Skt. Veniuvana-vih^ara, Pali. Veliuvana-vih^ara, hay gọi tinh xá Ca-lan-đa trúc viên (vườn trúc này do trưởng giả Ca-lan-đa ‘Skt. Kalandaka’ hiến cúng, vua Tần-bà-sa-la ‘Pali. Bimbis^ara’ kiến tạo già lam). Đây là tinh xá có sớm nhất ở Ma-kiệt-đà.

²³⁴ . La-duyệt-kỳ: Xem cht. 23, tr 24.

²³⁵ . Sa-nhiên: Skt=Pali. Sanōjaya, San-xà-da, là lục sư ngoại đạo thuộc qui biên luận (Pali. amar^a-vikkhepika).

²³⁶ . Ưu-ba-đề-xá: Skt. Upatisīya, Pali. Upatissa, dịch là Đại quang; là Xá-lợi-phất (Skt. S^ariputra, Pali. S^ariputta) gọi theo tên cha.

²³⁷ . Câu-luật-đà: Skt=Pali. Kolita, tên gọi khác của Mục-kiền-liên (Skt. Maudgaly^ayana, Pali. Moggall^ana).

²³⁸ . Át-bê: Skt. Ásvajit, Pali. Assaji, A thuyết thị.....dịch là Mã thắng, Mã tinh. Một trong năm Tỳ-kheo (nhóm Kiền-trần-như).

²³⁹ . Y phần tảo: Skt. P^amīsu-kñīla, Pali. Pamīsu-kñīla. Hay còn gọi là y bánạp (y trăm miếng vá lại), là y (vải) người đời mặc hư rách, bỏ chỗ dơ bẩn. Người tu lượm y rách này đem về giặt sạch, may những mảnh rách lại rồi mặc.

²⁴⁰ . Tàn khí dược: Skt. pñtimukta-bhaisīajya, Pali. pñtimutta-bheisajja, trần khí dược, hủ lạn dược....nghĩa là thuốc hôi thối hoặc những thứ phế thải hư mục. Nhà cựu luật Nam Sơn dựa vào Tăng kỳ và Tứ phần cho rằng đó là phân và nước tiểu. Nhà tân luật Nghĩa Tịnh cho rằng đó là thuốc mà người ta vứt bỏ. Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết-ma số tể duyên ký, q 17, dựa vào các luật điển giải thích trần khí dược: 1. chỉ cho đại tiểu tiện, tức lấy nước tiểu trị lao, lấy đại tiện giải nhiệt, gọi chung là Hoàng long thang ; 2. thuốc người ta vứt bỏ, chứ chẳng phải những thứ phế thải mà chế thành.

²⁴¹ . Mười hai pháp: Là mười hai hạnh đầu-đà (Skt=Pali. dhñta, nghĩa rũ sạch trần cấu phiền não). 1. Sống ở A-lan-nhã; 2. Thường khát thực; 3. Khát thực từng nhà; 4. Ngày chỉ ăn một bữa; 5. Thọ dụng có mức; 6. Sau buổi trưa không uống nước hoa quả, hoặc nước đường mật; 7. Mặc y phần tảo; 8. Chỉ mặc 3 y; 9. Ở chỗ tha ma mộ địa; 10. nghỉ dưới bóng cây; 11. Ngồi chỗ đất trống; 12. Chỉ ngồi không nằm.

²⁴² . Bốn pháp đọa: Tứ pháp Ba-la-di.

²⁴³ . Bốn pháp ví dụ: 1. Tỳ-kheo phạm bất tịnh hạnh, đức Thế Tôn dụ như người bị chặt đầu; 2. Tỳ-kheo cố ý lấy vật không cho, dụ như cây Đa-la bị chặt đứt lõi; 3. Tỳ-kheo cố ý giết người hay sai người khác giết....., dụ như cây kim sút lỗ không dùng được; 4. Tỳ-kheo cố ý nói dối mình đã chứng đắc pháp thượng nhân....., dụ như tảng đá vỡ làm hai không dính được nữa.

²⁴⁴ . Bốn pháp nương tựa: Pali. Catt^aro nissay^a, xem giải thích trong chuyện Bốn điều nương tựa, tr. 376.

²⁴⁵ . Tăng phường: Xem cht. 35, tr. 224.

²⁴⁶ . Ni-kiền: Skt. Nirgrantha-Jñ^ataputra, Pali. Niganītiha-N^ataputta, Ni-kiền-Tuê, Ni-kiền Thân Tử, hay Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử, là Giáo tổ Kỳ-na giáo (Jainism), một trong sáu Tôn sư ngoại đạo thời đức Phật.

²⁴⁷ . Kỳ-vực: Skt. Jīvaka, Kỳ-bà, Thời-bà....dịch nghĩa “sống tốt”, “sống vững vàng”, là danh y thời đức Phật. Ông từng đến vùng đất thuộc địa Hy Lạp, tức nước Đức-xoa-thi-la (Skt. Taksīasūil^a) học y, sau về thành Vương-xá làm ngự y cho vua Tần-bà-sa-la và A-xà-thế. Là người kiên thành tín ngưỡng Phật giáo, ông chuyên trị bệnh cho các đệ tử Phật.

²⁴⁸ . A-tu-la: Skt. Asura, dịch nghĩa là Thần, Phi Thiên (là hạng chúng sanh có thần lực và cung điện như chư Thiên nhưng hình thể không được đoan chánh), Vô đoan (dung mạo xấu xí).

²⁴⁹ . Phi nhơn: Pali. amanussa, chỉ các loại trời, thần và tương tự.

²⁵⁰ . Phạm cộng giới của Tỳ-kheo ni: Là nếu vị Tỳ-kheo ấy khi còn ở bên Tăng, phạm vào những học giới giống của Tỳ-kheo ni (Luật Tứ phần: 348 học giới; Ngũ phần: 373; Tăng kỳ: 290; Thập tụng: 354; Căn bản: 309) thì gọi là phạm cộng giới của Tỳ-kheo ni (trừ Ba-la-di giới, vì phạm vào các học giới ở thiên này là coi như không còn cơ sở phát khởi Định, Tuệ ngay trong đời sống hiện tại được nữa).

²⁵¹ . Cây Ni-câu-luật: Skt. nyagrodha, Pali. nigrodha, dịch là cây mọc xuống (vì cành mọc rễ rũ xuống nên cũng gọi là Khí-sinh-căn ‘rễ mọc giữa hư không’), cây nhiều rễ, cây toả rộng...., hình dáng giống cây đa, cây si. Lá của nó dài và nhọn giống lá cây hồng vàng, còn quả dùng chế thuốc ho.

²⁵² . Chương 2: Pháp Bó-tát (Pali. Uposathakkhandhaka). Bó-tát: Skt. upavasatha, Pali. uposatha, nghĩa đen là “sống gàn” hay “ngày phụng sự”. Nguyên lai trong truyền thống Vệ-đà, mỗi tháng thường có những ngày hiến tế lễ Soma. Trước đó một ngày, tế sư phải dọn mình bằng cách nhịn ăn, tiết chế dục lạc....Do ý nghĩa này, từ upavasatha hiểu theo nghĩa bóng là “ngày kiêng cử” hoặc “ngày nhịn ăn”, nói theo nghĩa Hán “ngày trai”. Như vậy, đức Phật chấp nhận ngày trai giới trong truyền thống Vệ-đà, nhưng hướng tới mục đích: Ngày đó tập hợp các Tỳ-kheo sống trong một cương giới để thuyết giới, tức đọc giới bốn Ba-la-đề-mọc-xoa. Từ đó, Bó-tát và thuyết giới trở thành phận sự thường xuyên và định kỳ mà một Tỳ-kheo không thể thiếu sót. (Trích lược Yết-ma yếu chỉ ‘Karmavacan^abindus^ara’)

²⁵³ . Thuốc: Thuốc là danh từ chỉ chung tất cả các loại đồ ăn thức uống cùng các thứ thảo mộc mà thế gian coi là dược liệu. Đây là hiểu theo định nghĩa cơ bản của Luật tạng. Nhưng nếu hiểu theo định nghĩa phổ thông thì tất cả đồ ăn thức uống của năm chúng xuất gia đều được coi là thuốc. (Yết-ma yếu chỉ ‘Karmavacan^abindus^ara’)

²⁵⁴ . Thuốc bảy ngày: Thuốc được phép cất chứa trong bảy ngày để dùng, qua ngày thứ tám, khi minh tướng xuất hiện mà còn cất chứa và dùng thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Loại này có năm thứ: Sanh tô (bơ lỏng), thực tô

(bơ đặc), du (Loại dầu ép từ các thứ hạt có chất dầu), mật (mật ong), thạch mật (đường phèn).

²⁵⁵ . Thuốc trọn đời (tận hình dược): Có ba thời hạn của ý nghĩa “tận hình” (suốt đời): Thứ nhất, dùng cho hết bệnh; nếu hết bệnh thì không được phép dùng. Thứ hai, hết đời của thuốc. Sau cùng, hết đời của người dùng. Nhưng ý nghĩa chính là nghĩa sau cùng, là được phép cất chứa cho đến trọn đời mình, để khi nào có bệnh thì đem dùng. Loại này gồm năm thứ: rễ, cọng, lá, hoa, trái cây. (Yết-ma yếu chỉ ‘Karmavacan^abindus^ara’)

²⁵⁶ . Chương 3: Pháp an cư (Pali. Vassupan^ayikkhandhaka).

²⁵⁷ . Tính theo lịch Ấn Độ thời xưa, ngày an cư bắt đầu từ mồng một trăng tròn tháng A-sa-đà (Skt. ^asi^adīha, Pali. ^asali^h) khoảng tháng 6 Dương lịch kéo dài suốt ba tháng, cho đến hết ngày trăng tròn tháng Át-thấp-phước-hữu-xà (Skt. ^asūvayuja, Pali. assayuja, khoảng tháng 9, 10 Dương lịch). Theo sự ghi nhận của ngài Huyền Trang trong Tây vực ký (Đại đường Tây vực ký 2, Đại 51, tr. 876a: Theo Thánh giáo của Như Lai, mỗi năm có ba mùa. Từ 16 tháng giêng đến 15 tháng 5 là mùa nóng. Từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 9 là mùa mưa. Từ 16 tháng 9 đến 15 tháng giêng là mùa lạnh... Tăng đồ Ấn Độ y theo Thánh giáo của Phật toạ an cư mùa mưa....) và Pháp Hiển trong Nam hải ký quy nội pháp truyện (Chương 14, “Ngũ chúng an cư”, Đại 54, tr. 217a25) thì ngày mồng một trăng tròn tháng A-sa-đà tương đương ngày 16 tháng 5 theo lịch Trung Quốc. (Trích lược Yết-ma yếu chỉ ‘Karmavacan^abindus^ara’)

1 Chương 4: Pháp Tự tứ (Pali. Pav^araniakkhandhaka). Tự tứ: Skt. prav^aranī^a, dịch là tỉnh tỉnh hay tùy ý, nghĩa là sự tỉnh cầu. Là tỉnh cầu người khác chỉ những khuyết điểm của mình. Sự chỉ điểm căn cứ trên ba trường hợp: do được thấy, được nghe, được nghĩ.

²⁵⁸ . Chương 5: Pháp y phục (Pali. Cīvarakkhandhaka).

²⁵⁹ . Kỳ-vức: Xem cht. 55, tr 383.

²⁶⁰ . Hoa Ưu-bát-la: Skt. utpala, Pali. uppala, dịch là Thanh liên hoa (hoa sen xanh, Hồng liên hoa (sen đỏ)... (tên khoa học: Nymphaea tetragona).

²⁶¹ . Chiên-đàn: Skt.candana, là một loại cây thơm nhưng có nhiều màu nên còn gọi cây Bạch đàn, Xích đàn... Cây này sinh trưởng ở vùng nhiệt đới Ấn Độ và nó có nhiều tính dược.

²⁶² . Y phân tảo: Xem cht. 47, tr 376.

²⁶³ . Nước Bạt-kỳ: Skt. Vṛjī, Pali. Vajji, là một trong 16 vương quốc lớn thời đức Phật, cũng là tên một chủng tộc ở vùng Bắc bộ Ấn Độ.

²⁶⁴ . Nữ A-phạm-hoà-lợi: Skt. mrap^alī, Pali. Ambap^alī, nữ Am-la, Am-thọ..., dịch là Nại nữ (đây là cách dịch cũ có lẽ nhầm). Phật thuyết Nại nữ Kỳ-bà kinh, tr 902, T14n554: Do người nữ này sinh từ Nại thọ (cây Am-la

‘cây xoài’) nên đặt tên Nại nữ. Sau làm vương phi vua Tần-bà-sa-la, cũng là thân mẫu lương y Kỳ-bà. Tứ phần 40, tr. 855c14, T22n1428: Am-bà-la-bà-đề.

²⁶⁵ . Ly-xa: Skt=Pali. Licchavi, chủng tộc Sát-đế-lợi ở thành Tỳ-xá-li (Skt. Vaisù^ali) cũng thuộc bộ tộc Bạt-kỳ.

²⁶⁶ . Ương-già: Skt. Tr^ayastrimīsua, Pali. T^avatimīs^a, trời Đao-lợi, trời Tam thập tam (ba mươi ba).

²⁶⁷ . Nước Xá-di: Là nước Xá-vệ (Xem cht.21, tr 22).

²⁶⁸ . Diêm-phù-đề: Xem cht. 31, tr 360.

²⁶⁹ . Câu-lâu-xá: Skt. Krosua, Pali. kosa, đơn vị thước đo thời cổ đại Ấn Độ. Phiên âm khác: Câu-lâu-xa, câu-lô-xá, dịch nghĩa là âm thanh, tiếng kêu, tức là tiếng rống trâu lớn hay âm hưởng tiếng trống vang dội. Cách tính thước đo của câu-lô-xá cũng chưa nhất định:

A. Theo luận Đại Tỳ-bà-sa q.136, Hữu độ Tỳ-nại-da q.21, Luận tạp A-tỳ-đàm-tâm q.1, Câu-xá q.12, Đại Đường Tây-vực ký q.2... ghi: Chiều dài một câu-lô-xá bằng 500 cung (Cung: Skt. dhanya, Pali. dhanu. Theo cung pháp nước Già-ma-lê, 1 cung= 7 khuỷu. 7 cảnh-mạch‘Skt: yav^a’= 1 chỉ-tiết ‘Skt.anguliparava’, 24 chỉ-tiết= 1 khuỷu‘Skt.hasta’= 18 inches, tức khoảng 44cm10). Tứ phần luật san bồ tùy cơ yết-ma số, q.1 ghi: 1 cung= 4 khuỷu tay, 1 khuỷu tay= 1 thước 8, nên 1 câu-lô-xá= 3600 thước. Phương quảng trang nghiêm q.4: 1000 cung= 1 câu-lô-xá. Tăng kỳ q.8, q.9: 2000 cung = 1 câu-lô-xá.

B. Có hai cách tính một câu-lô-xá: bằng 4000 khuỷu tức khoảng 1800 m, hoặc bằng 8000 khuỷu tức khoảng 3600 m. Đây nói theo cách tính thứ nhất. (Yết-ma yếu chỉ ‘Karmavacan^abindus^ara’)

²⁷⁰ . Ma Ba-tuần: Xem cth. 4, tr 5.

²⁷¹ . Chương 6: Pháp giày dép (Pali. Cammakkhanda).

²⁷² . Núi Ba-lâu-đa: Tứ phần 39, tr. 845b, T22n1428, núi Câu-lưu-hoan-hỷ (Trong các kinh điển bản Hán đều dịch: tinh xá Câu-la-la-tra ‘Skt. Kuraraghara-pap^ata-parvata, Pali. Kuraraghara-pap^ata-pabbata’).

²⁷³ . Nước A-thấp-a-vân-đầu: Tứ phần 39, nước A-bàn-đề (Skt=Pali. Avanti, một trong 16 nước lớn thời đức Phật).

²⁷⁴ . Nước Ương-già: Skt=Pali. Anga, một trong 16 vương quốc lớn thời đức Phật, vị trí nằm phía Đông nước Ma-kiệt-đà. Thành Chiêm-bà(bà) (Sk=Pali. Camp^a) là thủ phủ nước này.

²⁷⁵ . Thành Chiêm-bà: Một trong 6 đô thành trứ danh ở Ấn Độ thời Phật tại thế (Xem cht. 4 trên).

²⁷⁶ . Ma-ni: Skt. manī, là từ chỉ cho ngọc nói chung. Theo truyền thuyết loại ngọc này có thể tiêu trừ tai nạn, tật bệnh và thanh lọc nước bẩn.

²⁷⁷ . Rừng Thi-đà: Skt. SÙtavana, Pali. Sītavan, hay gọi Hàn-lâm (Vì khu rừng này người dân làm nơi vớt bỏ tử thi nên âm u lạnh lẽo), vị trí phía Bắc thành Vương-xá nước Ma-kiệt-đà.

²⁷⁸ . Chương 7: Pháp về thuốc thang (Pali. Bhesajjakkhandhaka). Chương 8: Pháp Thọ thực (Pali. Bhojanakkhandhaka).

²⁷⁹ . Trồng giả Tỳ-lan-nhã: Xem chuyện Duyên khởi giới thứ nhất.

²⁸⁰ . Ni-kiền: Xem cht. 54, tr 379.

²⁸¹ . Bích-chi Phật: Skt. Pratyekabuddha, Pali. Paccekabuddha, dịch là Duyên giác hay Độc giác.

²⁸² . Trời Tha Hoá Tự Tại: Skt. Para-nirmita-vasua-vartin, Pali. Para-nimmita-vasa-vattin, là cõi trời thứ 6 trong 6 cõi trời của Dục giới.

²⁸³ . Phần 4, Chương 1: Pháp diệt tránh (Pali. Samathakkhandhaka)

²⁸⁴ . Hiện tiền Tỳ-ni: Pali. Sammukh^avinaya, nguyên tắc hiện tiền để giải quyết sự tranh cãi gồm năm yếu tố: Pháp, Luật, Tăng, Nhân (đương sự) và cương giới.

²⁸⁵ . Ưc niệm Tỳ-ni: Xem cht.14, tr. 71.

²⁸⁶ . Bất si Tỳ-ni: Pali. Amñli^havinaya, tức người phạm giới trong lúc thần kinh bị bán loạn thì Tăng miễn thứ, nghĩa là không bị Tăng kết tội xử trị mà Tăng chỉ tác pháp yết-ma để xác định vị ấy bị cuồng si, miễn trừ cho vị ấy khỏi dự nghe thuyết giới và các tăng sự khác.

²⁸⁷ . Pháp tự ngôn: Xem cht. 13, tr 69.

²⁸⁸ . Pháp Đa nhân ngữ: Pali. Yebhu^yyasik^a, nguyên tắc đưa lại sự hoà giải dựa vào ý kiến của đa số. Nguyên tắc này được thực hiện bằng cách bỏ phiếu, trưng cầu Tỳ-kheo ý.

²⁸⁹ . Pháp thảo phú địa: Pali. Tini^avatt^hraka, nghĩa đen là rải cỏ để che lấp đất đá bùn lầy. Nguyên tắc này là sám hối tập thể để hóa giải mọi mâu thuẫn trong Tăng. Tức toàn thể Tăng trong cùng trú xứ đều phạm tội, không còn sót lại Tỳ-kheo thanh tịnh nào để làm tác chủ thọ sám. Trong sám hối tập thể này chỉ nêu tổng chung:“ Chúng ta đều phạm nhiều tội”, chứ không nêu rõ tội danh từng thiên, từng người, như sự rải cỏ che lấp tất cả không phân biệt một thứ nào.

²⁹⁰ . Pháp bốn ngôn trị: Pali. Tassap^apiyyasik^a, còn gọi là mích tội tương Tỳ-ni, tội xử sở Tỳ-ni, nghĩa đen là thăm tra bản chất tội phạm; tức là khi Tăng xét hỏi mà Tỳ-kheo phạm tội không xác nhận tội mình phạm thì Tăng tiến hành nguyên tắc này. Tỳ-kheo bị tội xử sở Tỳ-ni thì không được độ người xuất gia, giáo thọ Tỳ-kheo ni, làm y chỉ.....

²⁹¹ . Ác thuyết: Skt. durbh^asiita, Pali. dubbhasita, một trong thất tụ (xem cht. 22, tr 23).

²⁹² . Chương 2: Pháp yết-ma (Pali. Kammakkhandha)

-
- ²⁹³ . Nước Ca-di: Cũng là nước Ca-thi (xem cht. 32, tr 89).
- ²⁹⁴ . Nước Chiêm-bà: Xem cht. 5, tr 428.
- ²⁹⁵ . Sông Hằng: Pali. Gang^a, một trong bốn con sông lớn ở Ấn Độ.
- ²⁹⁶ . Tác pháp hạ ý: Xem cht. 11, tr 182.
- ²⁹⁷ . Rừng Am-ma-lặc: Skt. m^atiaka-vana, Pali. Amb^alia-vana, Ambavana, hay gọi rừng Am-la, cách thành Xá-vệ 30 do-tuần.
- ²⁹⁸ . Hồ-ma: Skt. atasⁱ, tên khoa học: Gaertnera racemosa. Cây hồ-ma sinh trưởng ở Ấn Độ, hạt dùng chế dầu ăn, dầu tóc.
- ²⁹⁹ . Phần 5, Chương 1: Pháp phá Tăng (Pali. Samīghabhedakkhandhaka).
- ³⁰⁰ . Bốn người bạn của Đề-bà-đạt-đa: Pali. 1.Kok^alika, 2.Katīamorakatissaka, 3.Khanīdiadeviy^aputta, 4.Samuddadatta. Các bộ phái phiên âm khác nhau: Căn bản 14, tr.701c8, T23n1442: 1. Cô-ca-lý-ca, 2. Khiên-đề-đạt-phiêu, 3. Yết-tra-mô-lạc-ca-đề-sái, 4.Tam-một-đạt-la-đạt-đa. Tứ phần 4, tr. 594a3, T22n1428: 1.Tam-văn-đạt-đa, 2. Khiên-trà-đạt-ba, 3. Cấu-bà-ly, 4. Ca-lưu-la-đề-xá. Thiện kiến 13, tr.768b26, T24n1462: 1. Câu-ca-lị-ca, 2. Nhất-thát-vô-ca-lị, 3. Khiên-đà-tỳ-da-tử, 4. Bà-vật-đà.
- ³⁰¹ . Chỗ không nhàn: Hán“ không nhàn xứ”, cũng gọi là a-luyện-nhã (Skt. Araniya), là một nơi yên tĩnh thích hợp cho Tăng sĩ tu hành, cách làng xóm khoảng 300 đến 600 dặm.(xem thêm cht. 20, tr 21).
- ³⁰² . A-phù: Skt. arbuda, Pali. abbuda, phiên âm khác: A-phù-đà: Địa ngục lạnh
- ³⁰³ . Ni-la: Skt. Nirarbuda, Pali. Nirabbuda, phiên âm khác: Ni-la-phù, cũng là địa ngục lạnh.
- ³⁰⁴ . Chương 2: Pháp ngoại cụ (Pali. Sen^asanakkhandhaka).
- ³⁰⁵ . Át-bệ: Skt. Asūvajit, Pali. Assaji, hay gọi là A-thấp-bà, A-thuyết-thị... dịch Mã thắng, Mã tinh. Cách gọi tôn kính “ Tôn giả Chánh nguyện”. Một trong năm Tỳ-kheo.
- ³⁰⁶ . Kỳ thọ Cấp-cô-độc viên: Xem cht. 3, tr 48.
- ³⁰⁷ . Tu-đạt-đa: Skt=Pali. Sudatta, tên của trưởng giả Cấp-cô-độc (Skt=Pali. An^athapinīdiika)
- ³⁰⁸ . Kỳ-lâm đồng tử: Pali. Jeta-kum^ara, là thái tử Kỳ-đà con vua Ba-tư-nặc (Skt. Prasenajit).
- ³⁰⁹ . Tụ lạc Na-la: Skt. N^adiakantha, Pali. N^odika, thuộc thôn của bộ tộc Tỳ-đề-ca (Skt. Videha), gần rừng Nguu giác Bà-la (Skt. Gosingas^ala vanad^aya), phía Bắc bộ Ấn Độ.
- ³¹⁰ . Chương 3: Pháp tạp (Pali. Khuddakavatthukkhandhaka).
- ³¹¹ . Diêm-phù-đàn: Vàng Diêm-phù-đàn (xem cht. 19, tr 149).
- ³¹² . Chương 4: Pháp oai nghi (Pali. Iriy^akkhandhaka).
- ³¹³ . Chương 5: Pháp ngăn Bỏ-tát.

-
- ³¹⁴ . Chương 7: Pháp Điều phục (Lược Chương 6: Pháp Biệt trụ).
- ³¹⁵ . Chương 8: Pháp Tỳ-kheo ni (Pali. Bhikkhunikkhandhaka)
- ³¹⁶ . Ni-câu-loại: Xem cht. 59, tr 39.
- ³¹⁷ . Hoa Chiêm-bà: Skt. campaka, hoa Chiêm-bạc..., dịch là hoa Kim sắc (sắc vàng). Loại hoa này có thể chế thuốc hay nước hương.
- ³¹⁸ . Hoa Bà-sur: Skt. v^{ar}sūika, Pali. Vassikam^ala, dịch là hoa Vũ thời (hoa nở vào mùa mưa), hoa Hạ chí (hoa sinh trưởng vào mùa Hạ). Loại hoa này có mùi hương tỏa rất xa.
- ³¹⁹ . Hoa Ưu-bát-la: Xem cht. 3, tr 405.
- ³²⁰ . Hoa A-đề-mục-đa-già: Skt. Atimuktaka, Pali. Atimuttakam^ala, dịch là hoa Long thi. Hoa sắc trắng hay đỏ, hạt có thể ép dầu.
- ³²¹ . Chương 9: Pháp Ngũ bách tập (Pali. Paficasatikakkhandhaka)
- ³²² . Nước Ba-tuần: Pali. P^av^a, nước Ba-câu, Bà-bà. Thiện kiến 1, tr. 673b, T24n1462: Nước Diệp-ba.
- ³²³ . Thành Câu-di: Skt. Kusūinagara, Pali. Kusin^ar^a, dịch là thành “cỏ kiết tường”, vị trí trong nước Mạt-la (Skt. Malla).
- ³²⁴ . Thiện kiến 1, tr. 673c02: Tỳ-kheo Tu-bạt-đà-la-ma-ha-la (Pali. Subhaddamahallaka). Nam truyền Luật tạng 4, chương 11, Kiền-độ Ngũ bách kết tập (Pali. panōcasatikakkhandhaka), tr 381: Trong chúng có một lão niên xuất gia tên Tu-bạt-đà-la.
- ³²⁵ . Pali. Sekha sakaraniīya, địa vị hữu học.
- ³²⁶ . Tu-đa-la: Skt. Sūtra, Pali. Sutta, dịch Khế Kinh, Kinh, nghĩa đen: sợi chỉ khâu vòng hoa. Ý nói Phật giáo có phép khâu lõi pháp nghĩa, không để rời rạc, tan tác.
- ³²⁷ . Kinh Tăng Thập: (kinh Thập thượng ‘Dasuttara-Suttanta’) Trường A-hàm thập báo pháp kinh (T1n13, tr.233).
- ³²⁸ . Kinh Tăng Kỳ-đà: Pali. Samīgīti, Kết tập kinh.
- ³²⁹ . Kinh Sa-môn quả: Pali. S^amanōnōa-phala sutta, Phật thuyết Trường A-hàm kinh 17 (T1n01, tr.107a).
- ³³⁰ . Kinh Sa-môn quả: Pali. S^amanōnōa-phala sutta, Phật thuyết Trường A-hàm kinh 17 (T1n01, tr.107a).
- ³³¹ . Kinh Phạm động: Pali. Brahmaj^ala-sutta, Phật thuyết Trường A-hàm kinh 40 (T1n01, tr.88).
- ³³² . Xá-lợi: Skt. sūarīra, Pali. sarīra, là chỉ chung cho những gì còn sót lại sau khi trà tỳ (Skt.jh^apeti) thân Phật. Từ này về sau cũng chỉ cho những vị Cao Tăng sau khi hoả thiêu, để lại di cốt, tro thân. Kim quang minh kinh 4, tr. 354a15, T16n663:“Xá-lợi là do sự huân tu của Giới Định Tuệ, là phước điền tối thượng, khó có thể mà được”.

³³³ . Phạm-đàn: Skt. Brahma-danīdīa, Pali. Brahmamanīdīa, Mặc tẫn. Hành sự sao Tư trì ký:“ Phạm-đàn, có sách nói rằng: ở trước cung Phạm vương có dựng một cái đàn, thiên chúng nào không theo đúng phép thì bắt đứng trên đàn đó, mọi người không được qua lại trò chuyện”.

³³⁴ . Chương 10: Pháp Thất bách kết tập (Pali. Sattasatikakkhandhaka).

³³⁵ . Thiện kiến 1, tr. 67716, T24n1462: 1. Diêm tịnh (Pali: kappati Singilonīakappo). Tứ phần 54, tr. 968c22, T22n1428: 7. Được ngủ cùng muối (Tứ phần 54, tr 970a19: được cùng ngủ với muối, là dùng muối nếm trong thức ăn rồi ăn).

³³⁶ . Thiện kiến: 2. Nhị chỉ tịnh (Pali: kappati dvangulakappo). Tứ phần tr. 968c20: 1. Dùng hai ngón tay lấy thức ăn (Tứ phần 54, tr. 969c19:... ăn đủ rồi, xả oai nghi không làm pháp dư thực, được dùng hai ngón tay lấy thức ăn để ăn). Phần lớn về sau các bộ luật giải đều giải thích điều này khác hẳn. Phật quang Đại từ điển, tr. 442, giải thích điều 2:“ Nhị chỉ tịnh”, từ lúc mặt trời đứng ngọ cho đến lúc bóng xế hai ngón tay vẫn có thể ăn được(mà không phạm luật).

³³⁷ . Thiện kiến: 4. Trú xứ tịnh (Pali: kappati ^av^asakappo). Tứ phần 54, tr. 968c20: 3. Được trong chùa (Tứ phần 54, tr.969c29: nghĩa là ở trong chùa được biệt chúng yết-ma).

³³⁸ . Thiện kiến: 3. Tụ lạc gian tịnh (giữa hai làng xóm) (Pali: kappati g^amantarakappa. Tứ phần 54, tr.968c21: 2. Giữa hai thôn [Tứ phần 54, tr. 969c24: ăn đủ rồi, xả oai nghi không làm pháp dư thực, ở giữa hai thôn (trước giờ ngọ qua làng khác) được ăn].

³³⁹ . Thiện kiến: 7. Sinh hòa hợp tịnh (Pali: kappati amathitakappo). Tứ phần 54, tr. 968c21: 6. Được hòa (Tứ phần 54, tr. 970a14: ăn đủ rồi, xả oai nghi, dùng tô, du, mật, sanh tô, thạch mật hoà chung lại được ăn).

⁷ Thiện kiến: 8. Thuỷ tịnh (Pali: kappati Jalogi p^atumī). Tứ phần 54, tr. 968c22: 8. Được uống rượu Xà-lâu-la (vì bệnh hoạn có thể dùng rượu mạnh hoà với đường và nước nóng).

³⁴⁰ . Thiện kiến: 8. Thuỷ tịnh (Pali: kappati Jalogi p^atumī). Tứ phần 54, tr. 968c22: 8. Được uống rượu Xà-lâu-la (vì bệnh hoạn có thể dùng rượu mạnh hoà với đường và nước nóng).

³⁴¹ . Thiện kiến: 9. Bất ích lữ ni-sur-đàn tịnh (tọa cụ không có viền xung quanh) (Pali: kappati adasaka nisīdanamī). Tứ phần 54, tr. 968c22: 9. Được chứa tọa cụ không cắt rọc (tọa cụ không có viền xung quanh thì có thể dùng quá khuôn khổ đã định).

³⁴² . Thiện kiến: 6. Cửu trú tịnh (Pali: kappati ^acinīniakappo). Tứ phần 54, tr. 968c21: 5. Được thường pháp (Tứ phần 54, tr.970a07: là việc này làm như vậy, nói như vậy, xưa nay làm như vậy).

³⁴³ . Thiện kiến: 5. Tùy ý tịnh (Pali: kappati anumatikappo). Tứ phần 54, tr. 968c21: 4. Sau cho phép có thể (Tứ phần 54, tr. 970a03: là tại nội giới biệt chúng yết-ma rồi cho phép có thể).

³⁴⁴ . Thiện kiến: 10. Kim ngân tịnh (Pali: kappati j^atar^ñparajatami). Tứ phần 54, tr. 968c23: 10. Được nhận vàng bạc.

³⁴⁵ . Vườn Kỳ-vực Am-la: Pali. Jⁱvakambavana, Kỳ-bà Am-la.

³⁴⁶ . Nước Ba-tuần: Xem cht. 2, tr. 524.

³⁴⁷ . Ấp Ba-lợi: Pali. P^atⁱheyy^a.

³⁴⁸ . Ấp A-lạp-bệ: Pali. ^llavⁱ, cũng là ấp A-trà-bệ (xem cht. 4, tr. 53).

³⁴⁹ . Trưởng lão Tam-phù-đà: Pali. Sambh^ñta, Skt. Sambh^ñta S^aniav^asi, Tam-phù-đà
Thương-na-hòa-tu.

³⁵⁰ . Núi A-hô: Skt=Pali. Ahogang^a, hay gọi núi A-hô-hăng-hà.

³⁵¹ . Trọn bộ ngũ phần